VIÊN GIÁC

SỐ NR 180

TẠP CHÍ CỦA KIỀU BÀO VÀ PHẬT TỬ VIỆT NAM TỴ NẠN TẠI CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC

Zeitschrift der Vietnamesen und Buddhistischen Vietnamflüchtlinge in der Bundesrepublik Deutschland

PL. 2.554 NĂM THỨ 32 - THÁNG 12 NĂM 2010; JAHRGANG 32. Dezember 2010 - AUSGABE IN VIETNAMESISCH

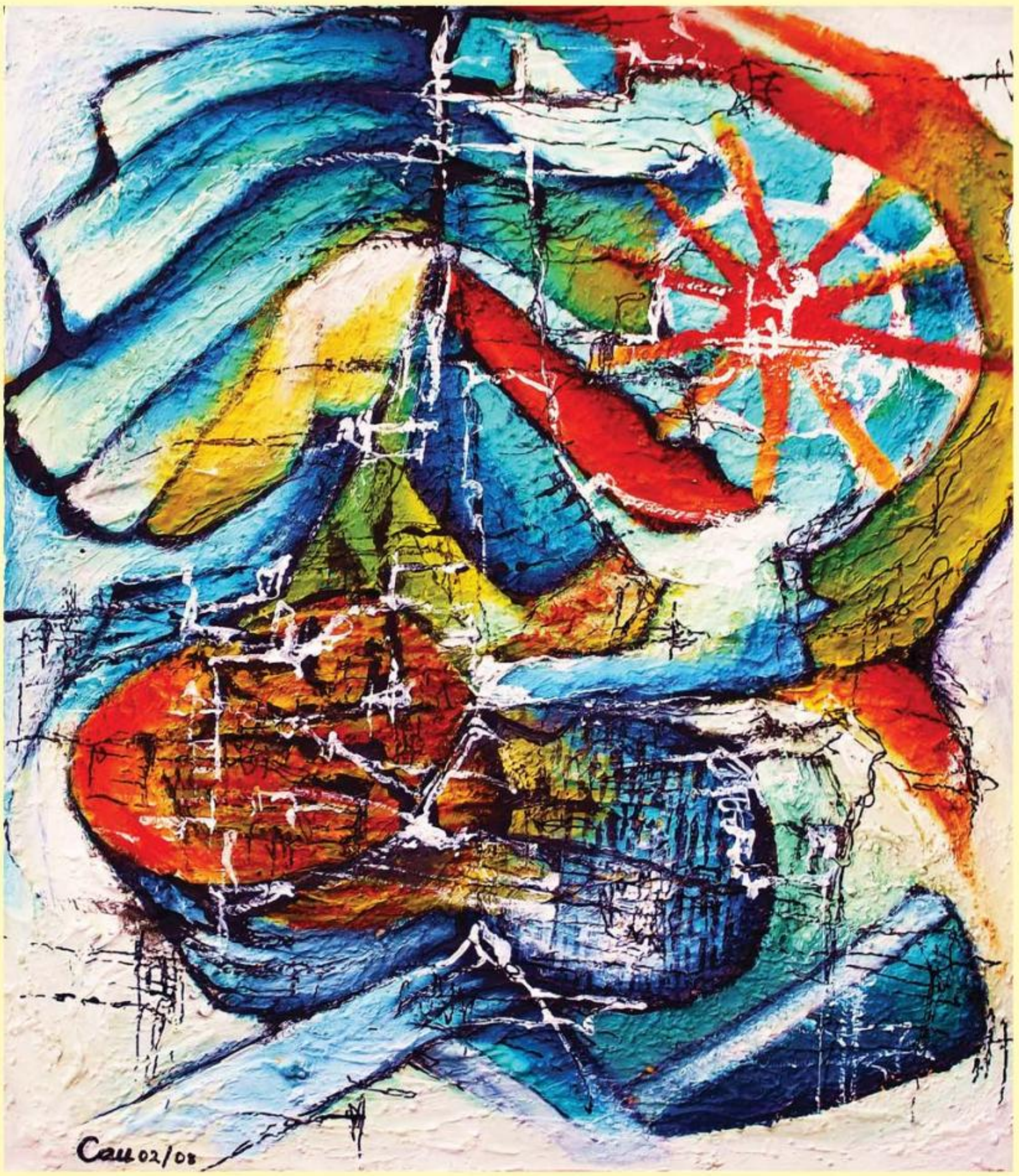

Tân Mão 2011

https://tieulun.hopto.org

https://tieulun.hopto.org

Một năm nhìn lại

Thông thường các báo chí ở trong cũng như ngoài nước, xưa cũng như nay, cứ đến cuối năm Dương lịch và Âm lịch là hay làm một sự thống kê về những sự kiện trong năm đã xảy ra có liên quan về xã hội, lịch sử, chính trị, văn hóa, giáo dục, y tế, ngoại giao v.v... Riêng tờ báo Viên Giác đã có mặt với quý độc giả xa gần ở khắp nơi trên thế giới suốt trong thời gian 32 năm qua, chỉ xin tổng kết một số điểm chính như sau:

Về sinh hoạt nội bộ: Mặc dầu Chư Tăng Ni của chùa Viên Giác trong năm 2010 không đông đúc tu học như 10 năm trước đây nữa; nhưng mỗi ngày số Chúng thường trụ không dưới 10 người tu học và vẫn luôn hành trì mỗi ngày từ 3 đến 4 thời tụng kinh, niệm Phật cũng như các thời công phu sáng, chiều hai buổi, vẫn đều đặn như mấy chục năm qua. Cứ mỗi 2 tuần vào ngày chủ nhật thứ nhất và chủ nhật thứ 3 trong tháng, tại chùa đều có lễ Phật định kỳ cho Phật Tử tại địa phương và sinh hoạt của Gia Đình Phật Tử Tâm Minh.

Trong mùa An Cư Kiết Hạ năm nay tuy không có nhiều khách Tăng; nhưng chùa vẫn tổ chức Lễ Quá Đường mỗi ngày là lễ lạy kinh Đại Bát Niết Bàn, mỗi chữ mỗi lạy vào mỗi tối, suốt trong thời gian 3 tháng như vậy, kể từ sau Đại Lễ Phật Đản cho đến Lễ Vu Lan. Đây là truyền thống an cư kiết hạ đã có từ thời Đức Phật và chùa Viên Giác tại Hannover đã hành trì liên tục từ năm 1984 đến nay, trải qua hơn 25 mùa hạ như thế. Đây là cơ duyên để quý Phật Tử gieo duyên, cúng dường lên ba ngôi Tam Bảo và Chư Tăng Ni có cơ hội hành trì miên mật hơn trong những ngày an cư kiết hạ như vậy.

Mỗi tuần 2 lần vào chiều thứ hai và chiều thứ tư, Chúng thường trụ tại chùa Viên Giác vẫn được Hòa Thượng Phương Trượng hướng dẫn luật Tỳ Kheo và Bách Trượng Thanh Quy. Tuy là cái học gia giáo, không đào tạo chánh quy như các Phật Học Viện; nhưng là những bậc thang cần thiết cho người Tăng Sĩ trong giai đoạn hiện đại nầy.

Chung quanh chùa các bức tường đã được sửa sang lại rất quy mô và chắc chắn. Hy vọng trong nhiều chục năm nữa, chùa không phải tu bổ gì nhiều ở phía bên ngoài. Xin niệm ân những Đạo Hữu và quý Phật Tử đã hỗ trợ cho việc tu bổ tường chùa trong thời gian qua.

Trong năm có bốn Đại Lễ. Đó là Tết, Rằm Tháng Giêng, Lễ Phật Đản và Lễ Vu Lan. Số người về chùa tham dự như thế không dưới 5.000 người. Đây là một niềm hỷ lạc vô biên của người con Phật đã thể hiện qua việc đi lễ chùa vào những dịp đại lễ như thế. Đi chùa ngày nay đa phần là giới trẻ. Đây cũng là một dấu hiệu đáng mừng cho Phật Giáo tại Đức ngày nay và mai hậu.

Trong năm, tại chùa vẫn có những khóa tu học cho Gia Đình Phật Tử, Hội Phật Tử, quý Đạo Hữu lớn tuổi vào các ngày Lễ Phục Sinh, Thăng Thiên, khóa Tu Gieo Duyên, khóa tu vào cuối năm Dương Lịch. Mỗi lần như thế, con số lên đến 300 hay 400 người, tu học suốt 4 ngày cho đến 1 tuần lễ tại chùa. Đây là những thành quả tinh thần mà ai là người Phật Tử luôn cần nên quan tâm đến.

Tờ báo Viên Giác tính cho đến nay đã trải qua 32 mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông và đã có mặt khắp 38 quốc gia trên thế giới. Mỗi năm xuất bản 6 số. Mỗi lần hơn 5.000 tờ. Trong số nầy có 1.000 tờ gởi biếu đến các Chùa Viện, các Tổ Chức, Hội Đoàn. Số còn lại 4.000 là do sự đóng góp tự nguyện của quý độc giả để tờ báo còn được tồn tại. Mỗi người đóng góp từ 20 đến 30 Euro mỗi năm như thế; tổng cộng được gần 100.000 Euro cho mỗi năm. Giữa chi và thu luôn cân bằng là nhờ vào sự đóng góp đều tay của quý vị. Kính xin quý Đạo Hữu và quý Phật Tử luôn luôn hỗ trợ cho tiếng nói của người Phật Tử Việt Nam tại Đức vẫn còn tồn tại mãi với thời gian như thế.

Xin niệm ân tất cả những cộng tác viên thường xuyên và thiện nguyện của báo Viên Giác. Có nhiều tác giả và dịch giả đã đóng góp bài vở liên tục cho báo Viên Giác trong suốt nhiều năm qua;

https://tieulun.hopto.org

nhưng chưa bao giờ nhận tiền thù lao và tem thư cả. Ngược lại còn gởi tịnh tài về ủng hộ báo Viên Giác nữa. Xin cảm ơn tất cả những văn, thi hữu xa gần đã hỗ trợ như vậy.

Khâu văn phòng như đánh máy, Layout, in ấn, gởi đi và kiểm soát bài vở từ vị Chủ Bút cho đến các nhân viên thiện nguyện suốt một chiều dài như vậy, phải thâm tạ ơn đức của quý Đạo Hữu và Phật Tử đã hiện diện thường trực mỗi ngày tại văn phòng của chùa để thực hiện những công việc tỉ mỉ như vậy.

Trang Điện Tử của chùa Viên Giác và Tu Viện Viên Đức đã có hơn 5 triệu lần người vào truy cập chỉ trong 2 năm qua. Quả là con số đáng khích lệ. Vì người vào xem, nghe băng giảng không nhất thiết là những người đang định cư tại Đức, mà là những người có mặt khắp nơi trên thế giới. Cứ 5 phút như thế, nhiều khi có cả hằng ngàn người vào xem Trang Điện Tử của chùa Viên Giác. Đây là lối hoằng pháp mới có nhiều hiệu quả mà khoa học, kỹ thuật đã mang lại cho con người.

Về đối ngoại: Năm nay Chi Bộ Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại Đức cũng như Hội Phật Tử Việt Nam Tỵ Nạn tại Đức trực và gián tiếp nhận 2 công việc tương đối khá nặng nề. Đó là tổ chức Khóa Tu Học Phật Pháp Âu Châu kỳ thứ 22 tại Neuss cũng như tổ chức Ngày Hiệp Kỵ Chư Lịch Đại Tổ Sư tại Ravensburg trong tháng 9 năm 2010 vừa qua là những việc đáng ghi nhớ. Tuy tại vùng Ruhrgebiet thuộc Tiểu Bang Nordrhein-Westfalen không có tổ chức cơ chế hạ tầng của Giáo Hội; nhưng qua sự tự nguyện của hằng trăm Phật Tử quanh vùng; khiến cho các khâu tổ chức như trai soạn, vệ sinh, di chuyển v.v... đã gặt hái được nhiều thành quả tốt đẹp qua sự điều động của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu. Đó là 910 học viên đến từ 15 quốc gia tại Âu Châu đã về tham dự, trong đó nước Đức tham gia 300 người.

Bài „***Thiên Thời, Địa Lợi, Nhân Hòa***" có đăng trong số báo Xuân Tân Mão nầy của Hòa Thượng Phương Trượng chùa Viên Giác đã nói lên được tất cả những thành quả của kỳ Đại Hội vừa qua tại Tu Viện Viên Đức ở Ravensburg, mà trước đó, ai trong chúng ta, những người Phật Tử quan tâm đến vấn đề sinh hoạt Phật Giáo tại xứ Đức nầy cũng không khỏi lo lắng.

Một chút tư duy về vấn đề hoằng pháp tại xứ người thì chúng ta thấy Phật Giáo đang trên đà phát triển mạnh. Không phải chỉ cho người Việt mà người Đức cũng đang tăng dần và các nước Phật Giáo Á Châu cũng đang quan tâm đến sinh hoạt của Phật Giáo chúng ta tại xứ người. Bằng chứng là Hội Đồng Tăng Già nước Tích Lan trong tháng 7 năm 2010 vừa qua đã vinh danh những nhà tu Phật Giáo đã và đang hành đạo khắp nơi tại Âu, Á, Úc, Mỹ; trong đó có Hòa Thượng Thích Minh Tâm và Hòa Thượng Thích Như Điển. Giải „*Honorary Degrees for Foreingners*" sẽ do chính phủ Tích Lan gồm những Bộ Trưởng và Hội Đồng Trưởng Lão Tăng Già Tích Lan sẽ chính thức trao cho nhị vị Hòa Thượng vào đầu tháng 7 năm 2011 tại thủ đô Colombo, Tích Lan. Các Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu sẽ cử phái đoàn về tham dự lễ trao bằng danh dự hoằng pháp nầy. Đây là thành tích cao nhất trong lãnh vực tinh thần của Phật Giáo Tích Lan và ngoại quốc.

Bởi vậy nhiều người Đức nói rằng: „*Die Buddhalehre ist weder opptimistisch noch pepsimistisch, sondern realistisch*". Nghĩa là: „Giáo lý của Đức Phật không những chẳng cực đoan và thụ động, mà đó là sự thực tế". Vậy sự thực tế đó là gì? – Đó là thực hành theo 37 Phẩm Trợ Đạo cho đời sống tâm linh của mỗi con người, thì không lo gì chư Bồ Tát và chư Phật sẽ luôn vẫn gia hộ độ trì vậy.

Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Liên Châu gồm: Canada, Hoa Kỳ, Úc Châu và Âu Châu, qua kỳ Đại Hội vừa rồi thâm tình càng gắn bó nhiều hơn nữa. Thầy, trò, huynh, đệ, tỷ, muội càng sát cánh với nhau nhiều hơn để củng cố Tăng Đoàn và là điểm tựa cho quý Phật Tử có chỗ để nương nhờ. Đây là những tổ chức công ích, tôn giáo, từ thiện, xã hội; chúng ta sẽ không cho bất cứ một tổ chức chính trị nào ở trong cũng như ngoài nước len lỏi vào để khuấy động nội bộ của Giáo Hội. Vì lẽ chính trị thì chỉ có thời gian; còn tôn giáo vẫn luôn tồn tại với thời gian và năm tháng. Các Giáo Hội tại các châu vẫn luôn luôn ủng hộ lập trường đấu tranh của Đại Lão Hòa Thượng Thích Quảng Độ đối với chính quyền Cộng Sản Việt Nam trong hiện tại. Vì căn bản của chính quyền nầy vẫn không tôn trọng hai chữ Tự Do. Trong đó có Tự Do Tôn Giáo.

Kính chúc quý độc giả báo Viên Giác có một năm mới Dương Lịch 2011 an lành và chào đón Xuân Tân Mão với nhiều ý nghĩa vậy.

• **Ban Biên Tập Báo Viên Giác**

https://tieulun.hopto.org

Tôn Giáo

Vài nét về nền y tế và tình trạng sức khỏe của dân chúng ở Tây Tạng

Nguyên tác:
Bác Sĩ Regolo Moise

Phỏng dịch:
HT. Thích Trí Chơn

Trích tác phẩm
„Cuộc Du Hành Sang Lhasa"
của Giuseppe Tucci

(Tiếp theo và hết)

Dân số dường như phát triển hơi chậm. Có nhiều nguyên nhân. Trước hết, vì ảnh hưởng khi hậu và độ cao nên sức sinh sản của người dân thấp. Hơn nữa vì số tử vong của trẻ nít sơ sinh khá nhiều và ảnh hưởng của đời sống Tăng sĩ (hơn nửa nam giới dân số Tây Tạng vào tu trong chùa). Lý do khác là bởi dịch đậu mùa, bệnh hoa liễu và bướu cổ.

Những tài liệu dưới đây, một phần do kết quả nghiên cứu riêng cá nhân của chúng tôi, còn phần khác nhờ các Y sĩ địa phương, ông Rai Sabib Bo Tsering ở Gyantse và Rai Sahib Tonyot Tsering tại Yatung cung cấp. Cả hai ông đã từng làm việc nhiều thập niên qua ở Tây Tạng. Một số dữ kiện chi tiết tôi nhận được từ Thiếu tá J. Guthrie ở Gyantse ngay vào lúc ông chuẩn bị rời Tây Tạng sau nhiều năm phục vụ tại Lhasa. Ngoài ra, tôi cũng có xem qua hồ sơ bịnh nhân ở các bệnh viện và so sánh những sự kiện đó với kết quả kinh nghiệm chữa trị cho nhiều bịnh nhân của chúng tôi.

Nhằm đáp ứng nhu cầu y tế của dân chúng địa phương, tôi thường mang theo một số thuốc men cần thiết để chữa các bịnh thông thường như thuốc sát trùng đường ruột, bệnh thấp, thuốc trụ sinh, thuốc bổ sinh tố và một ít đồ dùng chăm sóc bịnh nhân. Tôi cũng đem theo một kính hiển vi loại nhỏ, vài dụng cụ nhà thương, giải phẫu và y tế chuyên môn khác.

Chúng tôi chăm sóc một số đông dân chúng thuộc nhiều khu vực lớn rộng khác. Người dân quê khắp nơi đều muốn đến nhờ tôi khám bệnh. Phần đông họ mắc chứng bịnh nhiễm trùng hoặc gây nên do các ký sinh trùng. Nguy hiểm nhất là dịch đậu mùa. Bệnh đậu mùa đã xuất hiện ở Tây Tạng từ thời xa xưa, và tái phát nhiều lần, gây thiệt hại lớn cho dân chúng. Năm 1900 dịch đậu mùa đã xảy ra, khiến cho riêng tại Lhasa có đến 6.000 người tử vong. Lúc bấy giờ Đức Đạt Lai Lạt Ma cũng bị ảnh hưởng. Và kết quả là một số đông dân chúng ở đây đều có khuôn mặt rỗ.

Vào cuối thế kỷ thứ 18, vua Trung Quốc ra chỉ thị dựng ngay giữa chợ Lhasa một tấm bia bằng đá khắc hai thứ tiếng Trung Hoa và Tây Tạng, khuyến cáo chính quyền địa nên kiểm soát chặt chẽ và cách ly những người mắc bịnh đậu mùa. Ngay cả hiện giờ số người được chích thuốc ngừa cũng chỉ có độ vài trăm hay vài ngàn và đặc biệt giới hạn ở một số địa phương, những nơi mà dân chúng có thể tiếp nhận sự giúp đỡ của nền Y học Tây phương.

Mặc dù các sách văn chương và sử học Tây Tạng không thấy ghi chép nói về bịnh dịch đã xảy ra vào thời xa xưa, nhưng qua tài liệu khảo cứu y học lại xác nhận Tây Tạng là nơi phát sinh nhiều dịch bịnh. Tôi được biết bịnh thương hàn và sốt rét đã xuất hiện ở Lhasa và được chứng thực bởi trường Nghiên Cứu các Bệnh Nhiệt Đới (Tropical School) tại Calcutta (Ấn Độ).

Tôi cũng nghe nói đến tình trạng nhiễm trùng do chí rận gây ra ở các tu viện Phật Giáo gần thủ đô Lhasa, nhưng bằng chứng cụ thể thì chưa thấy. Các bệnh ho gà và bạch hầu (diphtheria) không có, còn bịnh cúm cũng ít xảy ra. Bịnh viêm phổi (Pneumonia) rất hiếm, ở Yatung quanh năm chỉ có hai người mắc phải. Tại Gyantse, trong số 12.000 (mười hai nghìn) bịnh nhân chỉ có 40 người bị viêm phổi, theo các y sĩ, ít thấy xuất hiện tại xứ này. Bịnh đau xương và khớp như viêm xương ngón tay (Spina Ventosa) thỉnh thoảng chư Tăng mắc phải do tình trạng sống thiếu vệ sinh trong chùa.

Mặc dù dân chúng sống chung đụng gần gũi với đủ loại súc vật, nhất là cừu mà lông của nó dùng làm len để xuất cảng là nguồn lợi chính yếu của quốc gia, nhưng vẫn không thấy ai mắc bệnh mụt nhọt ở da đầu (Carbuncle). Tại Lhasa, tôi được báo cáo vài trường hợp có chó dại, nhưng ở Yatung và Gyantse chưa bao giờ nghe các Y sĩ nói đến sự kiện đó, mặc dù tôi biết có số đông người bị cho điên cần được chữa trị tại các nhà thương. Đúng vậy, khắp xứ Tây Tạng người ta thấy những con chó dại chạy lạc thường kéo nhau đi từng bầy ngoài đường.

Đa số bịnh nhân thích lên thủ đô Lhasa để chữa trị, lý do vì họ tin rằng tại đây có nhiều Y sĩ chuyên môn giỏi hơn các nơi khác. Thêm nữa, Lhasa là thị trấn rộng lớn đông dân nhất. Thành phố này còn là tụ điểm gặp gỡ của những đoàn người du mục cũng như khách hành hương đến từ các vùng xa xôi nhất của Tây Tạng và các nước Trung Á.

Tôi nhận thấy ở Lhasa, đặc biệt vào mùa hè có vài người mắc bịnh thương hàn và phó thương hàn (Paratyphoid Fever). Trường hợp bịnh cùi cũng thấy xuất hiện và những người cùi hủi này thường hay đến xin ăn trước cổng các ngôi chùa lớn. Tại Gyantse, tài liệu ở các nhà thương cho biết có người mắc bịnh kiết lỵ, còn bịnh giun sán thì rất phổ thông. Khảo sát qua kính hiển vi, tôi

https://tieulun.hopto.org

nhận thấy phân của các bịnh nhân thường lẫn lộn nhiều trứng sán lãi, và khám bịnh cho một anh bán hàng rong ở Yatung thì nơi lá gan có một bướu nhỏ lâu rồi mà đến nay ông ta vẫn không cảm thấy đau đớn gì.

Về các bịnh ngoài da thì bệnh ghẻ lở được ghi nhận là rất phổ biến. Ngoài ra còn có các chứng bịnh khác như viêm tai ngoài, tai giữa, viêm mũi và viêm xoang (Sinusitis). Đặc biệt các bệnh về mắt có viêm kết mạc (Conjunstivitis), viêm mí mắt (Blepharitis) và viêm mủ toàn mắt (Panophthaimitis), còn bệnh mắt hột (Trachoma) thì nhiều người mắc phải khắp nơi. Phần đông các y sĩ chú tâm chữa trị bịnh đục thủy tinh thể (Catarack) rất phổ biến ở Tây Tạng và theo hồ sơ báo cáo thì hầu hết các ca mổ của bịnh mắt này đều thành công tốt đẹp. Do kết quả may mắn trên khiến mọi người dân Tây Tạng đều biết ơn và ca tụng sự mầu nhiệm thần bí của nền y học Tây phương.

Tôi không thấy ai mắc bịnh còi xương, nhưng thường chữa trị cho các bệnh nhân viêm màng xương (Periostitis), đau răng và bướu ác tính. Một số người mắc bịnh ung thư bao tử, ung thư gan kèm theo với bịnh vàng da và cổ trướng. Khí hậu quá lạnh và ẩm thấp khiến cho người dân Tây Tạng thường hay mắc các chứng bệnh như thấp khớp, viêm màng trong tim (Endocarditis), viêm khớp (Arthritis), viêm cơ (Myotisis) và viêm dây thần kinh (Neuritis).

Ngoài ra, các chứng bịnh hoa liễu, giang mai, và bịnh lậu du nhập Tây Tạng từ Trung Hoa qua các du khách hành hương và chúng được lây truyền nhanh chóng bởi dân chúng không biết cách đề phòng, ngăn ngừa bịnh tật và nhất là không thể tự kềm chế giao hợp bừa bãi giữa nam nữ. Tôi xin dẫn chứng dưới đây vài con số. Tại Gyantse, chỉ hai năm được biết có 12.000 (mười hai nghìn) bệnh nhân, trong đó bịnh giang mai 608 và lậu 374 người. Tại Yatung trong một năm với con số là 165 và 68. Một y sĩ trong đoàn thanh tra báo cáo chỉ có vài tháng trong năm 1935 với tổng số 1.720 bệnh nhân có 506 người mắc bịnh giang mai và lậu 139.

Thêm nữa, tôi thấy các bịnh sau đây người dân Tây Tạng cũng thường hay mắc phải là viêm tuyến tiền liệt (Prostatitis), viêm bàng quang (Cystitis), viêm buồng trứng (Salpingitis) và viêm kết mạc (Conjunctivitis). Bịnh bướu cổ (Goitre) người ta có thể gặp thấy khắp nơi ở Tây Tạng và xứ Bhutan, ngoại trừ Sikkim (tiểu bang đông bắc Ấn Độ) không có. Rất đông người khổ sở vì căn bịnh này sống ở các thung lũng Hy Mã Lạp Sơn thuộc miền nam thị trấn Yatung. Số người mắc bịnh giảm thiểu cư ngụ tại các vùng đèo núi và sống ở đồng bằng thì tránh khỏi.

Tại Gyantse, một thành phố lớn quan trọng cao trên mặt biển độ 12.000 phít (feet) hiếm thấy người mắc bịnh bướu cổ, nhưng ở Lhasa thì được biết có vài trường hợp xảy ra. Những bệnh nhân cảm thấy ít đau đớn hơn thường cư ngụ dọc theo các thung lũng của quận Tsang Po và nhiều vùng kế cận, đặc biệt ở các làng Samye, Ngari-Tratsang và Oka.

Ngoài bướu cổ, tại các vùng trên, người ta còn mắc chứng bịnh dần độn, kém thông minh (Cretinism) và nhỏ bé ốm còi (Dwarfisness). Những bịnh nhân phần lớn là phụ nữ thuộc giới giàu cũng như nghèo. Chứng đần độn và bướu cổ trở thành căn bịnh địa phương trong khu vực đó đã gây ảnh hưởng tai hại đến tình trạng sức khỏe và sinh hoạt xã hội của dân chúng.

Sự chậm phát triển cả hai mặt thể xác lẫn tinh thần của số cư dân ở vùng này đã hiện rõ nét, khiến cho bất cứ du khách nào đến đây cũng đều nhận thấy. Do vậy mà dân chúng sinh sống ở các vùng trên đã rời bỏ làng mạc, nhiều đám ruộng đã cày xong, nhưng không có ai trồng trọt và trở thành đất hoang.

Về bệnh tâm thần, động kinh (chết giả) và lên cơn điên (Hysteria) tôi thấy thỉnh thoảng cũng có xảy ra, ngay ở các tu viện Phật Giáo. Tôi đã chữa trị cho hai nhà Sư có lần họ quyết định muốn tự tử. Một vị Lạt Ma đã dùng một con dao bén mổ bụng còn vị Tăng kia tự mình cắt cuống họng. Tôi cũng nghe báo cáo một vài nhà Sư ở chùa đã bị cô lập, nếu không khi lên cơn điên, họ có thể lồng lộn chạy đến tấn công, đánh phá các vị Tăng khác ●

Lãng đãng hương mùa xưa

Chùa Bồ Vàng bên dòng sông Như Nguyệt
Mùa Xuân về xanh biếc lá Ngâu non
Sao bỗng nghe nhung nhớ dậy ngợp hồn
Nhìn mưa bụi phất phơ trong chiều vắng
Một chút gì, một chút gì... thầm lặng
Hương mùa xưa lãng đãng... chợt về đầy
Ơi tuổi hồng, tuổi mộng, đã như Mây
Mây lơ đãng xa vời, ơi, mây trắng

Trong khoảng vắng, trong hư không tĩnh lặng
Như Nguyệt, dòng sông bảng lảng trong mơ
Hình ảnh xa xưa khi đậm lúc mờ
Thanh khiết quá sớm bình minh êm ả
Là những sớm tiếng chuông hòa tiếng gió
Lại trở về tản mạn khắp thinh không
Dịu dàng quá, dòng sông, ơi dòng sông
Sông Như Nguyệt, Chùa Bồ Vàng diễm tuyệt

Như mạch sống, như tiếng đời tha thiết
Ơi hương đồng cỏ nội của quê tôi
Chiều tha phương nhìn mây trắng đầy trời
Mây lờ lững, mây bay chiều phố lạ
Gửi nhớ về đâu! giữa dòng đời nôn nả
Hương Hoàng Lan... nhớ quá Chùa Bồ Vàng
Tiếng thơ nào hoài niệm giữa mênh mang
Phải tiếng thơ hay tiếng lòng khách lữ
Ngơ ngẩn đường chiều... thơ trắng như Mây

Bờ bên kia ai nhớ kẻ bên này
Thơ thả gió, chiều mênh mông chiều gió...

• Tuệ Nga

* Chùa Bồ Vàng, sông Như Nguyệt ở Hà Bắc

https://tieulun.hopto.org

Đại học Na Lan Đà
đang hồi sinh từ đống tro tàn

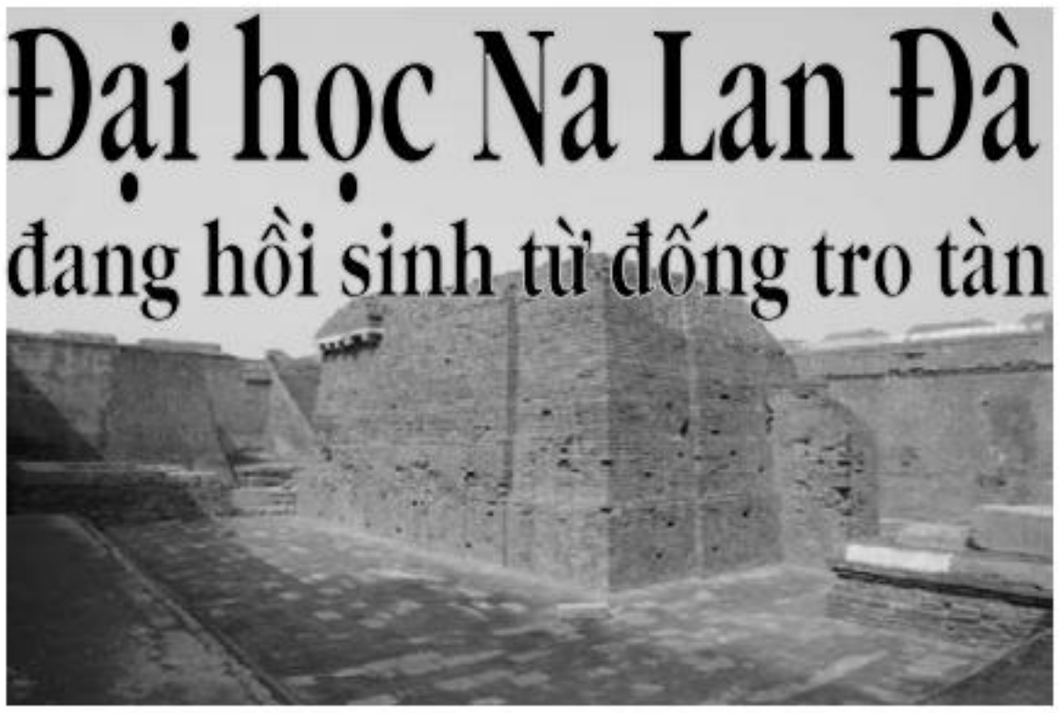

• **Hoang Phong**

Đại học Na-lan-đà (Nalanda) từng chiếm giữ một vị trí vô cùng quan trọng trong lịch sử Phật giáo nhưng đã bị các đạo quân xâm lược Thổ Nhĩ Kỳ và A Phú Hãn (Afghanistan) san bằng thành bình địa cách nay đây 800 năm. Ngày nay những dấu hiệu vô cùng khích lệ cho thấy Đại học này lại đang hồi sinh.

Vào ngày 13 tháng 9 vừa qua hãng thông tấn AFP đã đưa ra những tin tức vô cùng phấn khởi liên quan đến sự hồi sinh của Na-lan-đà. Bản tin được loan tải nhanh chóng khắp thế giới và cũng đã được Đại học Phật giáo Âu châu thông báo qua bức thư tháng 10 gửi cho các thành viên.

Bản tin của AFP dưới ngòi bút tường thuật của ký giả Rupam Jain NAIR tại Ấn độ được chuyển ngữ sau đây và tiếp theo là phần trình bày tóm lược về Đại học lừng danh này.

Bản tin của thông tấn xã AFP

Viện đại học Na-lan-đà mang đầy huyền thoại đã bị tàn phá cách nay 800 năm và dự án xây dựng lại từng được mọi người chờ đợi suốt nhiều thế kỷ nay vừa mới được chính quyền New Delhi chính thức chấp thuận. Đó là dự án tái tạo khu đại học Na-lan-đà với mục đích làm biểu tượng cho cả nước Ấn tân tiến ngày nay.

Na-lan-đà được thành lập vào thế kỷ thứ III tại tiểu bang Bihar (đông bắc nước Ấn). Nhờ vào chương trình giảng dạy thật ưu tú về khoa học, triết học, văn chương và toán học mà đại học này đã từng thu hút được 10.000 sinh viên và thật nhiều giáo sư thường trú đến từ khắp các quốc gia Á châu.

Thanh danh của Na-lan-đà vượt xa khỏi biên giới của nước Ấn và tiếp tục lớn mạnh cho đến năm 1193 thì các đạo quân xâm lược từ các vùng Trung Á kéo vào nước Ấn cướp phá và đốt sạch thư viện. Lúc bấy giờ đại học Oxford chỉ mới bắt đầu khai sinh.

Na-lan-đà được xây dựng tại một nơi cách thủ đô Patna của tiểu bang Bihar ngày nay khoảng 90 cây số mà giờ đây chỉ còn lại một vài di tích đổ nát gồm một số cột trụ xây bằng gạch đỏ và một vài điêu khắc trên những phiến đá hoa.

Amartya Sen là giáo sư về kinh tế học và triết học, đoạt giải Nobel năm 1998, là một trong những người vận động và thúc đẩy chương trình xây dựng lại Đại học Na-lan-đà, đã tuyên bố như sau: "Na-lan-đà từng là một trong những cơ sở thượng thặng chuyên về khảo cứu và luận giải triết học trong lịch sử nhân loại, do đó chúng tôi quyết định phải làm cho Đại học này sống lại".

Amartya Sen, đoạt giải Nobel về kinh tế, là một trong những người tích cực tranh đấu để xây dựng lại Na-lan-đà.

Trong bản dự án đệ trình lên chính phủ New Delhi ông có viết một câu như sau: "Đại học từng có hơn 2000 giáo sư giảng dạy về tất cả các môn học thuộc tín ngưỡng Phật giáo, tương tợ như Đại học Oxford trước đây đã từng giảng dạy về truyền thống Thiên Chúa giáo".

Quốc hội Ấn độ biểu quyết cấp cho dự án Đại học Na-lan-đà 200 mẫu đất ngay bên cạnh vị trí lịch sử của Đại học này. Tuy nhiên từ nhiều năm nay những ai đã tranh đấu cho sự hồi sinh của Na-lan-đà đều hiểu rằng ngoài mảnh đất trên đây thì còn phải tìm ra một nguồn tài trợ lớn lao nữa.

Giáo sư Amartya Sen cho biết: "Sở dĩ ngày xưa Na-lan-đà tồn tại và sinh hoạt được là nhờ một phần vào nguồn thu nhập từ ruộng vườn trong các làng mạc chung quanh và một phần nhờ sự cúng dường của các vua chúa thời bấy giờ. Ngày nay thì nhất định phải nhờ vào trợ cấp của chính phủ, của tư nhân và các tập thể tôn giáo".

Sự hồi sinh của Na-lan-đà phù hợp với nhu cầu vô cùng cấp bách về giáo dục đại học tại Ấn. Ủy ban quốc gia về học vấn cho biết trong các thập niên sắp tới nước Ấn cần phải có thêm 1500 trung tâm giảng huấn cấp đại học. Dân số lên đến 1,2 tỷ người, kinh tế thì đang trên đà bộc phát, nhưng hiện nay chỉ vỏn vẹn có 350 trường đại học cho cả nước Ấn.

Nhiều gia đình khá giả [người Ấn] phải gửi con cái du học ở các nước ngoài - như Hoa kỳ, Úc và Anh quốc - nhưng sau khi tốt nghiệp thì lại chỉ có một số nhỏ sinh viên trở về nước.

Những người phụ trách chương trình Na-lan-đà hy vọng rồi đây ngôi trường Na-lan-đà tương lai sẽ đủ sức đảo ngược lại phong trào đưa con cái đi du học như hiện nay và biết đâu còn có thể thu hút được sinh viên từ các nước khác đến Ấn.

Một giáo sư nổi tiếng ở Delhi là Phagun Pathak đã tuyên bố với phái viên AFP như sau: "Việc tái lập Na-lan-đà thật là một sáng kiến tuyệt vời, tuy nhiên cũng không nên quên tính cách toàn cầu tượng trưng cho cốt tủy của Đại học này. Na-lan-đà phải mở rộng cửa để trao đổi với các đại học khác và đón rước sinh viên quốc tế".

https://tieulun.hopto.org

Số tiền dự trù cho việc xây dựng là 500 triệu đô-la (390 triệu Euro) và còn phải thêm vào đó 500 triệu đô-la nữa để trang bị và chỉnh trang môi trường chung quanh vì Na-lan-đà nằm tại một trong những tiểu bang nghèo nhất nước Ấn.

Một số nhà trí thức cho rằng nếu Đại học mới Na-lan-đà được thành hình thì nó phải xứng đáng với cái danh hiệu trước đây của nó. Một giáo sư về sử học của một cơ sở giáo dục tư nhân tại tiểu bang Bihar đã nhắc lại cho mọi người biết rằng: "Trên dòng lịch sử tiến hóa của sự hiểu biết và nền học vấn toàn cầu, Na-lan-đà hiện ra như một biểu tượng thiêng liêng nhưng cũng vừa tượng trưng cho một thảm kịch".

Vị giáo sư ấy còn nói tiếp: "Tất cả đều đã bốc cháy, tuy nhiên cái di sản lừng danh đó vẫn còn lưu lại trong tâm trí chúng ta mãi đến ngày hôm nay".

Bài viết của Rupam Jain NAIR

Tìm hiểu về Đại học Na-lan-đà

Đại học Na-lan-đà đã giữ một vai trò và một vị trí có thể nói là độc nhất vô nhị trong nền tư tưởng của nhân loại và lịch sử phát triển của Phật giáo nói riêng. Những ai muốn tu học và nghiên cứu nghiêm chỉnh về Phật Giáo có lẽ cũng nên biết đến vai trò của tu viện đại học này trong quá khứ đối với sự phát triển của Phật Giáo. Na-lan-đà là nơi hun đúc và đào tạo các đại sư của Phật Giáo và cũng là nơi phát sinh hầu hết các học phái lớn của Đại thừa.

Tài liệu nghiên cứu về Na-lan-đà thật dồi dào. Các học giả Tây phương và các nước như Ấn Độ, Trung Quốc, Nhật Bản, Tích Lan đều có nghiên cứu về tu viện đại học Na-lan-đà. Ngoài số kinh sách phong phú nói đến Na-lan-đà còn có rất nhiều tư liệu lịch sử và các kết quả khảo cổ hiện đại mà các học giả chưa khai thác hết. Dưới đây là phần tóm lược ngắn gọn một vài sắc thái của đại học này.

Sơ lược tiểu sử của Na-lan-đà

Các công cuộc khảo cổ được thực hiện tại vị trí Na-lan-đa khởi sự vào năm 1915 và chấm dứt 70 năm sau đó tức là vào năm 1985. Một số các học giả Tây phương cũng như các nhà khảo cổ cho rằng Na-lan-đà được "phát triển" từ thế kỷ thứ V sau Tây lịch. Điều này khá đúng vì Na-lan-đà được sửa sang và xây dựng lại vào thế kỷ này và sự sinh hoạt cũng như sự giảng dạy cũng được tổ chức lại quy mô hơn. Tuy nhiên thật ra thì Na-lan-đà có một lịch sử lâu đời hơn thế rất nhiều.

Đại học Na-lan-đà tọa lạc tại một ngôi làng nhỏ không xa thành Vương Xá (Rajagrha) của xứ Ma-kiệt-đà (Magadha) bao nhiêu. Khi còn tại thế, Đức Phật đã nhiều lần ghé ngang nơi này trên đường hoằng Pháp. Tịnh xá Trúc Lâm (Venuvana) và đỉnh Linh Thứu (Grdhrakuta) cũng không xa ngôi làng này và nơi đây cũng là nơi có hai bảo tháp lưu giữ xá lợi của hai vị đại đệ tử của Đức Phật là các ngài Xá-lị-phất (Sariputra) và Mục-kiền-liên (Maudgalyayana), cả hai vị này đều tịch diệt không lâu trước ngày Đức Phật nhập vào Đại Niết Bàn.

Vào thế kỷ thứ III trước Tây lịch, hoàng đế A-Dục cho xây một ngôi chùa bên cạnh hai bảo tháp. Sang thế kỷ thứ II sau Tây lịch thì có hai anh em Udbhata và Samkarapati đứng ra sửa sang ngôi chùa và xây thêm tám dãy tịnh xá và từ đó Na-lan-đà biến thành một tu viện lớn tu tập theo học phái Đại thừa. Avitarka và Rahulabhadra là hai trong số các vị trụ trì đầu tiên khá nổi tiếng của tu viện. Rahulabhadra là tổ thứ 16 của Thiền tông Ấn Độ và là thầy của Bồ-tát Long Thụ (Nagarjuna, thế kỷ thứ II). Long Thụ tu học tại Na-lan-đà và sáng lập ra nền triết học Trung quán (Madhyamika) và sau đó thì thay thầy mình trụ trì Na-lan-đà, nhưng một thời gian sau thì rút lui và nhường chức vị này lại cho người đệ tử giỏi nhất của mình là đại sư Thánh Thiên (Aryadeva, sinh vào cuối thế kỷ thứ II ? hay đầu thế kỷ thứ III).

Vào thế kỷ thứ III thì tu viện bị các đạo quân du mục xâm lược và đốt phá, thư viện và vô số kinh sách thuộc thời kỳ khởi nguyên của Đại thừa tại Na-lan-đà bị thiêu hủy. Vua Buddhapaksa lại cho sửa sang và xây dựng lại tu viện. Sau đó thì Na-lan-đà được điều khiển bởi hai vị đại sư rất nổi tiếng, trước tiên là ngài Vô Trước (Asanga, thế kỷ thứ IV) người sáng lập ra học phái Duy Thức (Yogacara hay Cittamatra) và sau đó đến lượt người em là ngài Thế Thân (Vasubandhu, 316-396), tổ thứ 21 của Thiền tông Ấn Độ và cũng là một luận sư xuất sắc về Duy Thức.

Từ giữa thế kỷ thứ III đến giữa thế kỷ thứ VI toàn thể vùng bắc Ấn được đặt dưới sự cai trị của triều đại Gupta, và triều đại này lại bảo trợ Phật Giáo rất tích cực. Vua Kumaragupta (trị vì từ năm 415 đến 455) khởi công xây cất một chánh điện trung tâm thật đồ sộ cho tu viện, nhưng rồi giặc giã lại xảy ra và các đạo quân du mục Hung nô thuộc vùng Trung Á tràn vào bắc Ấn. Lần này nhờ có vua Skandagupta (trị vì từ năm 455 đến 467) ra sức bảo vệ nên Na-lan-đà không bị thiệt hại gì nhiều.

Mặc dù không có một vị vua nào dưới triều đại Gupta chính thức nhận mình là người Phật Giáo, nhưng tất cả đều tích cực bảo trợ cho Na-lan-đà. Các vị vua kế nghiệp sau hai vị vua trên đây là các vị Buddhaguptaraja, Tathagataraja, Baladitya và Vajra lại tiếp tục xây dựng thêm và đến cuối thế kỷ thứ V thì Na-lan-đà trở nên một tu viện đại học thật đồ sộ. Vào các năm 530 đến 535, có một vị vua thuộc miền trung Ấn (có lẽ là vua Yoshodharman) cúng dường một Đại Tịnh xá (Mahavihara) và bức tường bao quanh toàn thể khu vực của tu viện.

Uy tín của Na-lan-đà dần dần vượt khỏi biên giới nước Ấn và đã thu hút được nhiều đại sư và học giả tiếng tăm khắp nơi. Sinh viên khắp các quốc gia Á châu như Trung Quốc, Triều Tiên, Nhật Bản, Indonêxia đều tìm về đây tu học. Dưới triều đại vua Harsavardhana (590-647) có hai nhà sư Trung Hoa là Huyền Trang (602-713) và sau đó là Nghĩa Tịnh (635-713) đã đến học tại Na-lan-đà.

https://tieulun.hopto.org

Vào thế kỷ thứ VII, Na-lan-đà tổ chức một cuộc tranh biện giữa hai học phái Trung Đạo và Duy Thức, đây là một cuộc tranh biện triết học nổi tiếng đã được lịch sử ghi chép. Bước vào thế kỷ thứ VIII, tại Na-lan-đà có một nhà sư rất khiêm tốn là ngài Tịch Thiên (Santideva) đã sáng tác được một tập luận thật nổi tiếng, đó là tập *Nhập Bồ-đề Hành luận* (*Bhodhicaryavatara*) [Tập luận này đã được Đức Đạt-Lai Lạt-Ma thuyết giảng và đã được in thành sách, Hoang Phong chuyển ngữ dưới tựa đề là "Tu Tuệ", nhà xuất bản Phương Đông, 2008]. Vào thời kỳ này tức là dưới các triều đại Pala (thế kỷ thứ VIII đến thế kỷ thứ XII) Na-lan-đà đạt đến mức cực thịnh, tuy nhiên cũng đã bắt đầu bị một số các đại học mới cạnh tranh ráo riết, đó là các đại học Odantapuri và Vikramasila chuyên giảng dạy về triết học "hậu Tan-tra thừa". Các đại học này cũng đồ sộ và số sinh viên và giáo sư cũng đông đảo không kém, nếu không muốn nói là hơn cả Na-lan-đà.

Thế nhưng lại thêm một lần nữa chiến tranh đã tàn phá tất cả. Sự hung bạo không những chỉ mang lại sự chết chóc, đau thương mà còn gây ra không biết bao nhiêu mất mát cho những gì mà con người gầy dựng được trong lãnh vực văn hóa, đạo đức và nền tư tưởng của nhân loại. Vào giữa thế kỷ XI các đạo quân Hồi giáo Thổ Nhĩ Kỳ và A Phú Hãn (Afghanistan) do Muhammad Khalji chỉ huy tràn vào nước Ấn và san bằng đại học Odantapuri vào năm 1193 và đại học Na-lan-đà vào năm 1199. Tiếp sau đó vào năm 1235 lại đến lượt đại học Vikramasila nằm xa hơn về phía đông bắc Ấn cũng bị các đạo quân của Muhammad Khalji tàn phá. Các biến cố liên tiếp đó đã đánh dấu trang sử cuối cùng của Phật Giáo trên bán lục địa Ấn độ.

Một vài nhân chứng lịch sử

Na-lan-đà vừa là một tu viện vừa là một cơ quan giáo dục và hoằng Pháp mang tính cách quốc tế. Chương trình giáo huấn siêu việt và lối sống kỷ luật và vô cùng tinh khiết của cả giáo đoàn cũng như những người tu học đã đưa thanh danh Na-lan-đà vang dội khắp Á Châu. Hơn một ngàn năm trước những ai đến được nước Ấn và được nhận vào tu học ở Na-lan-đà là một niềm hãnh diện lớn lao. Những người may mắn đến được Na-lan-đà thường ghi chép lại những gì mắt thấy tai nghe và cả những kỷ niệm của họ. Các học giả Tây phương, Trung Hoa, Nhật Bản... vẫn chưa khai thác hết những tư liệu quý giá này. Các nhà sư Trung Hoa sang du học hay hành hương ở Ấn thì rất nhiều, trong tập nhật ký của ngài Nghĩa Tịnh có ghi tiểu sử của 56 vị tăng du hành sang Ấn, trong số này có 5 vị là người Giao Chỉ (?). Tuy số tăng sĩ Trung Hoa đến được Ấn Độ khá đông tuy nhiên chỉ xin đơn cử trường hợp của ba vị tiêu biểu nhất là Pháp Hiển (332?-422?), Huyền Trang (600-664) và Nghĩa Tịnh (635-713), là những người đã để lại các tập hồi ký mang nhiều giá trị lịch sử.

- Ngài Pháp Hiển: Lúc khởi hành đi Ấn thì Pháp Hiển đã 60 tuổi và ông đã lưu lại Ấn 16 năm liền, từ năm 399 đến 414. Tập nhật ký của ông mang tựa đề là "*Phật quốc ký*" (*Fo-kue-ki*), là một chứng tích lịch sử vô cùng quý giá về nền văn hóa và sự phát triển cao độ của Phật Giáo vào các thế kỷ thứ IV và thứ V tại Ấn. Quyển sách này đã được các học giả Tây phương mổ xẻ và kiểm chứng và họ đều cho biết là các sự kiện nêu lên trong tập sách cũng như những nhận xét của Pháp Hiển thật chính xác. Sau Pháp Hiển còn có hai vị tăng khác là Sung Yun và Hwui-Seng cũng sang du học tại Ấn vào năm 518, tuy nhiên những gì do hai vị này ghi chép đều rất sơ lược.

Pháp Hiển hành hương hầu hết các thánh tích Phật Giáo quan trọng và mô tả các nơi này thật chi tiết. Ông phác họa lại lịch sử của Na-lan-đà từ khi mới được thành lập và liệt kê các sự cấp dưỡng của hoàng triều. Ông cũng cho biết chi tiết về các chương trình giảng huấn, các phương pháp sát hạch và tuyển chọn học viên và cả sinh hoạt thường nhật của tu viện... Ngoài ra ông còn mô tả các tòa nhà trong tu viện và cả các phòng ốc trong khu tịnh xá.

Theo ông thì thanh danh của Na-lan-đà sở dĩ vang lừng khắp nơi chính là nhờ vào giáo trình vô cùng cao thâm và siêu việt được giảng dạy tại Na-lan-đà. Thật vậy, vào năm 410 khi Pháp Hiển còn đang tu học tại đây thì Na-lan-đà vẫn còn là một tu viện bình thường, chỉ bắt đầu từ năm 410 trở về sau này thì sự sinh hoạt của Na-lan-đà mới thiên nhiều hơn vào việc giảng dạy. Ông còn cho biết là lúc ông mới đến thì Na-lan-đà còn mang thêm một biệt danh nữa là tu viện "Na-Lô" (?) và giáo trình hoàn toàn thuộc học phái Đại thừa. Học viên đến từ khắp nơi trên đất Ấn và từ các quốc gia khác như Trung Hoa, Tây Tạng, Triều Tiên, Nhật Bản và Tích Lan.

- Ngài Huyền Trang: ngài Huyền Trang lưu lại Ấn 17 năm tất cả. Ông may mắn được học với nhiều vị thầy lừng danh thời bấy giờ, nhất là được học về các môn du-già luận (yoga sastra) vào các năm từ 635 đến 640. Trong tập *"Tây vực ký"* (*Si-yu-ki*) của ông viết về chuyến du hành Ấn độ, ông có mô tả rất tường tận hệ thống giảng dạy siêu đẳng của Na-lan-đà, và còn cho biết thêm là sinh hoạt thường nhật cũng như việc tu tập nói chung của cả tu viện thật vô cùng kỷ cương và tinh khiết.

Sinh hoạt hàng ngày được quy định thật chặt chẽ căn cứ vào một chiếc "đồng hồ" nước. Đồng hồ là một cái chén nhỏ bằng đồng có đục một lỗ thật nhỏ ở đáy. Chén được thả lềnh bềnh trong một chậu nước to hơn. Nước chui vào lỗ nhỏ làm ngập chén, và cứ mỗi lần chén chìm xuống đáy chậu thì người phụ trách đánh mõ hay đánh gồng để thông báo. Loại đồng hồ này thường được sử dụng trong các tu viện lớn tại Ấn thời bấy giờ.

Huyền Trang có viết một đoạn như sau trong tập *Tây vực ký*: *"Các vị tu hành [tại Na-lan-đà] gồm nhiều*

https://tieulun.hopto.org

ngàn người, họ là những vị có thực tài và tất cả đều có kiến thức rất cao. [...] Hạnh kiểm của họ thật tinh khiết và họ tuân thủ các quy tắc đạo đức một cách thành thực. Giới luật áp dụng trong tu viện thật nghiêm khắc, tuy số người tu hành đông đảo nhưng tất cả đều chấp hành giới luật thật nghiêm chỉnh, không có gì để chê trách. [...] Họ hỏi han nhau về bài vở hoặc cùng nhau bàn luận về các chủ đề cao siêu và khó khăn, nhưng không hề thấy một ai mất kiên nhẫn và cảm thấy ngày quá dài. [...] Vì thế sinh viên từ các nước khác đều tìm cách đổ dồn về đây để xin học vì họ muốn được mang danh là xuất thân từ Na-lan-đà và nhờ đó mà sau này tài năng của họ sẽ được nhiều người biết đến" (theo bản dịch của học giả C. Mauweuse trong quyển: *'L'Inde du Bouddha vue par les pellerins chinois sous la dynastie T'ang': 'Nước Ấn của Đức Phật dưới con mắt của các vị hành hương Trung Quốc dưới triều đại nhà Đường'*, nhà xuất bản Calman Lévy, Paris, 1968).

Cách quản lý của Na-lan-đà rất dân chủ, không ai có quyền phán quyết một cách độc đoán, mọi quyết định phải thông qua hội đồng của tu viện. Vị trụ trì cho tập họp hội đồng để hỏi ý, từ chuyện lớn cho đến chuyện nhỏ, kể cả những việc thường ngày trong tu viện. Khi Huyền Trang xin vào nội trú thì đơn thỉnh cầu cũng phải đưa ra hội đồng phán xét và sau đó chính vị phó trụ trì đích thân công bố kết quả.

Huyền Trang kể lại rằng trong thời kỳ ông tu học, tức là vào thế kỷ thứ VII, thì Na-lan-đà có tất cả 10.000 nhà sư gồm 1.510 vị thuộc ban giảng huấn và 8.500 vị là sinh viên thường trú. Thật ra thì dù là giáo sư hay sinh viên thì tất cả cũng đều là những người tu hành như nhau, sự khác biệt duy nhất là họ được phân chia ra làm hai phía: một bên là ban giảng huấn, một bên là những người tu học. Trong số 1.510 vị trong ban giảng huấn thì có 1.000 vị có đủ khả năng giảng được 20 tập Sutra (Kinh) và Sastra (Luận) và 500 vị có thể giảng được 30 tập, chỉ có 10 vị (và trong số này có ngài Huyền Trang) là có thể giảng được 50 tập. Họ là những người trước đây đã từng soạn thảo các sách bách khoa Phật Giáo bao gồm tất cả các học phái và các phương pháp tu tập khác nhau, hoặc họ đã từng trước tác được các bộ luận giải về triết học, lôgic học, hoặc các sách về quy tắc và ngữ pháp trong tiếng Phạn... Tuy nhiên con số học viên và giáo sư tùy theo thời kỳ cũng có thể kém hay đông hơn. Vào thời kỳ khi ngài Nghĩa Tịnh tu học (675 đến 685) thì ban giảng huấn lên đến 3.000 vị. Tuy nhiên cũng có một vài học giả Tây phương nghĩ rằng khó mà kết hợp được một ban giảng huấn đông đảo như thế trong một đại học duy nhất (?).

Huyền Trang cho biết là Na-lan-đà thu hút được hầu hết các Giảng sư Phật Giáo (gọi là *pandita*, có nghĩa là các học giả, trí giả hay thánh giả) lừng danh nhất trong nước thời bấy giờ. Huyền Trang có liệt kê một số vị như sau: Gunamati, Sthiramati, Prabhamitra, Jinamaitra, Jnanachandra, Sigrabuddha, Santaraksita, Silabhadra, Dhammapala và Chandrapala. Huyền Trang cũng cho biết là họ không phải chỉ biết giảng dạy mà mỗi vị còn trước tác được hàng chục tập Luận và Bình giải đủ loại. Trong thời gian Huyền Trang tu học tại Na-lan-đà (635-640) thì vị trụ trì của Na-lan-đà là Silabadra, tuy nhiên các việc hành chánh và quản lý thì lại hoàn toàn giao phó cho vị phó trụ trì. Nghĩa Tịnh cũng có chú ý đến sự kiện này và cũng có ghi lại trong tập nhật ký của ông. Nghĩa Tịnh còn cho biết thêm là chính vị phó trụ trì tự mình đánh chiêng để điều hành mọi sinh hoạt trong tu viện.

- Ngài Nghĩa Tịnh: Ngài Nghĩa Tịnh tu học trong suốt mười năm tại Na-lan-đà (từ năm 675 đến 685) và cũng đã để lại một tập nhật ký ghi chép rất chi tiết các sự kiện xảy ra trong thời gian này. Ông cho biết là bất cứ ai muốn viếng tu viện đều phải bị hạch hỏi và lục soát rất cẩn thận tận ngoài cổng trước khi cho vào bên trong. Trong tập *Tây vực ký* Huyền Trang cho biết tu viện chỉ cho mở một cổng duy nhất phía nam của tu viện để thông thương với bên ngoài và nơi cổng có người canh chừng cẩn mật. Người lạ muốn vào thăm viếng Na-lan-đà đều phải bị thẩm vấn, và chỉ những người có một số vốn kiến thức và trình độ tu tập nào đó thì mới được cho vào. Ông còn cho biết thêm là trong số mười người khách đến viếng thăm thì thường chỉ có hai đến ba người là được nhận.

Ngài Nghĩa Tịnh cho biết là việc tuyển sinh cũng thật gắt gao. Tuổi tối thiểu của thí sinh là 20 tuổi, nhưng thật ra thì thường Na-lan-đà chỉ nhận các nhà sư thật thông thái đã tốt nghiệp các đại học khác xin theo các khóa học cao cấp của Na-lan-đà. Theo học giả Rita Régnier (trong bộ *Encyclopaedia Universalis: Dictionnaire du Bouddhisme*, nhà xuất bản Albin Michel, Paris, 1999) cho biết thì sinh viên phải qua một kỳ thi tuyển và số người trúng tuyển chỉ độ 20 đến 30 phần trăm là nhiều. Ngài Huyền Trang còn cho biết là thí sinh phải thông suốt các "sách xưa" và cả các "sách mới". Các sách xưa gồm có các kinh Vệ-đà và Upanisad, các sách mới bao gồm tất cả các hệ thống triết học như Samkhya (Số luận tông), Vaisesika (Vệ-sử-ca, nghĩa tiếng Phạn của chữ này là sự *Tuyệt-vời* : đó là một học phái triết học Ấn Độ khá phức tạp chủ trương sự hiện hữu trường tồn của các *nguyên tử* tạo ra mọi hình tướng biến động và học phái này cũng chủ trương sự hiện hữu của cái ngã *atman*), Nakya (là một tập kinh rất quan trọng của một học phái triết học Ấn Độ thuộc Ấn Giáo mang tên là *Đạo lý,* chuyên luận giải về *lôgic học*)... và tất cả các kinh sách Phật Giáo nguyên thủy (Hinayana) và Đại thừa (Mahayana). Sở dĩ nêu lên một các chi tiết như trên là có ý cho thấy vào thời bấy giờ muốn được nhận vào học ở Na-lan-đà phải có kiến thức thật bao quát.

Nghĩa Tịnh rất ngưỡng mộ các vị giảng sư của Na-lan-đà và cho rằng nhờ họ mà mình đã học hỏi được rất nhiều. Ông có nêu tên một số các vị thầy lừng danh thời bấy giờ thuộc giáo đoàn Na-lan-đà và có viết một câu như sau: *"Riêng cá nhân tôi thì tôi vô cùng sung sướng được học hỏi thêm [với các vị thầy ấy]. Khi mang ra so sánh những gì tôi ghi chép trước*

https://tieulun.hopto.org

đây với những gì mới học được [tại Na-lan-đà] thì lúc ấy tôi mới hiểu rằng mình đã học được thêm rất nhiều so với trước kia". Cũng xin nhắc lại là khi sang tu học ở Na-lan-đà thì Nghĩa Tịnh đã sáu mươi tuổi và đã là một nhà sư lão thành.

Ngài Nghĩa Tịnh cho biết là vào thời kỳ ông tu học thì Na-lan-đà có đất đai trong 200 ngôi làng chung quanh. Khoảng 40 năm về trước thì Huyền Trang cho biết con số này chỉ là 100. Đất đai do hoàng triều cung cấp và tu viện cho nông dân thuê lại. Ngoài đất đai ra thì vua chúa dưới các triều đại Gupta và Pala còn trợ cấp thêm trâu bò để cày cấy và đôi khi cả tiền bạc. Việc ẩm thực mỗi ngày của hơn 10.000 người trong tu viện không phải là một việc nhỏ. Ngoài ra vua chúa thời bấy giờ còn góp phần vào việc tu sửa và xây dựng thêm cho tu viện.

Có một điều khá ngạc nhiên là cả Huyền Trang và Nghĩa Tịnh không thấy có vị nào mô tả về thư viện của Na-lan-đà. Chỉ biết rằng khi Huyền Trang về nước thì có mang theo 520 bộ kinh gồm tất cả là 657 quyển, chuyên chở trên lưng 20 con ngựa. Nghĩa Tịnh thì trong mười năm tu học đã gom góp được 400 bộ kinh gồm tất cả là 500.000 trang. Các chi tiết trên đây gián tiếp cho thấy sự phong phú của thư viện Na-lan-đà. Trong khi đó thì các nhà sư Tây Tạng lại mô tả khu thư viện kỹ lưỡng hơn. Thư viện Dharmaganja gồm có ba tòa nhà riêng biệt mang tên là Ratnasagara, Ratnodahi và Ratnaranjaka. Tòa thư viện Ratnaranjaka lớn nhất gồm chín tầng lầu đặc biệt dùng để cất giữ các kinh sách quý mang tính cách thiêng liêng như bộ *Bát nhã Tâm kinh* (*Prajparamita-sutra*) và các kinh sách Tan-tra thừa chẳng hạn như kinh *Samajaguhya*.

Giáo trình của Na-lan-đà

Như đã được trình bày trên đây, ngài Pháp Hiển hành hương và lưu lại Ấn Độ từ năm 399 đến 414, và khi ông đến Na-lan-đà thì nơi này còn là một tu viện thuần túy, các vị xuất gia trong tu viện tu học theo Đại thừa. Dưới triều đại vua Kumaragupta đệ nhất (414-455) thì Na-lan-đà mới bắt đầu dần dần chuyển thành một tổ chức đại học chuyên nghiệp hơn và tiếp tục giảng dạy theo truyền thống Đại thừa.

Giáo trình căn bản là nền triết học Tánh Không do Bồ-tát Long Thụ chủ xướng vào thế kỷ thứ II. Căn cứ vào căn bản triết học Tánh Không Long Thụ thành lập một học phái triết học mới rất mạch lạc và vững chắc gọi là học phái Trung Đạo (Madhyamika). Các phép biện chứng về khái niệm Tánh Không trong học thuyết Trung Đạo đã đưa Phật Giáo vượt lên một cấp bậc thật uyên bác và cao siêu trong nền tư tưởng Phật Giáo nói chung. Do đó Trung Đạo cũng có thể được xem như đại diện chung và tiêu biểu nhất cho toàn thể Đại thừa. Trung Đạo mở ra một đường hướng mới ít nhất là trên *phương diện cứu cánh* của sự tu tập so với các "học phái của những người xưa" (Trưởng lão bộ) và các học phái Phật Giáo nguyên thủy đại diện bởi học phái Theravada phát sinh sau này. Các phương pháp tự biện của Trung Đạo cũng rất đặc thù và đã làm nổi bật hệ thống lôgic học của Phật Giáo nói chung. Phép biện luận của Trung Đạo dựa vào hệ thống lôgic học đó cũng cho thấy một số khác biệt với các học phái Đại thừa khác phát sinh sau này là Duy Thức (Vijnanavada), Du-già hành tông (Yogacara) và Kim cương thừa (Vajrayana). Một số các vị đại sư hoặc các vị sáng lập ra các học phái lớn của Đại thừa hầu hết xuất phát từ Na-lan-đà và từng trụ trì Na-lan-đà, chẳng hạn như các vị Long Thụ (Nagarjuna), Thánh Thiên (Aryadeva), Hộ Pháp (Dharmapala), Thế Thận (Vasubandhu), Vô Trước (Asanga)...

Cũng xin nhắc thêm là Kim Cương thừa thật ra chỉ là một đường hướng tu tập mới và đặc thù "ghép thêm" vào Phật Giáo Đại thừa. Kim Cương thừa dựa vào các kinh điển Tan-tra mang nhiều biểu tượng và phản ảnh một vài màu sắc thần bí và linh thiêng. Từ Kim Cương thừa đã phát sinh ra một chi phái gọi là Thời Luân (Kalachakra - Đức Đạt-lai Lạt-ma cũng đã từng tu tập theo kinh Thời Luân và cũng đã thuyết giảng và bình giải bộ kinh này cho người Tây phương và các buổi thuyết giảng của Ngài cũng đã được ghi chép và in ra thành sách). Vị đại diện lớn nhất và tiêu biểu nhất cho chi phái Thời Luân là ngài Liên Hoa Sinh (Padmasambhava). Ngài Liên Hoa Sinh có thể đã được đào tạo tại Na-lan-đà và cũng là người đã mang Kim Cương thừa vào Tây Tạng vào giữa thế kỷ thứ VIII. Đối với người Tây Tạng thì Liên Hoa Sinh là vị Phật thứ hai sau Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Nêu lên các chi tiết trên đây để cho thấy ảnh hưởng và tầm quan trọng của Na-lan-đà trong lịch sử Phật Giáo. Các sự kiện trên đây cũng cho thấy tính cách sáng tạo, đa dạng và toàn cầu trong quá trình nghiên cứu và giảng dạy của Na-lan-đà. Tóm lại giáo trình của Na-lan-đà thật đa dạng, bao hàm mọi lãnh vực tư tưởng và Đạo Pháp, ban giảng huấn và học viên đến từ khắp nơi, và cũng từ Na-lan-đà mà ánh sáng của tư tưởng của con người và Đạo pháp đã tỏa rộng ra tám phương trời.

Ngoài ra bối cảnh đa quốc gia của Na-lan-đà đã tạo ra một môi trường vô cùng thuận lợi cho việc dịch thuật. Một phần lớn các kinh sách xưa bằng tiếng Phạn được phiên dịch ra tiếng Trung Hoa và tiếng Tây Tạng ngay trong Đại học Na-lan-đà. Vì chiến tranh nên một số kinh sách gốc tiếng Phạn này bị mai một và sau này đã được phiên dịch trở lại tiếng Phạn từ các bản tiếng Hán và tiếng Tây Tạng.

"Lò đào tạo" Na-lan-đà đã hun đúc ra nhiều đại sư chủ trương nhiều đường hướng triết học khác nhau và từ đó giúp phát sinh ra nhiều học phái lớn. Tuy nhiên nếu nghiên cứu cẩn thận và sâu sắc thì dù là các học phái Phật Giáo của "những người xưa" (các vị Trưởng lão) hay các học phái Trung Đạo, Duy Thức, Kim Cương thừa... cũng không hề đối nghịch nhau mà đúng hơn là bổ túc cho nhau và đó cũng là một đặc thù của Phật Giáo nói chung. Các học phái dù cho có tranh biện nhưng chưa bao giờ gây chiến với nhau.

https://tieulun.hopto.org

Đại học Na-lan-đà thường xuyên tổ chức các buổi hội thảo (tức là tranh biện) giữa giáo ban của tu viện và các học viên, và thường khi cũng mời các vị thầy bên ngoài đến tham gia, các vị thầy thuộc các tín ngưỡng khác cũng được mời đến thuyết trình và tranh biện. Các cuộc tranh biện có khi kéo dài nhiều tháng cho đến nhiều năm, có lẽ người xưa có nhiều thì giờ để sống hơn chúng ta hay chăng? Vua chúa đương thời cũng tham gia bằng cách trợ cấp tài chánh hay đứng ra chủ toạ.

Ngoài phần giảng huấn ra thì Na-lan-đà còn là một trung tâm sáng tạo nghệ thuật. Nghệ thuật tranh vẽ và tạc tượng bằng đá và bằng đồng của Na-lan-đà ảnh hưởng đến nghệ thuật chung thời bấy giờ trong toàn thể vùng bắc Ấn dưới cả hai triều đại Gupta (thế kỷ thứ V đến thứ VIII) và Pala (thế kỷ thứ VIII đến thế kỷ XII).

Các tượng điêu khắc bằng đá cho thấy sự cân đối và dáng dấp uy nghi, quần áo và trang sức cũng được tạc thật cẩn thận và khéo léo. Toàn thể pho tượng tỏa ra sự dịu dàng và thanh thoát. Nói chung thì nghệ thuật Na-lan-đà đã tạo ra một số tiêu chuẩn làm khuôn mẫu cho nghệ thuật điêu khắc và hội họa của Ấn Độ thời bấy giờ. Các tượng bằng đồng cũng cho thấy nhiều tinh xảo, gương mặt các nhân vật hơi dài hơn so với các tượng xưa. Tượng Phật cũng đa dạng hơn, thể hiện từng trường hợp khác nhau. Sự bành trướng của Đại thừa với vô số các vị Bồ Tát, và nhất là Kim Cương thừa mang đầy biểu tượng đã mang lại sự phong phú cho nghệ thuật tạo hình bằng đồng.

Tại Na-lan-đà các nhà khảo cổ còn đào xới được một khu (khu khảo cổ số 1) chứa các chứng tích cho thấy là khu này từng được dành riêng cho những người hành hương từ đảo Sumatra đến. Khu vực này có lẽ được xây cất vào dịp vua Sumatra gửi sứ thần sang Ấn dưới triều đại của vua Devapala (khoảng 810-850) (theo học giả Rita Régnier, tài liệu trích dẫn trên đây, op.cit.). Sự kiện này cho thấy sự liên hệ mật thiết giữa Phật Giáo Indônêxia và Phật Giáo Ấn Độ vào thời bấy giờ. Ngoài ra thì các nhà khảo cổ cũng tìm thấy các nét nghệ thuật tượng đồng của Na-lan-đà trên các bức tượng Phật cũng bằng đồng được khám phá trên đảo Java.

Na-lan-đà ngày nay

Ngày nay Na-lan-đà chỉ là một vùng khảo cổ mênh mông còn rải rác một số di tích kiến trúc bằng gạch đỏ, phân bố dọc hai bên một con đường thật rộng theo hướng bắc nam. Các di tích đó trước kia là các tịnh xá (vihara), các chánh điện (caitya) và các bảo tháp (stupa). Có tất cả tám tịnh xá có mặt tiền hướng về phía đông và có hai tịnh xá có mặt tiền hướng hướng về phía bắc. Các tịnh xá đều được xây dựng giống như nhau, mỗi tịnh xá gồm nhiều dãy nhà xây chung quanh một sân rộng, trong sân có giếng nước và thường có thêm một lò nướng bánh. Tịnh xá có một hay hai tầng lầu, trần nhà hình vòm cung được chống đỡ bằng nhiều cột.

Người ta tìm thấy một chánh điện (khu khảo cổ số 2) với một tượng Phật khổng lồ, trong chánh điện có xây thêm một bệ cao, có thể đấy là nơi dùng cho các giáo sư đứng giảng. Ngoài chánh điện trên đây người ta còn tìm thấy một tháp hình chóp, có lẽ tháp này đã được xây trùm lên bảo tháp xá lợi của ngài Xá-lị-phất. Thật ra thì bên trên bảo tháp có tất cả bảy lần xây cất chồng chất lên nhau. Mặt phía bắc có các nấc thang để trèo lên đỉnh và trên đỉnh thì trước kia là một chánh điện lớn với một tượng Phật khổng lồ, nay thì không còn nữa. Người ta cũng tìm thấy chung quanh khu vực chánh điện nhiều bảo tháp nhỏ mang tính cách tôn kính dùng vào việc thờ phụng. Về phía bắc của khu chánh điện trung tâm các nhà khảo cổ còn khám phá thấy ba chánh điện khác (các khu khảo cổ 12, 13 và 14), có lẽ các chánh điện này cũng còn dùng làm nơi giảng huấn. Phía đông của Na-lan-đa là một khu đặc biệt dành riêng cho việc thờ phụng, các nhà khảo cổ tìm thấy tại nơi này một chánh điện và nền được bao quanh bởi hai trăm mười một tấm đá điêu khắc thật tinh xảo, các phiến đá này được định tuổi vào thế kỷ thứ VI hay thứ VII.

Rồi đây trong tương lai đại học mới Na-lan-đà sẽ được chính phủ Ấn Độ xây cất ra sao bên cạnh những di tích này? Trong bối cảnh Ấn Giáo và Hồi Giáo của xã hội Ấn Độ ngày nay, sự sinh hoạt và giảng dạy của Na-lan-đà trong tương lai nhất định sẽ không còn là một tu viện tinh khiết và thuần túy của Phật Giáo như từ một ngàn năm trước. Tuy nhiên biết đâu Na-lan-đà mới cũng sẽ là một hạt giống mới giúp Phật Giáo hồi sinh trên quê hương mà chính Phật Giáo đã ra đời và bành trướng suốt mười tám thế kỷ?

(Bures-Sur-Yvette, 15.10.10)

https://tieulun.hopto.org

Cái Ta
lăng xăng gây ra đau khổ

*** Đoàn Văn Thông**

(Tiếp theo Viên Giác 179)

CÁI TA LUÔN LUÔN SỢ CHẾT

Mỗi ngày cơ thể ta mất đi biết bao là tế bào hủy hoại vì già cỗi, thoái hóa tan rã đồng thời biết bao tế bào mới sinh ra. Vì thế sinh và diệt, sống và chết liên tục không ngừng. Khi ta đang sống nhưng cái chết đã xuất hiện rồi và khi chết là để chuyển qua một sự sống mới khác, cứ thế mà mãi sinh sinh diệt diệt, sống sống, chết chết thành cái vòng không biết đâu là khởi điểm đâu là cuối cùng. Vì thế hãy hiểu rằng Sinh và Diệt là một.

Cho nên, khi nói Không Sinh Không Diệt là vậy chớ đừng nghĩ là không còn sinh ra nữa và cũng sẽ không còn chết đi nữa.

Trái lại ta phải thực tâm suy nghĩ về cái chết, có phải cái chết là đáng buồn đáng sợ không? Tại sao ai cũng sợ chết? Sở dĩ như vậy là vì *ai cũng nghĩ tới mình, tới cái thân mình, tới cái Ta của mình*. Vì mê lầm mà ai cũng nghĩ Cái Thây Xác ta mang là mình, là Ta nên rất sợ chết và vô cùng đau khổ khi nghĩ tới mình chết. Vì chết là không còn sống trên đời nữa, là mất hết mọi thứ. Chính vì thế mà ta sợ chết. Phân tích cho kỹ thì thật sự chết không đáng sợ và cũng không đau khổ.

- *Vì sao chết lại không buồn, không đau khổ?* Ta thử nghĩ lại xem điều này thì biết: Đối với người lạ, người mà ta không quen biết thì khi họ chết ta có buồn lo sợ hãi gì đâu? Ta dửng dưng chẳng có gì là đau khổ buồn thương hết. Chết đâu phải là điều đáng sợ vì mỗi khi tai nạn xảy ra có người chết ở đâu đó thì người ta tụ lại xem rất đông. Nếu sợ thì người ta đã không „chen nhau xem người chết". Nhưng khi người thân yêu của ta chết đi thì lại khác, ta sẽ vô cùng đau khổ, xót thương... Vì người đó là thân thiết liên hệ ràng buộc với ta về nhiều lãnh vực. Như vậy thì rõ ràng là chết đâu phải là điều ghê sợ buồn đau. Chỉ vì cái Ta ích kỷ, vì tham sống mà ta sợ chết thôi. Cũng như ta đau khổ vì nghĩ tới cái chết của mình và người thân mà thôi chớ thật sự thì ai chết mặc ai, không liên hệ gì tới mình thì thôi.

SỰ TỰ DO và CÁI TA

Con người luôn bị cái Ta, cái bản ngã chi phối.

- Nè! Phải làm như thế này, nói như thế này này, hành động, đi đứng như thế này này thì mới khỏi bị mất thể diện, thì mới được người ta kính trọng, nể sợ... Còn nếu hành động nói năng xử sự như thế kia là quê mùa, là dốt nát, thấp hèn, là kém văn minh sẽ dễ bị người ta khinh, dễ bị người ta coi thường cho mà coi...

Thế đó, cái Ta nó chỉ định, sắp xếp, chế ngự hết mọi thứ. Vậy mà ta không biết. Chính vì không biết như thế nên trong cuộc sống con người thường đòi hỏi sự Tự Do. Nhưng tự do nếu đạt được thì chỉ là dành cho cái Ta mà thôi. Vì sao? Vì cái Ta khuynh loát chế ngự toàn bộ con người rồi thì nó cũng sẽ chiếm lấy cái tự do mà con người đòi hỏi. Có phải vậy không?

Cho nên, khi nói về *sự Tự Do và Cái Ta*, Đại sư Osho Rajneesh thuyết giảng như sau: "Khi nói tự do, không có nghĩa là tự do cho ta, không phải tự do cho Cái Ta mà là *Tự Do khỏi Cái Ta*. "Chỉ *khi nào Ta thoát khỏi cái Ta thì khi đó mới gọi là được Tự Do*. Hãy nhớ kỹ điều đó. Và xin nhớ thêm điều sau này nữa:

Khi có nhà tù là sẽ có tù nhân, vì nhà tù là tù nhân vì tù nhân là nhà tù, nên khi nhà tù không còn thì tù nhân cũng không còn, và khi đó cái Ta cũng biến mất.

Khi cái Ta, cái Tôi, cái Bản ngã không còn nữa tức là cái Ta không còn nữa, cái Ta biến mất, cái Ta lúc đó đi vào Chân Không. Khi cái Ta không còn thì cái Ta là Chân Không. Chân Không chính là bản thể của Ta. Chân Không là sự bất tử, là sự vĩnh hằng trường cửu, không bao giờ mất. Chân Không là sự sáng ngời, bất diệt, không có gì có thể hủy diệt được Chân Không. Lúc ấy ta còn đòi hỏi tự do để mà làm gì? Cho nên nói tự do, có tự do mà nghĩ lại mình vẫn lo sợ, vẫn khổ đau tràn ngập. Vì sao? Vì tự do ...

LÀM THẾ NÀO RỜI BỎ CÁI TA ?

Mọi người đều bị Cái Ta chế ngự một cách tự nguyện mà không biết. Tuy nhiên cũng có nhiều người đã cố gắng hạn chế cái Ta của mình hay quyết tâm gạt bỏ cái Ta. Những người tài càng cao, học càng rộng, chức vụ càng lớn thì cái Ta càng dâng cao nên hiếm người dứt bỏ được cái ta. Nhiều bậc tu hành, là những người hiểu rõ "Cái Ta xấu xí và đáng hét" nên trong khi tu tập họ hạn chế hay buông bỏ dần cái Ta. Tuy nhiên, vì cái Ta đeo đẳng, bám víu quá chặt nên không thể một sớm một chiều mà có thể tách lìa cái Ta ra khỏi mình được. Vì khó khăn như thế nên ta đừng lấy làm lạ là ngay cả những người đạo đức cao dày, những vị tu hành vẫn có một số vị còn bị cái Tham, Sân, Si, cái Ta tác động.

Nhiều người tới chùa, tìm đọc kinh sách, mỗi lần nói ra là toàn những lời đạo đức, từ bi, vị tha, hỉ xả, - lúc nào cũng "mọi sự, mọi vật đều là không, là vô thường" – thế gian hư huyễn. Khi chết không mang theo gì cho nên tiền của vật chất đều không đáng kể v.v... Thế nhưng lại rất ích kỷ và luôn bảo vệ, giữ kỹ "cái Ta" không rời. Hễ động tới những gì của họ là hốt hoảng la lên "Cái đó là của tôi!".

Nhiều người mới tu đã tự cho mình là hơn người. Đi chùa nhiều, đọc được nhiều kinh sách vậy là đã cho rằng người khác không bằng mình, phê bình này nọ... Nhiều người tìm thầy học đạo thì thích tìm thầy nổi tiếng để cái ta của mình được nổi danh theo. Ngay cả khi muốn quy y cũng cố tìm cho được thầy nổi tiếng để quy y. Quy y như vậy thì Pháp danh mình mới có giá trị! Nhiều người thích đi chùa này, theo vị thầy này thì lại đi phê bình chùa khác, thầy khác. Khen thầy này tụng kinh hay, thầy kia tụng kinh dở. Chỉ có thầy tôi là giỏi, là hay, chỉ có chùa tôi đến là tốt không đâu bằng. Cho nên nhiều người nói là tu mà thật sự chỉ biết tô bồi, bộc lộ cái Ta của mình ra mà thôi. Nhiều người nói tu mà chỉ là đầu

https://tieulun.hopto.org

môi chót lưỡi. Nhiều người nói tu mà như đóng kịch, nên bề ngoài thì lúc nào cũng tỏ ra đạo đức hiền lương nhưng thực sự bên trong thì lại vô cùng ích kỷ, gian tham, mưu lược, chỉ biết có mình mà thôi...

Khi nói về những sự kiện trên, thầy Thích Trí Siêu đã viết như sau:

"Tôi là một thầy tu, tôi cho rằng tôi đạo đức, thông hiểu kinh điển, tu hành thanh tịnh v.v... Đó là tôi đang đúc kết một cái Ta (Ngã) về Tôi. Cái Ta này tôi chỉ muốn thấy nó đẹp tốt- và *tôi từ chối ngoảnh mặt làm ngơ với những phần xấu dở trong tôi*. Như vậy, tôi đâu có biết thương toàn thể con người của tôi. Nếu tôi chỉ thấy mình là người đạo đức thông kinh điển thì tôi đâu cần tu hành làm gì nữa- và cái ngã của tôi sẽ thấy tôi xứng đáng làm Thầy thiên hạ.

Nếu tôi không thấy, không thương những phần xấu dở trong tôi thì tôi cần gì phải tu nữa- vì tu là sửa đổi tánh hư tật xấu- Chính là những phần xấu dở trong tôi, niềm đau khổ của tôi mới cần tình thương, cần được chuyển hóa và cứu độ. Nếu tôi không biết thương yêu những phần này mà chỉ ngắm nghía yêu mến Cái Ngã (cái Ta) tốt đẹp của tôi thì còn gì là từ bi nữa?".

CÁI TA LÀ MỘT PHẦN CỦA TÂM TRÍ

Về Tâm Trí của cái ta thì còn ghê gớm hơn nữa. Vì cái ta bao giờ cũng to lớn cả cho nên không muốn những gì lớn lao, vĩ đại hơn ta cả. Nó muốn những cái vĩ đại ấy nhỏ lại, yếu đi. Nhưng cần nhớ là *Bản Ngã, cái Ta là một phần của Tâm Trí.* Cho nên hễ ai vĩ đại hơn ta thì cái Ta đầy tự ái không thể nào chấp nhận cả, không thể nào hợp ý được? Tâm trí không muốn chấp nhận, chỉ muốn phế bỏ những ai vượt hơn hẳn cái Ta. Chỉ khi có lợi cho ta thì ta có thể chấp nhận những gì mà trước đó cái ta không muốn. Tuy nhiên chỉ chấp nhận trong tạm thời mà thôi. Cho nên thế gian có câu "*yêu nên tốt, ghét nên xấu*" là vậy. Hay "*khi thương trái ấu cũng tròn, khi ghét thì bồ hòn cũng méo*", hoặc "*thương ai thương cả đường đi lối về, ghét ai ghét cả tông ti họ hàng*" v.v...

Cái tâm trí, cái ta thường hay thay đổi, chuyển biến không lường được. Cho nên khi nghe ai nói điều gì thì chỉ có thể tin vào thời điểm mà họ phát biểu đó thôi, vì có thể hôm sau là thay đổi khác rồi.

Như đã trình bày từ trước, cái tâm trí mà ta nghĩ là ta, hòa nhập vào trong cái ta luôn luôn biến đổi. Thường thì nó biến đổi theo hoàn cảnh nên cái tâm trí ấy không vững bền. Như có người lúc sống trong căn nhà to lớn đầy đủ tiện nghi thì họ bảo rằng: "đời người nào có bao lâu, quá ngắn ngủi, tại sao ta không sống trong căn nhà rộng rãi thải mái cho sung sướng?". Nhưng đến khi vì hoàn cảnh sa sút, phải bán nhà, phải sống nơi chật hẹp thiếu tiện nghi thì lại lý luận khác: -Trời ơi! Trước sau rồi ai cũng phải chết, tại sao lại ham sống trong căn nhà to lớn mênh mông lạnh lẽo tốn tiền bạc mà làm chi?.

TÂM CON NGƯỜI LÀ TÂM PHÂN BIỆT

Giữa Ta và Người thì cái Tâm và cái Ta luôn có cái nhận thức phân biệt. Vì người ấy đâu phải là Ta? Cho nên, nếu người ấy giàu sang quyền quý thì ta nể trọng, thán phục, nhưng bên trong vẫn ganh ghét tị hiềm. Còn nếu người ấy nghèo nàn thì lại đối xử bằng cái tâm khinh miệt, coi thường. Cái Tâm con người không bao giờ yên, không bao giờ tịnh cả. Cái Tâm và cái Ta đi với nhau như bóng với hình, cứ mãi lăng xăng đủ thứ, hết nghĩ điều này lại nghĩ điều khác. Cái Tâm luôn mãi phân tích thiệt hơn, xấu tốt, đúng sai. Lý do là cái Tâm không chịu xả bỏ để trở thành trong sạch- để cho cái Tâm vô quái ngại.

Có hai vị thiền sinh đi ngang qua một bãi sình thì gặp một thiếu nữ đang bị mắc kẹt hai chân trong sình không lên bờ được. Một thiền sinh thấy vậy, vội vã chạy lại bế cô gái lên và mang đến chỗ đất khô ráo rồi đi. Vị thiền sinh kia thấy hành động ấy liền tỏ ý bất bình. Khi trở lại chùa liền đem chuyện ấy ra nói:

- Tại sao mình là nhà tu, lại là nam giới mà lại đi bế một cô gái như thế? Thầy không sợ phạm giới luật sao?

Vị thiền sinh kia trả lời:

Cái Tâm của thầy còn chấp trước chưa buông xả. Tôi chỉ bế cô gái ấy đi một khúc đường ngắn thôi và đã bỏ xuống rồi. Còn thầy thì lại tiếp tục mang cô gái ấy về tận đây lận?

Câu chuyện trên cho thấy khi cái tâm trong sáng tự nhiên tức là cái tâm không còn bị ô nhiễm, chấp trước, phân biệt bất cứ gì- làm mà như không làm, làm mà không nghĩ mình làm, làm với cái tâm tự nhiên, trong sạch sáng ngời- Cho nên vị thiền sinh đã bế cô gái lên mà tâm không động, không phân tích, so sánh, tính toán thiệt hơn, đúng sai gì cả. Còn vị thiền sinh kia thì cái tâm vẫn còn chấp trước này nọ, vẫn có ý nghĩ phân biệt gái, trai, nam, nữ, vẫn còn nghĩ về giới luật, tâm trí vẫn còn bị những hình ảnh về tình dục vấn vương nên đã tỏ ý bất bình chống đối.

Đức Phật thường nhắc nhở đệ tử mình qua câu nói sau đây:

Khi thấy người bị mũi tên bắn trúng. Việc quan trọng là rút mũi tên ra và chữa trị vết thương cho người ấy chớ không cần phải tìm hiểu mũi tên ấy xuất phát từ hướng nào, hoặc do ai bắn hoặc hỏi xem người bị nạn có bị ai thù ghét không? ...

Cũng vậy, câu chuyện về hai thiền sinh nói lên hành động của người có cái tâm không phân biệt, cái tâm trong sáng, tự nhiên. Thấy cô gái bị nạn là ra tay cứu giúp ngay chớ không cần phải suy nghĩ mình là nam, lại là nhà tu mà lại ẵm, bế một cô gái, như vậy là phạm giới luật, là điều cấm kỵ... Gặp người đang bị nạn mà cứ nghĩ quanh quẩn rồi mới chịu cứu giúp trong hoang mang sợ sệt thì làm sao mang lại kết quả?

Lời Kinh cho biết rằng: Khi sống trên đời ta đừng vì cái tâm trí mơ hồ mê muội mà phân biệt sự vật thành ra sự *xấu tốt, đúng sai- trong sạch với không trong sạch,* v.v... hãy đọc kỹ đoạn Kinh Bát Nhã ghi lời Phật dạy cho người đệ tử là Xá Lợi Phất như sau:

-"Này, Xá Lợi Tử! Vì mọi sự mọi vật hiện hữu mà chúng ta thấy đó đều là không thật, chúng không sanh ra mà cũng chẳng diệt mất, chúng không dơ mà cũng không sạch, chúng không tăng mà cũng chẳng giảm bớt đi...".

Thế nào là xấu xa bẩn thỉu? Thế nào là trong sạch, thanh cao? Với cái óc phân biệt của con người thì có xấu có tốt, nhưng với cái tâm trong sạch không phân chia thì xấu tốt như nhau, chúng là một. Vì con người nghĩ ra cái tốt nên cái xấu sẽ có theo.

https://tieulun.hopto.org

Đối với sự việc nào đó thì cái tâm trí khi lý luận nhận thức cảm nghĩ về người này thì cho là tốt lành cao thượng, nhưng đối với người khác thì lại là xấu xa đê tiện. Do cái tâm mê mờ, cái tâm phân biệt, chủ quan thành kiến mà tự xác định ra xấu tốt, đúng sai, dơ sạch, thanh cao, bần tiện... mà thôi. Nếu ta nhìn sự vật bằng cái tâm trong sạch không phân chia, không so sánh... thì chẳng bao giờ có cái gọi là xấu hay tốt, cao sang hay thấp hèn, trong sạch hay bần tiện, dơ dáy hay bẩn thỉu cả.

Để hiểu sâu hơn về phần này, ta hãy nghe Osho giải thích:

"Thật sự thì trong thế gian này chẳng có gì gọi là dơ bẩn mà cũng chẳng có chi gọi là trong sạch cả. Chẳng ai là Thánh thiện mà cũng chẳng có ai là kẻ tội lỗi xấu xa. Mọi vật luôn theo tánh tự nhiên, không dơ không sạch. Chính ta tạo ra cái gọi là sự trong sạch để rồi cái dơ bẩn đến với nó. Trong sạch và dơ bẩn phát sinh là do cái Tâm Trí của ta tạo nên. Khi ta tạo nên vị Thánh thì sẽ có kẻ tội lỗi xuất hiện. Vị Thánh và kẻ Tội lỗi xuất hiện bên nhau. Khi vị Thánh không còn thì tự nhiên kẻ Tội lỗi cũng biến mất".

Thưa quý vị, qua những sự kiện vừa trình bày trên, ta đã phần nào lãnh hội được vạn pháp đều KHÔNG, vạn sự vật tuy ta thấy có đó, rõ ràng đó nhưng cái "thực tánh" của chúng đều là KHÔNG có thật, chúng có chỉ là do sự kết hợp của cái này cái kia, là do duyên hợp mà thành thôi, nếu những cái kết hợp kia rời ra thì làm gì có chúng nữa. Nên chỉ là giả tạm, không thật. Vì không thật nên làm gì lại có điều gọi là xấu xa dơ dáy, bẩn thỉu hay thanh cao, tốt lành, trong sạch?

Trên thế gian này phần lớn con người ta sống bằng cái tâm trí phân biệt, luôn chê trách người này thế này, người kia thế nọ. Thật sự đi sâu vào tận cùng cốt lõi của vạn sự vạn vật ta chẳng thấy có gì là thế này hay thế nọ cả. Vì thế để cho cái tâm được thanh thản an vui, không gì hơn là đừng nhìn mọi sự việc qua sự phân chia của đầu óc phân biệt.

Còn nữa, cái tham, sân, si đã khiến cho con người khi đã có rồi càng muốn có thêm nữa, cái lòng tham không đáy vô tận làm con người đau khổ triền miên. Dù biết khi chết sẽ không mang theo được gì mà vẫn cứ tham, muốn có được nhiều tiền hơn, công danh sự nghiệp tăng tiến mãi lên. Họ đâu có ngờ là gia tăng cái này thì sẽ giảm thiểu cái kia. Biết bao cặp vợ chồng say sưa làm ăn say mê tích lũy tiền của quên cả chăm sóc con cái và kết quả là con cái trở thành du đãng, xì-ke ma-túy, ăn chơi trác táng! Nếu họ có cái nhìn sự vật sâu sắc rốt ráo thì sẽ thấy mọi sự mọi vật là KHÔNG. Vì là Không nên chẳng có tăng, chẳng có giảm (Bất tăng bất giảm). Biết rõ vậy rồi thì khi sống trên đời ta đừng bao giờ tính chuyện Hơn, Thua, Được, Không, đừng tham lam, mà cũng đừng ích kỷ, vì thật sự không có cái gì gọi là hơn mà cũng chẳng có cái gì gọi là thua, chẳng có cái gì gọi là được hay không được vì chẳng có gì là tăng mà cũng chẳng có gì gọi là giảm cả. Chẳng qua là do cái óc phân biệt, cái tâm trí mờ tối tham lam sân si mãi của ta luôn phân chia sự vật theo ý mình mà thành ra như thế thôi.

(Còn tiếp)

SẮC KHÔNG KHÔNG SẮC

• Đỗ Quế Chi

Không trước đông thì trước tây
Không trước cây thì trước lá
Không trước ma đầu gió thì trước quỉ cuối sương
Không trước thiên đàng thì trước Ba La Mật
Không trước thật thì trước hư
Không trước hư thì trước hữu

Tôi được đọc bài thơ nầy khi còn trẻ, đọc bằng một sự thờ ơ của kẻ hãnh tiến đang có trong tay tuổi trẻ và cả những hảo vọng, có sức trẻ và có nhiều cơ hội càng làm cho người ta lún sâu vào tham vọng, cái tôi nào cũng có thể tự biện cho những tham vọng ấy bằng các mỹ từ nỗ lực hay phấn đấu cho cuộc sống, nhưng càng bươn về phía trước nếu thành công con người ấy hoặc sẽ trở thành nhẫn tâm hoặc sẽ trơ trọi giữa vô vị thỏa mãn... nhưng những con người thành tựu chỉ khác những người thất bại một điều kiện sống, mà cái chính là cả một lô một lốc người sau những lầm lạc u mê trong cõi Ta Bà danh lợi, khi đã bị nhầu nhĩ trong dòng đời vô thường đến lúc ngộ ra sự đơn giản của những câu chữ trong bài thơ trên thì bài thơ ấy không còn là những câu chữ đơn giản mà nó đã là một trùng khơi đời sống đã bị trả giá oan uổng.

Những ngày còn trẻ khi đọc bài thơ tôi có cảm giác đang làm một bài toán cộng trừ nhân chia nào đó, một cộng một là hai, hai nhân hai là bốn, một trừ một còn không... quá đơn giản một bài toán trẻ con! đứa bé nào vừa xách cặp đến trường cũng được học ngay những con tính đầu đời ấy vậy hà cớ chi đại lão thi sĩ Bùi Giáng lại bỏ công ngồi sắp mấy cái chữ ấy lại với nhau vậy?

Cái đầu óc ngây ngô tôi của ngày ấy chỉ cho tôi hiểu được: không là cái nầy thì là cái kia, không vui thì buồn, không sướng thì khổ, không là chỗ nầy thì là chỗ khác... tôi đã quá lười biếng không chịu lặn sâu vào câu chữ để tìm hiểu đời sống đã sinh sôi nảy nở, đã ba đào dậy sóng, đã hạnh phúc trần gian, đã thấm đẫm khổ đau, vui buồn, sân hận nào trước những có có không không như vậy của người đời nhất là của những người thơ. Lão thi sĩ đã đem những câu kinh ra đời sống, khoác lên kinh

https://tieulun.hopto.org

những chiếc áo trần gian cho con người gần gụi, thế nhưng có mấy ai chịu thấy thực hư?

...
Mỗi ngày sau lao lực
về tới nhà
tôi ngã xuống thân xác hao tàn
để thấy sự bấp bênh
của chiếc lá cuối thu
lúc gió mưa bất nhất
tôi bước tới
đứng lại
thối lui
đi thẳng quẹo phải, rẽ trái
giữa những điều đó
là sự bấp bênh của tôi đi trên dây
tìm lẽ sống.
(Đoàn Nhật)

Lẽ sống, là hoài bão, là đam mê, là con đường tự nhiên đầy quyến rũ dẫn dụ con người vào con đường thế tục, trên con đường ngắn ngủi đó có mấy người được vuông tròn hạnh phúc? Và biết bao người lặn ngụp trong đau khổ trầm luân?

Lẽ sống! Làm sao có thể phân định được thực hư trong ý niệm to tát nầy?

Vậy thì ta hãy cùng một người thơ khác xông vào thực hư để tìm ra hư thực!

Xưa những cơn mưa rào
Rớt xuống khi vừa biết đi biết chạy
Tất yếu cởi truồng nhảy ra đường
Tôi tắm và la hét
Chẳng cần biết lúc nào trời sẽ tạnh
Nay qua nửa vòng thế giới và quá nửa đời người
Mà những cơn mưa
Chỉ làm tôi ngồi ủ rũ như cọng cỏ khô
Nước từ trời đổ xuống vô tận như nguồn thơ Lý Bạch
Nhưng biết điều này thì mình đã mất hồn nhiên
Không còn tắm ngoài đường và la hét
Chỉ còn cái tuổi già cô đọng như tượng đá
Cứ nhìn mưa mà tiếc cả bầu trời
Tiếc cả cuộc đời từng trải
Mà không vượt quá cái dại của tuổi lên năm lên mười.
(Lê Bi)

....
Không hề có một định hướng nào
Từ chối cả sự độc lập của chính mình
Càng sống lâu càng hư cấu
Tự giảng đạo với bóng mình
Dưới những cầu vồng không bao giờ có thật
Như sa mạc thèm rừng cây
....
Không hề tìm được chính mình ở bất cứ đâu
Càng về già càng phiền phức
Cuộn tròn những mối sầu siêu thực
(Lê Bi)
....
Lăn lộn giữa bánh vẽ và hiện thực
Những cuộc cách mạng đã kiệt sức
Thiếu áo quan chung
Không màu cờ nào còn mới
Tôi buồn như thế kỷ
Ôm không hết phù du.
(Lê Bi)

Tất cả chỉ phù du, mọi sự đến và đi quá nhanh trong một kiếp người nhưng hình như chẳng ai chịu hiểu một điều đơn giản:

Một mai gió xóa dấu nằm,
thản nhiên, trời đất lỗi lầm lại xưa.
(Tô Thùy Yên)

Chính vì những „lỗi lầm lại xưa" nên mới có luân hồi, vay trả trả vay, không ai chịu hiểu nỗi phù du trong hư thực cuộc đời nên sân hận ái ố vẫn đồng hành trong mỗi trái tim, làm sao để thoát ra khỏi vòng kim cô êm ái đó?

Là hình ảnh của một đời thường:

Vào ra
thấy vợ
thấy con,
Thấy mình
rêu phủ
như hòn
giả sơn!
(Huy Tưởng)

Nhưng dù ôm ấp một lý tưởng thì cũng có sự khác biệt gì trong mỗi cuộc đời? dù chọn thế nầy hay thế khác thì cũng chỉ là thay đổi tư thế bị hay được, không một cá thể nào có thể độc lập chủ động được trong cộng đồng mình đang sống:

Cái gì cũng có một thời
Bao nhiêu máu chảy trong lời vua ban
Cái gì rồi cũng tiêu tan
Bao nhiêu xương trắng nằm oan dưới mồ
Cái gì rồi cũng rụng rơi
Quả nơi vườn cấm hoa nơi địa đàng
Chỉ còn mãi với thời gian
Tình yêu tự thuở hồng hoang dại khờ
Gắng ngồi viết cạn dòng thơ
Bài thơ rồi cũng hư vô như mình.
(Quang Huy)

Chẳng có gì tồn tại mãi trong trời đất nầy, ý nghĩa nào cũng chỉ tương đối trong một khoảnh khắc nhỏ nhoi, nên tôi cũng dễ tha thứ cho mình những ảo vọng một thời, tôi biết chấp nhận cái mình đang là, tôi sống trong chừng mực hão huyền của đời thực, tôi đối diện với mất mát thiệt thòi của hoàn cảnh, tôi không khắt khe đau khổ mãi với những ngây ngô ngày nào, hình như những sân si cũng phôi pha khi không còn cảm giác ganh ghét, tôi đã buông bỏ được những vun vén riêng mình khi cho mà không cần nhận lại.

Tôi đã cảm thấy rất nhẹ nhàng trong lẽ sống tự nhiên của sắc không luân hồi. Khi hiểu được mình đang và sẽ thế nào trong dòng đời thì câu hỏi nào của mình, cho mình cũng có lời giải, như vậy muộn phiền sẽ lắng lặng đội nón ra đi thế vào đó là sự tĩnh tâm sống và đón chờ những biến thiên cuả vạn vật. ■

(September - 2010)

https://tieulun.hopto.org

Gởi hương theo gió

Tìm hiểu về 7 cái vọng tâm trong kinh Lăng Nghiêm

• **Bùi Thế Trường**

Trong các sách viết về Đạo Phật, có cả sách Thiền, và cụ thể nhất là một Thầy từ Việt Nam qua Úc thuyết pháp tại chùa ở Sydney-Cabramatta NSW cách đây khoảng 6-7 năm, trong đó Thầy nói rằng Tâm nó giống như con vượn, luôn chạy nhảy, không bao giờ đứng yên. Diễn tả thì nghe đầy lý lẽ thuyết phục có thể đưa đến niềm tin. Nếu muốn được an tâm, Thầy đề nghị nên cột tâm nó lại, đừng cho nó chạy nhảy. Nghe thì thấy quá cụ thể, tưởng chừng như thực hiện dễ dàng. Nhưng làm sao cột nó? Và làm sao bắt nó để cột? Hỏi tới, Thầy giải thích cách của Thầy tu là như vậy. Tu như vậy là tu ra sao? Vậy đâu là chân để theo? Nay học về Kinh Lăng Nghiêm, chỉ một bài đầu thôi, chính Đức Phật chỉ dạy cho Ngài A Nan biết bảy cái Vọng Tâm trong Kinh nầy là thế nào. Tại sao phải chỉ dạy bảy cái vọng tâm để làm gì? Vì chúng sanh không phân biệt đâu là chơn, đâu là vọng. Nên chúng sinh thường lấy vọng làm chân mà tưởng đó là chân, lấy vô thường làm thường mà tưởng rằng đó là thường hằng, nên cứ mãi bềnh bồng trong cõi luân hồi trầm luân khổ ải. Khi không biết đâu là vàng, đâu là thau, thì làm sao phân biệt được thiệt hay giả? Vì thế nên Đức Phật dạy cho chúng sinh hiểu biết Vọng trước, cái sai trước, thì mới rõ đâu là thiệt, đâu là Chơn Tâm khi gặp. Cần hiểu được Chơn Tâm, thì việc tu hành mới tiến đúng đường.

Lần thứ nhất viết, tôi ghi lại những câu hỏi của Ngài A Nan và lời vặn hỏi của Đức Phật, để cho quý vị đọc và tự hiểu sâu cạn tùy theo căn cơ từng người.

Để hiểu kinh kệ, nên dùng Tâm mà hiểu. Nếu không dùng tâm mà lại dùng trí mà tự cho rằng là hiểu kinh thì thật sự là chưa hiểu gì. Đó là cái đầu chứa đầy chữ, nhưng cái tâm thì trống không. Bởi cái kiến do trí thức không bao giờ đạt đến cái lẽ tuyệt đối của cái nguyên lý tột cùng. Tự cho hiểu kinh kệ qua trí não là người ngông. Kinh kệ hiểu được khi nào chính nơi bản thân mình thực hiện được nó. Nói một cách khác, hiểu đạo Phật là khi chính bản thân mình đã thực hành được điều gì về những điều Đức Phật chỉ dạy một cách nhập tâm. Mỗi ngày đọc kinh, niệm Phật, lạy Phật, thực hành rốt ráo, và nghe những tiếng chuông chùa ngân nga, mình sẽ thấm hiểu bằng tâm thêm từng chút cái nghĩa thâm sâu của những gì mà Đức Phật chỉ dạy. Và được như thế là cảm thấy tất cả một niềm an lạc tràn ngập trong tâm, và nên tìm cách làm sao có được nhiều niềm an lạc ngắn ngủi cần thiết đó có được xảy ra nhiều lần trong đời.

Đức Phật kêu A Nan lại mà hỏi: *Trong giáo pháp của ta, Ông ngưỡng mộ cái gì mà phát tâm xuất gia?*

A Nan thưa: *Vì thấy Phật có 32 tướng tốt lạ thường, nên sanh lòng hâm mộ mà con phát tâm xuất gia.*

Phật bảo: *Vậy Ông lấy cái gì để thấy và lấy cái gì để hâm mộ?*

A Nan thưa: *Con dùng mắt để thấy và dùng tâm để hâm mộ.*

Phật bảo: *Vậy Ông có biết cái tâm và con mắt ở chỗ nào không?*

A Nan suy nghĩ.

Hai vấn đề quan trọng cần biết là: *Cái Thấy và cái Tâm*. Tại sao?

Thấy. Nhờ cái gì để thấy? - Con mắt.

Còn Tâm? Nhờ cái gì để khởi Tâm? Nhờ hâm mộ Phật mà có được khởi tâm? Cái nào đúng? Cái nào sai? Tại sao?

Cái thấy thế nào?

Như vậy, vì thấy Đức Phật có 32 tướng đẹp, thấy đó không phải là thấy mà cái thấy đó là căn hợp với trần, là con mắt hợp với 32 tướng đẹp của Đức Phật, nghĩa là cái thấy đó lại chính là do Thức. Trong trường hợp nầy, thức ở đây được gọi là vọng tâm. Tại sao gọi là vọng tâm. Nếu nói là nhờ hâm mộ Phật, liền tức thời thức khởi hiện ra mà ta tưởng là Tâm, và trong trường hợp nầy, thức hay gọi là Tâm cũng đều là vọng. Mà vọng là nguồn gốc của vô minh. Vô minh là khổ đau, là phù vân ảo hóa. Nếu lấy vọng làm chơn và tưởng đó chính là chơn Tâm mà hâm mộ Phật là đi sai đường.

Đi xa hơn, thức được hiểu là nói lên cái ngã sở, tính toán, mưu toan, lừa lọc, phê phán, thấy toàn là lợi về cho mình, và cũng chính thức lại che lấp mọi sáng suốt trong sạch của tâm. Chúng sinh thường cho rằng tất cả các thứ trên do thức biến hiện cho nó là chân, nhưng Đức Phật cho nó là vọng tâm, là ảo vọng, là chiêm bao là không thực

Thức không có hình thể, nên không thể nhìn thấy được. Vì chính nó không có hình thể của chính nó, nhưng lại lấy các vật có hình sắc trong vũ trụ, do thức biến ra mà làm thể của nó. Ví dụ như: cái nhà. Cái đó thoạt đầu, không biết là cái gì, nhưng khi thức tham dự vào, gọi là cái nhà, thì tên cái nhà là do thức mà ra.

Ông A Nan và chúng sinh đã và đang sống trong chiêm bao, trong mê vọng, nên mọi khởi tưởng đều là mê vọng. Thế nên, muốn an tâm nếu cho rằng nên trói cột tâm nó lại, thì cái nghĩ trói cột đó lại do thức mà ra, thì đó chỉ là một ảo vọng, huyễn hoặc, hay gọi là vọng tâm. Mà đã là vọng thì làm sao đi đúng đường tu học được?

Cốt lõi của vấn đề là gì?

Vậy thì, cốt lõi của vấn đề từ cái thấy là tìm cái thể tánh của cái thấy, chứ không phải là cái tướng dụng của cái thấy. Cái thể tánh thì không thay đổi, còn cái tướng dụng thì đổi thay luôn.

Ông A Nan hay chúng sinh tìm chơn tâm qua cái thức biểu hiện toàn là sự thay đổi mà lại tưởng là

https://tieulun.hopto.org

chơn. Mà thức là vọng, rồi tưởng vọng là chơn, rồi lấy vọng làm chơn thì làm sao tránh khỏi oan ương, nên phải ngụp lặn trong biển trầm luân khổ ải trong nhiều kiếp sinh tử luân hồi.

Khi chúng sinh sống trong vòng mê hoặc thì thường hay lấy cái đổi thay làm cứu cánh, mà chạy mà đuổi theo nó; và khi chúng sinh được ngộ là khi thoát khỏi vòng mê hoặc tìm được cái thể tánh của cái thấy làm cứu cánh là dừng lại, thì lại khác.

Sự khác biệt giữa ngộ và mê.

Như Đức Phật khi đã giác ngộ rồi, nghĩa là hết vọng rồi, thì mọi khởi tưởng đều là giác ngộ là chơn thật như thị, như thị. Đó là sự khác biệt giữa mê vọng và giác ngộ, giữa chúng sinh và bậc giác ngộ. Trong Kinh Duy Ma Cật viết rằng: khi Như Lai khởi tâm chỗ nào thì hào quang bắn ra nơi đó, vì do tự tâm của Ngài vốn đã thanh tịnh rồi, còn chúng sinh khi khởi tâm lên thì trần lao đi trước (trần lao tiên khởi). Trần lao là gi? Trần lao là những tính toán, mưu toan, tham lam, đầy ngã chấp, giận dữ, lường gạt, dối trá. Chẳng hạn như, khi Cộng sản Trung Cộng thôn tính Tây Tạng, khi đạo quân xâm lược của Trung Quốc tràn vào Tây Tạng, hay CS Bắc Việt, là giai đoạn tiên khởi được nghe thấy từ các báo chí, đến đài phát thanh, và các loa phóng thanh khắp cả mọi nơi rần rộ oang oang: "Trung Quốc thông báo rằng cây kim sợi chỉ của dân không được đụng tới, còn lính Trung Quốc muốn mua đồ của dân Tây Tạng thì thuận mua, đặng bán" không được ăn giựt, ai vi phạm sẽ bị nghiêm trị". Rồi sao nữa? vì khi Trung Cộng tiến chiếm Tây Tạng, khi mọi điều họ khởi lên đều là trần lao là mưu toan, lừa đảo, là cướp giựt cả; chuyện nhỏ nhất là cây kim sợi chỉ vì không đáng giá, lấy như thế lại mang tiếng nên nghiêm cấm không được lấy, và mưu toan để lấy những cái có giá trị gấp trăm ngàn triệu lần hơn. Nhưng sau ba hay bốn tuần, mọi của cải nhà cửa dân chúng Tây Tạng dành dụm suốt cả nhiều đời đều bị tước đoạt sạch sẽ, người dân Tây Tạng ra khỏi nhà bằng tay không, và không được mang theo mình kể cả cây kim sợi chỉ để may vá áo quần khi rách, một cây kim cũng không lọt khỏi được. Đó gọi là trần lao, là mưu đồ lường gạt cướp của giữa ban ngày của Cộng Sản Trung Quốc đối với dân Tây Tạng, hay của CS Bắc Việt mà danh từ ngày nay được gọi là "đánh bọn tư sản mại bản"? Đánh bọn tư sản mại bản chính là ăn cướp trắng trợn ở giữa ban ngày. Đó là thí dụ lịch sử cụ thể đầy tan thương không thể nguôi khuây của cả một dân tộc Tây Tạng và cả loài người có lương tri và đưa đến một sự lưu đày biệt xứ của một vị Phật sống Đức Đạt Lai Đạt Ma, cùng hơn nửa triệu đồng bào Tây Tạng sống lưu vong. Còn dân tộc Việt Nam, cũng tan thương hơn trăm ngàn lần như dân tộc Tây Tạng cũng do từ cái chủ nghĩa cộng sản mà ra.

Một vị Phật thật sự là vị Phật là chẳng bao giờ tự nhận mình là Phật, vì khi mọi điều tự nhận là do thức mà ra đều là không thật. Tự cho mình là đỉnh cao trí tuệ của loài người của thời đại nầy là do thức biến hiện cộng với cái ngã mạn quá cao mà ra, đó là chuyện huyễn hoặc, là không có thật. Vì mọi sự nhận biết đều là do thức. Khi có thức tham dự vào thì là có vọng. Mà vọng là không thật, và là nguồn gốc của vô minh.

Thêm nữa, cuộc đời nầy, có lẽ từ lúc có loài người cho đến ngày nay, tất cả đều do nhị nguyên (dualism) đối đãi mà thành. Và cũng từ đó, trầm luân khổ ải sanh sôi nảy nở không ngừng, tạo ra không biết bao nhiêu điều tranh chấp vì mâu thuẫn: về tâm ta thấy ngay vọng tâm và chơn tâm, về mắt ta thấy cái thấy và cái bị thấy, về tai ta có cái nghe và cái bị nghe, về lòng ta thì thấy vừa thương vừa không thương, vừa cảm thấy sắp bị lưu đày khi bắt đầu yêu thương ai, và khi miệng thì ừ mà lòng thì không thuận, và tình yêu tha thiết đó cũng là oán thù sau đó, vì thương nhau cho lắm lại cắn nhau đau, và ghét là bề trái của cái thương v.v...; về con người thì người mê kẻ giác, chúng sanh và Phật, kẻ cười người khóc, đàn ông và đàn bà, về thiện chí thì có tích cực và tiêu cực, về vũ trụ thì có ngày và đêm, sáng và tối, nóng và lạnh, lúc mưa lúc nắng, về tôn giáo có Phật giáo và Thiên chúa, Bà La Môn, Hindu...; về chính trị hiện tại có Cộng sản và Tư bản..., nghĩa là toàn bộ sự tồn tại được phân chia thành nhị nguyên đối đãi (dualism). Và vì có nhị nguyên đối đãi nên chúng sanh luôn sống trong phiền não và luân hồi trần lao. Chính do sự đối đãi cộng hưởng với cái vọng tâm nên tạo ra một sự đổi thay kinh thiên động địa ngoài tưởng tượng: người tu thành người tù, nhà cửa thành ngục thất, tự do thành nô lệ, con người thành đồ chơi:

Đạo pháp bao trùm màn ảm đạm
Giang san phủ kín lớp màu tang;
Cú kêu ta bảo là oanh hót,
Cuội gọi thì thưa: Dạ, Bố đòi.

Cách đây vào khoảng 50-60 năm, tại Ấn Độ, câu chuyện kể là, có một hiền triết rất nổi tiếng tại Ấn Độ, khi quê hương Ông đổi chủ hay đổi chế độ, ông ra đường đứng khóc thảm thiết nhiều ngày trông rất thảm não. Nhiều người bu lại hỏi ông tại sao lại khóc mà lại không vui mừng khi quê hương đổi mới? Ông mới nói, đường lối của chính quyền mới chỉ là đối đãi của chính quyền cũ. Khi còn đối đãi là còn nhị nguyên. Bởi vì có nhị nguyên là có Họa đó và Phúc đó đi liền nhau. Nay cười, mai khóc. Mà khóc lại nhiều hơn cười. Còn nhị nguyên là còn đầy mâu thuẫn. Mà những cái mâu thuẫn nầy nhiều khi chúng nó lại thảm khốc hơn gấp trăm lần ngàn lần hơn cái chế độ trước, nên dân chúng sẽ đói khổ hơn, tham ô và bóc lột dẫy đầy khắp nơi, dân chúng càng rách nát tơi tả hơn, quê hương sẽ tan thương hơn bao giờ hết, nên tôi khóc cho quê hương và đồng bào. Triết gia nầy tiên đoán trúng phóc cái thực trạng của Việt Nam khi cộng sản vào. Vì cộng sản là đối đãi của Tư bản. Quả thật lời tiên tri của ông quá hay hơn cả Thầy bạch tuộc tên Paul.

Tâm và mắt ?

Trở về vấn đề của Đức Phật. Bởi thế Đức Phật thường nhắc nhở ông A Nan: Ông từ nào cho đến giờ, từ nhiều kiếp sanh tử luân hồi, cũng vì TÂM và MẮT.

https://tieulun.hopto.org

Nếu không biết cả hai ở chỗ nào, thì không bao giờ hàng phục được phiền não và trần lao.

Phật hỏi: *"Tu bồ Đề, Ông nghĩ sao, Ông có cho rằng Ông thấy được các tướng của Như Lai là thấy được Như Lai không?*

Ông Tu Bồ Đề thưa: *"Bạch Thế Tôn, không thể cho rằng thấy được các tướng của Như Lai là thấy được Như Lai. Tại sao vậy? Vì Như Lai đã dạy rằng các tướng của Như Lai không phải thật là các tướng của Như Lai.*

Phật nói tiếp: *"Bất kỳ cái gì có hình tướng đều là giả. Nếu các ông hiểu rằng tất cả mọi hình tướng đều không thật, tức là các Ông thấy được Như Lai".*

Vì muôn vật đều do tâm thức biến hiện chỉ là có giả tướng mà thôi. Vì là giả tướng, nên tất cả sự vật trong vũ trụ nầy đều không thật. Phật bảo cái gì có tướng là không thật. Hơn nữa thân nầy, do ngũ uẩn mà thành, nó được coi là giả, không thật có. Mắt, tai, mủi, lưỡi, thân đều dính vào thân, cũng thuộc về tướng, nên cũng được coi là không thật luôn. Thế nên chúng sanh luôn tưởng chúng là thật. Đó mới sanh ra cái khổ. Vì tưởng chúng là thật, nên một mặt thì gìn giữ chúng, o bế bằng cách tẩm bổ bằng cao lương mỹ vị, lại còn chạy tiền lo sửa sắc đẹp cho chúng. Mặt khác, các công năng của chúng như khi chúng thấy, nghe, ngửi, nếm v.v... cũng đều cho là thật cả. Mà thật ra, bản chất của chúng là giả rồi, nên những công năng của chúng cũng giả luôn. Giả hết mà cứ tưởng là thật hết.

Nên Đức Phật bảo: ***Ông (A Nan) từ nào cho đến giờ, từ nhiều kiếp kiếp sanh tử luân hồi mãi mãi, cũng vì TÂM và MẮT.***

Ông A Nan là đại diện cho chúng sanh, Ông van lạy Đức Phật chỉ cho ông thấy cái chân tâm. Đức Phật chỉ cho ông A Nan hiểu thế nào là vọng tâm. Chúng ta xem sự gạn hỏi của ông và sự trả lời của Đức Phật, để cùng nhau học hỏi.

Giai đoạn 1 - Tâm trong thân

A Nan liền chỉ Tâm ở trong thân. Và Đức Phật dùng "trong và ngoài" để chỉ dạy A Nan hiểu về tâm. Khởi đầu bằng cái thấy trước. Thấy là nhờ mắt. Còn Tâm là ở trong thân.

A Nan thưa: *"Bạch Đức Thế tôn: Mắt thì ở trên mặt, còn tâm thì ở trong thân.*

Phật bảo: *"Ông ngồi trong giảng đường, thì Ông thấy cái gì trước? Và nhờ đâu Ông thấy được cây cối ở ngoài vườn".*

A Nan: *"Bạch Thế Tôn, trong giảng đường con thấy Phật và chư tăng. Khi cửa mở, nhìn ra ngoài, con thấy cây cối và cảnh vật bên ngoài".*

Phật hỏi: *"Có ai ngồi trong nhà, trước không thấy cảnh vật trong nhà, mà lại thấy được cảnh vật bên ngoài không?"*

A Nan thưa: *"Dạ không".*

Phật bảo: *"Tâm Ông cũng thế. Nếu thật Tâm ở trong thân Ông thì ông thấy nào là tim, gan, ruột, phổi, máu chuyển động ở các mạch bên trong, rồi sau đó mới thấy cảnh vật bên ngoài. Cũng như người ngồi trong giảng đường, trước hết phải thấy Phật cùng chúng tăng trong giảng đường trước hết, rồi sau đó, ngó nhìn ra ngoài mới thấy sông núi cây rừng v.v...".* (Từ cái lý luận dùng trong mà chứng minh, đưa đến kết luận là Tâm không ở trong thân).

Phật bảo: *"Vậy, có ai thấy tim, gan, ruột, phổi ở trong thân rồi sau mới thấy các vật ở bên ngoài không? Không. Nên Ông nói cái tâm ở trong thân thì vô lý".*

Giai đoạn 2 - Tâm ở ngoài

A Nan sau khi bị bác, liền cho rằng tâm ở bên ngoài. Tại sao lại ở bên ngoài? A Nan ví dụ như cây đèn để bên ngoài, thì tất cả bên ngoài đều sáng bên ngoài mà lại không thấy bên trong.

A Nan bạch Phật: "Theo lý luận trên con hiểu thì TÂM ở ngoài thân. Vì nếu TÂM ở trong thân thì làm sao con thấy cảnh vật bên ngoài mà lại không thấy các vật bên trong. Vì như cái đèn đốt ở ngoài nhà nên chẳng sáng trong nhà. Cái nghĩa nầy là đúng rồi. Vậy TÂM ở ngoài thân.

Phật bác như sau: Nếu cho Tâm là ở ngoài thì tại sao Ông không thấy con mắt hay cái mặt của Ông? Nếu Tâm là ở ngoài thì có hai việc xảy ra: Khi mắt thấy, thì Tâm Ông biết, như vậy cái Tâm ở ngoài chạy vào trong thân? Trái lại, nếu đánh thân Ông nơi vai phải, thì Tâm Ông phải không biết, nhưng tại sao Ông lại biết đau? Như vậy Tâm Ông không thể ở ngoài. Còn nếu, mắt Ông vừa thấy, Tâm Ông liền phân biệt, như vậy Tâm không thể ở ngoài được. Kết luận, Tâm không thể ở bên ngoài. Kết luận: *Tâm ở ngoài là không đúng.*

Giai đoạn 3 - Tâm núp trong con mắt

Phật hỏi Ông A Nan: Ông A Nan cho Tâm núp trong con mắt, như mắt người đeo gương vậy.

Phật hỏi Ông: Nếu người đeo gương thì nhìn thấy được cảnh vật, và cũng thấy luôn cái gương nữa, còn Tâm của Ông sao lại không thấy được chính con mắt hay gương mặt của Ông? Nếu Tâm Ông lại thấy được con mắt Ông thì con mắt Ông là cảnh bị thấy, thì con mắt Ông lại ở ngoài thân Ông. (Tại sao? Trong Duy thức học có giải thích: Khi căn đối với trần, hay nhãn căn đối với Sắc trần thành nhãn thức, thì con mắt là trần gọi là cái bị thấy, cái bị thấy đó lại ở ngoài thân). Như vậy không được. Hơn nữa, nếu Tâm Ông ở ngoài, khi Ông vừa thấy, Ông liền phân biệt, thì làm gì có Tâm ở ngoài con mắt. Như vậy cũng không được. Thế là lại bị Phật bác.

Giai đoạn 4 - Tâm ở trong thân

Bị bác hết, A Nan liền cho rằng Tâm ở trong thân. Tại sao cho rằng Tâm ở trong thân? Vì khi nhắm mắt lại thấy tối.

Phật lại hỏi: Khi Ông mở mắt có thấy Cảnh tối đó ở trước mắt Ông hay không? Nếu có thấy cảnh tối đó trước mắt sao lại nói nó ở trong thân? Nếu cho rằng ở trong, sao Ông không thấy ruột gan Ông? Còn mở mắt, lại nhờ các thất huyệt hay giác quan trống mà thấy ngoài thân? Nếu ở ngoài thân, vậy sao Ông không thấy cái gương mặt của Ông? Nếu nó ở ngoài, khi Ông mở mắt ra, khi Ông thấy gương mặt của Ông thì Tâm Ông liền biết, như thế Tâm và con mắt Ông phải ở ngoài Ông. Như vậy mắt và Tâm của Phật

https://tieulun.hopto.org

đang nhìn Ông lại cũng là của Ông sao? Như vậy không được. Hơn nữa, khi thân Ông biết thì con mắt Ông phải không biết, vì Tâm nó ở ngoài thân? Còn khi thân Ông biết thì con mắt Ông cũng phải biết, vì Tâm nó ở trong thân? Như vậy Ông có hai cái Tâm? Và nếu tu chứng quả thì thành hai vị Phật? Như vậy thấy tối là thấy ở trong thân là không đúng.

Giai đoạn 5 - Tâm ở chỗ hòa hợp

A Nan liền viện cớ, nay không cho Tâm ở trong, ngoài, hay chặn giữa mà lại vin vào lời dạy của Đức Phật, cho Tâm ở chỗ có hòa hợp. Cái suy nghĩ đó là tâm, được gọi là năng suy. Phật hỏi, nếu cho rằng hòa hợp chỗ nào thì Tâm ở ngay chỗ đó. Như vậy là tâm không có thực thể. Nếu không có thực thể thì làm sao mà hòa mà hợp? Nếu tâm Ông có thực thể, thì có hai việc: nếu lấy tay đánh bên mặt của Ông, Ông thấy đau, thì cái đau đó là do Tâm Ông ở ngoài hay ở trong chạy tới: a- Nếu ở trong, tại sao tâm lại không thấy ruột gan của Ông? b- Nếu ngoài tại sao nó không thấy gương mặt của Ông?

A Nan chưa chịu thua, lại biện luận: Con mắt thì dùng để thấy, còn Tâm thì để biết, vậy sao Đức Phật nói là Tâm thấy? Phật hỏi A Nan:

Khi người chết, con mắt họ mở trao tráo, sao họ lại không thấy? Nếu họ thấy thì tại sao bảo họ chết? Còn nếu cái tâm biết có hai trường hợp: nếu tâm là một đồng nhất thể, khi đánh một cái, thì cái đau đó khắp thân đều biết, cái đau không có chỗ nhất định, ví dụ như, đánh nơi đầu thì khắp cả thân đều đau, nếu cảm thấy đầu đau hơn hết là sai, nếu cái đau đó chỉ hiện ra nơi chỗ bị đánh, thì cái tâm gọi là đồng nhất thể, ở khắp cả thân là không phải. Còn nếu, cho Tâm Ông là nhiều thể, thì có nhiều người, vậy người nào là Ông? Cái tâm nào là tâm của Ông? Hơn nữa, nếu tâm Ông ở khắp thân thể, khi đánh đầu và chân cùng lúc, thì đầu đau mà chân không đau, hay chân đau mà đầu lại không đau, đàng nầy cả hai đều đau hết. Tại sao? khi đụng ở đâu, thì tâm chạy đến nơi mà tạo sự phân biệt. **Như vậy tâm ở chỗ hòa hiệp là không đúng**

Giai đoạn 6 - Tâm ở chặng giữa?

A Nan lý luận: Nếu Tâm ở trong thân, sao chẳng biết được vật bên trong? Lại bị bác. Còn tâm ở bên ngoài, thì sao tâm chẳng biết mặt nhau, nên nghĩa ở ngoài cũng không đúng. Cũng bị bác. Nay vì thân tâm biết nhau và lại cũng không thấy được bên trong, nên con chắc là tâm ở chặng giữa.

Phật hỏi: Ông hãy xác định chỗ giữa là chỗ nào? Ở một bên, thì không phải là ở giữa. Còn ở chính giữa thì là ở trong. Mà ở trong thì đã bàn rồi, là sai. Nếu ở cảnh ngoài, thì ở giữa là giữa như thế nào?

A Nan bạch Phật: Con nghe Phật cùng với Ngài Văn Thù và các vị Pháp Vương luận bàn về nghĩa "thật tướng" (chơn tâm), Phật dạy rằng: "Tâm chẳng ở trong và cũng chẳng ở ngoài". Theo con suy nghĩ: Nếu Tâm ở trong thân, sao chẳng biết được vật bên trong thân? Còn tâm ở bên ngoài, thì sao tâm và thân chẳng biết nhau, nên nghĩa ở ngoài cũng không đúng. Nay vì thân và tâm biết nhau và lại cũng không thấy được bên trong, nên con chắc là tâm ở chặng giữa.

Phật dạy: Ông nói "tâm ở chặng giữa", vậy cái "chặng giữa" đó ở chỗ nào? Phải có nhất định rõ ràng, ở nơi thân hay ở nơi cảnh? Nếu ở nơi thân thì ở một bên hay ở giữa? Nếu ở một bên thì không phải ở giữa, còn ở chặng giữa thân, thì đồng với ở trong thân, như đã nói trước. Nghĩa là: tâm phải thấy tim, gan, phèo, phổi ở bên trong trước. Còn như ở về cảnh, thì có thể nêu (cái giữa) ra được, hay không nêu ra được?. Nếu không nêu ra được, thì đồng như không có; còn nếu nêu ra được, thì không thể nhất định chỗ nào là chặng giữa. Vì sao? Như người ta lấy cây nêu cắm ở chính giữa, nếu người ở phía đông thì xem cây nêu ấy ở phía tây, còn người ở phía nam thì xem cây nêu ấy ở phía bắc. Cái cây nêu đó đã không nhứt định chỗ nào là chặng giữa, thì tâm của Ông cũng phải lộn lạo không định.

A Nan thưa: Con nói "chặng giữa" không phải hai chỗ ấy. Như Phật thường dạy: "Con mắt đối với sắc trần, sanh ra nhãn thức". Một bên con mắt thì có phân biệt, một bên sắc trần lại không phân biệt, cái thức sanh chặng giữa, đó là chỗ của tâm.

Phật dạy: ông nói "Tâm Ông sanh ở chặng giữa căn và trần" hay không gồm cả hai. Nếu gồm cả hai, thì căn với cảnh lộn lạo (căn không thành căn, cảnh không thành cảnh; vì vừa biết lại vừa cũng không biết), song trần cảnh thì không có tri giác, còn căn thì có tri giác, hai bên đối lập riêng khác, vậy lấy chỗ nào làm chỗ giữa. Còn như không gồm cả căn và cảnh, thì tâm không thật thể. Vậy lấy cái gì làm chặng giữa? Thế nên phải biết: ông nói "tâm ở chặng giữa" cũng sai.

Giai đoạn 7 - Chấp cái "không" trước làm tâm

Ông A Nan thưa, Phật có dạy rằng: "Cái tâm hiểu biết phân biệt, không ở trong thân, không ở ngoài thân, không ở chặng giữa, không ở chỗ nào cả"; không dính mắc (vô trước) tất cả "đó gọi là tâm". Vậy *con lấy cái không dính mắc đó làm tâm.* Chẳng biết có được hay không?

Phật dạy: Ông nói lấy cái "không dính mắc tất cả" làm tâm. Vậy ta hỏi Ông, tất cả các vật trong thế gian, nào là hư không, thế giới v.v... Vậy các vật tượng ấy có mà Ông không dính mắc hay là không có mà Ông dính mắc? Nếu các vật ấy không có, thì cũng như lông rùa, sừng thỏ, nó đã không, thời có gì mà dính mắc. Còn nếu có cái dính mắc "thì không thể nói rằng" không dính mắc được. Vì cái gì không có hình tướng thì không, còn cái gì có hình tướng là có; nếu có hình tướng thì phải bị "dính mắc". Thế nên ông nói: *"không dính mắc tất cả là tâm"* cũng không phải.

Kết luận:

Tại sao bảy lần A Nan thưa với Đức Phật để chỉ cái chân tâm thì bảy lần đều bị bác, bảy lần tất cả không phải là chơn mà chỉ toàn là vọng tâm. Vì Ông A Nan cũng như chúng sinh chúng ta, vì đang sống trong vọng, và vì chưa ngộ được cái bản tánh chơn tâm thì

https://tieulun.hopto.org

nói bất cứ điều gì, nói bao nhiêu lần cũng đều sai bét hết.

Trong kinh Lăng Nghiêm, Ông A Nan đóng vai trò của chúng sanh, là chúng sanh thì khi khởi lên một điều gì, thì cái khởi đó toàn là vọng tưởng. Vọng tưởng có là do vô minh mà ra. Vô minh là đầu mối của tham sân si... Vì vô minh, nên chúng sanh thì luôn tìm cách chạy quanh co, tráo trở, lương lẹo, lấp liếm, gian tham, muốn vơ hết đem về mình, tất cả muôn phương bách kế mà kết quả rồi cũng sai.

Chuyện xảy ra tại Ấn Độ xa xưa như vầy: Tại thủ đô Ấn Độ, ông phó chủ tịch thủ đô, năm tới là về hưu, nên năm nay ông lương lẹo và làm gấp, nhơn cơ hội chỉnh trang khu công viên thủ đô, ông không lo chỉnh trang, mà lại khai quang một số nhà dân ở hai bên nhà ông ở trong hẻm cụt, làm nhà Ông có được hai mặt tiền, có đường lộ thênh thang hai bên, và làm cho giá cả căn nhà tăng gấp 2.000-100.000 lần giá cả thị trường thời đó. Đó là cái khởi của chúng sanh, nghĩa là mọi cái nghĩ suy đều là lương lẹo, tráo trở. Chuyện nầy cũng xảy ra y chang tại Hà Nội.

Quan trọng chính là Tâm. Vì có tâm nên mới có sự dính dấp, đắm trước, dính líu, mưu toan, tráo trở. Chỉ có Tâm là nguồn gốc mọi tội lỗi. Sở dĩ Đức Phật nói nhiều và quy lỗi là do cái tâm. Đó là vọng tâm. Khi vọng tâm dứt, thì chơn tâm hiển lộ.

Con người với các đức tính tốt thì sẵn có. Nhưng làm sao tiêu diệt các tham sân si v.v... trong con người thì không phải là dễ và đơn giản. Đó là dụng công nhờ tu đức để diệt trừ mọi phiền não.

Nói một cách để hiểu rõ ràng hơn: Tâm ta gọi là nước, còn Thể ta gọi là sóng. Sóng thì luôn thay đổi, lúc sóng ba đào, lúc sóng gợn lăn tăn, khi có gió nổi lên. Gió đây lại cũng được hiểu thêm là gió tham, sân, si, hỉ, nộ, ái, ố v.v... những thứ gió nầy hiện diện trong ta hoài hoài, từ người dân chất phác cho đến các lãnh tụ, các thủ trưởng. Nên thức biến thành sóng gầm thét hoài hoài trong ta đầy sóng gió, như biển động, thì nó được hiểu là vọng Tâm. Còn vọng tâm là còn cái phù vân ảo hóa bao trùm chúng sanh ngụp lặn trong biển trầm luân khổ ải.

Đức Phật chỉ cho ông A Nan về chơn tâm, thứ tự dựa vào thứ tự tính tình của chúng sinh diễn biến theo vọng chấp của họ. Tất cả bảy giai đoạn cật vấn về Tâm là bảy giai đoạn làm cho ông A Nan cùng đường bí lối. Rồi Đức Phật mới bắt đầu từ từ chỉ đâu cái chơn Tâm. Trước hết, gợi ý các giác quan về trực giác như tai nghe mắt thấy là tâm. Rồi khi ông A Nan hay chúng sinh hiểu rõ, Đức Phật nâng lên một cấp cao hơn. *"Các giác quan không phải là vọng mà cũng không phải là chơn tâm, chúng là mặt trăng thứ hai nhưng chưa phải là mặt trăng. Rồi Đức Phật chỉ bản thể sinh ra giác quan, ấy thật là chơn tâm".*

Phật dạy chúng ta: cái tướng thể của cái thấy thì khác nhau, không phải là chơn tâm, chơn tâm chính là cái tánh của cái thấy, hay bản thể của cái thấy, như nước và sóng vậy. Nước là Tánh, còn sóng là tướng Thể •

Chiều xuân nhớ về

Ngoài kia biển nắng đã chiều rất đẹp
mây tím vàng đang trải lụa trên cao
lòng chợt thấy xôn xao lên niềm nhớ
khung trời xưa, kỷ niệm cũ, năm nào

Nơi phương chốn có bạn bè đàn đúm
chuyện trên trời, dưới đất cũng vui tai
cũng có đứa chửi thề đời khốn nạn
chiến tranh hoài làm thui chột đời trai

Nhưng lại có tình em thơm bông bưởi
áo trắng đơn sơ mộng ước đong đầy
em tha thướt lúc tan trường chung lối
như đàn cò bay trắng giữa chiều mây

Ai cũng ngỡ quê nhà ngày thống nhất
sẽ hòa bình giữa kẻ thắng người thua
nhưng đâu biết mẹ con thân lang bạt
cha tập trung cải tạo những mút mùa

Nay khuất cách biết lấy gì nương náu
mộng ngày xưa còn hiu hắt bên lòng
đường về khó đã ngàn trùng thiên lý
nỗi nhớ hằn lên mắt lệ thương mong

Tìm đâu thấy bóng ngày xưa thân ái
đứng xa trông hun hút một trời quê
chợt ngó lại em trở thành sương phụ
vì người đi chinh chiến mãi không về

Ngày xa lắm đời buồn hơn màu nắng
khi ngùi trông hắt vợi bóng trời chiều
hiu quạnh quá xuân về không cánh én
ngỡ như ngày chìm khuất giữa cô liêu

Mùa đang đến gió ngoài kia thổi lạnh
mây âm thầm chìm nổi một màu tang
đời đã lạc thương chim trời mỏi cánh
đang trôi dần về một phía không tên

Nhưng may mắn còn tự do để được...
suy niệm lại đời: còn, mất, hơn, thua
và dành dụm cho đời từng giây phút
ngồi trông về quê mẹ đã xa, xưa ...!

• Đan Hà

https://tieulun.hopto.org

Vua Milinda vấn đạo

Bản Anh ngữ : **Tỳ Kheo Pesala**
Bản Việt ngữ : **Cư sĩ Liễu Pháp**

(Tiếp theo VG 179)

Chương 09

Những Vấn Đề Khó Xử

11. Những Giới Luật nhỏ nhặt và ít quan trọng

"Bạch Đại Đức, Đức Thế Tôn có nói: 'Này các tỳ kheo, từ kiến thức cao siêu mà ta giảng Pháp'. Nhưng Ngài cũng nói: 'Này Ananda, khi ta nhập diệt, nếu Tăng đoàn mong muốn bỏ bớt những giới luật nhỏ nhặt và ít quan trọng thì hãy để cho họ làm vậy'. Vậy thì phải chăng các giới luật đó được đặt ra không đúng hoặc là không cần thiết?"

"Tâu Đại Vương, khi Đức Thế Tôn nói 'hãy để cho Tăng đoàn bỏ bớt giới luật nhỏ nhặt và ít quan trọng' là nói để thử các vị tỳ kheo. Cũng giống như khi một nhà vua trên giường bệnh sắp chết muốn thử các con bằng cách nói rằng 'Những vùng gần biên giới của vương quốc sẽ có thể bị nguy hiểm và bị mất đi sau khi ta qua đời'. Rồi thì các hoàng tử sau khi vua cha qua đời, có bao giờ muốn từ bỏ các vùng đất của vương quốc gần biên giới hay không?"

"Bạch ngài, đương nhiên là không", Đức Vua nhanh chóng trả lời. "Các hoàng tử vì tham quyền lực, có thể đi chinh phục một vùng rộng lớn hơn hai lần lãnh thổ họ đã có, nhưng chẳng bao giờ lại muốn từ bỏ những vùng vương quốc đã chiếm giữ".

"Tâu Đại Vương, cũng giống như thế, các Phật tử, với lòng hâm mộ Phật Pháp, có lẽ đã giữ hơn 150 giới luật, nhưng họ chẳng bao giờ bỏ giới luật nào đã được đặt ra".

"Bạch ngài Nāgasena, khi Đức Phật nói về các giới luật nhỏ nhặt và ít quan trọng, nhưng không rõ đó là những giới luật gì".

"Những giới luật ít quan trọng là những hành động không đúng[*E 9.11.1]; còn giới luật nhỏ nhặt là về lời nói.[*E 9.11.2]

Những vị cao tăng trong lần Kết tập Tam tạng lần thứ nhất cũng đã không hoàn toàn nhất thiết đồng ý về việc này".

12. Cách giảng Pháp của Đức Phật

"Bạch Đại Đức, Đức Thế Tôn đã nói với ngài Ananda: 'Về Phật Pháp, Như Lai không có bàn tay nắm lại như một vị thầy muốn che giấu điều gì'. Tuy nhiên khi Mālunkyāputta hỏi Ngài, Ngài đã không trả lời. Phải chăng đó là vì Ngài không biết câu trả lời hoặc là Ngài muốn che giấu điều gì?"

"Thưa Đại Vương, Ngài không trả lời không phải vì không biết mà cũng chẳng phải vì muốn che giấu điều gì cả. Một câu hỏi có thể được trả lời bằng một trong bốn cách: trả lời trực tiếp, trả lời với sự phân tích giảng giải, trả lời bằng cách hỏi ngược lại rồi mới trả lời hoặc là để qua một bên, giữ yên lặng không trả lời".

"Loại câu hỏi nào thì được trả lời một cách trực tiếp?

- Phải chăng Sắc là vô thường? Thọ là vô thường? Tưởng là vô thường?".

"Và câu hỏi gì thì được trả lời bằng phân tích, giảng giải?

- Cái gì là vô thường, có phải là Sắc?".

"Câu hỏi gì thì không nên trả lời?

- Phải chăng thế giới này là bất diệt? Thế giới này phải chăng không vĩnh cửu? Phải chăng Như Lai hiện hữu sau khi nhập diệt? Ngài không còn hiện hữu sau khi chết? Phải chăng linh hồn cũng giống như thân thể? Phải chăng thân thể là một thứ còn linh hồn là một thứ khác? Đó là loại câu hỏi mà Đức Phật đã không trả lời Mālunkyāputta. Chẳng có lý do gì để mà trả lời câu hỏi như vậy. Các vị Phật không nói nếu không có lý do".

13. Sợ chết

"Đức Thế Tôn đã nói rằng 'Tất cả đều run sợ trước hình phạt, trước sự chết'. Nhưng Ngài cũng nói 'Vị A-la-hán đã qua khỏi mọi sợ hãi'. Thế thì thế nào? Các vị A-la-hán có run sợ trước sự chết không? Hoặc là chúng sanh trong địa ngục có kinh sợ sự chết không khi cái chết giúp họ thoát khỏi sự hành hạ khốn khổ?".

"Tâu Đại Vương, Đức Phật không đề cập đến các vị A-la-hán khi nói rằng 'Tất cả đều run rẩy trước hình phạt và kinh sợ cái chết'. A-la-hán là trường hợp ngoại lệ trong câu nói trên, bởi vì vị A-la-hán đã loại trừ mọi nguyên nhân của sự sợ hãi cái chết. Tâu Đại Vương, giả sử rằng một vị vua có bốn đại thần rất trung thành và đáng tin cậy; liệu họ có sợ hãi chăng nếu nhà vua đó sắp ban hành luật nói rằng 'Tất cả mọi người trong vương quốc ta đều phải đóng một thứ thuế?".

"Thưa không, bạch ngài Nāgasena, các vị đại thần chẳng sợ hãi bởi vì thuế không áp dụng cho họ, họ được miễn thuế".

"Thưa Đại Vương, cũng giống như vậy, câu nói 'Tất cả kinh sợ hình phạt và cái chết' không áp dụng cho các vị A-la-hán vì họ đã qua khỏi sự sợ hãi cái

---

[*E 9.11.1] Dukkata - Sự vi phạm 35 giới tu học (của Sa-di và Tỳ-kheo như cách ăn mặc, cử chỉ, đi đứng...) và các giới tương đối ít quan trọng.

[*E 9.11.2] : *Dubbhāsita* - Những lời nói phù phiếm hoặc châm chọc, nhưng không đưa đến sự nói dối hoặc sự sỉ nhục.

https://tieulun.hopto.org

chết. Thưa Đại Vương, có năm cách để xác minh một câu nói: bằng cách so sánh với câu trích dẫn; bằng cách xem thử nó có thích hợp với các câu trích dẫn khác; bằng cách xem nó có phù hợp với lời dạy của các vị thầy; bằng cách xem nó có phù hợp với quan điểm của mình, nghĩa là kinh nghiệm của riêng mình; và cách thứ năm là tổng hợp các phương pháp trên."

"Thật hay, bạch ngài Nāgasena, tuy nhiên còn thắc mắc về chúng sanh ở địa ngục, chắc là họ không sợ cái chết khi biết cái chết sẽ đưa họ ra khỏi sự hành hạ khốn khổ?".

"Tâu Đại Vương, chúng sanh ở địa ngục kinh sợ cái chết, bởi vì cái chết là một điều kiện mà tất cả những ai chưa thấy được Phật pháp đều phải kinh sợ. Thưa Đại Vương, giả sử một người tù bị giam trong ngục tối sẽ được giải đến Đức Vua để được thả ra. Liệu người tù đó có sợ hãi về việc sắp gặp Đức Vua?"

"Vâng, người tù sẽ sợ hãi".

"Cũng như vậy, những chúng sanh ở địa ngục sợ hãi sự chết mặc dầu với cái chết, họ sẽ được ra khỏi sự hành hạ khốn khổ".

14. Bảo Vệ Sự Sống

"Đức Phật nói rằng 'Cho dù ở giữa không gian, trong lòng đại dương, trong khe núi, ở khắp toàn thế giới rộng lớn, chẳng có một nơi nào mà một người có thể trốn thoát lưỡi hái của tử thần. Nhưng một mặt khác, Đức Phật lại nói kinh cầu an (*paritta*) để bảo vệ những ai đang lâm nạn. Nếu không thể thoát khỏi sự chết thì kinh cầu an chẳng có ích lợi gì".

" Tâu Đại Vương, kinh Paritta chỉ dành cho những ai còn được sống thêm quãng đời còn lại. Chẳng có một nghi lễ hoặc một phương tiện nhân tạo nào mà có thể kéo dài đời sống của một người khi kiếp sống của người đó đã hết".

"Tuy nhiên, bạch ngài Nāgasena, nếu một người mà kiếp sống chưa dứt sẽ sống, và một người mà kiếp sống đã hết sẽ chết, thế thì thuốc men và kinh Paritta giống nhau ở chỗ là đều vô ích".

"Nhưng, tâu Đại Vương, ngài đã từng thấy hoặc nghe trường hợp một bệnh tình được chữa lành bằng thuốc men?".

"Thưa cả hằng trăm lần".

"Thế thì lời nói của ngài về hiệu quả của thuốc men và kinh Paritta phải là sai lầm".

" Bạch Đại Đức, kinh Paritta có hộ trì được cho tất cả mọi người?".

"Chỉ hộ trì cho một số người, chứ không phải cho tất cả. Có ba lý do mà kinh Paritta không hữu hiệu: chướng ngại do nghiệp trong quá khứ, chướng ngại do ô nhiễm trong hiện tại, và chướng ngại do thiếu đức tin. Kinh mất hiệu lực hộ trì cho những chúng sanh vì họ không được thanh tịnh".

15. Oai lực của Ma Vương

"Mặc dầu Đại Đức nói rằng Như Lai luôn luôn nhận được vật thực khi đi khất thực, tuy nhiên khi đi vào làng Pañcasāla, Ngài không được gì cả, do sự quấy phá của Ma Vương.

Phải chăng oai lực của Ma Vương mạnh hơn oai lực của Đức Phật hoặc là tà mạnh hơn chánh?"

"Tâu Đại Vương, mặc dầu điều ngài nói có xảy ra, ngài không có đủ lý do để minh xác sự quả quyết của mình. Một người gác cổng của một cung điện hoàng gia, vì ganh tị có thể ngăn chận kẻ mang quà biếu đến nhà vua, nhưng như vậy không có nghĩa là nhà vua ít quyền lực hơn người gác cổng. Có bốn trường hợp phẩm vật cúng dường có thể bị ngăn cản: khi phẩm vật cúng dường chưa nhất định là để cúng dường cho ai, khi phẩm vật đã được dành riêng cho một người nào đó, khi phẩm vật đang được chuẩn bị cho một người nào đó và khi phẩm vật cúng dường cho người nào và đang được thọ dụng. Trường hợp mà ngài nhắc tới là trường hợp mà phẩm vật đã không được để dành riêng để cúng dường Đức Phật: nếu phẩm vật đã được để dành riêng để cúng dường Đức Phật thì chẳng ai có thể ngăn cản được".

"Tâu Đại Vương, có bốn điều liên hệ đến Đức Thế Tôn mà chẳng ai có thể xâm phạm được: đó là thực phẩm cúng dường Ngài, vầng hào quang quanh Ngài khoảng một sải tay, sự toàn giác của Ngài và sanh mạng của Ngài. Những điều này là toàn hảo, không thể bị tấn công và bị hãm hại do bất kỳ ai. Khi Ma Vương xâm nhập dân làng Pañcasāla, cũng giống như khi quân cướp trốn nơi chỗ khuất, đã bao vây đường đi. Nhưng nếu nhà vua thấy được chúng, ngài nghĩ xem chúng có được an toàn không?".

"Bạch ngài, không, nhà vua có lẽ sẽ phân thây chúng".

"Tâu Đại Vương, nếu Ma Vương ngăn cản sự cúng dường thực phẩm để dành riêng để cúng dường Đức Phật thì đầu của Ma Vương đã bị chặt ra ngàn mảnh".

16. Hiểu biết việc bất thiện

"Đức Phật có nói rằng 'Bất kỳ ai ngu dại đi giết hại một chúng sanh đều tích lũy tội lỗi lớn' [*E 9.16.1]. Nhưng trong giới luật cho tỳ kheo về sát sanh, Ngài lại nói 'Không có vi phạm tội lỗi nếu sát sanh mà không biết là mình sát sanh'. Hai câu trích dẫn trên xem ra khó mà có thể đúng được cả hai?".

"Có những vi phạm lỗi lầm không có lối thoát cho người làm việc bất thiện mà không biết mình làm việc bất thiện và có những tội lỗi lầm khác thì có lối thoát [*E 9.16.2]. Loại lỗi lầm thứ hai này là những trường hợp Đức Phật nói không bị tội lỗi nếu không biết là việc bất thiện." [*V 9.16.2]

[*E 9.16.1]: (dịch nguyên văn lời chú thích của Tỳ Kheo Pesala) Câu trích dẫn này bị hiểu sai lầm. Chẳng có tội lỗi gì khi sát sanh mà không biết mình sát sanh (như một người mù vì không thấy mà đạp nhầm vào đàn kiến). "Ngu dại" (như trong câu trích dẫn) có nghĩa là không hiểu biết đó là một hành động bất thiện đem lại quả báo xấu. Xin xem Chương 7, câu hỏi 8.

[*E 9.16.2] So sánh 2 trường hợp. *Pācittiya 51*: trường hợp dùng chất say là một tội lỗi tuy rằng người dùng không biết. *Pācittiya 62*: trường hợp dùng nước với sinh vật nhỏ trong nước, chỉ có tội lỗi nếu mình biết trong nước có sinh vật nhỏ (organisms).

https://tieulun.hopto.org

17. Đức Phật không có ngã sở

"Đức Thế Tôn có nói:' 'Như Lai không nghĩ rằng Như Lai nên lãnh đạo Tăng đoàn hoặc Tăng đoàn nên tùy thuộc vào Như Lai'. Nhưng Ngài nói về Phật Di Lặc (Metteyya) như sau: "Phật Di Lặc sẽ lãnh đạo Tăng đoàn nhiều ngàn người trong khi ta lãnh đạo hằng trăm người".

"Tâu Đại Vương, câu đầu có nghĩa bao gồm, còn câu thứ hai thì không. Không phải Đức Như Lai tìm kiếm đệ tử mà chính các đệ tử tìm kiếm Ngài. 'Cái này của ta', theo quan điểm thông thường, không phải là một chân đế. Cảm tình là một tâm mà Ngài đã lìa bỏ; Ngài đã lìa bỏ sở hữu, Ngài đã giải thoát khỏi cái ảo tưởng 'Cái này của ta', Ngài chỉ sống để cứu độ kẻ khác. Tâu Đại Vương, giống như mây mưa rơi xuống cho cây cỏ, súc vật và con người sống còn, và mọi vật tùy thuộc vào mây, nhưng mây chẳng mong muốn 'Những cái này là của ta' – Cũng như thế, Đức Như Lai dạy dỗ mọi chúng sanh những pháp hành, gìn giữ cho họ tốt đẹp và tất cả chúng sanh nương tựa nơi Ngài nhưng Ngài không có quan niệm sở hữu vì Ngài đã lìa bỏ tà kiến về ngã".

18. Sự đoàn kết của Tăng đoàn

"Bạch Đại Đức, ngài nói rằng Tăng đoàn của Như Lai không bao giờ bị chia rẽ. Tuy nhiên, Devadatta đã có thể dẫn đi khỏi Tăng đoàn năm trăm vị sư".

"Chính vì sức mạnh của kẻ ly-khai mà sự ly-giáo đã xảy ra, cho dù một người mẹ cũng có thể chia lìa với con mình ở đâu mà có sẵn một người con để tạo sự nứt rạn. Nhưng trong một ý nghĩa đặc biệt, Tăng đoàn của Đức Phật không thể bị chia rẽ. Chưa bao giờ người ta nghe điều gì về các đệ tử của Ngài bị chia rẽ do một điều gì Ngài đã làm, hoặc một lời nào không tốt, một hành vi nào sai lầm hoặc một sự bất công nào của Ngài. Trong ý nghĩa đó, các đệ tử của Ngài không dễ gì bị động chạm đến".

(Còn tiếp)

---

*V 9.16.2: Nói biết và không biết ở đây là biết và không biết sự bất thiện của việc mình làm. Để hiểu rõ trường hợp nào có tội lỗi và tội lỗi nặng nhẹ thế nào, nên phân biệt hai tiêu chuẩn: a) làm một việc mà hiểu biết hoặc không hiểu biết việc đó là bất thiện (vì vô minh, do không học hỏi giáo pháp, không tăng trưởng thiện trí); b) làm một việc có cố ý hoặc không cố ý vì các căn bị trở ngại (như người mù đạp đàn kiến) hoặc đối tượng bị che khuất (như uống ly nước vẩn đục hoặc sinh vật trong nước quá nhỏ không thấy được) hoặc khi bất cẩn, khi tâm không an, khi thất niệm. Ai cũng rõ người mù vẫn có thể biết sát sanh là việc bất thiện, chỉ vì bị mù (không thấy đối tượng) mà vô tình sát sanh, không cố ý nên không phạm tội sát sanh. Ngược lại, người biết trong nước có sinh vật mà vẫn uống (có cố ý) là phạm tội sát sanh. Như vậy, phạm tội lỗi hay không là do có cố ý hay không cố ý và phạm tội lỗi nặng hơn là do Vô Minh, không hiểu biết việc bất thiện là không nên làm, vì thế nên không biết ăn năn hối cải, tu sửa để chuyển nghiệp. Hơn nữa, Vô Minh trong mười hai Nhân Duyên là nguyên nhân, điều kiện nền tảng của Pháp Duyên Sinh, trói buộc ta trong bánh xe luân hồi, không giải thoát được sinh tử.

Chút ý nhìn xuân

Hoa vàng vui đón nắng xuân
Có con bướm nhỏ tần ngần bên hoa
Gió vờn nhè nhẹ thướt tha
Bướm bay, bướm đậu, lòng ta nghĩ gì?!

Hôm nào hoa tiễn bướm đi
Mấy mươi năm bước từ ly vẫn buồn
Phớt hồng đôi má thu hường
Lòng ta ray rứt bước đường chông gai

Rừng xa gió núi thở dài
Rừng xa che khuất tương lai mập mờ
Người xưa biết có đợi chờ
Đêm trăn trở lắm giấc mơ đau lòng

Bước về trong dạ phập phồng
Tám năm oan nhục nặng chồng chất vai
Cuốn theo chân gió thở dài
Ngõ nhà em vắng buổi mai nhạt nhòa

Đất người sỏi đá nở hoa
Tái sinh đời mới thực là ở đây
Chuyện xưa men cũ còn cay
Má hồng không biết nắng ngày có phai?

Nắng hồng xuân đến đất nầy
Đứng nhìn bướm lượn bướm bay trong vườn
Hình như còn chút nhớ thương
Đôi môi hồng nụ má hường năm xưa...

Chữ thương biết nói sao vừa
Tình xưa nhắc nhớ nắng chưa phai hồng

• thy lan thảo

https://tieulun.hopto.org

Bản giác

Ts. Lâm Như Tạng

(tiếp theo VG 179)

D- NHƯ LAI TẠNG

II- Khảo Sát hai

4- Như Lai Tạng Tâm: còn gọi là Chân Như Tâm

Nói về Như Lai Tạng, trong luận Đại Thừa Khởi Tín viết: "Hiển thị chánh nghĩa là nương nơi một pháp Nhất Tâm mà chia thành hai môn. Hai môn ấy là gì?

Một là môn Chân Như

Hai là môn Sanh Diệt

Cả hai môn ấy đều thâu tóm tất cả các Pháp. Nghĩa ấy thế nào? Vì hai môn ấy không rời nhau".

(1)- Chân Như Môn: nói về Tâm Chân Như

Chân Như trong luận viết chính là Tâm Chân Như hay là Như Lai Tạng Tâm cũng cùng tên gọi.

"Tâm Chân Như tức là thể của pháp môn Nhất Pháp Giới Đại Tổng Tướng. Đó là cái bất sanh bất diệt của tâm tánh. Tất cả các Pháp chỉ nương nơi vọng niệm mà có sai khác. Nếu lìa vọng niệm thời không có tướng của bất cứ cảnh giới nào. Cho nên tất cả các Pháp, ngay trong bản chất, lìa tướng ngôn thuyết, lìa tướng danh tự, lìa tướng tâm duyên, rốt ráo bình đẳng, không đổi khác, không thể phá hoại. Chỉ là cái nhất tâm, cho nên gọi là Chân Như".

Chân Như ấy là cái thể của pháp môn "Nhất Pháp Giới Đại Tổng Tướng".

Vậy thì Pháp Môn ấy là gì?

Đó là Pháp Môn Như Lai Tạng, đề tài mà luận nầy thuyết minh. Nhưng vì sao Như Lai Tạng lại gọi là Nhất Pháp Giới Đại Tổng Tướng?

Nhất Pháp Giới hay Nhất Chân Pháp Giới nghĩa là cõi pháp chân thật toàn vẹn. Chữ Nhất đây không có nghĩa là Một mà là có nghĩa Toàn thể. Trong cõi pháp, tất cả các pháp thế gian và xuất thế gian thảy đều trọn vẹn bị nhiếp thâu trong đó. Không một pháp nào nằm lọt ra ngoài cho nên gọi là Nhất Pháp Giới. Nói cách khác đó chính là Nhất Tâm, tức là cái Tâm duy nhất. Nhất Tâm dàn trải khắp pháp giới.

Sau đây xin nói thêm về Nhất Thể và Tự Thể của Nhất Tâm, có 10 điểm khác nhau:

(1) Nhất thể không có tạp loạn
(2) Không có sai khác
(3) Nhất đạo thanh tịnh, không có ngã rẽ
(4) Xa lìa tác nghiệp
(5) Không mê chướng, không đối trị
(6) Không khứ không lai, không trên không dưới
(7) Không có sanh trụ dị diệt
(8) Không có tu chứng
(9) Không có tướng khác
(10) Không có hư ngụy

Sau đây là 10 điểm trái lại của tự thể:

(1) Tự Thể nhiếp trì tất cả các Pháp nhiễm và tịnh.
(2) Có sai khác
(3) Có ngã rẽ, vì tuy Mê nhưng bên trong vẫn cất giấu Pháp Thân Như Lai Tạng.
(4) Liên tục tác nghiệp
(5) Có mê chướng và có đối trị
(6) Có khứ có lai, có trên có dưới
(7) Có sanh trụ dị diệt
(8) Đầy đủ nhân duyên lưu chuyển và nhân duyên hoàng diệt.
(9) Không có pháp tự thành lập.
(10) Có tướng vô thường.

Ngược về phần Lập Nghĩa của luận nầy có đoạn nói về Thể, Tướng và Dụng như sau: "Mục nói về Nghĩa gồm có ba loại: Thế nào là ba loại? Một là đề mục lớn về Thể, tức là Chân Như bình đẳng, bất tăng bất giảm của tất cả các Pháp. Hai là đề mục lớn về Tướng, tức là Như Lai Tạng có đầy đủ vô lượng tánh công đức. Ba là đề mục lớn về Dụng, vì nó có công năng sanh ra tất cả nhân quả lành thế gian và xuất thế gian".

Như thế có nghĩa là: Tự Thể là chỉ ngay vào Tâm chúng sanh mà nói. Tự tướng là Như Lai Tạng với hằng hà sa tánh công đức cất giấu trong Tâm chúng sanh. Tự dụng là cái công năng của Tâm chúng sanh khởi tất cả nhân quả lành thế gian và xuất thế gian.

Phần trên Luận đã nói về Nhất Tâm, sau đây Luận nói rõ thế nào gọi là Chân Như.

"Vì tất cả ngôn thuyết đều là giả danh không thật. Tướng ngôn thuyết chỉ do vọng niệm sanh ra, không thể nắm bắt cái thật. Nói là Chân Như nó cũng chẳng có tướng. Chẳng qua là đến chỗ cùng cực của ngôn thuyết thì tạm dùng ngôn thuyết để khử bỏ ngôn thuyết. Còn cái thể của Chân Như thì không thể khử bỏ được. Vì tất cả các Pháp thảy đều chân thật hết. Nó cũng không phải là cái do ta đặt để ra. Vì tất cả các Pháp thảy đều như vậy cả. Nên biết tất cả các Pháp không thể nói, không thể nghĩ, cho nên gọi là Chân Như".

Trong một đoạn kế tiếp với lối văn vấn đáp Luận giải đáp về vấn đề thể nhập Chân Như:

"Hỏi: Nếu Chân Như là như vậy thì làm sao chúng sanh có thể tùy thuận mà đắc nhập Chân Như?

Đáp: Nếu biết tất cả Pháp, tuy nói (thuyết) nhưng không có cái năng thuyết có thể nói được; tuy nghĩ (niệm) nhưng không có cái năng niệm có thể nghĩ được. Như vậy, gọi là tùy thuận Chân Như. Còn nếu lìa được Niệm thì gọi là đắc nhập Chân Như".

Theo đoạn trên chúng ta hãy suy niệm về từ "Chân Như theo ngôn thuyết" mà đoạn kế tiếp đã đưa ra hai từ nữa là "KHÔNG NHƯ THẬT" và BẤT KHÔNG NHƯ THẬT:

"Lại nữa, Chân Như theo ngôn thuyết mà phân biệt thì có hai nghĩa: Một là KHÔNG NHƯ THẬT, vì nó rốt ráo phơi bày sự thật. Hai là BẤT KHÔNG NHƯ THẬT vì nó có tự thể đầy đủ tánh công đức vô lậu".

https://tieulun.hopto.org

Đoạn trước đứng trên lập trường ly ngôn để hiển bày thể tánh.

Đoạn nầy đứng về lý giải y ngôn để giải bày tướng trạng.

Hai nghĩa Không và Bất Không sau đây đề cập đến hai tướng của Chân Như.

a/- Không Như Thật:

Tại sao gọi là KHÔNG vì không một nhiễm pháp nào tương ưng với thể của Chân Như, cho nên gọi thể ấy là Không.

Ngoài thì lìa tướng sai biệt của các pháp, tức là lìa cảnh. Trong thì không khởi niệm hư vọng tức là dứt tâm. Tâm và cảnh đều bặt dứt đó là cái Không rốt ráo như thật.

"Cái được gọi là Không là vì từ trong bản chất, không có nhiễm pháp nào tương ưng. Nghĩa là nó lìa tướng sai biệt của tất cả các pháp, vì nó không có tâm niệm hư vọng".

Đoạn sau đây nói về "ly Tứ Cú, tuyệt Bách Phi" trong giáo lý Bát Nhã. Nội dung lặp đi lặp lại rất khó hiểu và dễ suy diễn lầm lạc nên xin viết thêm phần Hán Văn để dễ so sánh.

"Nên biết tự tánh của Chân Như chẳng phải tướng có, chẳng phải tướng không, chẳng phải chẳng phải tướng có, chẳng phải chẳng phải tướng không, chẳng phải tướng có và không lẫn lộn. Chẳng phải tướng một, chẳng phải tướng khác, chẳng phải chẳng phải tướng một, chẳng phải chẳng phải tướng khác, chẳng phải tướng một và tướng khác lẫn lộn." (Đương tri Chân Như tự tánh, phi hữu tướng, phi vô tướng, phi phi hữu tướng, phi phi vô tướng, phi hữu vô cầu tướng. Phi nhất tướng, phi dị tướng, phi phi nhất tướng, phi phi dị tướng, phi nhất dị cầu tướng).

Nói về Tứ Cú gồm có: Hữu, Vô, Phi Hữu, Phi Vô; hoặc là : Nhất, Dị, Phi Nhất, Phi Dị.

Hữu, Vô là nói về những chấp trước sai lầm trong nội bộ Phật Giáo.

Nhất, Dị là nói về những chấp trước sai lầm của các ngoại đạo.

Bách Phi nghĩa là mọi tướng ngôn thuyết và tâm duyên đều sai trái.

Nếu lìa được Tứ Cú, dứt được Bách Phi thì thật thể Bát Nhã hiển hiện bình đẳng. Thật thể đó chính là Không Như Thật.

Để tóm kết phần nầy Luận viết:

"Tóm lại, chúng sanh vì có vọng tâm, niệm niệm phân biệt, nhưng đều không tương ưng, cho nên nói là Không. Nếu lìa vọng tâm ra thì thật cũng không có cái Không để mà nói".

b/- Bất Không Như Thật

Luận Đại Thừa Khởi Tín viết tiếp về Bất Không như sau:

"Sở dĩ gọi Bất Không là vì như đã nói trên, Pháp thể là Không, không có vọng nhiễm, đó tức là Nhất Tâm, thường hằng bất biến, đầy dẫy pháp tịnh, nên gọi là Bất Không. Cũng không có tướng có thể nắm bắt, vì là cảnh giới ly niệm, chỉ do chứng nhập thì mới tương ưng mà thôi".

Đoạn trên đây nói về pháp "thường hằng bất biến" đó là Bất Không. Vì nó là Nhất Tâm, thường hằng bất biến, đầy dẫy pháp tịnh. Không thể nghĩ bàn, chỉ khi nào hành giả chứng nhập pháp ấy mới tương ưng thể nghiệm được mà thôi!

Không và Bất Không đây có thể hiểu là Chân Không và Diệu Hữu trong hệ tư tưởng Bát Nhã. Nhưng trong Luận nầy triển khai một cách dễ hiểu hơn.

Riêng về Diệu Hữu nó được minh thị là tự tướng của thật thể Chân Không với một tên mới là "Nhất Pháp Giới Đại Tổng Tướng" hay nói gọn hơn là Như Lai Tạng.

(2)- Sanh Diệt Môn – Tâm Sanh Diệt

Đoạn nầy cũng tiếp tục phân tích về Sanh Diệt Môn trong luận Khởi Tín.

"Sở dĩ có sự sanh diệt của Tâm là vì nương vào Như Lai Tạng mà có tâm sanh diệt. Đây nói Bất Sanh Bất Diệt cùng sanh diệt hòa hợp, chẳng phải một, chẳng phải khác được mệnh danh là thức A Lại Da".

Vì có liên quan đến sanh diệt nên không thể không đề cập đến thức A Lại Da. Vì thức ấy có công năng hàm chứa tất cả các Pháp trong dạng Tạng Thức (năng tàng, sở tàng và ngã ái chấp tàng). Và nó lại phát khởi ra các Pháp gọi là khởi ra hiện hành...

"Thức ấy có công năng thâu vô tất cả các Pháp và sanh ra tất cả các Pháp. Thức nầy gồm có hai nghĩa. Một là nghĩa Giác. Hai là nghĩa Bất Giác".

Nói tâm động tức là luận về tự tướng của nó động. Còn thể của tâm luôn luôn tĩnh lặng không thay đổi bản chất. Ví dụ như nước là thể không thay đổi chỉ có sóng là tướng động của nước thì có thay đổi. Thế nhưng sóng là từ nước mà ra nên có sự tranh luận về Tướng và Thể nầy.

Theo luận Khởi Tín thì thể không thể động, chỉ có tướng mới động mà thôi.

Tất cả nhân quả Nhiễm và Tịnh thảy đều do tác động huân tập biến hóa qua lại xảy ra trong Thức A Lại Da, giữa Chân và Vọng. Vì thế nên nói thâu vô tất cả Pháp và sanh ra tất cả Pháp.

Từ đoạn luận trên đã nói đến từ GIÁC, do đó sau đây sẽ bàn đến Giác trong phần Tâm Sanh Diệt nầy.

a/ Giác

Giác là nói về Phật Tánh sáng suốt sẵn có của chúng sinh, chính là Như Lai Tạng. Đó cũng là Pháp Thân của chư Phật.

"Sở dĩ gọi "Giác" là vì chỉ cái thể của tâm ly niệm. Tướng của tâm ly niệm ngang bằng hư không, không đâu không khắp. Tướng nhất của Pháp Giới tức Pháp Thân Bình Đẳng của Như Lai. Nương vào Pháp Thân ấy gọi là Bản Giác".

"Tướng Nhất của Pháp Giới" được hiểu là chỉ có một, không hai không khác. Vì đó là Bản Giác, là Pháp Thân Bình Đẳng của chư Phật.

Kinh Đại Niết Bàn viết: "Ta ở trong thân của tất cả chúng sanh mà thành Chánh Đẳng Chánh Giác", hoặc là: "Chúng sanh đã thành Phật từ kiếp xa xưa" là dựa vào nghĩa Giác nầy mà nói.

Nói về Giác không thể không đề cập đến các từ liên hệ. Đó là Bất Giác, Thủy Giác, Cứu Cánh Giác.

https://tieulun.hopto.org

"Vì sao vậy? Vì nghĩa Bản Giác là đối với Thủy Giác mà nói. Nhưng Thủy Giác cũng tương đồng với Bản Giác. Thủy Giác nghĩa là nương vào Bản Giác cho nên nói có Bất Giác, nương vào Bất Giác cho nên nói có Thủy Giác. Lại nữa vì Giác thấu nguồn tâm cho nên gọi là cứu cánh Giác. Giác chưa thấu nguồn tâm gọi là phi cứu cánh giác".

Tánh giác vốn có nơi tất cả chúng sinh nên gọi là Bản Giác. Bản Giác cũng chính là Pháp Thân Bình Đẳng của Như Lai. Nếu hành giả chuyên tu để chứng đắc Bản Giác ấy gọi là Thủy Giác. Vậy Bản Giác là tánh giác bản hữu. Thủy Giác là tánh giác do tu chứng đắc. Như vậy tuy tên gọi khác nhau nhưng Bản và Thủy hoàn toàn tương đồng nhau.

Tại sao lại có từ Bất Giác? Bản Giác vốn có xưa nay không hề thay đổi. Chỉ vì nhất niệm vọng động nên sinh ra Bất Giác. Dứt trừ vọng niệm trở về tánh giác, tâm thanh tịnh gọi là Thủy Giác. Lúc bấy giờ Thủy Giác soi thấu tận cùng nguồn tâm, nghĩa là hoàn toàn giác ngộ thì gọi là Cứu cánh Giác. Giác chưa soi thấu nguồn tâm thì gọi là Phi Cứu Cánh Giác.

Về đối tượng của Thủy Giác là cái thể của Tâm Ly Niệm. Tâm Ly Niệm là Chân Tâm xa lìa nhất niệm vô minh tối sơ. Nhưng nhất niệm đó có thật không? Nó có tướng trạng gì không? Nếu nó thật có tướng thì nó phải chuyển qua 4 giai đoạn là Sanh, Trụ, Dị, Diệt như các Pháp trên thế gian. Đó là tiến trình sanh khởi luận theo chiều thuận. Nếu đặt vấn đề diệt trừ tướng niệm để trở về nguồn tâm, khi nhất niệm chưa sanh ra thì phải khảo sát theo chiều nghịch là Diệt, Trụ, Dị, Sanh.

Khi đã dứt trừ hết tướng niệm, nghĩa là khi đã thấy rõ tướng niệm chỉ là ảo tưởng, lúc ấy tất cả đều qui về một nguồn tâm duy nhất. Pháp Thân Chân Thật hiển hiện trọn vẹn. Đó là tướng của Tâm Ly Niệm. Trạng thái ấy gọi là Cứu Cánh Giác.

(còn tiếp)
Lâm Như Tạng

Đường hoa

Muôn trùng thảm trải vàng hoa (*)
Đồi xanh tiếp núi chiều tà ngát hương
Hàng cây nghiêng lá thân thương
Đưa em đi giữa con đường ngàn hoa

Đường mây suối bạc lưng đèo
Lối mòn dấu cỏ cheo leo thác gềnh
Bên em núi vẫn còn nghiêng
Tay chong đèn lái vào miền phù hương

Lá nào còn ngậm hơi sương
Cỏ nào óng ánh kim cương hạt vàng
Hoa nào kết nụ hàng hàng
Màu nào đẹp ngát hương lan núi rừng

Chim bay vẽ lối muôn trùng
Đường mây cõi mộng mông lung kiếp nào
Trên hoa bướm cũng xôn xao
Hoa vàng dệt thảm biết bao nghĩa tình

Sườn non sương xuống lưng chừng
Thảm xanh kết cỏ một vừng trời mây
Chiều vàng nắng nhạt bờ vai
Hạc bay cánh trắng thiên thai lối vào

Chim nào lông trắng đỏ xanh
Thân thương ríu rít bên anh với mình
Hoa vàng đất cũng vàng thêm
Ngựa non đồi cỏ hoa sim tím mùa

Trời trong mây bạc núi thưa
Cừu non điểm trắng giữa tòa sương lên
Nhà ai cô độc sườn non
Mái tôn trắng mỏng bên con suối vàng

Trăng trong bóng xế về ngàn
Mùi hương ướp núi bay ngang la đà
Sông xanh vàng rợp đôi bờ
Như trong mộng điệp ơ hờ vàng hoa

Non cao động đá xuân qua
Tiên say giấc điệp vàng hoa cỏ hài
Sao hôm cùng với sao mai
Rụng qua khe suối điểm vài thu đông

Chim ca trong giấc mơ vàng
Mây hôn đỉnh núi trải ngàn khúc xưa
Chiều vàng én tiễn oanh đưa
Bướm vàng lượn giữa giao mùa đông xuân

Quạt trời chắn gió trên cao
Cho ta cõi tịnh đường vào đào nguyên
Lối đi giờ cũng thân quen
Hoa vàng tiếp núi chim bằng về xuôi

Thăm con ngàn vạn xa xăm
Đường hoa rộ nở tình thâm lòng người.

Sydney – Forbes – Sydney, NSW, AUSTRALIA
25, 26 tháng 9 năm 2010
Trên đường đi thăm con

• **Lâm Như Tạng**
Riêng tặng Ngọc Bích và cho con Như Uyên

* Ghi chú: tại miền quê của tiểu bang NSW, và nhiều tiểu bang khác của Úc, có nhiều cánh đồng trồng toàn cây hoa cải (Canola) họ dùng hột cải nầy để ép lấy dầu ăn. Chúng tôi đã lái xe qua hàng mấy trăm cây số đường trông thấy toàn là hoa Canola nối tiếp nhau vàng rực tận chân trời. Thật là ngỡ mình đang đi vào cảnh Cực Lạc ngàn hoa vậy, vì còn nhiều loại hoa trắng, đỏ, tím v.v... không thể tả nổi những cảm xúc nầy. Vì ai có đi qua những cảnh ấy, nhìn tận mắt mới cảm nhận được phần nào vẻ đẹp cực kỳ cảm khái về những cánh đồng hoa ấy...

(LNT)

https://tieulun.hopto.org

Chữ Không trong Đạo Phật

• **Trịnh Khải**

Buổi nói chuyện hôm nay vẫn theo Đạo lý của Đức Phật: "Tự giác, giác tha".

Trong việc Hiểu - Học – Hành Phật Đạo, chúng ta phải cẩn thận vì Hiểu cũng có thể sai lầm rất tai hại trong việc Học và Hành. Trong bài này hoàn toàn không có tín ngưỡng dị đoan, thần thông, phép lạ đi đến gây hỏa mù đưa những người nghe, Phật tử vào con đường hiểu lầm chính đạo.

Tôi cũng xin nhắc lại: Trong bài này nếu quý vị thấy hợp với bản thân mình, thì xin tùy nghi sử dụng, nếu đoạn nào không hợp thì quên đi. Bài này rất cô đọng, kính xin quý vị đọc lại và nghiền ngẫm thật kỹ.

Đối với Âu Tây, chữ "không" trong Phật Đạo đã đem lại bao nhiêu hiểu lầm tai hại ngoài ra còn "xuyên tạc", ác ý... hướng độc giả hiểu sai quấy về Đạo này. Ví dụ: Culte du néant (tôn thờ chân không) – Église du nihilisme (Tôn giáo của vô giá trị) - Athée (Vô tín ngưỡng) – Destruction du principe pensant (Hủy hoại trí tuệ).

Theo truyền thống tư tưởng văn chương Pháp và Việt: "Mỗi chữ là gói cả linh hồn một chủng tộc..., nhà văn, chính trị gia, tôn giáo... không được coi thường linh hồn chủng tộc". Do đó quan niệm của các văn hào Việt Nam từ xưa đã có: các tiền nhân đã để tâm tư tưởng nhiều vào mỗi tiếng; mỗi chữ là một ý-niệm rõ ràng... Qua thời gian với bao nhiêu biến đổi trong khối óc con tim của dân tộc mỗi chữ đã trở nên quý hóa, kho tàng của chủng tộc.

Vì thế chúng ta không được quyền khinh miệt, có thái độ khinh bỉ, bán rẻ kho tàng dân tộc... Các tôn giáo cần phải cẩn thận hơn nữa khi dùng từ ngữ đặc biệt của chính Đạo.

Trong thực tế từ ngữ dùng trong Đạo Phật:

1- Bắc Tông (Phật Giáo Cấp tiến còn được gọi Đại Thặng - cỗ xe lớn - Mahayana) dùng Hán tự dịch ra từ chữ Sanscrit của Ấn Độ.

2- Nam Tông (Phật Giáo Nguyên Thủy còn được gọi Tiểu Thặng - cỗ xe nhỏ - Hinayana) dùng chữ Pali của Sri Lanka dịch ra.

Qua mấy ngàn năm biến đổi, các từ ngữ Âu Châu càng rõ ràng hơn qua thành quả về khoa học, nhân sinh, nhân văn... (*). Do đo các danh từ trong Phật Đạo có rất nhiều nghĩa đã đưa đến nhiều giải thích sai lầm, đưa đến các chuyển ngữ (thông dịch) không có giá trị và còn đưa độc giả trí thức ra khỏi chính đạo.

Chữ "không" hoặc "Vô", "vô hữu", "vô sắc", "bất"... có thể dịch: Impermanent – mouvements – transformations - Vide – Non forme – Néant – Néantisation - Vacuité – Non-être – Non moi - Néantissement – Indéterminité - Anéantissement...

Sau đây là các nghĩa chính của chữ không hay vô trong giáo lý Đạo Phật:

1.- Không có: inexistence. Dịch lầm: Vô Ngã = Non moi ou le moi inexistant ou non existence du moi. Nghĩa chính: Vô ngã = Vô thường ngã = le moi impermanent ou l'irréalité du moi ou l'existence impermanente du moi.

2- Vô thường; vô định: l'impermanence ou la transformation ou le changement ou le mouvement

3- Vô kiến (invisible); vô hình; vô sắc; vô thể: la non-forme (physique) ou le vide = Không.

4- Không thực, vô hữu; giả hữu... Valeurs relatives; l'irréalité du réel (des choses).

5- Vô chân như: không có giá trị tuyệt đối... inexistence des valeurs absolues.

6- Hư vô: không có gì hết - néant (terme philosophique); vide physique (inexistant): theo khoa học ngày nay chân không vật lý không có thật. Đây là gốc của rất nhiều hiểu lầm.

7- Không (toàn diện) (Kinh Bát Nhã) = Chân không, không còn giá trị tương đối của trần tục (l'extinction (Nirvana) de toutes les valeurs relatives du Domaine du Conditionné) để đi đến giác ngộ (Eveil), được dịch là la vacuité (se débarasser des valeurs relatives afin d'atteindre les valeurs absolues du Domaine de l'Inconditionné, la nature du Bouddha): thoát khỏi trần tục tiến đến tâm Phật.

8- Những chữ Vô (Không) gốc Lão: vô sắc; vô thinh; vô hình; vô vật; vô chi; vô dụng... Trước khi vào chi tiết về chữ « không » và để tránh hiểu lầm chúng ta cần nhìn rõ hơn về 2 Tông kể trên.

Trên diện cơ bản Đạo Lý của Phật Đạo: "Vô Thường" – "Nhân Quả" – "Vô Ngã; Chân Ngã" – "Nghiệp Duyên" – "Liên Đới" – "Vô và Hữu" – "Sắc và Không" – "Tư Thánh Đế" – "Thập Nhị Nhân Duyên"... Hai Tông đều hiểu giống nhau về "tông chỉ" của Phật vì thế chưa bao giờ có sự tranh chấp, ẩu đả, đổ máu... (*) và chiến tranh nhân danh Đạo Phật như chúng ta đã và đang thấy ở các tôn giáo lớn khác. Đây là điểm son của Đạo Phật đối với nhân loại, cũng là niềm hãnh diện của Phật tử vì Đạo này chưa bao giờ đem lại cái xấu mà chỉ phổ biến cái hay cho chúng sinh.

(*) Ví dụ: Nuit de Saint Barthélémy – Constantinople – Croisades - Maya.....Algérie – Irak.....

Tìm hiểu chữ "không" của PHẬT ĐẠO

Vì muốn tôn trọng "Nguyên Thủy" nên Nam Tông (*) chỉ giới hạn từ ngữ "không" trong hai phạm vi chính là "vô thường" và "vô ngã" nhưng cũng không tránh được mông muội (mờ mịt) về thiên đàng địa ngục; Bắc Tông (**) thì để tự do tư tưởng nên ta thường thấy các luận đàm được mở rộng ra về nhiều khía cạnh nên có nhiều điều rất hay nhưng cũng có nhiều tưởng tượng trở thành huyền thoại. Điển hình:

https://tieulun.hopto.org

Vì biết chúng sinh chưa "giác ngộ" không có khả năng hiểu, Đức Phật đã không giải thích "Niết Bàn", "Tâm giác ngộ", "Tâm Phật"... Mà chỉ hướng dẫn chúng sinh qua Phật Đạo... để đi đến mục đích trên.

(*)- Tông này không chịu ra khỏi Kinh Tam Tạng thành ra nhiều khi từ chương.

(**)- Bắc Tông dựa tuy theo tông chỉ Phật (Kinh Tam Tạng) để tiến hóa và phát triển (tự do tư tưởng).

Đây là những giá trị tuyệt đối mắt trần tục còn trong kiếp luân hồi không thể nhìn thấy; kẻ nào tự hào, tự phụ, tự mãn... tự cho mình nhìn thấy đều là vọng ngã (kiến-tư = l'intériorité), vọng kiến (pháp cảnh = le monde extérieur ou l'extériorité), tưởng tượng, không thực. Ông Nagarjuna (Bồ Tát Long Thọ, đắc đạo rất được tôn thờ ở Ấn Độ, Trung Hoa, Việt Nam, Tây Tạng v.v...) đã viết cho những người này: "Nếu quý vị nhìn thấy Phật, phải giết ngay Phật"... đây chỉ là giả hữu do vọng ngã mà ra.

Cũng như trong Kinh Kim Cương Đức Phật đã nói: "Cái gọi là Phật Pháp (1), tức không phải Phật Pháp (2), nên gọi là Phật Pháp (3)".

Khi đắc đạo ra khỏi tương đối (1) (Trần tục = Domaine du Conditionné = Không phải chân như) thì sẽ thấy tuyệt đối. (2) (Giác Ngộ = Domaine de l'Inconditionné) rõ như nhìn mặt trời. (3)- Vì chưa thoát được trần tục nên phải dùng danh từ trần tục. (4)- Les Dharmas, tels qu'on les nomme, ne sont pas en fait les Dharmas. C'est pourquoi ils sont appelés Dharmas. Vì lẽ đó Phật nhắc nhở chúng ta giá trị tương đối khi chưa đạt được giác ngộ.

Vì đề tài quá rộng lớn nên tôi xin phép quý vị chỉ đề cập chữ "không" Phật Đạo trong hai phạm vi "Vô Thường" và "Vô Ngã" và sẵn sàng trả lời các câu hỏi ra ngoài giới hạn này.

A - LUẬT "VÔ THƯỜNG"

Hai Tông Nam Bắc đều thấu triệt luật thiên nhiên này nhưng từ cùng Hiểu chuyển qua Học thì có khác để khi Hành thì sự cách biệt càng rõ hơn. Mặc dù có nhiều kiến thức và giải thích khác nhau nhưng mọi Tông phái đều lấy cái "tông chỉ" của Phật dùng làm căn bản để lập luận, để giải thuyết. Tuy thế nhiều Phật tử hiểu lầm nên cũng có ý niệm chia rẽ.

I.- Theo Nam Tông (*) chữ "Vô" hoặc "Không" được hiểu là trong kiếp luân hồi (vô thường) tất cả mọi "thể" (physique), "tướng" (forme) (**) đều thay đổi không ngừng, không bao giờ giống nhau cả vì vậy ngũ uẩn của chúng sinh chỉ đưa ra những vọng ngã, vọng kiến (erreur), ảo tưởng (illusion) mà không có giá trị tuyệt đối... nhưng được xem là "có" tương đối. Tuy thế Nam Tông nói luân hồi là "có" và Niết Bàn là "không": Đó là cái có tương đối và không đây là không còn cái có tương đối.

(*) Nói chung Nam Tông gồm:

1- Câu xá Tông (Thiền Định): Dùng phương pháp thiền để đi đến tuệ giác. Quá khứ và vị lai là vô thể - một cái đã mất đi; một cái đâu đã có -. Hiện tại là hữu thể - có tương đối. Chia nhân làm lục nhân, duyên làm tứ duyên và quả làm ngũ quả. Đây cũng là chính gốc của Phật Giáo Thiền Tông (Bắc Tông)

2- Thành thực Tông. Vì vô thường nên mọi vật đều "giả hữu" (không thật), chúng sinh không có khả năng nhận "thực hữu" (chân thật).

3- Luật Tông. Đây là tổng hợp của hai Tông trên dựa trên Luật tạng.

(**) Lão tử: "Khi thể quá lớn thì mất tướng".

a- *"Có"* (hữu - sắc: forme) nghĩa là tuy mọi vật đều thay đổi "vô thường", nhật xét (ngũ uẩn) của chúng sinh về "có" chỉ là tương đối nhưng mỗi lúc (à l'instant) cái "có" nầy là sự thật đang thay đổi (une réalité en transformations perpétuelles). Để giải thích: bản thân ta, thức ăn v.v... đều vô thường nhưng Ta (Thân và Tâm) là "có" sống được là nhờ "có" thức ăn. Đây là cái "có" tương đối với thời gian, cũng nhờ cái "có" nầy (*) mà các vị tu hành mới có hy vọng hành Phật đạo để đến Niết Bàn là "không" đối với Nam và Bắc Tông: dứt được cái "có" tương đối (Vô Thường) là đến cái "không"... của tất cả tương đối (Giác ngộ - Niết Bàn).

Cũng vì lý do trên Nam Tông còn được gọi là phái "Bảo Thủ" chủ trương hữu luận và Bắc Tông gọi là phái "Cấp Tiến" chủ trương không luận.

(*) Cũng nhờ cái "vô thường Ngã" mà chúng sinh mới "tu là chuyển nghiệp" mới mong giải thoát được kiếp luân hồi như Đức Phật đã thành công và đã nói "Thượng thiên, hạ địa duy ngã độc tôn" nghĩa là "trên trời dưới đất chỉ ngã của mỗi chúng ta là đáng tôn trọng" vì nó có thể làm cho ta đạt được sự giác ngộ vì tu là chuyển nghiệp: không có Trời, Phật, Thánh, Thần... nào làm thế cho ta cả. Xưa kia không có thánh thần nào giúp Đức Phật đã từ kiếp người mà tu được đến Giác Ngộ.

b- *"Không"* (vô : vide, non forme, vacuité ...) là khi đã ra khỏi kiếp luân hồi – đã vào Niết Bàn – thì tất cả các "có" trần tục đều không còn nữa vì tất cả "thể" (physique - essence), "tướng" (forme - existence) – giá trị tương đối - đều không có giá trị tuyệt đối và trở thành "không" cả. Đối với giác ngộ hoặc đắc đạo, Phật Giáo Cấp tiến (*) và Nguyên thủy cùng hiểu như nhau về chữ "không" (la vacuité).

Khi đã Giác Ngộ vào Niết Bàn (giá trị tuyệt đối) mọi thể, mọi tướng trần tục đều là giả hữu (giá trị tương đối), là không (la vacuité) kể cả Tam Bảo (Phật – Pháp – Tăng) ở trần tục chỉ được xem như chiếc thuyền dùng để qua bờ sông kia (trần tục), sau đó thì bỏ lại. Vì dịch sai lầm – không (la vacuité) = néant - mà Âu Tây đã hiểu lầm tai hại cho rằng Đạo Phật tôn thờ chân không: le culte du Néant (Barthélémy Saint-Hilaire et Victor Cousin) – église du nihilisme (Ernest Renan) – la religion du diable (Paul Claudel).

(*) Qua kinh "Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh": "Quán Tự tại Bồ Tát, khi thi hành Bát Nhã Ba La Mật Đa – Trí tuệ độ - thấy rõ ngũ uẩn đều không... sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc (1), sắc là không, không là sắc... không có Khổ, Tập, Diệt, Đạo..." nghĩa là tất cả "có" của trần tục đều là "không" đối với Niết Bàn.

https://tieulun.hopto.org

(1) Sắc bất dị không, không bất dị sắc (la forme est le vide, le vide est la forme). Khoa học ngày nay cũng phải công nhận điều này của Đạo Phật (**).

(**) Ghi chú: Để tránh hiểu lầm chúng ta nên chuyển ngữ chữ không (Vô) ra tiếng Pháp để so sánh:

a- Vô thể (le Vide physique): không chất lượng = inexistence physique (immatériel – tâm linh). Khi vô thể thì sẽ vô tướng. Trên bình diện khoa học nhờ vô thể mà ra tướng (không bất dị sắc): ví dụ nhờ hiện diện vô thể (le vide) trong nguyên tử, phân tử... ta nhìn thấy cái tướng (la forme) của vật chất vì vậy nhờ có Vô Thể (le Vide = Không) mà chúng ta mới nhìn thấy Tướng (la forme = Sắc) của chúng ta nếu không có Vô Thể (Không) Quả Đất còn nhỏ hơn quả bưởi (...**).

b- Vô tướng: không có hình dáng = sans forme, non forme. Khi thể nhỏ qua (nguyên tử, phân tử) mắt không thấy thì trở thành vô tướng, lớn quá cũng thành vô tướng (quả đất)...; hữu thể (matériel) đã thành vô tướng; thông thường hữu thể là hữu tướng (hình)... Vô thể, vô tướng đã được dịch là le Vide.

Lão Tử đã nói về tương quan giữa thể và tướng: "Cái chai có phần hữu thể (sắc) ở ngoài và vô thể (không) ở trong, chính vô thể đã đem lại công dụng cho phần hữu thể".

Du pouvoir de l'esprit (l'immatériel) sur l'action (le matériel), Lao-Tseu disait: "La bouteille possède une forme (le matériel) extérieure et le vide (l'immatériel) intérieur et c'est le vide qui rend la forme utile".

c- Vô tuyệt đối = (Chân như – Giá trị tuyệt đối – Giác Ngộ - Niết Bàn..) = không (toàn diện) là không tất cả giá trị tương đối để đạt tới giá trị tuyệt đối (Niết Bàn), đây là thuộc về Tâm đã đạt tới vô sắc vô không nên đã dịch là la Vacuité (không thể lẫn lộn với chữ la Négation, le Néant, l'Anéantissement... như ta thường thấy trong nhiều bản Pháp văn nói về Đạo Phật).

Đạo Phật có mục đích tối thượng là đem trí tuệ (l'esprit = l'immatériel ou la non fome ou la Vacuité) chế ngự (libéralisation totale) lục giác (les six sens = le matériel et l'immatériel) để đi đến giác ngộ (tuệ giác = La Connaissance) ➔ Vô Trụ.

"Chính kiến" (phần quan trọng nhất trong Bát chính đạo) của 2 Tông về "Vô Thường" là một nhưng khi chiết giải thì có khác đi. Với Nam tông (hữu luận): khi ta sống trong trần tục thi ngũ uẩn cho ta cái "có" (Hữu) tương đối - ảo tưởng - vọng Ngã..., khi ta giác ngộ thì tất "có" sẽ thành "không" (Vô). Tóm lại có hai thể (thế gian và Niết bàn) vì 2 lối nhìn (Trần tục và Giác ngộ).

Với Bắc Tông (không luận) chỉ có một thể nên phải nhìn qua "không" ngay từ ban đầu đối với kẻ đi tìm giác ngộ để tránh ngộ nhận và lầm lẫn (vọng kiến) vì khi đến giác ngộ cái có (và cái không) cũng sẽ là không. Đối với chúng sinh trần tục thì chính kiến hai tông không có dị biệt nhưng Học và Hành thì khác nhau. Cái Có: vừa phương tiện (Nam tông) vừa trở ngại (Bắc Tông).

Tóm lại phái Nam tông chấp nhận có tương đối (giả hữu) sau đó đi đến tuyệt đối sẽ là không (chân như). Đối với Bắc tông chỉ có Chân Như là thật, là một thể nên tránh (không thể có) 2 cách nhìn hoặc 2 giải thích.

Đối với Phật tử nhất là kẻ tu hành thì phải xem có tương đối (giả hữu) chỉ là không như cái không ở tuyệt đối (chân như). Cái không trong cuộc sống của chúng ta không phải cái không toàn diện (Néant) chỉ vì cái thể, cái tướng vô thường thay đổi liên tục nên không có giá trị tuyệt đối - Phật đắc đạo, Niết Bàn đều là giá trị tuyệt đối (Chân Như).

Vì lý do này tuy hiểu là một nhưng học và hành có khác nhau đối với 2 Tông Nam Bắc, sau đó lại thêm phái Bắc Tông trung luận (vừa hữu và không).

Nam Tông: Nhờ cái có tương đối (Vô Ngã) kẻ tu hành mới tiến đến Tuệ Giác: Chân Ngã.

Bắc Tông: Tại cái Vô Ngã (tham, sân, si,...) là một bức tường ngăn chận Tuệ Giác: Chân Ngã.

Qua lối hiểu này - có tương đối (giả hữu) - Phật tử chúng sinh ở Đông Nam Á đã sinh ra quan niệm nhân sinh hiền hòa, hạnh phúc được giải thích: "Giác Ngộ" quả quá khó khăn, mấy kẻ tu hành đã đắc đạo được... thôi thì ta (thường dân - chư pháp) cứ từ từ tiến Hành Phật Đạo từ kiếp này đến kiếp khác, cuộc sống cũng có cái khổ, cũng có cái hay... ta cứ vui vẽ sống lương thiện, hướng theo lý tưởng Phật Đạo (từ bi, bác ái, hỷ xả...) thì dù chưa thoát khỏi kiếp luân hồi (đầu thai lại *) cũng không gì đáng ngại, cái chết không quá đáng sợ cả...

(*) Qua Đạo Phật thời gian chuyển theo chu kỳ (le temps est cyclique) của luật luân hồi.

Đối với người Âu Tây, quan niệm sống này rất là lạ và hay, vì mặc dù rất thiếu thốn về vật chất, nghèo nàn họ vẫn hiếu khách, cởi mở, vui vẽ sống hạnh phúc... xem ra vẫn giữ được phần nào tông chỉ (nhân - quả - duyên nghiệp...) của Phật Đạo. Với quan niệm Âu Tây sinh - tử chỉ có một lần đó là thời gian chuyển theo đường thẳng (le temps est linéaire); họ cũng đã nhận thấy nông dân, dân sống ở thôn quê hoàn toàn không có tiện nghi, nhưng lại có điều hạnh phúc hơn các công nhân nghèo, thất nghiệp ở các thành phố lớn. Qua Phật Đạo quan điểm nhân sinh này đã và đang có ảnh hưởng sâu rộng ở Châu Âu và Bắc Mỹ... Vì vậy Đạo Phật trở nên hấp dẫn đối với giai cấp trí thức.

II.- Bắc Tông.

Vì được tự do tư tưởng không bị gò bó vào truyền thống "nguyên thủy" nên Bắc tông đã cho xuất hiện ra thuyết "hình nhi thượng học" (la métaphysique) và sinh ra nhiều tông phái (7). Ta chỉ nhắc đến 3 Tông quan trọng nhất:

1- Không Luận phát xuất từ Bát Nhã Kinh (Prajna Paramita sutra) (*) – 600 quyển không có tên tác giả - đi vào rất sâu thuyết "hình nhi thượng học". Thuyết này được đặt trên 3 từ ngữ đặc biệt: Sunyata (Không = vide de forme, non pas néant – Vacuité -); Purusha (Sinh lực = énergie; Chân ngã = Énergie psychique); Prakariti (linh khí = substance ou Karma = Nghiệp). Dựa vào không (Sunyata), chân ngã (Purusha) vì nghiệp (Prakariti) (*) mà tạo ra Sinh – Lão - Bệnh - Tử (thành, trụ, hoại, không = Sunyala)

https://tieulun.hopto.org

tái sinh. Vạn pháp (le monde physique et phénoménal) cũng theo thuyết này mà: thành, trụ, hoại, không. Mọi sự, mọi việc đều đi đến không = Sunyala như Phật nói: tất cả sinh rồi cũng đi đến tử - "Il n'est rien de créé qui ne soit déjà en voie de disparition".

(*) Và Duyên khởi = Pratitya samutpada.

Le Bouddha disait: "Là où il y a la forme, il y a le vide, et là où il y a le vide, il y a la forme". Nơi nào có sắc thì có không, nơi nào có không thì có sắc.

(*) Sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc (1), sắc là không, không là sắc... không có khổ, Tập, Diệt, Đạo..., không ta, không người..." nghĩa là tất cả "có" của trần tục đều là "không" đối với Niết Bàn.

Cần phải hiểu rõ hơn: Cái không (Vacuité) của Niết Bàn mà Tông Không Luận muốn đạt không phải không hẳn (Néant) mà là cái không của tất cả giá trị tương đối nghĩa là không còn cái có và không của trần tục. (*).

(*) Les valeurs relatives du Domaine du Conditionné seront des non valeurs du Domaine de l'Inconditionné (Valeurs Absolues = Chân Như ở Niết Bàn). Cũng như các giá trị tương đối của sò ốc dưới biển đâu là giá trị của Đại bàng trên núi.

2- Trung Luận lập ra do Bồ Tát Long Thọ (Nagarjuna) (a) qua Bát Nhã Kinh nhờ đó mà Phật giáo Cấp Tiến đã trở thành rất thịnh. Theo thuyết này cái có (hữu; thực – pháp chấp) của người phàm tục thật ra là cái không thực nhưng không phải cái không không (Néant ou Inexistence – không tuyệt đối) vậy cái không ở Niết Bàn (b) là không có giá trị tương đối của trần tục.

(a) Nagardjuna - Bồ Tát Long Thọ - đắc đạo rất được tôn thờ ở Ấn Độ, Trung Hoa, Tây Tạng v.v... hiện nay các tác phẩm của ngài được dịch ra và rất được ngưỡng mộ ở thế giới. Long Thọ đã phát biểu nhiều tư tưởng rất giống như lời Phật trong Kinh Kim Cương.

(b) Niết Bàn (Domaine de l'Inconditionné ou Extinction de toutes les valeurs relatives) là giá trị tuyệt đối (valeurs absolues). Trần Tục (Domaine du Conditionné = réalité conventionnelle) nghĩa là chưa vào Niết Bàn chỉ có giá trị tương đối (valeurs relatives), dù là tương đối vẫn có giá trị với chúng sinh trần tục nhưng với quý vị chân tu muốn đi tới Niết Bàn thì sự phủ nhận giá trị tương đối là cần thiết (*): chúng ta đừng lẫn lộn trình độ Hiểu, Học, Hành Phật Đạo về Sắc – Không giữa người trần tục và các vị chân tu đắc đạo của 2 Tông: Phật Giáo Nguyên Thủy và Cấp Tiến.

(*) La négation des valeurs relatives du Domaine du Conditionné leur sera une nécessité absolue.

Khi đắc đạo ra khỏi tương đối thì sẽ thấy tuyệt đối (réalité absolue) rõ như nhìn mặt trời. Bên Pháp họ rất đề cao các suy luận trừu tượng (l'abstraction loin de la Réalité) ra khỏi thực tế không như bên Đạo Phật. Họ tự đề cao cái chết cao siêu (la mort trancendantale), tả cảnh ở trên Thiên Đàng (la béatitude, la plénitude... au paradis), tả các tin mừng (le bonheur et l'espérance....) do thần thánh đang đưa lại... chỉ cần chúng sinh có đức tin (avoir uniquement la foi par la prière) mà không phải tự làm (sans action de soi-même).

3- Thiền Tông (ZEN) "bất lập văn tự" gốc chính là do Phật Giáo Nguyên Thủy và thêm vào là phương pháp Yoga. Cơ bản của tông này đặt trên Tam KHÔNG:

a- Vô Niệm (libéralisation totale de l'esprit): Trí tuệ thoát ra khỏi vòng kìm chế và hoàn toàn độc lập và tự do nên Chính Niệm trong Bát Chính Đạo là phương tiện được dùng để đạt mục tiêu tối thượng Giác Ngộ trong đó là Vô Niệm: Trí Tuệ phải ngự trị hoàn toàn Cơ thể và Tâm (lục giác).

b- Vô Tướng (Non Forme ou Vide): Buông thả sự việc (détachement total), không chạy theo danh vọng, nghèo giàu, chức tước v.v... tất cả đều là vọng tưởng.

c- Vô Trụ - không bị chi phối bởi lục giác - (Sans références aux sens): Như Tâm Phật đã truyền bá con đường giải thóat cho tất cả mọi người không hề có phân biệt, không vướng mắc một điều kiện nào cả: thiện ác, phải trái, sang hèn... Phật đã đem lòng từ bi như mặt trời sói sáng mọi người mọi nơi vô điều kiện dù khen hay chê.

Dù theo Tông Phái nào, Con đường đi đến giác ngộ rất khó - đạt đến tột đỉnh của mỗi ngành học cũng rất khó vì không thể nhảy từ tiểu học lên ngay đại học rồi trở thành bác học ngay được – Chúng ta cần hiểu rõ điều này, rồi từ từ học để có thể hành đúng được, cần phải tránh mọi lẫn lộn (vọng ngã) giữa các cấp bậc tu hành (chân tu) trong Phật đạo.

B. – VÔ NGÃ

I.- Căn bản ở chữ Vô nên chúng ta có thể dùng lại giải thích ở đoạn "Vô thường". Theo Phật đạo mỗi chúng ta được gọi là "ngã" - thể xác và trí tuệ (corporéité et esprit) - gồm có 2 phần:

1- Vô Ngã (le moi impermanent): Đây chính là Vô thường Ngã cái mà chúng ta trần tục nhận thấy. Nó thay đổi liên tục không ngừng "Vô thường" nên không bao giờ có thể định nghĩa (xác định) được cho mỗi cá nhân. Đó là Vọng Ngã, là ảo tưởng... là do vô minh mà ra không phải sự thật (chân như), và đưa chúng ta vào con đường tôn thờ (le culte du "moi") cái Ngã (Tâm sai biệt) đi đến việc làm sai quấy. Đây cũng là quan niệm của các vị Védandiste Ấn Độ và C. Jung (học trò nổi danh của Freud): cái Ngã (le moi) chỉ là hình ảnh giả tạo (usurpateur) của bản chất Ta (le Soi), Chân Ngã.

Trên bình diện khoa học hiện đại, cái thể (thân xác) của Ta (Ngã) rồi sẽ tan biến sau cái chết nhưng các nguyên tử, phân tử, hợp chất... sẽ vẫn còn, sự thật các chất nầy đã có trước cái Ngã Ta, như vậy Ta chỉ tạm mượn chúng để hợp thành cái thể xác. Mặc dù không ai chối cãi được đạo luật "Vô thường" nhưng theo Tây Phương cái mộng "trường sinh" (rêve de l'éternité) của mỗi cá nhân vẫn còn tồn tại đưa đến Tâm sai biệt.

Giai đoạn học: Theo Nam Tông vô thường Ngã, tuy thay đổi thường trực, phải xem là có (tương đối ở trần tục) vì cái có Thể thì Ta mới có hành động tạo

https://tieulun.hopto.org

nghiệp (Samskara) đi đến tu là chuyển nghiệp. Bắc Tông cho rằng cái Thể Ta (Ngã) thay đổi liên tục nên không có bản chất thật cũng không có danh thật nên phải cói nó như không có gíiá trị (Vô Ngã) đừng dùng nó làm tiêu chuẩn, làm căn bản để tu luyện.

Cái hiểu của 2 Tông đều phát xuất từ: Kinh - tạng, Luật - tạng và Luận - tạng được gọi là Tam - tạng (Tripitaka). Khi học thì Nam Tông chấp nhận cái "Hữu" (có) tương đối (Thể vô thường ở trần tục hay Luân hồi) sẽ là cái "Vô" (không) (Thể tuyệt đối) ở Niết Bàn. Như vậy xem ra có 2 thể: Hữu (Luân hồi) và Vô (Niết bàn). Trong kiếp luân hồi Bắc Tông xem cái Thể vô thường không thực, không có giá trị là không (Luân hồi) và cũng là không khi vào Niết Bàn. Cũng vì lý do này mà sinh ra tranh chấp giữa 2 bên và đi đến sự khác biệt trong việc hành Phật Đạo.

Theo Đức Phật: Cái Hữu và Vô trong kiếp Luân hồi đều là Không trong Niết Bàn (Giác Ngộ) – La Forme et le Vide, Valeurs relatives du Domaine du Conditionné (Luân hồi), sont des vides de Valeurs absolues du Domaine de l'Inconditionné (Niết Bàn).

2.- Chân Ngã (Énergie Psychique): Đây là sinh lực trong mỗi chúng Ta bất diệt (indestructible) chứa đựng tính cách cơ bản của con người kể cả Tâm Phật vì vậy chỉ có kiếp người (như Đức phật) mới có thể đi đến Giác Ngộ cho đến thánh thần, tất cả muôn thú cũng không làm được. Chính cái chân ngã đã mang theo chữ nghiệp hiện kiếp và truyền kiếp trong cuộc sống hàng ngày và trong kiếp luân hồi: Nghiệp – Nhân – Duyên - Quả... không ai thoát được luật thiên nhiên này. Khi máu đã ngưng chảy trong huyết quản (chết) các sinh lực (énergies vitales) trong người sẽ thoát đi, tư tưởng, tâm tư... cơ thể sẽ rã ra... lúc đó chỉ còn Chân Ngã (với Nghiệp), thay đổi thường xuyên nhưng bất diệt là còn tồn tại trong kiếp luân hồi để rồi sẽ đầu thai (revivre) lại một kiếp khác. Cái Chân Ngã Ta lúc 10, 20, 50 tuổi... lúc chết và sau cái chết đều đã có sự thay đổi vì vậy mà cũng không giống cái "ngã của TA" hoặc cái Ngã của bất cứ ai (*).

(*) Ainsi le "moi" ne renaît pas le même... et ce n'est pas non plus autre. Revivre par la transmigration (tái sinh của Phật Đạo) à ne pas confondre avec la réincarnation, terme spécifique du catholicisme qui signifie que la même âme ou la même indentité ou la même personnalité, au moment de la résurrection (sống lại lúc tận thế), pourrait revivre dans la chair (carnation).

Theo Phật Đạo chuyển nghiệp là tách khỏi cái Vô Ngã – đem cái Ngã xuống thấp tránh Tâm Sai Biệt do lối nhìn (nhãn kiến) Nhị Nguyên (la dualité) mà ra: ta và người; tâm và vật; hữu và vô, sinh và tử...- để có thể tiến đến Chân Ngã là tiến sâu vào giá trị cơ bản của con người – Từ Bi, Bác ái, Hỉ xã... - để đạt được Tâm Phật và thoát khỏi vòng luân hồi. Đó là Tâm Nhất Như – Tâm Bình Đẳng.

Giai đoạn hiểu: Hai Tông Nam Bắc cùng một giải thích về Chân Ngã để tiến đến Niết Bàn tuy thế mỗi tông phái vẫn có nhiều người viết sách giải thích khác đi và còn đi quá xa là, tuy họ chưa đến Tâm Phật, vẫn tự hào biết hết (giải thích - định nghĩa) chi tiết nào Niết Bàn, nào Tâm Phật, nào trạng thái Giác Ngộ... và cho rằng Trời Phật đã hướng dẫn và đọc cho họ viết.

II – Hiểu. Chúng ta đã thấy cách hiểu - học – hành của 2 Tông về Vô Thường, thì chữ Vô (không) này lại được áp dụng vào Vô Ngã.

Về đường tu đạo ba chữ hiểu - học – hành tùy thuộc hoàn toàn vào trình độ của mỗi chúng ta. Đối với những ai đã đạt được Tâm Phật (giác Ngộ) thì mọi thể, tướng, vạn pháp v.v... của trần tục đều là không (toàn diện) của Niết Bàn (Vacuité) kể cả Tam Bảo (trần tục: Phật – Tăng – Pháp (Bouddha – Sangha – Dharma) vì đây chưa phải giá trị tuyệt đối.

Trong thực tế chúng ta đâu đã thoát tục, đâu đã giác ngộ... chúng ta phải xem Tam Bảo là trọng, là giá trị là con đường phải theo, cũng nhờ các giá trị tương đối này làm phương tiện để theo Phật đạo mới hy vọng kiếp này, kiếp khác từ từ tiến đến giá trị tuyệt đối của Tâm Phật.

III- Không toàn diện (La Vacuité) – Chân Không.

Thông thường đối với chúng sinh (trần tục) "Tu là Chuyển Nghiệp" đưa đến thành quả: Nghiệp nặng trở nên nhẹ, nghiệp xấu trở nên tốt v.v... Đó là Thay đổi Nghiệp (Samskara: Ý Nghiệp - Khẩu Nghiệp – Thân Nghiệp) vẫn còn đó, chúng sinh vẫn trong kiếp luân hồi (Samsara).

A.- Bồ Tát Long Thọ (Nagarjuna) đã giải thích chữ "KHÔNG" toàn diện cho các bậc chân tu:

"Puisque Tu (le Bouddha) enseignes le nectar de la Vacuité. Pour nous aider à abandonner tout concept, Tu as fortement condamné. Le fait de s'attacher à cette Vacuité".

Tạm dịch:

Do Đức Phật đã dạy cái tuyệt diệu về "không" (toàn diện), Với mục đích để kẻ tu hành không còn mọi ý niệm (1). Vì thế Phật đã bảo các người này, Không được gắn bó với « không » (toàn diện) (2).

(1) Đây chỉ là giá trị tương đối (réalité conventionnelle issue de l'imperfection de la capacité de perception des sens) của trần tục phải từ bỏ (affranchissement).

(2) Đây là sự lệ thuộc của trí tuệ vào chữ "Không", đúng ra trí tuệ phải tự do, không (giải thoát) còn lệ thuộc vào gì cả, kể cả chữ "Không".

Le fait de s'attacher à cette Vacuité signifie que l'esprit est toujours dominé par la Vacuité.

Mục đích đi đến thành quả: Diệt Nghiệp (*) ➔ Dứt toàn diện Nghiệp để trở thành Tâm Phật (**).

(*) Faire disparaître intégralement le Samskara (tiêu diệt giá trị tương đối trong tuệ giác).

(**) Ý nghiệp đã tuyệt, tuệ giác đã thành: trí tuệ đã hoàn toàn tự do đối với lục giác, bụi trần tục và Tâm đã đạt đến Tâm Phât: Mọi Nghiệp (Samskara) đã hết, kẻ đắc đạo sẽ thoát khỏi kiếp luân hồi (Samsara) - đó là Pháp luân.

B- Chữ "KHÔNG" toàn diện (Chân không) của Bồ Tát Long Thọ dành cho các bậc cao tăng đức độ muốn tiến đến Niết Bàn qua luận lý của tứ đạo

https://tieulun.hopto.org

(tétralemme) – thông thường là dilemme (đi; ở).

(A). Ví dụ:

1)- Vật; 2)- Không Vật; 3)- (Vật vừa Không Vật); 4)- Vật và (Không Vật).

Bồ Tát Long Thọ đã luận rằng (Không = Vô):

1.- Không Vật = Ni Être (thay bằng Sinh = être) ➔ Không Sinh (Vật).

Còn trong kiếp luân hồi (thập nhị nhân duyên: duyên khởi là Vô Minh) là còn sinh: Phải chấp nhận Không Sinh là phải diệt Vô Minh.

2- Không (không Vật) = Ni non-Être (thay bằng Tử = non-être) ➔ Không Tử (Không Vật).

Nếu Không Sinh thì đương nhiên sẽ Không Tử nghĩa là thấu triệt (Hiểu) được thập nhị nhân duyên (les 12 conditions interdépendantes) đó là Đạo Đế (*)

3- Không (Vật vừa Không Vật) = Ni (Être avec non-Être) ➔ Không (Sinh vừa Tử).

Nhờ hành đúng Diệt Đế (Bát Chính Đạo - Octuple Sentier) mà dứt thập nhị nhân duyên nghĩa là dứt được nghiệp (Samskara) và đạt tới được Không (Sinh - Tử) là giải thoát được kiếp luân hồi (Samsara), theo Pháp-luân của Phật-pháp.

4- Không Vật và Không (không Vật) = Ni Être et Ni (non-Être) ➔ Không Sinh và Không Tử, tức là đến được Niết Bàn, nơi mà Đức Phật đã giải thích: "Cửa Bất Sinh, Bất Diệt đã mở", được hiểu là Giác Ngộ (l'Éveil ou la Connaissance), là Không (toàn diện) (la Vacuité ou l'Extinction) .

(*) Tứ thánh Đế (Les Quatre Nobles Vérités):

a) Khổ Đế: Vérité de l'Existence de la Souffrance

b) Tập Đế: Vérité des Causes de la Souffrance

c) Diệt Đế: Vérité de la Délivrance de la souffrance

d) Đạo Đế: Vérité de la Voie de la Délivrance de la souffrance.

Đây cũng là nguồn gốc từ Bắc Tông Trung Luận (Long Thọ) đặt ra chữ không của tứ đạo (tétralemme) đã đưa đến tranh luận sôi nổi giữa giới trí thức cao cấp trên thế giới vì có sự hiểu khác biệt về Đạo Phật trên bình diện cao siêu như những lời dạy của đức Phật trong Kinh Kim Cương dành cho các cao tăng. Cũng vì chưa đủ trình độ, một số người Tây Âu thường cho rằng giáo lý Phật đạo có nhiều mâu thuẫn (paradoxes) và không hợp lý (illogique).

(A) Theo nguyên lý Aristote – 350 năm trước Thiên Chúa - (dilemme = nhị đạo hay lưỡng nghi – (âm); (dương) – (đi); (ở) - (X); (-X) - ... v.v...) với 2 lý đối nghịch một cái đúng thì cái kia phải sai. Không khi nào cả hai đều đúng hoặc đều sai cả. Ví dụ: X = đi; (-X) = ở (Không đi = Non X).

1) Nếu đi (X) thì không ở [Non (-X)]: nếu chấp nhận đi (X) thì phải không chấp nhận ở (-X)

2) Nếu không đi (Non X) thì ở (-X) : nếu không chấp nhận đi (Non X) thì phải chấp nhận ở (-X).

Và theo nguyên lý này không thể chấp nhận vừa đi vừa ở [(X) et (-X) = vrais = đúng] hoặc không đi không ở [(Non X) et Non (-X) = vrais = đúng] đây được gọi là la loi de non-contradiction ou le principe du tiers exclu: không chấp nhận tam đạo.

Ai không chấp nhận nguyên lý nầy, thì Aristote xem họ chỉ có khả năng suy luận như cây cỏ và không có chi để bàn. Suy luận Á Châu của Lão Tử thì trong âm đã có dương và ngược lại: hỷ xả (tolérance) cùng cực – tha tất cả kẻ cướp giết người đã thành cố chấp (intolérance) – thì đã chấp nhận cái chết của kẻ vô tội khác. Theo ông muốn có cuộc sống an nhàn và hạnh phúc thì ta nên theo luật quân bình của tạo hóa và đừng thái quá (l'excès en tout est un défaut).

Ngược lại luận lý trên, theo Phật đạo ông Nagarjuna (100 năm sau Thiên Chúa) đã chấp nhận (hoặc phủ nhận) 4 trường hợp lý luận (tứ đạo = tétralemme) như sau đều đúng (hoặc sai):

	(X)	(-X)
- M	➔ Sinh	➔ Không Sinh
- M	➔ Tử	➔ Không Tử

(M với –M) ➔ (Sinh - Tử) ➔ Không (Sinh với Tử)

M và –M ➔ Sinh và Tử ➔ Không Sinh và Không Tử.

Nếu gọi sinh (M) = đúng = vrai; tử = (-M) = không đúng = non vrai.

(X): Đây là cái đúng cho chúng sinh trong kiếp luân hồi nhưng lại sai (không đúng) đối với các vị chân tu muốn đến giác ngộ (Éveil).

Tóm lại là: "Tất cả chúng sinh là phải sinh (đúng), phải tử (không đúng), phải trong vòng sinh-tử (đúng - không đúng) = luân hồi, và phải sinh rồi tử (đúng và không đúng)" - Tout est vrai, non vrai, (vrai et non vrai), vrai et non vrai -.

(-X): Đây là cái đúng cho các vị chân tu muốn đến giác ngộ (la Connaissance ou Éveil) nhưng lại sai (không đúng) đối với chúng sinh trong kiếp luân hồi.

Tóm lại cái lý luận của ông được xem là: "Tất cả là không đúng (sinh), không không đúng (tử = không đúng)], không [đúng với không đúng], không đúng (sinh) và không không đúng (tử)" - Tout (X) est non vrai, ni non vrai, ni (vrai et non vrai), ni vrai et ni non vrai -.

1) (X) = Non vrai = Non affirmation

2) (X) = Ni non vrai = Non négation ou négation de la négation

3) (X) = Ni (vrai et non vrai) = Négation d'un ensemble de deux arguments regroupés

4) (X) = Ni vrai et ni non vrai = Réfutation des deux arguments pris séparément

Xin xem giải thích qua Phật đạo của ông Nagarjuna ở phần trên.

Ông đã tóm lược tư tưởng Phật qua giải thích: "Tuyệt diệu của Phật đạo là Vô Ngã, Vô Chư Pháp, Vô Diệt (Bất Diệt), Vô Thường" tạm dịch: "Ni Identité, Ni Diversité, Ni Anéantissement, Ni Permanence c'est ansi le nectar de l'enseignement du Bouddha" (tétralemme):

1- Vô Ngã (Ni Identité) = Vô thường ngã như đám mây không bao giờ giống nhau cả nên không thể nhận định được (identité). Không có gì là hoàn toàn của Ta cả: khởi sự là tinh trùng Cha + trứng Mẹ rồi đến nguyên tử, phân tử, đạm tố v.v... đều là đồ mượn cả: do đó thân thể Ta chỉ là một tổng hợp tạm thời gồm toàn thành phần mượn vô thường (le "moi" n'est qu'un assemblage éphémère d'éléments

https://tieulun.hopto.org

impermanents)... không có gì vĩnh cữu là của Ta (absence totale d'une essence du "moi" en soi et pour soi). Khi chết thân Ta "mượn" sẽ lại trả lại hết cho thiên nhiên và các cái của mượn đã có trước Ta sẽ còn tồn tại sau cái chết của Ta.

1- Vô Chư Pháp (Ni Diversité) = Nếu mỗi thành phần (éléments d'un Ensemble) là Vô Ngã thì tổng hợp (Ensemble = Chư Pháp) cũng chỉ là Vô thường pháp chấp (cố chấp = réalité conventionnelle) không là chân thật (valeur absolue) của Niết Bàn và chỉ là giá trị tương đối trong tuệ giác.

2- Vô Diệt (Ni Anéantissement) - Chân Ngã (Énegie Psychique est indestructible comme toutes les énergies = bất diệt) của Ta tùy theo trường hợp sẽ trở về kiếp (une Identité muable) Luân Hồi (Samsara) hay vào Niết Bàn (Nirvana) nhưng vẫn tồn tại mãi mãi (Selon le Bouddhisme c'est le principe personnel éternel (*) de l'Identité muable) – Identité muable mais indestructible dans le cycle de révolution "Samsara".

(*) Essence indestructible boddhisattva

3- Vô Thường (Ni permanence ou Impermanence) đây là quy luật thiên nhiên do Đức Phật đã tìm thấy; tất cả mọi vật đến cả vũ trụ đều thay đổi: sinh - sống – lão - tử (thành, trụ, hoại, không) – formation (naissance); croissance; vieillissement: dissolution (disparition). Qua sự sống và nhờ Vô Thường Ngã mà Ta mới có thể "Tu là chuyển nghiệp" để có thể tiến đến Tâm Phật - Grâce à sa précieuse vie et aux transformations perpétuelles tout individu serait capable de se rendre meilleur et de pouvoir atteindre, dans le devenir, le Nirvana.

Kết luận

Khoa học ngày nay đã chứng minh rõ ràng cái Luật thiên nhiên "Vô Thường" là lúc nào cũng đúng với thời gian và không gian, do đó suy ra thuyết "Vô thường ngã" phải đúng. Nhưng đối Nam Tông và Bắc Tông hiểu thì giống nhau nhưng học và hành lại khác nhau mặc dù luôn luôn muốn tôn trọng đúng "tông chỉ" Phật Đạo.

Phật tử chúng ta cần ý thức được chữ Hiểu trong Phật Đạo để tránh tạo cơ hội cho cái mầm chia rẽ phát ra như đã thấy rất tai hại ở các tôn giáo khác. Theo Đạo Lão "trong cái Thiện (hay; le Bien) đã có mầm (germe) Ác (dở; le Mal), trong cái Ác đã có mầm Thiện". Vì vậy nếu chúng quá gắn bó với Tông này, Phái nọ thì thành ra tránh né, tách rời Tông khác, Phái khác... từ đó cái mầm chia rẽ sẽ nảy nở đưa chúng ta đi đến chỉ trích, chống đối ngược lại "tôn chỉ" của Phật Đạo phải xem như ánh sáng mặt trời soi sáng vạn vật (le monde des êtres), vạn pháp (la Nature entière ou le monde physique et phénoménal) không phân biệt nghèo giàu, sang hèn, nam nữ, trẻ già (chư pháp)... cho đến mọi loại vật vì sự sống mới có thể chuyển nghiệp qua kiếp luân hồi, rồi từ từ đi đến giác ngộ. Chữ Từ Bi, Bác Ái... của Đức Phật bao la, bao trùm tất cả cho đến người thương và kẻ ghét.

Đức Phật đã nói: "Theo Ta mà không chịu Hiểu Ta, chỉ là một sỉ nhục đối với Ta".

Đây muốn nhắc chúng sinh cần Hiểu đúng Đạo Phật, Học đúng Tôn Chỉ Phật và Hành đúng Phật Đạo. Mục đích tôn thờ Phật, cầu kinh... hành hương cũng là nhắc nhở chúng ta đừng quên con đường Phật (Phật Pháp) đã đi đến Niết Bàn và đã truyền (*) lại cho chúng ta để rồi từ kiếp nào đó chúng ta sẽ theo đúng con đường (Đạo) này đi tới được giác ngộ giải thoát khỏi vòng luân hồi.

(*) Đó là nghĩa của chữ "Phật Độ". Qua luật "Nhân duyên Quả" (loi du Karma), theo Đức Phật không có Thánh - Thần - Trời - Phật... nào dính vào "sinh - sống - bệnh - tử" (1) của người (chư pháp) hoàn toàn tự do và chịu trách nhiệm của đời mình. Đó là phần cao thâm của Đạo Phật, phải lấy cái tự lực, tự cường - không mê tín, dị đoan - mà tự mình giải thoát lấy mình. Phật nói "Thượng thiên hạ địa duy Ngã (của chính mình) độc tôn".

(1) Le Bouddha a dit: "l'homme naît seul, vit seul et meurt seul".

Và Lão Tử đã nói: "Thiên Địa bất nhân". Nghĩa là luật Tạo Hóa của Trời Đất không có thiên vị ai cả, không ghét ai cả và cũng không ai sửa đổi được. Người khôn hay ngu, giàu hay nghèo, đẹp hay xấu... khi đi qua sa mạc sẽ đều chết khô nếu không tôn trọng luật Tạo Hóa.

Qua bài nói chuyện này, xin quý vị thứ lỗi cho tôi không đủ khả năng giải thích và định nghĩa: Niết Bàn - Tâm Phật – tâm đã Giác Ngộ... mà chỉ có khả năng chia sẻ cái hiểu Phật đạo để đi đến các mục đích này. Ví sao ? Tôi đây chỉ là một trí thức Phật tử vẫn còn trần tục, đâu đã giác ngộ mà giám giải thích những điều chính Đức Phật cũng không muốn nói ra (1), vì những điều này (Niết Bàn) Phật có nói ra chúng sinh trần tục cũng không hiểu nổi. Ngay chúng ta đây cũng chưa có khả năng thật sự hiểu được loài người và thật sự đâu đã thấu triệt được bản thân của mỗi cá nhân chúng ta...

Có khác chi cùng là trần tục với nhau, nếu bây giờ tôi nói đến équation d'onde de Schrodinger dans la physique quantique thì những ai chưa tới giai đoạn này cũng sẽ không hiểu không phải vì thiếu trí tuệ, trí khôn mà vì không ai có thể am tường tất cả hiểu biết của nhân loại ngoài trừ Phật (2).

(2) Ở cõi trần tục sự hiểu biết của con người là có giới hạn: Le principe de la limite du savoir dans le Domaine du Conditionné est reconnu par la Science actuelle.

(1) Trong Kinh Kim Cương Đức Phật đã nói: "Cái gọi là Phật Pháp (trần tục), tức không phải Phật Pháp (Niết bàn), nên gọi là Phật Pháp (khi còn ở trần tục)".

Ông Nagarjuna (Bồ Tát Long Thọ) đã viết cho những người quá tự kiêu, tự mãn... chưa đến được Diệt Nghiệp: "Nếu quý vị nhìn thấy Phật, phải giết ngay Phật đi" (*)

(*) Si tu vois le Bouddha, tue-le. Vì đây không phải là Phật (là vọng kiến của con cá sống trong ao tù đâu có thể hiểu được đại bàng sống trên núi Hy Mã Lạp Sơn).

(thuyết trình tại Trung Tâm Văn hóa Xã Hội Medecins du Vietnam tại Paris)

https://tieulun.hopto.org

Sở Táo Quân

NH. (Ngọc Hoàng)
Cửa thiên đình có ai lấp ló
Chắc là có Táo nào đó muốn tấu trình
Đã mang sớ về đến thiên đình
Sao chưa chịu vào đây trình tấu?

TQ. (Táo Quân)
Dạ, dạ...
Thần đây là Táo
Tại Đoái-sờ-lăng [1]
Nay cuối năm Dần
Nên về trình báo
Trước tiên thần Táo
Lược chuyện toàn cầu
Bởi khắp năm Châu
Còn nhiều lộn xộn
Nào chuyện Nhật Bổn
Giành đảo Điếu Ngư
Trung Cộng cho người
Bày trò chọc tức
Khiến mấy anh Nhựt
Nổi giận bắt giam
Bắc Kinh lại hăm
Chơi đòn kinh tế
Sợ nồi cơm bể
Nhật phải thả ngay
Hai bên co tay
Nhưng chưa dám đấm
Giờ qua hủ mắm
Là xứ Bắc Hàn
Cũng anh tàng tàng
Là Kim Chính Nhật
Trước khi xuống đất
Lật đật gắn lon
Cho thằng Kim con
Với cùng bà chị
Mục đích chuẩn bị
Tiếp giữ ngai vàng
Thế giới chạy làng
Trò chơi quá nổi
Chưa vào quân đội
Lãnh ấn nguyên nhung
Cả đám điên khùng
Chẳng còn thuốc chữa!

NH.
Đừng nhắc tới nữa
Hãy quên hẳn đi
Cái đám Hàn xì
Đâu ai ưa thích
Ta nghe rục rịch
Về chuyện biển Đông
Ma-đàm Lin-tông
Vì sao bóng gió?

TQ.
Nhắc tới chuyện đó
Thấy cũng đáng bàn
Trung Cộng ngược ngang
Lâu giờ thao túng
Mỹ lên cơn nóng
Hạ lệnh cuốn dây
Tàu chiến sân bay
Nhổ neo hạm đội
Tà tà kéo tới
Khu vực biển Đông
Khi Cờ-lin-tông
Thẳng thừng tuyên bố
Trung Cộng hùng hổ
Lớn tiếng ồn ào
Sau sư tử Tàu
Đành thu móng vuốt
Hiện giờ các nước
Tìm thế liên minh
Sư tử Bắc Kinh
Trở nên lúng túng
Xem ra ước muốn
Hình cái lưỡi bò
Chỉ còn trong mơ
Khi vào giấc ngủ
Muốn ngăn sư tử
Qua chuyến công du
Mẽo quyết bung dù
Mác-đờ-in Mỹ
Hợp với anh Bảy
Hỏi giấy anh Ba
Có mười Trịnh Hòa
Tái sinh cũng chết

NH.
Táo nên sì-tốp
Về chuyện biển Đông
Hãy nói vài dòng
Quốc gia Tam-tứ! [2]

TQ.
Về vụ nguyên tử
Bên xứ I-răng
Vẫn còn hung hăng
Cứng đầu cứng cổ
Đến lúc bùng nổ
Chưa biết thế nào
Hậu quả ra sao
Chẳng ai lường được
Kế bên là nước
I-rắc lâu nay
Hai nhóm Si-ai
Sun-ni chọt lộn
Phía này ngủm bốn
Phía nọ ngoẻo năm
Sâu mối hờn căm
Dù chung tôn giáo
Qua đám hung bạo
Áp-ga-nít-tăng
Nhóm Ta-li-băng
Còn đang vùng vẫy
Nếu Mẽo chán ngấy
Bỏ mặc chúng sơi
Dân sẽ nếm mùi
Cùng màu tang chế
Anh bạn làng kế
Là Ba-kít-tăng
Đang gặp khó khăn
Vì cơn lũ lớn
Nhìn qua thấy ớn
Muốn nổi da gà
Nước cuốn cửa nhà
Chết người vô số
Cuộc đời nghèo khó
Lại dính thiên tai
Nhiều người muốn "đai"
Nằm luôn cho khỏe.

NH.
Vụ này ta đã
Cảnh báo từ lâu
Bởi quả địa cầu
Con người tàn hại
Chỗ này khí thải
Chỗ nọ phá rừng
Tạo nên nước dâng
Mưa gây lũ lụt

---

[1] Deutschland: Germany, nước Đức

[2] Ba Tư, tức Iran bây giờ.

https://tieulun.hopto.org

Nắng mưa quy luật
Vũ trụ bao đời
Nay do con người
Làm thay đổi hết
Dẫn đến sự chết
Là do chính mình
Đâu phải thiên đình
Gây ra tang tóc
Đó là bài học
Phải biết về sau

TQ.
Thần Táo xin tâu
Một điều lý thú
Đó là cái vụ
Thợ mỏ sụp hầm
Tưởng đâu đã nằm
Luôn trong lòng đất
Nhưng nhờ kỹ thuật
Khoan xuống lôi về
Nên xứ Chi-lê
Trở thanh nổi tiếng
Báo chí kéo đến
Phỏng vấn ào ào
Chắc là hồi sau
Đóng phim hốt bạc

NH.
Còn vấn đề khác
Như giải túc cầu
Thiên đình nghe đâu
Có nhiều điều lạ

TQ.
Tổ chức bóng đá
Cũng giống mọi khi
Mỹ, Á, Úc, Phi
Năm nay trớt quớt
Cuối cùng chiếc cúp
Về Tây Ban Nha
Nhưng nếu xét ra
Vẫn thua Bạch Tuộc
Chú này đoán trước
Ai thắng ai thua
Thiên hạ thi đua
Tin theo cá độ
Người thắng hay nổ
Mạnh miệng tôn vinh
Kẻ thua bực mình
Đòi đem lăn bột
Thế kỷ hai mốt
Bày đặt nhiều trò
Còn chuyện đói no
Hạ hồi phân giải
Một vụ kinh hãi
Cũng mới gần đây
Xứ Húng-gà-ri
Lan tràn bùn đỏ
Nhìn thấy vụ đó
Dân Việt giật mình
Táo sẽ tấu trình
Về phần Bô-xít
Năm nay danh sách
Lãnh thưởng Nô-beo
Lại trúng họ Lưu
Trong tù giựt giải
Bắc Kinh lải nhải
Sừng sộ Na-uy
Nên bị khinh khi
Côn đồ chợ búa
Tiếp theo phần sớ
Tấu chuyện Việt Nam
Nói đến sang năm
Vẫn chưa chấm dứt
Thần Táo tóm lược
Trình tấu Ngọc Hoàng
Cộng đảng hung tàn
Vẫn còn lì lợm
Nhiều trò bịp bợm
Dối gạt người dân
Mọi tiếng khuyên can
Đếch cần để ý
Tay này kéo Mỹ
Dẫn vào thanh lâu
Tay kia vái Tàu
Giữ giùm chiếc ghế
Đất liền bất kể
Biển đảo đếch cần
Miễn sao kim ngân
Chạy vô đầy túi
Nhìn lên miền núi
Đã thấy nguy cơ
Vàng sao đỏ cờ
Tiếng đào Bô-xít
Nhưng cái mục đích
Nằm tuốt Bắc Kinh
Dân Việt giật mình
Vụ tràn bùn đỏ
Đâu phải chuyện nhỏ
Ở Húng-gà-ri
Bể chảy ly bì
Nhìn qua phát khiếp
Thế rồi kế tiếp
Tại tỉnh Lạng Sơn
Cũng thứ đất nhờn
Thuộc về bùn đỏ
Của việc khai mỏ
Tuôn chảy tùm lum
Cả nước om sòm
Đảng trơ mắt ếch
Đã không sợ sệt
Còn muốn làm liều
Chắc có nhiều điều
Còn trong bóng tối
Xin đề cập tới
Cũng chuyện Tây Nguyên
Sông suối không thuyền
Cầu trôi mất gốc
Trẻ con đi học
Đành phải đu dây
Trước hình ảnh này
Vẫn không hổ thẹn
Đảng muốn lấy tiếng
Nên cứ chơi ngông
Ngàn năm Thăng Long
Linh đình lễ hội
Miền Trung lụt lội
Họ chẳng bận tâm
Tổ chức ngàn năm
Bày trò du hí
Như chuyện vua Lý
Trung Quốc dựng phim
Cảnh mặc y xiêm
Giống dân Hoa Hạ
Nhuộm màu văn hóa
Nô lệ nước Tàu
Thiên hạ nhao nhao
Ùn ùn phản đối
Bẻ mặt Hà Nội
Nên sì-tốp ngay
Mỹ kim lại bay
Ước gần chục triệu
Chúng ăn đủ kiểu
Vì nắm toàn quyền
Leo lên ủy viên
Thành tư bản đỏ
Mấy cấp nho nhỏ
Thì bám chung quanh
Trên, đội đàn anh
Dưới, hành dân chúng
Chứng bệnh tham nhũng
Trở thành kinh niên
Bởi lẽ đồng tiền
Đã làm mờ mắt
Độc quyền kiểm soát
Dẫn đến ăn chia
Cấu kết bao che
Thành ra quốc nạn
Cả hai cái đảng
Cộng sản Việt, Tàu
Đều giống như nhau
Hồ, Mao chung giỏ
Kể từ màu đỏ
Sắc nhạt bớt dần
Những tên ngu đần
Bỗng thành tiến sĩ
Bằng có chữ ký
In chữ cộng hòa
Đụng chuyện truy ra
Toàn là thứ dỏm
Mọi người kinh tởm

https://tieulun.hopto.org

Xem chúng như giòi
Cả đám loi nhoi
Sống chuyên đục khoét
Lâu lâu tổ trát
Vờ vịt kêu la
Phải nhờ đảng ta
Ra tay phù phép
Kẻ nào mở mép
Đảng bắt câm mồm
Báo chí om xòm
Tịch thu luôn thẻ
Thần Táo xin kể
Một việc đớn đau
Qua vụ Cồn Dầu
Giáo dân phẫn uất
Cộng quyền ăn đất
Luôn cả nghĩa trang
Người chết không an
Nói chi kẻ sống
Giáo dân nào chống
Đảng mở cửa tù
Kể cả thầy tu
Lùa vào nhốt hết
Chẳng cần cứu xét
Tiếng nói lương tâm
Đảng cứ giam cầm
Mặc ai phản đối
Chóp bu Hà Nội
Hoảng sợ thông tin
Đó là khắc tinh
Điểm vào tử huyệt
Bởi đảng sợ chết
Nên sai Hắc-cơ
Đánh bờ-lốc-gơ
Cùng nhiều trang mạng
Cho thấy cộng đảng
Chống đở tứ tung
Táo nghĩ sau cùng
Phải nằm đo ván
Dư luận bàn tán
Vụ Vi-na-sin
Nghe đến thất kinh
Nợ nần kinh khủng
Khi trước Tấn Dũng
Tuyên bố ồn ào
Sẽ chuẩn bị tàu
Đi ra biển lớn
Giờ chuyện lỗ vốn
Trăm ngàn tỷ đồng
Đảng giả vờ còng
Vài tên lấy lệ
Vì sợ đổ bể
Ém nhẹm điều tra
Năm tỷ đô la
Trôi theo dòng nước
Dư luận phẫn uất
Như nồi nước sôi
Đảng cho xả hơi
Cò mồi mở nấp
Theo kiểu vấn đáp
Một cốt một đồng
Hết hạn là xong
Chuyện đâu vào đó
Người dân khốn khó
Một cổ hai tròng
Phải uốn lưng cong
Nuôi hai bộ máy
Ngân sách đảng lấy
Trả lương đảng viên
Hỏi còn đâu tiền
Đem dùng phúc lợi
Giờ xin tâu tới
Về chuyện họ Cù
Không muốn êm ru
Ngồi nghe hỏi đáp
Dựa theo hiến pháp
Cù nách anh Ba
Tin tức lan ra
Trở thành nổi tiếng
Cũng bởi con kiến
Dám kiện củ khoai
Nên đám tay sai
Lập mưu để nhẹ
Nửa đêm cho "ghẹ"
Khách sạn viếng thăm
Ghép tội mua dâm
Công-đôm làm chứng
Một màn dàn dựng
Vở kịch khó coi
Nhưng đám tay sai
Vẫn đem trình diễn
Mấy kép danh tiếng
Bỗng biến thành hề
Chỉ ngửi xê-đê
Đoán ra thủ phạm
Chuyên đánh hơi hám
Thạo nghiệp săn lùng
Con mồi bắt xong
Mừng vui ra mặt
Tính chất chẳng khác
Một đám cẩu nô
Khi miệng tung hô
Tay luôn thủ súng
Đảng ban cho chúng
Quá nhiều quyền hành
Họ đã trở thành
Kiêu binh bất trị
Luật pháp công lý
Viết để xem chơi
Tòa án là nơi
Biến thành rừng rú
Quá nhiều ác thú
Chuyên đội lốt người
Có thể những lời
Chói tai Ngọc Đế!

NH.
Táo Quân hãy kể
Người Việt nước ngoài
Đảng cộng chuyện dài
Nghe hoài phát chán!

TQ.
Dạ dạ Táo ráng
Tổng kết tình hình
Thần Táo tấu trình
Ngọc Hoàng duyệt xét
Tóm lược vài nét
Xin được tâu qua
Bởi thấy nước nhà
Người dân khốn khổ
Sống dưới chế độ
Áp bức chuyên quyền
Nên chẳng ngồi yên
Đồng thanh tố cáo
Nơi này họp báo
Chỗ khác xuống đường
Thể hiện tình thương
Đồng bào ruột thịt
Cùng chung mục đích
Đòi hỏi tự do
Khiến đảng càng lo
Nên cho quậy phá
Chiêu bài văn hóa
Ca sĩ diễn lưu
Thực hiện âm mưu
Nhằm gây chia rẽ
Lý Tống lập kế
Hóa trang Ma-đam
Xịt ca sĩ Đàm
Giống như xịt muỗi
Nhiều nơi chống đối
Lật tẩy mấy trò
Ca sĩ hát hò
Làm theo lệnh đảng
Một điều rất đáng
Được ghi lại đây
Từ mấy năm nay
Chương trình văn nghệ
Mục đích nhằm để
Giúp thương phế binh
Xưa đem thân mình
Tự do bảo vệ
Giờ thân tàn phế
Bệnh tật cô đơn
Nghĩ đến mối ơn
Cho nên cứu giúp
Số tiền đóng góp
Hàng triệu đô la
Hồ sơ tính ra
Vẫn còn chưa đủ

https://tieulun.hopto.org

Tiếp theo ít chữ
Nói tới việc Chùa
Thần Táo lược sơ
Vài dòng trình tấu
Chương trình hành đạo
Hoằng hóa chúng sinh
Chùa vẫn tiến hành
Hàng năm đều đặn
Nào lễ Phật Đản
Nhộn nhịp sân chùa
Tiếp đó đến mùa
Vu Lan báo hiếu
Ai muốn tìm hiểu
Có các khóa tu
Kinh sách lu bù
Đọc đà mệt nghỉ
Tập làm bố thí
Diệt bớt lòng tham
Rồi đến cuối năm
Chùa làm hội Tết
Một vài chi tiết
Khóa học Âu Châu
Người về trước sau
Tính ra cửu bách [3]
Lọc ra danh sách
Đức có ba trăm
Chỉ thua có năm
Một lần ở Ý
Xong khóa Giáo lý
Lại tới miền Nam
Đường sá xa xăm
Người về đông đúc
Mỹ, Âu, Á, Úc
Phật tử Tăng, Ni
Người đến xe đi
Thật là nhộn nhịp
Dự ngày „Hiệp Kỵ
Lịch Đại Tổ Sư"
Nhớ về cuộc đời
Chư Tôn lúc trước
Trên đường dấn bước
Hướng dẫn chúng sinh
Trong cuộc hành trình
Thực hành lẽ đạo
Góp phần Phật Giáo
Phát triển về sau
Tăng Ni các Châu
Tụ về Viên Đức
Thời tiết báo trước
Ngày ấy nắng mưa
Nhưng lại chẳng ngờ
Trời thanh nắng đẹp
Những ngày kế tiếp

Người về quá đông
Xe đậu ngoài trong
Chật sân Viên Đức
Trước khi chấm dứt
Táo có vài câu
Thần Táo thỉnh cầu
Ơn trên giải đáp
Để tìm biện pháp
Cho nước Việt Nam
Táo thấy thương tâm
Người dân nước Việt
Một thời chém giết
Thù hận với nhau
Giờ phải cúi đầu
Chịu thân nô lệ
Xưa kia xưng đế
Khiếp vía Bắc phương
Nay vướng con đường
Độc tài thống trị
Nhiều người nghĩa khí
Thân lại cô đơn
Những kẻ hung tàn
Chường đầy xã hội
Bởi thấy Hà Nội
Họ quá mạnh tay
Táo sợ sau này
Hết người cất tiếng
Thần Táo thỉnh nguyện
Cùng với ngôi Trời
Mách cho đôi lời
Gọi là cứu giúp
Có nên tiếp tục
Đòi hỏi tự do
Hay chỉ chờ cho
Đảng đem ban phát?

NH.
Cười: ha... ha... ha...
Muốn tìm giải pháp
Thì chẳng đâu xa
Nguyên nhân chính là
Do điều sợ sệt
Mọi người sợ chết
Tất chẳng đổi thay
Phải tiêu diệt ngay
Cái điều sợ hãi
Và:
Cuộc đấu tranh nào mà chẳng có hy sinh.
Ví như, mọi buổi bình minh đều phải trải qua những đêm dài tăm tối.
Càng nhiều tiếng nói
Thì mới ép-phê
Bạo quyền Vê-xê
Tới hồi biến thái
Ví như con Nhái

Muốn được thành Bò
Đến lúc phình to
Tất nhiên vỡ bụng
Sức mạnh quần chúng
Chỉ chưa tới hồi
Khi đến lúc rồi
Không gì chống đở
Đừng sợ ! đừng sợ !
Tín hiệu quang vinh
Khom mình ! khom mình !
Tiếng kêu nô lệ
Nhìn xuống trần thế
Ta thấy loài người
Chẳng qua cuộc đời
Chỉ vì sự sống
Nhưng là mầm mống
Tâm lý bất thường
Vui, giận, ghét, thương
Tạo thành nghiệp chướng
Giàu có sung sướng
Nuôi dưỡng lòng tham
Nghèo khó lại ham
Muốn cho giàu có
Vòng lẩn quẩn đó
Trói buộc nhiều người
Đạo Phật nói rồi
Trời không bàn tới
Nghĩ đến hạ giới
Ta không an tâm
Riêng nước Việt Nam
Có lời nhắn gởi
Lâu nay Hà Nội
Tỏ vẻ ồn ào
Lúc bị lật nhào
Chẳng ai đến cứu
Thời đại dân chủ
Phổ biến toàn cầu
Thì có lẽ đâu
Miễn trừ nước Việt!

TQ.
Táo xin tạm biệt
Trở lại dương trần
Hẹn cuối Can TÂN
Về chầu Ngọc Đế
Kính chúc long thể
Được sự an khang
Tân Mão bước sang
Mọi điều như ý
Ngọc Hoàng vạn tuế!

• Trần Thế Thi

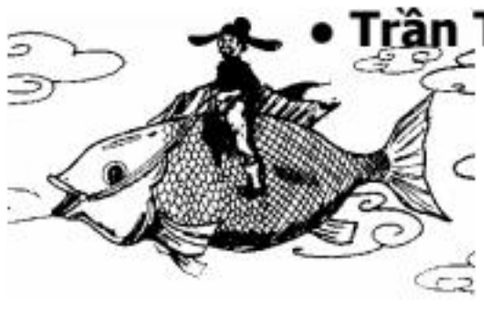

---

[3] chín trăm

https://tieulun.hopto.org

(Thứ Năm 03.02.2011 - Chủ Nhật 22.01.2012) Theo Lịch Vạn Niên Dịch học Phổ thông

• **Ngô Quốc Phong**

Năm Canh Dần (2010) vừa qua có Can Canh, (tự cho trời) thuộc hành Kim và Chi Dần (tự cho đất) thuộc Mộc, và như vậy theo luật tương khắc ngũ hành thì Can Kim khắc Chi Mộc, nghĩa là trời khắc đất, và là ở thế Thiên Địa không thuận thảo với nhau.

Năm nay Tân Mão (2011) cũng vậy, Can Tân (Kim) khắc Chi Mão (Mộc). Khi Can khắc Chi (Thiên khắc Địa) thì thời gian năm nay (2011), giống như năm Mậu Tý 2008 và năm Canh Dần 2010 (cũng trời khắc đất), gây khó khăn, long đong, vất vả, thăng trầm, biến chuyển bất thuận lợi cho cuộc sống con người chúng ta (=Nhân), là phải gánh chịu bất lợi, nhiều/ít, lâu mau là tùy theo từng lá số Tử Vi cá nhân. <----Cứ "Trâu bò húc nhau, ruồi muỗi chết" là thế đấy.

Những điều giải luận dưới đây căn cứ vào những nguyên lý căn bản là âm dương tiêu trưởng, ngũ hành sinh khắc, và một số điều cần biết về khoa Phong Thủy dương cơ (hay dương trạch).

Trước hết, ta xem thử những em bé nam/nữ sinh ra trong năm Tân Mão 2011. Người sinh ra trong năm nay, trai cũng như gái, sẽ đều có một cuộc sống long đong, gặp nhiều nghịch cảnh, hoặc do sự tính toán nông nổi, viển vông mà sự nghiệp hay bị đổ vỡ, đổi thay ngoài ý muốn. Cuộc sống có nhiều thăng trầm, phiêu lưu. Trạch mệnh của bé trai là Đoài, của bé gái là Cấn, cùng thuộc Tây mệnh, và có những hướng tốt là Tây, Tây-Bắc, Tây-Nam và Đông-Bắc. Những hướng xấu là Đông, Bắc, Nam và Đông-Nam. Như vậy, muốn được mọi thuận lợi, tốt lành, phòng ngủ của tiểu nhi Tân Mão (2011) nên tọa lạc ở một trong bốn khu tốt của bé ở trong nhà, và đầu giường cần dựa vào một trong bốn hướng tốt.

Xin lưu ý quí vị sinh năm Tân Mão 1951 về nét phong thủy này: nam 1951, trạch mệnh là Tốn, thuộc Đông mệnh, có những hướng tốt là Đông, Bắc, Nam, Đông-Nam, và những hướng xấu là Tây, Tây-Bắc, Tây-Nam và Đông-Bắc. Người nữ 1951 trạch mệnh là Khôn, thuộc Tây mệnh với các hướng tốt là Tây, Tây-Bắc, Tây-Nam và Đông-Bắc, và các hướng xấu là Đông, Bắc, Nam và Đông-Nam.

Tân Mão 2011, Tùng bách Mộc là thiên khắc, địa xung với Ất Dậu, Tuyền trung Thủy: Tân khắc Ất và Dậu khắc Mão; hơn nữa Mộc của Tân Mão lại hút nước (Thủy) của Ất Dậu.

Vậy Mộc (âm) của Tân Mão (2011) có ảnh hưởng tới hành bản mệnh của chúng ta, tức là chúng ta, như thế nào?

1. Kim mệnh:

Người mệnh Kim ở thế khắc xuất (Kim khắc Mộc của Tân Mão), vì vậy ở thế thượng phong trong năm nay. Tuy nhiên, mình là Kim thì mình thắng đấy nhưng cũng phải "mất sức" phần nào, nên cần chú ý đến những bất lợi sau đây:

Những bệnh về bộ phận hô hấp, ho lâu, khó thở, cảm phổi, hen suyễn, yếu/nám phổi, dị ứng hô hấp, hay tiêu chảy hoặc táo bón, bướu nhỏ trong ruột trường, viêm gan A,B,C, sạn mật. Về họa, than phiền, trách oán, bị vạ miệng, chấn động cơ thể (té ngã, bị vật nặng bay, rơi rớt đè lên người bị thương tích, va chạm xe cộ, giải phẫu).

Về công việc, tiền bạc: công danh vất vả hơn, nhưng tiền bạc cũng không đáng lo ngại. Những người tuổi Ất, Bính, Mậu, Tân năm nay có hai sao Lộc nên được thuận lợi về tiền bạc.

Người âm Kim trong năm nay ứng nhẹ hơn, sinh từ 1924 đến hiện tại, gồm Quý Dậu (1933, 1983), Tân Tỵ (1941, 2001), Ất Mùi (1955), Quý Mão (1963), và Tân Hợi (1971). Tuổi Dương Kim ứng mạnh hơn, gồm Giáp Tý (1924, 1984), Canh Thìn (1940, 2000), Giáp Ngọ (1954), Nhâm Dần (1962), và Canh Tuất (1970).

2. Mộc mệnh:

Những người mệnh Mộc lại được Mộc của Tân Mão bù đắp vào thêm, cho thấy sức khỏe tốt, thuận lợi về công danh, tiền bạc, nhất là những người Mộc nào năm ngoái chưa được hưởng thuận lợi hoặc ở thế nguy kịch thì năm nay có thể an tâm vì "cùng tắc biến, biến tắc thông". Chủ đề năm nay cho người mệnh Mộc là thêm người, như thêm con, dâu, rể, cháu nội ngoại, thêm người đến ở chung, thêm người cộng tác kinh doanh, phụ tá công việc, nghĩa là thêm người thêm phúc lộc, và công danh thăng tiến. Về bệnh, lưu ý về bộ phận tiêu hóa, lá lách (tụy tạng), bệnh tiểu đường, bao tử (dạ dầy) đầy hơi, nhiều chất chua, sưng/ loét bao tử.

Về họa: bị miệng tiếng, con cái có thể bị ảnh hưởng xấu từ bạn bè. Những ngành kinh doanh về vườn/trại ươm cây, rau cải, trồng tỉa, hoa quả, cơ xưởng chế tạo/bán đồ gỗ, ngành nhà hàng, xăng, mỹ phẩm, hóa chất có cơ may phục hưng và phát triển thuận lợi hơn. Người Âm Mộc ứng nhẹ hơn tuổi Dương Mộc và gồm những tuổi Kỷ Tỵ (1929, 1989), Quí Mùi (1943, 2003), Tân Mão (1951), Kỷ Hợi (1959), Quí Sửu (1973), và Tân Dậu (1921, 1981). Còn những tuổi Dương Mộc hưởng nhiều thuận lợi hơn, gồm Mậu Thìn (1928, 1988), Nhâm Ngọ (1942, 2002), Canh Dần (1950), Mậu Tuất (1958), Nhâm Tý (1972), và Canh Thân (1920, 1980).

3. Thủy mệnh:

Theo luật tương sinh về ngũ hành thì Thủy sinh/dưỡng Mộc, nghĩa là Mộc của năm nay hút nước của những người mệnh Thủy, và như vậy là người Thủy bị sinh xuất, là suy hao là thiệt thòi, mất mát. Suy nhược về cơ phận bài tiết nước tiểu, thận suy, đau lưng, khả năng sinh lý giảm sút, phái nam có trở ngại về tiền liệt

https://tieulun.hopto.org

tuyến (prostate), máu huyết và cơ phận sinh sản phái nữ bị rắc rối, giảm cân (gầy đi), mùa thu cũng nên thận trọng thêm về sự hô hấp, ho nhiều, cảm phổi, yếu phổi.

Về họa: bị mất trộm, mất cắp tại nhà hoặc tại nơi làm việc, mất đồ vật trong xe hay có thể mất luôn cả xe (nhất là những người sinh giờ Tý, Ngọ), bị lợi dụng hoặc bị lừa gạt về tiền hay tình cảm, sẽ có cơ hội để tự an ủi "thôi, của đi thay người". Ngành kinh doanh về nước uống, nước ngọt, giải khát, hồ bơi..., nhất lại do người mệnh Thủy làm chủ hoặc điều khiển, giảm bớt lợi nhuận. Những tuổi Âm Thủy, ứng nhẹ hơn Dương Thủy, gồm: Đinh Sửu (1937, 1997), Ất Dậu (1945, 2005), Quí Tỵ (1953), Đinh Mùi (1967), Ất Mão (1975), và Quí Hợi (1923, 1983). Còn Dương Thủy ứng mạnh hơn gồm: Bính Tý (1936, 1996), Giáp Thân (1944, 2004), Nhâm Thìn (1952), Bính Ngọ (1966), Giáp Dần (1974), và Nhâm Tuất (1922, 1982).

4. Hỏa mệnh:

Những người mệnh Hỏa được hưởng thuận lợi về hành, vì được Mộc của năm nay tăng cường (lửa được tiếp tế thêm củi). Như vậy, về phương diện sức khỏe người mệnh Hỏa tương đối là vững, nhưng vẫn nên lưu tâm về phương diện hô hấp, ho dai dẳng, cảm phổi, nám phổi, dị ứng về hô hấp, ruột trường có bướu (polyps), nặng nhẹ tùy theo từng lá số Tử Vi cá nhân, nhưng hy vọng cũng không tới mức đáng lo ngại. Về công ăn việc làm, tài lộc có cơ hội thăng tiến nhẹ nhàng, vững vàng cho các ngành về khí đốt, xăng, dầu, mỹ phẩm, hóa chất, nhà hàng, nhất là chủ nhân hay quản lý cũng mệnh Hỏa hoặc mệnh Mộc. Sẽ có từ biến chuyển đến thay đổi thuận lợi ở nơi cư trú hoặc cơ sở kinh doanh, hoặc thay đổi ngành kinh doanh/ chuyên môn.

Về họa: nên lưu tâm đến họa té ngã, va chạm xe cộ, tiểu giải phẫu, bị lợi dụng về tiền bạc hay tình cảm, họa về lửa điện, sấm sét, súng đạn có thể xảy ra tùy theo lá số Tử Vi cá nhân của những người mệnh Hỏa.

Những tuổi Âm Hỏa, ứng nhẹ hơn tuổi Dương Hỏa, gồm: Đinh Mão (1927, 1987), Ất Hợi (1935, 1985), Kỷ Sửu (1949), Đinh Dậu (1957), Ất Tỵ (1965), và Kỷ Mùi (1979). Còn Dương Hỏa ứng mạnh hơn gồm: Bính Dần (1926, 1986), Giáp Tuất (1934, 1994), Mậu Tý (1948, 2008), Bính Thân (1956), Giáp Thìn (1964) và Mậu Ngọ (1978).

5. Thổ mệnh:

Chỉ riêng có hành Thổ này là bị bất thuận lợi nhiều hơn các hành khác, vì bị khắc nhập: Mộc của Tân Mão khắc Thổ. Vì bị khắc nhập nên các người mệnh Thổ cần lưu tâm đến bộ phận tiêu hóa nói chung, tụy tạng là cơ quan liên quan đến lượng đường trong máu (tiểu đường), ung thư lá lách, bao tử sinh quá nhiều chất vị toan, gây lở loét, có thể làm thủng dạ dầy, vì vậy, nếu không chữa chạy kịp thời và gặp thầy gặp thuốc, thì nhẹ là có phương hại đến tim và máu huyết (cardio-vascular), áp huyết cao/thấp, khó kiểm soát, và các biến chứng phụ, có thể đến mức tử vong do các bệnh kể trên. Gia đạo kém an vui vì nhiều ưu tư, phiền muộn.

Về họa: bị lừa gạt liên quan đến nhà, đất, sai áp nhà/đất (foreclosure), trong nhà có thân nhân bị đau yếu nặng, có thể tới mức có tang chế. Công danh, tài lộc gặp nhiều khó khăn, lận đận, xui xẻo, trắc trở, mọi toan tính/kế hoạch khó phát triển hoặc phải đình chỉ, xấu nhiều/ít và về phương diện gì là tùy từng người, với ba yếu tố tháng, ngày, giờ sinh khác nhau để có thể cho biết cường độ bất thuận lợi mạnh/yếu thế nào, về lãnh vực nào, và với ai trong gia đình.

Năm Tân Mão 2011 rất bất lợi cho công nghệ làm đồ sành, sứ, đồ gốm, khó khăn cho ngành nhà đất (địa ốc), xây cất, mua bán nhà/đất, vẫn chậm chạp, chưa thể ổn định, vốn liếng bỏ ra nhiều để đầu tư bất động sản, nhưng khi bán hoặc chỉ có lời chút ít hoặc hòa vốn cũng là may, vì nhiều khi còn bị lỗ nặng.

Những tuổi Âm Thổ bất lợi nhẹ hơn Dương Thổ, gồm: Tân Mùi (1931, 1991), Kỷ Mão (1939, 1999), Đinh Hợi (1947), Tân Sửu (1961), Kỷ Dậu (1969) và Đinh Tỵ (1977). Còn Dương Thổ ứng xấu mạnh hơn gồm: Canh Ngọ (1930, 1990), Mậu Dần (1938, 1998), Bính Tuất (1946, 2006), Canh Tý (1960), Mậu Thân (1968) và Bính Thìn (1976).

Vì chỉ luận có một dữ kiện được biết là năm Tân Mão 2011, nên người viết không thể đi vào chi tiết của từng tuổi. Muốn biết chi tiết nhà nghiên cứu lý số nào cũng cần có thêm các dữ kiện tháng, ngày, giờ sinh và nơi sinh. Tưởng cũng nên biết rằng tướng, số chỉ tiết lộ những bí ẩn của cuộc đời một người là khỏe/yếu, thọ/yểu, giàu/ nghèo, may/rủi, sướng/khổ thế nào, chứ không thể "cải số" được, nghĩa là khoa tướng, số không thể tăng tốt giảm xấu cho ai được. Muốn tăng phúc, giảm bệnh/họa, chúng ta có hai phương cách: một là tự mình chủ động quyết tâm cải thiện đời sống của mình, và hai là nhờ những cái hay, cái giỏi của khoa Phong Thủy dương cơ, hoặc là phải nhờ đến cả hai. Tự mình là mình phải mưu cầu phúc tới bằng cách sống với thiện tâm, thiện ý, thiện ngôn, hỉ xả, bác ái, hay thương xót tha nhân mà tận tình giúp công/của vào các công việc từ thiện với tâm niệm bất vụ danh lợi hoàn toàn, bất kể chúng ta theo tôn giáo nào, đạo thờ ông bà, đạo Phật, đạo Thiên Chúa, hay ngay cả đạo Hồi nữa, vì đạo nào cũng dạy tín đồ ăn ngay, ở lành, từ bi, hỉ xả, bác ái, bố thí... cơ mà. Người viết xin mạn phép nhắc quí vị đọc lại bài viết ngắn, tựa đề "Những phương cách giảm bớt bệnh họa, gia tăng phúc thọ" của cùng người viết, đã đăng trong báo này trước đây. Phương cách thứ hai là biết tận dụng sự hiệu nghiệm của khoa Phong Thủy dương cơ, có nghĩa là biết cách tiếp nhận sinh/vượng khí tới từ những hướng tốt, mang lại cho ta nhiều may lành, tốt đẹp, và biết cách ngăn chặn hoặc xua đuổi hung/ sát khí từ những hướng xấu tới gây độc hại, và hành hạ gia đình chúng ta về tâm linh, hạnh phúc, sức khỏe, công danh, tài lộc, và sự an sinh.

Văn phòng Tử Vi & Địa Lý Phong Thủy Dương Trạch chúng tôi xin kính chúc quí vị độc giả, thân hữu, thân chủ, học viên cũ/mới và bảo quyến: Trọn năm Tân Mão (2011) Khang kiện, An bình, Hạnh phúc, Lộc Thọ song toàn.

Trân trọng,

Ngô Quốc Phong
14515 Cardinal Creek Ct.
Houston, Texas 77062
Đt: (281) 488-7550

https://tieulun.hopto.org

Năm Mẹo
kể chuyện Mèo

• Hàn Lâm Nguyễn Phú Thứ

(Tân Mão từ 03.02.2011 đến 22.01.2012)

Sau khi năm Canh Dần chấm dứt, thì đến năm Tân Mão được bàn giao từ giờ giao thừa bắt đầu giữa đêm thứ tư, 02.02.2011 để cầm tinh đến 24 giờ đêm 22.01.2012. Năm Tân Mão này thuộc hành Mộc và mạng Tùng Bách Mộc tức Gỗ cây tùng bách, năm này thuộc Âm, có can Tân thuộc mạng Kim và có chi Mão thuộc mạng Mộc. Căn cứ theo luật thuận hạp hay khắc kỵ của Ngũ Hành, thì năm này "Can khắc Chi" tức Trời khắc Đất. Bởi vì: Mạng Kim = Tân khắc mạng Mộc = Mão (mạng Kim tức Trời được khắc xuất, mạng Mộc tức Đất bị khắc nhập). Do vậy, năm này xem như tổng quát rất xấu, bởi vì bị Trời khắc Đất giống như các năm: Giáp Tuất (1994), Nhâm Ngọ (2002), Mậu Tý 2008 đã qua. Được biết năm Mão vừa qua là năm Kỷ Mão thuộc hành Thổ, nhằm ngày thứ ba, 16.02.1999 đến 04.02.2000.

Căn cứ theo Niên Lịch Cổ Truyền Á Đông xuất hiện được minh định quảng bá từ năm thứ 61 của đời Hoàng Đế bên Tàu, bắt đầu năm 2637 trước Công Nguyên, cho nên chúng ta lấy 2637 + 2011 = 4648, rồi đem chia cho 60 thì có kết quả Vận Niên Lục Giáp thứ 77 và số dư 28 năm bắt buộc rơi vào Vận Niên Lục Giáp thứ 78 bắt đầu từ năm 1984 cho đến năm 2043. Do vậy, năm Tân Mão 2011 này là năm thứ 28 của Vận Niên Lục Giáp 78.

Chữ Tết là do chữ Tiết mà ra, ở Việt Nam chúng ta, thời tiết miền Nam không được rõ ràng hơn miền Bắc, mặc dù cũng có bốn mùa: Xuân, Hạ, Thu và Đông, được tính mỗi mùa có 3 tháng trong năm dương lịch như sau:

- Mùa Xuân bắt đầu ngày lập Xuân là ngày 5 tháng 2 đến ngày 6 tháng 5, giữa mùa Xuân, có ngày 21 tháng 3, thì đêm và ngày bằng nhau. Đó là, ngày Xuân phân.

- Mùa Hạ tức Hè, bắt đầu lập Hạ là ngày 6 tháng 5 đến ngày 8 tháng 8, giữa mùa Hạ, có ngày 22 tháng 6, thì ngày dài nhứt trong năm. Đó là, ngày Hạ Chí. Vào mùa Hạ mỗi năm, các trường học thường đóng cửa một thời gian, để cho các Thầy Cô giáo, giáo sư cũng như học sinh, sinh viên nghỉ hè và cũng là mùa hoa phượng có bông nở rất đẹp.

- Mùa Thu bắt đầu ngày lập Thu là ngày 8 tháng 8 đến ngày 8 tháng 11, giữa mùa Thu có, ngày 23 tháng 9, thì đêm và ngày bằng nhau, giống như ngày 21 tháng 3 mùa Xuân vậy. Đó là, ngày Thu phân. Đối với mủa Thu mỗi năm, ở các nước Âu Châu, những chiếc lá đổi màu từ xanh sang vàng, rồi từ từ rơi rụng trông rất đẹp mắt, tuy nhiên, nếu so sánh với nước Gia Nã Đại (Canada), thì thua xa, bởi cái màu đỏ thẫm ở xứ Bắc Mỹ Châu này.

- Mùa Đông bắt đầu ngày lập Đông là ngày 8 tháng 11 đến ngày 5 tháng 2, giữa mùa Đông, có ngày 22 tháng 12 là ngày ngắn nhứt trong năm. Đó là, ngày Đông Chí.

Nhưng đối với quý ông bà sống ở nông thôn ngày xưa, thường phân chia bốn mùa trong năm rất giản dị, là chia đều mỗi mùa 3 tháng, tính theo âm lịch như sau:

- Mùa Xuân bắt đầu mùng một Tết của tháng Giêng cho đến cuối tháng ba.
- Mùa Hạ từ đầu tháng tư đến cuối tháng sáu.
- Mùa Thu từ đầu tháng bảy đến cuối tháng chín.
- Mùa Đông từ đầu tháng mười đến cuối tháng chạp (tháng 12).

Trong khi đó, ở Âu Châu, nhứt là là nước Pháp, cũng phân chia 4 mùa cho mỗi năm, xin trích dẫn như sau:

- Mùa Xuân bắt đầu từ 20-3 đến 20-6
- Mùa Hạ bắt đầu từ 21-6 đến 22-9
- Mùa Thu bắt đầu từ 23-9 đến 21-12
- Mùa Đông bắt đầu 22-12 đến 19-3

Trong dân gian Việt Nam chúng ta, thói thường tính theo âm lịch, cho nên những câu ca dao có liên quan đến các tháng và các mùa trồng trọt của nhà nông hết sức trung thực, đúng lúc, xin đơn cử trích dẫn như sau:

Tháng Chạp là tháng trồng Khoai [1]
Tháng Giêng trồng Đậu [2]
Tháng Hai trồng Cà
Tháng Ba cày vỡ ruộng ra
Tháng Tư làm Mạ, mưa sa đầy đồng

Hoặc là:

Tháng Giêng ăn Tết ở nhà
Tháng Hai cờ bạc, tháng Ba hội hè
Tháng Tư đong Đậu nấu chè
Ăn Tết Đoan Ngọ trở về tháng Năm
Tháng Sáu buôn nhãn, bán trâm
Tháng Bảy ngày rằm xá tội vong nhân
Tháng Tám chơi đèn kéo quân
Trở về tháng Chín chung chân buôn hồng
Tháng Mười buôn thóc bán bông
Tháng Một [3] *, tháng Chạp nên công hoàn thành*

---

[1] Tháng Chạp tức tháng 12 âm lịch cũng là tháng ăn chơi, vì nhà nông sau vụ lúa, thì lo trồng hoa màu phụ như trồng: Khoai, Đậu, Cà, Bắp... để sau khi ăn Tết, cho đến cuối tháng Hai đầu tháng Ba mới lo cày bỏ hoa màu phụ và lo trồng vụ lúa chánh.
[2] Tháng Giêng tức tháng 1 âm lịch.
[3] Tháng Một chúng ta phải hiểu là tháng Mười Một, để cho câu này có 8 chữ đúng luật theo thể thơ Lục Bát.
Nếu viết: Tháng Mười Một, tháng Chạp nên công hoàn thành thì nó có 9 chữ, thì sai luật theo thể thơ Lục Bát?.

https://tieulun.hopto.org

Trở lại năm con Mèo, nếu chúng ta lần tay tính lại những năm Mèo đã qua và những năm Mèo sắp tới, sẽ thấy các năm như sau: 1951 - 1963 - 1975 - 1999 - 2011 - 2023 - 2035 - 2047 - 2059.... Nếu chúng ta để ý sẽ thấy các năm có cùng số tận cùng, thì có Can giống nhau, ví như:

1951 - 2011 (Số tận cùng là 1 cho nên có cùng CAN là Tân)

1963 - 2023 (Số tận cùng là 3 cho nên có cùng CAN là Quí)

1975 - 2035 (Số tận cùng là 5 cho nên có cùng CAN là Ất)

1999 - 2059 (Số tận cùng là 9 cho nên có cùng CAN là Kỷ)

Do vậy, để biết cách tính Can của mỗi tuổi, chúng ta chỉ cần để ý số tận cùng năm tuổi sanh đó để tính theo bảng kê trong Thập Thiên Can như sau: Số 0 là Canh, số 1 là Tân, số 2 Nhâm, số 3 là Quý, số 4 là Giáp, số 5 là Ất, số 6 là Bính, số 7 là Đinh, số 8 là Mậu, số 9 là Kỷ.

Đó là, bảng kê tính Thập Thiên Can tức 10 thân Trời là: Giáp, Ất, Bính, Đinh, Mậu, Kỷ, Canh, Tân, Nhâm và Quý. Khi tính tuổi năm sanh là Can gì xong rồi, thì chúng ta lần lượt tính tuổi năm sanh đó kết hợp với Thập Nhị Địa Chi tức 12 nhánh Đất là: Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất và Hợi gì?

Hơn nữa, chúng ta để ý sẽ thấy: Không thể bất cứ Can và Chi gì kết hợp với nhau hết được. Bởi vì, chúng ta không bao giờ thấy tuổi: Nhâm Sửu, Nhâm Mão, Nhâm Tỵ, Nhâm Mùi, Nhâm Dậu, Nhâm Hợi hoặc trái lại là: Quý Tý, Quý Dần, Quý Thìn, Quý Ngọ, Quý Thân và Quý Tuất bao giờ. Do vậy, sự kết hợp giữa Can và Chi phải có từng cặp cùng Dương hoặc cùng Âm thì mới kết hợp được.

Nhân đây, xin trích dẫn Thập Thiên Can tính theo Dương và Âm như sau: Giáp (Dương), Ất (Âm), Bính (Dương), Đinh (Âm), Mậu (Dương), Kỷ (Âm), Canh (Dương), Tân (Âm), Nhâm (Dương) và Quý (Âm).

Và đối với Thập Nhị Địa Chi tính theo Dương và Âm, xin trích dẫn như sau: TÝ (Dương), SỬU (Âm), DẦN (Dương), Mẹo = Mão (Âm), THÌN (Dương), Tỵ (Âm), Ngọ (Dương), Mùi (Âm), THÂN (Dương), Dậu (Âm), Tuất (Dương) và Hợi (Âm).

Khi chúng ta biết tuổi thuộc Can Chi có Dương Âm như thế nào tức là biết Cành và Gốc của tuổi đó mà thôi. Do vậy, không thể ngừng ở đây, bởi vì tuổi của chúng ta còn có Ngũ Hành là: Kim, Mộc, Thủy, Hỏa và Thổ, cho nên chúng ta phải tìm hiểu, xem tuổi của chúng ta có Mạng thuộc Hành gì nữa, cho nên chúng ta còn phải tìm ra phương cách tính Mạng, bởi vì mỗi người đều có số mạng, mặc dù có cùng số tuổi, nhưng Ngày, Giờ sanh, Tháng đẻ lại khác nhau. Hơn nữa, chúng ta còn có cái quả tốt hay xấu xa xưa hoặc do chúng ta hay do Ông Bà, Cha Mẹ nữa. Có thấu hiểu hết những bí ẩn của cuộc đời, thì mới biết về con người của chúng ta như thế nào?

Do vậy, muốn tìm hiểu phương pháp tính Mạng thuộc Hành gì? và phải thực hiện như thế nào? Xin trích dẫn theo phương thức các bậc tướng số xa xưa, đã rút kinh nghiệm để tính Mạng thuộc Hành gì ? như sau:

Như chúng ta đã biết, cứ 60 năm, thì kết thành một chu kỳ có Lục Giáp, cho nên gọi chung là Vận Niên Lục Giáp. Vậy, nếu chúng ta muốn tính Mạng, thì chúng ta phải đặt con Giáp đứng đầu để tính, xin trích dẫn như bài thơ dưới đây:

- Giáp Tý:

Ngân - Đăng - Giá - Bích - Câu
(Kim) - (Hỏa) - (Mộc) - (Thổ) - (Kim)

- Giáp Tuất:

Yên - Mãn - Tự - Chung - Lâu
(Hỏa) - (Thủy) - (Thổ) - (Kim) - (Mộc)

- Giáp Thân:

Hán - Địa - Siêu - Sài - Thấp
(Thủy) - (Thổ) - (Hỏa) - (Mộc) - (Thủy)

Nên nhớ : Bài thơ tính Mạng ở trên chỉ tính Mạng có ba con Giáp là : Giáp Tý, Giáp Tuất và Giáp Thân.

Vậy muốn tính thêm ba con Giáp nữa để được sáu con Giáp phải làm thế nào? Chúng ta để ý sẽ thấy, trong sáu con Giáp, nó có từng cặp giống nhau về Mạng, xin trích dẫn sau đây: Giáp Tý giống Giáp Ngọ - Giáp Tuất giống Giáp Thìn và Giáp Thân giống Giáp Dần.

Ngoài ra, chúng ta thấy bài thơ tính Mạng chỉ có 5 chữ, nhưng phải tính với Thập Thiên Can tức có 10 Can. Do vậy, mỗi chữ phải tính 2 Can từng cặp với nhau: Giáp Ất, Bính Đinh, Mậu Kỷ, Canh Tân và Nhâm Quý. Khi hết Nhâm Quý thì luân chuyển trở lại Giáp Ất như bảng kê dưới đây:

- **Giáp Tý = Giáp Ngọ:**

Ngân - Đăng - Giá - Bích - Câu
银 汉 架 碧 钩
(Kim) - (Hỏa) - (Mộc) - (Thổ) - (Kim)

Giáp Tý			GIÁP NGỌ		
Thứ tự	**Can Chi**	**Hành**	**Thứ tự**	**Can Chi**	**Hành**
1	***Giáp Tý***	KIM	31	***Giáp Ngọ***	KIM
2	Ất Sửu	KIM	32	Ất Mùi	KIM
3	Bính Dần	HỎA	33	Bính Thân	HỎA
4	Đinh Mão	HỎA	34	Đinh Dậu	HỎA
5	Mậu Thìn	MỘC	35	Mậu Tuất	MỘC
6	Kỷ Tỵ	MỘC	36	Kỷ Hợi	MỘC
7	Canh Ngọ	Thổ	37	Canh Tý	Thổ
8	Tân Mùi	Thổ	38	Tân Sửu	Thổ
9	Nhâm Thân	KIM	39	Nhâm Dần	KIM
10	Quý Dậu	KIM	40	Quý Mão	KIM

https://tieulun.hopto.org

- **Giáp Tuất = Giáp Thìn:**

Yên - Mãn - Tự - Chung - Lâu

烟　满　自　钟　楼

(Hỏa) - (Thủy) - (Thổ) - (Kim) - (Mộc)

Giáp Tuất			GIÁP Thìn		
Thứ tự	**Can Chi**	**Hành**	**Thứ tự**	**Can Chi**	**Hành**
11	***Giáp Tuất***	HỎA	41	***Giáp Thìn***	HỎA
12	Ất Hợi	HỎA	42	Ất Tỵ	HỎA
13	Bính Tý	Thủy	43	Bính Ngọ	Thủy
14	Đinh Sửu	Thủy	44	Đinh Mùi	Thủy
15	Mậu Dần	Thổ	45	Mậu Thân	Thổ
16	Kỷ Mão	Thổ	46	Kỷ Dậu	Thổ
17	Canh Thìn	KIM	47	Canh Tuất	KIM
18	Tân Tỵ	KIM	48	Tân Hợi	KIM
19	Nhâm Ngọ	Mộc	49	Nhâm Tý	Mộc
20	Quý Mùi	Mộc	50	Quý Sửu	Mộc

- Giáp Thân = Giáp Dần:

Hán - Địa - Siêu - Sài - Thấp

汉　地　烧　柴　湿

(Thủy) - (Thổ) - (Hỏa) - (Mộc) - (Thủy)

Giáp Thân			GIÁP Dần		
Thứ tự	**Can Chi**	**Hành**	**Thứ tự**	**Can Chi**	**Hành**
21	***Giáp Thân***	Thủy	51	***Giáp Dần***	Thủy
22	Ất Dậu	Thủy	52	Ất Mão	Thủy
23	Bính Tuất	Thổ	53	Bính Thìn	Thổ
24	Đinh Hợi	Thổ	54	Đinh Tỵ	Thổ
25	Mậu Tý	Hỏa	55	Mậu Ngọ	Hỏa
26	Kỷ Sửu	Hỏa	56	Kỷ Mùi	Hỏa
27	Canh Dần	Mộc	57	Canh Thân	Mộc
28	Tân Mão	Mộc	58	Tân Dậu	Mộc
29	Nhâm Thìn	Thủy	59	Nhâm Tuất	Thủy
30	Quý Tỵ	Thủy	60	Quý Hợi	Thủy

Nếu chúng ta để ý và ghép nối số thứ tự liên tục sáu con Giáp đã dẫn thượng, sẽ có bảng Vân Niên Lục Giáp, xin trích dẫn (không ghi phần Ngũ Hành cho đơn giản) như sau:

01	**Giáp Tý**	11	**Giáp Tuất**	21	**Giáp Thân**
02	Ất Sửu	12	Ất Hợi	22	Ất Dậu
03	Bính Dần	13	Bính Tý	23	Bính Tuất
04	Đinh Mão	14	Đinh Sửu	24	Đinh Hợi
05	Mậu Thìn	15	Mậu Dần	25	Mậu Tý
06	Kỷ Tỵ	16	Kỷ Mão	26	Kỷ Sửu
07	Canh Ngọ	17	Canh Thìn	27	Canh Dần
08	Tân Mùi	18	Tân Tỵ	28	Tân Mão
09	Nhâm Thân	19	Nhâm Ngọ	29	Nhâm Thìn
10	Quý Dậu	20	Quý Mùi	30	Quý Tỵ
31	**Giáp Ngọ**	41	**Giáp Thìn**	51	**Giáp Dần**
32	Ất Mùi	42	Ất Tỵ	52	Ất Mão
33	Bính Thân	43	Bính Ngọ	53	Bính Thìn
34	Đinh Dậu	44	Đinh Mùi	54	Đinh Tỵ
35	Mậu Tuất	45	Mậu Thân	55	Mậu Ngọ
36	Kỷ Hợi	46	Kỷ Dậu	56	Kỷ Mùi
37	Canh Tý	47	Canh Tuất	57	Canh Thân
38	Tân Sửu	48	Tân Hợi	58	Tân Dậu
39	Nhâm Dần	49	Nhâm Tý	59	Nhâm Tuất
40	Quý Mão	50	Quý Sửu	60	Quý Hợi

Như chúng ta đã thấy Mạng tức Hành có 5 loại, cho nên người ta thường nói Ngũ Hành là: Kim, Mộc, Thủy, Hỏa và Thổ dành cho tất cả số tuổi. Nếu phân tách từng cặp Hành một, thì chúng nó sẽ có Tương Sanh và Tương Khắc nhau, bởi vì mỗi Hành có đặc tính riêng, xin trích dẫn như sau:

*** Những cặp hành được Tương Sanh:**

- Thổ sanh Kim (Thổ bị sanh xuất, Kim được sanh nhập)
- Kim sanh Thủy (Kim bị sanh xuất, Thủy được sanh nhập)
- Thủy sanh Mộc (Thủy bị sanh xuất, Mộc được sanh nhập)
- Mộc sanh Hỏa (Mộc bị sanh xuất, Hỏa được sanh nhập)
- Hỏa sanh Thổ (Hỏa bị sanh xuất, Thổ được sanh nhập)

*** Những cặp hành bị Tương Khắc:**

Nhưng người ta cho rằng: Kim là (cái Búa) sẽ đốn được Mộc (Cây), Mộc (Cây sẽ trở thành Thổ (Đất), Thổ (Đất) sẽ ngăn chận được Thủy (nước), Thủy (nước) sẽ làm tắt được Hỏa (Lửa), Hỏa (Lửa) sẽ đốt cháy Kim cho nên có những cặp Tương Khắc như sau:

- Kim khắc Mộc (Kim được khắc xuất, Mộc bị khắc nhập)
- Mộc khắc Thổ (Mộc được khắc xuất, Thổ bị khắc nhập)
- Thổ khắc Thủy (Thổ được khắc xuất, Thủy bị khắc nhập)
- Thủy khắc Hỏa (Thủy được khắc xuất, Hỏa bị khắc nhập)

https://tieulun.hopto.org

- Hỏa khắc Kim (Hỏa được khắc xuất, Kim bị khắc nhập)

Trở lại tuổi Mão (Mẹo), chúng ta thấy Mạng như sau:
- Kỷ Mão (1939 -1999 - 2059) có mạng Thổ
- Đinh Mão (1927 - 1987 - 2047) có mạng Hỏa
- Ất Mão (1915 - 1975 - 2035) có mạng Thủy
- Quý Mão (1903 - 1963 - 2023) có mạng Kim
- Tân Mão (1981 - 1951 - 2011) có mạng Mộc

Trở lại năm Kỷ Mão năm nay thuộc con Mèo, con vật đứng vào hàng thứ tư trong Thập Nhị Địa Chi tức 12 Chi của chu kỳ một con Giáp có 12 năm. Khi nói tên con Mèo nó có một đặc điểm khác thường hơn những con vật khác trong Thập Nhị Địa Chi, bởi vì nó có hai nghĩa đen (Mèo 4 chân) và bóng (Mèo 2 chân) ai cũng biết. Mèo là con vật nhỏ con, mình nhẹ, leo cây rất giỏi, lông mềm, có móng bén nhọn, có râu và thường được nuôi trong nhà để bắt Chuột rất tài tình, Mèo rất sợ nước và lạnh, cho nên ở nông thôn Việt Nam ban đêm, thường thấy Mèo vào bếp nằm khoanh trong tro để cho ấm nên mặt mũi lọ lem hoặc lén chui vào giường ngủ với trẻ em. Trong khi ở các nước Âu Tây, Mèo được nuôi trong nhà cùng với Chó để làm kiểng cho vui cửa vui nhà, lại được có nơi ngủ riêng và ăn uống đặc biệt hơn ở Việt Nam. Mèo có màu sắc lông khác nhau ví như: Mèo mun là mèo có sắc lông màu đen, Mèo mướp là mèo có sắc lông mốc, vằn màu hơi đen, Mèo tam thể là mèo có 3 sắc lông màu đen, trắng và vàng, Mèo vá là mèo có sắc lông màu đen và trắng xen kẻ nhau... Ngoài các loại Mèo nhà, còn thấy loại Mèo hoang, mèo rừng sống từng đàng.

Khi nói Mèo có bộ lông đen thì gọi là Mèo mun, tôi lại nhớ đến ngôn ngữ Việt Nam rất phong phú đáng tự hào, bởi vì:
- Mèo có bộ lông đen thì gọi là Mèo mun
- Chó có bộ lông đen thì gọi là Chó mực
- Gà hay Ngựa có bộ lông đen thì gọi là Gà ô hay Ngựa ô

Hay là :
- Mực đen để viết liễn thì gọi Mực tàu
- Dầu đen để tráng đường gọi Dầu hắc
- Đôi mắt đen là đôi mắt huyền...

Chúng ta cũng đã thấy những năm đã qua, ví như 1963 - 1975 - 1987 - 1999 đất nước Việt Nam chúng ta thường có diễn biến quan trọng, không biết bước sang năm 2011 tương lai như thế nào? Hơn nữa, trong các kinh thơ, sấm giảng xa xưa, thì cũng có viết về năm con Mèo, xin trích dẫn như sau:

... Chuột sa chĩnh gạo nằm chơi,
Trâu cày ngốc lại chào đời bước ra,
Hùm gầm khắp nẻo gần xa,
Mèo kêu rợn tiếng, quỷ ma tới bời,
Rồng bay năm vẻ sáng ngời,
Rắn qua sửa soạn hết đời sa tăng,
Ngựa hồng quỷ mới nhăn răng...
Sấm Trạng Trình (*)

Hoặc là:

...
Mèo kêu nghe tiếng bi ai,
Quân thần phụ tử xiết chi ưu phiền,
Rồng bay xao xuyến nào yên,
Rắn bò giáp giới đảo điên dương trần,
Chừng nào có Ngựa, có Lân,
Có Qui, có Phụng, có Quân, có Thần...
(Sư Vải Bán Khoai)

Hay là:

...
Năm Mẹo, tháng Mẹo chưa buồn,
Năm Mẹo, tháng Hợi lụy tuôn dầm dề,
Vậy mà chưa thấy ủ ê,
Trung ương Rồng lộn ê hề thây thi,
Mèo kêu riết tới ai bi,
Tới Gà về ổ dân thì bình an...

Hoặc là:

...
Mèo ngồi sợ Rắn xa đàng,
Dê thời ghét Khỉ, xóm làng sạch trơn,
Thập bát quốc làm hội đầu sơn,
Thăng thiên, độn thổ nhờ ơn Phật Trời...
(Ông Ba Thới)

Trong khi đó sấm giảng của Đức Huỳnh Giáo Chủ viết như sau :

...
Mèo kêu bá tánh lao xao,
Đến chừng Rồng Rắn, máu đào chỉn ghê,
Con Ngựa lại đá con Dê,
Khắp trong trần hạ nhiều bề gian lao,
Khỉ kia cũng bị xáo xào,
Canh khuya Gà gáy máu đào mới ngưng ...

Ngoài ra, trong Kim Cổ Kỳ Quan trong bài Thừa Nhàn, Ông Ba Thới lại viết như sau:

...
Mèo nọ no lại nằm co,
Mèo nằm rình Chuột còn lo đói lòng,
Chuột lang no chạy ra đồng,
Trâu ai thả đó mích lòng không lo,
Phải đem tiền bạc dẫn kho,
Rước quan thầy kiện lại lo chuyện nầy...
(Trích Kim Cổ Kỳ Quan 171 : 61)

Xuyên qua những bài Kinh Thơ, Sấm giảng ở trên viết có liên quan đến năm Mèo là để chứng minh duy nhất là 12 con vật trong Thập Nhị Địa Chi cũng có trong Kinh Thơ, Sám Giảng, còn nội dung giải bày thi

(*) Đối với Cụ Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm (1491-1585) đã viết Sấm Giảng trên 5 thế kỷ kể từ khi Cụ sanh ra đời (1491-2011) làm sao đoán trúng năm nào là năm Mèo Cụ nói, chúng ta chỉ biết sau khi sự việc xảy ra mà thôi.

https://tieulun.hopto.org

khó biết năm nào, tháng nào thực hành đúng với đất nước chúng ta, bởi vì Thiên Cơ Bất Khả Lậu.

Đối với năm Mèo trong Ca dao, Thành Ngữ, Tục ngữ đã phổ biến sâu rộng trong dân gian, ngoài ra con Mèo là loại gia súc, nên nó thường liên quan đến thú vật trong nhà như: Chó, Chuột, Gà, Heo... Xin trích dẫn như sau: *Mèo bắt Chuột, Chó giữ nhà - Như Mèo với Chó - Chửi Chó mắng Chó - Thắt cổ Mèo, treo cổ Chó - Mèo đến nhà thì khó, Chó đến nhà thì sang - Rình như Mèo rình Chuột - Mèo nhỏ bắt Chuột con - Mèo già lại thua gan Chuột lắt...* (Thành ngữ, Tục ngữ).

Con Mèo mầy trèo cây cau
Hỏi thăm chú Chuột đi đâu vắng nhà ,
Chú Chuột đi chợ đường xa,
Mua mắm, mua muối giỗ cha chú Mèo.

Mèo tha miếng thịt xôn xao,
Cọp tha con Lợn thì nào thấy chi.

Con Mèo xán vỡ nồi rang,
Con Chó chạy lại nó mang lấy đòn,

Con Mèo, con mẹo, con meo,
Muốn ăn thịt Chuột phải leo xà nhà.

Con Mèo, con Chó có lông,
Bụi tre có mắt, nồi đồng có quai.

Con Mèo, con Chó có cũng không,
Ống tre có mắt, ngoài đồng không có ai...
(Ca Dao)

Ngoài ra, chúng ta còn thấy: *Như Mèo thấy mỡ - Mèo nào từ mỡ - Tiu nghỉu như Mèo cụt tai - Mèo già hóa cáo - Mèo khen Mèo dài đuôi - Mèo cào không xé vách vôi - Mèo uống nước bể chẳng cạn...* (Thành Ngữ).

Mèo khoe Mèo dài đuôi,
Chuột khoe nhỏ mình dễ chạy,

Mèo lành chẳng ở mả,
Ả nàng chẳng ở hàng cơm,

Mèo mả Gà đồng,
Chực sánh lông công phượng hoàng,

Mèo lành ai nỡ cắt tai,
Gái kia trồng rẫy khoe tài làm chi...
(Tục ngữ)

Đặc tính của con Mèo biết leo trèo rất giỏi, trái lại con Cọp thì không biết leo trèo, theo sách Kim Nam Thi Tập chú rằng: Thuở xưa Mèo và Cọp ở chung trong rừng sâu, Mèo là cậu của Cọp, Mèo thì biếng nhác, Cọp thì siêng năng, đi săn thú vật mang về hang để ăn chung với nhau, Cọp không ngờ bữa nọ, Cọp đi vắng nhà, Mèo ở nhà ăn hết rồi nằm duỗi chân ra ngủ ngon lành, đến khi Cọp trở về thì bụng đói, phần không còn cái gì để ăn, nên Cọp tức giận bắt Mèo để ăn thịt. Mèo chạy đến một cây cao leo lên cây để lánh nạn, Cọp vì thân lớn lại nặng, nên không thể leo để bắt Mèo được, vì thế Cọp mới nói với Mèo, nếu bắt được Mèo thì sẽ ăn thịt kể cả phân nữa cho hả giận. Từ đó, mỗi khi Mèo ị xong, thì lập tức giấu phân là thế đó.

Hơn nữa, chúng ta còn thấy những cây có mang tên Mèo, xin trích dẫn như sau: Cây lưỡi Mèo - Cây Râu Mèo, Cây Bút Mèo, Cây Chàm Mèo, Nấm Mèo...

Để tạm kết thúc bài nầy và nhân dịp bước sang năm Tân Mão (2011), kính chúc tất cả quý bà con đồng hương năm mới được Vạn Sự Tốt Đẹp và An Khang Thịnh Đạt mọi nhà.

• Hàn Lâm Nguyễn Phú Thứ
(Trích dẫn tác phẩm Tìm Hiểu Đời Sống An Lạc 2010 của Nguyễn Phú Thứ)

Dòng thơ u hoài

Trăm trang thơ nói được gì
Đâu tròn tiếng hẹn lời thề nước non
Người xưa giữ tạc lòng son
Tôi nay lưu lạc vẫn còn quê xa!

Xót đau, đau mãi nỗi nhà
Đêm đêm lặng ngắm trăng tà chờ mong
Trăng xa đâu thấu nỗi lòng
Vô tư ai biết long đong cõi ngoài!

Biết ai tâm sự nơi nầy?
- Chỉ nghe tiếng gió thở dài giữa khuya!
Mưa sương che khuất lối về
Thơ tôi thao thức hồn quê ngậm ngùi!

Ở đây năm tháng chơi vơi
Nhớ người nhớ cảnh nhớ lời quê hương
Nghĩ mà đau nghĩ thật buồn
Vần thơ tôi ủ niềm thương giữa đời!

Thời gian hờ hững nước trôi
Quê tôi biền biệt bên trời nhớ thương
Vần thơ dệt khúc đoạn trường
Hồn thơ đau xót cố hương nghìn trùng!

Lệ buồn cứ mãi rưng rưng
Mực in lòng giấy ngập ngừng niềm đau
Nước non cay đắng chén sầu
Tôi còn viết mãi ngàn câu u hoài!

• Hàn Thiên Lương

https://tieulun.hopto.org

- Phan Hưng Nhơn

Tuần tự theo quy luật thời gian, năm Canh Dần vừa qua thì năm Tân Mảo lại đến. Mảo đứng thứ tư trong vòng con Giáp. Đây là năm Con Mèo (song đối với người Trung Hoa và Nhật Bản là năm con Thỏ).

Giống Mèo là một loại thú có nguồn gốc rất xa xưa cách đây cả hàng mấy triệu năm và sống đời dã thú tại các vùng hoang mảng. Đến gần khoảng hai ngàn năm trước Tây lịch, mèo được người nuôi như một gia súc. Ở Việt Nam có lẽ người ta đã nuôi mèo từ khi có loài chuột chuyên phá hoại lương thực trong nhà cùng ruộng đồng.

Ngày nay tại Âu Mỹ mèo đã được nuôi dưỡng như những con vật cưng thương trong nhà. Số lượng mèo được nuôi như thế cũng gần 48 triệu con và những người nuôi đã phải chi tiêu hàng ngàn triệu đô-la để trả tiền thức ăn, các dịch vụ y tế cùng thuế má hay bảo hiểm cho mèo. Những giống mèo được nuôi thuộc giống mèo mướp, mèo Xiêm, mèo Á, là những mèo lông ngắn hoặc những loại mèo dài lông như mèo Ba Tư và Angola hoặc mèo Tây Tạng.

Mèo thường có một bộ ria khoảng từ 25 đến 30 sợi, giống như những cộng rada giúp mèo tránh được không bị vướng cây cối hay va vào tường vách. Mắt mèo tùy theo giống có nhiều màu: xanh vàng hay nâu. Ban ngày thì tròng mắt như còn lại một lằn. Ban đêm nở ra sáng chói giúp mèo thấy rõ xa. Mũi ngửi mùi rất xa. Thính nhất là lỗ tai. Mỗi khi vành tai dựng đứng thẳng lên, thì mèo có thể nghe được từ rất xa.

Ngày xưa tuy đã nuôi mèo làm gia súc để bắt chuột, loài người vẫn còn ngại mèo và xem mèo như là một thú vật chuyên đem bất hạnh đến cho người. Dân Anh ngày xưa tin rằng quỷ thường nhập vào mèo để rồi gây bất hạnh cho dân chúng nên bắt được con mèo mun nào là bỏ vào giỏ treo lên thiêu sống. Ngay ở Việt Nam ngày nay còn có đôi nơi tin nếu trong nhà có người vừa quá vãng mà lỡ để con mèo nhảy ngang qua là xác sẽ dựng đứng lên. Các tài xế xe đò nhất quyết không lái chuyến xe ngày đó nếu khám phá được trên xe có hành khách lén đem mèo theo. Trong dân gian còn có quan niệm rằng *„mèo đến nhà thì khó, chó đến nhà thì sang“* nên mèo chưa được trìu mến như chó nên giữa mèo và chó thường có sự ganh tị, hễ gặp nhau là cào cấu cắn sủa vì vậy trong gia đình khi nào có hai đứa trẻ thường cãi nhau hay đánh lộn với nhau, lập tức bị cha mẹ la rầy: *các con lúc nào cũng như chó với mèo*. Mèo rất sợ nước. Tục ngữ Pháp có câu: *„Chat échaudé, craint l'eau froide“* (mèo bỉ phỏng nước nóng, thấy nước lạnh cũng sợ). Mèo thường ngày ăn rất ít nên có câu *„nam thực như hổ, nữ thực như miêu“*. Tuy ăn ít nhưng mèo cũng như chó thường có tật ăn vụng nên người thường hay căn dặn nhau: *„chó treo mèo đậy“*. Mèo rất thích ăn mỡ. Thấy mỡ là mèo bỏ đi không đành. Khác gì đàn ông có máu 35, thấy gái đẹp thì cứ nhớn nha nhớn nhác mắt la mày lét nên thường bị chế giễu *„người gì thấy gái như mèo thấy mỡ“*. Những người bất tài vô tướng, nhờ may mắn thành công hưởng được sự đời thường được ví như *„mèo mù vơ cá rán“*. Hoặc nói *„mèo khen mèo dài đuôi“* là một bệnh chung của loài người. Con trai con gái những gia đình thanh lịch thường được khuyên đừng nên bắt chước những hạng *„mèo đàng chó điếm", chẳng nên giao du với hạng "mèo mả gà đồng"* vì *"mèo lành chẳng bao giờ ở mả"*. Truyện Kiều từng có câu:

Ra tuồng mèo mả gà đồng,
Ra tuồng lúng túng chẳng xong bề nào.

Cũng có những câu được đặt ra để chỉ trích lề lối xử sự của đôi người: *„Mèo tha miếng thịt thì đòi, kẻnh tha lợn nái mắt nhìn ngẩn ngơ“*. (Kẻnh là con cọp).

Ở sở làm có mặt chủ, mọi nhân viên im lặng chăm chỉ làm việc. Chủ thình lình có việc phải vắng mặt thì nhân viên nói chuyện ồn ào, cười giỡn, chọc ghẹo, lơ là việc làm nên tục ngữ Pháp có câu: „Le chat parti, les souris dansent (Mèo đi khỏi, lũ chuộc nhảy múa).

Mèo và chuột được xem như thù nhau muôn kiếp nhưng trong dân gian Việt Nam cũng có người hóm hỉnh đặt ra những câu cao dao mượn cảnh mèo chuột để chế giễu những người giả nhân giả nghĩa.

Con mèo trèo lên cây cau,
Hỏi thăm chú chuột đi đâu vắng nhà?
Chú chuột đi chợ đường xa,
Mua mắm mua muối giỗ cha chú mèo.

Chuột sợ mèo lánh lên trên cây cau. Mèo vì đói cố trèo lên bắt chuột lại được diễn tả như mèo vì thương nhớ chuột ghé lên để vấn an. Chuột sợ mèo nhưng mỉa mai thay chỉ đi mua những thức tầm thường như muối và mắm để giỗ cha con mèo.

Có người nói rằng những câu ca dao này được đặt dưới thời nhà Trần Thủ Độ vào thời mà nhà Trần cướp ngôi nhà Lý. Mặc dầu Lý Chiêu Hoàng đã nhường ngôi cho nhà Trần song Trần Thủ Độ vẫn cố tâm tiêu diệt dòng họ nhà Lý cũng như con mèo kia vẫn cố tâm giết chuột dù cho chuột nọ đã cam phận lánh lên cây cau cùng cam phận cúng tế dòng họ mèo. Cũng như người dòng họ nhà Lý dù đã cam phận sống làm dân thờ phụng nhà Trần cũng không cứu được một số lớn tôn thất nhà Lý thoát khỏi cuộc sát hại của Trần Thủ Độ.

Trong những lời thơ sau đây, Mèo lại được tiêu biểu cho một người học trò có chí bay nhảy cao:

Cũng thì nanh vút kém chi đâu,
Chưa biết mèo nào cắn miễu nào,
Giống lệnh tì, hươu, tài nhảy nhót,
Ra oai hùng hổ tiếng bào hao.

https://tieulun.hopto.org

Ngẫm xem biết mẹo trèo tứ thấp,
Khúm núm thu hình, thoắt nhảy cao.
Chí quyết phen này vồ lấy cống,
Rồi lên đài các sẽ nghêu ngao.

Thi sĩ Xuân Diệu trong tập „Phấn Thông Vàng" cũng đã mô tả mèo qua hai cảnh sống tương phản là kiếp sống trưởng giả trong nhung lụa và kiếp sống ngang tàn của những mèo mả tức là mèo hoang.

Về mỹ thuật thì cách đây khoảng hơn 4000 năm, người Ai Cập đã khắc hình con mèo bằng gỗ hay đá. Khoảng 1500 năm trước Tây lịch thì thấy có xuất hiện một số tranh có hình con mèo ở La Mã. Ở Trung Hoa sau năm 1100, mới thấy xuất hiện một tranh hình một con mèo nhị thể lông đen trắng. Ở Pháp dưới thời Phục Hưng có bức tranh *Mèo và Bướm*, và tranh *Người đàn bà và Mèo* của danh họa Pierre Renoir.

Ở Việt Nam thì không thấy nói có danh họa gì về mèo nhưng họa sĩ dân gian có sáng tác tranh „Đám rước ông Nghè Chuột vinh qui bái tổ". Đó đúng hơn chỉ là một bức hí họa về một đám rước đi đầu có hai con chuột, một con ôm một con gà trống, một con ôm một con cá chép thật to rồi đến phường bát âm đánh trống thổi kèn, kế tiếp là đội lính hộ vệ đi trước một cái kiệu trong có quan Nghè Chuột ngồi do 4 con chuột khiêng. Đón đám rước là một con mèo tam thể béo mập đang giơ chân trước ra để đón nhận lễ vật như gà và cá. Trên bức tranh bên cạnh mèo có ghi ba chữ *Miêu Thủ Lễ*. Bức tranh mang ý nghĩa kín đáo châm biến giới quan lại ngày xưa quen thói hà hiếp bóc lột dân đen để vừa làm giàu cho mình vừa hối lộ cấp trên để yên thân.

Về văn chương thì ở Á Đông, nhất là ở Việt Nam mèo tuy cũng được nuôi như gia súc nhưng không được cưng thương nuông chiều như ở Âu Mỹ, nên mèo không được nhắc đến. Năm 1981 những sách viết về mèo đã được bán chạy hơn bất cứ loại sách nào khác ở Hoa Kỳ. Chỉ một năm này đã có 250 sách viết về mèo được xuất bản phổ biến trên thị trường. Các tác phẩm như: *Con Mèo lên thiên đàng* của Elizabeth Coatsworth; *Hàng triệu con mèo* của Wanda Gag; *Con mèo trong nhà* của Cath Van Vechtan; *Con Mèo Lewis Carrol* trong tác phẩm Alice in Wunderland rất được ưa thích.

Ở Âu Châu thì mèo được nhắc nhở nhiều ở rất nhiều ngụ ngôn như *Mèo nhà và Mèo rừng; Mèo học đẻ trứng; Chó cứu Mèo; Mèo với Gà; Mèo với Cọp; Mèo chúc thọ Chuột* v.v... Nhà văn chuyên về ngụ ngôn La Fontaine có kể chuyện con Mèo và con Khỉ cùng gặp lò đang có lùi những hạt dẻ thơm tho ngon lành. Khỉ làm bộ khen tài mèo nên mèo hứng chí cố khều mấy hạt dẻ ra khỏi lò dầu hạt dẻ và than đang nóng đến nỗi chân mèo gần như bị phỏng. Mèo khều ra hạt nào là khỉ làm thinh ăn hết hạt ấy. Thình lình có chủ nhà đi tới, hai con thú giật mình bỏ chạy, khỉ được no bụng còn mèo vừa bị đói bụng vừa bị phỏng chân.

Một ngụ ngôn khác kể chuyện một ông nọ có nuôi một con mèo trong nhà cho đỡ thấy cô đơn. Mèo của ông ta rất ngộ nghĩnh, kháu khỉnh dễ thương nên càng ngày ông càng thương mến cưng chiều có lúc cầu mong ước gì Thượng Đế biến con mèo thành một phụ nữ xinh đẹp để làm bạn đời. Thượng Đế thương tình chấp nhận và con mèo trở thành một phụ nữ xinh đẹp, làm ông ta say đắm. Ngày này qua ngày nọ ông luôn luôn dỗ dành chiều chuộng thương yêu như một người vợ, và quên hẳn nó nguyên là mèo. Một hôm ông và con mèo đã được đổi dạng thành người đang âu yếm mơn trớn tình tứ với nhau ở trong phòng ngủ thì có một con chuột thấy vắng bóng mèo nên chạy nghênh ngang giữa phòng. Người đàn bà liền xô ông ra rồi nhảy chồm tới chụp con chuột bỏ vào miệng nhai ngấu nghiến ngon lành làm ông ta ngao ngán than rằng: đã là kiếp mèo đâu có đổi dạng được.

Jean de la Fontaine còn kể rất nhiều chuyện về mèo, nhưng trong chuyện nào mèo chỉ là một loài ngu đần. Trái lại với nhà văn Perrault có kể chuyện „Con Mèo đi hia" thì con mèo rất thông minh mưu mẹo lắm mưu nhiều kế, biết đem lại giàu sang cho chủ của nó. Truyện kể đại ý có một con mèo thông minh nói với chủ sắm cho nó một đôi hia để nó đi rồi nó sẽ đền ơn cho. Sau khi có đôi hia hằng ngày nó ra những đồng cỏ nằm giả chết để nhử chim hay thú lại gần để bắt. Nhờ thế mà chủ nó khi nào cũng có lương thực dư dã. Nó còn đem một số chim muông bắt được biếu nhà vua và tâu rằng đó là chủ của nó sai đem đến dâng vua. Một hôm nhà vua tuần du ngang vùng, nó bảo chủ nó cởi hết quần áo ra rồi núp vào bụi lau ở bờ ao, còn nó thì đem quần áo chủ nó giấu đi. Xa giá nhà vua vừa tới thì nó hô hoán có quân gian đã lấy mất quần áo của chủ nó là người thường đem chim muông dâng tặng nhà vua. Nghe vậy nhà vua bèn truyền ban cho chủ nó một bộ quần áo mới. Chủ nó mặc vào thấy như người sang trọng và được nó giới thiệu với nhà vua chủ nó là Hầu Tước... Trong khi chủ nó cùng đi với nhà vua thì nó phóng đi trước. Gặp những người làm ruộng hai bên đường thì mèo vừa dọa vừa dặn rằng nếu nhà vua có hỏi ruộng đồng của ai thì phải tâu của Hầu Tước. Vì vậy khi nhà vua đi ngang qua có hỏi thì tất cả nông dân đều trả lời như con mèo đã dặn nên nhà vua tưởng rằng chủ con mèo ắt phải là một người rất giàu có và đầy quyền

https://tieulun.hopto.org

thế. Con mèo vẫn đi trước và đến một lâu đài nguy nga tráng lệ mà chủ lâu đài là một con yêu tinh có nhiều phép lạ và là chủ của những thửa ruộng mà con mèo vừa đi qua. Lúc đầu mèo nói khích để con yêu tinh biến thành con sư tử. Xong thì mèo lại nói khích rằng yêu tinh không thể biến hình thành một con thú nhỏ như con chuột. Con yêu tinh tức khí biến hình vừa bằng con chuột nhỏ thì mèo lanh lẹ đớp ăn ngay. Khi nhà vua vừa đến thì mèo ra mở cửa lâu đài và đón vào nhà cùng nói rằng đây là lâu đài của Hầu Tước chủ nó. Nhà vua rất hài lòng và sau đó gả công chúa cho chủ con mèo.

Truyện tích dân gian Việt Nam thường hay nhắc chuyện con Mèo và Cống Quỳnh. Chuyện kể một hôm Cống Quỳnh có việc phải vào chầu phủ chúa Trịnh. Lúc ra về thấy ở phủ có con mèo tam thể rất dễ thương nên liền lén bắt về nhà nuôi. Về nhà lúc đầu ông dọn hai đĩa đồ ăn. Một dĩa đầy đồ ăn ngon như ông đã thấy ở phủ chúa Trịnh, còn một dĩa đồ ăn dở thường ở nhà. Hễ mèo tiến tới dĩa có đồ ăn ngon thì bị đánh và bị lôi cổ về phía dĩa ăn dở. Cứ thế lâu rồi mèo cũng quen... Về sau mỗi lần được thả ra là mèo chỉ tới dĩa đồ ăn dở để ăn.

Nghe tin Cống Quỳnh có con mèo tam thể đẹp như mèo của mình, chúa Trịnh giả bộ đến thăm. Thấy con mèo Tam thể đúng là mèo của mình nên đòi bắt đem về. Cống Quỳnh không chịu và nói: „Đây là con mèo của hạ thần quen ăn đồ ăn thừa dân giả, mèo của chúa quen ăn cao lương mỹ vị. Không tin xin chúa cứ thử. Chúa Trịnh liền truyền dọn ra hai dĩa thức ăn. Con mèo quen lệ chạy đến dĩa có đồ ăn dở để ăn. Chúa Trịnh ngượng ngùng bỏ ra về.

Ngoài những giống mèo thường biết như mèo mướp, mèo mun, mào vàng, mèo xiêm, mèo tam thể v.v... ở nhiều nước và nhất là ở Việt Nam còn có loại mèo hai chân, biết ỏn ẻn chớ không kêu meo meo và sự săn sóc nuôi dưỡng tuy tốn kém vô cùng nhưng gần như mọi người đàn ông bất luận già trẻ hay người quyền cao chức trọng hoặc giàu sang phú quý mà lại rửng mỡ thì mới hay nuôi loại mèo này, vì nó biết nói những lời tình tứ, biết nũng nịu mơn trớn và thích được các ông chủ vuốt ve nuông chiều âu yếm nhưng lại thường bị các bà chủ thù ghét. Vậy ai vừa nghe nói ông A hay ông B có mèo thì chẳng bao lâu chén dĩa trong nhà hai ông ấy sẽ bể hết và các mèo hai chân đó khó tránh được những trận đòn ghen kinh hồn.

Ở Việt Nam như vậy cũng có nhiều truyện tích về mèo, từ truyện *„Con Mèo của Trạng Quỳnh“* đến truyện „Con Mèo biết nói của cô chủ quán và Ba Giai Tú Xuất“, mà phần nhiều là truyện tiếu lâm mà người kể thường mượn vai vế mèo để chế giễu vui đùa và những truyện dí dỏm như thế về mèo rất nhiều có thể kể hết suốt năm Tân Mão cũng chưa hết nhưng thời gian thường được ví chẳng khác gì *„bóng câu qua khe cửa“*. Chỉ ngại chưa kể hết chuyện về mèo thì đã thấy dáng Rồng thấp thoáng tới gần.-

Mèo hàng xóm

• **Nguyễn Thượng Chánh, DVM**

Tại hải ngoại, chắc chắn không ít các bạn kể cả tác giả đã từng bực mình vì chuyện con mèo hàng xóm thường có thói quen hay chạy qua sân, qua vườn nhà mình để ị.

Dưới *patio* phía sau nhà và khoảng trống dưới cầu thang phía trước nhà là những nơi mèo thường hay chiếu cố để giải quyết bầu tâm sự.

Một số người trong chúng ta có nhà riêng tại ngoại ô, thường có sân trước và sân sau nhà, bằng không thì cũng cố tạo ra một khoảnh nhỏ bên hông nhà để trồng vài ba thứ lặt vặt cho vui mắt.

Sáng ra, thấy mảnh vườn thân yêu của mình bị bươi móc, đất cát văng tùm lum tứ tung. Cây ớt, cây cà tomate và mấy cây hoa mới trồng hồi chiều, cái thì gãy, cái thì xiêng vẹo hết ráo. Dễ giận ghê.

Sau vài ngày rình rập thì biết thủ phạm không ai khác hơn là chú hay thím mèo hàng xóm.

Nhà nó nó không làm mà lại vào làm trong vườn người ta. Có tức không...

⁂

Ai cũng biết, mèo có thói quen thường ị tại một chỗ để ghi dấu lãnh thổ của nó bằng mùi riêng biệt. Sau khi ị xong thì nó lấy chân lấy cẳng đùn đất đậy lấp lại. Bởi lý do nầy mà cây cỏ mình trồng bị hư hết.

Sáng sớm tinh sương, mỗi khi đi ngang qua mảnh vườn là ngửi thấy phảng phất cái mùi xú uế rất ư là mất vệ sinh và khó chịu. Lỡ có khách đến viếng thăm thì khó coi quá.

Đó là chưa kể đến phân mèo có thể chứa đủ thứ mầm bệnh trong đó, chẳng hạn như: vi khuẩn *E coli, Salmonella, Campylobacter, Yersinia, Helicobacter*... Ngoài ra còn có các trứng lãi, các ký sinh trùng đơn bào *protozoan* như *Toxoplasma*, *Giardia* rất nguy hiểm cho người.

Nếu tại Việt Nam thì có lẽ dễ tính...

Còn tại các xứ Âu Mỹ thì khác, có luật bảo vệ thú vật hẳn hoi, mình không có quyền hành hạ thú vật. Lỡ có người biết, họ báo phú-lít thì mình mệt lắm, rắc rối với pháp luật lắm chớ chẳng phải chơi đâu.

https://tieulun.hopto.org

Đừng có làm điều xẳng, bỏ thứ nầy thứ nọ cho mèo xơi để nó hóa kiếp, tội cho con vật và cho cả bạn lắm.

Ngày nay các phòng mạch thú y đều có khả năng xác định dễ dàng nguyên nhân nào mèo bị ngộ độc. Còn không thì họ chuyển xác con vật đến các trường đại học thú y để làm xét nghiệm. Không qua mặt được họ đâu.

Phản ứng đầu tiên là mình tìm đến nhà của người chủ nuôi con mèo mất dạy để nói phải quấy.

Đây là chuyện mọi người lịch sự thường làm nhưng ít khi cho kết quả mong muốn.

Bạn thử một số biện pháp sau đây xem sao

Hiện nay trong các tiệm bán thức ăn và vật dụng chó mèo (*pet shop*) đều có bán các chất phung xịt vào đất để mèo hay chó tránh xa vì chúng không chịu đựng nổi mùi lạ thường.

Tại Canada, các *pet shop* đều có bán thuốc xịt *spray* dùng cho chó mèo, giá 12$ - 15 $ một chai. *Get off my garden: Cat and dog repellent spray 500ml.* Mỗi đêm mỗi xịt trong vườn. Một hai tuần là xài hết thuốc.

Bs Thú Y Bemhard Pukay, Ottawa có mách các mánh sau đây. Bạn thử coi biện pháp nào hữu hiệu nhất.

- Mua lưới rào khu vườn lại
- Chịu khó, tối tối ngồi canh với cái vòi nước, chờ mèo đến là xịt bừa lên mình cho nó hết hồn hết vía tởn luôn tới già.
- Có thể trồng thêm một vài loại thực vật mà mèo kỵ, chẳng hạn như cây *rue*, cây *Coleus canina*. (hỏi các vườn bán cây kiểng, *nursery garden center*). Mèo kỵ mùi hôi của cây nầy.
- Rải vỏ cam, vỏ chanh, dầu sả, tiêu, ớt bột, dầu *lavender (lavender oil*), dầu *peppermint*, thuốc lá để hút pipe (hơi uổng đa), café xay, dầu khuynh diệp (eucalyptus oil), dầu mù-tạt (mustard oil), trồng thêm cây rau mùi (húng lủi...)
- Rải các viên long não (*mothball*)

Các bạn hãy thử xem, chớ người viết không biết mấy thứ đó có thật sự hữu hiệu không.

Mua lưới mua cây về rào lại là cách hữu hiệu nhất và chắc ăn nhất.

Còn muốn chơi sang, thì bạn có thể mua các dụng cụ điện tử gọi là *CatStop* vài chục bạc. Khi mèo đến gần, máy sẽ phát ra siêu âm làm mèo khó chịu, hoảng hồn, vọt lẹ không dám bén mảng đến nữa.

Một số ý kiến khác

- Nuôi một con chó berger để nó rượt con mèo.
- Có người còn xúi quăng vỏ chai plastic (như chai coca, pepsi...) vào trong vườn (?), mèo sợ lắm (người viết hổng biết có thật không hay là họ nói giỡn chơi?)

Không nên làm: tội lắm nghe các huynh, coi chừng bị lôi ra tòa đó.

- Lấy ná, lấy súng bắn đạn cao su nẹt con mèo một phát cho nó tởn tới già.
- Lấy cây đập, lấy dép, đá gạch chọi cho nó bị thương, què cẳng bỏ thói ị bậy. Tạt nước sôi. (hơi ác đa nghe các cha!).
- Để thức ăn, nước uống có trộn... cho nó liếm nó ăn, rồi thăng luôn...

(Hình như có ông thú y nào đó ở Bắc Mỹ đã có viết trong bài "*Aspirin, Tylenol, Chocolat và Mèo*").

Kết luận

Theo sự thăm dò riêng của người viết thì những cách làm cho mèo hàng xóm đừng chạy qua ị trong sân nhà mình thì có nhiều lắm, nhưng có hữu hiệu hay không thì khó biết lắm. Mỗi người mỗi cách.

Tác giả biết chắc chắn có một cách hay nhất, cam đoan hữu hiệu 100%, nhưng có hơi huề vốn, đó là mình ngó chỗ khác, đừng thèm quan tâm đến con mèo hàng xóm nữa là yên chuyện. Đúng như ông bà mình đã dạy: *một câu nhịn chín câu lành.*

Không làm hại đến súc vật là một cách bất bạo động, dễ làm, khỏi mích lòng chòm xóm, khỏi rắc rối với pháp luật nhưng đó đồng thời cũng là một giới luật trong những giới luật căn bản dành cho mọi Phật tử.

"Tôn trọng sự sống là một điều rất được đề cao trong Phật Giáo. ***Cấm sát sanh và làm hại thú vật là một trong những giới luật căn bản dành cho mọi Phật tử****. Việc tôn trọng sự sống không chỉ vì từ bi, vì niềm tin vào luân hồi và nghiệp báo, mà còn vì ý thức rằng mọi sinh loài đều có quyền sống bình đẳng và môi trường sống là dành cho tất cả mọi loài trên trái đất này chứ không phải dành riêng cho con người (David J. Kalupahana, 2008, tr.137-42). Thái độ của Phật Giáo đối với các loài sống như vậy đã hình thành nên một quan điểm đạo đức hành xử đối với các loài không thuộc con người: con người cần từ bỏ quan điểm xem mình là sinh loài định đoạt tất cả những loài khác; cần phải xem mình và các sinh loài khác như là những `láng giếng´ của nhau" (Peter Harvey, tr. 185).* (Đạo đức Phật Giáo và vấn đề môi trường, Thích Nguyên Hiệp. Nguồn Tập San Pháp Luân 68).

Montreal, 24.10.2010

Tài liệu tham khảo:

http://landscaping.about.com/od/pestcontrol/a/cat_repellents.htm
(10 cat repellents:How to keep cats away from your yard)

http://www.calgaryherald.com/life/Many+ways+keep+cats+gardens/2624389/story.html
(Many ways to keep cats out of gardens)

http://www.contech-inc.com/products/catstop/
When cats come within range, this automatic outdoor cat deterrent emits a sudden burst of ultrasonic sound (that humans can't hear) - the sound startles cats, and teaches them to stay away.

http://chuaphathue.com/web/v1/plugins/p2_news/printarticle.php?p2_articleid=752

https://tieulun.hopto.org

Năm Mẹo nói chuyện Mèo

• **Thị Tâm Ngô Văn Phát**

Tuổi Mẹo là con Mèo ngao,
Hay quấu hay quào ăn vụng thành tinh!

Năm 2011 là năm Tân Mẹo, con Mèo sẽ xuống lại trần gian để lèo lái con thuyền nhân sinh trong biển đời đầy ô trược. Do đó tôi viết „***Năm Mẹo nói chuyện Mèo***" để quý vị đọc, trước là mua vui; sau mong tìm được sự thư thái tâm hồn trong những ngày Tết lạnh lẽo xa quê hương!

Danh từ Mẹo, Mèo, Mão, Miêu, Mãn cũng là một loại. Nhưng tùy địa phương có tiếng gọi khác nhau.

Kể từ năm Ất Mẹo 1975, mỗi một chu kỳ 12 năm, khi chú Mèo đến thì lòng tôi dâng lên một nỗi niềm tưởng đến mà đau, nhứt là sau ngày 30 tháng 4 đen. Ngày xảy ra một cuộc đổi đời nghiệt ngã mà Dân-Quân-Cán-Chính miền Nam phải gánh chịu. Ba mươi sáu năm trôi qua, dưới sự thống trị của tập đoàn cộng sản phi nhân, buôn dân bán nước; bao nhiêu triệu người đã bị bức tử, bị tù đày biệt xứ ngay trên quê hương mình; bao nhiêu triệu người bỏ xứ lưu vong ở hải ngoại cũng như những người ở trong nước hằng ngày chắp tay cầu nguyện xin Chúa và Phật từ bi gia hộ cho người dân Việt hết sợ hãi, nhiều nghị lực cùng đứng lên làm một cuộc đổi đời lần thứ hai để đem lại Tự Do – Dân Chủ - Hạnh Phúc - Ấm No thật sự cho toàn dân.

Viết tới đây, tôi chợt nhớ đến câu ca dao truyền miệng của người dân ngoài đường phố sau 30.04.75:

Hãy thương người Bắc di cư,
Chớ thương người Bắc tháng Tư năm Mèo!

Thưa quý vị, nói đến Mèo thì ai cũng nghĩ theo hai nghĩa: ***nghĩa Đen*** và ***nghĩa Bóng*** của nó. Mèo đã đi vào văn chương Việt Nam qua những câu ca dao, tục ngữ, thành ngữ v.v...

I- Mèo theo nghĩa đen.

Mèo là con vật nhỏ, thuộc loại ăn thịt, râu trắng cứng và cử động được, móng bén nhọn, mình nhẹ, leo giỏi. Giác quan của Mèo rất nhạy, mũi ngửi mùi rất xa, mắt có thể thấy rỏ mọi vật trong đêm tối như ban ngày, nhưng thính nhứt là lỗ tai. Mỗi khi vành tai dựng đứng thẳng lên, Mèo có thể nghe được từ rất xa.

Ở các nước Á Châu, mèo được nuôi trong nhà để bắt chuột. Còn ở Âu Châu thì Mèo được nuôi trong nhà để làm kiểng cho vui cửa vui nhà chớ chuột ở đâu mà bắt!.

Mèo rất sợ lạnh, ở thôn quê ban đêm Mèo thường vô bếp nằm khoanh trong tro để được ấm nên mặt mũi thường dính lọ tèm lem; hoặc lén leo lên giường ngủ của trẻ em rồi chui vào mền hay chiếu để được đứa trẻ truyền cho hơi ấm. Tuy nhiên Mèo thường bị liệng xuống đất vì hơi thở của nó nghe khò khò... làm mất giấc ngủ của trẻ con.

Mèo có nhiều loại như:

- *Mèo Mun*: Mèo có lông đen người ta gọi nó là Mèo mun, cũng như Chó mực, Gà ô, Ngựa ô... chớ không ai gọi Mèo đen, Chó đen, Gà đen hay Ngựa đen bao giờ. Tiếng Việt phong phú là ở chổ đó.

- *Mèo Mướp*: Mèo có lông mốc, vằn hơi đen

- *Mèo Tam Thể*: Mèo có lông ba màu: trắng, vàng, đen.

- *Mèo Vá:* Mèo trắng vá đen – hay đen vá trắng.

- *Mèo Xiêm:* Giống này xuất xứ từ Thái Lan, lông trắng, chót chân, đuôi, đầu và lỗ tai sạm đen, mắt đục.

- *Mèo Rừng:* Giống Mèo ở trong rừng, lớn con và rất dữ tợn.

- *Mèo Đàng:* Mèo hoang vô chủ, thường tụ tập ở ngoài đồng hoang, trong rừng, trong vườn, đến tối mò lén vào nhà dân chúng để cạy nồi niêu ăn vụng...

- *Mèo ngao:* Tiếng Mèo kêu người ta gọi là Mèo ngao, còn chó sủa hay chó tru, gà gáy, chớ không ai gọi Mèo kêu, Chó kêu hay Gà kêu bao giờ.

Nói đến các loại Mèo, làm tôi nhớ đến câu nói bất hủ của Đặng Tiểu Bình (1904-1997) đã được ghi vào lịch sữ Trung Cộng. Ông nói:

Mèo đen hay Mèo trắng không quan trọng, miễn là nó bắt được chuột!

Trung Cộng hiện nay phát triển là nhờ theo đường lối Mèo đen, Mèo trắng của ông. Tuy nhiên, hai vết nhơ hiện rõ nét trong lý lịch đảng tịch mà cũng là cuộc đời của ông vì chúng đều đẫm máu:

- 1. Tháng 2.1979, quyết định tấn công xâm lược Việt Nam ở Cao Bằng để dạy cho CSVN, một đồng chí vô sản một bài học „ăn cháo đái bát," nên răng phải cắn cho môi chảy máu!

- 2. Tháng 5.1989, dùng quân đội đàn áp đẫm máu dã man sinh viên, học sinh biểu tình trước Thiên An Môn đòi Tự Do-Dân Chủ cho nhân dân Tàu.

Rồi đây nhân dân Tàu sẽ công tâm phán xét *Công* và *Tội* của Đặng Tiểu Bình.

https://tieulun.hopto.org

II. *Mèo theo nghĩa bóng.*

Mèo thì lúc nào cũng yểu điệu, dịu dàng, nũng nịu với chủ và lúc nào cũng được chủ nuông chiều. Đặc tánh của Mèo là ăn vụng, bởi vậy mới có câu: *„Mèo treo, Chuột đậy, để vậy nó ăn"*. Mà ăn vụng thì phải lén lút sợ người ta bắt gặp. Thêm nữa, mặc dù Mèo được nuôi trong nhà, nhưng khi nó tò tí thì lôi nhau ra đồng, ngoài mả, trên nóc nhà vv... Chọn nơi nào vắng vẻ không ai thấy để làm tình. Do đó trong dân gian Việt Nam mới có những câu ca dao, tục ngữ, thành ngữ v.v... lấy tên Mèo để ám chỉ những cuộc tình lén lút như:

Những người đàn ông, đàn bà hoặc trai gái tư tình nhau, hẹn hò, gặp gỡ lén lút nhau nơi này nơi nọ, tránh sự dòm ngó của người đời, trái với phong tục lễ giáo, như Mèo đực Mèo cái gặp nhau ở ngoài mả, Gà trống gặp Gà mái ở ngoài đồng v.v... thì người ta nói: hạng *„Mèo mả Gà đồng"*. Trái lại những đàn ông, đàn bà hoặc trai gái đàng hoàng, biết trọng lễ giáo, có tư cách xứng đáng thì không tình tự lén lút ngoài đường sá, trong ngõ cụt trước khi chánh thức lấy nhau, thì người ta gọi: *„Mèo lành chẳng ở mả"*.

Còn hạng người lôi thôi, dù đàn ông hay đàn bà, trai hay gái mà thiếu một nếp sống đàng hoàng trong gia đình; ngoài đời gặp ai lấy nấy, già không bỏ nhỏ không tha, mà chỉ lấy qua đường thôi thì bị dân gian Việt Nam phang cho một câu: *"Mèo đàng chó hoang"*. Mà hễ Mèo đàng mà gặp Chó hoang thì rất xứng đôi vừa lứa, kẻ tám lạng người nửa cân, nên mới có câu ca dao: *"Mèo đàng mà gặp Chó hoang, anh đi ăn trộm gặp nàng xơi khoai "*.

Người Mỹ hoặc người Âu, chẳng hạn như người Pháp, người ta có thể nói: „Monsieur Pierre a un chat" (ông Pierre có một con mèo), không ai thắc mắc gì cả. Nhưng nếu người Việt Nam mà nói: „ông Tư Ếch có một con Mèo" tất dễ bị hiểu lầm ngay. Vì tuy rằng ở Việt Nam cũng có nhiều loại Mèo như Mèo mun, Mèo tam thể, Mèo mướp v.v... nhưng cũng có loại Mèo rất đặc biệt mà sự sắm sửa nuôi dưỡng tuy tốn kém vô cùng, nhưng hầu như mọi người đàn ông đều thích. Đó là loại Mèo hai chân! Khác loại Mèo bốn chân chỉ biết ngao meo meo..., loại hai chân biết nói những lời tình tứ, biết nũng nịu mơn trớn và thích được các ông chủ vuốt ve nuông chiều âu yếm, nhưng lại bị các bà chủ thù ghét. Vì vậy, nếu bà Tư mà nghe được ông Tư có Mèo, máu ghen nổi lên, tìm mọi cách chặt đứt đuôi con Mèo, rồi sau đó quay lại hành hạ ông Tư từ ngoài vào trong te tua!

Ngoài ra, còn có những thành ngữ cũng nói về Mèo theo nghĩa bóng, nhưng nghĩa khác, không ám chỉ về các cuộc tình lén lút như:

Mèo lành ai nỡ xách tai: có nghĩa là nếu người đàn bà khôn khéo, đàng hoàng, sống có nề nếp đạo đức, trên kính dưới nhường, không có lỗi gì thì ai rầy la, trách phạt bao giờ. Còn ngược lại *Gái hư chồng bỏ, khoe tài nỗi chi!.*

Tự lượng mình sức yếu, thì làm việc nhẹ, xấu không nên ham vợ đẹp mà phải tự chọn nồi nào úp vung nấy; mọi việc trên đời nên lượng sức, tùy tài, không nên đua đòi, bắt chước, tham lam tất cả sẽ hư việc lại hại thân nên mới có câu: *„Mèo nhỏ bắt chuột nhỏ"*, cũng như: *„Liệu cơm gắp mắm"*.

Còn *„Mèo quào không xuể phên đất"* ám chỉ người tài hèn, sức yếu, không làm nổi việc to, cũng như ám chỉ người chồng khờ, thiếu bản lĩnh không trị nổi người vợ hung dữ, lanh lợi v.v..

Người nào hay tự khoe khoang, cái gì mình làm ra cũng cho là hay, là khéo, là hơn người, vượt bực vv... nên người đời tặng cho một câu:" *Mèo khen Mèo dài đuôi*"

Còn *Mèo già hóa cáo thì sao?* Ám chỉ những người càng lớn tuổi càng nhiều kinh nghiệm, nhưng kinh nghiệm tinh ranh, tính gian xảo, nhiều mưu mô, do đó mới bị phang cho một câu: *„Sống lâu lên lão làng"*.

Mèo ăn ở rất sạch, không khi nào ị bậy. Trước khi ị nó moi một cái lỗ ở dưới đất, ị xong nó lấp đất lại giấu, vì phân của nó rất hôi thúi. Nếu nó ị bậy bạ trong nhà thì không ai chịu nổi và cũng chẳng ai muốn nuôi nó. Đó là nói ở bên Việt Nam, còn ở Âu Mỹ, nhà thì cửa đóng then gài tối ngày, làm sao nó ra ngoài ị được. Do đó người nuôi nó phải mua hay đóng một cái thùng cây, trong bỏ cát để một góc nào đó để nó ị vào và tự lấp cát lại giấu. Vì vậy nếu ai có chuyện gì muốn giấu giếm, không nói ra cho ai biết người ta nói: *Giấu như Mèo giấu cứt!*

Mèo và Chuột là hai con vật không cùng chung sống nhau được. Vì lúc nào Mèo cũng tìm chuột để ăn thịt. Còn chuột thì luôn lẫn tránh Mèo. Chuột thường than: *Trời sanh ta ra, còn sanh ra Mèo để ta phải ngày đêm lẫn tránh!*

Bốn câu ca dao sau đây nói lên sự xung khắc to lớn giữa hai nhà Mèo và Chuột:

Con Mèo trèo lên cây cau
Hỏi thăm chú Chuột đi đâu vắng nhà
Chú Chuột đi chợ đường xa
Mua mắm mua muối giỗ cha chú Mèo!

Chuột đã sợ Mèo rồi, mà Mèo có tha chuột đâu. Nó trèo lên cây cau hỏi vọng qua nhà chuột tại sao chuột vắng nhà không bò qua để nó xơi tái. Chuột giận bầm gan, tím ruột trả lời một câu móc họng và trịch thượng là Chuột đi chợ mua mắm mua muối về giỗ cha Mèo, mặc dù cha Mèo còn sống! Đúng là võ quít dày có móng tay nhọn.

Câu chuyện về Mèo thì nhiều, tôi xin kể một trong các chuyện cổ tích nói về bản tính của Mèo như sau.

Có một ông nọ có nuôi một con Mèo trong nhà cho đỡ thấy cô đơn. Mèo của ông ta rất ngộ nghĩnh, kháu khỉnh, nên càng ngày ông càng thương nó đến nỗi ông cầu xin Thượng Đế biến con Mèo thành một phụ nữ đẹp để làm bạn với ông. Thượng Đế thương tình chấp nhận và con Mèo trở thành một phụ nữ xinh đẹp làm ông ta rất say mê. Ngày này qua ngày nọ, ông luôn luôn chiều chuộng thương yêu như một người vợ mà quên hẳn nó nguyên là một con Mèo! Một hôm hai người đang ngồi trong phòng khách tâm tình, thì có một con Chuột thấy vắng bóng Mèo nên chạy nghênh ngang qua lại trong phòng, người đàn bà, bạn ông vụt đẩy ghế nhảy chồm tới chụp con Chuột bỏ vào miệng nhai ngấu nghiến ngon lành làm ông ta ngao ngán than rằng: *Đã là kiếp Mèo thì dầu có đổi dạng, bản tính vẫn là Mèo!.*

(Người viết xin sửa lại là: „Đã là người cộng sản thì dầu có đổi dạng, bản tính vẫn là cộng sản"*! Vì thế cộng sản chỉ có thay thế, chớ không có thể sửa đổi được*! Câu sau là lời của ông Boris Yelsin, vị Tổng Thống đầu tiên của nước Nga khi chế độ Cộng sản Liên Bang Sô Viết sụp đỗ năm 1990).

https://tieulun.hopto.org

Ai ai cũng biết là Mèo và Chuột là hai con vật không thể sống bên nhau được. Thế mà trước năm 1975, ông Kỹ sư Nguyễn Thành Nam, tức là ông Đạo Dừa (vì ông ta tu chỉ ăn dừa tươi mà sống), tu ở Cù Lao Rồng, nằm giữa sông Tiền Giang, bên này tỉnh Mỹ Tho, bên kia là làng Tân Thạch, có nuôi Mèo và Chuột cùng chung trong một cái lồng. Không biết ông huấn luyện ra sao mà Mèo và Chuột sống chung rất Hòa Bình! Mèo không vồ ăn Chuột, mà Chuột cũng chẳng sợ Mèo. Do đó ông có gửi thư lên chánh quyền Sàigòn xin phép cho ông ra Hà Nội thuyết phục Hồ Chí Minh rằng tại sao Mèo và Chuột sống chung Hòa Bình với nhau được. Còn người miền Nam và người miền Bắc cùng một Tổ sinh ra mà sao cứ đánh giết nhau hoài vậy? Nhưng rất tiếc việc đó không thành, vì chánh quyền Sài Gòn không chấp thuận cho ông đi, mà Hà Nội cũng khước từ lời yêu cầu của ông.

Sau đó không biết Mèo và Chuột của ông Đạo Dừa có còn chung sống Hòa Bình không? Nhưng có một điều là giữa Quốc và Cộng không thể sống chung Hòa Bình được. Bằng chứng là sau 30.04.1975, khi cộng sản cưỡng chiếm được miền Nam, hàng hàng lớp lớp Dân-Quân-Cán-Chính miền Nam bị đày đi tù cải tạo mút mùa, tài sản, nhà cửa, ruộng vườn bị tịch thu...

Cho đến nay, 36 năm sau chánh sách khủng bố, trấn lột, kỳ thị của người cộng sản miền Bắc đối với người miền Nam không có gì thay đổi!

Chuyện Mèo rất nhiều, dài dài kể hoài không hết, nhưng người viết xin ngừng tại đây và không quên nhắn nhủ với quý Ông nào lỡ có nuôi một con Mèo hai chân thì nên cố gắng giấu cho kỹ lưỡng "như Mèo giấu cứt"... Nếu để cụ Bà bắt được thì chắc chắn một trăm phần trăm Ông ơi, tối nay sẽ ngủ chèo queo một mình!!!

Thưa quý vị, khi quý vị cầm tạp chí Viên Giác Xuân trên tay thì cũng sắp tới TẾT con Mèo, người viết xin kính chúc quý vị độc giả bốn phương:

- Luôn luôn Khỏe Mạnh
- Thân Tâm An Lạc
- Mọi việc Hanh Thông
- Các bạn trẻ thành công trên mọi lãnh vực.

Và xin hẹn gặp lại nhau trong dịp Tết Nhâm Thìn 2010 •

mẹ Việt Nam

Tiết trời Xuân se lạnh
Con tưởng nhớ mẹ hiền
Bao Xuân buồn hiu quạnh
Mẹ khổ đau triền miên

Con yêu Mẹ ngút ngàn
Mẹ Việt Nam khói sương
Đời Mẹ sầu trĩu nặng
Tràn nỗi sầu tang thương

Đời con sống ly hương
Dân con kiếp đoạn trường
Do bọn người hung bạo
Tàn ác ngấm tủy xương

Lòng quặn đau sầu nát
Dõi quê hương điêu tàn
Thân Mẹ gầy héo hắt
Muôn triệu người lầm than

Dù phận hèn sức yếu
Con quyết sẽ vuông tròn
Nối chí hùng Trưng, Triệu
Tự Do cho nước non

Theo sóng biển mênh mông
Con thả hồn hoang vắng
Vào đôi tay ấm cúng!
Tình Mẹ lấp gió đông.

• Chúc Anh

https://tieulun.hopto.org

Linh Miêu, Sơn miêu và Mèo rừng

• **Từ-Hùng**

Người mình thường gọi Linh Miêu là những con mèo hoang hay mèo nhà có ma tính hay bỗng nhiên trổ ma lực nhảy qua xác người chết, khiến người chết ngồi bật dậy, bước đi thẳng người, tay chân vẫn cứng đờ, thành quỷ nhập tràng, cũng phá phách, gây hại, như Zombie trong các phim ảnh Tây phương. Vì thế ở Việt Nam, nhà nào có người thân mới tạ thế, đều phải cắt người canh giữ thi thể, coi chừng không cho con mèo nào lảng vảng tới gần cho đến khi nhập quan. Nhà nào có nuôi mèo càng phải cẩn thận đem nó nhốt lại, để tránh sự tác hại của linh miêu.

Còn dân Âu Mỹ gọi con Lynx là Linh Miêu, một giống mèo lớn tinh khôn sống trong rừng, thuộc loại

mãnh thú ăn thịt sống bậc trung, hình dáng phốp pháp, có sức mạnh vượt quá thân vóc của nó. Một con linh miêu trưởng thành toàn vẹn có sức mạnh như một con beo, tuy 4 chân nó ngắn hơn, không cao bằng beo. Chiều dài toàn thân nó là 1 thước, có khi đạt tới 1m 30. Đuôi nó chỉ dài từ 15 đến 20 cm. Chiều cao tới bướu vai là 75 cm. Trọng lượng từ 30 đến 45 kg, như ở Na uy. Nói chung thân hình mãnh thú nầy vạm vỡ, lực lưỡng ngoại hạng. Tuy so với các mãnh thú khác, nó hơi lùn mập, nhưng qua cái nhìn đầu tiên, 4 chân nó rất hùng mạnh với đầy đủ móng vuốt, không thua gì hùm beo. Đặc biệt đôi vành tai tương đối dài, vuốt nhọn lên với một túm lông dài như đầu cây cọ vẽ, rậm đen, dựng đứng. Bộ lông đuôi mọc rậm đều khắp cho tới chóp nhọn đen ở cuối. Chưa kể phần lông quăn, cuộn xoắn vào cuối sóng lưng. Vào mùa hè bộ da lông mọc ngắn màu hung hung đỏ nhiều hơn. Đến mùa đông, bộ lông mọc dài hơn và nhiều màu nâu xám hơn. Cũng có nhóm linh miêu thay đổi bộ lông nhiều dáng vẻ khác nhau và những đốm vá trên bộ lông chúng luân phiên thay đổi.

Hồi thời Trung cổ các con linh miêu còn sinh sống nhiều trong những khu rừng lớn nước Đức và nói chung luôn bị thù ghét, săn đuổi ráo riết. Cuối thế kỷ 15 chúng bị kết tội là giống mãnh thú tác hại nhứt. Nhà chức trách ở nhiều vùng đã ra lịnh phải diệt trừ chúng, nhứt là vào mùa đông phải đuổi bắt chúng, cột trói bằng dây xích sắt hoặc nhốt trong lồng sắt. Cho tới thời cận đại, trong toàn lãnh địa của đế quốc Áo-Phổ coi như đã tiêu diệt sạch chúng, chỉ trừ một phần ở biên giới Nga. Điều kiện ẩn trú của những con mãnh thú nầy cũng bị phá hủy rộng rãi, hang ổ bị lấp bằng, để ngăn ngừa những con từ các nước lân cận xâm nhập! Thực ra trái ngược với chó sói, hầu như năm nầy đến năm khác thường hay thay đổi địa bàn sinh sống; linh miêu lại kiên trì bám trụ một thời gian dài ở cùng một địa phương. Cho dù phải đi rảo lang thang khắp nơi xa hàng nhiều dặm, liều lĩnh một mình men theo đường xe chạy tới gần làng mạc, vào tận các nông trại, để tìm mồi, sau nhiều ngày, nó vẫn quay về chốn cũ. Trừ phi vùng sinh sống rộng rãi quanh đó không còn một con thỏ, hay con mồi nào như trường hợp cháy rừng, chúng mới bắt buộc ly hương.

Về bản năng săn mồi và sự tinh khôn của giống loài, linh miêu thực không thua bất cứ một loại mèo nào. Mặc dầu các chân chạy của nó không cao và đầy sức mạnh như hùm beo, nhưng trí năng phán đoán của nó cũng biểu lộ rất tốt và về mọi mặt nó cũng được trang bị đầy đủ như một mãnh thú. Nó kiên gan, bền chí bước đi từng bước chân mèo êm ái, bao lâu mà không gặp trường hợp khẩn cấp, không nhảy hoảng, không bao giờ nhảy xổm kiểu thỏ, chỉ nhảy khi cần phải nhảy phóng và phóng một cái là trúng đích, vồ được con mồi. Nó leo trèo tương đối giỏi và hình như cũng có thể lội qua sông hồ dễ dàng. Bản năng nghe ngóng phán xét của nó chắc chắn là do thính giác bén nhạy hàng đầu của nó và dĩ nhiên nhờ túm lông cọ vẽ trên chóp đôi tai dựng đứng của nó cho phép các nhà quan sát đánh giá cao nhứt cái mà truyền thuyết cổ xưa gọi là linh tính đặc biệt của nó và là lý do tục gọi nó là Linh miêu, dù cho tới nay họ vẫn chưa trực tiếp chứng minh được. Nhưng khứu giác của nó thì sút kém hơn, không có khả năng đánh hơi đoán biết từ xa và nhứt định không phải do thính mũi mà nó tìm được con mồi trong rừng. Nó cũng có khẩu vị, sở thích riêng để chọn món ngon cho vừa lòng thỏa ý và xúc giác cũng như khả năng cảm giác trong lúc bắt mồi cũng không kém bất cứ con tương cận nào. Ngay đặc tính tinh thần của giống mãnh thú nầy cũng không thể xem thường được. Nó còn cực kỳ tinh quái, quỷ quyệt hơn chó sói. Ngoài ra, Linh miêu lúc đi lại, sinh hoạt còn biết cân nhắc suy xét kỹ và lúc nào cũng lanh trí. Trong mọi trường hợp, nó còn biết phân biệt cách xử lý hay nhứt.

Các nhà quan sát trước kia còn so sánh tiếng gào thét của Linh miêu với tiếng chó tru. Nhưng ai đã từng nghe tiếng mèo động tình gào trong đêm đều nhận ra hai thứ tiếng kinh khủng đó khác xa nhau. Nếu tiếng sói tru rền rĩ vang vội khắp nơi, thì tiếng linh miêu gào lanh lảnh chói tai, vút cao như xé tét màn đêm. Linh miêu là mãnh thú hoàn toàn sinh sống về đêm. Đây là điều khác biệt cơ bản với chó sói, vì tới khoảng giữa trưa thì sói lại bắt đầu săn mồi. Trong khi linh miêu tìm chỗ nằm ẩn mình từ hừng đông cho đến chạng vạng tối. Còn hang ổ, thì linh miêu thường

https://tieulun.hopto.org

chọn hẻm vực ở giữa hai bờ núi đá dựng hay bụi rậm, bưng biền dầy đặc. Gặp hoàn cảnh khó khăn nó cũng dành chỗ lõm lớn của mô đá tảng với chồn hay chính mấy hang chồn hôi. Nó ngủ say từ sáng cho tới xế trưa. Chiều về nó mới thức giấc, vươn vai, duỗi chân, nhưng cứ nằm mẹp đó hàng nhiều giờ dài như một con chó lười biếng. Tới lúc tranh tối, tranh sáng, nó mới thực tỉnh táo và linh hoạt hẳn.

Công việc săn mồi của linh miêu bắt đầu bằng những bước đi nhẹ nhàng không gây một tiếng động nhỏ nào. Khi đã nhận biết vị trí hoặc thoáng thấy đối tượng, nó bắt đầu rón rén bò, trườn cho tới đúng tầm, nó liền cúi khom lưng xuống thật sâu để lấy đà, rồi phóng nhào tới vồ một cái mãnh liệt, đôi khi phải vồ chụp vài cái, mới táp đúng gáy con mồi và giữ chặt trong nanh vuốt của nó và cắn ngay động mạch cổ của con thú với những chiếc răng thật bén nhọn, rồi hút máu cho đến khi con thú chết và cứ ngồi đó giữ chặt con mồi rất lâu mới chịu xé xác ăn phần thịt ngon, Người ta đã từng biết đến kiểu bắt mồi như kỵ sĩ của giống mãnh thú khủng khiếp nầy: Chính tờ báo Na Uy đã đưa tin, vào một ngày nọ ngay lúc giữa trưa, một đàn dê đang gặm cỏ cạnh mé rừng, bỗng ông chủ đàn dê vội vã, hốc tốc chạy đến phía con dê cái đang mang trên lưng một con linh miêu trẻ, nó vừa bấu chặt, vừa cố trườn lên cắn cổ con dê, khiến con vật đáng thương nầy hoảng kinh chạy tới chạy lui, vùng vẫy và ông chủ chăn vừa la vừa chạy theo đập gậy mà nó vẫn không chịu buông ra. Mãi cho đến khi mấy người con trai của ông chủ, chạy đến kịp, bắn chết con ác thú mà không làm con dê bị thương thêm.

Như vậy, linh miêu đã xem bất cứ thú rừng lớn nhỏ nào, mà nó tin có thể chế ngự được, đều là mồi của nó. Từ các loại động vật có vú bé tí hay các con chim, gà rừng, chim báo cao cẳng cho đến con mang, hoẳng và cả nai có sừng đều không bảo đảm được sống sót nếu để nó chụp vồ trúng. Ở các nước Bắc Âu ít thú rừng lớn, các thú rừng nhỏ còn đầy đủ, bọn linh miêu gây tổn hại tương đối còn chịu đựng được, tuy nhiên các nhà chăn nuôi kiêm thợ săn đều oán ghét chúng lắm, vì chẳng những chúng hay cắn cổ chết những con mồi khi chúng cần thực phẩm, mà chúng còn khát máu, nhiều khi chỉ liếm máu con mồi, cắn vài miếng ngon, rồi bỏ nguyên xác đó cho sói chồn thịt tiếp. Cho nên các tay thợ săn thường nằm phục ở những trảng cỏ trong rừng hay ngoài mé rừng, nơi những con mang mển thường đến ăn cỏ, để chờ bắn chết, tiểu trừ mấy con linh miêu dữ dằn, trả thù cho hơn một phần mười những đàn trừu, đàn dê quanh vùng đã bị chúng sát hại.

Mùa giao hợp của linh miêu bắt đầu từ tháng giêng qua tháng hai, theo bản năng riêng chúng tìm đến nhau. Thông thường mấy con đực phải gào thét điếc tai, quào cắn lẫn nhau, để tranh một con cái và chỉ mười tuần sau khi bắt cặp, ở dưới hang sâu và rộng hơn hang chồn hoặc chính hang chồn hôi cũ được đào rộng ra, ăn ngầm dưới một tảng đá nghiêng nhô ra, hay dưới đám rễ cây to ẩn náu hai, nhiều nhứt là ba con nhỏ mới được sinh ra, nhưng chưa mở mắt, chúng phải tự mò mẫm tìm vú mẹ. Cứ cách 2 hoặc 3 ngày, con mẹ phải dứt vú khỏi miệng mấy đứa con để đi săn mồi ăn no rồi mới quay về hang cho con bú tiếp, mãi đến khi mấy con nhỏ chính thức mở mắt chào đời, mẹ nó liền cho dứt sữa, đi tìm bắt những con chuột lắt, chim nhỏ tập chúng ăn. Sau đó mẹ chúng mới dạy cách săn mồi để chuẩn bị cuộc sống cho những mãnh thú tương lai của rừng xanh!

Việc săn bắt, nhốt nuôi những con thú rừng khôn lanh loại nầy, trong mọi trường hợp đều là những chuyện hấp dẫn nhứt. Bất luận những con linh miêu đã được chăm nuôi đầy đủ trong những khu rừng có rào cao bao quanh hay được thả thành từng bầy tự do phát triển trên dãy núi Alpe hoặc còn tồn tại sẵn ở khắp mọi nơi, đều bị người ta hăng hái săn bắt. Không chỉ vì sự tổn hại to lớn do chúng gây ra, mà còn vì các trò giải trí vui thích của mọi người thợ săn tương lai chuẩn bị thuật săn bẫy của mình. Họ bắt sống chúng bằng 4 cách: - Chận bắt bằng lưới, thòng lọng. - Gài bẫy sắt. - Dùng các phương tiện và mồi ngon để cám dỗ, dụ hoặc cho chúng sa xuống hầm hay chun vào củi, rọ và săn đuổi với sự giúp sức của bầy chó săn. Đặt bẫy sắt là cách khó khăn và tệ hại nhứt, vì phải nhắm vào mấy con linh miêu đi lang thang, vớ vẩn hay phải theo dấu chân chúng để biết chắc đường qua lại quen thuộc, tìm đặt đúng ngõ hẹp, không còn lối trống chung quanh, hoặc cần hỗ trợ thêm mồi ngon để kế bên, nghĩa là phải tính toán thế nào cho chắc chắn đạt được kết quả. Khi bị giam nhốt, chúng sẽ lồng lộn đến kiệt sức. Cơn thịnh nộ cứ bùng lên từng chập một cách điên cuồng, dữ tợn. Con linh miêu bị sập bẫy thường trổ tánh hung bạo rất hoang dại, đặc biệt là nếu hai ngàm sắt chỉ dập phải hay kẹp giữ một chân trước của nó, thì nó sẽ kéo lôi cái bẫy sắt đi, nhưng bẫy sắt đã được hàn liền với sợi dây xích sắt và dây xích đã được buộc chặt vào một cây to, hay rễ lớn của cây thông lùn. Khi người thợ săn đến, nó liền bò, trườn lùi lại phía sau xa, giựt căng sợi dây xích vừa hướng ánh mắt ngạo nghễ, đầy sát khí đáng sợ về phía con người đang tiến lại gần. Nó tưởng rằng kẻ thù sẽ chụp bắt nó hay có thể sát hại nó, cho nên nó càng vùng vẫy dữ dội và gom hết sức lực nhảy vọt một cái thật mãnh liệt, bất kể da thịt cái chân bị mắc bẫy rách tuột và xương ống chân đã gãy nát! Hầu hết các con linh miêu bị mắc bẫy như thế sẽ tiếp tục ráng sức giựt đứt cái chân gãy để bò lết, lủi thoát đi.

Bộ da lông của linh miêu là sản phẩm lông thú đẹp và đắt tiền nhứt, mặc dầu lông thú nầy giòn khô, nếu dùng lâu năm sẽ bị gãy, đứt rụng bớt. Trước kia một bộ da lông linh miêu giá từ 45 tới 60 Đức Mã. Loại đẹp hơn hết phải nhập từ Tây Bá Lợi Á, giá mua tại chỗ từ 6 đến 16 Rúp, vì những người Thổ Tây Bá giàu có rất thích viền, trang trí hoặc tô điểm bộ áo khoác ngoài của mình bằng da lông linh miêu. Ngay như da lông của cặp chân trước cũng được cắt đi, bán riêng mỗi cặp từ 3 Rúp rưỡi tới 4 Rúp rưỡi. Nghĩa là một bộ da lông linh miêu tại nơi sản xuất trị giá bằng ba bộ lông chồn Hắc điêu, hay 6 bộ lông chó sói, 12 bộ da lông chồn vàng nâu và 100 bộ lông sóc lớn.

https://tieulun.hopto.org

Những con linh miêu sống ở miền núi ít khôn lanh hơn, còn được gọi là Sơn miêu.

Còn mèo rừng xuất xứ từ cựu thế giới thuộc giống leo cây. Khác với linh miêu hai vành tai chúng tròn và hay cụp xuống. Một con mèo rừng trưởng thành lớn bằng con chồn. Vừa thoạt nhìn người ta đã nhận dạng nó nhờ bộ lông rậm rạp, cái mặt đầy râu mép, cặp mắt nhìn hoang dại, và hàm răng lớn sắc bén. Thêm một đặc điểm là cái đuôi lông dài xoắn, nhiều vằn đen lớn và những đốm trắng vàng lợt ở quanh cổ họng.

Trong những khu rừng rậm rộng lớn, như các rừng tùng bách, bọn mèo rừng thường tìm chỗ trú ẩn ở những nơi vắng vẻ, hầu như không có người đi qua. Thực ra chúng ưa thích sinh sống ở những khu rừng nhiều đá tảng, vì đào hang dưới tảng đá xiêng có vẻ chắc chắn hơn. Ngoài ra chúng cũng thích chun vào ở những hang chồn hay những bộng cây lớn có sẵn. Ở những nơi thiếu các điều kiện đó chúng làm tổ trong bụi rậm bưng biền và trên lõm đất khô giữa đầm lầy hay chỗ nứt, kẽ hở của mô đất đá. Cũng khởi từ hoàng hôn, mèo rừng bắt đầu cuộc đi săn mồi. Được trang bị ngũ quan hảo hạng, lại quỷ quyệt, tinh quái, còn cẩn thận, bước đi êm ru, lẻn tới không ai hay và bền gan rình núp, mai phục, mèo rừng quả là rất nguy hiểm cho các con thú nhỏ và bậc trung, sống trong rừng và cả làng mạc ven rừng. Cặp mắt chúng rất tinh vào ban đêm, thường lóe lên, chói sáng xanh trong bóng tối lúc gặp ánh đèn, hay ngọn lửa, đánh hơi cũng bén nhạy và tai cũng nghe được những tiếng khe khẽ nhỏ nhứt, cho nên ít khi chúng nhảy vồ sai mục tiêu. So với tầm vóc, mèo rừng nói chung là nguy hiểm, lại thêm khát máu, chẳng những cần tiêu thụ nhiều mồi mà còn thích sát hại mấy giống thú nhỏ hơn. Nên từ nhân viên kiểm lâm đến các thợ săn đều không còn nghĩ đến lợi ích giết chuột của chúng nữa, mà chỉ thấy căm hận và săn đuổi chúng một cách không thương tiếc. Họ đã trưng ra chứng cớ hủy hoại thú rừng của giống thú có hại nầy: Trong bao tử của một con mèo rừng còn sót lại tới 26 xác chuột! Trong đống phân trước hang mèo rừng, họ đã gom lại và kiểm điểm ra các xương và lông các con cầy, cáo, chồn trắng, chồn hương, bọ, hà tế, thỏ, chuột cống, chuột đồng, chuột xạ, sóc và chim rừng.

Thời gian bắt cặp của mèo rừng rơi vào tháng hai, con cái mang thai khoảng 9 tuần, đến tháng tư đẻ con. Sau vài tháng khi các mèo con trưởng thành cũng là lúc bắt đầu mùa săn mèo rừng, vì các nhân viên kiểm lâm và thợ săn đều oán ghét loại mãnh thú gây hại nầy, nên họ rất nhiệt tình tham gia. Thông thường trong cuộc săn đuổi, họ bắn chết chúng luôn. Về mùa đông, họ còn thả bầy chó săn lùng sục và truy sát tới tận hang ổ của chúng và đặt bẫy, rồi giả tiếng chuột rút, tiếng chim kêu chiếp chiếp hay treo mồi chuột thơm hơi mỡ, để khuyến dụ chúng. Nhưng khi mắc bẫy, có thể bị thương, lâm vào thế kẹt, chúng trở nên rất nguy hiểm. Như chuyện nhân viên kiểm lâm kể lại:

Một anh thợ săn trẻ hí hửng mò lại gần con mèo rừng chỉ mới bị thương, còn thở hổn hển, miệng sùi bọt mép, vừa cúi xuống dùng mũi súng khều nó, thì con thú dữ nầy uốn cong mình lên cao, quất mạnh đuôi trong một thế tự vệ giận dữ vừa kêu rít lên và nhảy bổ vào người anh ta; mấy móng vuốt nhọn sắc của nó bấu chặt vào da thịt ở vùng ngực, mà người ta hầu như không thể nào tách nó ra được và vết thương rách da đứt thịt nặng như thế thật khó mà chữa trị! Mấy con chó săn cũng phải ngán sợ nó. Trước khi nó phát hiện ra người thợ săn đến, nó đã dám tự nguyện tuột từ trên cây xuống, một mình tả xông hữu đột giữa ba con chó lớn vóc hơn trong một cuộc chiến đáng ghê sợ. Con mèo rừng dữ tợn nầy đã quơ móng vuốt quào cấu, nhắm thẳng vào mắt mấy con chó và chỉ phòng vệ bằng cơn thịnh nộ bướng bỉnh đến điên dại, bao lâu mà nó còn một tia lửa trong đầu và một hơi sức sống trong thân. Như thế cuộc chiến trên dãy núi Jura, giữa Pháp và Thụy Sĩ, đã nghiêng chiến thắng về phía con mèo rừng đang nằm duỗi lưng ra, hàm răng vẫn đang cắn chặt hông một con chó cũng đang kiệt sức, còn 2 con kia đã bị loại ra khỏi vòng chiến với hai chân đã bị vết thương sâu và mõm bị quào rách - Một sự tự vệ để sống còn cực kỳ dũng cảm, thêm cách chiến đấu nhanh nhẹn vô cùng, và đồng thời với sự khôn ngoan vượt bực, con mãnh thú rừng xanh đã kháng cự hết sức mình với ba kẻ đối đầu lớn mạnh hơn mà chỉ bị mấy vết chó cắn có thể đề kháng được. Nhưng một phát súng mạnh bạo của người thợ săn vội vã chạy đến, đã khoan thủng xuyên qua con thú rừng bị xem là ác thú, để cứu nguy cho ba con thú nhà bị thương nặng.

Ngoài vài nét cá biệt, Linh miêu, Sơn miêu và Mèo rừng có nhiều đặc tính chung. Chúng cùng bị mọi người oán ghét vì gây nhiều tác hại và bị Nha kiểm lâm, giới thợ săn và cả những nhà chăn nuôi ở ven rừng xếp vào loại „Nhứt phá sơn lâm. Nhì đâm Hà Bá". Cho nên họ không còn nhớ đến công diệt chuột của chúng mà chỉ thấy chúng lạm sát quá nhiều thú vật và từ xưa họ đã chủ trương: „Sát nhứt miêu, cứu vạn thử". Hăng hái tiễu trừ chúng để cứu cả những thú vật hiền lành như nai, hoẵng, dê, trừu, chim muông... Thành ra đến nay không ai còn trông thấy chúng trong các khu rừng của nước Đức. Nhứt là Linh miêu thì hầu như bị tuyệt chủng, chỉ còn vài con lai vãng ở vùng biên giới phía các nước Bắc Âu. Bây giờ nếu ai còn muốn xem qua hình dạng chúng, coi chúng sinh sống như thế nào thì chỉ còn vào trong các sở thú hoặc đi viếng các Lâm viên quốc gia •

https://tieulun.hopto.org

Thiên Thời, Địa Lợi, Nhân Hòa

• **Thích Như Điển**

Đây là những từ ngữ mà ông bà ta vẫn thường hay dùng từ xa xưa cho đến nay, để nói lên một việc gì đó được thành tựu qua ba yếu tố là: Thiên, Địa, Nhân và điều không kém phần quan trọng đi kèm theo là thời hay thì hoặc cơ hội đúng lúc; lợi ở đây là lợi lạc cho mọi người, cho những người và muôn vật chung quanh mình. Còn hòa ở đây là hòa bình, an ổn, hòa hoãn, hòa thuận v.v...

Như vậy Nho gia cũng đã làm nổi bật được quan niệm của con người sống trong trời đất, phải thuận theo thiên nhiên, lợi lạc và an ổn giữa cuộc sống thế trần. Đây là quan niệm tương đối, khi con người đối diện với bao nỗi khó khăn, trăn trở khác trong cuộc đời nầy.

Còn Phật gia thì sao ? Dĩ nhiên Phật Pháp cũng không thể tồn tại ở ngoài thế gian pháp được. Do vậy trong chốn chùa chiền người ta hay dùng đến các từ ngữ như: phong điều, vũ thuận, quốc thái, dân an v.v... Mưa gió có điều hòa thì cỏ cây mới xanh tốt. Đất nước có thái bình thì nhân dân mới an lạc được. Muốn đất nước thái bình thì kẻ an bang tế thế, người cầm đầu quốc gia phải biết cách cai dân trị nước, lòng người mới an ổn. Khi con người được an ổn thì thế sự nhơn tâm được hòa thuận và nhờ vào ơn mưa móc của thiên nhiên mà ngay cả cỏ cây cũng nhuần thắm vậy.

Ở đây tôi muốn nhắc lại những điều cần nhắc, kẻo thời gian năm tháng trôi qua, chúng ta sẽ lãng quên theo dòng đời bị cuốn hút theo bụi mờ của thời gian; nên cần phải ghi lại những gì đã xảy ra trong thời gian gần một năm qua tại xứ Đức nầy.

Sau khi tham dự Đại Hội Về Nguồn lần thứ 3 tại Tu Viện An Lạc ở Ventura California Hoa Kỳ được tổ chức vào hạ tuần tháng 9 năm 2009, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu đăng cai tổ chức ngày Lễ Hiệp Kỵ Chư Lịch Đại Tổ Sư (Về Nguồn IV) và nước Đức lãnh phần kỹ thuật tổ chức. Thế là mọi mũi dùi đều nhắm vào nhiều Thầy, trong đó có cá nhân chúng tôi. Tuy nhiên tôi vẫn nghĩ rằng: Chẳng có gì sai trái để mình phải thối thác, từ nan nhiệm vụ của Giáo Hội đã giao phó cả; nên công việc cứ vẫn tiến hành.

Tôi lên chương trình và trình lên Hòa Thượng Chủ Tịch Thích Minh Tâm để xin ý kiến. Hòa Thượng đồng ý và dự định tổ chức Lễ Hiệp Kỵ Chư Lịch Đại Tổ Sư tại Chùa Viên Giác Hannover Đức Quốc từ ngày 3 đến ngày 6 tháng 9 năm 2010. Sau khi quý Thầy ở các nước khác nhận được tin trên trang nhà Viên Giác về Chương Trình Phật Sự năm 2010 mới lấy làm lo. Vì lẽ cận sau Lễ Vu Lan chỉ 10 ngày, quý Thầy sẽ không sắp xếp về tham dự được. Do vậy chỉ còn cách là sắp vào chương trình của Tu Viện Viên Đức tại Ravensburg mà thôi. Đây là chương trình tu học hằng năm của quý Phật Tử và Lễ Vu Lan của Tu Viện. Sau đó tôi đã đổi thời gian lại từ 16 đến ngày 19 tháng 9 năm 2010 tại miền Nam nước Đức, thay vì tổ chức tại Hannover. Đã có nhiều Thầy, Cô lo lắng về việc nầy; nhưng tôi vẫn âm thầm cho xúc tiến mọi điều cần thiết trước. Chỉ cho những người nào cần biết và đại đa số thì chưa thông báo cho đại chúng.

Từ Tết Canh Dần cho đến Rằm Tháng Giêng năm nay tại chùa Viên Giác Hannover có khoảng 17.000 người đi lễ. Vì mỗi Phật Tử đi chùa, tôi có phát cho họ một hồng bao; nên biết được số người đến dự. Trong khoảng 2 tuần lễ ấy có những tờ truyền đơn in theo lối nặc danh, kêu gọi mọi người tẩy chay Đại Hội Về Nguồn IV sắp được tổ chức trong tháng 9 năm 2010. Họ là ai, chẳng ai biết được. Vì họ chờ lúc không có người, họ mới dán lên tường, bỏ vào thùng phước sương v.v... Rồi đến ngày Lễ Phật Đản và Lễ Vu Lan năm nay cũng thế. Có những tờ giấy in thật nhỏ và dán nhiều nơi như tại cầu tiêu, ngoài cổng Tam Quan v.v... với chủ ý kêu gọi mọi người đừng cúng dường chùa và tẩy chay Về Nguồn IV. Tuy thế Lễ Phật Đản đã có 8.000 người về tham dự trong 3 ngày và Lễ Vu Lan đã có khoảng 7.000 người, mà 2 phần 3 là giới trẻ. Tôi nhìn họ mà cảm thấy vui. Vì trong 20 đến 30 năm nữa chùa chiền vẫn còn được thế hệ nầy và con cái của họ tiếp tục duy trì giữ gìn nếp sống Đạo.

Được một cái rất may là tôi không biết mở và vào Internet; nên những chuyện thị phi nhơn ngãi tôi không bận tâm. Vì những nguồn thông tin mà đến được tai, mắt tôi, đều là những nguồn thông tin đã được chọn lọc. Tôi chỉ nghe chuyền miệng bên ngoài mà thôi. Nhưng đó không phải là điều để chính mình phải lo lắng.

Sau khi lá thư thứ nhất, lá thư thứ 2 và kế tiếp là lá thư thứ 3 của Hòa Thượng Thích Minh Tâm gởi đi thì có rất nhiều thuận lợi. Vì nhiều người đã hiểu ra sự thật khá nhiều; nhất là bài "Lý sự bất dung thông" của Thích Tâm Không đã nói rất rõ và rất đúng với tâm trạng của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Liên Châu; nên mọi người đã âm thầm ủng hộ bằng cách là về Ravensburg để hỗ trợ chư Tôn Đức trong Giáo Hội.

Giữa tháng 6 năm 2010 tôi đã gởi lá thư mời chính thức đến chư Tôn Đức tại Úc, Canada và Hoa Kỳ. Riêng Châu Âu đến tháng 8 chúng tôi mới gởi. Vì lẽ tại châu lục nầy mọi người đã biết rõ thông tin rồi. Ngay cả thư gởi Hòa Thượng Thích Hộ Giác, Hòa Thượng Thích Chánh Lạc, Thượng Tọa Thích Viên Lý, Thượng Tọa Thích Giác Đẳng, ông Võ Văn Ái v.v...

https://tieulun.hopto.org

chúng tôi cũng đã trịnh trọng có những thư mời riêng; nhưng không được phúc đáp. Chỉ có Hòa Thượng Thượng Thủ Thích Tâm Châu đã có thư chúc mừng và cáo lỗi không đến tham dự dược, vì nhiều Phật sự khác.

Tôi dự định nhiều lắm là 100 chư Tăng Ni tham dự và ban đầu không dự định mời Phật Tử đông đảo. Chỉ mời vào ngày khai và bế mạc Đại Hội thôi; nhưng theo Hòa Thượng Chủ Tịch cứ nên động viên Phật Tử miền Nam nước Đức về tham dự cho đông đảo.

Mọi khâu chuẩn bị từ tài chánh cho đến nhân sự và tổ chức được hoàn mãn thì Thầy trò chúng tôi từ Hannover kéo nhau về Viên Đức trước đó một tuần lễ để lo cho mọi công việc sẽ được diễn ra tại đây cho được thuận lợi. Từ việc trai soạn đã có những anh chị đầu bếp cừ khôi của các chùa trên nước Đức về hỗ trợ; đến khâu trang trí đã có Thượng Tọa Thích Nguyên Lộc và một vài nữ Phật Tử Diệu Lý, Thiện Hạnh trổ tài. Phần cúng dường trai phạn cho chư Tăng Ni trong 4 ngày Đại Hội đã có các chùa Bảo Quang, Tam Bảo, Linh Thứu, Liên Trì, Viên Đức và Viên Giác lo. Phần trai tăng cũng đã chuẩn bị chu đáo ngay từ những ngày đầu.

Từ những ngày 13 đến ngày 15 tháng 9 năm 2010 trời lúc nào cũng mưa rả rích và mây đen vần vũ khắp cả bầu trời. Tôi đang lo lắng thì các anh em tại địa phương cho biết rằng: ngày thứ tư trời nắng, thứ năm trời mưa, thứ sáu, thứ bảy âm u và mây, gió, Chủ nhật ngày chính lễ nhằm ngày 19 tháng 9 trời sẽ mưa. Nghe toàn là những tin chẳng vui; nên tôi bảo: "Hãy cứ cầu nguyện, thế nào rồi mây sẽ trôi theo hướng khác". Tuy nói vậy chứ lễ đài lộ thiên phải mang vào gần sát Tổ Đường; nếu có mưa lớn, còn chạy vào trong núp được; chứ lễ đài lộ thiên không thể làm ngoài sân cỏ được. Đây là dự báo thời tiết của cơ quan khí tượng thuộc vùng Bodensee.

Ngày thứ tư 15 tháng 9 năm 2010 tôi phải đi Genève từ Ravensburg bằng xe hơi để tham dự lễ cầu nguyện và đưa Thỉnh Nguyện Thư cho Cao Ủy Tỵ Nạn Liên Hiệp Quốc. Bên Hoa Kỳ có Hòa Thượng Thích Nguyên Trí, Sư Cô Thích Nữ Đức Thường và phóng viên Cổ Ngưu của tờ Việt Báo. Tại Âu Châu có ông Lai Thế Hùng và một vị cựu Thẩm Phán cũng như một số đồng hương Việt Nam khác.

Gặp Cao Ủy Tỵ Nạn Liên Hiệp Quốc cùng với Linh Mục Đinh Xuân Minh để nhờ họ can thiệp cho những người Việt Nam mới đến Thái Lan tỵ nạn. Đến Ủy Ban Tranh Đấu cho nhân quyền để trình bày về vấn đề tự do tôn giáo tại Việt Nam cũng như phục hoạt lại Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất trong nước như Đại Lão Hòa Thượng Thích Quảng Độ đã chủ trương.

Thời tiết ngày hôm ấy theo dự báo là mưa suốt ngày; nhưng khi qua phà Bodensee để đi Konstanz, trời mỗi lúc một sáng thêm. Khi đến Genève thì trời rất tốt và ánh thái dương chiếu sáng khắp bầu trời Genève suốt ngày hôm ấy. Kết quả của một ngày làm việc với cơ quan công quyền của Liên Hiệp Quốc thật là tốt đẹp. Trước đó chúng tôi có một buổi lễ cầu nguyện trước trụ sở Liên Hiệp Quốc; nơi công lý tượng trưng cho chiếc ghế chỉ còn 3 chân.

Về lại Tu Viện Viên Đức đã vào đêm. Một số quý Hòa Thượng từ Hoa Kỳ đã đến. Sang ngày 16 tháng 9 suốt ngày khách Tăng từ các phương xa đến và cuối cùng chờ chuyến xe Bus của Hòa Thượng Thích Minh Tâm đến. Vào lúc 21 giờ đêm ngày 16 tháng 9 năm 2010 Thượng Tọa Thích Thông Trí đã tác bạch để làm lễ cung an chức sự. Ngày nầy trời chỉ âm u thôi chứ không mưa, như thời tiết đã dự đoán.

Đến sáng ngày 17 tháng 9 năm 2010 là ngày khai mạc. Đây là những giờ phút quan trọng; trời bỗng nhiên yên ắng lạ thường; ánh thái dương bắt đầu xuất hiện. Buổi chiều cùng ngày Hòa Thượng Chủ Tịch đã trình bày về hiện tình Phật Giáo Việt Nam ở trong và ngoài nước và tối đó thay vì nghe Thượng Tọa Thích Quảng Ba thuyết trình về Vạn Hạnh Thiền Sư thì toàn thể Hội Chúng đã tham dự Đại Hội Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Liên Châu. Lần hội nầy có 2 việc quan trọng đã được Đại Hội thông qua. Đó là Chủ Tịch Điều Hợp Liên Châu trong vòng 2 năm tới (2011-2013) do Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Úc Đại Lợi & Tân Tây Lan đảm trách. Lễ Hiệp Kỵ Chư Lịch Đại Tổ Sư (Về Nguồn V) sẽ do Chùa Thiện Minh tại Lyon, Pháp Quốc; nơi Hòa Thượng Thích Tánh Thiệt làm Viện Chủ sẽ đứng ra tổ chức với sự bảo trợ của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu. Một ngày hội thảo đã qua trong an lạc.

	Thứ tư	**Thứ năm**	**Thứ sáu**	**Thứ Bảy**	**Chủ nhật**
	15.9.10	16.9.10	17.9.10	18.9.10	19.9.10
	Đi Genève	Vân tập	Khai mạc	Hội thảo	Lễ Hiệp Kỵ & Lễ Vu Lan
Sáng	nắng/13°	mưa/12°	mưa/12°	nắng/mây 9°	mưa đến 8giờ/ 11
Trưa	mưa/17°	mưa/15°	nắng/mây/14°	nắng/mây/14°	nắng/mây/16°
Chiều	mưa/18°	mưa/17°	nắng/mây/17°	2giờ/mưa/17°	mưa/16°
Tối	mưa/14°	mưa/15°	mây/13°	mưa/14°	mưa/14°

Suốt cả ngày thứ bảy 18 tháng 9 năm 2010 đã có hơn 500 Phật Tử từ khắp các nơi về tham dự Lễ Kỵ Tổ cùng với hơn 100 chư Tôn Đức Tăng Ni từ Úc Đại Lợi, Canada, Hoa Kỳ và Âu Châu cùng tham dự nhiều Phân Ban khác nhau trong ngày nầy. Sáng ngày 18 tháng 9 có 4 Phân Ban họp cùng một lúc. Đó là Phân Ban thuyết trình về đề tài Tổ Sư Liễu Quán được tổ chức tại chánh điện, do Hòa Thượng Thích Tín Nghĩa và Hòa Thượng Thích Nguyên Siêu đảm trách. Đặc biệt trong phần thảo luận đề tài "Chánh Giáo Phân Ly" được trao đổi rất sôi nổi. Nơi lều bên ngoài có 2 Phân Ban. Lều nhỏ là nơi họp của Hội Phật Tử Việt Nam Tỵ Nạn tại Cộng Hòa Liên Bang Đức do Đại Đức Thích

https://tieulun.hopto.org

Hạnh Giới chủ trì. Kết quả là một bản "Kiến Nghị Thư" với chữ ký của mấy chục Chi Hội và Gia Đình Phật Tử Việt Nam tại Đức tán thành cũng như hỗ trợ lập trường và đường lối của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu.

Hòa Thượng Thích Bảo Lạc đến từ Úc Châu đã giảng pháp cho hơn 150 Phật Tử trong căn lều lớn trong vòng 2 tiếng đồng hồ thật thân mật và ấm cúng. Đồng thời nơi trai đường của Tu Viện hơn 50 chư Ni đã ngồi lại với nhau để tâm tình và chia xẻ kinh nghiệm hành đạo của Ni giới tại xứ người, mà kết quả của các khoáng đại và các Phân Ban đã được Hòa Thượng Chủ Tịch tóm lược trong ngày bế mạc về "thành quả của Đại Hội".

Buổi chiều ngày 18 tháng 9 năm 2010 tại chánhh điện có cuộc hội thảo về Minh Hải Tổ Sư, người khai sơn Thiền Phái Lâm Tế Chúc Thánh do Thượng Tọa Thích Hạnh Tuấn thuyết trình. Nội dung được đưa ra hội luận; nhất là sự truyền thừa của các dòng kệ thuộc các Tông Phái của Liễu Quán cũng đã được đề cập đến. Tại lều lớn Hòa Thượng Thích Tín Nghĩa đã giảng pháp cho hơn 200 Phật Tử nghe. Tất cả đều hoan hỷ.

Đêm thứ bảy thay vì họp khoáng đại 5, là một đêm tâm tình thật là ý vị. Những bài thơ, nhạc, kể chuyện v.v... đã mang lại cho mọi người một sự sưởi ấm nội tâm, thật là hữu ích. Gần 2 tiếng đồng hồ mọi người ngồi dưới ánh nến lung linh để chiêm nghiệm và thưởng thức những câu hò điệu hát ấy của những ngày Đại Hội.

Ngày chủ nhật 19 tháng 9 năm 2010 là ngày quan trọng nhất. Vì đây là chủ đề của Đại Hội. Ngày Hiệp Kỵ Chư Lịch Đại Tổ Sư hay còn gọi là Về Nguồn IV cũng như ngày Đại Lễ Vu Lan Báo Hiếu của Tu Viện Viên Đức.

Theo dự báo thời tiết, chỉ có buổi sáng trời nắng có mây và nhiệt độ là 14 độ. Nhưng suốt ngày ấy chẳng mưa và nhiệt độ là 20 độ. Đoàn lân dẫn đầu với vị Chủ Sám, rồi thì bê, tích trượng, lọng cũng như 2 kiệu Long Vị Tổ Sư và chân dung của Hòa Thượng Thích Quảng Đức đã được Chư Tôn Thượng Tọa, Đại Đức Tăng cung nghinh thật trang nghiêm và thành kính. Kế tiếp đó là 4 vị Hòa Thượng đại diện cho các Châu Lục. Tiếp theo là 100 vị Tăng Ni giáo phẩm của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Liên Châu và sau cùng là 1.000 đồng hương Phật Tử đến từ Thụy Sĩ, Áo, Pháp, Đức, Hòa Lan, Đan Mạch cũng như các nước khác tại Âu Châu. Trước đó tại chánh điện đã cử hành Lễ Vu Lan, tổng kết trong 3 ngày Đại Hội, phát biểu cảm tưởng của Chư Tăng và diễn văn bế mạc của chúng tôi.

Lễ đài làm hỏa tốc trong 2 ngày do Thượng Tọa Thích Nguyên Lộc trông coi; rất đẹp và vững chắc. Đêm trước đó các anh em trong GĐPT Chánh Dũng đã trình diễn văn nghệ trong vòng một tiếng đồng hồ cũng tại lễ đài nầy.

"Tâm Nguyện của Tăng Ni Việt Nam Hải Ngoại" đã được đọc bởi Hòa Thượng Chủ Tịch Thích Minh Tâm đại diện cho hằng trăm Tăng Ni và ngàn Phật Tử trước Long Vị Chư Tổ và hình ảnh Thánh Tử Đạo. Bồ Tát Thích Quảng Đức đã làm cho nhiều người thổn thức, lắng đọng tâm tư và cũng đã có nhiều người nhỏ lệ. Đây cũng giống như lúc Hòa Thượng Thích Tánh Thiệt đại diện cho Tăng Ni đọc 7 pháp bất thối trong lễ khai mạc cũng đã làm cho nhiều người lắng sâu lòng mình về với thời gian cách đây hơn 2.500 năm trước mà Đức Phật đã huấn dụ cho Tăng Đoàn như vậy và hôm nay đây được trang trọng nghe lại tại chánh điện Tu Viện Viên Đức, thuộc miền Nam nước Đức nầy.

Sau cùng là lễ cúng Tổ và trao Long Vị cho Hòa Thượng Thích Tánh Thiệt cũng như lễ cúng vong và lễ cúng dường trai tăng nhân 3 ngày Đại Hội đã thành công viên mãn.

Nói về ***thiên thời*** thì tâm chúng ta đã chuyển được hoàn cảnh chung quanh; nên suốt 3 ngày Đại Hội trôi qua không có một giọt mưa nào mà toàn là nắng ấm.

Còn ***địa lợi*** thì phải nói đây là điều khó diễn tả hết được. Vì cảnh trí của Bodensee cách chùa không xa, cũng như chung quanh Tu Viện toàn là những vườn cây ăn trái như: táo, lê, mận, đào, bắp v.v... mới nhìn đã thấy thích thú rồi. Khi dời địa điểm về vùng nầy, riêng tôi đoan chắc là chư Tăng Ni sẽ thích. Vì lẽ hằng ngày đa phần chúng ta đã sống nơi phố thị ồn ào. Còn khi về đây Đại Hội, các Ngài đã được thư giãn, có thời gian và khung cảnh để nhìn ngắm trời, trăng, mây, nước và cảnh vật chung quanh. Nên cuối cùng chẳng có một vị nào chê là cảnh vật đồng quê cả, mà ai cũng mong có lại một ngày về thăm Tu Viện.

Còn ***nhân hòa*** thì khỏi phải bàn đến. Vì "nước loạn mới biết tôi trung; nhà nghèo mới hay con thảo". Dầu dưới hình thức nào đi nữa thì Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Liên Châu vẫn trung thành với bản Hiến Chương của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất đã được ban hành từ năm 1964 ở trong nước. Nay dưới sự lãnh đạo của Hòa Thượng Thích Quảng Độ, các Giáo Hội nầy vẫn hỗ trợ Ngài bằng nhiều hình thức khác nhau trên bình diện của bang giao quốc tế.

Qua 4 kỳ Về Nguồn. Lần thứ nhất tổ chức vào tháng 8 năm 2007 tại chùa Pháp Vân, Toronto, Canada có 96 Tăng Ni tham dự. Lần thứ 2 tổ chức vào tháng 9 năm 2008 tại chùa Bát Nhã thuộc miền Nam California, Hoa Kỳ có 200 Tăng Ni tham dự. Lần thứ 3 tổ chức tại Tu Viện An Lạc Ventura, California, Hoa Kỳ vào tháng 9 năm 2009 có 150 Tăng Ni và hằng ngàn Phật Tử tham dự và lần thứ 4 nầy tổ chức tại Tu Viện Viên Đức Ravensburg Đức Quốc có 120 Tăng Ni và khoảng 1.000 Phật Tử tham dự. Nhưng phải nói trong lần nầy nội dung thảo luận sâu sắc hơn; sự cảm thông giữa chư Tăng với chư Tăng, giữa chư Ni với chư Ni càng ngày càng gần gũi với nhau hơn và chia xẻ những khó khăn với nhau nhiều hơn nữa.

Đặc biệt trong lần nầy 2 MC, Đại Đức Thích Pháp Quang đến từ Đan Mạch và Đại Đức Thích Hạnh Giới quyền Trụ trì chùa Viên Giác Hannover đã rất chững chạc trong nhiệm vụ xướng ngôn viên của mình, thông tin đến đại chúng chương trình lễ cũng như

https://tieulun.hopto.org

những tin tức khác, cũng giống như đã MC cho Khóa Tu Học Phật Pháp Âu Châu kỳ thứ 22 vừa qua tại Neuss đã thành công viên mãn.

Đặc biệt hơn nữa trong lần nầy là chư Tăng, Ni trẻ đã phát nguyện dấn thân nhiều hơn nữa, để nối tiếp những bước chân mà chư Tôn Đức Trưởng Lão trong Giáo Hội đã dấn thân từ bấy lâu nay cho Quê Hương cũng như Đạo Pháp. Những giọt nước mắt mừng vui; những cái nhìn cảm thông và hiểu biết là thành quả của lòng người đã hòa nhau trong tinh thần lục hòa để giữ gìn con đường truyền thống của Đạo Phật; mà chư Tổ trong quá khứ đã dày công dựng đắp cũng như tô bồi, mới có được ngày hôm nay.

Trên đây là những sự thật; nhưng có lẽ cũng sẽ có nhiều người chưa vừa lòng và sẽ có tiếng nọ lời qua; nhưng bao giờ cũng vậy "trăm nghe không bằng mắt thấy". Xin nhắn với ai đó còn nghi ngờ hay bán tín bán nghi thì sang năm 2011 hãy đến chùa Thiện Minh tại Lyon, Pháp Quốc để tham gia ngày Kỵ Tổ và Về Nguồn V thì sẽ rõ được ngọn ngành nhiều hơn nữa.

Thiên, Địa, Nhân hay Thiên Thời, Địa Lợi, Nhân Hòa đã được điểm qua và hy vọng rằng: phong điều, vũ thuận, quốc thái, dân an sẽ được mở vòng đai lớn xa hơn nữa về tận nơi quê hương. Cầu cho không còn chủ nghĩa độc tôn của cộng sản ngự trị trên quê hương chúng ta nữa, mà "chánh giáo phải phân ly". Có như thế Phật Giáo nói riêng hay Tôn Giáo nói chung mới giữ đúng vao trò lãnh đạo tâm linh của mình đối với đồng bào Phật Tử.

Mong rằng nhà nước Cộng sản Việt Nam không dùng cánh tay nối dài của mình để làm lủng đoạn nội bộ của tôn giáo qua Ban Tôn Giáo của chính phủ trong hiện tại. Khi mà Ban Tôn Giáo nầy thực hiên những hành động "ném đá giấu tay" và đổ trách nhiệm cho người khác, để "gà nhà bôi mặt đá nhau" thì "ngư ông sẽ thủ lợi". Trò đời mà đem ứng dụng vào Đạo thì chắc khó thành công. Vì lẽ "mà mắt người" thì được. Chứ "mà mắt Thánh" thì làm sao qua khỏi sự trừng phạt của chư vị Long Thần Hộ Pháp và của chư Thiên.

Mong rằng những Người Việt Tự Do ở khắp năm châu đừng lầm sự tự tạo hay vu cáo, vốn là ngón nghề của những thế lực vô minh, trong đó có Cộng Sản Việt Nam, nhằm chia rẽ cộng động tỵ nạn của chúng ta đang sống trên các nước tự do dân chủ nầy. Chỉ có tự do mới giải phóng được những sự đàn áp tự do mà thôi, trong đó có cả tự do tôn giáo cho quê hương đất nước của mình.

Xin đừng nghe theo sự tuyên truyền mà nghi ngờ lẫn nhau rồi chia cách nhau. Đây chỉ là chiêu bài của những thế lực muốn chia xẻ chúng ta ra từng mảnh nhỏ để dễ bề làm yếu đi tinh thần đấu tranh của chúng ta mà thôi. Xin quý vị đừng lầm và nên nhớ rằng: Chúng ta không hận thù ai hết, chúng ta chỉ muốn làm sáng tỏ vấn đề cho mọi người cùng biết. Ấy cũng là nhiệm vụ của những người muốn "gạn đục khơi trong" vậy.

Viết tại Tu Viện Viên Đức
nhân ngày lập thu năm 2010

Điệp Khúc Giao Mùa

Tháng mấy giao mùa hoa tường vi nở
Em từ đồi cỏ bước xuống vườn trăng
Mùa lúa đòng đòng con đường phượng nở
Tôi đưa em về lối mận trăm năm

Tôi đưa em về nửa phần thế kỷ
Từ đêm trăng đầu mình mới quen nhau
Còn nửa phần sau đường tình trân quí
Hai đứa ra biển gầy mộng kiếp sau

Rồi người đi đâu hoa cũng đi theo
Như cả rừng thu rực dốc đèo
Trên lối cầu ngang về núi thấp
Em áo lụa bay hoa rụng theo!

Người đi đâu hoa cũng đi theo
Dù mưa có ướt tóc thật nhiều
Dù em có khóc như mưa khóc
Trăng sẽ dỗ dành em cũng xiêu!

Tôi thấy được không phải mùa xuân
Mà trong thức trắng hạnh phúc gần
Từng điều tôi nói, em cũng nói
Cố giữ gìn nhau trọn kiếp trần.

• **Nghiêu Minh**

https://tieulun.hopto.org

Nhận thức về một số suy luận Văn hóa

*** Phan Hưng Nhơn**

Ngày nay dân tộc Việt Nam đã được các nhà khảo cổ học, nhân chủng học, ngôn ngữ học công nhận là ***Một trong những dân tộc có nguồn gốc xưa nhất của hoàn cầu***. Tất nhiên một dân tộc có được một nguồn gốc lâu đời như thế tất phải có một nền văn hóa đặc thù của mình. Dầu dưới thời Bắc thuộc có bị áp đặt văn hóa ngoại lai đi nữa dân tộc Việt Nam nhờ lâu đời cư trú ở bản địa, đã tạo cho mình một sức sống mãnh liệt dẻo dai, vẫn bảo vệ được tiếng nói, lối sống và tập tục của dân tộc.

Thỉnh thoảng trên báo chí Việt ngữ cũng có đăng nhiều bài suy luận về văn hóa Việt Nam. Rất tiếc có một vài tác giả không rõ còn chịu nặng ảnh hưởng của Hán Nho hay sao mà trong bài của các vị đó từ ngôn ngữ, tập tục, lễ lạc Việt Nam đều từ gốc Hán cả.

Hàng năm vào độ Xuân về, trên một số báo chí hải ngoại thường có những bài nói về ngày Tết. Có những bài kể rằng dân tộc Việt Nam có cả hàng CHỤC TẾT CỔ TRUYỀN: nào là Tết Táo Quân, Tết Nguyên Đán, Tết Khai Hạ, Tết Thượng Nguyên, Tết Thanh Minh, Tết Đoan Ngọ, Tết Trung Nguyên, Tết Trung Thu, Tết Hạ Nguyên v.v...

Có những bài nói về ý nghĩa và nguồn gốc của từ Tết của Việt ngữ là do từ Hán TIẾT mà ra. Đây là một sai lầm. Từ TIẾT của Trung Hoa có nghĩa là „Lễ", hoặc đoạn thời gian theo khí hậu trong năm mà chia ra. Khi người Trung Hoa nói TIẾT NHẬT thì dịch ra Việt ngữ chỉ có nghĩa là NGÀY LỄ mà thôi. Do đó nếu người Trung Hoa nói Hàn Thực Tiết, Thanh Minh Tiết, Đoan Ngọ Tiết, Trung Thu Tiết v.v... thì dịch ra Việt ngữ chỉ là Lễ Hàn Thực, Lễ Thanh Minh, Lễ Đoan Ngọ, Lễ Trung Thu, chớ không thể dịch ra Tết Hàn Thực, Tết Thanh Minh, Tết Trung Nguyên được vì dân tộc Việt Nam mỗi năm chỉ có một TẾT mà thôi.

Nên lưu ý khi nghe ai đó nói *„Tết nhất sắp đến nơi rồi"*, thì mọi người Việt Nam đều nghĩ đến NGÀY ĐẦU NĂM âm lịch sắp đến chớ có ai nghĩ đến Đoan Ngọ, Vu Lan hay Trung Nguyên đâu? Vả lại trước lễ Hàn Thực, Đoan Ngọ, Vu Lan không bao giờ người Việt nói như vậy cả.

Trong dân gian Việt Nam thường có tục ngữ: "NĂM HẾT, TẾT ĐẾN" thì rõ ràng là dân gian Việt Nam đã xác nhận *„ngày TẾT là ngày kế tiếp ngày cuối cùng của năm cũ vừa qua và cũng là NGÀY ĐẦU CỦA NĂM MỚI tới"*.

Một bằng chứng nữa để chứng tỏ từ TẾT có nghĩa là NGÀY ĐẦU NĂM mới là thời kỳ hôn lễ, việc nhà trai tặng quà cho nhà gái chỉ diễn ra vào ngày đầu năm trong thời gian chưa tổ chức lễ cưới được người Việt Nam mình gọi là SÊU TẾT, chớ việc tặng quà vào các dịp như Đoan Ngọ, Trung Thu đâu có thể được gọi là Sêu Tết.

Như thế từ TẾT được người Việt Nam dùng để chỉ NGÀY ĐẦU NĂM MỚI, một ngày vui mừng đầy hoan hỉ.

Ở Trung Hoa, Chuyên Húc gọi tháng Giêng âm lịch là NGUYÊN và ngày mồng 1 tháng Giêng là ĐÁN. Đến đời nhà Thương và sau đó đến thời nhà Chu ngày đó được thay đổi nhưng đến đời nhà Hán, Hán Vũ Đế qui định dứt khoát trở lại vào ngày mồng 1 tháng Giêng âm lịch. Từ đó NGUYÊN ĐÁN vẫn có nghĩa là NGÀY ĐẦU NĂM MỚI.

Do có định nghĩa như vậy nên từ TẾT của Việt ngữ tương đương với từ NGUYÊN ĐÁN của Hán ngữ vì cả hai từ đều cùng có nghĩa là NGÀY ĐẦU NĂM.

Người Việt Nam có thể nói Tết Bính Tuất, Tết Mậu Thân, Tết Bính Dần v.v... chớ không nên nói TẾT NGUYÊN ĐÁN vì các từ TẾT và NGUYÊN ĐÁN đều cùng có nghĩa 1 NGÀY ĐẦU NĂM.

Nói tóm lại mọi Tiết Nhật của Trung Hoa đều chỉ được dịch ra Việt ngữ là LỄ hay NGÀY LỄ (ví dụ như Lễ Thất Tịch, Lễ Diên Thượng v.v...) hoặc giữ nguyên chữ Tiết (ví dụ Tiết Thanh Minh) hoặc thêm vào chữ Hội (vì dụ Hội Đạp Thanh), chớ không thể sử dụng từ TẾT được vì từ TẾT không có nghĩa là LỄ.

Trên các báo Việt ngữ nghiêm chỉnh từ TẾT luôn luôn được viết hoa (ngày Tết) chớ không viết chữ thường (ngày tết), vì TẾT là một danh từ riêng để chỉ một ngày nhất định chớ không phải là một danh từ chung.

Có người nói rằng nếu có ai thường dùng từ TẾT thay vào từ LỄ (ví dụ Tết Đoan Ngọ, Tết Trung Thu...) thì đó là do sự hiểu lầm ý nghĩa của từ TẾT, rồi sự hiểu lầm đó tạo ra thói quen, thói quen là mờ lạt sự sáng suốt của lý trí, thế rồi lần hồi họ lẫn lộn chữ nọ với chữ kia, cứ thế mà bị lôi cuốn vào cơn lốc từ ngữ khó lòng chống lại... Trên sách báo ngày nay thỉnh thoảng cũng có đôi người vô tình viết TẾT NGUYÊN ĐÁN cũng như họ từng vô tình gọi lối viết chữ hiện đại sử dụng mẫu tự La Mã để phiên âm tiếng Việt là CHỮ QUỐC NGỮ. Ai cũng biết dùng danh xưng CHỮ QUỐC NGỮ để đặt tên cho lối viết này kể ra không được đúng lắm vì QUỐC NGỮ là TIẾNG NÓI CỦA NƯỚC, mà đây là một loại CHỮ chớ không phải là một thứ TIẾNG. Nhưng việc sử dụng sai từ ngữ ấy từ lúc đầu ít ai lưu ý nay với thời gian dài đã được quen rồi nên cũng chẳng có ai buồn thay đổi.

Vậy từ TẾT của người Việt Nam gốc từ đâu ?

Theo nhiều bô lão giải thích: từ TẾT là do biến âm của từ TÉT mà ra. NGÀY ĐẦU NĂM mà ngày xưa lang TÉT SEO đã dâng bánh cho vua Hùng để cúng Tổ Tiên và sau đó được vua cha nhường ngôi, từng được dân chúng thời đó vui mừng gọi là NGÀY CỦA TÉT SAO (danh xưng Tét Seo thuộc cổ ngữ Việt-Mường mà về sau các nho gia phiên âm theo Hán ngữ thành Tiết Liêu). Dần dần theo thời gian danh xưng NGÀY CỦA TÉT SEO được thu gọn thành NGÀY CỦA TÉT và cuối cùng thành NGÀY TÉT. Đến thế kỷ XVII, với sự xuất hiện của „chữ quốc ngữ" từ TÉT được viết thành TẾT.

https://tieulun.hopto.org

Cũng nên nhớ rằng từ NGUYÊN ĐÁN chỉ được giới „chữ nghĩa" sử dụng, còn trong dân gian Việt Nam chỉ biết chữ NĂM MỚI. Ngay chữ NĂM này, giới Nho gia Việt nói rằng do từ NIÊN của Hán tự mà ra, trong khi giới ngôn ngữ học nói rằng đó chỉ là một ngộ nhận vì tự dạng chớ thật sự hình thức cổ xưa là NAM gốc từ Th'Nam của ngôn ngữ Nam Á. Hiện nay ở các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi còn nhiều vùng còn thông dụng nhiều từ cổ. Dân chúng ở đó còn nói NAM thay vì NĂM. Vả lại ở Trung Hoa ngày xưa các thời đại không thống nhất với nhau về cách gọi về Năm. Nhà Thương thì gọi là Tự, nhà Hạ thì gọi là Tuệ, nhà Chu thì gọi là Niên, nhà Đường Ngu thì gọi là Tãi. Nhưng thời nhà Chu không hề có sự tiếp xúc với Việt Nam nên từ Năm không thể do từ Niên mà ra.

Như vậy ở Việt Nam chỉ có MỘT NGÀY TẾT đó là NGÀY ĐẦU NĂM. Ngoài ra trong năm còn có nhiều lễ, hội. Những Lễ, Hội đó không thể được gọi là TẾT được. Do đó người Việt Nam chỉ có thể nói Lễ Hàn Thực, Lễ Thanh Minh, Lễ Vu Lan v.v... nhất là những ngày đó là ngày buồn tưởng niệm và cũng chẳng phải là ngày đầu năm trong khi từ TẾT chỉ có nghĩa là NGÀY VUI ĐẦU NĂM.

Hiện nay có nhiều bài báo kêu gọi người Việt Nam ở hải ngoại nên bảo tồn văn hóa nước nhà nhưng lại không nói rõ cho giới trẻ biết Văn Hóa Việt Nam đặc thù có những gì cần được bảo tồn. Mâu thuẫn ở điểm là các ngày lễ hội được họ gọi là NHỮNG TẾT CỔ TRUYỀN VIỆT NAM nhưng khi giải thích về nguồn gốc các lễ hội đó lại nói gốc tích từ Trung Hoa cả. Như thế sao có thể gọi là Cổ Truyền của Việt Nam được. Nhiều khi hai nước có thể có những ngày lễ trùng ngày với nhau nhưng vẫn có nguồn gốc khác nhau: như lễ Trùng Ngũ của Trung Hoa với lễ Đoan Ngọ mùng 5 tháng 5 của Việt Nam hay lễ Trung Thu của Trung Hoa với Hội mùa Thu hay Hội Rằm Tháng Tám của Việt Nam chẳng hạn mà về nguồn gốc, tính chất đều hoàn toàn khác biệt nhau.

Còn trường hợp lễ Hàn Thực chỉ là ngày giỗ của Giới Tử Thôi, một trung thần của vua Tần đời Xuân Thu bên Tàu, đâu có liên quan gì đến Việt Nam cả thì sao lại có thể gọi là Tết Cổ Truyền Việt Nam được, nên loại đi là đúng hơn. Bảo tồn ngày lễ đó chẳng khác gì ngày nay đã thoát khỏi ách thống trị của thực dân Pháp mà còn bảo tồn các Lễ 14 tháng 7 hoặc lễ Jeanne d'Arc v.v...

Nói tóm lại dân tộc Việt Nam CHỈ CÓ MỘT CÁI TẾT vào NGÀY ĐẦU MỖI NĂM (tức là Nguyên Đán). Ngoài ra trong năm dân tộc Việt Nam còn có nhiều ngày Lễ, Hội, chớ không hề có hàng chục cái Tết. Hai dân tộc lâng bang có thể có những ngày lễ trùng ngày nhưng nguồn gốc thường khác nhau không thể vì trùng ngày mà nói nguồn gốc đều từ Trung Hoa cả. Nước nhà ngày nay đã tự chủ không lẽ cứ khư khư khuyên thế hệ trẻ nhớ hoài Lễ Hàn Thực của lân bang và nâng lễ này lên hàng Tết của dân tộc mình? Ngôn ngữ, tập tục của mình thì nói là gốc ngoại lai, nghi lễ tập tục ngoại lai thì nói là cổ truyền của mình, bảo tồn văn hóa dân tộc đâu có thể như vậy được •

Nghe mùa chuyển hướng

Sương rắc ngọc mênh mang ngoài mái nguyệt
Đêm im nghe hồn lá rụng rơi vàng
Dư âm nào thuở nọ vẫn còn vang
Cho nhung nhớ trên cung sầu loáng thoáng ?

Dòng tâm tưởng băn khoăn đường quá vãng
Xa xôi rồi, những ngày tháng chia ly
Bướm hoa xưa, từ độ tiễn người đi
Đã ngàn dặm mông lung vào hư ảnh.

Mây lữ thứ lê thê miền thiên lãnh
Vương chơi vơi, lạc lối giữa u hoài
Mộng lênh đênh, hoang lạnh thấm bờ vai
Gầy hao rụng, mảnh trăng gờn gợn bóng.

Cánh heo may chập chờn xao xuyến sóng
Buông chìm chìm trong bát ngát bình sa
Tận ven trời, mờ nhạt lụa hoàng hoa
Màu tưởng tiếc những võ vàng thương nhớ !

Bước thời gian ngại ngần trôi, lỡ dở
Buổi giao mùa bối rối gió tư lương
Thế nhân ơi, người có thấy tiếc thương
Hương phấn cũ phôi pha từ bao độ ?

Người nghe chăng, bốn phương dường tuyệt lộ
Trăng lạc loài, sương khói cũng lang thang
Ngọn bắc phong lạnh lẽo giữa đêm tàn
Mùa chuyển hướng, ngập ngừng theo lá rụng !

(Nam Thiên Hàn Sĩ)
● **HỒ TRỌNG KHÔI**

https://tieulun.hopto.org

Những nét đặc thù trong môi trường văn hóa miền Bắc

• Thái Công Tụng

1. Từ truyền thuyết Sơn Tinh - Thủy Tinh đến sự hình thành châu thổ miền Bắc

Châu thổ sông Hồng, chừng 10.000 năm về trước, vào thời kỳ địa chất Holocen[1], vẫn còn là một vịnh biển cạn. Thực vậy, các châu thổ này đã từng trải qua nhiều lần khi biển **tiến,-**lúc đó diện tích đất châu thổ bị thu hẹp lại-, khi biển **lùi,-**lúc đó diện tích đất châu thổ nới rộng ra. Quá trình biển tiến (transgression), biển lùi (régression) như vậy không phải chỉ xảy ra một lần mà **nhiều lần**, ăn khớp với bốn **thời kỳ băng hà** và bốn **thời kỳ tan băng** trong **kỷ thứ tư về địa chất** (quaternary geology) của hành tinh ta đang sống. Kỷ thứ tư là kỷ mới nhất về địa chất và cũng là kỷ quan trọng nhất vì chính loài người đã hình thành trong kỷ này. Tưởng cũng cần nhắc lại trong địa chất học, người ta thường phân biệt bốn thời kỳ băng giá: thời kỳ thứ nhất gọi tên là **Günz** (từ 600.000 năm đến 540.000 năm trước), thời kỳ thứ hai có tên là **Mindel** (từ 480.000 năm đến 430.000 năm), thứ ba là **Riss** (từ 240.000 năm đến 180.000 năm trước) và cuối cùng có tên là **Würm** (từ 120.000 năm đến 10.000 năm trước). Như vậy, mỗi thời kỳ băng giá lâu đến cả trăm ngàn năm và giữa hai thời kỳ băng hà lại có một thời kỳ tan băng, nước băng hà tan chảy ra, như thời kỳ tan băng thứ nhất gọi là Günz-Mindel, thời kỳ tan băng thứ hai gọi là Mindel-Riss, thứ ba là Riss-Würm.

Vào các thời kỳ băng hà thì nước co cụm lại trong các tảng băng dày nên nước biển co rút lại: đó là lúc **biển lùi (biển rút, biển thoái)**. Đặc biệt vào cao điểm của thời kỳ băng hà lần cuối **cách nay 20.000 năm**, toàn bộ miền Bắc nước Mỹ, toàn xứ Canada ngày nay, vùng Siberia, Bắc Trung Quốc cũng như Bắc Âu kể cả Pháp, Đức... đều bị băng giá bao phủ, bề dày cả chục km ! Lúc đó, **mực nước biển sụt xuống 120 mét** (-120 m) so với cao độ biển hiện nay (0 mét). Đó là thời điểm người Bắc Á Châu **lội qua eo biển Behring** vốn nối liền Siberia và Alaska và là tổ tiên các bộ lạc đầu tiên định cư xứ Canada này). Vào thời kỳ đó, vịnh Thái Lan còn là đất liền, thềm Sunda giữa Indonesia và đồng bằng sông Cửu Long là đất liền nên nhiều cư dân vùng Indonesia hiện nay có thể **vượt qua thềm Sunda** để sinh sống: đó là những cư dân đầu tiên ở bán đảo Đông Dương (Pháp gọi là Proto-Indochinois). Người ta tìm thấy hiện nay ở cao độ -120 mét, trên mọi đại dương, những di tích các bờ biển cổ với nhiều rặng san hô.

Cách nay chừng 17 hay 18.000 năm, các tảng băng bắt đầu tan nên mực mước biển dâng cao tương đối nhanh chóng **(biển tiến)**. Ở Âu châu ,thời kỳ biển tiến ở giai đoạn này gọi là **thời kỳ biển tiến Flandrian** (transgression flandrienne):

- cách nay 11.000 năm - thời **Holocen sớm**-, mực nước biển còn ở mức –55 mét

- cách nay 6.500 năm đến 5.000 năm, -vào thời **Holocen giữa-,** mực nước biển còn ở mức **-20 mét** và từ từ tiến lên, đạt mực biển như hiện nay **0 mét** vào khoảng 5.000 năm trước và vẫn tiếp tục dâng cao hơn 4-5 mét so với mức nước biển hiện tại.

Khi biển tiến vào châu thổ thì người Việt cổ phải di cư lên vùng cao hơn như vùng Trung Du (Phú Thọ, Hoà Bình...) và chính vùng này là nơi các vua Hùng dựng nước. Biển tiến vào châu thổ kéo theo sự lắng tụ các trầm tích biển ở các trũng thấp, và cùng với phù sa nước sông, hình thành môi trường nước lợ (brackish water) với rừng thực vật ngập mặn mọc trên đó, tạo thêm điều kiện khiến châu thổ chóng trầm tích hơn.

- sau đợt biển tiến như trên, biển mới bắt đầu thoái, **mực nước biển rút dần**, tạo thành những bờ biển mới, hình thành các *'giồng'* (parallel beach ridges) như ở Bến Tre, Trà Vinh) chạy song song với bờ biển hiện nay, các đầm, các 'phá' (lagoon) cũng như những di tích cũ như hàu, sò .. Các đồng bằng này như chúng ta thấy được ngày nay chỉ được hình thành và được con người chiếm lĩnh, khai thác vào lúc đó.

Truyền thuyết Sơn Tinh Thủy Tinh của nước ta cũng nằm trong các hiện tượng địa chất vừa nói: Thủy Tinh khi vươn lên tận núi (*biển tiến*) đuổi theo Sơn Tinh và biển lùi, tạo nên châu thổ, tức Sơn Tinh thắng Thủy Tinh !

Nhưng đó là chuyện địa chất *xưa thật là xưa, nhớ mấy cho vừa.*

Nhiều vùng ven biển thuộc tỉnh Thái Bình, Ninh Bình chỉ cách đây vài trăm năm vẫn còn là biển nhưng với quá trình bồi tụ, các bãi lầy ven biển được phù sa bồi đắp dần, cộng thêm sức chinh phục biển bằng cách quai đê lấn biển, đắp đê ngăn nước mặn, lấp trũng, khai phá như vài vùng duyên hải Hòa Lan đã làm. Làng Kỳ Bá ở ven thị xã Thái Bình ngày nay, vào thế kỷ thứ 10, còn là cửa biển nên có tên gọi là 'Kỳ bố hải khẩu'. Phố Hiến (thị xã Hưng Yên ngày nay) xưa kia là cửa biển, buôn bán sầm uất nên có câu truyền tụng: *'Thứ nhất kinh kỳ, thứ nhì phố Hiến'*. Vì mới thành hình nên nhiều nơi vẫn là sình lầy, ao tù. Sử sách và ký ức truyền lưu bao đời người kể rằng vào thời hưng thịnh, thế kỷ XVII - XVIII, thương cảng này đã từng đón bao thuyền buôn đến từ Trung Quốc, Nhật Bản, Hòa Lan, Bồ Đào Nha, Pháp và xứ Đàng Trong...

Đồng bằng sông Hồng dễ bị lụt nên từ đời nhà Lý, đã xây đê trị lụt. Và **đê điều cũng là một nét đặc thù của văn hóa miền Bắc** vì miền Trung và miền Nam không có. Hệ thống đê điều toàn vùng đồng bằng đã khiến cho sự bồi đắp không đồng đều; thực vậy, bề mặt nhiều nơi còn lồi lõm. Những vùng vỡ đê cũ thì nước lụt

[1] Kỷ địa chất thứ tư có 2 thời kỳ chính là Pleistocen và Holocen. Pleistocen từ 1 600 000 năm đến 125 000 năm trước ngày nay (ứng với thời đá cũ) còn Holocen (ứng với đá mới, kim loại và hiện đại) từ 10 000 năm trước đến ngày nay

https://tieulun.hopto.org

tràn vào đem theo nhiều trầm tích phù sa và làm xáo trộn địa hình: nơi bị đào khoét, nơi bị lấp vùi, nơi thì toàn cát. Từ lúc xây đê, sông Hồng đổ phù sa trên cửa biển, thay vì trên đất liền, do đó trong vùng châu thổ vẫn còn nhiều nơi trũng như tại Hà Bắc và Hà Nam Ninh: đây còn gọi là **vùng chiêm trũng**, vì vùng trũng này trước kia chỉ trồng được lúa chiêm, vào mùa nắng, nghĩa là trồng tháng 12 và thu hoạch tháng 5, trước khi mưa xuống.

Sông Hồng chuyên chở nhiều lượng phù sa nên tốc độ bồi lấp các vùng duyên hải như Kim Sơn, Tiền Hải rất nhanh, có nơi mỗi năm bồi ra biển từ 80-100m. Sau đây là vài con sông chính châu thổ sông Hồng. Sông Hồng là con sông lớn nhất ở Bắc bộ, bắt nguồn từ Vân Nam và chảy qua nước ta ở Lao Kai đầu tiên và do **Sông Đà** và **Sông Lô** hợp lại. Sông Lô lại do **Sông Chảy** và **Sông Gâm** tạo nên. Trên sông Chảy có nhà máy thủy điện Thác Bà còn trên sông Đà có nhà máy thủy điện Hòa Bình, công suất gần 2.000 MW.

Từ Việt Trì trở ra biển, sông Hồng có những phân lưu như sau: Tả ngạn có các **sông Đuống và sông Luộc.** Sông Đuống nối sông Hồng với sông Thái Bình đã được nhà thơ Hoàng Cầm thi vị hóa trong bài thơ 'Bên kia sông Đuống' (1948):

Em ơi buồn làm chi
Anh đưa em về sông Đuống
Ngày xưa cát trắng phẳng lì

hoặc:

Ai về bên kia sông Đuống
Có nhớ từng khuôn mặt búp sen
Những cô hàng xén răng đen
Cười như mùa thu tỏa nắng

Phụ lưu chính phía hữu ngạn của sông Hồng Hà là **sông Đáy**. Sông Đáy được nhắc đến trong thơ của Quang Dũng:

Bao giờ trở lại đồng Bương Cấn
Lên núi Sài Sơn ngó lúa vàng
Sông Đáy chậm nguồn qua Phủ Quốc
Sáo diều khuya khoắt thổi đêm trăng
(Mắt người Sơn Tây)

Sông Nam Định và sông Phủ Lý nối sông Hồng và sông Đáy.

Sông Thái Bình do 3 sông là sông Lục Nam, sông Thương và sông Cầu hợp nên ở ngang Phả Lại và đổ ra biển: sông Lục Nam bắt nguồn từ Lạng Sơn, thượng lưu lòng hẹp, gồ ghề, lắm thác ghềnh nên tốc độ dòng chảy mạnh, sông Thương cũng phát nguyên từ Lạng Sơn, còn sông Cầu bắt nguồn từ vùng Bắc Cạn.

Sông Kì Cùng (thị xã Lạng Sơn nằm trên sông Kỳ Cùng) gồm có sông Kỳ Cùng, sông Bắc Giang, sông Bắc Khê.

Hai hệ thống sông Kỳ Cùng và sông Thương đã tạo nên giao thông đường thủy khá quan trọng, chở nhiều cây tre, nứa, song, mây, gỗ, dược liệu và các lâm sản khác đã theo thuyền bè về xuôi.

Ngoài sông ngòi, còn có các **hồ thiên nhiên** như hồ Ba Bể (thuộc Cao Bằng), hồ Cấm Sơn, hồ Khuôn Thần ở Hà Bắc (hai hồ này thuộc huyện Lục Ngạn, rất rộng, chứa nhiều nước ngọt) nên có thể đóng góp nhiều cho du lịch cũng như dùng nuôi cá.

Trong sông ngòi cũng như tại các ô trũng, có nhiều tài nguyên thủy sản như cua, ốc, tôm, cá.

Người Việt cổ dĩ nhiên không sống ở vùng thuở đó còn là biển mà sống ở vùng đồi gò, trong các hang động đá vôi vùng trung du hiện nay: vùng rừng núi Hòa Bình là quê hương của **văn hóa Hòa Bình** lâu đời và nổi tiếng, đã để lại nhiều di chỉ như lưỡi rìu, lưỡi dao bằng đá, thuộc **thời Đồ đá cũ** (Paléolithique) sang **Đồ đá mới** (Néolithique), cách ngày nay 34.000 năm kéo dài đến 2.000 năm trước Công nguyên.

Tiếp nối văn hóa Hòa Bình (văn hóa đồ đá) là **văn hóa Đông Sơn** cách đây 4.000 năm (văn hóa đồ đồng) và còn để lại nhiều công cụ bằng đồng như các trống đồng, thuộc thời đại Hùng Vương dựng nước đầu tiên tại đất Phong Châu (Vĩnh Phú), nơi hội tụ của sông Hồng và các chi lưu lớn nhất như sông Đà, sông Lô đã để lại di tích nhiều trống đồng, trên đó đã khắc hình người giã gạo, cấy lúa. Thực vậy, cây lúa đã được trồng từ lâu; người Lạc đã biết sử dụng nước thủy triều lên xuống để cấy lúa.

2. Vài nét đặc thù của văn hóa miền Bắc

Sau đây, một vài cá tính đặc biệt của văn hóa nông nghiệp miền châu thổ sông Hồng sẽ được đề cập đến:

a/ Bèo hoa dâu

*Văn chương hạ giới rẽ như **bèo***

Thi sĩ Tản Đà có lần đã than vãn như vậy Bèo hoa dâu sử dụng như phân bón ruộng. Trong lá **bèo hoa dâu** (Azolla) có chứa tảo lam Anabaena azollae có men nitrogenaza cố định nitơ tự do của khí quyển và chuyển thành nitơ hữu cơ. Nông dân còn có lễ hội cổ truyền về bèo dâu, ở vài nơi tỉnh Thái Bình, có nghề ương bèo hoa dâu; nhiều nơi đổ về đây mua bèo giống để đem bón ruộng nhà:

*Lúa chiêm mà thả kín **bèo,***
Như con nhà nghèo trời đổ của cho

b/ Dâu tằm.

Trên các đất phù sa ven sông miền Bắc, nhiều nương dâu xanh ngắt mà ít gặp miền Trung . Dâu cho lá nuôi tằm, tằm làm kén; kén cho tơ; tơ dệt lụa; ngành tằm tang rất phồn thịnh trước đây và đã sinh ra nhiều ngành nghề khác nhau. Mỗi năm nhiều làng có hội cầu tằm, cướp kén cầu mong sản phẩm lá dâu-con tằm-sợi tơ tươi tốt. Nghề tằm tang ở nông thôn cần nhiều lao động trong gia đình: làm ruộng ăn nằm, chăn tằm ăn đứng; ngành tằm tang đã để lại trong văn học Việt Nam rất nhiều vần thơ tuyệt vời như:

*Ngàn **dâu** xanh ngắt một màu (Chinh Phụ Ngâm)*

*Trải qua một cuộc bể **dâu** (Truyện Kiều)*

Năm năm tiếng lụa xe đều
Những ngày lạnh rớt gió vèo trong cây
(thơ Lưu Trọng Lư)

Một cô gái trồng dâu bên bờ sông đã trở thành Ỷ Lan phu nhân.

c/ Rau muống

Vì nhiều ao hồ nên rau muống mọc khắp ruộng, ao. Rau muống vừa ăn lá, vừa làm thức ăn chăn nuôi. Ngoài Bắc, rau muống cũng phổ thông như giá trong Nam.

d/ Cây ăn trái ôn đới như mận, lê, táo Sapa , đào và **á nhiệt đới** như vải (letchi), như hồng mà ở các miền Trung, miền Nam không có .

g/ Cà

https://tieulun.hopto.org

Cà và rau muống là 2 thức ăn thông dụng trong bữa cơm:

Anh đi anh nhớ vợ nhà
*Nhớ canh rau muống, nhớ **cà** giầm tương*

Hoặc:

Công anh làm rể Chương Đài
*Ăn hết mười một mười hai vại **cà***
Giếng đâu thì xách ăn ra
*Không thì anh chết vại **cà** nhà em*

Cà có nhiều loài nhưng cà ở đây là cà pháo dùng để muối.

h/ rau sắng

Ngoài ra, phải kể đến 1 loại rau mà Tản Đà đã ghi trong câu thơ:

*Muốn ăn **rau sắng** chùa Hương,*
Tiền đò ngại tốn, con đường ngại xa
Mình đi ta ở lại nhà,
Cái dưa thì khú cái cà thì thâm

Sau khi bài thơ được đăng trên báo thì mấy hôm sau, có nhận một bưu kiện gửi đến trong đó có một bó rau sắng chùa Hương còn xanh tươi kèm thêm mảnh giấy với 4 câu thơ:

Kính dâng rau sắng chùa Hương,
Tiền đò đỡ tốn, con đường đỡ xa
Không đi thời gửi lại nhà,
Thay cho dưa khú cùng là cà thâm

Vậy cây rau sắng là gì ?

Tên thực vật là **Meliantha suavis** Pierre thuộc họ Rau sắng (**Opiliaceae**) có nhiều trong vùng của chùa Hương miền Bắc. Tại sao gọi là suavis? là vì lá dùng nấu canh ăn rất ngọt (suave: ngọt). Chùa Hương được bất hủ hóa qua nhiều bài thơ được phổ nhạc. Còn dưa khú trong bài thơ trên cũng còn gặp trong ca dao sau đây, ám chỉ đến cảnh vợ già, chồng trẻ :

Ai làm cho cải tôi ngồng
Cho dưa tôi khú, cho chồng tôi chê
Chồng chê thì mặc chồng chê
Dưa khú nấu với cá trê ngọt lừ!

Dưa khú nấu với cá trê là món ăn rất cá biệt miền Bắc.

h /Thịt cầy

Nhiều người vẫn lầm tưởng con cầy là con chó. Thực ra, con cầy là một loài thú hoang mà tên khoa học là *Viverricula malaccensis* (cầy hương), nặng 4-5 kg. Cầy hương có lông xám vàng với những cụm lông màu sẫm dọc thân thường ở theo các bụi tre, rừng rậm. Cầy hương có mùi xạ thơm như mùi cơm nếp.

Ngày nay vì không còn con cầy nên người miền Bắc ăn thịt chó. Đây cũng là một cá biệt ở miền Bắc hiện đại với nhan nhản quán thịt chó dọc đường từ Vĩnh Phú đến Hà Nội; sau này với cao trào di cư năm 1954 vào trong Nam nên mới xuất hiện nhiều quán 'nai đồng quê ' (để chỉ thịt chó) ở Gò vấp, Hóc Môn, Hố nai, Gia Kiệm...

i / cây cọ (Livistona saribus, họ Arecaceae) có nhiều ở miền Bắc, vùng Trung Du như Phú Thọ, Yên Bái. Lá cọ dùng lợp nhà, làm nón, chắn vách, làm chổi, gầu múc nước, làm quạt. Búp cọ khâu nón, áo tơi. Thân cọ làm cột nhà, cột điện, máng nước, máng lợn,... Cuống cọ làm lạt buộc, rào giậu hoặc thay tre đan rọ lợn, lồng gà v.v...

Cây cọ cũng là đề tài các ca dao về tình yêu:

- Đi đâu nón chẳng đội đầu
Lại đây hai đứa lấy tàu cọ che
- Nón ai nón bạc nón vàng
Nón em tàu cọ che ngang mặt trời
- Nón em đã có lời thề
Chàng mà lấy nón em về sao đang

j/ cây cói mọc hoang trên nhiều đầm lầy ở Ninh Bình, Nam Định và dùng để dệt chiếu.

Cây cói cũng đã để lại nhiều dấu ấn trong văn học Việt Nam. Khi Nguyễn Trãi hỏi Thị Lộ:

Ả ở đâu nay bán chiếu gon
Chẳng hay chiếu ấy hết hay còn
Xuân xanh nay độ bao nhiêu tuổi
Đã có chồng chưa được mấy con

thì Thị Lộ, một cô gái 16 tuổi đã trả lời

Tôi ở Tây hồ bán chiếu gon
Cớ chi ông hỏi hết hay còn
Xuân xanh nay độ trăng tròn lẻ
Chồng còn chưa có có chi con

k/ Thuốc Lào

Thuốc Lào, theo Vân Đài Loại Ngữ của Lê Quí Đôn do dân tộc Liêu ở biên giới Hoa Việt đưa vào Việt Nam triều vua Lê Thần Tông. Thuốc lào do cây thuốc lá *Nicotiana Rustica*, thân cây thấp, lá to và dày hơn so với cây thuốc lá. Thuốc lào chứa nhiều nicotin nên độ say rất cao. Do đó những người đứng gần bên người hút thuốc cũng thấy ngây ngây:

***Thuốc lào** chồng hút vợ say*
Thằng con châm đóm lăn quay giữa nhà

Cây thuốc này có nhiều vùng Hải Dương, Nam Định. Họ lấy lá phơi cho khô rồi thái nhỏ mà đóng thành bánh rồi mới bán cho người ta hút. Hút thuốc Lào phải có bình điếu (làm bằng sành, sứ, tre, gỗ...) và xe điếu (bằng rễ trúc). Khi hút, phải đổ nước vào bình, cắm xe vào bình điếu, để thuốc, châm lửa và đưa xe kề đến tận miệng để hút; thuốc này vì chứa nhiều nicotin nên phải hút qua nước và xe điếu rất dài để giảm bớt nồng độ nicotin khi hút:

*Nhớ ai như nhớ **thuốc Lào***
Đã chôn điếu xuống lại đào điếu lên

Thuốc lào là thú tiêu khiển của người bình dân:

*Thú vui chỉ điếu **thuốc lào***
Thở ra cũng thích hút vào cũng hay
Khói thơm thấu chín tầng mây
Ngọt bùi quên cả đắng cay sự đời

Người nghèo thuở xưa có câu:

Giàu thì cơm cháo bổ lao
*Nghèo thì đánh điếu **thuốc lào** cầm hơi*

Thả hồn đê mê theo khói thuốc để quên sự đời khi nghe tiếng ròn rã của tiếng kêu nước điếu vào nước trong ống điếu cuộn lên cuộn xuống do thông qua nõ điếu mà phát ra thanh âm to nhỏ, cao thấp, nhanh chậm.

l / Cà cuống có nhiều trong ruộng nước; đó chỉ là một loài sâu *Lethocerus indicus*, có khả năng tiết ra từ các túi dưới cánh một chất mùi rất cay, thường làm gia vị ăn với bánh cuốn.

Ca dao sau đây có nhắc đến cà cuống:

Con cò chết rũ trên cây
Cò con mở lịch xem ngày làm ma
***Cà cuống** uống rượu la đà*
Chim ri ríu rít bò ra chia phần
Chào mào thì đánh trống quân
Chim chích cởi trần, vác mỏ đi rao

https://tieulun.hopto.org

Ca dao này nói lên khi người chết vừa nằm xuống, đã có dân làng rủ rê nhau tham dự để chia nhau ăn uống.

m / lễ hội

Nhiều lễ hội trong dân gian như hội chùa Hương, hội đền Hùng, hội Thánh Gióng, hội lên đồng thờ mẫu. Lễ hội là một tổng thể gồm nhiều yếu tố lễ và hội, có phần thiêng liêng và phần đời thường, có cả ước mong và hiện thực. Lễ hội là sợi dây tâm linh liên kết sức mạnh của làng xã.

Vì miền Bắc cư dân phải đương đầu với những trở ngại thiên nhiên như thiên tai, hạn hán, lụt lội nên làng nào cũng có đền, miếu, am để cầu khẩn các đấng thiêng liêng phù trợ.

Hội đền Hùng vào mùa xuân để nhớ ơn Tổ theo câu ca dao:

Dù ai đi ngược về xuôi
Nhớ ngày giỗ Tổ mồng mười tháng 3

Tín ngưỡng thờ Mẫu tiếp thu Đạo giáo có tục lên đồng hầu bóng. Nhiều nghi lễ liên quan đến việc gieo hạt, làm đất, cầu mùa; nào là lễ cầu mưa, lễ cầu tắm cướp kén, lễ xuống đồng

n/ ruộng bậc thang cũng là một đặc trưng hình thái của miền Bắc mà miền Trung và miền Nam không có. Có thể gặp loại ruộng bậc thang ở cao nguyên đá vôi Đồng Văn, tỉnh Hà Giang, ở Sơn La cũng như ở huyện Mù Căng Chải tỉnh Yên Bái ở đó người Mông (còn có tên là người Mèo vì trèo núi giỏi) trồng lúa trên đất rất dốc, nhưng họ đã thiết lập loại ruộng này nhằm tận dụng nguồn nước suối và nước mưa chảy từ trên cao xuống. Kỹ thuật xẻ nước của người Mông theo kiểu từ bờ ruộng trên xuống bờ ruộng dưới không liền mạch để hạn chế tối đa mưa lũ, tạo dòng chảy mạnh làm vỡ bờ và rửa trôi đất màu.

o/ các điệu hát như quan họ (quan họ Bắc Ninh), hát trống quân, hát chèo, hát ả đào cũng là những nét cá biệt trong văn hóa châu thổ sông Hồng. Trong các điệu hát quan họ có xen lẫn nhiều loại lý, ngâm, kể truyện, ru con, cò lả trống quân, chèo, tuồng, v.v... Trong một bài hát Quan Họ có nhiều tiếng láy đi láy lại, tiếng đưa hơi, tiếng đệm nên lời ca lên bổng xuống trầm:

Trèo lên quán dốc,
Ngồi gốc (ới a) cây đa
Rằng tôi lý (ới a) cây đa
(Rằng tôi lới ới a cây đa)
Ai đem (ới a tính tang tình rằng)
Cho đôi mình gặp
Xem hội cái đêm hôm rằm

p/ hội chọi trâu

Ở Đồ Sơn, gần Hải Phòng, có hội chọi trâu:

Dù ai buôn đâu bán đâu
Mùng chín tháng tám chọi trâu thì về
Dù ai bận rộn trăm bề
Mùng chín tháng tám nhớ về chọi trâu

Và vào ngày 9-8 âm lịch hàng năm, từ 1990 đến nay đã tổ chức lại hội chọi trâu. Trung bình, dân phải đi các vùng xuôi, miền ngược để mua trâu chọi sau khi mua được trâu, họ rước về làng làm lễ; sau đó phải huấn luyện cho trâu chạy cho cơ bắp rắn chắc, cho uống nước tinh khiết, tẩm bổ; mỗi tuần, còn thuê vài chục người đến khua chiêng gõ mõ cho trâu quen không khí hội hè. Sau vài tháng như vậy, trâu dự vòng loại ngày 8-6 âm lịch và lọt qua vòng loại sẽ được chăm sóc kỹ hơn để dự hội chọi. Có đánh cá độ cuộc nên ngày nay đó trở thành sát phạt.

q/ Rượu sâu chít

Những vùng núi có cây chít, một loại cỏ lau mà người ta lấy bông làm chổi (thường gọi là chổi đót). Riêng ở Mường Tè, Lai Châu, cây chít không những cho bông làm chổi mà còn cho một loại ấu trùng gọi là 'sâu chít' để ăn và ngâm rượu. Tháng 3-4, bướm đẻ trứng vào đọt cây chít, nở ra con ấu trùng màu trắng, dài 5-6 cm, có chân, có khúc, thân bằng cọng lá khai lang. Người La Hủ, Hà Nhì, Thái ở Mường Tè mang gùi lên núi hái đọt cây chít về lấy sâu ngâm rượu bán. Một chai rượu chất lượng thường là chai ngâm 50 con sâu. Cỡ 15 ngày sau rượu chuyển sang màu vàng là uống được.

r/ Tranh dân gian Đông Hồ

Làng Đông Hồ thuộc huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, nằm sát bờ Nam đê sông Luống và làng này còn giữ gìn được các di sản văn hóa cổ xưa của vùng Bắc Ninh.

Tranh Đông Hồ gà lợn nét tươi trong
Màu dân tộc sáng hừng trên giấy điệp
(thơ Hoàng Cầm 'Bên kia sông Đuống')

Tranh này nổi tiếng vì làm từ những nguyên liệu sẵn có trong thiên nhiên: giấy là giấy 'dó' mặt rất mịn, được quét lên lớp điệp hoặc còn lướt thêm nước đỏ của gỗ vang, hay vàng của hoa hòe, than lá tre, sò điệp (mai con điệp ngoài biển cho màu trắng óng ánh), màu sơn từ đất đá của đồi núi.

3. Kết luận

Miền Bắc là cái nôi của dân tộc Việt Nam; vì đó là nơi phát xuất của người Việt nên văn hóa có nhiều dấu ấn rất đặc thù; tuy nhiên trải qua cuộc Nam tiến của dân tộc Việt kéo dài nhiều thế kỷ, văn hóa trên đã thẩm thấu với các nền văn hóa khác như văn hóa Chàm, văn hóa Khmer từ điệu nhạc đến thức ăn, cách ăn mặc, cách cư xử, tư duy... do đó đã biến đổi, hòa nhập, giao lưu. Với quá trình đô thị hóa như ngày nay, với kỷ nguyên thông tin rút ngắn không gian và thời gian, với sự toàn cầu hóa, nền văn hóa Việt Nam cũng dần dà biến dạng như bao xã hội khác, từ ẩm thực cho đến âm nhạc, ngôn ngữ, cách giao tiếp, mỗi thuộc tính văn hóa đều chứa đựng tính lai ghép nghĩa là đa diện, giao diện, liên ngành bên trong nó ít hay nhiều. Thực vậy, văn hóa tự thân là sự bồi đắp. ◙

https://tieulun.hopto.org

Thương nhớ Tây Ninh "tỉnh lẻ biên thùy"

• **An Tiêm MAI LÝ CANG**

LTG - Do nhờ yếu tố về địa lý mà vào những năm đầu sau thời kỳ 1975, thì lúc bấy giờ, Tây Ninh được coi như là một trong năm tỉnh thành thuộc vùng Đông-Nam Việt Nam có mức sống khá cao, nếu tính trên mức tiêu thụ bình quân của đầu người. Trong lịch sử Nam tiến của người Việt, dấu ấn của miền sơn cước địa phương do thế hệ ông cha của chúng ta để lại, quả là một công trình khai phóng biên cương đầy mạo hiểm, nhọc nhằn. Chính vì biết bảo tồn di sản thiêng liêng của dân tộc mà hàng hàng, lớp lớp người VN đã bao năm qua từng đến đây lập nghiệp, lúc nào cũng đều gắng sức, chung lòng, để xây dựng nên hình ảnh của một quê hương thanh bình, hạnh phúc...

Tìm nhau trên bước đường xa
Vui mừng gặp lại cùng là đồng hương
Bao năm đất khách tha phương
Biết ai tâm sự tình thương nhớ nhà? (1)

Tôi ra đời trên miền đất hoang vu có tình người đơn sơ, hiền lành, mộc mạc, xóm làng lưa thưa độ chừng có được năm bảy túp lều tranh. Ngày tháng lần trôi, ngọn núi Bà Đen vẫn thường che khuất bóng mặt trời khi tang tảng sáng và cuộc sống cô thôn êm trôi như tờ lịch rớt hằng ngày.

Đây là những hình ảnh kỷ niệm về Tây Ninh đối với tôi từ thuở thiếu thời. Nhưng nó đã chứa chan một sức sống trọn vẹn cho cục đất quê hương, mà người dân địa phương thường hãnh diện, ca tụng như là một vùng địa linh nhân kiệt đã hài hòa với khí thiêng sông núi, hun đúc nên biết bao nhiêu kẻ sĩ người hiền, để làm vui đời sáng đạo, góp phần vào công to nghiệp cả điểm tô đất nước.

Thường những người Việt Nam chưa bao giờ có dịp đặt chân đến nơi nầy. Nhưng hễ mỗi khi nghe nói đến hai tiếng Tây Ninh thì trong lòng không thể không rung động, để hình dung ra ngay hình ảnh ngọn núi Bà Đen cao nhất tại miền Nam Việt Nam. Và vùng thánh địa Cao Đài, cùng với các địa danh như giáo đường Tha La in hình trên dòng sông Vàm Cỏ Đông hiền dịu v.v... Rồi cùng nào là những khu vực của chứng tích lịch sử, từng được coi như là vùng oanh kích tự do trong thời buổi chiến tranh chạy dài từ rừng Bời Lời, tới vùng đất Mỏ Vẹt v.v... Nói thực tế hơn, Tây Ninh là một tỉnh lẻ biên thùy nằm ở phía Đông miền Nam Việt Nam. Một nơi có những danh lam thắng cảnh được nhắc nhở khá nhiều tương tợ như miền An Giang, Châu Đốc có đạo Hòa Hảo, có dãy Thất Sơn và miếu Bà Chúa Xứ. Tuy nhiên, về phương diện đặc thù của địa lý, lịch sử thì tầm địa bàn chiến lược về quân sự ở Tây Ninh có phần quan trọng hơn hẳn vùng bảy núi miền Tây. Và chính những sự kiện đó được chứng minh bằng những chiến công hiển hách, danh dự hàng đầu của các thế hệ trải qua từng thời kỳ cha ông mở rộng biên cương, chống giặc. Thậm chí cho tới ngày nay, thì cái tên của tỉnh Tây Ninh cũng như trường hợp của những quê hương khác như cố đô Huế, thành phố Sàigòn, đầm lầy Đồng Tháp Mười, xứ dừa Bến Tre, đất mũi Cà Mau v.v... vẫn được cả đồng bào ở trong và ngoài nước luôn quen miệng nhắc nhở, kêu gọi bằng một cách trân quý, thân thương.

Ngược dòng thời gian từ thuở Vương quốc Khờ Me (Khmer) còn thái bình thịnh trị. Lãnh thổ của họ trải dài từ đền Angkor giáp tới vùng địa lý không gian sinh tồn của sắc dân Phù Nam (Funan) có núi non nầy, cho đến tận biển Đông. Và mãi đến ngày nay, hiện vẫn còn để lại nhiều dấu tích cổ xưa trong những vùng hoang vắng. Chính về mặt địa lý, lịch sử đặc biệt đó, mà trước kia, đã phát sinh có những hoài bão không chính đáng của nhóm thiểu số từ nước bạn láng giềng. Lúc nào họ cũng muốn như đơn phương khắc phục lại mảnh đất sinh tồn, nguyên nguồn gốc là của tổ tiên vương quốc dân tộc Phù Nam đã dày công tạo dựng tự bao đời. Nơi mà có đất đai đặc biệt, chỉ phù hợp cho loại cây Thốt Nốt được mọc lên trải dài qua tận vào trong xứ của nước Thái Lan. Và nếu giờ đây, tại các tỉnh cũ miệt Trà Vinh, Sóc Trăng hãy còn rõ rệt những nét văn minh của người Khờ Me ở tại các chùa chiền và Sóc (làng), thì vùng đất Tây Ninh dấu ấn đó còn chăng, chỉ là những thành lũy, hào sâu đã lần lượt nghiêng ngả, xoáy mòn theo lớp bụi thời gian với lớp sóng phế hưng.

Châu thành Tây Ninh cách thủ đô Hà Nội 1809 km theo quốc lộ 1. Cách cố đô Sàigòn độ non một trăm cây số theo quốc lộ 22A. Và, nếu muốn lên tận Tây Ninh thì phải đi ngang qua khu công nghiệp hiện đại và vùng di tích địa đạo Củ Chi, nơi được báo chí quốc tế nói đến rất nhiều trong thời kỳ xảy ra cuộc chiến tranh Mỹ Việt... Nhưng trước khi đặt chân lên đến đất Củ Chi, mà nếu cũng khởi hành từ miền Gia Định thì bắt buộc du khách phải xuyên qua phần đất của Hóc Môn, của Mười Tám Thôn Vườn Trầu, một chiến khu của du kích quân trong phong trào Nam Kỳ khởi nghĩa năm xưa. Và cũng nếu muốn gợi ra thêm một hình ảnh của kỷ niệm hãy còn in đậm trong tinh thần đoàn kết dân tộc, để chống đối giặc xâm lăng thì cần phải nói rõ thêm... Là trước khi vào địa phận Hóc Môn thì người ta bắt buộc phải đi ngang qua Bà Quẹo *(2),* là nơi đã từng diễn ra những cuộc họp liên kết đảng phái chính trị chống chế độ thuộc địa của thực dân Pháp.

https://tieulun.hopto.org

Bỏ lại địa đạo Củ Chi, người hướng dẫn du lịch sẽ đưa bạn tiếp tục cuộc hành trình tiến về Tây Ninh. Qua khỏi Suối Cụt là tới Trảng Bàng *(3)*. Quận lỵ nầy là một vùng đất có lắm danh nhân văn võ trải qua nhiều thời đại, thuở nhỏ vốn xuất thân từ mái trường võ lòng Cao Cẳng, trước khi ra thành đỗ đạt, lập nghiệp thành danh. Tại đây, dân cư không giàu nhưng tình văn nghệ thì không thiếu. Và người ta có thể nói, ở địa phương nầy chính là đất dụng võ của các đoàn ca kịch cải lương từ thời của các ông bầu lớn như Năm Nghĩa, Bảy Cao v.v... Lúc bấy giờ là thời kỳ vàng son của các lớp thế hệ kép muồi, đào thương đang lên nổi danh như: Út Trà Ôn, Năm Phỉ, Phùng Há, cho tới về sau có kỳ nữ Kim Cương, cải lương chi bảo Thanh Nga v.v... Tất cả những đoàn hát lớn nhỏ nào cũng đều có dịp lưu diễn ở tại rạp hát Đồng Phước, ở kế nhà Vuông gần chợ Trãng Bàng. Hình ảnh chiếc xe thổ mộ treo bên hông hai tấm bảng vẽ tuồng hát với nhiều màu sắc lòe loẹt, rực rỡ. Một cậu bé ngồi phía sau đập trống "thùng-thùng" chạy vòng quanh mấy con đường rải giấy quảng cáo vào những buổi chiều về, quả là một kỷ niệm văn nghệ tình quê êm đềm, xa xưa đầy thú vị, mà ngày nay làm sao tìm lại được hình ảnh thân thương nầy nơi thôn Trảng!

Cái thành phố nhỏ xíu như vậy mà khi xưa có tới hai cái chợ. Chợ Gia Lộc và chợ Gia Huỳnh. Chợ Gia Huỳnh còn được gọi là chợ hàng bông, vì số lượng lớn rau cải chở về Sàigòn hằng ngày. Còn chợ Gia Lộc ngày xưa nằm tiếp giáp con kinh xuôi về An Tịnh đưa tới Lộc Giang, Tha La hoặc Bàu Trai, Tân Mỹ. Dân cư ở vùng nầy có truyền thống quật khởi, đã từng tham gia vào Phong Trào Thanh Niên Tiền Phong, tầm vông vạt nhọn, chống giặc giữ làng. Cho nên, đã được nhà chí sĩ Nguyễn An Ninh thường xuyên từ Hóc Môn cỡi xe đạp lên bán dầu cù là, để nhân cơ hội cổ võ, hô hào nhân dân đứng lên làm cách mạng, lật đổ chế độ thuộc địa của thực dân Pháp. Ngày nay, cảnh cũ đổi thay, chợ mới Trảng Bàng đã được xây cất tại ngã ba Lộc Du cũ, gần hai ngôi chùa cổ Phước Lưu và Phước Lâm. Bên cạnh, là ngõ đường đi vào giáo đường Tha La; nơi nổi tiếng lưu truyền có những chàng trai anh tuấn năm xưa xếp việc bút nghiên, để xung phong hăng hái lên đường theo tiếng gọi của hồn thiêng sông núi.

Nhớ lại thời kỳ lúc bấy giờ, có một chiến sĩ hiên ngang từng tham gia phong trào Thanh Niên Tiền Phong vừa về tới chiến trường vùng đất Tha La, thì bị giặc bắt đem về xử bắn tại sân banh Trảng Bàng. Trước khi ngã gục trước họng súng của quân thù, thì người anh hùng oai dũng không khuất phục đó đã có mấy lần hô to lên mấy tiếng ***Việt Nam muôn năm.***

Từ phố cũ Sàigòn đi Tây Ninh. Đến đây, thì đã được phân nửa đoạn đường và còn khoảng hơn mười cây số nữa thì tới Gò Dầu Hạ. Gò Dầu Hạ nguyên là một quận biên thùy quan trọng về kinh tế của tỉnh Tây Ninh có tầm sinh hoạt bán buôn, dạo nào, cũng giống như hình ảnh ở cửa Hữu Nghị, Mông Cáy miền Bắc ngày nay, và cũng giống như ở Hà Tiên miền Tây ngày trước. Tại những nơi nầy tràn ngập hàng nhập lậu từ Trung Quốc, Thái Lan và Cam Bốt. Nếu ở Hà Tiên ngày trước, mỗi lần muốn đi đến địa điểm đổi trao hàng lậu phải đi ngang qua Thạch động, thì hồi đó khách hàng mua bán ở quận lỵ nầy (Gò Dầu Hạ) muốn tới địa điểm để giao thương, thì phải băng qua cây cầu biên giới đưa đến phần đất phía bên kia của Gò Dầu Thượng để tải hàng hóa bất hợp pháp.

Lịch sử của chợ trời biên giới khi xưa nầy có lẽ đã xuất hiện đầu tiên cùng lúc với chợ trời nhập lậu Hà Tiên, đều xảy ra dưới thời đất nước bị phân đôi và cũng vào lúc mà miền Nam Việt Nam cùng Cam Bốt cắt đứt mọi liên hệ ngoại giao với nhau. Ngày xưa, đoạn đường buôn lậu từ Gò Dầu Hạ về gần tới Lộc Du thì thực là nguy hiểm, vì khi vừa ra khỏi Gia Bình thì hai bên vệ đường đều có trúc tre rậm rạp mà bọn thảo khấu thường hay lợi dụng vào địa hình trắc trở để cướp giật, giết người cướp của gieo tai họa cho bao gia đình vô tội ngày nào. Ngày nay, cửa khẩu Mộc Bài ở Gò Dầu Hạ là một nơi bán buôn sầm uất, xe cộ dập dìu nhờ nằm ở cạnh sát biên giới hai quốc gia Việt Miên. Nơi đây lại còn có cả một sòng bạc bên kia cửa khẩu được tổ chức theo tiêu chuẩn quốc tế, cho nên đã thu hút được rất nhiều khách hàng ham thích sát phạt, mua vui thú đỏ đen...

Tuy nhiên, ai kia mỗi khi có dịp viếng thăm ngọn núi Bà Đen và vùng thánh địa Cao Đài thì nhớ đừng quên ghé lại quận lỵ Trảng Bàng, vì đây là cái mốc dừng chân trên điểm hẹn. Trữ tình, ngào ngạt, êm đềm qua tiếng hát mộc mạc quê hương:

Quê tôi là đất ruộng đồng
Sớm chiều hai buổi nông dân cày bừa
Trồng khoai, trồng đậu, trồng dưa
Lúa cao, mía tốt nhờ mưa thuận mùa (1)

hay như có dịp để gợi lại những hình ảnh không gian đầy ấn tượng của buổi chia ly nước mắt trong từng thời ly loạn thuở xưa:

Hồi còi giục giã xuống tàu
Tâm tình xin gởi trọn vào tình thương
Chiều tà vọng nhớ cố hương
Mái trường Cao Cẳng, Giáo đường Tha La (1)

mà nay thời gian dù mờ nhạt phôi pha nhưng cũng vẫn hãy còn để lại dấu chân kỷ niệm của năm nào bên sông vắng. Nói một cách khác, Trảng Bàng vốn là đất của giai nhân ra đời từ hết thế hệ nầy sang thế hệ khác. Và đã từng gây ra nhiều trận sóng tình biến thành thảm họa, khổ đau được đưa lên mặt báo chí bao lần. Nhưng nếu thời gian quá ngắn không đủ để cho khách nhàn du vào tận miền cây xanh trái ngọt Tha La để thưởng thức hương vị đồng quê. Hay đến mả Trúc, giếng Mạch nhìn thấy núi Bà ở tận chân trời để quay phim, chụp hình kỷ niệm, hồi tưởng lại đường tiến quân của nhà Nguyễn chinh phạt lân bang, thì món kẹo hột điều, món muối tôm, bánh ú lá tre, đặc biệt là những lò bánh canh sẽ không thiếu những tô bánh canh giò heo, bánh tráng nướng phơi sương được biến chế độc đáo chỉ có thể tìm thấy nghệ thuật gia chánh ở nơi nầy. *(Tưởng cần nói thêm rằng hàng bao thập niên dài về trước, vùng đất Nam Kỳ từ miệt lăng ông tiền quân Nguyễn Huỳnh Đức ở Long An đến lăng ông tả quân Lê Văn Duyệt ở Gia Định. Và nói riêng, từ Trảng Bàng đến Kà Tum (địa phận Tây Ninh) người ta còn thấy có rất nhiều ngôi mộ hoang (xưa) được chôn cất chu đáo, xung quanh có đào hào, trồng tre trúc rậm rạp mà dân địa phương quen gọi là mả Trúc. Dưới thời vua Minh Mạng, đất Trảng Bàng từng là hậu cứ quân sự của vị tư lệnh chiến trường Việt Miên Trương Minh Giảng. Và cũng bắt đầu từ thời kỳ nầy, mà*

https://tieulun.hopto.org

về sau, đã có phát sinh ra một loại huyền thoại, hư cấu, truyền khẩu dân gian trong xã hội của người Khờ Me nói về hình ảnh chụm đầu ba ông sãi)...

Cũng dưới thời Minh Mạng, phủ Tây Ninh được thành lập đầu tiên với hai quận là Tân Ninh và Quang Hóa. Còn thực tế ngày nay, thì tỉnh Tây Ninh đã có một thị xã Tây Ninh và được tổ chức lại chia ra làm thành tám huyện (quận) là: Châu Thành, Hòa Thành, Bến Cầu, Tân Biên, Tân Châu, Dương Minh Châu, Gò Dầu và Trảng Bàng với tổng dân số tăng cao lên hơn một triệu đầu người gồm có 26 sắc tộc. Tây Ninh bây giờ lại còn có cả thêm một hệ thống kênh đào dài 617 km chủ yếu dựa vào hai nguồn nước chính là sông Vàm Cỏ Đông và sông Sàigòn. Và hồ Dầu Tiếng có châu vi dài khoảng chừng 1000km với dung tích ước lượng lên tới 1,45 tỷ m3, với sự kết hợp cùng với 1053 tuyến kênh đào.

Là vùng đất cao không có sông ngòi nhiều, ngoài hai con sông chính là sông Sàigòn và sông Vàm Cỏ Đông chảy ngang qua địa phận. Nhưng ngược lại, hệ thống đường sá cũng tạm đủ thỏa mãn điều kiện giao thông. Hãy nghe những câu nói như: Gò Dầu đi sang Sà Phu, Xvay Riêng, Nam Vang (Phnom-Penh), thì người ta hiểu rằng đây là tỉnh địa đầu, ăn thông đường sá sang quốc gia láng giềng Cam Bốt. Nhưng với phương tiện giao thông ngày trước, lại khi nghe nói cách khác như: từ Tây Ninh đi Lò Gò, đi Tân Phú, Khe Dol, Kà Tum v.v..., thì phải hiểu rằng Tây Ninh là chỗ ở cuối đường đi vào ngõ cụt giao thông rồi. Nhưng cũng chính từ ở những ngõ cụt giao thông hoang vắng ven ranh giới rải rác ở khắp đó đây từ Hà Tiên, Châu Đốc cho tới Tây Ninh, mà trong quá khứ đã có từng nhiều thế hệ di dân Việt Nam vượt biên nhập cư vào đất Cam Bốt để làm ăn sinh sống. Và cũng chính vì vậy, mà trong cuộc đời của tác giả đã hai lần, cách nhau khoảng ba mươi năm, từng được biết đến những vụ thảm sát người Việt (Cáp Duồn) xảy ra trên xứ Chùa Tháp. Phong trào nầy phát sinh ra là do lòng tự ái dân tộc, vì họ cho rằng trước đây đã có những vùng đất đai Khờ Me nay đã lọt vào tay của Việt Nam. *(Sự thật của nguyên nhân sâu xa là do thực dân Pháp áp đặt địa lý, cắt chia ranh giới ba nước Đông Dương. Trường hợp lằn biên giới da beo của các xứ da đen ở Phi Châu ngày nay cũng vậy, đều do người da trắng khi xưa ấn định và có khi họ còn làm luôn cả lịch sử. Tuy nhiên, hiện nay hầu hết các quốc gia ở lục địa nầy đều nhất trí tôn trọng các thỏa hiệp về biên giới từ trước, vì không thể có cách nào để làm đảo ngược lại lịch sử nhân loại).*

Dầu sao thì Tây Ninh cũng thuộc về vùng đất cao ráo cho nên nhà cửa ở nông thôn sạch sẽ, dễ nhìn. Thử nếu đem so bì với một tỉnh nào đó ở miền Tây, thì quả thực Tây Ninh có thiếu phần nào thủy sản cá tôm v.v... nhưng bù lại, cải rau, hoa quả có thừa. Tóm lại, về mặt nhận xét chung thì người ta có thể nói Tây Ninh vẫn còn là một vùng đất mới, là *"Tân Biên Cương"* hiểu theo ý nghĩa của một vùng địa lý hãy còn chờ đợi sức khai phá của con người. Đây không phải là một ẩn dụ mà là một sự chứng minh cụ thể của lịch sử dân tộc, đã từng lựa chọn nơi nầy để làm thí điểm dinh điền trong những kế hoạch khẩn hoang lập ấp.

Ngày xưa, mỗi lần khách hành hương từ phương xa khi tới Trảng Bàng, tức là bàn đạp bước vào vùng đất của Tây Ninh, thì người ta thường hay phân vân về việc lựa chọn lộ trình trên đường vào chiêm bái thắng cảnh núi Bà Đen. Tại Trảng Bàng đi đến quận châu thành Tây Ninh có hai ngã đường, mà dân địa phương thường hay quen miệng gọi là đường đá xanh (đường nhựa) và đường đá đỏ. Đi theo đường đá xanh, tức là tiếp tục lên hướng Gò Dầu Hạ, rồi ngang qua Trà Vỏ cho đến khi thấy lác đác những lò gạch ngói xuất hiện bên vệ đường, ven bờ Vàm Cỏ tỏa làn khói đen quyện lên cao là đã vào cục đất Cẩm Giang có bến đò xuôi ngược. Bỏ lại nơi đây không mấy chốc thì tới Mít Một rồi có hai ngã rẽ, hoặc quẹo mặt vào chợ Long Hoa, hoặc đi thẳng để vào châu thành Tây Ninh. Ngược lại, còn muốn đi theo con đường đá đỏ (nhưng ngày nay đã được tráng nhựa) thì từ chợ Gia Huỳnh (Trảng Bàng) thẳng tới ngã ba hai châu quẹo trái đi Suối Bà Tươi, Sông Đua, Động Lông Công (Bàu Đồn), Truông Mít, Cầu Khởi, Chà Là và trước khi vào đến thành phố tỉnh lỵ thì phải ngang qua Tòa Thánh Cao Đài. Lộ trình con đường đá đỏ nầy thì ngắn hơn và phản ảnh được nhiều chân dung của bức họa đồng quê đầy ấn tượng hơn. Lý do là vì nó xuyên qua những nơi có vài chứng tích của lịch sử địa lý cận đại (nay gần như biến dạng) bắt đầu từ địa điểm Sông Đua, (nơi đây có bờ lũy chạy dài tới tận bìa rừng), cho đến đồn điền cao su Cầu Khởi ăn thông qua Vên Vên, Trung Bình Linh trông rất nên thơ vào những mùa Thu lá đổ.

Từ khi nước nhà chưa thực sự hoàn toàn ngưng tiếng súng, khách lạ nào đặt chân tới thành phố Tây Ninh vào những buổi chiều tà, thì chắc chắn sẽ không bao giờ quên cái cảm giác đầu tiên là lắng tai nghe được những âm thanh rung chuyển thét gầm của súng đạn liên tục từ xa vọng về, như để thay cho những tiếng chuông chiều đưa tiễn hoàng hôn. Ngày nay hòa bình trở lại, buổi sáng ở Tây Ninh có ngọn gió núi trong lành thổi qua chân trời man mác nhưng gây ấm được lòng của khách lãng du ngắm nhìn vườn bưởi ở vùng đất đỏ Thanh Điền mà hương vị không thua miệt Đồng Nai, Sông Bé. Nói cách khác, mặc dù không thể so sánh với những vùng có khả năng thổ sản đặc biệt dồi dào, sum sê cây trái, nhưng Tây Ninh lại cũng có nhiều đặc điểm thuận lợi về yếu tố thiên nhiên của đất đai rất thích hợp với một số cây trồng như mía, đậu phộng, dưa hấu, nhãn, hồ tiêu v.v...

Tại miền Nam Việt Nam ngoài hai tôn giáo lớn là Phật Giáo và Thiên Chúa Giáo, thì còn có thêm hai đạo khác cũng có nhiều tín đồ là Hòa Hảo ở An Giang và Cao Đài ở Tây Ninh. Cần nói rõ thêm, nếu đạo Hòa Hảo tôn sùng đức độ của Phật thầy Tây An bao nhiêu, thì đạo Cao Đài lại càng ngưỡng mộ vào vị danh sĩ tiên tri thời Lê mạt Nguyễn Bỉnh Khiêm với quyển *"Sấm Trạng Trình"* giống như trường hợp đặc biệt của nhà thiên văn Nostradamus ở Pháp với tập *"Centuries"* đã được rất nhiều người phương Tây thời nay thán phục.

Đạo Cao Đài do ông Ngô Văn Chiêu (nguyên là Quận Trưởng ở Phú Quốc) sáng lập vào năm 1926 với chủ trương tinh thần sống chung hòa bình theo tôn chỉ hòa đồng tôn giáo và thờ cả Phật Chúa Lão Khổng. Do vậy, mỗi khi nói đến Tây Ninh thì có ngay nhiều người muốn nói về hình ảnh của Tòa Thánh Cao Đài ở tại Long Hoa cách thành phố Tây Ninh khoảng chừng mười phút xe lôi (non chừng 5km). Đây là một công trình kiến trúc thật mỹ miều, đặc biệt có thể nói là độc nhất vô nhị trên thế giới với những đường nét cấu trúc Việt Nam, công phu trên những hình rồng oai nghiêm, uốn khúc thắm tô màu

https://tieulun.hopto.org

sắc rực rỡ. Theo vị trí, Tòa Thánh nầy nằm trong vùng thánh địa của tín hữu đạo Cao Đài, là cái nôi xiển dương của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Lễ đặt viên gạch xây cất đầu tiên xảy ra từ tiền bán thế kỷ XX (năm 1936) cho đến mấy chục năm sau đồ án mới được gọi là hoàn thành. Song thực tế, cho đến bây giờ cũng vẫn hãy còn có một số dự án công trình phụ thuộc còn tiếp tục nghiên cứu mở mang.

Nhưng nói riêng về một phương diện nào đó, thì dù sao cũng không ai có thể phủ nhận về hình thức kiến trúc tuyệt mỹ vừa cổ kính, vừa hiện đại của Tòa Thánh Cao Đài đã thẩm tô thêm vẽ thắng duyên cho quê hương sơn kỳ thủy tú sản sinh của khó, người hiền, đã thực sự có sức thu hút khách du lịch mười phương đến thăm viếng ngày một đông hơn. Và, hơn thế nữa, ngày trước tại đây ảnh hưởng của đạo Cao Đài đã có cơ hội đi sâu hơn vào tận làng mạc dân gian, khắp nơi thôn vắng. Chỗ nào cũng có thánh thất, dù chỉ là những mái tranh vách đất nhưng tâm hồn người không thiếu lòng tôn kính Đức Chí Tôn của các tín hữu hướng về nguồn *"Đạo gốc bởi lòng thành tín hiệp"*. Ngoài ra, các tổ chức đoàn ngũ hóa phụng sự xã hội (phước thiện) của hệ thống giáo hội Tòa Thánh Tây Ninh từ trước cũng đã tỏ ra rất là hữu hiệu, đáp ứng thỏa mãn nhu cầu tinh thần của đa số dân cày siêng năng công việc đồng áng, lúc nào cũng thấm nhuần tư tưởng đại đạo tam kỳ phổ độ mà đề huề công đức Từ Bi, Thánh Thiện ở đời.

Nếu ở miệt An Giang là miền đất dụng võ của đạo Hòa Hảo, thì tầm ảnh hưởng của đạo Cao Đài ở Tây Ninh đã có hoàn cảnh thuận duyên hơn để hoằng dương đạo pháp ra đến tận miền Trung. Cho đến ngay cả cách không xa dưới chân cố đô Đồ Bàn *(đế đô "Fochê" của dân tộc Chiêm Thành)* cũng có sự hiện diện đơn sơ của một thánh thất tôn nghiêm của đạo Cao Đài đã được xây cất từ mấy mươi năm về trước... Trở lại chợ Long Hoa để nhìn thấy mái đỏ hình cong sừng sững vươn mình lên giữa không trung của Tòa Thánh như muốn chế ngự thiên nhiên, thì người ta không thể nào không nghĩ tới công đức cao dày của hàng triệu tín hữu Cao Đài đã đóng góp công của để hoàn thành một công trình nguy nga, hoành tráng thật là hy hữu, tuyệt tác, liên tục đắp xây trong vòng mấy chục năm trời với tinh thần thiết tha, tự nguyện.

Ngày xưa, chợ Long Hoa được xây cất lên sau chợ Tây Ninh, tuy việc buôn bán rất là nhộn nhịp, sầm uất nhưng không có con đường giao thông thủy lộ giống như chợ Tây Ninh được khách thương hồ lui tới dễ dàng. Hãy nghe nhìn tiếng trống và phèn la của các đoàn sơn đông mãi võ hết đám nầy đi, đám khác lại biểu diễn võ nghệ, bán thuốc cao đơn hoàn tán cạnh bờ sông kế chợ. Hãy trông những đoàn người Chàm từ Phan Rang, Phan Rí gánh bị nhiều thảo dược gia truyền, vô tư lự với cuộc đời rày đây mai đó cũng thay nhau thường xuyên đến chợ Tây Ninh bán thuốc rễ cây làm kế mưu sinh. Gặp lúc không có người mua thuốc thì họ đề nghị đổi lấy khoai lang, khoai mì, cây trái v.v... Sự kiện đó đã nói lên tâm lý tình người ở Tây Ninh bao giờ cũng thẩm đượm tính chất thật thà, tình nghĩa đồng bào trăm con một mẹ.

Thậm chí ngay cả đối với lớp người Hoa cũng vậy. Ở đâu có khói là có sự hiện diện của họ nhẫn nại làm ăn sinh sống. Và thực tế, họ đều cũng được người dân bản địa Tây Ninh đối xử bao dung tốt đẹp tự bao đời. Sở tại, họ chiếm lĩnh hàng đầu về mọi ngành nghề mua bán, lòn lách từ lọ ve chai, lông vịt, gói đậu phộng rang, cục xà phòng, bánh tiêu, giò chéo quảy v.v... cho đến các xí nghiệp biến chế ngũ cốc. Và họ cũng đã có những vị trí xã hội công bằng trong nhiều tư thế khác nhau. Quả vậy, cách đây một thế hệ không xa nếu cộng đồng người Hoa ở Tây Ninh đã có những hình ảnh của các chú *"Cẩu"* đằng đằng sát khí, oai vệ lên đồng trong các miễu Ngũ Hành, những bà *"Dành"* chuyên đóng kịch thảm thê bằng nghề khóc mướn trong các đám ma chay v.v... thì ngược lại, bên cạnh đó, họ cũng có được những tổ chức Bang Hội đầy rẫy các thế lực ngầm sẵn sàng mua chuộc các viên quan làng xã. Chính vì thế mà biết bao nhiêu câu chuyện lý thú, ngoạn mục như "cái đòn gánh" mang theo trên lưng của chú ba Tàu di dân vào đất Tây Ninh lập nghiệp quả là một loại vũ khí tinh thần, giúp họ xoay trở thành công trên con đường sự nghiệp ở nơi nầy.

Là dân bản địa, người Tây Ninh biết rõ ràng về lịch sử, địa lý, nhân văn, tập quán xã hội ở địa phương của họ nhiều hơn ai hết. Tuy nhiên, cũng một phần vì không quen có đầu óc kinh doanh, và vì chỉ thích bám lấy nghề nghiệp nông tang, cuốc bẫm cày bừa trên cục đất của ông cha để lại với nhiều kỷ niệm gắn chặt thời thơ ấu mới ngày nào nghêu ngao ngồi vuốt đuôi trâu! Do vậy, cho nên người dân Tây Ninh thường hay có những hành động dấn thân đóng góp làm đẹp xóm làng đáng quý hơn là bằng mọi giá quả cảm phải bảo vệ núi rừng.

Đất Tây Ninh nổi tiếng không những là nơi đã từng sản xuất ra nhiều thế hệ trí thức, văn nhân, tướng tài oai danh một cõi biên thùy, mà lại còn có niềm tâm sự cao cả của một *"Bà Tư bán hàng có bốn người con"* trong mùa ly loạn xảy ra trên thực tế. Chính Bà Tư phi thường ấy chỉ có rơi những giọt nước mắt lần đầu tiên, khi được biết rằng mình vĩnh viễn sẽ không còn có thêm được đứa con nào nữa để tiếp tục hiến dâng, hy sinh cho tổ quốc đang lúc lâm nguy cần tay súng đánh đuổi ngoại xâm ra khỏi xóm làng. Đây là một giai thoại ngoạn mục, vừa bi hùng đã xảy ra ở tại một địa bàn hẻo lánh quê nhà. Và hình ảnh của một bà già trầu, thời xuân sắc có người yêu lý tưởng là thanh niên tiền phong đã đền nợ nước. Dạo ấy, đã giống như bao nhiêu là hình ảnh khổ đau của các bà mẹ Việt Nam gương mẫu, hận non sông, vì nợ nước thù nhà, mà đã có nhiều ý chí sắt đá, quyết nuôi con trở thành người chiến sĩ anh hùng.

Lần giở trang nhật ký quê nghèo có lắm vui buồn lẫn lộn xa xưa và nhớ từ chuyện con cọp về làng, con chim mèo về miễu báo hiệu điềm ứng chẳng lành cho thôn xóm đến những hình ảnh của những con voi, con khỉ thuần phục làm trò xiệc trước sự rèn tập của con người. Rồi hồi tưởng lại, có những hiện tượng manh nha về tệ đoan xã hội có tác động tâm lý đã từng xảy ra ở vùng chó ăn đá, gà ăn muối tại Tây Ninh. Đó là trường hợp hy hữu của một ông thầy thuốc Nam. Dạo ấy khoảng năm 1956 ở Bến Củi nay là quận Dương Minh Châu *(gần nơi khai thác hầm đá ong, gần đồn điền cao su lớn nhất ở Việt Nam là Dầu Tiếng)* có một pháp sư thuốc Nam nhưng chẳng dùng bùa ngải tà ma nào để mê hoặc ai cả. Người ta gọi ông là ông thầy lá cây, vì ông chữa bệnh bằng lá cây phun nước lạnh nấu sôi lên cho chết hết vi trùng rồi mới dùng. Nếu nói theo tâm lý khoa học hơn là vì ông khéo léo, gián tiếp khuyên cho bệnh nhân nên dùng nước đun sôi để tránh những bệnh vặt hằng

https://tieulun.hopto.org

ngày. Người bình dân chất phác nghe tin ông, người có óc hiếu kỳ tới để rõ xem hư thực. Vậy mà mỗi ngày có cả hàng trăm người ngồi chật cả xe "lam", xe đò để từ các tỉnh lân cận và Sàigòn đến với ông trong vòng hơn cả năm trời.

Tuy nhiên, nói như vậy không có nghĩa là Tây Ninh ngày trước là nơi không thể không có những con người quê mùa nhẹ dạ, mê tín để cho các nghề pháp sư lợi dụng cắm dùi làm đất dụng võ, lường gạt bà con bằng những trò rước đèn múa bóng, ngồi cốt lên đồng, khiển đồng tìm vật, cúng tế quỷ thần dưới cây cao bóng mát!!! Còn nữa, thời đó cũng không thiếu chi nhóm bọn lục lâm thảo khấu vãng lai quấy nhiễu khách đi đường. Và đặc biệt là thời tiền chiến (1945), thì đã có sự hiện diện thường xuyên của những thành phần lãng tử phiêu lưu mạo hiểm, khét tiếng sống cuộc đời rày đây mai đó lợi dụng với tinh thần anh hùng Lương Sơn Bạc để tụ tập bầu bạn, say sưa chè chén suốt năm với giấc mộng ngang tàng quanh vùng sơn cước.

Đó là những mẩu chuyện khó tin nhưng có thật đã xảy ra ở nơi đèo heo hút gió Tây Ninh. Và hình ảnh thâm sơn cùng cốc ở Tây Ninh hiện vẫn còn được nhắc nhở theo các lời truyền thuật của các vị bô lão bằng những địa danh xưa như Truông Mít (nơi đất có quá nhiều cây mít), động Lông Công (tức Bàu Đồn, nơi đất có quá nhiều cọng lông công dùng để làm chổi), Rỗng Tượng (nơi khi xưa có nhiều voi thường xuyên kéo đến uống nước hằng ngày) v.v... Ngoài ra, vùng biên giới của sông Vàm Cỏ Đông ngã tiếp giáp dòng nước từ Kong Pong Cham Cam Bốt chảy sang cũng là nơi khi xưa có cảnh trí thật là thơ mộng. Có khúc đi ngược lên nhìn thấy đất bồi, bờ cao phủ đầy hoa dại và những cây đại thụ tàn lá to lớn che mát cả ven sông, dưới có cá tôm, trên có vượn, khỉ, heo rừng, muôn loài chim chóc v.v...

Tuy nhiên, lịch sử cận đại của tỉnh lẻ biên thùy Tây Ninh được nhắc đến hơn bao giờ hết, nhất là kể từ khi nổ ra cuộc chiến tranh khốc liệt sau hiệp định Genève 1954-1975. Vì lý do tình hình chính trị lúc đó, cho nên những người dân cư ngụ ở khác vùng rất ngại tiếp xúc cùng với đồng bào địa phương. Mặc dù bà con vùng sâu xa sở tại vốn rất là chơn chất, hiền hòa, có người dân cày cả đời ru rú ở nhà không bao giờ có dịp để nhìn thấy được hình dáng của bể khơi ra sao! Nhưng thời gian đã bỏ quên tất cả. Ngày nay, ngọn núi Bà Đen 986m cách thành phố Tây Ninh 12km ngày càng mọc cao hơn. Và được coi như là một di tích lịch sử thiên nhiên của nước nhà cần phải được bảo tồn, cũng như trường hợp của bảy hòn núi nhỏ ở miền Tây Nam phần. Hơn thế nữa, nếu đem so với các ngọn Thất Sơn thì núi Bà Đen gồm cả núi Heo, núi Phụng trông có vẻ đẹp hẳn hơn, nhờ hình thể trên chóp thường có mây giăng, tương tợ như ngọn Phú Sĩ ở Nhật Bản càng tăng vẻ đẹp khi càng có nhiều tuyết phủ.

... Nước non ngàn dặm quê hương Việt Nam yêu dấu của chúng ta có muôn ngàn vẻ đẹp tùy theo hoàn cảnh địa lý, lịch sử của vùng miền. Từ miệt:

Đồng Đăng có phố Kỳ Lừa
Có nàng Tô Thị, có chùa Tam Thanh

rồi vào phố Huế nhìn sông Hương, núi Ngự, để nghe *Tiếng chuông Thiên Mụ, canh gà Thọ Xương* và cách xa vùng cửa bể Hội An còn có cảnh trí núi Ngũ Hành, cho đến tận đồng bằng châu thổ phương Nam có vựa lúa vàng đơm bông trên *Cánh đồng sông Cửu, cạnh dòng Đồng Nai.*

Và thực tế đã nói lên về hình ảnh của gấm vóc san hà không sai điều đó. Nhưng đồng bằng miền Nam ngoài dãy Thất Sơn huyền bí v.v..., thì còn có ngọn núi Bà Đen cao nhất làm cho cuộc đất quê hương có thêm phong cảnh hữu tình, thủy sơn hòa quyện. Đặc biệt, nếu những năm sau ngày nước nhà hoàn toàn ngưng tiếng súng. Người ta mới có dịp phát hiện ra được những chứng tích thời đại văn minh của con người khi khai quật từ dưới các ngôi mộ cổ vùng Tân Uyên cạnh dòng Đồng Nai, thì trong lúc còn chiến tranh cũng đã có nhiều ngôi mộ cổ huyền bí khác nằm cạnh chân núi Bà Đen đã phải bị san bằng theo vết chân của bom đạn hằng ngày.

Đường hành hương lên viếng núi Bà Đen thuở xa xưa từ bốn năm thế hệ là con đường xe bò, xe trâu ngoằn ngoèo, khúc khuỷu gập ghềnh trên đất đá, phải đi ngang qua nhiều Sóc (làng) nhỏ của người Cao Miên và người Chăm sinh sống tự bao đời. Nhưng kể từ khi có sự hiện diện của người Kinh kéo đến lập nghiệp ở gần, thì họ tự ý di cư sang nơi khác vì có mặc cảm không muốn sống gần người Việt. Vào thời kỳ còn hoang vu, cây cối rậm rạp, núi Bà Đen vốn là quê hương của chúa tể sơn lâm. Nơi đây cọp, beo rất nhiều và voi, hươu, nai, bò rừng, cheo, khỉ, thỏ, công, heo rừng v.v... cũng không phải ít. Sáng nào người dân sơn cước cũng nghe được tiếng chim muông ca hót líu lo, hòa lẫn với tiếng cọp gầm vang dội núi rừng từ xa vọng lại.

Theo thời gian, nạn khai thác lâm sản không có kế hoạch, hay nói cho đúng hơn là trước sức tiến của con người đã vô tình làm mất đi bao nhiêu là gỗ quý như huỳnh đàn, gõ, bằng lăng v.v... Cũng như lần biến dần những cánh đồng dược thảo như hà thủ ô, bạc hà, chi tử v.v... Và cũng làm mất đi luôn cái cảm giác thú vị khi đi hành hương bằng xe trâu hay xe bò kéo ngang qua những lò gạch ngói (có phẩm chất cao nhờ đất tốt), những hầm than tỏa khói hiu hiu ở giữa rừng chồi, những cánh đồng tranh vàng nhạt lướt mình trên lau cỏ, rồi dừng chân lại để bẻ măng tre, hái nấm mèo, nấm rơm. Hoặc ngắm nhìn những vườn cây trái thiên nhiên bên vệ đường chen lẫn vào những cánh đồng sim tím, những bụi hoa trinh nữ e ấp, mời mọc khoe mình và những cụm mai vàng lác đác ở khắp đó đây trên lộ trình đi đến chân núi Bà Đen.

Ngày nay, huyền thoại hay thực thoại về giai thoại của vua Gia Long trên con đường bôn ba đào tẩu (trốn nhà Tây Sơn) được hiền thần báo mộng cứu nguy ẩn trốn vào Điện Bà vẫn được còn truyền tụng cho đến bây giờ như là một câu chuyện cổ. Và bây giờ, nhờ vào hệ thống cáp treo, máng trượt rút ngắn thời gian giúp cho mọi người đều có thể leo núi một cách dễ dàng. Cho nên, Điện Bà Linh Sơn Thánh Mẫu lúc nào cũng uy nghiêm không dứt khói hương tràn ngập của bá tánh thập phương đến chiêm bái trong những ngày trọng đại, dịp Tết Xuân về, lễ Phật suốt năm. Đặc điểm trên đỉnh Điện Bà là có hồ sen, có suối trong óng ánh cát vàng, nước chảy róc rách gọi là Suối Vàng, có nhiều hang sâu gió lộng gọi là Hang Gió, động Thiên Thai, động Thanh Long v.v... và gót chân Phật trên thạch bàn gợi lại một điển tích ở sân Thiền. Ngoài ra, từ trên cao núi Bà nhìn xuống không gian rõ nét của đập Lòng Hồ in tựa bể khơi, mênh mông nước biếc khiến khách hành hương

https://tieulun.hopto.org

không khỏi cảm thấy lòng mình sảng khoái lạ thường... Hồi tưởng lại ngược dòng thời gian, thì ở chung quanh dưới chân núi nầy ngày nào, thì có cả người Việt chánh tông, người Khờ Me, người Chăm và người Hoa đã hòa đồng tập tục, thông cảm lẫn nhau sống đơn sơ trong hạnh phúc.

Trong ba mươi năm chiến tranh, có những thời kỳ mà người ta rất ngại đến đất Tây Ninh, vì lý do tại đây có rất nhiều huyền thoại lẫn lộn với thực tế xã hội ở một nơi được gọi là đất rộng người thưa, địa hình hiểm trở với núi cao rừng rậm. Phải thực tế khách quan, để gợi lại hình ảnh của từng đoàn pháo đài B52 rải thảm bom làm trơ bật rễ của những cây đại thụ ở tận rừng sâu. Hay phun thuốc khai quang tàn phá môi sinh dạo nào, để cho đến ngày hôm nay còn có những khu vực mà các loài thực vật (loại rừng thứ sinh) hãy còn chưa đủ sức hoàn toàn để phục hồi sự sống như xưa, thì mới hiểu được rõ ràng Tây Ninh là một tỉnh ở địa đầu giới tuyến đã hứng chịu nhiều hậu quả của chiến tranh. Còn nói thêm, như về trường hợp điển hình thảm họa, thương tâm của em bé tên là Phan Thị Kim Phúc trần truồng thoát chạy khi bị bom Napalm đốt cháy cả lưng tại Trảng Bàng (Tây Ninh) vào năm 1972. Tài liệu sống động nầy từ mấy chục năm qua đã được báo chí và đài truyền hình quốc tế phổ biến bao lần, gây nên nhiều phản ứng xúc động trong tâm hồn yêu chuộng hòa bình của con người trên thế giới. Do vậy, vì nhờ may mắn được đánh giá coi như là "đứa con biểu tượng của Việt Nam" còn sống sót sau thời kỳ chiến tranh Mỹ Việt. Cho nên, về sau nạn nhân mới chính thức đã được ***"Tổ Chức Văn Hóa Khoa Học Giáo Dục LHQ"*** *(4)* tại Paris trao cho danh dự là Sứ giả Hòa Bình, và bổ nhiệm làm Đại sứ Thiện Chí vào ngày 10.11.1997.

Và mặc dù là một vùng đất bị ảnh hưởng trực tiếp của chiến tranh tàn phá khốc liệt trải qua mấy chục năm trời liên tiếp. Nhưng người dân Tây Ninh vẫn hiên ngang, ngạo nghễ về lãnh vực nông tang, để vươn mình đứng dậy qua sức sống của đồng ruộng lúa chín vàng, cánh đồng bắp, mía ngút ngàn, đậu phộng to thơm và những lán dưa hấu đen mun ngọt ngào trên vùng đất mới. Thêm vào đó là rừng cao su Dầu Tiếng xưa nay vẫn mênh mông bát ngát, và dòng nước êm đềm của đập Lòng Hồ chảy đến đâu là mang đến cho người dân hiền những màu lục xanh tươi mát với niềm hy vọng được mùa. Điều nầy, chứng tỏ rằng cá tính của người dân Tây Ninh quả thật không thể thiếu tinh thần quả cảm và ý chí kiên trì để tham gia kế hoạch dẫn thủy nhập điền, thay trời làm mưa. Để cố gắng xây dựng lại quê hương từ trong đổ nát, hoang tàn hay cật lực cố làm tăng thêm mọi sự thịnh vượng hầu nâng cao mức sống dân sinh.

... Bạn đã toại nguyện được trở về thăm làng cũ giữa khi mùa hoa phượng vĩ vẫn còn nở thắm tươi vào những tháng hè về. Nhìn người xưa và cảnh vật đổi thay mà ngỡ ngàng như giấc Nam Kha trước hình ảnh của một cuộc đời hai ý nghĩa, rồi mai nầy bạn sẽ tiếp tục ra đi bỏ người ở lại với bao niềm lưu luyến, nhớ nhung. Buổi chia tay đường trường sông núi, cách xa nào mà không gieo đau khổ lòng người nhưng đành phải nghẹn ngào hẹn ngày tái ngộ!

Giữa bầu không khí ve sầu nơi chôn nhau cắt rún ấm tình cỏ rạ ở quê nghèo, nước mắt của ai sao cứ mãi tuôn tràn nhìn theo từng bước chân tạm biệt. Chân dung, màu sắc của không gian bây giờ chỉ còn như cô đọng lại ở tâm hồn trong giây phút để khắc ghi vào lòng một kỷ niệm mãi mãi khó quên.

Bóng người đi lẫn vào màn sương sáng
Ánh bình minh đánh thức buổi tiệc tàn
Chim hòa bình tung cánh bay về núi
Gió biên thùy man mác đón Xuân sang...(1)

(Paris Xuân Tân Mão 2011)

(1)- Mai An Tiêm tuyển tập
(2)- Nay là bến xe An Sương
(3)- Dưới thời Đệ II VNCH thì đất Trảng Bàng thuộc về tỉnh Hậu Nghĩa
(4)- United Nations Educational Scientific and Cultura

Biết đến bao giờ

Mùa đông tuyết lạnh ở phương này
Nhớ nước thương nhà mắt lệ cay
Nghĩ đến song thân nơi cát bụi
Có ai hiểu thấu... nỗi đau này!

Cũng đành lạnh lẽo như băng tuyết
Bao tháng năm dài đẫm gió sương
Mái tóc xanh xưa giờ điểm bạc
Xứ người lau lệ khóc quê hương...

Chúng ta, tất cả người vong quốc
Thảm họa, cơ trời lạc bốn phương
Từng mảnh hồn đau lìa tổ ấm
Gian nan, phiêu bạt... lẽ vô thường

Bạn bè, thân quyến giờ xa lắc
Biết đến bao giờ... trở lại thăm
Từ buổi chia tay rời đất Mẹ
Tuyết sương phủ mộ mẹ cha nằm!

Non sông thăm thẳm nghìn xa cách
Bao mối tình thâm phải cách chia
Nhớ mái nhà xưa qua lối nhỏ
Khói lam bàng bạc giữa sương khuya...

Bây giờ lặng lẽ thân ly khách
Xuân đến nghe lòng đẫm gió mưa
Bao kẻ trẳng đêm tràn nỗi nhớ
Đau lòng dân Việt... thảm thương chưa!!!

Hãy pha nỗi nhớ vào men rượu
Cố nén trong tim giọt lệ khô
Thầm ước như là ta đã được
Chào Xuân quê Mẹ... thỏa mong chờ!...

• Nguyễn Phan Ngọc An

https://tieulun.hopto.org

Năm Mão kể chuyện Mèo

Con mèo Thanh Hà

• Trần thị Nhật Hưng

Người Việt vốn ít thương súc vật. Khi nuôi một con vật nào thường có mục đích: Như chó để giữ nhà, mèo bắt chuột, gà vịt heo... để ăn thịt. Tuy nhiên cũng có người nuôi chúng lâu ngày tình cảm nảy sinh, trong số đó có tôi. Nhưng tôi không cưng chiều chúng quá độ như người Âu, Mỹ mặc dù tình cảm đều như nhau.

Thanh Hà là tên con mèo tam thể tôi đặt cho nó, khi nó còn nhỏ xíu mới tập ăn và chập chững đi. Hôm tôi bế nó về, dứt sữa bất ngờ, xa mẹ và các anh em, nó buồn bỏ ăn và khóc mêu mêu suốt ngày. Tôi sợ nó chết, chiều hôm đó lẳng lặng ra phố mua ngay cho nó một lon sữa bò. Lúc tôi loay hoay pha sữa cho mèo, bố tôi thắc mắc hỏi:

- Con mua sữa cho ai thế? Bố dạo này có uống sữa nữa đâu. Uống vào bố cứ đau bụng đi tiêu chảy.

Tôi lắc đầu đáp:

- Không. Con mua sữa cho Thanh Hà.

Bố tôi chau mày:

- Thanh Hà nào?

- Thanh Hà là con mèo tam thể của con đó.

Bố tôi cao giọng gắt:

- Ối giời, khiếp thật. Con mèo thì cứ bảo là con mèo. Chứ Thanh Hà, Thanh Hải gì!

Quả như tôi phỏng đoán, Thanh Hà thèm sữa thật. Vừa đặt đĩa sữa xuống đất, nó ăn chùn chụt. Tôi nhìn nó, chép miệng than:

- Còn bé thế, xa mẹ, tội nghiệp quá!

Như hiểu được ý tôi, nó quay đầu nhìn tôi, rồi lại cúi xuống ăn tiếp. Tôi vuốt đầu nó, vỗ về:

- Ngoan nhé, ngoan nhé. Rồi cô thương.

Chỉ trong mười ngày, Thanh Hà đã quên hẳn mẹ và quen dần cuộc sống nhà tôi. Khi thấy nó đã biết ăn, biết hiểu, tôi bắt đầu dạy bảo. "*Dạy con từ thuở còn thơ. Dạy vợ từ lúc ban sơ mới về*". Ca dao đã nói như vậy. Và tôi bắt chước để áp dụng dạy mèo của tôi.

Hằng ngày, mỗi khi đến giờ ăn, tôi bế Thanh Hà đến đĩa cơm đặt ở góc bếp và nói:

- Thanh Hà này, đây là phòng ăn của con. Con phải ăn uống cho đàng hoàng, không được vung vãi xuống đất nghe chưa.

Rồi tôi bế nó đặt vào thau cát để gần thùng rác sau nhà:

- Còn đây là nhà vệ sinh, con không được đi bừa bãi ra ngoài nhé.

Cuối cùng, tôi chỉ một thùng giấy bên trong có một ít giẻ vụn, nằm dưới gầm bếp:

- Và đây là phòng ngủ của con, con vừa ngủ vừa canh chuột cho cô.

Tôi dặn dò thật kỹ mỗi ngày, với thời gian, Thanh Hà quen vào nề nếp, tôi không phải khó nhọc nhiều vì sự chăm sóc cho nó nữa. Mỗi khi Thanh Hà đại tiện xong, nó lấy chân bươi cát lấp lại, nên mùi hôi không thoát ra ngoài. Thỉnh thoảng, tôi chỉ việc xúc phân bỏ vào thùng rác và thay cát mới cho nó. Có một điều làm tôi hài lòng nhất về Thanh Hà, là nó không biết ăn vụng như bao con mèo khác. Ban đầu tôi không tin tưởng cho lắm nên mỗi khi sắp thức ăn như thịt kho, cá chiên... trên bàn, hoặc lúc đi chợ về, thịt cá lấy từ giỏ ra còn ngổn ngang, thấy bóng Thanh Hà đi qua, tôi thường hét thị uy: "Meo! Meo! Meo!" để ngăn chặn nó. Thanh Hà chỉ quay lại đưa mắt nhìn tôi, rồi lẳng lặng bỏ đi, không chụp giựt một món nào. Cho dù những lần sau, tôi không hét thị uy nữa, Thanh Hà vẫn ngoan. Suốt thời gian dài như thế, Thanh Hà đã chiếm trọn niềm tin yêu trong lòng tôi. Càng ngày tôi càng mến thích Thanh Hà hơn, liền mua thưởng cho nó một trái ping pong. Thanh Hà thích lắm, làm tôi cũng vui lây. Hằng ngày chúng tôi nô giỡn nhau, cười sằng sặc. Tôi hay ném trái ping pong xuống đất, Thanh Hà vừa vồ tới thì trái banh lại búng lên cao, nó lại nhường người đưa tay lên chụp. Cứ thế... nó nhảy tưng tưng. Chơi chán cái trò ping pong, tôi lại chế ra trò khác để đùa với Thanh Hà. Tôi cột con cá gỗ vào một sợi thun nhỏ thả tòng teng xuống đất, đầu kia tôi cầm nhún nhún, xoay tròn. Vô tình, Thanh Hà phải múa theo, hai tay quờ quạng, thân hình uốn éo, trông rất đẹp mắt. Coi thế mà Thanh Hà ghiền... nhảy! Hôm nào tôi mê đọc sách, không để ý đến nó, là nó mon men lại gần lấy chân khều khều tôi.

Thanh Hà dễ thương thế, không chê một điểm nào. Thế mà có một lần, không hiểu vì đau bụng hay Thanh Hà đổ đốn, nó đi bậy dưới gầm giường của tôi. Buổi

https://tieulun.hopto.org

sáng thức dậy, ngửi thấy mùi hôi nồng nặc, tôi biết ngay là Thanh Hà. Tôi tìm roi mây, nhưng nhà không có sẵn, tìm cây thước kẻ cũng chẳng thấy đâu, tôi vớ ngay cái xe điếu hút thuốc lào của bố tôi rồi tìm Thanh Hà cho nó một trận đòn. Nhìn vẻ mặt giận dữ của tôi, Thanh Hà biết có chuyện. Nó run sợ núp dưới gầm tủ. Tôi lôi ra. Thanh Hà vùng vẫy, liên tục kêu meo meo cố thoát khỏi bàn tay tôi, nhưng làm sao thoát được. Tôi dí đầu nó sát đống phân, rồi vừa quất vào đít nó vừa hét:

- Hư này! Hư này! Hư này! Lần sau không đi bậy nghe chưa!

Vừa lúc đó, bố tôi đi trờ tới, thấy vậy, la oai oái:

- Giời ơi là giời, cái xe điếu của ông, mà đem đập đít con mèo, làm sao ông hút thuốc!

Nói xong, bố tôi giựt phăng xe điếu lại, xuống bếp, mở nước dội xối xả.

Sau trận đòn gần như nhừ tử đó, Thanh Hà bỏ nhà đi mất biệt, mãi vài ba hôm mới về, gặm theo một con chuột nhắt. Nó hí hửng đem khoe công trạng với tôi. Con chuột đã chết từ lúc nào. Thanh Hà không ăn nhưng vờn mãi, cứ nhỡn nhơ trước mắt tôi làm như thể lấy công chuộc tội. Nhìn thấy chuột, tôi kinh hãi hét lên:

- Khiếp quá! Khiếp quá! Hà ơi!

Rồi tôi tìm cây gắp con chuột bỏ vào thùng rác. Kể từ lần đó, Thanh Hà ngoan lại như xưa. Tôi ôm Thanh Hà vào lòng, vuốt ve đầu nó, nhỏ nhẹ nói:

- Thanh Hà dạo này giỏi quá, giỏi quá. Ngoan thì cô thương. Hư thì ăn đòn nghe chưa!

Thanh Hà dường như hiểu ý, nó kêu lên một tiếng "meo" đáp lời.

Thấm thoát Thanh Hà ở nhà tôi, Xuân qua, Hè lại, Thu tới, Đông tàn... mới đó mà Thanh Hà lớn như thổi. Thanh Hà đã được 14 tuổi (tuổi do tôi phỏng đoán theo người). Nó bắt đầu biết la cà rong chơi khắp xóm. Ít ở nhà. Hễ ăn cơm xong là nó đi chơi. Tôi thông cảm chẳng la rầy. Con nít mà, như tôi hồi tuổi của nó vậy. Cũng đi chơi, phá phách dữ lắm, chứ vừa sao! Với lại cũng cho nó ra đời tiếp xúc làm quen dần với cuộc sống cho vững vàng, dạn dày ra. "*Đi cho biết đó biết đây. Ở nhà với mẹ biết ngày nào khôn*". Ca dao đã dạy thế.

Một hôm nó bị chú chó đầu ngõ rượt chạy có cờ, lúc về tới cửa, Thanh Hà quay lại phùng mang trợn mắt, gồng lưng cao như lạc đà, bốn cái chân giương thẳng, miệng khạc khạc rất dữ tợn làm chú chó hoảng sợ khựng lại tru mõm sủa gâu gâu rồi rút lui. Phải thế chứ. Thanh Hà của tôi cũng khôn ngoan đáo để. Bề ngoài trông dễ thương hiền lành, nhưng đâu phải vì thế mà bắt nạt đè đầu dận cổ được. Sau ngày đó, Thanh Hà vẫn không ngán, vẫn tính nào tật nấy, ưa la cà đó đây.

Rồi tháng tư đen 75, Cộng Sản thôn tính miền Nam, cuộc sống cả nước xáo trộn. Gia đình tôi cũng sa sút như bao gia đình khác, phải cầm cự lắm mới có đủ miếng cơm không độn để ăn. Nhưng thịt, cá hầu như không bao giờ dám nghĩ tới. Họa hoằn lắm lâu lâu mới có nửa ký thịt do cửa hàng quốc doanh nhà nước phân phối nhưng phải xếp hàng gần bốn tiếng mới đến lượt mình. Nản, tôi bỏ luôn. Sống trong giai đoạn xã hội khó khăn như vậy, Thanh Hà cũng chịu chung số phận với con người. Hằng ngày, Thanh Hà chỉ còn cơm với rau muống luộc. Đó là món ăn chủ lực thường nhật của gia đình tôi. Dường như Thanh Hà cũng gốc Bắc như tôi thì phải, nên xem nó chiếu cố rau muống cũng tận tình. Tuy nhiên lâu quá, không có miếng thịt cá nào, nét mặt nó cũng hơi buồn. Tôi tội nghiệp nó hết sức, thường vuốt đầu nó vỗ về: "Thanh Hà cũng là *Cháu ngoan của bác Hồ*. Cháu ngoan thì không được đòi hỏi nha". Như hiểu được câu nói đó, nó vùng vằng "*ngao*" lên một tiếng nhảy ra khỏi lòng tôi, bỏ chạy. Thì ra Thanh Hà cũng phản đối chính sách quái lạ như vậy. Chế độ trói buộc chứ Thanh Hà nào muốn làm đứa trẻ ngoan kiểu đó. Nghĩ cho cùng, Thanh Hà nhỏ bé, ăn bao nhiêu mà tốn. Nhưng gia đình tôi không đào đâu ra thịt, cá để cho Thanh Hà. Lối xóm cũng chả hơn gì, ai nấy càng ngày càng đói nghèo, bệ rạc. Cơm còn không đủ ăn, phải độn khoai, độn bo bo. Thức ăn không có, lấy đâu tôi nhờ vả để xin cho Thanh Hà? Sống trong cảnh túng bấn, kham khổ ấy, Thanh Hà càng lúc càng ốm đi, nhưng dù cơm rau, canh cặn, tới tuổi dậy thì, Thanh Hà vẫn trổ mã, đẹp ra. Lông nó mượt hơn. Tóc nó óng ả hơn. Và trên thân thể rõ nét ba màu vàng, đen, trắng không lẫn lộn nhau, Thanh Hà trông mặn mà duyên dáng lạ. Thanh Hà bắt đầu có người yêu. "Bạn trai" của nó là chú mèo của chị bạn hàng xóm với tôi, nhà chỉ cách vài căn.

Chú mèo đó chả... đẹp trai gì. Cái mặt chú đen thui. Ánh mắt dữ tợn. Hai hàng ria mép dê xồm. Đã thế, chú lại có cái bụng nước lèo. Dáng đi nặng nề, lười biếng, nhưng hễ thấy thức ăn, chú nhanh như chớp, mắt sáng rực lên, vồ miếng mồi bỏ chạy.

Trong xóm, thỉnh thoảng tôi vẫn nghe tiếng hét, chửi đổng của chị Tình, bạn tôi, về chú mèo của chị. Nhiều lần chị phàn nàn với tôi, chú mèo của chị... mất dạy quá, chả nên tích sự gì, chỉ ăn hại không. Hằng ngày, chú lêu lổng chơi bời, chỉ biết về nhà khi bụng đói. Đêm thì lo ve vãn... gái, sống trác táng bê tha, chỉ mãi hưởng thụ quên hẳn nhiệm vụ của bản thân chú trên đời. Có chú, mà chuột trong nhà chị chả nể nang tí nào. Lũ chuột tha hồ phá phách cống rãnh, thỉnh thoảng bị nghẹt luôn, chị phải tốn một mớ tiền sửa chữa. Đã thế, lũ chuột còn cả gan cắn nát cái chạn chứa thức ăn nhà chị. Đôi lần giận trước sự thiệt hại nặng nề, chị trút hết mọi tội lỗi lên chú mèo đó, và muốn tống khứ chú đi cho khuất mắt, cái thứ sống thừa xã hội, nhưng nghĩ chú sẽ bơ vơ đói khổ, lòng nhân hậu trong chị trỗi dậy, không cho phép chị làm thế. Và cũng đôi lần chị muốn nuôi thêm con mèo khác, nhưng nghĩ đến chú mèo hiện tại, chị ngán ngẩm, lại thôi.

Tôi vẫn thường qua chơi thăm chị, vì cả hai là đôi bạn cùng sở thích mê... mèo (xin ghi chú rõ ràng: mèo bốn chân!). Thấy tình cảnh đáng thương của chị, tôi tìm lời an ủi. Nuôi mèo, chị nên nuôi từ thuở nhỏ. Dạy nó từ tấm bé. Mèo cũng như người, hễ luyện kỹ thì cũng nên. Có con còn biết ngồi thiền, ăn chay nữa. Tôi còn dẫn chứng, cọp dữ, chúa tể sơn lâm ở trong rừng, dưới sự huấn luyện của con người vẫn trở nên hiền lành, biết nghe lời, ngoan ngoãn diễn xiếc thật ngoạn mục, thật lạ kỳ. Như câu chuyện tại Chùa Cọp (Wat Pha Luang Ta Bua) thuộc tỉnh Kanchanaburi ở Thái Lan; chính với tấm lòng từ bi vô hạn của các nhà sư cùng phương pháp nuôi cọp cho ăn chay hoặc thịt nấu chín, xa hẳn mùi thịt sống và máu, dần dà cọp không còn thú tính hoang dại của

https://tieulun.hopto.org

rừng xanh, sống gần gũi với người như những thành viên trong gia đình, du khách đến thăm có thể thân thiện, vuốt ve như đối với mèo. Tất cả đều do sự giáo dục mà thôi. Giáo dục là nền tảng vững chắc để xây dựng luân lý, đạo đức nề nếp gia đình, xã hội, đất nước nhưng nó lại đòi hỏi sự quyết tâm, nỗ lực của chính mình, của mọi người cơ.

Chị Tình tiu nghỉu:

- Thì tôi cũng nuôi nó từ tấm bé, nhưng nó vẫn hư đốn biết làm sao.

Tôi cãi:

- Chị nuôi, nhưng chị không dạy nó, nên nó mới hư. Như Thanh Hà của em, nó hiền ngoan hết sức. Đó cũng do em dốc công đào luyện.

Chị Tình thở dài:

- Ôi! Âu cũng là... cha mẹ sinh con trời sinh tính. Có dạy dỗ cũng chỉ được phần nào.

Lời chị Tình, ngẫm nghĩ cũng có lý. Trên đời chả có gì tuyệt đối, được tương đối là cũng tốt lắm rồi. Đâu phải muốn là được. Chả thế mà ngài Khổng Minh, quân sư nhà Thục thời Tam Quốc, đã từng ngửa mặt lên trời não nuột than "*Mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên*".

Chị Tình nuôi mèo đã nhiều năm, thời gian dài mới đủ cho chị hiểu bản chất thật của mèo nhà chị. Còn Thanh Hà, chẳng qua mới lớn đây thôi, làm sao tôi có đủ dữ kiện để phán đoán về nó. Bằng cớ là về sau, chính Thanh Hà tốt đẹp của tôi, lại đem lòng si mê cái chú mèo vừa... xấu trai, vừa già, vừa mất nết đó được. Tình yêu! Ôi, tình yêu! Tình yêu là cái giống gì có thể làm đảo lộn mọi thứ như thế chứ. Nó là ly rượu nồng đầy men say làm ngây ngất, là cung đàn khảy lên tiếng nhạc du dương quyến rũ dẫn hai kẻ yêu nhau lạc bước sa chân vào thế giới hoan lạc để không còn biết trời trăng gì nữa. Phải đó, tình yêu làm mù lòa con tim, lý trí. Thanh Hà là... gái mới lớn lên, còn ngây thơ thánh thiện, tâm hồn nó trong sáng như tấm lụa đào nên dễ bị tình yêu dụ dỗ đưa vào mê hồn trận để không phân biệt tuổi tác giàu nghèo sang hèn, nhưng ít ra, con nhà có... giáo dục, Thanh Hà phải biết câu "*nồi nào úp vung nấy*" chứ?! Ai đời cái nồi inox sáng choang mà đem cái vung đất xần xùi đen đủi đậy lên, coi sao đặng? Nhưng nghĩ cho cùng, hôn nhân đều phải do duyên số nợ nần từ bao đời bao kiếp, nay có nhân duyên gặp lại để trả cho nhau, kén chọn cho lắm cũng không thoát khỏi bàn tay ông tơ bà nguyệt sắp sẵn.

Say trong cuộc tình, Thanh Hà hẹn hò bỏ nhà đi suốt đêm làm chuột lại giở mòi quấy phá. Một hôm tôi bực, gọi Thanh Hà lại bảo:

- Hà này! Con là... đàn bà, con gái. Con phải "*kín cổng cao tường*" treo cao giá ngọc để nâng phẩm hạnh của bậc nữ nhi. Mèo mả gà đồng, bỏ nhà đi suốt đêm còn gì là... trinh tiết!

Rồi tối đó, tôi nhốt Thanh Hà lại. Cửa nẻo tôi đóng chặt không cho Thanh Hà chui cửa sổ thoát ra ngoài. Thanh Hà buồn buồn, thơ thẩn co mình trong xó bếp. Tôi an lòng về phòng, lên giường ngủ.

Nửa đêm, tôi bỗng thức giấc vì tiếng mèo ngao. Thoạt đầu nghe, cứ như giọng con nít khóc, hay những tiếng oán than của ma khóc quỉ hờn trong đêm tối nghe rờn rợn làm sao. Tôi vốn sợ ma, mặc dù chưa thấy ma bao giờ, nhưng chỉ tưởng tượng cũng đủ rợn tóc gáy. Tôi vội kéo chăn trùm kín mặt. Trong bóng đêm, tôi nghe rõ mồn một tiếng nhịp tim đập thình thịch của chính mình. Rồi sau đó, một lát định thần, lẫn trong tiếng gió hú từng cơn, tiếng xạc xào của lá bàng nhà chị Tình len qua khe cửa, tôi nhận ra, tiếng tỉ tê của chú mèo hàng xóm. Một chặp, lại có tiếng khóc của Thanh Hà. Tiếng khóc của nó nỉ non, tức tưởi, vừa như than van vừa uất hờn. Chắc Thanh Hà đang giận tôi. Tôi lắc đầu trong bóng tối. Chao ôi, tình chúng nó đã quá nặng, tôi nỡ nào ngăn cho được. Tôi dự định sáng ngày mai phải giải quyết việc này. Nghĩ vậy, tôi an tâm dỗ lại giấc ngủ dở dang... Trăn qua trở lại một chốc, tôi ngủ thiếp lúc nào không hay, và tiếng ngáy khò... khò... của tôi hòa trong âm thanh ma quái loang nhanh vào đêm vắng.

Sáng hôm sau, khi ánh mặt trời chênh chếch trên những ngọn cây ngợp lá, tỏa xuống trần gian ánh sáng trong vắt, rực rỡ, ấm áp của một ngày tươi đẹp. Tiếng chim chóc cũng hót vang để chào đón một ngày mới. Tôi chọn giờ tốt rồi qua thưa chuyện với chị bạn hàng xóm của tôi:

- Này, chị Tình ơi! Chú mèo nhà chị đã đem lòng yêu thương Thanh Hà của em. Hôm nay em qua trình với chị để chúng mình làm... sui gia, tác hợp cho... đôi trẻ!

Chị Tình cười, gật đầu. Thế là tuần sau, nhân lúc nhận được thùng quà do thân nhân từ ngoại quốc gởi về, chị Tình vui mừng đem biếu nhà tôi một tô bún riêu. Nhìn tô bún hồng tươi lóng lánh nước mỡ lẫn những rún cua nâu nâu nổi trên mặt bún trắng hếu, vài cọng hành ngò xanh xanh, lác đác vài lát cà chua đỏ au xắt mỏng; đĩa rau xà-lách thái nhỏ lẫn lộn với giá sống, húng quế, húng lủi, hành lá, kinh giới, tía tô, rau muống chẻ, tôi thèm chảy nước miếng nhìn chị, cười cười:

- Chà, đây là sính lễ cưới Thanh Hà đó hén?

Tôi bưng tô bún và đĩa rau đặt trên bàn ăn rồi nói tiếp:

- Tuần tới, em cho... rước dâu! Thời buổi khó khăn, nhà gái chỉ... đòi thêm một tô bún ốc.

Chị Tình không nói gì, chỉ tủm tỉm cười. Thế là từ đó, Thanh Hà chính thức có chồng. Tôi không khó dễ với Thanh Hà nữa, mặc dù tôi không ưng ý lắm khi nó vớ phải một anh chồng... mắc dịch! Thôi, kệ nó. Duyên nợ của nó, nó phải gánh. Thân gái mười hai bến nước, trong nhờ, đục chịu. Cản ngăn cho lắm chỉ khổ thêm cái đầu. Tuy vậy, thấy vợ chồng nó quấn quít thật tình yêu thương nhau, lòng tôi cũng vui vui. Nhà chồng Thanh Hà cũng chả xa xôi gì, Thanh Hà tự do đi đi, về về. Vài tháng sau, Thanh Hà có bầu. Cái bầu càng ngày càng lớn khiến Thanh Hà đi đứng uể oải, nặng nề hơn. Nó về ở hẳn nhà tôi đợi ngày sanh nở.

Hôm chuyển bụng, Thanh Hà đau đớn kêu la thảm thiết. Nó chạy tán loạn khắp nơi để kiếm nhà hộ sinh! Thấy nó quýnh quáng, tôi cũng vội vã tìm cho nó một chiếc thùng giấy trong có một ít giẻ vụn đặt dưới gầm tủ rồi rình Thanh Hà đẻ để lấy "nhau". Thiên hạ vẫn cho rằng lấy được "nhau" mèo rất hên, nhất là phát tài về tiền bạc. Nhưng mà không dễ, vì mèo có thói quen kín

https://tieulun.hopto.org

đáo. Cho nên Thanh Hà thấy tôi, Thanh Hà bỏ chạy. Rồi trong đêm hôm đó, không biết vào lúc nào, Thanh Hà đã hạ sinh một trai, một gái. Sáng hôm sau thức dậy, tôi nghe tiếng mèo kêu từ nóc tủ, tôi bắc ghế lên nhìn, thấy hai con mèo con nhỏ xíu bằng nắm tay, mắt nhắm nghiền, chân loạng choạng bước, miệng cứ kêu meo... meo... vì vắng mẹ. Không biết Thanh Hà đi đâu. Mẹ hư quá. Con khóc mà bỏ nhà đi chơi. Hay nó đi thông báo cho chồng nó?! Mãi một lát, Thanh Hà mới trở về. Thấy tôi ẵm hai con của nó, Thanh Hà lẻo đẻo chạy theo sau. Tôi đặt hai con của nó vào... nôi (thùng giấy) đã dọn sẵn rồi ngồi ngắm dung nhan chúng.

Tuy mới chào đời, lông lá còn lưa thưa chưa rõ nét, song tôi vẫn nhận ra, một con tam thể, một con nhị thể.

Con tam thể in hệt Thanh Hà. Hễ mèo tam thể luôn luôn là cái. Tôi đặt tên nó là Tam Sương. Con nhị thể hai màu đen, trắng mới ngộ nghĩnh làm sao. Khắp mình màu trắng, riêng bốn bàn chân thì đen, thoạt trông như nó mang găng. Nhưng đặc biệt hơn cả là hàng ria mép màu đen nổi bật trên khuôn mặt trắng trông oai oai như một vị tướng, tôi đặt tên là Nhị Thành.

Nhị Thành càng lớn càng... đẹp trai. Nhất là khi nó ngồi trên ghế salon hóng chuyện, cặp mắt mơ màng, hàng ria mép thỉnh thoảng liến thoắng nhấp nhô, trông nó oai ra phết. Khách đến nhà chơi không ai mà không chú ý đến nó. Nhìn hàm râu kẽm của Nhị Thành, họ cười bảo trông nó oai vệ như tướng... Nguyễn Cao Kỳ! (Đây là nhận xét của khách, thật tình xin kể lại. Mong được thông cảm).

Nhị Thành ngộ như thế, Tam Sương cũng không chịu kém. Ngoài nhan sắc mỹ miều như mẹ, Tam Sương còn có khuôn mặt trội hơn. Mặt nó phân biệt rõ ràng hai màu vàng, trắng; trên đỉnh đầu có một chóp đen, thoạt nhìn, Tam Sương như đang đội mũ, thật quí phái vô cùng. Hằng ngày anh em nó nô đùa với nhau, hoặc cùng nhau nhảy nhót tạo không khí nhà tôi vui tươi sống động hẳn lên. Ấy thế mà một hôm, bạn của bố tôi lại chơi, có ý xin một con. Tôi không muốn nhưng vì lệnh của bố tôi, tôi đành lòng bấm bụng tiễn Tam Sương ra đi. Ngày chia tay, chưa bao giờ buồn như thế. Hôm đó trời u ám, rả rích mưa, tiếng tí tách từng giọt rớt xuống mái hiên hòa với tiếng meo meo của Tam Sương làm nẫu ruột gan tôi. Ngày đó, dù túng bấn, trước khi nó đi, tôi cũng cố gắng mua đãi Tam Sương vài con cá vụn nấu ngót với vài cọng rau muống. Bữa... tiệc tiễn đưa, mẹ nó, anh nó cũng có mặt. Ba mẹ con nó châu đầu vào đĩa cơm, thỉnh thoảng đưa mắt buồn bã ngước nhìn tôi, không có giọt nước mắt nào, nhưng thay cho tiếng khóc, chỉ có tiếng mưa rơi rỉ rả, không ngớt. Khi người khách bế nó ra khỏi nhà, Thanh Hà, Nhị Thành cũng quyến luyến chạy theo. Tất cả cùng cất tiếng meo... meo như một bản nhạc buồn thay cho lời tiễn biệt.

Tam Sương đi rồi, nhà vắng hẳn đi. Mỗi lần nhìn Thanh Hà và Nhị Thành, tôi chạnh lòng nhớ Tam Sương. Không biết bây giờ nó ra sao? Có khỏe không? Có nhớ về mái ấm gia đình nơi chứa đầy kỷ niệm vui, buồn, nơi nó đã sinh ra và lớn lên, hay Tam Sương đang sung sướng rồi quên đi chốn cũ? Không, tôi không tin như thế. Tam Sương không thể là loại vô tình, bạc bẽo, vì nó là con của Thanh Hà, một người mẹ hiền hậu, nhu mì, mẹ nào con nấy, nhất là người mẹ đó đã từng sống cả đời êm đềm bên tôi và do tôi đào luyện. Vẩn vơ, tôi nghĩ đến sự bạc đãi của chủ nhân đang nuôi nó. Nếu thế sẽ tội nghiệp Tam Sương biết chừng nào. Nó sẽ vô cùng bơ vơ, cô đơn lẫn cô độc, buồn! Thôi, nghĩ đến nó nhiều, chỉ mệt thôi, tôi chỉ biết cầu mong nó được may mắn và vui sống với cuộc đời hiện tại.

Vài tháng sau, nỗi buồn chưa vơi, biến cố mới làm chao đảo hồn tôi. Thanh Hà bị mất tích. Đã một tuần, hai tuần rồi... một tháng, Thanh Hà không thấy trở về. Tôi tìm kiếm khắp nơi, nhưng Thanh Hà vẫn biệt vô âm tín. Thất vọng, tôi nghĩ đến cuộc sống đói khổ hiện tại. Chính sách khắc nghiệt, sai lầm của cộng sản ngăn sông cấm chợ, quốc hữu hóa quốc doanh đã đưa cả nước vào thảm cảnh, không bảo toàn nổi cuộc sống ấm no cho con người thì súc vật cũng phải chịu chung số phận. Nạn bắt chó tóm mèo đã trở thành phong trào của xã hội. Lối xóm ai nấy đều xôn xao, đều cảnh giác mà không sao ngăn được. Thanh Hà đã trở thành nạn nhân. Người ta bắt cóc Thanh Hà để làm thịt. Thịt mèo có ngon gì cho cam, nhưng cũng đỡ lòng thay cho khoai sắn.

Chán với cuộc sống và chế độ khắc nghiệt, cũng như bao người, tôi tìm đường vượt biên. Ngày tôi đi, Nhị Thành đã khá lớn. Tôi bế nó vào lòng vuốt ve, và dặn dò nó phải tự giữ mình, đừng ra ngoài la cà để rồi sẽ bị bắt cóc. Có lẽ nó hiểu, nó không... nói gì, lặng yên ngả đầu vào cánh tay tôi, nét mặt buồn hiu, tiu nghỉu.

Khi sống ở nước ngoài, nhìn mèo ở hải ngoại mập ú, tròn vo, thịt núc na núc ních được chăm sóc một cách kỹ lưỡng, cẩn thận; sống sung sướng vương giả, chả phải làm gì vì chẳng có chuột. Hằng ngày chỉ ăn và ngủ không. Mà ngủ còn có "nhà" đẹp, thức ăn được chọn lọc, được khám bịnh hằng năm, tôi chạnh lòng, chẳng những thương cho Nhị Thành ốm o gầy cồm vì thiếu dinh dưỡng, mà thương cả cho con người ở Việt Nam lúc đó, sống khốn khổ lây lất qua ngày; cho đến bây giờ, đã 35 năm rồi, dù đất nước đã có nhiều thay đổi, giàu có, dù tiếp cận với thế giới văn minh, vẫn còn người lam lũ bươi đống rác kiếm sống. Ôi, tất cả cũng do số phận, nghiệp quả của từng chúng sinh. Biết làm sao bây giờ.

Vài tháng, sau ngày tôi định cư ở nước thứ ba, khi gởi quà về cho gia đình, tôi có mua cho Nhị Thành một hộp thức ăn đặc biệt để làm quà cho nó. Rất tiếc, Nhị Thành không có diễm phúc thưởng thức vì số phận của nó, cũng như Thanh Hà, mẹ nó, Nhị thành bị bắt cóc. Bây giờ thân xác nó đã trở thành cát bụi. Và có lẽ giờ đây, biết đâu, linh hồn nó đang phiêu diêu miền cực lạc hoặc có thể đầu thai làm kiếp người, hay đã là chú mèo ở một nước văn minh nào đó. Không ai biết được. Thôi thì, nhân đầu năm mới, tôi cầu mong cho Nhị Thành và cả cho Thanh Hà may mắn ở thế giới bên kia. Và những con người đang trên thế gian này luôn có đời sống bình yên, ấm no, hạnh phúc...

(2010)

https://tieulun.hopto.org

Đứa em hiếu thảo

- Trần Ngân Tiêu

Yến chuẩn bị anh ơi anh à hôm nay làm cái nọ cái kia thì may quá bà bạn Thảo ghé thăm, thế là tôi tạm thoát "honey do" bữa nay tiếp tục vào bơi trong "Internet". Chị Thảo vừa bước vào cửa đã phân trần:

- Ghé anh chị xin mấy trái bưởi về để bàn thờ cúng Tết trông cho nó có mùi vị quê hương một chút. Nhân tiện đầu năm mời anh chị qua ăn năm mới với tụi tôi tiện dịp có chú em tôi ở Việt Nam qua chơi...

Yến ngạc nhiên:

- Ủa. Chị còn có chú em ở Việt Nam à?

- Tôi xin cho cậu ấy đoàn tụ qua đây nhưng ba má tôi không chịu đi nên cậu ấy cũng không chịu qua.

Cậu ấy còn nói rằng bây giờ lớn tuổi rồi qua Mỹ không còn lòng dạ nào đi học được nữa thì cũng cực khổ như ở Việt Nam vậy. Tôi nhớ cậu ấy quá nên năn nỉ cậu ấy qua chơi một tháng cho biết xứ Mỹ này chứ mai mốt lọm khọm rồi có muốn đi cũng ngại. Xin nghỉ được mấy bữa vợ chồng phải đi làm lại, ở nhà một mình buồn quá cậu ấy cứ nằng nặc đòi về Việt Nam tôi thuyết mãi cậu ấy mới chịu ở lại qua Tết mới về...

Yến thông cảm:

- Ừ nhỉ. Ở nhà một mình buồn thiệt ấy. Sao bà không chỉ ông ấy ra chỗ xe "buýt" để lên chợ Việt Nam chơi... À mướn mấy phim chưởng về cho ông ấy coi...

- Úi giời! Cậu ấy nói cái thứ quỷ ấy ở Việt Nam cậu ấy coi chán rồi... Tôi thương cậu ấy lắm. Hồi nhỏ tôi ăn học được là nhờ cậu ấy mà bây giờ chị em không được ở gần nhau buồn ghê đi...

- Nói vậy thì cậu em của bà thương bà lắm đấy... Thôi cũng được ở Sàigòn thì cũng vui vậy.

- Tụi tôi đâu phải dân gốc ở Sàigòn đâu... Sinh quán của tôi là một làng ở thôn quê hẻo lánh và cha mẹ tôi sinh sống với nghề nông quanh năm áo bạc màu dưới nắng mưa. Cha mẹ tôi chỉ có hai đứa con là tôi và em trai tôi. Tôi nhớ hồi tôi tám tuổi, em tôi năm tuổi bữa đó muốn có đủ tiền mua một cái khăn mùi xoa mà những đứa con gái ở thôn này đều có, tôi đã lén ăn cắp 5 đồng ở ngăn bàn đựng tiền của cha tôi. Cha tôi khám phá ra bị mất tiền ngay lập tức và ông bắt tôi và thằng em quỳ xuống nền nhà quay mặt vào tường rồi cầm cái roi đứng đằng sau tụi tôi hỏi:

- Đứa nào ăn cắp tiền?

Tôi hoảng hốt đến nỗi líu lưỡi không nói được, còn thằng em tôi thì tím mặt lặng im. Hỏi hai ba lần mà không nghe thấy đứa nào nhận tội cha tôi nói:

- Được rồi. Ở đây không ai ngoài hai đứa bay vậy thì cả hai đứa đều ăn đòn.

Nói xong ông giơ roi cao toan quất vào mông tôi thì em tôi quay lại giơ tay cản nói nhanh:

- Bố. Con ăn cắp chứ không phải...

Em tôi nói chưa hết câu thì cha tôi quất liên tiếp vào lưng thằng em tôi và hình như không kềm được cơn giận nên ông quất liên tiếp tới khi thằng em tôi không còn sức chống đỡ nữa ngã vật xuống. Sau đó ông ngồi xuống ghế mắng nó:

- Mày chưa gì mà đã học thói ăn cắp mà ăn cắp ngay trong nhà mình thì mai đây mày còn làm chuyện tầy trời gì nữa hở thằng mất dạy? Tao muốn đập cho mày chết cho rồi, thật là nhục nhã.

Tối đó tôi và mẹ tôi vào giường an ủi thằng em và nhìn thấy thân nó chằng chịt vết roi nhưng nó lại không nhỏ một giọt nước mắt nào. Ngược lại thao thức tới nửa đêm thì chính tôi lại oà lên khóc khiến thằng em tôi phải lấy tay bịt miệng tôi lại rồi thì thầm bên tai tôi:

- Chị. Đừng khóc nữa, cha nghe thấy thì bị đòn nữa đó. Đằng nào chuyện đã xảy ra rồi.

Cho tới nay tôi vẫn cảm thấy xấu hổ và tự nguyền rủa chính tôi đã không có can đảm nhận tội để cho em tôi phải chịu đòn oan. Trải qua nhiều năm nhưng tôi vẫn cảm thấy như chuyện vừa mới xảy ra gần đây. Và tôi không bao giờ quên được hành động can đảm của em tôi khi nó cần bảo vệ tôi.

Khi em tôi học hết trung học đệ nhất cấp thì nó di chuyển về học trung học đệ nhị cấp tại tỉnh lỵ còn tôi thì phải về thủ đô để vào đại học.

Tối đó tôi thấy cha tôi ngồi chồm hổm trước sân hút hết điếu thuốc này đến điếu khác còn mẹ tôi ngồi cạnh đó lâu lâu thở dài. Cha tôi lẩm bẩm: "Cả hai đứa con mình đều học giỏi. Sau này sẽ có tương lai". Mẹ tôi chùi nước mắt nói:

- Giỏi thì làm được gì? Bây giờ mình lấy tiền đâu mà cho chúng nó đi lên tỉnh học?

Lúc đó em trai tôi ở đâu không biết bước tới trước mặt ba má tôi nói:

- Ba. Con không muốn đi học tiếp nữa đâu vì con thấy nơi thôn dã này con đã học đủ rồi.

Em tôi vừa dứt lời thì ba tôi vùng dậy vung tay xáng cho nó một bạt tai vào mặt quát:

- Tại sao lại có tư tưởng chủ bại hèn nhát như vậy? Tao nói cho mày biết cho dù tao có phải quỳ lạy ngoài đường xin tiền tao cũng phải nuôi tụi bay ăn học đến nơi đến chốn mày hiểu không?

Em tôi tiu nghỉu chạy vào nhà còn tôi thì ngạc nhiên tại sao cha tôi lại quá cứng rắn với em tôi như vậy. Nó cũng chỉ vì thương cha mẹ mà thôi... Tôi âm thầm ôm đầu em tôi vào ngực mình nhẹ xoa khuôn mặt sưng đỏ an ủi:

- Là con trai em phải tiếp tục học dù khó khăn thế nào, ý ba muốn vậy vì chỉ có thế thì gia đình mình mới thoát ra khỏi cuộc sống bần hàn này. Còn chị thì chị quyết định không lên học đại học nữa để bớt gánh nặng cho cha mẹ.

Ngay ngày hôm sau cha tôi đi gõ cửa từng nhà trong làng để hỏi mượn tiền nhưng em tôi thì không biết đã bỏ nhà ra đi từ lúc nào. Kiểm điểm lại thì chỉ thấy nó mang theo vài bộ đồ cũ một vài củ khoai. Tôi thu dọn chỗ tôi nằm thì ở dưới gối một mảnh giấy nhỏ của thằng em để lại vắn tắt hai hàng:

https://tieulun.hopto.org

"Chị thương. Xin vào đại học không phải dễ chị không bỏ được. Em sẽ kiếm việc làm để phụ cho cha mẹ. Em".

Tôi vò mẩu giấy trong tay ngồi khóc cho đến khi mắt khô rát xót xa: "Nó mới mười bảy tuổi làm sao làm việc nặng nhọc được cơ chứ". Cũng may là cha tôi mượn được tiền nên cha tôi buộc tôi phải tiếp tục học còn thằng em tôi đi làm phu hồ cũng giúp gia đình một phần nào vì vậy tôi cặm cụi học không bỏ phí thời gian để khỏi phụ lòng em tôi. Trong niên học năm thứ ba ở đại học, một bữa kia khi tôi đang gạo bài trong phòng trọ thì một bạn đồng phòng đến vỗ vai tôi nói:

- Có một cậu nhà quê đến kiếm chị đang đợi ở ngoài cổng cư xá.

Tôi lấy làm lạ: Tại sao lại có cậu bé nhà quê nào kiếm tôi. Tôi vội bước ra cổng cư xá đại học thì thấy em tôi đứng lấp ló sau cây mộc lan và khi lại gần thì tôi thấy quần áo nó dính đầy đất cát, xi măng trông thật lam lũ, tôi hỏi:

- Tại sao em không bảo người ta em là em của chị rồi lên thẳng phòng chị mà lại lấp ló thế này?

Nó thản nhiên cười:

- Trông em như thế này em không muốn họ biết em là em của chị rồi họ sẽ dè bĩu chị.

Nghe em nói vậy nước mắt tôi trào ra tôi vội ôm em vào lòng rồi phủi bụi cát trên người nó rồi tôi nghẹn ngào:

- Chị không sợ gì đâu em à. Dù trông em ra làm sao thì em luôn luôn là em của chị. Lần sau em không nên làm thế.

Em tôi móc trong túi ra một cái kẹp tóc hình con bướm đưa cho tôi rồi nói:

- Em thấy con gái ở cư xá này hầu như ai cũng có cái kẹp tóc này nên em mua cho chị một cái, chị kẹp thử lên đi.

Tình thương của em tôi dành cho tôi khiến tôi không cầm được xúc động nên tôi ôm ghì em tôi vào mình và chỉ biết khóc.

Tới năm tôi hai mươi ba tuổi thì em tôi cũng đã hai mươi và đây cũng là lần đầu tôi mời bạn trai tôi về nhà để biết gia đình tôi. Tôi thấy cái cửa sổ bể trước kia đã được thay thế cửa mới và trong nhà thì đã được dọn dẹp ngăn nắp trông không đến nỗi quá tệ. Sau khi bạn trai tôi từ giã tôi nhẩy cẫng lên cám ơn mẹ tôi:

- Má. Cám ơn má đã cực nhọc thu dọn nhà cửa vì con.

Mẹ tôi mỉm cười:

- Đó là thằng em của cô đó chứ không phải mẹ đâu. Con có nhìn thấy tay nó bị cắt mấy nhát vì sửa cửa sổ không?

Nghe vậy tôi vội chạy vào căn phòng nhỏ của thằng em nhìn nó gầy gò hốc hác tôi cảm thấy như có cả ngàn mũi kim đâm vào tim tôi. Tôi vội băng bó vết cắt ở tay nó và hỏi:

- Em đau lắm hở. Cám ơn em đã khổ cực vì chị.

Nó vẫn thản nhiên:

- Đâu có gì mà đau chị. Khi em làm phu hồ chỗ xây nhà cửa đó gạch đá rơi vào chân em thường xuyên mà cũng đâu làm trở ngại công việc...

Nó ngưng ngang câu nói và tôi hiểu... tôi vội quay đi khi mắt tôi cay cay nhạt nhòa...

Năm em tôi hai mươi ba tuổi tức là tôi hai mươi sáu thì tôi lấy chồng và sống tại thủ đô. Chồng tôi nhiều lần năn nỉ cha mẹ và em tôi đến sống chung với vợ chồng tôi nhưng cha mẹ tôi đều từ chối vì cha tôi nói quen với đồng ruộng về thành phố thì cha tôi không biết làm gì mà sinh sống. Em tôi trấn an tôi:

- Chị à. Chị còn gánh nặng bố mẹ gia đình nhà chồng. Chuyện cha mẹ đã có em lo.

Nhân dịp được thăng chức giám đốc tại sở làm chồng tôi muốn chọn em tôi làm trưởng khối bảo trì nhưng em tôi lại từ chối chức vụ đó mà chỉ muốn là thợ sửa chữa mà thôi. Một ngày nọ em tôi leo lên cột sửa dây cáp và bị điện giật và phải nằm điều trị tại bệnh viện. Vợ chồng tôi đến thăm và khi nhìn chân em tôi bị cháy xém tôi cảm thấy bất nhẫn càu nhàu:

- Tại sao em lại từ chối chức vụ trưởng khối để khổ thế này. Tại sao em không chiều anh để chị được yên tâm. Em đã khổ vì chị nhiều rồi bây giờ chị phải...

Em tôi ngắt ngang với bộ mặt nhiêm chỉnh:

- Chị à. Anh mới nhận chức giám đốc và em không học ở trường nào ra cả mà lại làm trưởng khối rồi người ta xầm xì thì uy tín anh ấy ra sao?

Nghe vậy chồng tôi khựng người cảm động không nói được ra lời; tôi cố biện bạch:

- Sự thiếu bằng cấp của em là do chị nhưng qua nhiều năm làm việc cực nhọc em cũng có kinh nghiệm đâu kém gì...

Em tôi xua tay lắc đầu nói:

- Chị đừng nhắc lại chuyện quá khứ nữa. Thế này là em cảm thấy ấm cúng rồi.

Khi em tôi hai mươi sáu tuổi nó trở về thôn làng kết hôn với một cô gái quê. Trong tiệc cưới người điều khiển tiệc cưới hỏi em tôi:

- Trong đời cậu. Ai là người cậu kính trọng và thương yêu nhất?

Mọi người im lặng chờ đợi... em tôi không cần suy nghĩ trả lời nhanh:

- Chị tôi.

Mọi người tự nhiên im lặng như chờ đợi một sự giải thích thì em tôi chậm rãi tiếp:

- Khi chúng tôi còn học lớp nhì lớp nhất tiểu học thì chị em tôi phải đi bộ qua làng kế ở bên kia cánh đồng. Mỗi ngày chúng tôi phải đi bộ cả giờ để tới trường cả lượt đi lượt về bất kể trời lạnh hay nóng, nắng hay mưa. Một bữa vào mùa đông kia tôi bị mất một chiếc dép chị tôi cởi một chiếc dép của mình nhường cho tôi và chị đi với một chân không. Khi về đến nhà chân chị tôi bị lạnh tê cứng đến nỗi bước đi khập khểnh không vững nữa. Từ ngày đó tôi tự hứa rằng tôi còn sống ngày nào thì tôi sẽ săn sóc bảo vệ cho chị tôi.

Khi em tôi dứt lời cả phòng tiệc vỗ tay tán thưởng và mọi người ngoảnh mặt ngó tôi với ánh mắt đầy thiện cảm khiến tôi cảm động không cầm được nước mắt. Điều làm tôi xúc động nhất là sự thương yêu mà em tôi đã dành cho tôi từ khi nó còn là một đứa trẻ và em tôi đã hy sinh cả đời mình cho tương lai của tôi●

https://tieulun.hopto.org

Đòi nợ cuối năm

• **Song Thư TTH**

Năm hết, Tết đến, trong khi dân ta ở Việt Nam lo sắm sửa đón mừng, thì bà con mình ở hải ngoại chỉ biết nhìn tuyết rơi để nghe lòng canh cánh nhớ quê. Nhớ rũ cả người, nhớ eo xèo cả bụng. Quê hương là..."cái gì?" mà sao..."cái gì" cũng nhớ. Thôi thì, đành sống trong tưởng tượng, qua ký ức phôi phai...

***

Những ngày cuối năm, hẳn mọi người ai nấy đang lăng xăng, không khí nhộn nhịp, rộn ràng. Nghèo cách mấy cũng ráng đợi đến chiều tối 30, khi chợ Tết tan, mua vài chậu bông Cúc, Vạn thọ hạ giá thật rẻ, hoặc lấy không ở một vài chỗ mà tiền chuyên chở về còn tốn kém hơn là bỏ lại. Mặc cho những đóa hoa ủ rũ gục đầu, đem về chăm sóc, cắt tỉa, tưới nước để chúng ngẩng mặt lên... đón xuân. Ai bảo Tết nghèo? Cũng Cúc, cũng Mai, cũng... ì xèo!

Rồi cái mục nợ nần phải lo thanh toán. Người thì tự động đem trả, không muốn vướng mắc cái nợ, năm mới lấy điềm hên sung túc. Kẻ nhỡ "quên", chủ nợ nhân dịp "Tết An Nam" đi đòi nợ, chứ đợi đến "Tết Congo" thì chắc cũng đành "cúng rằm tháng 7" luôn!

Nhớ năm xửa, năm xưa; cái hồi tiền xài chỉ tính từng cắc, từng đồng. Hình ảnh một người đàn bà Huế nhỏ nhẳn gánh nồi bún bò kĩu kịt trên vai, tuy lam lũ nhưng trông vẫn thanh thoát, nhẹ nhàng qua chiếc áo dài màu cỏ úa. Đó không những là sắc thái riêng biệt của xứ Huế mà còn tiêu biểu nét đặc trưng của dân tộc Việt Nam. Tô bún bò gánh 50 xu, thêm cục giò heo be bé tính 80 xu. Người dân sinh hoạt ở cái tỉnh lỵ miền Trung "Quê hương nghèo lắm ai ơi! Mùa đông thiếu áo! hè thời thiếu ăn!", nên giản dị, hiền hòa, không có cái gì cầu kỳ hết. Người nghèo không có vốn buôn bán nhỏ, gặp người chủ thương tình cho mua thiếu, bán được bao nhiêu sẽ trả dần.

Ông Chánh là một trong những người muốn nâng đỡ cho những người nghèo có phương tiện sinh nhai. Đến cuối năm ông coi lại sổ sách, ai đã trả xong thì thôi, ai còn thiếu thì đi đòi.

Năm đó, cũng sắp đến ngày đưa Ông Táo về trời, bà Chánh nhắc chồng:

- Ông đến nhà thằng Thuận với thằng Danh nói chúng trả nợ. Cả năm nay rồi đấy.

Không đợi Ông Chánh trả lời, bà tiếp:

- Tôi còn bận muối dưa, củ kiệu. Không phải ai làm cũng ngon nên tôi muốn tự ngó ngàng lấy. Đấy! Sắp Tết đến nơi. À, tôi đã dặn hàng thịt mang đầu heo, lưỡi heo để ông làm giò thủ; thịt ba chỉ gói bánh chưng, thịt heo thăng giã chả. Đậu xanh, nếp đều đủ cả đấy. Chân giò heo cận Tết họ đem tới. Ông muốn nấu cái gì thì nấu, nhưng nhớ đừng quên nồi thịt đông.

Ông Chánh vừa nghe vừa coi sổ sách ghi nợ. Bước ra cửa, nói nhanh:

- Thôi, tôi đi đây. Hôm nay có đám thợ thuyền đến quét vôi lại nhà cửa. Bà nhớ trông nom họ làm cẩn thận một chút.

Ông Chánh đón xích-lô. Dọc đường nhìn quang cảnh. Những ngày này có nhiều xe ba-gác chở nào Mai, Cúc, Vạn Thọ... từ quê ra bán khiến phố sá trông nhộn nhịp hẳn lên; tươi thắm nhiều nhất vẫn là màu vàng, xen màu đỏ, cam... Trên lề đường vài người dân quê tay chỉ ôm mấy cành hoa Mai đi rảo khắp phố. Giờ này nụ Mai còn nâu hoặc hơi chuyển màu xanh. Người mua chọn những cành xum xuê, xòe tán như cánh quạt. Cành nhiều, sai nụ tượng trưng cho tài lộc dồi dào. Cái khó phải canh thế nào đến sáng Mồng Một Tết nụ hoa vừa nở rộ. Đó là điềm hên may mắn cả năm. Nếu cận Tết, cành nào nụ còn nâu sì phải cắt gốc, hơ qua lửa, ngâm nước âm ấm. Nhiều người "ép Mai" bắt phải "ra mặt" xuất hiện đúng ngày. "Mai" cũng đành "lộ diện" "tiếp khách" cho chủ hài lòng, nhưng sau đó lòng "tức tưởi" mau "héo hon". Vì vậy, cứ tính thời gian mà chọn, tuy có hơi mắc song cái gì tự nhiên thì Mai sẽ tươi lâu. Ông Chánh nghĩ đến hai chậu Mai tứ quí thật lớn của mình để trên sân thượng. Trước đây khi mua, cứ nghe họ bảo là giống Mai tứ quí bốn mùa đều nở hoa. Ông có thấy gì đâu, chỉ mỗi mùa xuân nó mới ra hoa. Không hiểu trên đời có giống Mai như thế, hay phải có nghệ thuật săn sóc đặc biệt nào mới có hoa quanh năm. Sắp tới, phải mua một cành Mai cắm ở dưới nhà làm chỗ tiếp khách, chứ hai chậu Mai tứ quí kia khiêng xuống, khiêng lên vất vả quá. Rồi cây Sanh cổ thụ trồng trong chậu kiểng nữa. Gốc to như bắp chân người lớn. Dây mơ rũ xuống chẳng chịt phải cắt tỉa lại cho gọn. Những rễ con to như ngón tay cái trồi vồng lên mặt đất. Còn mấy chậu kiểng hoa Giấy cũng cần cột tém thành hình con chim. Bộn việc! Cây hoa Sứ màu hồng đào đã nở bông, cây màu trắng đang kết nụ.

Nhất là mấy ngày Tết vào buổi tối phải rủ vài ông bạn người Bắc đến đánh Tổ Tôm. Ông Chánh chớp mắt, nhớ lại ngày còn bé ở ngoài Bắc thường ngồi chia bài Tổ Tôm cho bố và các bạn của bố chơi. Ông cũng nhận được một chút tiền công "chia bài". Môn Tổ Tôm xuất xứ từ đất Bắc, chứ miền Trung và miền Nam không có. Bây giờ, Ông giải trí môn đó, ăn thua không nhiều, chỉ cốt nó có cái gì khiến ông khuây khỏa được nỗi lòng nhớ quê cha đất tổ. Ông đã vì cái gì!? mà phải đứt ruột bỏ xứ, lìa quê, xa cha mẹ gia đình đi bôn ba vào Nam...

Miên man suy nghĩ, xe đã đến khúc quẹo nhà anh Thuận, anh Danh. Nơi đây, thuộc ngoại ô; toàn là đồng ruộng, cây cối, nhà cửa lụp xụp. Không khí Tết hầu như vắng mặt, nếu không phải bất chợt thấy một

https://tieulun.hopto.org

cây Mai của nhà nào đó trồng trước ngõ, vài nụ hoa nở sớm. Thấy Mai vàng mới bỗng nhớ đến xuân.

Đường đất vào xóm chật hẹp, lồi lõm. Từng vũng nước đọng lại từ những cơn mưa trước đó. Thật là chật vật nếu phải đạp xe tiếp tục. Anh xích-lô nhảy xuống, ra phía trước cầm chỗ gác chân định kéo đi để xe giữ được thăng bằng. Ông Chánh thấy thế, lòng bất nhẫn vội kêu:

- Ấy ấy! cơ khổ! Anh cho tôi xuống đây được rồi. Tôi đi bộ vào.

Ông Chánh trả tiền. Anh xích-lô loay hoay thối lại. Ông Chánh nói:

- Cận ngày Tết tôi biếu anh cả, có chút tiền tiêu.

Thấy anh xích lô ngồi vào trong xe đợi, Ông Chánh lại nói:

- Anh cứ chạy xe kiếm tiền, chứ tôi vào trong này không biết bao lâu mới ra.

Anh xích lô đáp:

- Ở đây khó đón xe lắm. Bác tốt quá, cháu ngồi đợi bác được mà.

- Thôi, cứ thế. Tôi sẽ không để anh thiệt thòi đâu.

Đi được vài chục mét, từ xa ông Chánh đã nghe tiếng một người đàn bà la lớn:

- Bớ làng xóm ơi! Cứu tui, thằng chồng tui nó muốn đánh chết tui!

Những người hàng xóm nghe tiếng liền bu quanh. Ông Chánh vội bước nhanh, vừa đến nơi thì ra là chị Thuận, đầu tóc rũ rượi đang hốt hoảng chạy ra đầu ngõ. Phía sau, chồng chị tay cầm khúc củi to cũng sồng sộc đuổi theo. Vừa thấy Ông Chánh, anh Thuận từ hùng hổ như cọp bỗng biến thành con mèo ngoan hiền. Anh cúi đầu:

- Con chào Ông.

Còn chị Thuận vội núp mình sau lưng ông Chánh. Chị vừa khóc vừa nói:

- Ông ơi cứu con kẻo chồng con nó đánh chết con!

Ông Chánh quay sang nhìn chị Thuận. Hai cánh tay chị bị đánh trầy trụa rướm máu, xen lẫn những vết bầm cũ thâm tím. Ông Chánh bước đến gần anh Thuận tức giận nói:

- Thằng Thuận! Mầy bỏ ngay cây củi xuống. Ai lại nhẫn tâm đánh vợ thế này!

Anh Thuận phân trần:

- Ông coi, Tết nhứt đến nơi rồi mà con vợ con cứ giữ rịt tiền không cho lấy một xu nào tiêu Tết.

Chị Thuận bù lu bù loa:

- Anh nói vậy mà nghe được sao! Bao nhiêu lần đòi tiền ông đem đánh bạc thua sạch. Bây giờ không còn đồng nào. Ngay một tí tiền tui giấu dưới lu gạo định trả tiền học phí cho thằng Tý ông cũng moi lên đánh bạc hết nhẫn nó rồi! Trời ơi! là trời! Sao thân tui khổ thế này! Nhà nghèo cố lo cho con ăn học để biết vài ba chữ nghĩa, lớn lên cho nó đi bán vé số cũng biết đọc chữ, nhận ra con số chứ...!

Chị còn định kể lể nhiều nữa, nhưng đám hàng xóm đứng coi bỗng cười ồ vì câu nói ngớ ngẩn, ngô ngộ của chị: ráng lo cho con ăn học chỉ mục đích lớn lên đi bán vé số. Đối với họ tuy khôi hài, song đối với chị Thuận là cả một ước mơ. Ông Chánh không cười nổi. Ông chợt nghe lòng mình quay quắt. Quên hẳn mục đích chính là đi đòi nợ. Giọng Ông bỗng chùng xuống:

- Anh Thuận! Có thật thế không?

Anh Thuận cúi đầu lặng thinh. Thái độ của anh đã là câu trả lời. Ông Chánh lớn tiếng:

- Chị Thuận này! lần sau thằng Thuận còn đòi tiền đánh chị nữa, chị cứ bảo tôi. Tôi sẽ thưa Pô-lít còng đầu nó vào tù.

Chị Thuận khoát tay lia lịa vội kêu:

- Không! không! Con không nói ông đâu! Kẻo ông gọi Pô-lít bỏ tù chồng con mất!

Ông Chánh bật cười:

- Anh Thuận xem đấy! Anh tệ bạc với vợ anh mà chị vẫn thương, vẫn lo cho anh. Vậy từ nay anh phải đối xử tốt với chị ấy, nếu không thì còn gì nhân cách để làm người hả?

Nói xong, Ông Chánh mở ví lấy ít tiền ra đưa chị Thuận:

- Đây chị cầm lấy trả học phí cho con. Còn ít tiền để mua gạo.

Quay sang Thuận ông nói:

- Còn anh từ nay hãy chừa cái thói đánh bạc, phải lo buôn bán làm ăn chứ.

- Thưa ông, con không dám nữa đâu!

Anh Thuận trả lời, rồi nhìn sang chị Thuận. Không phải anh không thấy những gì chị đã làm vừa rồi. Anh cảm thấy hối hận trước ân tình của vợ anh. Anh rón rén bước gần sát bên vợ, đưa một ngón tay khều nhẹ vào cánh tay chị Thuận, miệng nói:

- Tui xin lỗi mình. Hồi nãy tui đánh mình có đau không?

Chị Thuận hơi mắc cỡ, mặt ửng đỏ trước cử chỉ của chồng giữa đám đông, đối với chị, một người dân quê là cả sự âu yếm nên nhích sang một bên suýt nhỏ:

- Kỳ nà!

Ông Chánh thấy vậy cười lên ha hả:

- Xong chuyện rồi! Có thế chứ. Thôi, tôi còn phải đi công việc khác. Chào anh chị nghe.

Ông Chánh tiếp tục đi sâu vào trong xóm. Càng vào sâu nhà cửa càng thưa thớt dần, đồng không mông quạnh. Thỉnh thoảng vài cơn gió thổi hiu hiu hơi man mát lạnh. Gió ngưng, nắng xuân chan hòa không gay gắt tạo cảm giác âm ấm vào da thịt. Ông Chánh hít một hơi dài hoa đồng cỏ nội. Chậc! lại xen vào cái mùi ngai ngái của những đống phân trâu, bò nằm rải rác, nhòe nhoẹt lẫn với nước mưa đọng trên lối đi. Tuy nhiên, ông vẫn thấy khoan khoái. Có lẽ vì khí hậu dễ chịu và nhất là ông vừa giải quyết cho một gia đình được ấm êm hạnh phúc. Kìa, cái bụi tre kia, sắp đến nhà anh Danh rồi. Ngược về phía ông, một thằng bé đang ngồi ngất ngưởng trên lưng trâu, nét mặt bình thản đến mức tưởng như cả thế giới đều hòa bình. Hạnh phúc khi người ta hài lòng với hiện thực, mặc dù đối với người khác là khổ ải. Trong một thoáng, ông Chánh bỗng nghĩ: "Trẻ con sướng thật". Rồi ông chợt mỉm cười, lây lan với cái hạnh phúc đơn sơ của thằng bé chăn trâu.

Ông Chánh đã đứng trước hàng giậu mồng tơi xanh dờn của nhà anh Danh. Ông lách mình vào

https://tieulun.hopto.org

khoảng sân nhỏ. Con chó già nằm gần cửa thè lưỡi thở khò khè. Thấy khách lạ nó cũng không buồn sủa, cứ trơ mắt lờ đờ nhìn. Chắc nó cũng cảm nhận chủ của nó còn có cái gì quí giá để mà giữ!?

Vừa bước vào trong nhà, một quang cảnh khiến ông Chánh sửng sờ. Chị Danh đang ôm chặt đứa bé trai khoảng 5 tuổi trên chiếc giường tre. Mấy ngón tay chị đang nằm giữa hai hàm răng cắn nghiến của đứa bé. Còn hai mắt nó lại trợn trừng trừng. Miệng chị cứ kêu thét lên: Con đừng làm mẹ sợ! Con đừng làm mẹ sợ! Anh Danh bên cạnh bôi dầu xoa nắn khắp mình con. Cũng như chị Danh, miệng anh cứ la bài hãi: Con ơi! con ơi! Một thằng bé khác độ 4 tuổi, nằm im lìm bên cạnh, mặt bơ phờ hốc hác, chắc nó cũng đang bệnh. Dưới đất một bé gái khoảng 2 tuổi, vừa khóc ngằn ngặt, vừa bò đến một cái dĩa nhựa sần sùi đặt ở chân giường. Trên đó một củ khoai luộc khô quanh quách, mấy con ruồi đang bay vần quanh đó. Nó giơ bàn tay gầy khẳng, gầy khẳng khiu nắm lấy củ khoai đưa lên miệng. Ăn trong nước mắt, trong nước mũi và trong tiếng nấc...

Nước mắt Ông Chánh ứa ra tự lúc nào không hay. Ông nhớ... và không kịp để nhớ... Ông chồm lên giường coi thằng bé, rồi nói nhanh:

- Phải gọi bác sĩ thôi! Anh chị nhớ coi cháu, lấy giấm bôi vào hai bàn chân để giảm sốt. Tôi đi mời bác sĩ ngay!

Khoảng một tiếng đồng hồ sau, ông Chánh quay lại cùng với bác sĩ Tánh. Sau khi khám xong, bác sĩ Tánh nhìn quanh nói nhỏ với ông Chánh:

- Bệnh thằng bé khá nặng! muốn chữa cũng tốn tiền lắm. Tôi xem tình trạng nhà này không trả nổi đâu!

Ông Chánh giận phừng phừng nói lớn:

- Ông làm bác sĩ cái kiểu gì vậy! Thấy sắp chết không cứu! Ông cứ tận lực chữa trị, bao nhiêu tiền tôi trả đủ cho ông.

Bác sĩ Tánh đáp:

- Đã có một tiếng nói của ông tôi sẽ cố gắng hết lòng. Ông an tâm đi.

Ông Chánh lại mở ví lấy tiền đưa chị Danh:

- Chị cầm lấy mua thuốc men, mua sữa cho các cháu. Còn tiền bác sĩ tôi sẽ trả cả. Anh chị không phải lo!

Một lần nữa, ông Chánh quên bẵng hôm nay mình đến để đòi nợ...

Ông Chánh thất thểu từ xích-lô bước xuống đi vào nhà. Vừa thấy Ông, bà Chánh hỏi ngay:

- Thế nào ông? Ông có đòi được đồng nào không?

Ông Chánh uể oải lắc đầu:

- Chả được đồng nào, còn phải móc ví ra cho chúng nó.

Bà Chánh ngạc nhiên:

- Ủa! Sao vậy ông?

- Thì tôi có mở miệng đòi đâu mà được với không được.

Ông Chánh nói với vợ như một lời than phiền, nhưng thật ra đó chỉ là tiếng thở than. Ông kể lại từ đầu đến đuôi câu chuyện rồi kết luận:

- Đấy! bà xem, tới nơi thấy con cái vợ chồng thằng Danh nheo nhóc, nằm bệnh la liệt cả ra. Đứa út thì đói rạc người, bò lê bò lết, khóc gặm củ khoai lang mốc meo. Tình cảnh đó, tôi mở miệng đòi nợ sao đành!

Bà Chánh tuy vẫn nghe chồng nói, nhưng tâm tư bà đang nhớ những điều mà ông Chánh nhớ... và không kịp nhớ... khi chứng kiến cảnh tượng ở nhà anh Danh. Đó là cái chết của đứa con trai ông bà vì bệnh hoạn. Trong thời gian đầu mới vào Nam cực khổ trăm bề, thiếu thốn đủ thứ, bà không đủ sữa cho con, không tiền chạy chữa đến nỗi ông bà đành chầu chực ở nhà thương thí. Rốt cuộc đứa bé đã ngoặt ngoẹo chết trong lòng mẹ. Hình ảnh đau thương đó vẫn đi theo ông bà suốt cuộc đời.

Bà Chánh thở hắt ra:

- Ông làm thế là phải đấy!

Chỉ còn ba hôm nữa đến ngày Tết. Từ sáng, ông Chánh lo gói bánh chưng ở trên lầu. Khoảng gần trưa, cô gái ông nói có vợ chồng anh Danh, anh Thuận đến thăm. Ông Chánh vồn vã nói:

- Con mời họ lên đây!

Một chốc, cả bốn người đi vào. Trên tay chị Thuận, chị Danh cầm những túi ny-lông nhầu nhèo. Chị Thuận nói:

- Cám ơn ông đã giúp đỡ gia đình con. Chồng con bây giờ cũng hối cải không đánh bạc nữa. Chúng con không có gì, chỉ có nải chuối này xin biếu ông bà. Của ít lòng nhiều.

Chị Danh đặt túi ny-lông lên bàn, chắp tay thưa:

- Chúng con đội ơn ông. Không có ông chắc con của chúng con chết mất. Cháu bây giờ đã đỡ, nhưng vẫn còn uống thuốc thêm vài ngày nữa. Chị ngập ngừng tiếp:

- Tết nhứt đến nơi, chúng con chỉ có... ít củ khoai lang biếu ông bà. Mong ông bà đừng chê bai.

Ông Chánh chớp chớp mắt:

- Các anh chị đừng nói thế, tôi rất cảm động trước chân tình của các anh chị. Không những tôi nhận mà tôi còn ăn nó trong ngày Tết nữa.

Rồi như sực nhớ điều gì ông Chánh hỏi:

- Anh Thuận, anh Danh hai anh biết nấu bánh chưng không?

- Thưa ông chúng con không biết.

Ông Chánh đề nghị:

- Tôi có ý này, sẵn đây tôi chỉ cách gói, nấu bánh chưng rồi mỗi năm tôi đặt các anh làm, kiếm ít tiền cho gia đình tiêu Tết, các anh nghĩ thế nào?

Anh Thuận, anh Danh mừng rỡ:

- Nếu thế còn gì bằng thưa ông.

Cả buổi ông Chánh để họ tập gói. Trong lúc đó ông giải thích: nếp, đậu xanh ngâm nước lạnh một đêm, để ráo, cho muối thế nào? Thịt ba chỉ ngoài muối còn ướp nhiều tiêu, ít hành ta vì nhân dễ bị chua nếu để lâu. Gần chiều, xếp tất cả bánh chưng vào một thùng phuy lớn bằng nhôm. Ông Chánh nói:

- Ngoài Bắc, chúng tôi gói bánh chưng bằng lá dong, còn trong này bằng lá chuối. Hai anh nhớ khi xếp bánh chưng, trước hết phải lót những thanh tre mỏng ngang dọc dưới đáy, như vậy lớp bánh chưng

https://tieulun.hopto.org

phía dưới không sát nồi dễ bị cháy. Đun bánh chưng phải giữ lửa cho đều, nấu khoảng 6 đến 8 tiếng. Xếp bánh chưng xong mới bắt đầu đổ nước sôi vào, nhớ không phải là nước lạnh; canh nước không được để cạn, thỉnh thoảng đổ thêm nước sôi vào cho đầy. Nấu xong, lấy bánh ra kiếm cái gì nặng đè lên nén bánh cho chặt thì mới ngon.

Dặn dò xong xuôi, Ông Chánh cho hai nhà ít tiền, gạo rồi nói

- Các anh chị ra thuê xe mà về. Tội nghiệp! đường xa thế này mà đi bộ có khổ thân không?

Tối 30, sau buổi ăn, bà Chánh phụ con dâu lo sửa soạn nấu cúng giao thừa. Ngày này, kẻ ăn người làm đã về quê sum họp gia đình ăn Tết. Ông Chánh sai con gái:

- Con đem khoai lang lên để cả nhà cùng ăn.

Cô con gái ông Chánh ngạc nhiên:

- Tết nhứt mà sao ăn khoai lang hở bố?

Ông Chánh nghiêm nét mặt nói:

- Con cứ việc mang ra rồi bố bảo.

Khi cả nhà ngồi quây quần quanh dĩa khoai lang ông Chánh chậm rãi từng lời:

- Các con biết không? cả nhà ta đang ăn khoai lang như món tráng miệng, nhưng hiện giờ có biết bao nhiêu người nghèo khổ, họ đón cái Tết chỉ bằng mấy củ khoai lang. Họ ăn để khỏi đói! Ăn để mà sống! Bố nhớ lại những ngày mới di cư vào Nam. Có hôm vừa đi, vừa ăn khoai lang, vừa nghiền ngẫm không biết làm gì để nuôi vợ, nuôi con! Những củ khoai lang này từ một gia đình nghèo tặng Tết bố. Do vậy, mình không nên rẻ rúng vì đó là tấm lòng của họ. Bố cầm củ khoai lang ăn mà muốn rơi nước mắt.

Rồi ông Chánh kể lại sự việc đi đòi nợ cho các con nghe và nói:

- Tuy họ chưa trả được món nợ tiền, nhưng họ đã trả cho bố một món nợ ân tình đáng quí. Các con phải luôn nhớ, làm người khi được giàu sang, chớ bao giờ quên thuở hàn vi thì mới còn nghĩ đến người nghèo.

Các con ông Chánh cúi đầu như thầm khắc ghi lời dạy của người cha.

Ngoài kia, vang lên tiếng pháo nổ đì đùng của nhà ai xen lẫn tiếng pháo lẹt đẹt, tì tạch của những đứa trẻ háo hức đốt mừng xuân trước giờ giao thừa.

Trên truyền hình, ban hợp ca "Tiếng Tơ Đồng" đang cất tiếng hát: *"Mừng xuân nâng chén, ta chúc nơi nơi..."*

⁂

Ô! chuyện muôn năm cũ nhắc chi bây giờ! Tuy nhiên, tôi rất sung sướng nhắc đến chuyện Ông Chánh ở trên - người có tấm lòng đôn hậu, bình dị, thích giúp đỡ những người nghèo khổ: - Ấy chính là Bố tôi! •

Xuân 2011

• **Song Thư TTH**

(viết tặng Bố)

ASSOCIATION D'AIDE AUX VICTIMES DE GUERRE DU VIETNAM
HỘI BẠN CỦA THƯƠNG BINH VIỆT NAM CỘNG HOÀ
Association loi du 1 er Juillet 1901
Adresse : 9 Allée Delacroix, 95500 Gonesse - France
Điện thoại + Điện thu : (33) 1 34 53 94 78
Email : nanggo@wanadoo.fr

HỘI BẠN CỦA THƯƠNG BINH VNCH TẠI PHÁP

Trân trọng tường trình: Kết quả 21 năm (1989-2010) hoạt động từ thiện đến với quí Ân nhân và Bà con đồng hương xa gần.

A.- *39.802 đối tượng được ân nhân giúp đỡ gồm*:
- 19.827 Thương Phế Binh được giúp đỡ từ 50€ đến 100€.
- 466 Thương Phế Binh được tặng xe lăn tay và tiền làm vốn 40€.
- 231 Thương Phế Binh được tặng xe lắc tay và tiền làm vốn 40€.
- 1.831 Thương Phế Binh được ân nhân nhận hồ sơ từ Hội để giúp trực tiếp, từ 50€ đến 100€.
- 1.411 Cô nhi Quả phụ được giúp 50€.
- 10.007 Các Cụ già neo đơn, trẻ em mồ côi, người tật nguyền và nghèo khổ được tặng quà Tết (gồm quần áo, gạo, đường, mì ăn liền, bánh, mứt, tiền lì-xì, mỗi phần quà trị giá 15€.
- 4.127 trẻ em mồ côi, con nhà nghèo được tặng dụng cụ học tập (bút, vở) - Mỗi phần trị giá 15€.
- 958 xuất học bổng cấp 1 - mỗi xuất 60€.
- 634 xuất học bổng cấp 2 - mỗi xuất 80€.
- 310 xuất học bổng cấp 3 - mỗi xuất 100€.

B.- *Công việc tu sửa mộ Tử sĩ tại Nghĩa Trang Quân Đội Biên Hòa, nằm trong chương trình tri ân tử sĩ*.
- 2.350 ngôi mộ tử sĩ được dọn cỏ, đắp đất, dựng lại bia bị gãy đổ, quét vôi.
- 370 ngôi mộ tử sĩ được xây mới.

Kết quả đạt được là do lòng hảo tâm của quý ân nhân và bà con đồng hương ở khắp mọi nơi nhiệt tình ủng hộ.

Trước thềm năm mới Tân Mão, Hội Bạn của Thương Binh VNCH xin chân thành cảm tạ và kính chúc quý vị Lãnh đạo các Tôn Giáo, các Tổ Chức, Hội Đoàn, các Cơ Quan Truyền Thông, cùng quý Ân Nhân, Bà con đồng hương một năm mới An khang, Hạnh Phúc.

Trân trọng tường trình
Hội Trưởng
Nguyễn Quang Hạnh

https://tieulun.hopto.org

Ông Năm Từ

• **Tiểu Tử**

Cả xóm đó ai cũng biết ông Năm Từ. Nói như vậy cũng chưa đúng. Phải nói rằng cả làng đó – nghĩa là trên một bình diện to rộng hơn – hỏi ông Năm Từ là ai cũng biết. Ổng "nổi danh" như vậy không phải vì ổng là một nhân vật quan trọng trong làng trong xóm, mà vì lâu lâu ổng có những cơn say rượu "dậy xóm dậy làng" nên người lớn trẻ con đều biết mặt ổng hết. Nhứt là trẻ con, những lúc đó, tụi nó bu theo ổng như một đàn ruồi...

Ổng thứ Năm, tên gì thì ít có người biết, nhưng tại vì ổng làm ông từ giữ việc quét dọn cúng kiếng trong đình của làng đó, nên người ta gọi như vậy. Cái "thứ" của ổng được ghép vào với cái "chức" của ổng, lâu ngày trở thành cái "tên", vậy mà cũng chẳng thấy ổng đính chánh sửa đổi gì hết. Làm như đó là một sự tự nhiên. Riết rồi thiên hạ chẳng ai để ý, và có lẽ chính ông Năm Từ cũng quên luôn tên thật của ổng nữa!

Mấy ông già bà cả gốc xóm Đình – nghĩa là không phải mấy người mới tản cư đến đó về sau này – đều biết ông Năm hồi ổng còn trẻ, hồi những năm kháng chiến chống Pháp. Hồi đó, ổng chưa làm ông từ, ổng làm thợ câu, nhà ở dưới dốc đình, cạnh bờ sông. Người ta gọi ổng là Năm Câu, gọi trổng, nghĩa là không thêm một tiếng gì phía trước hết. Vậy là từ hồi trẻ, Năm Câu đã được người ta gọi bằng danh từ ghép, trong đó không có tên cúng cơm của mình. Đến người trong gia đình cũng không ai gọi Năm Câu bằng tên. Họ gọi "thằng Năm". Ông bà già vợ gọi "thằng chồng con Hai". Còn người vợ thì gọi "mình" khi nói với chồng hay "nhà tôi" khi nào nói chuyện với người khác.

Mấy ông già bà cả lâu lâu hay nhắc chuyện Năm Câu hồi thời 1945. Họ nói: "Năm Câu hồi đó gan cùng mình. Nó chèo xuồng đưa du kích qua bên kia sông như ăn cơm bữa. Nói cho ngay, cũng có bà con xóm Đình coi chừng Tây với bạc-ti-dăng giùm nó. Nhưng có nhiều khi Năm Câu cương ẩu làm đại như giỡn chơi, làm bà con muốn xón trong quần luôn!".

Thật ra, Năm Câu làm gan một phần cũng nhờ ở địa thế của vùng đó và ở vị trí đóng quân của tụi Tây. Làng của Năm Câu nằm trên tả ngạn sông Vàm Cỏ Đông. Bên kia sông là bưng với rừng tràm mút mắt. Cuối rừng tràm là rừng già chạy dài qua Cao Miên. Vùng giáp giới đó tên là Bù Lu Chuối Nước. Kháng chiến lập chiến khu ở đó.

Điểm đặc biệt của làng Năm Câu là đất ở đó không bằng phẳng. Có gò cao trũng thấp, hai gò cao nhứt lại nằm ở hai đầu làng. Gò đầu trên – trên là vì nằm về phía thượng lưu con sông – gọi là gò đồng mả, ai chết cũng đều đưa lên đó chôn. Gò đầu dưới gọi là gò Đình, bởi vì trên gò đó có cái đình thờ thần của làng. Chung quanh đình là rừng cây dầu kéo dài xuống tiếp nối với một làng khác nằm dưới hạ lưu. Hai gò nằm cách nhau xa cỡ mấy cây số. Chính giữa trũng xuống là chợ búa và nhà cửa dân cư cất dọc theo bờ sông. Tây đóng đồn ở đây – nghĩa là ở giữa dân chúng – trên đất của ông Đốc phủ Lễ. Nhờ vậy, mỗi lần Tây dẫn bạc-ti-dăng đi ruồng bố là thiên hạ đều hay hết.

Đường xuống đình băng ngang một khoảng trống khá rộng gọi là "hố quẵn", hồi xưa là con rạch nhỏ lâu ngày bị đất gò trôi xuống lấp đi. Ở đó vào mùa mưa là ngập nước. Dân xóm Đình phải xăn quần tới háng, lội qua đó mà xuống chợ. Nếu không chịu đi như vậy thì phải đánh một vòng rất xa, dọc theo bìa rừng dầu đi sâu về phía dưới rồi băng qua ruộng đến con lộ cái đi ngược trở lên. Xa như vậy cho nên về mùa mưa, Tây ít đi ruồng miệt xóm Đình. Và về mùa mưa, gò Đình xem giống như một hòn đảo!

Nhờ địa thế gò Đình như vậy nên Năm Câu đưa rước kháng chiến qua sông dễ như trở bàn tay. Có hôm Năm Câu theo họ vào Bù Lu Chuối Nước chơi hết mấy bữa mới về, làm trong xóm tưởng Năm Câu đi khu luôn. Nghe như vậy, Năm Câu cười khịt: "Đi luôn rồi lấy ai mà chèo xuồng đưa mấy chả đây?".

Năm Câu có hai đời vợ. Người vợ trước cưới về chưa đầy một năm, đau rồi chết. Ít lâu sau, Năm Câu cưới người vợ thứ nhì. Chị này người xóm Chùa, bán cá ngoài chợ. Nhờ ba con cá mà hai người phải lòng nhau. Bữa đám cưới, mấy ông già nói: "Trai xóm Đình cưới gái xóm Chùa là đúng điệu quá rồi. Thợ câu xâu chị bán cá, thiệt là xứng đào xứng kép!". Vậy mà chị này, sau khi đẻ thằng con trai cho Năm Câu, đau rề rề hai ba tuần lễ rồi cũng tắt thở. Mấy bà trong xóm nói Năm Câu có tướng sát thê. Rồi họ kết luận: "Con nhỏ nào về ở với nó vài bữa rồi cũng ngủm tuốt. Mấy thằng đàn ông sát thê là vậy đó!". Nghe như vậy, Năm Câu đành ở vậy nuôi con. Để khỏi phải chôn thêm bà vợ nào nữa hết.

Thằng con Năm Câu tên là Nhành. Càng lớn càng kháu khỉnh. Khi biết nói đỏ đẻ, nó gọi Năm Câu bằng tía nhưng vì còn ngọng nghịu nên nó phát âm là "chía" làm Năm Câu sướng rơn! Ngày nào Năm Câu cũng gởi con cho bà hàng xóm để đi câu. Nhưng khi về đến nhà là bồng riết thằng nhỏ, rê nó đi khoe cùng xóm. Lâu lâu vừa nựng con cu của thằng nhỏ, vừa nói đả đớt: "Tru mẹ! Ton tu này đái chôi thằng cha nó luôn". Nói như vậy bởi vì hai cha con ngủ chung với nhau, và đêm nào thằng Nhành cũng đái dầm. Riết rồi gối mền gì đều khai ngấy. Từ ngày vợ chết, Năm Câu nghỉ câu đêm, ở nhà ngủ với con. Những đêm phải đưa người qua bưng, bà hàng xóm qua coi chừng thằng nhỏ trong thời gian ngắn chèo đi chèo về. Lúc này, Năm Câu không còn cò cưa ở bên kia sông như hồi đó nữa, đưa qua rồi là chèo rút về để ngủ tiếp với con. Làm như ghiền cái hơi hám đó, bởi vì trong mùi khăn khẳn của gối mền có lẫn mùi da thịt và nhịp thở thơm tho của thằng Nhành... Trong đời người thợ câu đó chỉ có thằng con là quí nhứt.

Ông từ giữ đình hồi đó là chú bà con của Năm Câu. Những lúc rỗi rảnh, Năm Câu thường lên đình phụ quét dọn với chú, và năm nào đến lễ cầu an (dân trong làng gọi là lễ "kỳ yên"), Năm Câu cũng nghỉ câu mấy bữa để giúp chú coi trong coi ngoài, bởi vì mấy ngày đó trên đình người ta đông như kiến. Nhờ tới lui với người chú như vậy mà Năm Câu rành việc cúng kiếng tế lễ theo tập tục cổ truyền. Cho nên làng xã và các bang hội hay nhắn

https://tieulun.hopto.org

Năm Câu tới giúp mỗi lần có tổ chức cúng bái. Năm Câu làm những việc đó một cách rất nghiêm trang và thành kính chớ không phải hụ hợ bề ngoài. Bởi vì Năm Câu tin tưởng rằng có Ơn Trên – gồm Trời Phật Thánh Thần – và có Ông Bà phò hộ nên làng này mới bình yên và dân chúng mới làm ăn phát đạt như vậy. Năm Câu hay tự nhủ: "Hễ mình nghĩ phải, làm phải thì thế nào cũng có Thánh Thần độ trì". Sự tin tưởng đó thường được bộc lộ bằng những câu như "Thần làng mình linh lắm đó bà con. Tây mà còn không dám rớ tới đình thì phải biết!". Hoặc thường hay khuyên: "Thề thốt bậy bạ đây rồi bị Thần vặn họng đừng có trách!". Nói như vậy, bởi vì có lần Năm Câu chứng kiến một vụ thề trước đình của hai chị đàn bà. Hai chị này ở xóm Lò Gạch, nhà ở cạnh nhau. Một hôm, xảy ra chuyện mất tiền, rồi chị này nói chị nọ ăn cắp. Mới đầu còn đứng hai bên bờ rào xương rồng, lời qua tiếng lại. Một lúc sau, chạy xồng xộc ra ngõ xỉa xói nhau, lôi bà con dòng họ ra mà chửi rủa rồi xáp vào nhau đánh lộn. Nhờ hàng xóm chạy qua can gián, họ mới chịu yên. Yên, nghĩa là không đánh chửi nhau, nhưng mỗi bên lôi hàng xóm ra để phân bua và làm chứng. Cuối cùng là họ kéo nhau xuống đình để thề... Thiên hạ chạy theo coi, cũng hâm hở không kém người trong cuộc! Rần rần rộ rộ như vậy mà khi vào trong đình là im phăng phắc. Tới đó rồi mà hai chị đàn bà vẫn còn thách nhau, mặc dù không dám to tiếng: "Mầy giỏi mầy thề đi! Thề đi!". Cò cưa một lúc rồi cũng có chị thắp nhang thề trước: "Tôi xin thề trước đình là nếu tôi có ăn cắp tiền của con nhỏ này thì cho xe lửa cán tôi đi!". Đến lượt chị thứ nhì, giọng còn hậm hực: "Tôi mà nói gian cho nó cũng cho xe lửa cán tôi đi!". Sau đó họ kéo nhau về, rã làm hai tốp, mỗi tốp đi theo một chị, im lặng, lo lắng. Trong thâm tâm mỗi người hàng xóm đều có một sự chờ đợi, phập phồng. Không ai để ý rằng chẳng có chị nào dám nói "thề trước Thần" mà chỉ dám nói "thề trước đình" và chuyện "xe lửa cán" ở cái làng xa xôi này thật là quá vô lý! Vậy mà tháng sau, cả hai chị đàn bà đó đều ngã lăn ra chết. Chị bị tình nghi ăn cắp tiền chết trước, trúng gió, nằm liệt mấy hôm rồi chết không trối được một tiếng. Hàng xóm nói chỉ "mắc lời thề". Chị mất tiền chết sau, thầy pháp nói chỉ bị vong hồn của chị chết trước bắt! Hàng xóm lại nói chỉ "cũng mắc lời thề"... Năm Câu thì nghĩ khác. Năm Câu cho rằng hai chị đó "giỡn mặt với Thần; chuyện bậy bạ đâu mà dám đem Thần ra làm chứng", vì vậy mà cả hai đều bị "Thần quở". Vụ thề thốt đó đã làm cho Năm Câu càng tin tưởng mãnh liệt ở sự linh thiêng của Ơn Trên...

Rồi một năm đó, vào mùa mưa, ông từ giữ đình qua đời. Làng xã và bang hội đưa Năm Câu vào đình thay thế. Từ đó, Năm Câu trở thành Năm Từ, dọn lên ở cái nhà nhỏ sau đình. Rồi cũng từ đó, thằng Nhành- lúc này đã bắt đầu lớn - nối nghiệp tía nó luôn.

Hồi còn nhỏ, nó học hết lớp nhì rồi ở nhà học nghề câu với tía nó. Lâu lâu nó cũng theo tía nó chèo xuồng đưa du kích qua sông (Bấy giờ, người ta gọi mấy người đi kháng chiến là du kích). Mấy chú du kích hay vò đầu nó hoặc để cho nó mân mê mấy khẩu súng lục. Nó khoái thứ này lắm. Vừa láng vừa nặng. Rờ vào thấy lạnh ngắt mà khi cầm trong tay thì bỗng nhiên mình cảm thấy mình không còn biết sợ cái gì hết! Giống như có vô bùa... Những lúc đó, mắt nó ngời lên thích thú cũng bằng như vừa kéo lên một con cá bự.

Bây giờ thằng Nhành đi câu một mình. Lâu lâu cũng đưa du kích qua sông như tía nó đã làm hồi đó, và lâu lâu cũng "đi mất" vài hôm...

Thằng Nhành không chịu lên ở trên đình với tía nó. Nó thường đến phụ quét dọn trong đình ngoài sân, nhưng xong việc là nó trở về cái chòi tranh ở bờ sông. Ở đó, nó có cái thế giới của nó, cái thế giới mà tía nó đã tạo ra và trong đó nó đã sanh ra, lớn lên, quen nhìn quen thấy. Chẳng có gì đặc biệt: nhà tranh nền đất, một gian, một chái làm bếp, nhìn ra sông qua một sân có trồng mấy bụi mía, đám mì, mấy cây ớt, phía sau là đám chuối xiêm với giàn bầu, bên hông là con lạch nhỏ có chiếc cầu con bằng ba tấm ván vừa dùng để tắm giặt vừa dùng để cột xuồng. Chỉ có ngần đó thứ, thật đơn sơ nhưng cũng thật là thân thuộc, những thứ đã dính liền vào cuộc sống của nó từ thuở ấu thơ và bây giờ đã trở thành của riêng của nó, của một mình nó thôi.

Năm Từ ở trên đình cũng buồn. Thường xuống câu với thằng con mấy bữa hoặc ở lại ngủ với nó mấy đêm. Người ta nói: "Năm Từ không thể vắng con quá ba ngày!". Sáng nào cũng vậy, đi câu về chèo xuồng ghé qua chợ giao cá cho bạn hàng xong, thằng Nhành chèo miết về nhà tắm rửa rồi thả bộ lên đình kiếm tía nó. Năm Từ cũng vừa cúng nước xong. Hai cha con đưa nhau xuống xóm Nhà Máy, uống cà phê ở tiệm Tửng Gòn. Chú Tửng Gòn năm nay đã năm mươi ngoài, nhưng người trong xóm vẫn tiếp tục gọi là "tửng", vì đã quen gọi như vậy từ mấy chục năm nay, từ hồi chú còn nhỏ. Chú là người Quảng Đông. Ông già chú làm trong nhà máy xay lúa của ông bang Xồi từ hồi xửa hồi xưa. Qua tới đời bang Bi – con bang Xồi – lên làm chủ, ổng cũng vẫn tiếp tục làm cho đến khi ổng mất. Tửng Gòn hồi bên Tàu mới qua, không biết nói một tiếng Việt Nam. Vậy mà đi chơi chung với bầy trẻ trong xóm, ọ ẹ riết rồi cũng nói được, tuy rằng phát âm vẫn còn lơ lớ. Cách phát âm đó, mấy chục năm sau Tửng Gòn vẫn không sửa được mặc dù cưới vợ Việt Nam và đẻ một bầy con chẳng có đứa nào biết một tiếng Tàu! Tửng Gòn và Năm Từ quen thân nhau từ hồi nhỏ. Hồi đó, trẻ con phá phách nhứt trong xóm là "thằng Năm và thằng Gòn". Hai đứa chiều nào cũng rủ một bầy con nít xuống tắm sông ở bến gỗ trại cưa thầy Cai. Ở đó có cây gừa thật to, gốc trên bờ nhưng thân nghiêng ra ngoài nên những cành già thả rễ dài xuống mặt nước. Mấy đứa nhỏ bám mấy rễ đó đu qua đu lại hoặc để lấy đà quăng mình ra xa lộn một vòng trước khi rơi ùm xuống nước. Cây gừa đó đã bị trận lụt năm Thìn lôi trốc gốc, nhưng những kỷ niệm cũ Tửng Gòn vẫn còn nhắc hoài. Có lần, thằng Nhành nghe Tửng Gòn kể lại: "Hồi đó tao chưa biết lội. Thằng Năm bày đặt bắt chuồn chuồn cho cắn rún tao đau thấy mẹ rồi xô tao xuống nước làm tao uống hết một bụng! May là chỗ đó cạn chớ không thì đã chết chìm rồi! Thằng ác can không nổi!". Gợi lại những mẩu chuyện nhỏ hồi xưa, Năm Từ và Tửng Gòn nghe trong lòng vừa cảm động vừa thích thú. Bây giờ, hai người vẫn "mầy, tao" như hồi đó, nhưng nhìn nhau đã thấy bắt đầu già... Nói chuyện với Tửng Gòn, Năm Từ hay ví mình như cái đình, cũng xưa, cũng cũ, cũng rêu phong, còn thằng Nhành thì được tía nó ví như một cái nhà gạch nền đúc, mái lợp bằng ngói móc tân thời lúc nào cũng đỏ au màu mới. Ví von không phải để tiếc nuối tuổi tráng niên của mình hồi đó, mà để thấy tự hào đã tạo ra thằng con như vậy. Cái sung sướng của

https://tieulun.hopto.org

Năm Từ là thằng Nhành tiếp nối nghề nghiệp của tía nó và hai cha con vẫn ở gần nhau chớ không phải như bầy con của Tửng Gòn, từ ngày mẹ chết, tụi nó theo người bà con xuống Chợ Lớn làm ăn, bỏ ba tụi nó một mình với quán cà phê. Lâu lâu Tửng Gòn hay than: "Mầy có phước hơn tao, một cây có một trái mà lúc nào cũng có cha có con. Còn tao đẻ một bầy năm đứa mà rốt cuộc cũng như không có đứa nào hết!". Tửng Gòn lúc nào mở miệng cũng phải chửi thề. Làm như là một sự cần thiết cho câu nói. Thật ra, tiếng chửi thề là tiếng Việt Nam mà Tửng Gòn học nói đầu tiên với mấy đứa nhỏ, hồi bên Tàu mới qua. Rồi cứ lặp đi lặp lại riết nên trở thành cái tật, bỏ không được! Như vậy, từ mấy chục năm nên cũng không ai để ý nữa. Năm Từ cũng quên mất là chính mình hồi đó đã dạy "thằng Gòn" nói tầm bậy tầm bạ nhứt, để cười chơi. Bây giờ, lâu lâu nhớ lại tiếng chửi thề "chấm câu" của thằng bạn người Tàu, Năm Từ nghe thương bạn vô cùng. Vừa thương tính thật thà "học sao nói vậy" của Tửng Gòn từ hồi xửa hồi xưa tới giờ vẫn không thay đổi, vừa thương tình cảnh gia đình người bạn, cũng góa vợ như mình nhưng không nhờ cậy gì được ở bầy con. Những lúc đó, Năm Từ nhìn thằng Nhành một cách trìu mến và thấy tất cả cuộc sống của mình đều tích tụ vào nó như đốm lửa ngọn đèn dầu thắp sáng trong đêm: Năm Từ là cây đèn dầu mà thằng Nhành là đốm lửa nằm trên đầu sợi tim, sức sống của cây đèn.

... Rồi một hôm có tin đình chiến với hiệp định gì đó chia hai đất nước. Chia ở đâu, thiên hạ không rõ nhưng nghe nói hết giặc là ai cũng mừng. Ở ngã ba lộ cái người ta tụ tập, nghe ngóng, bàn tán xôn xao. Tây và bạc-ti-dăng rút vô đồn, bỏ mặc bên ngoài dân chúng muốn làm gì thì làm. Xe đò nào từ Sài Gòn chạy về ngang cũng phải ngừng lại ngã ba để người ta hỏi thăm tin tức. Làm như đó là cơ quan thông tin! Thôi thì mạnh ai nấy nói: tài xế, lơ, hành khách người nào cũng muốn chứng tỏ rằng mình am tường tình hình, ồn ào như cái chợ! Nói nghe thì nhiều, nhưng rốt cuộc chỉ vây quanh có mấy điểm: Tây thua mình thắng, xứ sở tạm thời chia hai, ai muốn ra Bắc thì theo tập kết, ai muốn ở miền Nam thì tự do vào miền Nam, vài bữa trưng cầu dân ý để thống nhứt. Thật là giản dị !

Vài hôm sau thấy có vài anh du kích về thăm nhà để sau đó đi tập kết. Đi lại thật tự do, làm như chuyện đánh giặc mười năm chỉ là chuyện giỡn chơi trong giây lát. Có vài người ghé thăm Năm Từ và thằng Nhành để cám ơn vụ đưa rước qua sông. Họ rủ thằng Nhành theo họ ra Bắc "chơi cho biết". Thấy được dịp đi đó đi đây thằng Nhành cũng hăng lắm, nhưng khi nó nhìn thấy đôi mắt tía nó tối lại, nó biết tía nó không bằng lòng nên nó làm thinh. Năm Từ trả lời:

- Bây giờ yên rồi, cha con tôi kể như đã làm tròn nhiệm vụ đối với kháng chiến. Mấy chú cứ đi đi. Để thằng Nhành ở lại với tôi cho có cha có con.

Họ giải thích dông dài để thuyết phục Năm Từ, nhưng rốt cuộc đành đề nghị ở lại chơi một ngày và đi câu với thằng Nhành đêm đó trước khi chia tay để đi tập kết.

Sáng hôm sau, cúng nước xong, Năm Từ ra ngồi chồm hổm ngoài cổng đình hút thuốc, đợi con. Người trong xóm đi chợ, ngang qua chào hỏi:

- Đợi thằng Nhành hả chú Năm?

Hỏi mà không cần trả lời, bởi vì họ biết chắc mười mươi là đúng như vậy. Năm Từ ậm ừ lấy lệ, mắt nhìn xuống dốc đình phía bờ sông. Lâu lâu đứng lên để cái nhìn đưa xa hơn về phía dưới. Cứ đứng lên ngồi xuống như vậy đến khi mặt trời đã lên quá hai sào mà vẫn chưa thấy bóng thằng Nhành. Thật là lạ! Xưa nay thằng nhỏ chẳng bao giờ trễ tràng đến như vậy. Chắc có chuyện gì rồi. Năm Từ đành bươn bả đi về hướng bờ sông. Đi mà giống như chạy. Phần vì xuống dốc, phần vì nóng lòng muốn chóng tới nơi. Con đường mòn dẫn tới chòi tranh của thằng Nhành, chân quen đi lại từ bao nhiêu năm, mà bây giờ sao bỗng thấy nó ngoằn ngoèo một cách vô lý. Phải đi vòng phía sau lò heo của chú Mín, bước qua hai đường mương trên mấy khúc tre gập ghềnh rồi đi quanh lò bún của dì Tư Đập mới trổ ra ruộng mía của thầy Cai. Ở đây lẽ ra Năm Từ phải bọc theo ven ruộng mía đến gốc cây gõ rồi ôm bên hông lò rèn Hai Tịnh mà ra bờ sông, nhưng đi như vậy quá chậm. Năm Từ nhắm hướng rồi băng càn qua ruộng mía. Lá mía cắt mặt cắt tay mà Năm Từ vẫn không hay không biết, cứ cắm đầu đi thẳng về phía trước. Một lúc là ra khỏi ruộng mía. Nhìn về phía bên trái là thấy nhà thằng Nhành, phên tre sập xuống im lìm. Đẩy phên tre lên, bên trong vắng ngắt. Cái nhà một gian một chái không vách ngăn, bỗng như rộng mênh mông. Năm Từ bỏ phên tre xuống, bước ra ngoài con lạch: chiếc xuồng câu không có đó. Chết rồi! Thằng Nhành chắc bị gì rồi! Năm Từ hớt hơ hớt hải chạy băng ruộng mía, chạy ngược về đình, chạy đổ xuống xóm nhà máy, ghé quán cà phê cho Tửng Gòn hay, nhịp thở cắt câu nói thành từng khúc: "Thằng Nhành... bị... gì rồi... Nó đi câu... hồi hôm giờ... chẳng thấy về... Tao đi... mượn xuồng Hai Hiệp... kiếm nó coi".

Tửng Gòn chắc lưỡi chửi thề, chưa nói được gì thì Năm Từ đã chạy ù đi mất.

... Sông Vàm Cỏ Đông rộng mênh mông. Từ bờ bên này nhìn thấy bờ bên kia nhưng hai bờ xa nhau quá ba dậm hú. Bờ bên kia không có xóm làng. Hồi xưa là bưng và rừng tràm. Dân bên này chèo xuồng qua bên đó đốn cây tràm về làm cừ hoặc đi lấy mật ong về bán. Người ta cũng qua đó khai mương đắp bờ làm ruộng. Mới đầu còn ít nhưng sau rồi rừng tràm bị đốn tới đâu là ruộng lúa lan theo tới đó. Không có ai cất nhà ở bên đó, nhưng họ cất chòi để giữ ruộng, hoặc thấp lè tè núp dưới lùm cây dại, hoặc chòi cao cẳng đứng lêu nghêu giữa đồng. Vào mùa gặt, bên đó đông như hội...

Thằng Nhành thường giăng câu bên kia sông, trong khoảng từ rạch bà Chạy kéo xuống rạch ông Tồn, ngang qua vịnh Mù U, chỗ có chiếc ghe bầu đụng bè gỗ chìm hồi tía nó còn trẻ. Vốn biết rành vùng giăng câu của con, nên Năm Từ chèo riết qua sông, đâm xéo xéo qua con rạch trên mà mắt nhìn dài theo mé nước. Dọc bờ sông cây cối mọc um tùm. Nhiều cây cao, tàn xòe ra như cây lọng, cò ở đâu về đậu trắng như bông. Buổi sáng bên sông nắng trong tinh khiết. Mặt nước trải dài rộng thênh thang. Thật mát và thật êm ả. Cảnh trí đó, Năm Từ đã từng thưởng thức không biết bao nhiêu lần mà kể. Vậy mà bây giờ, nó không còn ý nghĩa gì hết. Cái tịch mịch, cái êm ả chung quanh chỉ làm tăng thêm sự dao động bên trong của Năm Từ. Thà có tiếng ai hò ai hát, thà có tiếng ai gọi ai kêu để Năm Từ cảm thấy rằng mình đang đi vào một vùng sinh động, trong đó nếu không hy vọng gặp thằng con thì cũng còn hy vọng gặp người này

https://tieulun.hopto.org

người nọ để hỏi dò coi có ai thấy thằng Nhành không. Đằng này, ngoài tiếng chèo khua nước, Năm Từ còn nghe được tiếng trái tim mình đập mạnh, hơi thở mình đứt quãng. Để tránh cái cảm giác ngây ngấy khó chịu đang dâng lên, Năm Từ dừng xuồng ở miệng rạch bà Chạy, hướng vào trong gọi lớn:

- Ớ... Nhành ơi ! Ớ... Nhành!

Tiếng Năm Từ vang dài, lồng lộng trên mặt sông, giống như tiếng mấy người quảng cáo thuốc nói trong loa. Bầy chim đâu đó hoảng hốt bay vù lên trời. Năm Từ gọi tiếp mấy lần, tiếng gọi mất hút trong xa, chỉ thấy trả về yên lặng và yên lặng. Nước bắt đầu ròng. Năm Từ thả xuồng trôi theo nước, mắt vẫn tiếp tục nhìn vào mấy hốc mấy lạch, lâu lâu gọi con, nghe như tiếng loài chim hoang chỉ sống ở ven sông để kêu khi nước lên nước xuống...

Trôi tới vịnh Mù U thì mực nước đã để lòi cao cái bánh lái của chiếc ghe bầu chìm. Không biết hồi xưa ghe đụng bè gỗ cách nào mà chìm trút mũi xuống đáy sông, chổng lái lên trời, rồi đứng nguyên ở tư thế đó từ mấy chục năm nay. Năm Từ nhớ hồi thằng Nhành còn nhỏ, lúc nào giăng câu gần đó nó cũng lội tới đó để trèo lên bánh lái lấy đà phóng xuống nước. Càng phóng ra xa chừng nào nó càng khoái chí chừng nấy. Khi trồi lên mặt nước, nó cười vang sông, tiếng cười thật trong trẻo mát rượi. Tiếng cười đó đã mất đi từ ngày thằng Nhành lớn lên, làm Năm Từ lâu lâu thấy nhớ. Sau này, bánh lái đó là chỗ mà thằng Nhành thường cột xuồng đợi nước, vừa xa bờ vừa nằm vào giữa khoảng giăng câu. Bánh lái lòi cao ra đó vậy mà thằng nhỏ nó ở đâu bây giờ? Không có dấu vết gì của nó hết. Từ chiếc xuồng đến những cái phao làm dấu đường giăng. Năm Từ gọi tiếp rồi gọi tiếp: "Ớ... Nhành ơi! Ớ... Nhành!". Tiếng Năm Từ càng gọi càng nghe thảm thiết. Chỉ có mấy âm "Nhành ơi" mà sao nghe não nuột như một chuỗi dài than thở héo hon. Mỗi lần gọi con, Năm Từ cảm thấy như hơi sức bị hao mòn đi một ít. Cũng như niềm hy vọng đang mòn lần... mòn lần...

Nước càng ròng càng chảy mạnh. Xuồng Năm Từ trôi băng băng. Một lúc sau là tới rạch ông Tồn. Rạch này rộng hơn rạch bà Chạy, và dài hơn vì nó dẫn tới bìa rừng Bù Nóp. Hai bên rạch là ruộng lúa dài dài. Trên bờ rạch, xa xa, chòi ruộng đứng bơ vơ...

Khi cho xuồng vào vàm rạch, Năm Từ thoáng nhìn thấy trong xa ngọn cây tầm vong mà người ta thường dùng để cắm xuống lòng rạch giữ thuyền. Mắt sâu bỗng sáng lên, Năm Từ lấy sức chèo ngược dòng, chèo hối hả. Vừa chèo vừa hướng vào trong gọi to:

- Ớ... Nhành ơi ! Ớ... Nhành!

Tiếng gọi con bây giờ cũng nghe dồn dập như nhịp chèo khua nước. Chẳng mấy lúc là đã thấy dạng con xuồng nhỏ cắm sào bên chòi ruộng thấp lè tè. Năm Từ thấy không phải xuồng của con, đã chán nản, thì trong chòi có người lom khom bước ra. Nhìn rõ thì là thằng Lưa ở xóm Lò Gạch. Thấy Năm Từ, nó ngạc nhiên:

- Ủa! Chớ bác Năm không hay thằng Nhành đi Dầu Tiếng rồi à ?

Đến phiên Năm Từ ngơ ngác:

- Thằng Nhành... Thằng Nhành đi Dầu Tiếng?

Thằng Lưa vẫn chưa hết ngạc nhiên:

- Chớ nó không có xin phép bác sao? Nó đi từ chiều hôm qua. Đi với mấy chú du kích. Đi Dầu Tiếng để sáng nay tập kết ra ngoài Bắc.

Năm Từ bủn rủn tay chân, vói nắm cây sào rồi tì lên đó để khỏi quị xuống. Năm Từ còn nghe được tiếng của mình nói:

- Vậy hà!

Rồi nghe tiếng thằng Lưa kể chuyện lại, tiếng được tiếng mất, chập chờn như trong chiêm bao:

- Chiều hôm qua, nó chèo xuồng lên xóm của cháu để rủ cháu đi tập kết. Cháu bị còn bà già với lúa ruộng đang mê mê nên không dám đi. Nó gởi xuồng ở nhà cháu rồi đi luôn với hai chú du kích. Cháu tưởng bác Năm hay rồi chớ!

Năm Từ lại nghe tiếng của mình nói:

- Vậy hà! Ờ... Không hay.

Thằng Lưa còn nói loáng thoáng:

- Chiều cháu về cháu đem xuồng của nó xuống cho bác, nghen.

Năm Từ "ờ" lúc nào không biết. Chỉ biết có buông cây sào ngồi xuống, và biết không còn gì hiện hữu nữa mà mình thì đã chết hẳn từ hồi nào rồi...

Xuồng không được giữ lại, từ từ theo nước trôi đi. Trôi dọc, trôi ngang như chiếc lá to giữa dòng. Năm Từ ngồi trên đó như một pho tượng, lưng cong cong, đầu cúi xuống, tay buông thõng. Đến mấy khúc quanh, xuồng va vào bờ rồi trở đầu. Nhiều lần như vậy mà Năm Từ vẫn không nhúc nhích. Cuộc sống như ngừng lại. Chỉ có tiếng chim hoang kêu lên từng chập, tiếng chim trầm bổng nghe như còn tiếp tục gọi: "Ớ... Nhành ơi ! Ớ... Nhành!".

Xuồng trôi ra sông, trôi dọc theo bờ, trôi dài xuống hạ lưu. Năm Từ chỉ giựt mình tỉnh hồn khi xuồng đụng mạnh vào một thân cây nằm dài trong nước. Va chạm mạnh đến mức độ xuồng nghiêng về một bên làm nước tràn vào trong. Năm Từ chụp lấy cây chèo để giữ thăng bằng, rồi vừa nạy cho xuồng rời khỏi thân cây vừa nghĩ: "Mẹ ! Xuồng của người ta! Rủi có bề gì thằng Hai Hiệp chửi tắt bếp!". Khi xuồng đã tách khá xa bờ, Năm Từ nhìn quanh thấy mình đang ở tuốt dưới doi Cây Gõ. Nhìn ngược lên, nhờ khúc sông vừa rộng vừa thẳng, nên thấy nhà cửa xóm làng lúp xúp ở chân trời. Làm như muốn chìm xuống nước.

Sửa lại quai chèo, Năm Từ chèo về chầm chậm. Không có gì phải gấp. Không còn gì phải gấp. Bây giờ, thật sự chẳng còn gì nữa hết. Cha mẹ chết từ hồi mình còn trẻ. Vợ chết sau khi đẻ thằng con. Bà con thì chẳng còn ai. Có mỗi một thằng con mà nó cũng bỏ đi mất! Mình bây giờ thật là bơ vơ. Cuộc đời này bây giờ thật là không còn ý nghĩa gì nữa. Thằng Nhành đi rồi, mình giống như cây đèn dầu bị thổi tắt ngọn lửa. Cây đèn dầu sẽ vĩnh viễn không còn được thắp sáng. Sự sống đã bị ai cướp mất đi rồi... Bỗng Năm Từ nghĩ lại: "Chắc mấy thằng du kích nó dụ con mình, chớ thằng Nhành làm gì tự nó bỏ đi được?". Chưa kịp căm phẫn, lại nghĩ tiếp: "Cũng tại mình hết. Ai biểu đưa rước kháng chiến? Rồi còn tập cho thằng nhỏ đưa rước để cho nó lậm luôn. Bây giờ còn trách ai?". Còn đang ân hận thì lại nghĩ khác: "Mà thằng Nhành cũng đã lớn rồi chớ phải con nít sao mà nghe lời người ta dụ". Cứ nghĩ quẩn nghĩ quanh rồi

https://tieulun.hopto.org

khi thì tức mấy thằng du kích, khi thì tự trách mình, khi thì giận thằng con. Lý luận vòng vo để không biết ngừng ở đâu cho phải, giải quyết thế nào cho đúng. Đầu óc Năm Từ rối tợ bòng bong...

Mặt trời đã đứng bóng. Nước còn ròng. Năm Từ chèo ngược nước mà có cảm giác như đang cố ngoi lên từ đáy sông để tìm một cái phao, một điểm tựa, một lối thoát...

Khi Năm Từ bước vào tiệm nước, Tửng Gòn nhận thấy thằng bạn như thất thần. Không đợi hỏi, Năm Từ thuật lại vắn tắt, nói như cho chính mình nghe:

- Nó đi rồi! Nó trốn tao, nó đi rồi ! Đi ra Bắc với Tiên Tổ nó ở ngoải!

Tửng Gòn giậm chân chửi thề liên hồi. Rồi nhớ lại thằng bạn chắc chưa ăn sáng, bèn đề nghị:

- Tao nấu hủ tiếu hai đứa mình ăn nghen! Tổ bà nó! Ăn cái đã !

Một lúc sau, cả hai cùng ngồi ăn, chẳng biết nói gì với nhau hết. Tửng Gòn đem ra thêm một tô xí quách và một xị đế:

- ... Thứ này đưa cay là hết xẩy !

Năm Từ không phải bợm rượu, tuy lâu lâu có dịp cũng lai rai. Bữa nay, sau mấy hớp đầu, bỗng nghe trong người như được bơm thêm một chút sinh lực. Ngẫm lại mấy ông già xưa nói thật có lý: uống rượu để giải sầu. Vậy thì làm thêm vài ly cho nó tỉnh mình rồi về đình còn quét lá sân trước sân sau. Mấy ổng còn nói: "Uống rượu để quên trời quên đất". Vậy thì làm thêm một xị nữa cho nó đừng nhớ gì hết. Mà thiệt! Sau đó không nhớ là đã nốc hết bao nhiêu xị. Quên cha nó mình là ai, ở đâu. Chỉ còn nhớ mang máng là mình vừa mất thằng con. Không! Không phải! Mình đang đi kiếm thằng con, thằng nhỏ đi lạc đâu đó. Coi chừng nó bị té sông. Coi chừng nó bị xe đụng. Té sông cũng chết! Xe đụng cũng chết! Năm Từ giựt mình đứng phắt lên nhìn ra ngoài. Tửng Gòn đang trố mắt ngạc nhiên thì Năm Từ đã xiêu xiêu bước ra đường, rồi vừa ngất ngưởng chạy như người lên đồng, vừa kêu, vừa khóc, vừa kể lể:

- Nhành ơi! Con đi đâu? Rồi té sông té suối làm sao? Rồi xe cộ cán con làm sao? Rồi con bỏ tía ở lại với ai? Tía đây nè con ơi... Hu... Hu...

Lâu lâu, Năm Từ té quị xuống, gượng đứng lên, băng xiêng băng nai mà chạy tới như được tiếp sức bởi một mãnh lực vô hình. Trẻ con bu theo như ruồi, vỗ tay cười khi thấy người say té chúi xuống. Người lớn nhìn nhau, không hiểu. Có mấy người bước lại đỡ Năm Từ lên:

- Sao vậy chú Năm?

Rồi khi nghe mùi rượu nặc nồng, họ đề nghị:

- Để tụi này đưa chú về đình.

Năm Từ mắt trợn trừng, vùng ra hét to:

- Về đâu? Người ta đi kiếm thằng Nhành mà về đâu ? Nó đi lạc đâu rồi. Hu... Hu... Con ơi là con...

Rồi tiếp tục chạy, tiếp tục kêu, tiếp tục khóc. Lên đến gò Đồng Mả, Năm Từ kiệt sức, ngã lăn dưới gốc cây da rồi ngủ thiếp đi. Năm Từ không biết rằng mình đã tìm ra được một lối thoát cho tâm tư nhờ mấy xị rượu!

Từ đó, lâu lâu nhớ con, Năm Từ "lên" một cơn say dậy xóm dậy làng... Đó là lúc mà cây đèn dầu của Năm Từ được vặn cho sợi tim lú lên cao thật cao để tìm ngọn lửa, ngọn lửa mà người ta đã cướp mất. Năm Từ lúc nào cũng kết thúc cơn say ở gò Đồng Mả, làm như tiềm thức dẫn Năm Từ đến đó là cuối đường...

⁂

Yên được đôi năm gì đó rồi lại thấy có giặc lại. Quân đội quốc gia cũng đóng đồn trên đất ông Đốc Phủ, chỗ Tây đóng hồi đó, nhưng đào hào đắp bờ kiên cố hơn. Dân chúng vẫn ở chung quanh, không thay đổi. Chỉ thay đổi là bây giờ không phải Việt Minh đánh với Tây mà là Việt Cộng đánh nhau với Quốc Gia. Đánh nhau đâu ở trong xa, thật xa đến nỗi không nghe tiếng súng. Chỉ nghe đồn khi có đụng độ lớn ở đâu đó, miệt Trảng Nhỏ hay miệt Giồng Riêng. Chớ tại làng của Năm Từ thì từ thời Tây đến bây giờ chưa biết mùi giặc ra làm sao hết.

Rừng cây dầu ở gò Đình được rông cho trống trải để dễ giữ an ninh. Mấy cây dầu lớn đều bị đốn hết, chừa lại mấy cây con, to cở bằng bắp chân trở xuống. Thành ra coi thật xơ rơ.

Hồi đó, rừng dầu vừa rậm vừa cao, ôm lấy đình như để bảo vệ cái phong khí u tịch đã có từ thuở xa xưa. Ngoại trừ khi cúng cầu an có rước hát bộ hát cho Thần coi, và có làng xã dân chúng tham dự rộn rịp, hoặc những khi cá nhân hay đoàn thể cúng bái tạ ơn Thần, ngày thường đình là nơi trang nghiêm vắng lặng ít người lui tới. Đối với dân làng, đó là nơi linh thiêng cần phải có tính cách biệt lập. Một phần vì vậy mà dân xóm Đình đều cất nhà cách rừng dầu một khoảng khá xa, nằm thấp phía dưới, và tin tưởng rằng có Thần ở trên cao phò hộ.

Bây giờ, rừng dầu bị chặt đi, cây con lưa thưa chưa cao quá một sào. Cái đình vì vậy nhô ra một cách trần tục, không còn gì nét tôn nghiêm hết. Năm Từ thật đau lòng và bất mãn. Mỗi một cây dầu bị hạ xuống là một lần Năm Từ nghe xót xa. Những cây dầu thân to bằng hai ba người ôm, thẳng đuồn đuột và cao nhìn trợt ót, đã có từ thời ông cố ông sơ gì tới giờ. Không phải vài ba chục năm mà được như vậy. "Nó " đã biết làng này từ thuở còn là một xóm nhỏ lèo tèo vài ba mái nhà tranh vách đất nằm lúp xúp cạnh bờ sông, đã nhìn cái xóm nhỏ đó từ từ lớn lên để thành cái làng với đường ngang đường dọc, với nhà gạch nhà lầu. Nó đã chứng kiến thế hệ này nối tiếp thế hệ nọ, mỗi đời người một vươn lên, từ mức dân quê dốt nát tiến đến có người làm Đốc phủ, có người làm Giáo sư, có người làm Dược sĩ... Những cây dầu đó thật sự đã sống với làng với xóm với con người không khác gì các bô lão. "Nó" đã thuộc vào "lịch sử " của làng này cũng như khúc sông Vàm Cỏ nằm xa phía dưới kia. Đối với Năm Từ, hạ những cây dầu cổ thọ đó xuống cũng giống như mình tự cắt đứt gốc rễ, những thứ đã bắt nguồn từ sông ngòi ruộng đất của Tổ Tiên. Quý vô cùng mà tụi nhỏ bây giờ đâu cần biết!

Công tác hạ cây đã được quyết định bởi ông Trung úy Trưởng đồn và Hội đồng xã, sau khi nghiên cứu địa hình địa vật tại chỗ! Năm Từ có thắc mắc hỏi ông Chủ tịch xã - còn trẻ măng - thì được ông này trả lời một cách thản nhiên rằng khu rừng cây này chẳng liên hệ gì tới cái đình hết và ông Từ giữ đình chẳng có trách nhiệm gì khác hơn là việc thắp nhang cúng thần hằng ngày. Năm Từ làm thinh nhưng lòng đầy cay đắng vì thấy rằng làng xã thời nay không còn là một sự tiếp nối của thời xưa cho nên phạm vi của cái đình đã bị thu hẹp lại còn có cái nóc bên trên và cái nền ở dưới!

https://tieulun.hopto.org

Sau đó, ngoại trừ lúc lên đỉnh thấp nhang cúng nước, Năm Từ hoặc đi câu hoặc lúc thúc ở trong nhà- một ngôi nhà nhỏ cột gỗ ngói âm dương cất ở góc sân sau đình - chớ không ra quét lá đều đặn như lúc trước nữa. Vì vậy, đình càng u trệ xơ rơ hơn. Người trong xóm biết Năm Từ bất mãn, tuy rằng chẳng nghe Năm Từ phân bua than thở với ai một lời.

Một hôm, đang lúi húi quét dọn trong đình, Năm Từ nghe có người gọi nhỏ từ ngoài sân:

- Chú Năm ! Chú Năm!

Nhìn ra, thấy một người đàn ông lạ mặt, áo sơ mi trắng quần tây đen, xách cạc-táp có vẻ như một thầy thơ ký. Năm Từ bước ra hiên:

- Ờ... Thầy hỏi chi ?

Người đàn ông nhìn quanh trước khi nói:

- Tôi có cái thơ của thằng Nhành gởi cho chú.

Năm Từ nghe điến hồn như bị sét đánh gần bên, bỏ rơi cây chổi lúc nào không biết. Từ mười mấy năm nay, cái tên Nhành chỉ được Năm Từ gọi trong cơn say – nghĩa là miệng gọi nhưng tai không nghe và đầu óc không nhớ – cho nên âm thanh đó bị dìm sâu trong tiềm thức. Bây giờ, trong lúc Năm Từ đang tỉnh táo mà âm thanh thân yêu đó bỗng bật lên quá nhanh, quá mạnh và quá bất ngờ, làm Năm Từ choáng váng đứng không vững, tưởng chừng như mình đang trong cơn say! Một lúc sau, Năm Từ có cảm giác như vừa ngoi lên khỏi mặt nước, nói bằng một giọng trống rỗng: "Vậy là nó còn sống!".

Người đàn ông bước lại gần:

- Dạ. Nó đang công tác ở ngoài đó và vẫn mạnh khỏe. Nó nhớ chú lắm và thường hay nhắc tới chú.

Năm Từ nghe lòng ruột rã ra từng mảnh. Hình ảnh thằng con hiện về trong đầu thật rõ nét làm như nó chưa bao giờ rời khỏi vòng tay của mình. Năm Từ cười như mếu:

- Vậy hà?

Ngừng một lúc rồi tiếp:

- Mời thầy qua nhà tôi uống nước.

Vào nhà, Năm Từ rót trà mời khách:

- Thầy uống miếng nước.

Người đàn ông cười hiền hòa:

- Tôi tên là Qui. Bạn bè kêu là Sáu Qui. Chú cứ gọi tôi là thằng Sáu hay thằng Qui gì cũng được.

Một lúc sau, Sáu Qui mở cập lấy thơ đưa cho Năm Từ:

- Thằng Nhành ra ngoài đó được cho đi học lại. Bây giờ, chữ nghĩa nó đạt lắm.

Năm Từ cầm lấy thơ mà tay run run. Lật qua lật lại một lúc rồi trao cho Sáu Qui:

- Tôi dốt. Không biết đọc. Thầy đọc tôi nghe coi.

Sáu Qui hớp một ngụm trà rồi đọc thơ. Năm Từ cầm chén trà hớp từng hớp nhỏ, đầu gật gù giống như người ta đang thưởng thức trà. Thật ra lòng Năm Từ vừa mở rộng sung sướng lại vừa cảm động miên man... Cây đèn dầu "Năm Từ" bỗng thấy sợi tim lú lên cao, đầy hy vọng. Bởi vì có người vừa bật diêm quẹt gần đâu đó!

Thơ không dài. Đại khái là thằng Nhành vẫn mạnh giỏi, công tác tốt. Nó sẽ trở về một ngày gần đây. Điểm chánh yếu trong thơ là nó gởi gấm Sáu Qui cho tía nó. Cuối thơ, nó viết: "Càng nhớ tía bao nhiêu, con càng có bổn phận phải kiên trì đấu tranh để đem lại hòa bình cho xứ sở". Nghe đọc thơ xong, Năm Từ ngồi lặng yên. Làm như là để cho nó ngấm từ từ vào người cái ngạc nhiên, cái khoái trá, cái hãnh diện, cái sung sướng...

Sáu Qui cũng không nói gì, ngồi nhìn thẳng ra bìa rừng. Bây giờ cây nhỏ lưa thưa nên thấy tuốt xuống hố quẳn và con đường đất dẫn lên lộ cái. Có tiếng chim kêu trong lá và tiếng con gà mái tục tục gọi con bên hè. Buổi sáng trên đỉnh thật là êm ả. Không khí mát rượi trinh nguyên... Bỗng Sáu Qui hỏi Năm Từ:

- Nghe nói rừng dầu rậm lắm mà sao bây giờ coi xơ rơ vậy chú ?

- Ờ... Họ đốn hết lấy gì mà rậm.

Sáu Qui hỏi tiếp:

- Ai đốn? Mà tại sao phải đốn? Hả chú ?

Giọng Năm Từ cay cú:

- Ối... Thì chánh quyền đốn chớ ai dám vô đây mà đốn. Họ nói để giữ an ninh gì gì đó không biết nữa!

Sáu Qui chắc lưỡi:

- Thiệt là bậy! Đâu phải nhờ đốn hết rừng mà giữ được an ninh đâu chú. Đình chùa là tượng trưng cho sự tự do tín ngưỡng của quần chúng nhân dân, phải được nhà nước tôn trọng. Xúc phạm những nơi đó mới là chuyện làm mất an ninh đó chú!

Năm Từ thật hả dạ khi nghe Sáu Qui lý luận như vậy và bỗng thấy người đàn ông mới quen đó thật là gần gũi với mình, làm như đã biết nhau từ lâu. Giọng Năm Từ trở nên thân mật hơn:

- Đúng vậy. Họ có nghĩ như mình đâu!

Ngừng một chút rồi tiếp:

- Vậy chớ thầy Sáu quê ở đâu?

Sáu Qui bật cười:

- Chú kêu tôi bằng thầy nghe cách biệt quá chú! Kêu tôi bằng cháu đi, như tôi là anh của thằng Nhành vậy.

Năm Từ nghe lòng thật ấm cúng:

- Ờ... cũng được. Vậy quê cháu ở đâu há?

Sáu Qui vắn tắt kể lại lai lịch của mình: cha mẹ gốc miền Trung, vào Dầu Tiếng làm phu cạo mủ cao su; Sáu Qui lớn lên ở đó, đi kháng chiến rồi tập kết đi luôn tới giờ; kỳ này vào Nam để công tác ba tỉnh miền Đông; Sáu Qui hành nghề châm cứu để độ nhựt... Rồi Sáu Qui kết:

- Trong thời gian công tác ở vùng này, tôi chỉ biết trong cậy vào sự đùm bộc giúp đỡ của chú thôi.

Năm Từ bỗng thấy như được giao một trách nhiệm, tuy không nguy hiểm bằng công tác đưa rước người qua sông hồi thời kháng chiến chống Pháp, nhưng cũng không kém phần quan trọng. Hình ảnh thời "oanh liệt", hồi Năm Từ còn là Năm Câu "đưa kháng chiến qua sông như ăn cơm bữa"... hiện về thật rõ nét trong đầu Năm Từ. Giống như mới hôm qua hôm kia! Mắt Năm Từ bỗng sáng lên, máu trong người bỗng chảy mạnh hơn và chỉ trong có mấy giây thôi mà Năm Từ bắt gặp lại cái cảm giác hăng hăng của thời trẻ. Năm Từ hạ giọng:

- Ờ... Cứ ở đây với tôi. Yên chí! Có Thần linh phò hộ, đừng có lo!

https://tieulun.hopto.org

Ngừng một lúc rồi tiếp :

- Cháu à! Hễ mình nghĩ phải làm phải thì chuyện gì cũng được Ơn Trên giúp đỡ hết!

Từ đó, Sáu Qui nghiễm nhiên trở thành cháu bà con của Năm Từ. Cha Sáu Qui là anh bà con một đầu ông cố với Năm Từ, lâu nay lưu lạc miệt Chợ Lớn, bây giờ tìm riết mới gặp lại nhau. Năm Từ dựng đứng câu chuyện như vậy để thiên hạ đừng ai để ý. Người ta gọi Sáu Qui là thầy Sáu châm cứu và nhà Năm Từ trở thành "phòng mạch bình dân". Thầy Sáu châm mát tay nên bệnh nhân tới lui cũng khá. Lâu lâu, thầy Sáu vắng mặt vài hôm. Nghe nói thầy còn nhiều phòng mạch ở các tỉnh khác, bỏ bịnh nhân không đành...

Thời gian qua mau. Việt Cộng đánh càng ngày càng gần. Tuy chưa nghe tiếng súng nhưng dân làng biết như vậy bởi vì người ở các vùng đó tản cư về đây càng ngày càng đông. Và họ đưa tin còn nhanh hơn bưu điện!

Quân đội Mỹ kéo tới đóng đồn tuốt trên gò Đồng Mả. Không phải tại gò Đồng Mả, mà là ở khoảng giữa gò Đồng Mả và xóm Lò Gạch. Ở đó cũng có một cái gò, người Mỹ dùng mấy đoàn xe cam nhông chở đất đỏ từ đâu về đổ lên đó và máy ủi đất đấp vung lên cho gò thêm cao. Chỉ có mấy hôm mà gò đó đã trở thành điểm cao nhứt làng. Cái gò mới đó không có tên, nhưng nó được dân làng gọi là "thành Mỹ", bởi vì có hầm hố bờ đê kẽm gai thật kiên cố! Mỹ kéo về đó mấy cây đại bác. Đêm đầu tiên Mỹ bắn đại bác, dân làng đang ngủ bỗng giật mình ôm nhau tưởng đâu trời sập, trẻ con khóc điếng lên như bị ai cắn. Xưa nay làng này chưa từng nghe tiếng nổ to như vậy. Sau tiếng nổ điếc con ráy là tiếng đạn bay nghe cái ào trên đầu làm tóc gáy dựng lên. Dân làng bắt đầu thấy cuộc đời này không còn yên ổn nữa.

Quân đội Mỹ thường bắn đại bác về đêm. Nghe riết rồi cũng quen, nên không còn ai để ý. Đến một hôm đó, đại bác nổ ban ngày. Thiên hạ bàn tán nho nhỏ với nhau: "Chắc Việt Cộng di quân ban ngày nên mới bị pháo như vậy". Rồi sau đó, ngày đêm gì cũng có tiếng đại bác. Và dân làng bắt đầu nghe xa xa tiếng súng đụng độ giữa hai bên...

Đến khi Việt Cộng bắt đầu pháo kích vô làng thì không thấy thầy Sáu châm cứu trở về phòng mạch ở đình nữa. Năm Từ cũng không biết "thằng cháu" đi đâu, đành nói với hàng xóm: "Nó về dưới Chợ Lớn chắc bị bắt quân dịch luôn rồi". Nói như vậy chớ Năm Từ biết mình bị Sáu Qui bỏ rơi, cũng giống như thằng Nhành hồi đó.

Một hôm, vào quá nửa đêm, Việt Cộng pháo vô xóm Đình. Một trái rớt xuống sau đình, tiếng nổ to đến mức độ Năm Từ rớt từ ghế bố xuống đất. Bầy gà sau nhà kêu lên oang oác. Năm Từ mở mắt nhìn quanh: bóng tối còn nguyên như cũ, vậy là trái đó không rớt trúng nhà mình! Rồi Năm Từ mò mẫm trèo lên ghế bố, càu nhàu: "Mỹ ở tuốt gò Đồng Mả sao không pháo. Pháo chi xóm Đình chẳng có con mẹ gì hết". Sáng hôm sau, thấy nửa mái đình phía sau bay mất, cột kèo đổ nát tan hoang. Năm Từ nghe lòng đau như cắt. Và chua chát nghĩ: "Thần Thánh thời nay cũng không được người ta để cho yên!". Tuy nhiên, vẫn tin tưởng rằng những ai xúc phạm tới đình sớm muộn gì cũng sẽ bị Thần quở.

Sau đó đình không được sửa chữa lại. Người ta nói chánh quyền quốc gia còn quá nhiều việc cấp bách để làm. Tình trạng đổ nát đó kéo dài đến ngày ba mươi tháng tư bảy mươi lăm...

⁂

Bây giờ mới thật là yên giặc. Không còn nghe một tiếng súng. Chỉ nghe tiếng loa phát thanh của nhà nước cách mạng. Cũng uềnh oang như ngày xưa khi trong làng có gánh cải lương...

Không thấy thằng Nhành về. Cũng không thấy Sáu Qui. Chỉ thấy người lạ ở đâu tới tiếp thu làng xã. Hỏi ra là dân Bù Lu hoặc Trảng Nhỏ xa xa...

Không khí trong làng thật là rộn rịp. Không phải do dân trong làng tạo ra sự rộn rịp đó như trước đây vào dịp Tết hay dịp cúng đình cầu an. Sự rộn rịp đó do số người mới đến cầm quyền chạy tới chạy lui gắn loa trương cờ, căng biểu ngữ, vẽ khẩu hiệu. Ngoài một số thanh niên "nhào" theo để dựa hơi (thiên hạ gọi là "mấy thằng ba mươi"). Hầu hết dân trong làng chẳng thấy ai nhúc nhích. Họ giống như khán giả được cho coi hát khỏi trả tiền. Thành ra họ yên tâm nhìn cuộc diện thay đổi một cách bàng quan. Và nghĩ một cách đơn giản: "Hết bị pháo kích, con cái khỏi phải đi lính... vậy là phước lắm rồi!". Chẳng dè làm "khán giả" chỉ được có năm bảy hôm gì đó, rồi là họ bị gọi đi đăng ký, đi báo công báo tội, đi học tập nghị quyết... Riết rồi họ trở thành "đào kép trên sân khấu cách mạng" lúc nào không hay! Một loại đào kép không thuộc tuồng tích, nhưng lúc nào cũng được mấy ông bầu cách mạng bắt thủ vai chánh trong mọi vở bi hài kịch của họ: vai "nhân dân làm chủ"!

Đình bị lấy làm hội trường. Nửa phía sau đổ nát vẫn để nguyên như vậy. Bàn thờ Thần, cây lọng cây phướn... được dọn hết vào nhà sau. Làm như là đồ riêng của Năm Từ! Hai "ông hổ" bằng gỗ ngồi hầu trước bàn thờ Thần, bị liệng ra sau hè, nằm chỏng gọng. Công tác dọn dẹp đình được mấy "ông cách mạng" tự tay làm lấy trong lúc Năm Từ bận giăng câu bên kia sông.

Bữa đó, đi câu về đến dưới dốc, Năm Từ chợt nhìn thấy lá cờ đỏ sao vàng phe phẩy trên đầu cột trước đình. Cột cờ này xưa nay chỉ dùng để kéo lá phướn của Thần khi cúng lễ. Thời quốc gia, ngay cả thời Tây, chưa ai dám phạm thượng treo ở đó lá cờ nào khác. Năm Từ nổi nóng, bươn bả chạy lên đình. Ở đó, bây giờ giống như mấy nhà xưa có đám cưới. Chỉ khác là nhà có đám cưới người ta kết bông bằng vải tây điều treo có tua có tụi, còn đây thì căng vải đỏ sơn chữ vàng tứ phía. Bên trong, trống bóc. Trên vách ngăn ở giữa đình có lá cờ đỏ sao vàng với ba khuôn hình treo ngang nhau. Năm Từ nhìn ra Hồ Chí Minh còn hai hình kia là một thằng... tây râu xồm tóc dài và một thằng... tây râu ngắn đầu sói. Thiên hạ đang lúi húi quét dọn. Năm Từ la lớn:

- Tụi bây làm gì vậy ? Ai cho phép tụi bây vô đây? Bộ muốn phá đình hả?

Cả bọn ngừng tay, ngạc nhiên. Một thằng hỏi:

- Chú không hay gì à? Ủy ban Nhân dân biểu lấy đình làm hội trường.

Năm Từ trừng mắt:

- Làm cái giống gì ?

Tên đó giải nghĩa:

- Làm hội trường. Nghĩa là làm chỗ để nhân dân hội họp học tập!

https://tieulun.hopto.org

Trong một thoáng, Năm Từ bỗng nhớ lại câu nói của Sáu Qui, nhớ rõ như đã học thuộc lòng. Năm Từ nói ra câu đó như trả bài:

- Đình chùa là tượng trưng cho sự tự do tín ngưỡng của quần chúng nhân dân, phải được Nhà Nước tôn trọng. Xúc phạm những nơi đó là chuyện làm mất an ninh ! Tụi bây hiểu chưa?

Cả bọn bỗng phá lên cười như đang coi một màn hài hước! Năm Từ "phẫn nộ xung thiên" chụp một cây chổi đập túi bụi lên tụi "cách mạng" vừa đập vừa la:

- Tụi bây giỡn mặt với tao hả? Tây, tao còn không sợ! Mỹ, tao còn không sợ! Huống chi cái giống tụi bây. Đi! Đi ra khỏi chỗ này!

Rồi Năm Từ cầm chổi chỉ ra cột cờ:

- Ra mà lôi lá cờ đó xuống. Ở đây không ai được phạm thượng hết!

Lúc đó, coi Năm Từ thật "oai phong lẫm lẫm". Mấy thằng "cách mạng" kéo nhau chạy biến về hướng ngã ba lộ cái, làm lũ chó xóm Đình chạy theo sủa rân!

Thấy không còn ai để hạ lá cờ, Năm Từ đành đi ra cột cờ để tự tay tháo gỡ, nách vẫn cập cây chổi vì thói quen quét dọn trong đình. Năm Từ phải mất một thời gian ngắn để kéo lá cờ xuống, vì sợi dây treo cờ bị kẹt trong rỏ rẻ trên đầu cột. Trong khi Năm Từ đang gom tóm lá cờ thì có hai xe cam nhông chạy ù tới gò Đình, ngừng ở bìa rừng, đổ xuống hai toán bộ đội súng khua lách cách. Họ lom khom chạy thật nhanh, dàn trận bao vây đình giống như sắp tấn công một đồn bót của Mỹ Ngụy! Trên nền xi măng cao của kỳ đài, Năm Từ chống cây chổi, nhìn cảnh tượng đó mà tự hỏi: "Tụi nó làm cái giống gì vậy, không biết?".

Yên lặng một lúc. Có vài tiếng chó sủa vẩn vơ xa xa. Chim vẫn kêu trong lá. Mấy con rắn mối rượt nhau trong lớp lá dầu khô, nghe sột soạt. Làm như chẳng có chuyện gì xảy ra trong đình! Bỗng, hai thằng bộ đội đứng lên chạy thẳng vào sân từ hai ngã đối diện, chĩa súng vào Năm Từ, quát lớn:

- Bỏ khí giới xuống! Đầu hàng ngay! Chống phá cách mạng phải không!

Bấy giờ, Năm Từ mới hiểu: té ra tụi nó bao vây mình! Nhìn xuống cây chổi đang cầm trong tay, Năm Từ bật ngửa cười khan. Thì ra tụi nó sợ...cây chổi !

Thừa lúc Năm Từ cười, một tên bộ đội phóng lên trở bán súng đập vào lưng làm Năm Từ văng ra khỏi kỳ đài té xấp xuống đất bất tỉnh. Hai đứa vội vàng đè lên người rồi trói quặt hai cánh tay về phía sau giống như người ta tréo cánh con gà sau khi đã cắt cổ. Chừng đó, hai toán bộ đội mới kéo vào tập trung quanh kỳ đài để nhìn cho rõ "tên phản động". Người trong xóm thấy chộn rộn cũng chạy ra, đứng xa xa nhìn. Khi thấy Năm Từ bị lôi ra thảy lên xe, người ta mới biết là Năm Từ bị bắt.

Trong thời gian Năm Từ bị giam trên tỉnh, Tửng Gòn đóng cửa tiệm cà phê hết mấy bữa để lên nuôi bạn và nghe ngóng coi có lo được gì không. Nhờ đó mà dân trong làng mới biết là Năm Từ bị hai tội: chống phá cách mạng và ngoan cố không chịu khai tên họ thật mà cứ dùng... bí danh " Năm Từ "! Nghe như vậy, ai cũng bất nhẫn bởi vì ai cũng biết là Năm Từ đã làm rớt dưới sông thẻ căn cước từ thời ông Diệm, rồi từ đó trong mình không có một tờ giấy lộn. Ngoài ra, từ mấy chục năm nay, từ hồi nhỏ, hồi còn là thằng Năm, đến thời lớn lên làm thợ câu, rồi về già vô đình làm ông từ... chưa nghe ai gọi Năm Từ bằng tên trong khai sanh, thì lấy gì để Năm Từ nhớ? Còn chuyện chống phá cách mạng thì thật là bá vơ bởi vì "cha con thằng chả làm giao liên cả mấy chục năm, rồi còn đưa thằng con đi tập kết nữa lận!". Bàn qua tán lại để rồi người nào cũng chắt lưỡi lắc đầu, chớ chẳng biết làm sao hết.

Một hôm, Sáu Qui đi với hai tên hộ vệ cầm súng vào thăm Năm Từ trong trại giam. Sáu Qui nói:

- Tôi có ghé đình thăm chú, mới hay vụ này. Mấy đồng chí đó bậy quá! Chú cũng đừng buồn. Rồi ta sửa sai thôi !

Năm Từ ngồi nghe, chẳng nói chẳng rằng. Nhớ lại ngày nào mình đùm bọc Sáu Qui và câu mà mình thường nói cho nó nghe "hễ mình nghĩ phải làm phải thì lúc nào Ơn trên cũng phò hộ"... bây giờ sao thấy nó trật lất! Cũng như chuyện chiếm đình treo cờ... rồi cũng chẳng thấy thằng nào bị Thần vặn họng hết. Riết rồi chẳng biết đâu mà rờ...

Sáu Qui lấy trong cập ra một khuôn kiếng trao cho Năm Từ:

- Đảng và Nhà Nước cấp cho chú bằng khen đã giúp cách mạng. Biết chú không có phương tiện nên tôi lộng kiếng bằng khen luôn cho chú để chỉ cần treo lên thôi.

Năm Từ cầm lấy khuông kiếng, nhìn bằng khen có đóng mộc đỏ như nhìn tờ giấy trắng bởi vì không biết chữ. Rồi cũng không nói gì. Sáu Qui lại tiếp:

- Phần tôi, tôi xin tặng chú chân dung bác Hồ dệt trên lụa.

Sáu Qui cầm cuộn lụa xổ ra trước mặt Năm Từ, khoe:

- Dệt ở bên Trung Quốc lận. Mới nhìn tưởng hình chụp, phải không?

Năm Từ cầm lấy chân dung cuốn lại, hỏi:

- Còn... thằng Nhành?

Sáu Qui đốt điếu thuốc, hít mấy hơi rồi mới nói:

- Thằng Nhành chết lâu rồi!

Năm Từ nhìn Sáu Qui, tưởng mình nghe lộn:

- Chết?

Sáu Qui lại hít mấy hơi thuốc:

- Chết hồi mới ra Bắc.

Vai Năm Từ bỗng xuôi xuống. Lưng Năm Từ bỗng cong lại. Cổ Năm Từ bỗng không còn giữ nổi cái đầu. Một lúc lâu, sực nhớ ra, Năm Từ hỏi:

- Còn cái thơ nó viết cho tôi hồi đó?

Sáu Qui nuốt nước miếng mấy lần mới trả lời:

- Thơ đó do tôi viết.

Thấy Năm Từ không tỏ phản ứng gì hết, Sáu Qui tằng hắng như để lấy can đảm:

- Chú đừng giận. Hồi đó phải làm như vậy để có ngày hôm nay: cách mạng thành công! Trong cuộc đấu tranh giải phóng, chú đã đi hàng đầu và đã có công lớn đối với cách mạng. Nhân dân biết ơn chú nhiều lắm!

Năm Từ vẫn im lặng. Nói gì nữa giờ, khi mà tất cả đều sụp đổ, tất cả đều đảo lộn, tất cả đều gian xảo? Mà mình thì đúng là một thằng ngốc! Bỗng Năm Từ bật cười một mình, rồi "Ờ..." một tiếng cho lấy có, nghe như tiếng "ợ" của người ăn không tiêu...

https://tieulun.hopto.org

Vậy là nhờ sự can thiệp của Sáu Qui, Năm Từ được thả về, ôm theo cái bằng khen và chân dung Hồ Chủ Tịch. Bây giờ, đình đã thật sự trở thành hội trường và căn nhà phía sau là phòng lương thực. Tất cả đồ đạc đều được dọn hết về nhà riêng của Năm Từ ở cạnh bờ sông, trong thời gian Năm Từ nằm ở trại giam trên tỉnh.

Từ ngày trở về làng, Năm Từ cứ lầm lầm lì lì, không giao thiệp nói chuyện với ai hết. Kể cả với Tửng Gòn! Nhưng, sau khi nhậu ba sợi rồi là lè nhè nói hoài không ngừng và lâu lâu cười lên hô hố. Dân trong làng mới đầu còn ngạc nhiên thương hại, nhưng riết rồi họ cũng quen. Cho nên chẳng ai để ý thấy một con chó hoang đi theo Năm Từ mỗi ngày. Và khi Năm Từ đứng xiêu xiêu, chỉ đông chỉ tây nói láp dáp, nó vểnh tai nhìn Năm Từ, đầu nghiêng nghiêng đuôi ngoắt ngoắt, ra điều "ta đây hiểu hết"! Năm Từ cũng không nhớ con chó đã theo về "ở" với mình từ hồi nào. Chỉ biết có cho nó ăn uống đều đặn, đi đâu thì nó đi theo như đi "hộ tống", đi câu bên sông thì nó giữ nhà, tối ngủ trên ghế bố thì nó nằm khoanh phía bên dưới. Năm Từ thường nói chuyện với nó như nói chuyện với một con người.

Một hôm, nhậu ba ngù rồi, Năm Từ mang chân dung Hồ Chí Minh tòn teng trước ngực, vừa đi vừa hô "Hồ Chủ Tịch muôn năm!" giống như đi mít tinh. Ngả ngả nghiêng nghiêng đi dài theo lộ cái. Chẳng thấy ai đi theo, kể cả trẻ con vì tụi nó bây giờ bận công tác "khăn quàng đỏ". Chỉ có con chó là lẽo đẽo đi sau, cách vài ba bước giống như cái bóng. Một lúc, Năm Từ dừng lại nhìn nó, đưa ngón tay trỏ lên điểm điểm:

- Mầy... mầy... ăn ở còn có nghĩa có tình chớ không phải như tụi nó... Mầy còn hơn tụi nó nhiều lắm! Nghe không mậy, cẩu?

Rồi cười lên hô hố khoái trá. Xong chỉ vào chân dung Hồ Chí Minh phân trần: "Mầy thấy không? Hồi tao còn trẻ, tao gọi ổng là cụ Hồ. Bây giờ tao già rồi mà thằng chả lại trẻ ra bởi vì tao chỉ còn gọi bằng bác Hồ thôi! Ngược đời vậy đó, mậy cẩu!". Nói xong, Năm Từ ưỡn ngực hô to: "Hồ Chủ Tịch muôn năm". Con chó bỗng sủa lên quấu quấu. Năm Từ ngạc nhiên, trợn mắt nhìn nó, lại đưa ngón tay trỏ lên điểm điểm:

- À ! Ạ ! Biết sủa như vậy là mầy giống tụi nó y chang rồi còn gì ?

Rồi vừa xiêu xiêu bước đi, Năm Từ vừa nói lầm bầm: "Đời bây giờ... thiệt... không biết đâu mà rờ... Tới con chó cũng không giống ai hết!".

Cuộc "mít-tinh cách mạng" một người một chó đó kết thúc ở gò Đồng Mả. Năm Từ mệt lả, ngã đại xuống một khoảnh đất còn trống giữa mấy mả vôi mả đá. Con chó ngoắt đuôi, ngập ngừng một lúc, xem "động tịnh" rồi mới bước nhẹ tới nằm kế bên!

⁂

Cũng trong đêm đó, chừng quá nửa đêm, đình và rừng dầu bỗng phát cháy. Đám cháy lớn đến nỗi dân chúng chỉ dám đứng xa mà nhìn. Thiên hạ kéo ra coi đông nghẹt ở ngã ba lộ cái. Từ đó nhìn xuống đám cháy, thấy giống như người ta đốt đồ thợ mã để cúng cô hồn...

Trong gian nhà tranh nằm cạnh bờ sông, Năm Từ ngồi trên ghế bố hút thuốc trong bóng tối mà vẫn thấy rõ đám cháy như đang nhìn ngay trước mặt •

Hương Xưa

• **Nguyên Hạnh HTD**

Trời đã vào thu rồi mà nắng vẫn còn ấm, những đợt nắng trong veo như mật ong rải ánh vàng long lanh trên ngàn cây nội cỏ. Tôi lại nhớ những ngày thu ở Huế, dù chỉ là mùa thu mà trời đầy mưa bụi bay bay và gió lạnh run rẩy khi đạp xe qua cầu Tràng Tiền thời đi học. Nỗi nhớ như sợi tơ trời lãng đãng, vật vờ bay lượn giữa hư vô chợt sà xuống vướng mắc nơi góc vườn kỷ niệm.

Nhìn các em bé học sinh tung tăng đến trường nhân ngày khai giảng, lòng tôi lại càng ngậm ngùi hơn, muốn ngược dòng thời gian đưa hồn về quãng đời hoa bướm để tìm lại một thoáng hương xưa bên Thầy Cô và bạn bè thân yêu ngày nào.

Ngày đi thi vào Đệ Thất trường Đồng Khánh, tôi đã được Ba tôi cho đi xe kéo. Sáng sớm tinh sương, trong khi mọi người còn yên giấc, tôi đã ngồi lắc lư trên chiếc xe với bao nỗi hồi hộp trong lòng. Một con bé nhà quê tay cầm chặt bút mực run rẩy bước vào phòng thi với vẻ mặt ngơ ngác, trông thật tội nghiệp. Nhưng rồi bao lo sợ cũng đã trôi qua, ngày xem kết quả tôi đã chạy bộ từ Thành Nội qua trường rồi chạy về nhà mà không biết mệt. Tôi không quên được giây phút cảm động khi vừa thở vừa báo tin cho Ba tôi hay là tôi đã trúng tuyển, Ba tôi đã xoa đầu và ôm tôi vào lòng với bao trìu mến thương yêu.

Tôi đã trải qua 4 năm Trung học ở trường Đồng Khánh và 3 năm ở trường Khải Định (1948 - 1955). Biết bao kỷ niệm vui buồn đã xảy ra và bây giờ cho dù hằng chục năm đã trôi qua nhưng mỗi lần nhớ đến vẫn còn cảm thấy bồi hồi trong lòng. Thời gian đã vẽ thêm một vòng hào quang cho quá khứ càng thêm rạng ngời trong tâm tưởng.

Bốn năm ở Đồng Khánh, từ buổi ban đầu còn rụt rè, e sợ, tập tễnh bước vào trường nhìn các chị lớn tuổi hơn mình với bao ngưỡng mộ, rồi dần dần tôi cũng đã hội nhập được vào môi trường tinh nghịch của tuổi học trò: buổi trưa cũng đã biết chui xuống hộc bàn giáo sư trốn các bà Giám thị để khỏi bị lùa lên lầu khóa kín cửa lại; trèo qua cửa sổ để vào nhà thương điên trêu ghẹo họ dù rằng trong lòng sợ muốn chết, hai chân chỉ chực chạy thoát trở ra. Buồn buồn lại xuống bến đò Thừa Phủ leo lên đò qua bên kia sông rồi trở về. Vui nhất là những buổi trưa ở lại ăn cơm tại trường, món nào không ngon cứ lấy đũa khua om sòm làm reo. Đáng mê nhất là món đậu hủ nóng hổi của chị Châu, xuống nhà chị Cách ăn bánh bèo, bánh nậm và mùa đông lại khoái ăn hột phượng nấu của bà Cai Đệ.

Từ Đệ Thất đến Đệ Tứ, tôi đã học Toán với các thầy Hồ Văn Lê, thầy Bùi Tấn, thầy Lê Nguyên Diệm.

Thầy Hồ Văn Lê thì quá hiền lành và dễ thương; tôi sợ nhất giờ của thầy Bùi Tấn. Thầy chấm tập vở quá kỹ, phần nào không bằng lòng là trang đó bị xé ngay. Giữa lớp học im phăng phắc vì sợ, tiếng xé giấy như xé nát

https://tieulun.hopto.org

tâm can của lũ học trò chúng tôi. Tôi học không đến nỗi tệ, vậy mà vì quá sợ Thầy, tôi đã về khóc với Ba tôi xin tìm cho tôi một người dạy kèm môn Toán.

Lên Đệ Tứ, tôi mừng vì đã được học Toán với thầy Lê Nguyên Diệm nhưng đồng thời giờ của thầy tôi cũng hay bị la vì sao mỗi lần Thầy gọi, tôi không chịu đứng dậy liền (Con xin lỗi Thầy!). Thì ra con mắt Thầy bị lé nên mỗi lần Thầy nhìn, tôi cứ tưởng không phải gọi tôi.

Năm Đệ Tứ là năm đã biết nếm mùi gian lao khổ cực, thức khuya dậy sớm, phải học để thi lấy bằng Diplôme (Trung học phổ thông). Tuy vậy chúng tôi cũng không bỏ được những trò chơi, mê nhất vẫn là „U mọi" hồi hộp gay cấn là lúc chạy qua cứu bạn về, áo dài bị xé rách cả vạt, về nhà sợ quá phải giấu vào góc cửa.

Ôi! Sao những tháng ngày đó thật ngây thơ và dễ thương vô cùng! Đôi khi nhớ những ngày tháng cũ, tôi thao thức muốn thoát hồn bay trở về thăm lại mái trường xưa, bơi lội thỏa thích trên dòng sông cũ, giữa những hình ảnh thân yêu với bao kỷ niệm êm đềm của thời con gái „tóc thề thả gió lê thê".

Bốn năm êm đềm trôi qua nhưng cũng có những giai đoạn sôi sục vì thời cuộc, truyền đơn bay tứ tung lựu đạn nổ ở sân trường, vẫn có những giờ học thật căng thẳng vì tình hình.

Tôi thương thầy Trần Điền hay lưu tâm đến việc học hành và thường hay liên lạc với Ba tôi để nhắc nhở về tôi; tôi mê đôi môi mọng đỏ của cô Diệu Liễu với đôi bàn tay ngọc ngà; say sưa với giờ Quốc văn của thầy Nguyễn Văn Đãi với lối giảng bài thao thao bất tuyệt của Thầy nhưng cũng ngán nhất khi phải vào thi vấn đáp môn Địa Lý với thầy Cao Hữu Triêm vì Thầy hay bắt vẽ bản đồ mà tôi thì lại quá dốt về môn này!

Sau kỳ thi Diplôme, tôi qua học lớp Đệ Tam trường Khải Định, một ngày trọng đại không kém trong đời vì lần đầu tiên học chung với con trai và còn quan trọng hơn nữa vì trường mới tiếp thu của chính phủ Pháp. Tuy nhiên các lớp học đã phơi bày một cảnh tượng hoang tàn vì chiến tranh, những vết đạn loang lổ trên hành lang, những mảnh tường vôi tróc lở, rêu phong phủ kín làm phai màu trường cũ. Sân trường hoang vắng đìu hiu, cây cỏ tan nát, hầm hố chông gai nằm chơ vơ đây đó!

Ngày đầu tiên thầy Hiệu Trưởng đã dặn dò kỹ lưỡng, cấm chúng tôi không được đi lang thang khắp trường vì xung quanh còn nhiều bãi mìn. Rồi cụ Hoài - Tổng giám thị - còn gọi bầy con gái chúng tôi xuống văn phòng vừa tuyên bố mà cũng vừa ngăn cấm chúng tôi không được nhận thư gửi về trường. Sao cụ lại có ý nghĩ rằng chỉ có lũ con gái mới hay nhận thơ tình còn con trai thì sao? Về nhà cũng bị cấm luôn mà dù có thư nào gởi về cũng bị kiểm duyệt nên mọi liên lạc đành chấm dứt từ đó, qua hết thời mộng mơ đợi chờ.

Tôi học Đệ Tam chung với các bạn như Quế Hương, Dạ Khê, Diệu Anh, Trâm Anh, Diệu Phước, Lệ Thủy và Như Huệ luôn luôn ngồi cạnh tôi. Đằng sau lưng là Nguyễn Quang Nghĩa và Trần Đình Hoàn (sau 75 Nghĩa bán thuốc lá ở góc đường Phan Đình Phùng và Cao Thắng). Bốn đứa chúng tôi đã thân thiết gắn bó nhau trong giờ học rất nhiều nhưng hai cu cậu Nghĩa và Hoàn nghịch phá quá chừng! Một hôm vào giờ Văn, mới ngồi vào lớp Hoàn gọi tôi để cho một gói giấy nhỏ, tôi láu táu mở ra. Trời ơi! Một con thằn lằn nhảy vọt vào người, tôi hét lên một tiếng làm thầy Tôn Thất Dương Kỵ cũng phải bật văng ra khỏi bục giảng, lật đật chạy xuống xem thử chuyện động trời gì đã xảy ra mà khủng khiếp dữ vậy? Thầy đã lắc đầu ngao ngán, không ngờ tiếng hét xé ruột của tôi phát ra chỉ vì một con thằn lằn! Vậy là cả lớp hôm đó đã được một trận cười nôn ruột.

Năm học này không phải bận thi cử gì nên chúng tôi cũng quậy phá dữ lắm, dám đặt các hỗn danh cho các Thầy như thầy Tôn Thất Tắc chằng hạn hoặc mỗi lần thầy Lê Khắc Du kêu chị Cơ lên trả bài là chúng tôi không nhịn cười được. Tuy nhiên những buổi trưa ở lại vẫn sợ nhất là những lần có việc cần đi ra ngoài, phải đi qua những khung cửa sổ đầy những cặp mắt tinh nghịch của các nam sinh, hai chân quýnh lại còn mặt thì cúi gầm xuống, đâu có dám nhìn ai!

Năm học Đệ Tam được các học sinh xem như là năm nghỉ ngơi vì mới thi xong Trung học đệ nhất cấp, cho nên năm này đối với tôi là năm đẹp nhất của đời học sinh. Tuổi cũng vừa lớn để cảm nhận những đổi thay của đất trời qua khung cửa lớp, đã biết mộng mơ nhìn mây trắng lang thang và lòng chợt thấy hiu hiu buồn mỗi khi chiều xuống.

Đệ Nhị là năm thi Tú Tài phần I nên phải tu để mà học. Tôi thường hay về Vỹ Dạ để học chung với Trần Thị Gia vì nhà của Gia ở gần bờ sông nên mát mẻ và yên tĩnh vô cùng. Nhiều khi học mệt quá lại kéo nhau ra cánh đồng để thả diều. Nhìn cánh diều lơ lửng trên nền trời cao với gió bàng bạc trong ánh chiều tà thật thanh bình và êm ả quá. Chúng tôi học gạo cả ngày lẫn đêm, học đến xanh xao mặt mày!

Cuối cùng rồi tôi cũng đậu được kỳ thi viết, đến lúc vào thi vấn đáp mới đúng là „đoạn trường ai có qua cầu mới hay"! Môn Vạn Vật thầy Vũ Đình Chính bắt tôi ra bẻ một ngọn lá phượng rồi từ đó mà mô tả thành bài. Chao ơi! Tôi đứng như trời trồng, lõm bõm được vài câu, biết gì mà nói cho nhiều. Không ngờ rồi Thầy cũng cho điểm tốt. Khủng khiếp nhất là môn Hán văn, đó là môn tôi sợ nhất.

Lên Đệ Nhất, chúng tôi chỉ chú tâm vào học ba môn chính để chuẩn bị cho kỳ thi viết nên mỗi lần thi lục cá nguyệt cũng khá vất vả với các môn phụ.

Bảy năm Trung học rồi cũng trôi qua, đậu Tú Tài toàn phần xong, chúng tôi phân tán mỗi người mỗi ngã. Tôi thi vào Sư Phạm ra làm cô giáo, nối nghiệp Ba tôi, sống cuộc đời bình yên với sách vở và phấn trắng bảng đen. Bạn bè, có người gặp nhiều may mắn nhưng cũng có người lận đận lao đao, từ giã mái trường thân yêu, bước xuống dòng đời, mỗi đứa tách về một bến, dù đục dù trong cũng phải đi cho trọn quãng đường đời.

Giờ đây mỗi lần kiểm điểm lại mớ hành trang gọn gàng mang theo lúc vào đời, tôi thấy quý giá nhất vẫn là những kiến thức, những tình cảm nhẹ nhàng tôi đã thâu thập được từ những ngày cắp sách đến trường. Tất cả cuộc đời, cái thời thơ ấu đó là thời dễ thương nhất: biết bao giấc mơ và nỗi khắc khoải của tuổi trẻ, mỗi ngã tư là một hy vọng gặp gỡ bất ngờ!

Năm tháng, nhiều năm tháng đã trôi qua, mới đó mà nay tôi cũng đang đi dần vào tuổi già, thời áo trắng đã xa lắm rồi. Nhìn lại chỉ thấy những ngày còn đến trường là êm đẹp, là thần tiên nhất; quá khứ của chúng ta ở đó và những giấc mộng chưa hề tan vỡ cũng ở đó. Chân bước thênh thang vui đùa với cỏ cây với bầu trời, với gió với mưa như trời đất thiên nhiên tự có sẵn và tự bằng lòng.

Chừ thì tất cả đã qua đi nhưng kỷ niệm vẫn là kỷ niệm lớn nhất, khó phai nhòa và tôi vẫn muốn luôn luôn nâng niu gìn giữ theo với tháng năm...■ *(Tháng 10.2010)*

https://tieulun.hopto.org

Quê hương và Đường về

• **Phạm Hồng Sáu**

Xuân đến trên đất nước người, nhìn qua cửa sổ, hàng cây đứng đong đưa hắt hiu bên vệ đường khiến những kẻ sống xa quê nhà nhớ về cố quốc. Việt Nam ta đó, từ Bắc chí Nam có biết bao anh hùng hào kiệt đã lập nên những chiến công oanh liệt, hiển hách để giúp nước, cứu dân, giành độc lập làm rạng danh cho nước non nhà.

Ngày đó Bình còn rất nhỏ, từ quê ngoại làng Nam Yên theo cha về Đông Phúc quê nội. Bình phải băng qua nhiều dặm đường trên đất Quảng Nam và phải lặn lội qua nhiều sông, lắm núi đồi v.v... mới về đến quê nội.

Một quê nghèo nằm phía bên kia huyện Đại Lộc, cách bởi một dòng sông. Đường về quê nội xuyên qua những bãi dâu xanh thẫm ven bờ hay những giồng khoai, giồng sắn (khoai mì) trải dài, có những củ màu trắng, màu đỏ trồi ra, do cát bồi nên đất xốp. Thỉnh thoảng một vài con dế than trống, màu đen, cánh ửng đỏ từ trong các giồng đó bò ra, rung cánh gáy lên, thách đố đối phương, mời ra nghinh đấu với mình, trông ngộ nghĩnh lắm.

Làng Đông Phúc nằm bên tả (nếu tính từ Sông Cái vào) thấp hơn, làng Tân Mỹ nằm bên hữu cao hơn. Hai làng cách nhau theo một bãi cát chạy dài ở giữa, trông như một con lạch lâu ngày đã bị cạn, nhưng mùa mưa nước lũ ở Sông Cái tràn vào gây nên lụt lội, làm ảnh hưởng cho phía bên tả nhiều hơn. Có khi cả tháng nước mới rút đi, đời sống dân cư ở đây mới được ổn định và sinh hoạt hằng ngày mới trở lại bình thường.

Tuy quê xưa hẻo lánh, nghèo nàn, nhưng lại có một ngôi Chùa để dân làng gần gũi sống với tâm linh. Bình còn nhớ ngôi chùa ấy có mái ngói màu nâu cũ kỹ, rêu phong, tọa lạc trên một miếng đất không rộng lắm. Trước chùa có một cây đa cổ thụ rất cao, tàng lá sum sê tạo bóng mát cho các Phật tử đến chùa lễ Phật hoặc cho khách thập phương thăm viếng cảnh chùa có nơi ngồi nghỉ tạm, tránh nắng hay hóng gió. Thầy trụ trì là ai, vì còn nhỏ Bình không biết tên và chẳng để ý lắm.

Đối diện với mảnh đất trước chùa có một con đường nhỏ ngang qua, kế bên là một sân đá banh rộng. Mỗi khi có lễ lộc, hội họp dân làng tổ chức văn nghệ thì Ban Tổ Chức của làng thiết trí một khán đài ngoài trời và dân trong làng sẽ tụ tập với nhau tại đó.

Đời sống dân quê đang yên bình thì giặc Tây (Pháp) đến, khiến mọi người phải gồng gánh chạy lên miền thượng du lánh nạn, có nghĩa là lên miền rừng núi có cây cối rậm rạp, kín đáo dễ ẩn náu hoặc sự lẫn tránh sẽ an toàn hơn. Cha Bình đưa Bà Nội của Bình và người trong gia đình lên làng Hà Tân ở, ngày đó làng Hà Tân thuộc quận Thường Đức nằm trong tỉnh Quảng Nam, sát với rừng núi cao và có „Cấm Thị". Gọi là „Cấm Thị" vì cánh đồi ấy đặc biệt chỉ mọc toàn cây Thị. Mùa trái Thị chín vàng hương thơm thoảng bay theo gió xuống tận dưới xóm, làng. Người ta cũng hái trái Thị chín để ăn hoặc làm mứt đem đi bán các nơi và Bình thỉnh thoảng cũng dẫn bạn bè đến đó để „hú Thị, Thị rớt bị bà già" ngồi bóc ăn ngon lành, vui cười thoải mái...

Cuộc đời là vô thường không ai tính trước được, khi đất nước chia đôi (1954) yên giặc. Làng Hà Tân thuộc vùng Việt Nam Cộng Hòa (VNCH). Một cậu bé quê mùa như Bình được cha gởi ra phố Hội An để học. Thời vàng son của tuổi thơ ngây nơi phố đó là một kỷ niệm đẹp và êm đềm nhất, khó quên trong đời Bình.

Người ta nói đến Quảng Nam hay vùng phố cổ Hội An là nhớ đến một miền đất hào hùng, lịch sử, có „Địa Linh Nhân Kiệt", „Ngũ Phụng Từ Phi", Tứ Hổ, Tứ Kiệt... Có Bạch Mã, Bà Nà, Trà Mi núi Chúa, đỉnh cao vòi vọi, có Tí Sé, Dùi Chiên lá xanh thăm thẳm ngút ngàn...

Từ Hội An đi về Hà Tân thăm nhà thì phải đi ngang qua Vĩnh Điện, tới Bằng An (có Tháp Chàm) và tới Ái Nghĩa, rồi từ Ái Nghĩa sang đò đi lên ngang qua núi Đất. Không biết từ thuở nào mà ai cũng gọi nó là núi Đất. Bởi ngọn núi đã bị sạt lở một bên, phơi ra mặt dựng thẳng băng, cao ngất, đất đá toàn màu đỏ sẫm và không có cây cối mọc, nên mới gọi là núi Đất. Thời Tây họ lợi dụng địa thế nên đã đóng đồn trên đó, làm nơi an toàn và để ban đêm dễ thấy vùng đất trống phía dưới chân núi, hầu phát hiện kịp thời sự lén lút phá hoại, gài mìn hoặc tấn công đồn bởi Việt Minh Cộng Sản.

Từ núi Đất đi lên chút nữa, qua đò Sông Cái thì đến làng Ô Gia có sông Vu Gia chảy ngang qua, rồi đến làng Phú Mỹ, lên nữa tới làng Lâm Yên, Phường Đông hay Đông Phúc là quê nội của Bình. Đối diện bên kia là làng Tân Mỹ, đến Phước Yên, đi lên nữa là Truông có con đường nhỏ dọc theo triền núi đến Cấm Mun. Gọi là „Cấm Mun" vì ngọn đồi nầy toàn cây gỗ Mun mọc. Thời Tây họ đóng đồn trên đó để kiểm soát khúc sông, nơi Việt Minh thường hay di chuyển quân trang và vũ khí ngang qua. Cũng con đường dọc theo triền núi nầy đi đến Hà Dục, rồi từ Hà Dục cứ thế đi mãi tới vùng núi thẳm, đá dựng chênh vênh, sơn khê bạt ngàn. Còn nếu không qua đò Sông Cái, đi thẳng theo bên nầy thì ngang qua cơ sở của huyện Đại Lộc, đến Hà Nha, lên nữa là làng Hà Tân và muốn vào được làng Hà Tân phải quá giang đò qua con Sông Con nằm dọc phía sau lưng nó, đi lên thêm nữa là làng Trước Hà, rồi đến Hiên, đến Giằng v.v... và cứ thế tiếp tục đi theo con đường đó đến biên giới nước Lào. Tất cả địa danh kể trên đều thuộc huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam.

Cha của Bình cũng hay nói về Hiên, về Giằng rằng nơi đó có người Mọi (Thượng) ở. Họ chỉ đóng khố để che đậy bộ phận phía dưới bụng của cơ thể, còn lại bao nhiêu đều để trần, cả nam lẫn nữ cũng vậy, chẳng sợ

https://tieulun.hopto.org

muỗi mòng, rắn rít hoặc các loài sâu bọ độc địa của núi rừng cào cẳn, gây nguy hiểm đến tính mạng.

Mỗi năm đến mùa trái bòn-bon chín, cha Bình thường hay dùng ghe nhà chở theo gạo, bắp, mắm, muối v.v... và những thứ nào nơi họ ở không có, lên đó để đổi với họ lấy trái bòn-bon chín đem về ăn hoặc làm quà biếu cho bà con, lối xóm, bạn bè...

Trái bòn-bon chỉ ở nơi đó mới có và ăn rất ngon ngọt. Cũng có người đem giống về trồng tại vườn nhà, nhưng trái ăn bị chua và không ngon ngọt.

Ông cũng kể rằng ngày ấy Nguyễn Ánh tức vua Gia Long (khoảng năm 1778-1780 gì đó) bị quân Tây Sơn đuổi bắt. Vua dẫn tàn quân đi ngang qua nơi đó dừng lại để nghỉ ngơi, mà lương thực thì hết, quân lính bị đói khát, không biết lấy gì để ăn cho đỡ đói. Do đó có một số quân sĩ thấy trên cây bòn-bon có trái chín bèn hái xuống ăn thử, không ngờ ăn vào thấy ngon ngọt, vì đói qua nên họ nuốt luôn cả cơm lẫn hột mà thấy tiêu hóa vẫn bình thường. Nhờ vậy có được sức khỏe, nên quan quân và nhà vua mới có thể tiếp tục kéo chạy xuống phương Nam tìm đường ra biển, lánh nạn tại đảo Phú Quốc lúc bấy giờ.

Đường từ Hà Nha đến Hà Tân trong thời chiến tranh ít có người qua lại nên hoang vu, rậm rạp. Dọc theo bên phải con đường mọc đầy cây cối và gai giăng chằng chịt. Cảnh trí sầm uất mênh mang, thâm u phát sợ. Miêu rừng hay mèo rừng chúng kêu „meo meo" cẳn xé lẫn nhau trong các bụi rậm; gà rừng bay nhảy lộp độp ở các bụi tre mọc san sát ở bìa rừng. Cọp lại hay ra Ba Khe uống nước – Nói đến Ba Khe, bởi nơi ấy có 3 con suối, nước từ trong các ngọn núi cao chảy ra, dồn lại tại đó, rồi đổ ra Sông Cái, xuôi về Hội An nhập với dòng chảy của sông Thu Bồn đổ ra biển Cửa Đại. Ba Khe xưa có cầu bằng cây bắt ngang qua, nhưng nay thì đã sập trôi mất. Muốn đi qua người ta phải lội xuống nước. Nước rất lạnh chân và trong bụng nơm nớp sợ Miêu cẳn hay Cọp vồ, vì nghe nói loại Miêu và Cọp rừng ở đây rất hung dữ.

Đi học xa nhà cần phải có tiền để trang trải và phải có gạo mang theo để nhờ chỗ trú ngụ nấu cơm ăn, nên mỗi lần về nhà, Bình phải đi ngang qua đó, xe đạp vác lên vai, quần xăn lên cao, dép cầm tay lượm thượm lội qua Ba Khe để tiếp tục hành trình. Mùa khô nước cạn còn đỡ, mùa mưa nước ngập lên tới rún, tới nách, có khi tới vai thật khổ sở vô cùng – Mưa giăng mắc xám, gió thổi lung linh cây cối núi rừng; vượn kêu, mèo cấu, cọp gầm hòa lẫn với tiếng the thé, rỉ rả của các loài côn trùng nghe bắt rùn mình phát sợ. Nếu không phải là người dân của xứ Quảng, không phải là kẻ ở gần gũi với núi rừng, có lẽ không ai đủ can đảm lặn lội đi một minh như thế ?!

Cha của Bình thường bảo: Mình là người sanh ra ở đất nghèo, quen chịu kham khổ, sống đạm bạc qua tháng ngày, nhưng chí khí phải vươn lên như tiền nhân của chúng ta từ mười tám đời vua Hùng Vương dựng nên huyền sử Việt, quét sạch bọn địch thù hống hách là quân Nam Hán năm 938, đẩy lui đoàn quân Tống ngạo mạn năm 1077, dẹp tan vó ngựa ào ào binh hùng, kinh thiên, bách chiến bách thắng của quân Mông Cổ, quân Nguyên, do tướng nước Nam Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn vào những năm 1258, 1285, 1288; đánh bại quân xâm lược Bắc triều đến máu chảy thành sông, xương chất thành núi do Đại Đế Quang Trung Nguyễn Huệ v.v... Rồi đến Nguyễn Trãi đã theo cha là Nguyễn Phi Khanh đến tận ải Nam Quan nơi biên giới Việt Trung núi rừng trùng điệp để nghe cha dặn bảo, và ông đã trở về lập chí trả nợ nước, thù nhà „dương danh hiển nhân" tiếng tốt để lại muôn đời cho con cháu mai sau v.v... và v.v...

Bình hào hứng lặng thinh nghe cha mình kể chuyện, nhưng bàng hoàng đánh dấu hỏi trong đầu - Tại sao ông cha ta có can đảm làm được những việc như thế?... Phải chăng bọn Bắc triều quá ư hống hách, ngạo mạn, luôn ỷ mình nước lớn hiếp đáp nước nhỏ và muốn thôn tính cả nước ta, nên ông cha ta cùng toàn dân quyết một lòng chống giặc, giành lại độc lập, tự chủ, tự cường, thoát ách đọa đày để mọi người khỏi chịu cảnh điêu linh, sống đời yên bình, no cơm, ấm áo, cho dù „châu chấu chống xe" nhưng chung chí hướng và đồng tâm hiệp lực ắt sẽ thắng.

Bình đã lớn lên trong hàn vi, trong hoang sơ của cố hương ấy, cảm thấy mình hấp thụ được bản chất của kẻ sĩ hiên ngang, nên khi „quê hương bừng lên khói lửa" và tiếng gọi "Tổ quốc lâm nguy, thất phu hữu trách", Bình đã theo lớp trai thời loạn lên đường vào quân ngũ, cầm súng trấn thủ biên cương Miền Nam Việt Nam của Tổ Quốc. Chống kẻ Bắc Cộng xâm lăng, giữ gìn bờ cõi, bảo vệ Hoàng Sa, Trường Sa và biển đảo v.v..., noi gương các anh hùng, liệt nữ vị quốc vong thân, không chịu khuất phục đê hèn, để khỏi mang tiếng xấu, nói một đường làm một ngã và nhút nhát như thỏ đế có tài khoác lác hay phá phách ở ngoài đồng.

Nhưng oan nghiệt thay, sự vô thường của cuộc đời đã làm cho quê hương miền Nam biến đổi, thất thủ không ngờ do bàn tay của các cường quốc có tâm ý gây ra, những dáng dấp Miêu và Cọp rừng ngày xưa phải chịu chung số phận, cùng đồng hương chạy đi tứ tán, nương náu quê người để có được tự do, nhân bản, trách địch quân bỉ ổi, thô bạo trả thù.

Thời gian mãi đi qua, tuổi đời chồng chất, tóc đã bạc màu, thân không cường tráng như xưa, nhưng chí khí vẫn còn, hy vọng tương lai con cháu nơi quê nhà cũng như hải ngoại, nối nghiệp cha anh làm rạng danh cho Tổ Quốc, để không phải chịu hoặc cảnh Bắc thuộc hay Cộng quân ngự trị, gieo tang tóc trên quốc gia mình.

Hỡi oai linh nước non hùng vĩ...
Nơi thênh thang ta vùng vẫy ngày xưa.
(Thế Lữ)

Nhớ quê hương viết lại đường về!...

(CHLB Đức / Xuân Tân Mão)

https://tieulun.hopto.org

Đám cháy đầu xuân

(Chuyện đồng quê Nam Kỳ Lục Tỉnh)

• **Võ Phước Hiếu**

Bà Bảy Nở vội kéo hai vạt áo dài, buộc tréo phía trước lưng quần, miệng rang rảng vọng xuống hướng bến sông. Nơi đầu bến có cái cầu vó, cất bằng thân cây mù u già chắc thịt, thêm tiện nghi nhờ có mái lợp với chõng tre dùng để ngã lưng đêm hôm tăm tối:

- Bún! Bún!

Chiếc xuồng ba lá đổi bún quày quả chĩa thẳng hướng bến sông. Thím Chín Tý lanh tay, ghịt mũi xuồng vào chân cầu vó.

Thím nói như có ý trách vu vơ:

- Nước rặc quá! Bến cạn queo. Nghe rồi chị Bảy. Tui neo ghe ở cầu vó đây. Chị cảm phiền chịu khó xuống bến nghe!

Chẳng mấy chốc, bà Bảy Nở đã đối diện xuồng bún. Tay bà cầm cái rổ quảo có lót một mớ lá chuối xanh um mướt mượt. Trước đó không lâu, bà vừa đi vừa rọc vội vàng trên đường xuống bến:

- Hôm nay ăn mấy vậy thím? Lúa của tôi kỳ này là nàng hương thơm ngon chớ không phải loại sóc nâu, nàng phệt hay nàng quớt như mấy lần trước đâu.

- Nàng hương sạch, tui đổi hai quảo rưỡi. Quảo lum lúp. Còn sóc nâu, nàng phệt, nàng quớt... phải ba quảo gạt mặt.

Thím Chín Tý độ non bốn mươi tuổi. Nhà ở cheo chéo đình làng, có bến nước công cộng với một cầu ván lâu đời láng o. Nước lớn ngập khỏi chân cầu, nuốt trọn tấm ván, chỉ còn lé đé đoạn kê trên bờ.

Bộ hành tới lui lên xuống dễ dàng. Bằng lòng và sung sướng nhứt đối với họ là những khi đi chợ về có hàng hóa vừa nặng nề vừa cồng kềnh rất tiện lợi.

Nhưng lúc nước rặc ròng như hôm nay, chảy mạnh như cắt, tấm ván cầu chúi nhủi thòng xuống lòng sông cả đôi ba thước tây, giúp người qua đò không phải lội sình, lấm lem lúc bước lên bờ. Những lúc này, phải tuyệt đối thận trọng, chú ý từng bước đi.

Tấm ván cầu trơn chùi đó do bụi bùn non bám vào càng trơn như thoa dầu trét mỡ. Không khéo, khách trợt chân nhào xuống sông như trở bàn tay.

Nhờ ở sát bến nước công cộng, có con đò nhỏ đưa rước khách bộ hành, người qua kẻ lại tuy không tấp nập rộn rịp nhưng chẳng ngày nào vắng bóng. Như vậy cũng vui.

Ngoài công việc đồng áng phụ giúp chú Chín ngày mùa, thím còn có cái nghề tay trái, bổ sung phần thu nhập gia đình nơi vùng khẩn hoang lập ấp. Nơi đây lúc nào cũng cần một số vốn tối thiểu để chịu đựng đường dài.

Đất khẩn hoang, một hai mùa đầu, đôi khi cả ba bốn mùa tiếp nối là khác, đã vất vả khổ cực trần thân nhưng đất mới còn ráo hổi nào có huê lợi chi đáng kể. Mùa màn èo uột. May mắn lắm mới đủ ăn.

Thím nghĩ ra một cách giúp chồng khá độc đáo. Thím xay gạo làm bún rồi đem đổi lấy lúa kiếm chút lời. Cứ đôi ba ngày đổi một lần. Riết rồi bà con tôi thuộc lòng ngày nào lò bún của thím hoạt động.

Công việc cũng đăng đăng đê đê liền tay. Xay lúa, giã gạo, tẻ bột, giáo trùng, đổ bún... May nhờ có mấy cô cháu chồng, tuổi vừa cập kê, tận tình tận lực giúp một tay nên bà con trong xóm có bún ăn thường xuyên.

Bún đổ xong từ hừng đông được thím Chín bươn bả chất lên chiếc xuồng ba lá, bơi dọc theo sông rạch, kinh đào, từ ấp này qua ấp kia rao lanh lảnh gọi mời:

- Đổi bún! Đổi bún!

Lò bún của thím Chín Tý rất đơn sơ do hoàn cảnh phương tiện thiếu thốn nơi vùng đất mới khẩn hoang. Mỗi lần thím đổ không nhiều. Chỉ ngam ngám vừa đủ cho nhu cầu tính theo đầu nhân mạng trong xóm trong làng có thói quen đổi bún.

Thím còn canh theo thời tiết mùa màn hoặc lễ lộc, Tết nhứt. Có thiếu cũng tốt. Nhưng tuyệt đối không cho dư. Ế ẩm, lỗ vốn.

Bộ ván ngựa được tách đôi, kẹp chặt khuôn bún với cần ép bằng lõi cây dẹt rắn chắc mà bọn róng mắc, lục lăn lục lữa chúng tôi hay nhảy thót lên ngồi ép bún hụ hợ với mấy anh chị lớn. Có đứa quen thói trửng giỡn phá phách cứ đánh đu lúc la lúc lắc khiến thím Chín la ó không ngớt miệng.

Dưới bộ ván ngựa có nồi nước to bình rĩnh, nám khói đen xì. Lửa củi phừng phực, nước sôi bùng, khói nóng quyện cuồn cuộn. Mặt mày thím thường xuyên tươm lấm tấm mồ hôi hột cứ quyện vào nhau nhỏ giọt xuống sàn đất nhưng dường như thím không bao giờ để ý đến.

Mỗi quảo bún được đổi lấy mấy quảo lúa tùy theo lúa tốt xấu, mới cũ, sạch dơ và cũng tùy theo sự kỳ kèo mà cả, bớt lên bớt xuống của bà con, vốn chắt mót từng đồng xu cắc bạc. Bún của thím Chín trắng ngần, mềm nhũn lại dai nên bà con rất ưa thích. Nhờ cái nghề đổi bún này, thím Chín đỡ vất vả so với bà con lối xóm, dầm sương dãi nắng quanh năm suốt tháng ngoài đồng không mông quạnh.

Bà Bảy Nở và thím Chín Tý trao đổi thêm bớt một đỗi rồi sau cùng cũng đồng ý với nhau về tỷ lệ bún và lúa. Cả hai đều tỏ ra bằng lòng ưng ý lắm qua những nụ cười giã từ níu kéo, niềm nở cảm thông.

Chiếc xuồng thím Chín vừa trở mũi tách khỏi cầu vó, bà Bảy Nở băng tắt qua liếp mía huyết, khom lưng

https://tieulun.hopto.org

dưới giàn bầu lòng thòng đôi ba chục trái lớn nhỏ đủ cỡ. Có trái được gióng bằng một vỉ tre, ghịt lên giàn để trái nặng không làm đứt dây bầu cái.

Bà hối hả đổ bún vào rá, treo lủng lẳng ở trần mái hiên nhà, đậy đượm cẩn thận. Chó treo mèo đậy mà! Ông bà xưa cảnh giác đề phòng nhưng thực tế không sai chút nào.

Chiều nay cả gia đình bà có dịp cùng quây quần ngồi chung nhau nơi một mâm cơm ấm cúng, hạnh phúc và sẽ thỏa thê với bún nước mắm tỏi ớt. Loại nước mắm này lấp lánh những miếng ớt hiểm cay thấu mây xanh, vừa xanh mơn mởn vừa đỏ au, to nhỏ không đều, nổi lềnh bềnh hấp dẫn nhãn quan. Bún ráo hổi, thơm ngon lại được trộn với mỡ hành hương, giặm thêm một ít tép mỡ gáy giòn rụm, ăn lúc đói sau ngày dài làm lụng cực nhọc thấy đời lên hương vô bờ bến.

Trong xóm, khi nói đến bún ngon là biết ngay bún của thím Chín Tý. Hôm nào đau ốm ể mình, thím đóng cửa lò bún, bà con phải gởi mua bún ở chợ quận. Đường nước xa xôi cả ngày cả buổi, bún để lâu lạnh ngắt, đóng thành giề, không sao so bì được.

Cái tên Chín Tý đã gắn liền với lò bún quê hương tôi từ bao thập niên nay. Và cái tên Chín Tý cũng đã đảm bảo phẩm chất bún Rạch Rít, không cần phải dựng bảng hiệu để giới thiệu hay quảng cáo lăng nhăng phiền hà.

Chỉ cần cái tên Chín Tý là có sự tín nhiệm của bà con tôi rồi. Họ lấy cái tên cúng cơm cha mẹ đặt hay tục danh làng xóm gán cho để đảm bảo uy tín mình. Bún thím Chín Tý cũng như ba xi đế ông Bảy Sô, cối xay lúa của chú Bảy Cối... Tất cả đã đi vào huyền thoại trong sinh hoạt và sự phát triển làm nên một thời của xóm tôi.

Bà Bảy Nở cất bún xong, têm miếng trầu bỏ vào miệng nhai rào rạo ngon lành. Bà đến giá áo, kéo cái khăn rằn choàng vai, đoạn bước chéo ra hiên với lấy nón lá cũ bạt màu, bươn bả phóng nhanh ra hướng đầu ngõ.

Ông Bảy trước khi đi thăm ruộng đã căn dặn bà đôi ba lần:

- Bà nhớ đánh một vòng xóm trên xóm dưới, báo cho bà con biết rằm tới mình làm heo chia thịt. Bà con nào muốn chia, cứ vào ngày đó đến chia.

Ông Bảy lại nhắc thêm:

- Bà nhớ đừng bỏ sót một ai. Bà con đều là bà con cả. Không có ai trọng ai khinh. Kỳ rồi mình sơ ý bỏ sót thằng Mười Tống. Nó là em út dễ thương lại biết điều nhưng để sót nó, tôi buồn và ngại quá. Gặp nó tôi ngường ngượng làm sao! Nó nghèo thật đó. Nghèo tiền, nghèo bạc nhưng không nghèo nhân nghĩa. Xóm mình mấy ai lạ gì nó. Tôi chỉ sợ nó hiểu lầm mình khinh dễ nó, bộ mình sợ nó không tiền chia thịt sao mà không báo nó biết.

Từ dạo xóm Rạch Rít của tôi phát triển sung túc, bà con an cư lạc nghiệp, phất lên mau vùn vụt. Họ thoải mái thảnh thơi trong cuộc sống hằng ngày.

Nhà ba gian hai chái lợp ngói âm dương đỏ au, chen lẫn với những nhà lá vách bổ kho, nền cao cửa rộng. Thêm vào đó còn lẫm trại thênh thang dọc ngang ngang dọc.

Ngoài cháo rau cá tép, mắm muối ngày xưa, thuở những năm đầu khẩn rừng lấn vũng quần quật đêm ngày, bây giờ đã là quá khứ. Nay trong mỗi bữa cơm thường nhựt hầu như bà con đều có thêm thịt thà và cả niềm vui nữa. Thường nhất là thịt heo nhưng thỉnh thoảng ông Bảy Nở cũng mổ bò giết trâu.

Những lần chia thịt này rậm đám lắm. Kẻ nấu nước. Người cạo lông, ra thịt. Nói cười inh ỏi, vui nhộn cả góc vườn.

Họ lẩn quẩn ở mé mương, được lót bằng tàu dừa tươi xanh với những tàu lá chuối hột to lớn. Con heo khá to vừa cạo lông xong, sạch sẽ trắng phao, được treo tòn ten thòng đầu ở nhánh ổi xá lị.

Ông Bảy Nở chìa cái nia có lót lá chuối cẩn thận rồi ra lịnh cho thằng Tư Ty chịu trách nhiệm ra thịt kỳ này:

- Thằng Tư! Mầy nhớ cắt cái thủ vĩ rồi bảo bầy trẻ làm lông cho thật sạch. Thêm bộ đồ lòng nữa. Đừng để thiếu coi không được à. Tao đã hứa từ mấy tuần trước dành cho anh Hương thân Bưởi để ảnh làm lễ cúng căn cho thằng cháu nội đích tôn của ảnh. Cái nia của ảnh đây nè. Xong, nhớ bảo bầy trẻ quảy qua cho ảnh.

Tư Ty chọn con dao bén ngót nó ưng ý nhứt, te te đi thẳng một mạch đến miệng lu vú kê sát hè nhà. Anh lanh tay liếc qua liếc lại nhiều lần cho dao bén thêm. Trông cử chỉ cũng điêu luyện lắm. Anh day qua hướng về phía ông Bảy, nói với giọng khẳng định:

- Chú Bảy đừng lo. Tôi nhớ mà. Quên làm sao được. Tôi còn trẻ mà chú.

Lần xẻ thịt này vắng mặt chú Bảy Cối, chuyên viên sành sõi của xóm tôi nên thằng Tư Ty mới có dịp được chọn thay thế. Dù đã chuẩn bị kỹ nhưng nó loay hoay xoay trở vụng về thế nào khiến ông Bảy Nở bực mình xăng tay áo, chê nó rậm rề:

- Tư ơi là Tư! Mầy ra thịt kiểu này, đã mất thịt mà trông chẳng thấy thèm ăn chút nào cả. Thôi đưa con dao cho tao. Cái thằng chẳng phải hạng làm biếng làm nhác chảy thây. Nhưng nảy giờ tao thấy mầy làm bằng tay trái, tao ngứa con mắt quá!... Chị Hai đưa rổ chị đây. Hai ký ba chỉ phải không?

- Phải đó anh Bảy. Anh vui lòng cho tôi thêm một cái giò sau, một khúc xương mông với cái đuôi để về hầm măng Mạnh Tông. Tôi mới xắn một mụt non chèo.

- Cảm phiền nhe chị Hai. Cái đuôi không thể được. Anh Hương thân đã dặn rồi cho đủ bộ để cúng căn thằng cháu nội ảnh. Cái nia của ảnh kia kìa. Chị thấy đó, bầy trẻ làm lông chắc cũng gần xong. Chị lấy đỡ mấy cái khu lằng được không? Nói khu lằng nhưng tôi ra nới tay lắm, thịt thà còn hiếm. Chị thử lần này đi. Lần sau chưa chắc có.

- Tất cả bao nhiêu tiền vậy anh Bảy?

Ông Bảy Nở đưa tay vuốt mồ hôi trán, chép miệng:

- Thì chị Hai đem về nhà trước đi. Đăng đăng đê đê quá, tính toán gì kham. Cứ lấy đi, thủng thẳng vài

https://tieulun.hopto.org

ngày tôi hưởn hưởn sẽ qua tính sau. Bà con mà, mất mát ở đâu?! Bộ nhiều nhỏi lắm sao chị?

Bà Hai Khánh quày quả bưng rổ thịt, miệng rổ như dính khắc bên hông, thong dong đi ra ngõ trong khi ông Bảy Nở lấy ra tấm giấy lịch, có ghi bút chì ngoằn ngoèo:

- Tư à! Mầy nhớ nhắc tao kẻo tao lu bu để sót, mếch lòng. Coi chừng đừng quên cái nồi gọ, 3 ký 4 ký thêm bớt chút ít cũng được. Phần của bác Sáu Ngởi đặt cọc trước, căn dặn đôi lần ba lượt, tao sợ quên nên ghi làm tin đây. Đám giỗ đó, bây biết không? Quên là đến ngày đó mình tren quẻn. Chắc tao phải bỏ xứ này trốn đi tìm nơi khác làm ăn. Mặt mũi nào dám nhìn ảnh.

Một đỗi sau, ông Bảy Nở bấm từng đốt tay, chú ý kiểm tra từng người một trong xóm rồi thở phào ra chiều đắc ý:

- Tao duyệt kỹ rồi. Hầu như đầy đủ cả. Thằng Mười Tống cũng có chén huyết với non một ký thịt nọng. Tội nghiệp! Nó nghèo bẩn chật. Dường như bây có cắt thêm cho nó một chéo hông xôi thì phải. Bây làm tao coi được đến. Thây nó! Mình rộng rãi cho nó vui. Mà thật tình nó đâu có đòi hỏi gì mình!

Ông tiếp:

- Kỳ rồi mình quên phứt nó. Nó cũng chẳng nói gì. Nhưng khi gặp lại nó, tao áy náy quá trời. Mình sống với nhau vì tình vì nghĩa chớ có trọng khinh ai đâu. Hôm nay kể như xí xóa với nhau và tao mới nhẹ nhỏm, thơi thới trong lòng, xem như vơi phần nào bầu tâm sự.

Lòng nhẹ nhỏm, ông nở nụ cười tươi rói như bắt được niềm vui bất chợt:

- Tao làm cái nghề chia thịt thà nầy như làm dâu trăm họ chẳng bằng. Nảy giờ, bây thấy đó, tao nơm nớp lo sợ mếch lòng người nầy người nọ, nếu có sai sót. Nghĩ cho cùng, nó có gì vinh hiển đâu, nó có mang đến tao danh vọng chi mà sao tao vẫn đeo đuổi hoài. Cực thì có cực, nhưng tao thấy mọi người đều vui nên tao cũng vui lây. Lâu lâu cũng nhớ, bỏ không được.

Cái nồi cháo lòng bắt trên ba thỏi đá xanh giữa sân phơi lúa trước nhà đang sôi bùm bụp bùm bụp... Mỡ heo óng ánh trên mặt làm thành một lớp dầy cui lềnh bềnh. Mấy miếng thịt vụn được Tư Ty thả vào nồi từ lúc bắt đầu ra thịt, lặn hụp trôi lêu bêu.

Ba mớ thịt xà bần, loại thịt và mỡ thập cẩm lớn bằng nắm tay trở xuống, loại thịt tạp nhạp không thể chia cho ai, được Năm Lịch xắt nhỏ. Xong anh ướp sả ớt, củ hành hương, tiêu hột, đường muối, thêm ít lá chanh non thái nhuyễn, hòa với ruột non thố linh bầm, dồn thành mấy xâu dồi no phồng cả thước tây cũng được thả gọn vào nồi cháo. Cả ban tổ chức sẽ say sưa la liệt đêm nay.

Thím Bảy Nở đẩy củi vào lò xong, gánh hai thúng thịt được buộc thành xâu đem giao tận nhà bà con bận bịu đồng áng hay đơn chiếc. Họ không đến chia thịt được.

Lúc đi ngang vuông nhà Tám Thôi, khi anh đang cật lực vỡ mấy vồng khoai mỡ, thím đánh tiếng:

- Chú Tám vẫn chưa qua lấy thịt à? Sao còn chần chừ ở đó? Bà con mình ở bển sắp xong hết rồi.

- Cám ơn chị Bảy có lòng tưởng nhớ nhắc nhở thằng em. Mấy hôm nay tôi bận rộn quá trời quá đất nhưng chị an tâm. Tôi đã lo xa, có nhờ thằng Tư Ty mang về giùm phần thịt của tôi chiều nay. Mà cũng chẳng có gì nhiều chị ơi!

Lấy tay vuốt mồ hôi trán, anh tiếp:

- À lượt về, chị nhớ ghé lấy vài củ khoai mỡ về ăn. Năm nay tôi thả mấy vồng trúng mưa trúng nắng. Củ nào củ nấy to bằng đầu gối người lớn. Đã chắc thịt, dầy cơm mà chẳng có sâu sùng chi cả.

Anh còn nói với theo:

- Chị nhớ nhé chị Bảy.

⁂

Bà tôi cầm cái đèn dầu trứng vịt để ở đầu giường, vén mùng chun vào, cẩn thận ém đi ém lại rất kỹ. Muỗi mòng ở xóm Rạch Rít của tôi cũng như những nơi khẩn hoang lập ấp khác nhun nhúc, vo ve ngày đêm như trẩy hội.

Bà nhè nhẹ thò tay ra ngoài, phất tay liên tiếp mấy cái mạnh để tắt đèn. Tim đèn hãy còn đỏ ửng, từ từ uốn thành vòng cung rồi lịm dần trong u tối.

Cứ chỉ quen thuộc đó, bà tôi đã làm từ hơn nửa thế kỷ nay. Một cử chỉ sảng khoái toại nguyện vì bà tỏ ra sung sướng đã kết thúc một ngày làm lụng không ngừng tay, đón đợi giấc ngủ an tịnh trong lành.

Bên ngoài vắng vẻ tĩnh mịch như thường lệ. Nhạc bản ngàn đời của côn trùng ếch nhái bắt đầu trổi lên dai dẳng buồn tênh, ru giấc ngủ ông bà tôi thêm nồng nàn say đắm.

Vài tiếng chim ăn đêm quá quen tai chập chập vút lên đâu đó bên liếp mía, vồng khoai, ngoài vườn cau vườn dừa... Bấy nhiêu cũng không thể phá giấc ngủ vùi đó, chuẩn bị sức lực cho ngày mai đón đợi.

Bỗng cặp chó Mực, chó Mốc của ông bà tôi cất tiếng sủa thúc bách lắm. Chúng nó hùa nhau sủa càng lúc càng thêm hậm hực. Khi nhảy ào tới ngừ ngừ to tiếng như ở tư thế đối đầu tấn công, khi khịt khịt sợ hãi như muốn thối lui cầu cứu bên trong.

Ông tôi khẽ thức. Tuổi già đêm đêm khó ngủ. Đêm nào ngủ được khoảng bốn năm tiếng đồng hồ, ông cho là ngon giấc.

Ông đoán biết ngay có động tịnh. Nhanh như chớp, ông choàng phóc dậy xem xét tình hình. Bà tôi cũng vừa giựt mình, vói tay lấy ống quẹt để ở đầu giường. Bà định đốt đèn để dễ quan sát. Ông tôi suỵt nhỏ vừa đủ nghe, ra dấu cản ngăn.

Thình lình con chó Mực bị một đòn độc hiểm kêu ăng ẳng thiểu não vang trong đêm vắng. Dù đau đớn, nó vẫn hùa với con Mốc tiếp tục sủa về hướng sát hàng ba nhà.

Có tiếng chân người đi thình thịch vội vã bên ngoài. Ông tôi đoan quyết có tai biến. Ông lanh chân đến sát cửa sổ, nhìn xuyên qua mấy lá sách. Trăng non còn lu lúc đầu hôm, nhưng ông tôi cũng dễ dàng nhận định:

- Cướp! Cướp!

https://tieulun.hopto.org

Tôi đếm kỹ chúng nó ít lắm cũng năm sáu đứa với dao mác, gậy gộc. Bà vào buồng tìm nơi ẩn trốn với đám nhỏ. Để mình tôi ngoài nầy ứng phó.

Bà tôi chưa kịp quay gót, ông tôi đã phi thân nhanh như gió, giống như những nhân vật huyền sử huyền thoại trong bộ truyện chưởng Phong Thần của Tàu. Ông âm thầm biến dạng trong u tối đêm đen, khiến cho bà tôi thêm âu lo sợ hãi.

Ở ngoài hàng ba và chái hiên, cửa cái cửa hông bắt đầu bị bọn cướp chia nhau đập phá ầm ầm, dồn dập khẩn trương lắm. Mấy khuôn ảnh, ông bà tôi chụp chung nhau lúc còn thanh xuân cùng hình ông bà cố tôi treo trên vách trang trí lâu ngày, bị động mạnh sút đinh đứt dây, rớt xuống nền gạch, kiếng bể rổn rảng.

Bà tôi càng thêm hồn phi phách tán. Bà bắt đầu chắp tay lâm râm cầu nguyện.

Tiếng lao xao giục giã thúc hối nhau bên ngoài, nghe tiếng được tiếng không, chen lẫn tiếng sủa của hai con chó Mực và Mốc vẫn tiếp tục làm phận sự. Mấy cái song hồng gài cửa bị nện mạnh liên hồi cọ vào cột nghe lập cập lập cập... như run rẩy trước bạo lực. Cửa trước bị đập, bị dọng nhưng chưa hề hấn.

Nhà ông tôi được xây cất rất chắc chắn. Nơi khỉ ho cò gáy xa xôi cách trở, quyền lực cách ngăn vời vợi nên ông tôi chuẩn bị phòng vệ kỹ càng từ lâu. Ông lo xa đối phó tai biến do bọn lưu manh đàng điếm, lòng tham không đáy. Chúng chực chờ chém giết, khủng bố người dân lương thiện, khảo tra cướp của.

Song<--hồng dọc. Song hồng ngang. Tầng trên, tầng dưới dầy cui. Cửa nẻo bằng ván gỗ chắc nịch.

Thuở nhỏ, cứ chiều chiều, tôi hay lẻo đẻo theo ông tôi đóng cửa. Hết cái nầy đến cái kia. Mỗi lần gài song hồng xong, ông còn rà tới rà lui xem nó ngàm chưa?

Nhà ngói ba gian hai chái, cửa trước cửa sau, cửa cái cửa sổ khoảng khoát nên đóng cửa xong, đốt nhang cắm lên dãy bàn thờ ba bốn cái, trèo lên trang gióng chuông, thắp hương trong thế giới tĩnh lặng như đong quánh lại, cũng phải mất một thời gian dài. Thường cứ chạng vạng tối, ông tôi đã làm xong an toàn cả. Ông có ý thức cảnh giác và thận trọng lắm.

Cướp càng hung hãn.

Bên trong bà tôi đâm lo, hiệp cùng người ăn kẻ ở trong nhà bắt đầu la ó kêu cứu inh ỏi, đập thùng thiếc ầm ầm, vang vọng chát chúa trong đêm. Dộng cửa trước không xong, cướp chuyển ra phía sau.

Chúng dùng búa bửa cửa, cũng ì đùng, cũng bốp chát rờn rợn. Lại thêm tiếng quát tháo hăm dọa vọng ngược vào nhà. Bên trong vẫn ở tư thế ứng phó, sợ hãi.

Chập chập, bà tôi ngồi bệt nơi kẹt vách, lần chuỗi hột, miệng tiếp tục lâm râm khấn vái Phật Trời, các đấng khuất mày khuất mặt hộ trì cho sớm tai qua nạn khỏi. Bà lắng tai nghe phía trước đã im tiếng hẳn và phía sau đang bị tấn công dồn dập, nhưng bà tỏ ra an tâm hơn. Dù cửa sau có bị phá vỡ, cướp còn phải vượt qua một giàn cửa ăn thông lên nhà trên nữa.

Bên ngoài đã có tiếng mõ hồi một vang vang. Lúc đầu rời rạc ở đầu xóm. Dần dần có tiếng cốc cốc, cốc cốc... sát bên nhà. Chừng một đỗi sau, mõ rợp trời. Đầu trên xóm dưới không ngưng, rền tai. Có tiếng kêu gọi nhau dồn dập xa xa.

Loại mõ này làm bằng rễ tre già, được đục đẽo khéo léo láng nhẵn, to bằng bắp chân, cong cong ở hai đầu. Ruột được khoét rỗng. Tiếng thanh tre đánh vào mõ, dội khoảng trống nghe vừa to vừa thanh.

Nhưng cái mõ to tiếng nhất là cái mõ ở đình làng. Nó lớn cả hai tay thanh niên lực lưỡng ôm chặp lại, dài hơn thước tây. Thường xuyên nó được đặt trên cái giá cây với cặp dùi bằng cườm tay người lớn. Bà tôi tỏ ra an tâm hơn với tiếng mõ hồi một đó.

Bọn cướp dường như nao núng nên việc đập cửa, dộng vách có mòi lơi hơn trước nhiều. Chúng nó cãi cọ, chỉ trích chê trách nhau, chưởi thề với những ngôn từ tục tằn, bẩn thỉu xa lạ vang rân ngoài sân, mà bà con tôi vốn mộc mạc chất phác, chí thú làm ăn với mồ hôi nước mắt ít khi nghe lọt tai.

Một<---tiếng súng nổ đoành, xé tan màn đêm làm cho lũ chim chóc giật mình thức giấc, kêu lên vài tiếng ngơ ngác hoảng hốt. Bị động quá sớm do sự đoàn kết nhất trí của bà con trong xóm quyết tâm chống bọn bất lương cướp của giết người và chán nãn trước viễn ảnh thất bại chua cay không tránh khỏi, bọn cướp giục nhau thu dọn đồ nghề, chém vè chuồn nhanh.

Bà tôi nghe rõ ràng giọng thúc hối của chúng và tiếng chân người hấp tấp ngoài vách nhỏ dần, nhỏ dần... Trong khi hai con Mực và Mốc bị chúng đập mấy hèo chí tử, thấm đòn chui trốn nơi nào không biết, im hơi lặng tiếng.

Số là ông tôi rất nhanh trí. Thêm bản tính tự vệ bao phen trước đây đã giúp ông tôi vượt hiểm thêm lần này nữa.

Khi nhận định có cướp, ông trổ lên nóc nhà, tuột gọn theo máng xối hiên sau, thòng chân nhảy nhẹ nhàng gọn gàng trên nắp hàng lu vú, vừa cao vừa chắc chắn. Ông nhanh lẹ thoát thân ra ngoài báo động bà con chòm xóm nên mới có phản ứng đồng loạt mõ hồi một làm cho bọn cướp núng thế chùn lòng.

Đến khi ông Hương quản Quan bắn một phát súng hai nòng kể như dứt điểm. Cướp đành bườm ấm ức.

Ông tôi, con người từng trải, lưu lạc nhiều nơi, lăn lóc chốn phiêu lưu giang hồ trước khi trụ hình trụ bộ đến xóm Rạch Rít khẩn đất hoang. Ông thành công lên vồng lên liếp thành khoảnh với đìa rộng mương sâu, nuôi cá nuôi tôm, ngoài việc đồng áng lúa nếp. Ông biết và thuộc nằm lòng địa thế cuộc đất nên khi báo động bà con xong, ông trú mình ẩn núp ở mấy đống rơm cao nghều nghệu cạnh con đường mòn ăn thông xuống lạch ô rô. Ông đoán chắc thế nào bọn cướp cũng bườm qua con đường độc đạo này.

Quả ông đoán trúng phong phóc, không sai chạy một ly.

Chúng nó sáu đứa khuân vác hèo gậy và quơ quào vật dụng làm mùa của ông tôi chứa nơi lẫm trại bên ngoài. Ông ẩn nhẫn đếm từng tên một khi tạt qua trước mặt ông. Chờ đến tên đi chót, ông phóng ra

https://tieulun.hopto.org

khất nhượng bằng rựa đốn củi thủ trong tay lúc thoát thân.

Thằng cướp đau đớn ngã quỵ, kêu la cầu cứu. Đồng bọn khựng lại, lôi nó khiêng đi trong lúc nó vẫn kêu la đau đớn. Nó bị đồng bọn lấy khăn bịt mồm bịt miệng, sợ bà con nương dấu rượt theo.

Xóm Rạch Rít của tôi phát đạt, trù phú. Ruộng lúa bát ngát, óng ánh vàng hực mùa gặt. Cây trái oằn cành. Kinh đào tăm tắp ngút mắt. Nhà ngói kinh dinh đỏ au. Đêm đêm, đèn «măng-soong» rực trời ngày lễ lộc.

Ghe máy xình xịch, sông rạch dậy sóng, tung bọt trắng xóa làm cho mấy chiếc xuồng ba lá và ghe tam bản nhảy sóng liên hồi, chồm lên sụp xuống dịu dàng. Hội hè đình đám tấp nập người xem. Hát cải lương, hát bội dù là những đoàn hát bầu tèo nghèo xơ xác chỉ lưu diễn ở làng ở tổng, thỉnh thoảng tạt ngang trụ lại trình diễn năm bảy đêm liền.

Nhưng cảnh giàu sang, thoải mái thạnh mậu đó quến bọn trộm cướp kiêu căng bất lương. Nhiều băng đảng nổi tiếng lưu manh đàng điếm, giết người không gớm tay, từ những vùng xa xôi tận đâu đâu, vượt vạn dặm đường dài thường kéo tới ăn hàng.

Chúng manh tâm khảo tra đánh đập, đả thương, ngay cả chém giết người dân lương thiện để vơ vét của. Chúng là một lũ ăn không ngồi rồi, bản tánh gian trá, chuyên dòm ngó theo dõi những người giàu có để thỏa mãn lòng tham không đáy cố hữu của chúng.

Bà con tôi đã từng chung lưng đâu cật biến rừng thiêng nước độc, đất đai hoang vu, không ai quan tâm để ý tới trước đây, thành nơi phì nhiêu màu mỡ, huê lợi đảm bảo trong cảnh an sinh hạnh phúc tập đoàn. Bao nhiêu thế hệ đi qua, vất vả khổ cực trăm bề mới có ngày sung túc hôm nay. Bây giờ, bà con tôi còn phải đối đầu với bọn bất lương đầy tham vọng.

Sự chung lưng đâu cật, nương tựa nhau trong tang khó, hoạn nạn được củng cố thêm mãi. Họ đoàn kết vì sự sinh tồn, bảo vệ cơ ngơi sự sản dày công tạo dựng bằng mồ hôi nước mắt của chính mình.

Ngoài gậy gộc, song hồng, chỉa đôi, chỉa ba, mõ tre, thùng thiếc, trong xóm còn có cây súng hai nòng của ông Hương quản Quan. Sự bảo vệ xóm làng nhờ đó có phần hữu hiệu hơn xưa. Bà con rất mực an tâm vững bụng.

Nhiều lần, xóm Rạch Rít của tôi bị cướp nhưng chúng đều gánh lấy thất bại chua cay. Nhưng mỗi lần chúng đáo lại, chúng tỏ ra hung hãn hơn, võ trang đầy đủ hơn với mưu thần chước quỷ hiểm độc.

Tuy thất bại nhiều lần, chúng chẳng bao giờ buông tha cái xóm mới đang trên đà phát triển thịnh vượng này. Và bà con tôi vốn nhẫn nhục, chịu đựng, trông cậy ở tình đoàn kết keo sơn gắn bó, ở sự hy sinh bất kể đến sinh mạng mình để bảo vệ xóm làng.

Cái triết lý tự vệ để sinh tồn, duy trì sự sống đáng sống ấy là niềm hãnh diện lớn lao của bà con tôi. Niềm hãnh diện ấy cùng với khí thế tự hào chung được thể hiện tròn đầy qua tiếng cười vui bất chợt trong những câu chuyện dông dài nhắc nhở nhau sau mỗi đêm thức trắng. Họ ríu rít không ngưng ở những buổi sáng uể oải chống cướp quấy nhiễu dân tình.

⁂

Những ngày cuối năm, ở xóm Rạch Rít quê mùa của tôi cũng rộn rịp đáo để. Tết sắp đến trong vài ngày. Mấy ai không nôn?

Ghe lúa của khách trú vừa ăn hàng xong ở nhà ông tôi, vội vàng chèo chống neo ở bến sông nhà ông Xã Kề cho kịp con nước. Người người bận rộn, nói cười vui nhộn.

Lực lưỡng, vai u thịt bắp, họ vác lúa, mỗi lần hai bao chỉ xanh chồng lên nhau, chạy nhanh như gió, không biết mệt. Cái cầu ván bắt xuôi từ mé sông lên thành ghe chài nhún lên nhún xuống nhịp nhàng như muốn gãy làm đôi. Trông rất dễ sợ, lưn tim.

Bà Hai Khánh bán một lượt tám, chín con heo ú na ú nú, mập lút chỉ, ăn rồi nằm ụ một chỗ, không còn sức di chuyển, dù trong chuồng chật hẹp. Cái vòng bắt chân heo được giựt mạnh. Hai ba nhân công xáp lại, lần lượt đè từng con xuống. Họ trói giò chụm vào nhau, cạy miệng kéo lưỡi ra khám xem heo có «gạo» hay không, khiến heo la té đái vãi phân, ầm cả xóm.

Mái nhà của thím Chín Tý ngun ngút khói từ tang tảng sáng đến tối thui tối thủi vẫn chưa dứt. Thím đổ bún gấp ba bốn lần ngày thường. Thím bảo mệt đừ, làm không nổi nữa trong khi bà con đặt mua tới tấp.

Đành phải ráng vậy. Vui vẻ phục vụ bà con chòm xóm, một năm chỉ có một lần. Nhưng hôm nay đỡ một phần là thím khỏi phải bơi ghe đi đổi hay giao bún.

Nôn ruột hơn cả là việc ông Bảy Nở kéo về hai con bò tơ, vàng hực, non chèo. Đại kỵ loại bò vá mà bà con tôi có thói quen, không biết căn cứ vào đâu, bảo ăn thịt bò vá nổi phong, ngứa ngáy khó chịu.

Trông chúng nó hồn nhiên vô tư lự ngoạm cỏ ở ngôi vườn sau nhà ông, thật là dễ thương làm sao! Chúng nó không ngờ cuộc đời của chúng vắn số quá, chỉ thọ vài giờ nữa, đến sáng hôm sau thôi.

Trời còn tờ mờ. Mặt trời ưng ửng ở chòm tre. Ông Bảy Nở dắt một con, cột ở gốc trâm bầu, nhanh tay buộc choàng một tấm vải đen che hai mắt nó. Linh tính báo cho biết nó sắp về bên kia thế giới nên bỗng dưng hai hàng nước mắt nó chảy dài thảm thương. Con bò còn lại chờ đến lượt mình, đâm ra bơ phờ, lẻ bạn buồn hiu, không màng ăn cỏ nữa.

Một phát búa tài xồi được Út Quyên phóng mạnh vào tam tinh. Con bò thét lên một tiếng trầm thống rồi ngã quỵ xuống đất ngay. Nó tiếp tục giãy dụa lạch đạch. Bốn chưn nó vẫy vùng rung rẩy yếu dần.

Vì nó không còn sinh lực. Như những cánh tay buông xuôi của con người sắp chết đuối, vận dụng sức tàn còn lại cố giơ cao lên không trung diệu vợi bao la, cầu cứu Thượng Đế một cách tuyệt vọng. Nó thở hào hển trước khi nhắm mắt xuôi chưn trong khi tôi ngoảnh mặt nơi khác, không còn dám tò mò chứng kiến những gì xảy ra sau đó. Cảnh chia thịt bò Tết năm ấy đã để trong tôi một hình ảnh khó phai.

https://tieulun.hopto.org

Chiều ba mươi Tết rước ông bà. Mâm cỗ, thịt cá ê hề. Xóm Rạch Rít tôi tưng bừng nhậu nhẹt. Pháo nổ đì đùng.

Đầu trên chưa dứt tràng pháo điển dài từ ngọn cây mãn cầu xiêm sát thềm nhà, lốp bốp, lốp bốp... inh tai chen lẫn tiếng pháo tre nấc cục nặng nề bưng óc. Đầu dưới xóm không chịu thua, cho nổ ống tre với hơi khí đá nghe nhức óc điên đầu. Tiếp theo là trận la ó, cười vui, vỗ tay rầm rập như thể thách thức nhau.

Thỉnh thoảng lại thấy phực lên đâu đó mấy ổ pháo bông, pháo thăng thiên với đầy đủ màu sắc rực rỡ. Loại pháo đặc biệt có một không hai nầy được bà con tôi nằn nì đặt mua cho bằng được từ quận Cao Lãnh xa xôi. Mà phải đúng là pháo của nhà sản xuất khét tiếng Trần Quang Hiếu, cái nào cái nấy không khi nào lép. Tết nhứt mà pháo lép, xui cả năm!

Đèn đuốc sáng rực. Trong nhà lư đồng và hai chân đèn óng ánh. Hoa quả thơm ngào ngạt, sắc màu đẹp mắt.

Ông tôi chuẩn bị sẵn sàng, chờ đúng mười hai giờ khuya rước Xuân. Bánh in Bổn Lập hảo hạng bày biện trên bàn với mấy dĩa thèo lèo, cứt chuột mà mấy tay buôn bán chuyên nghiệp con cháu Thiên Triều ở Chợ Lớn sản xuất lục cục lòn hòn pha trộn lẫn lộn. Có cái hình thù bầu dục, cái vuông vức, cái thon thon hình chữ nhựt, bọc đường quện mè chung quanh, màu sắc vàng có, đen có, xám có.

Thêm mấy dĩa bánh lột da, bánh bàn tươm dầu mỡ hấp dẫn. Loại bánh nầy được bà tôi gởi mua tận bắc Cầu Nổi, Gò Công, nơi tiếng tăm nổi như cồn thời buổi đó.

Nhang đèn bày biện xong. Ông tôi tới lui kiểm tra đầy đủ, tỏ vẻ bằng lòng.

Bộ tách với bình trà xưa đã được lau chùi kỹ lưỡng để trên khay chờ pha trà Thiết Quan Âm. Loại trà mà ông tôi còn ướp thêm bông lài phơi khô cho trà thêm thơm tho mùi vị vườn tược quê nhà.

Mọi việc được chuẩn bị chu đáo, chỉ chờ đúng giờ ông tôi rước Xuân. Giờ phút thiêng liêng truyền thống duy nhứt đầu năm từ bao nhiêu đời nay.

Một dịp huyền bí để mọi người lớn nhỏ trong gia tộc hội nhập Đất Trời, hồi hướng Tổ Tiên dòng tộc. Ông cũng cầu nguyện năm mới mưa thuận gió hòa, xóm làng được mùa, bà con an cư lạc nghiệp.

Bỗng có nhiều loạt súng nổ chát chúa, rải rác khắp nơi. Ông tôi đâm nghi, nhíu mày lắng tai nghe tiếng nổ là lạ như để phân biệt tiếng pháo, tiếng nổ của hơi khí đá.

Linh tính báo cho ông tôi biết lại có tai biến. Ông ngạc nhiên tự hỏi thầm, chẳng lẽ bọn cướp lại ăn hàng nhân ngày Tết thiêng liêng của dân tộc sao?

Ông hỏi thầm nhưng sự thực phũ phàng là thế! Bọn cướp đồng tình kết hợp với vài ba băng đảng khét tiếng hung bạo từ phương xa kéo đến đánh phá, ăn hàng xóm tôi trong lúc mọi người trong xóm đang chung vui nên quá bất cập, thiếu đề phòng. Họ không kịp trở tay.

Nhà bà Hai Khánh mới bán hôm trong năm mấy bồ lúa nàng quớt trúng mùa, bị chúng xông vào ăn hàng trước tiên. Mấy phát súng chát chúa chúng dằn mặt thị oai trước hành lang nhà bà đã có hiệu quả.

Chúng ập vào, hùm hổ như cọp đói vồ mồi, bừa bãi lùa mấy bó rơm khô lớn đại giữa nhà trên rồi phóng lửa đốt phừng phừng, khói lên nghi ngút. Bà Hai Khánh run rẩy, lập cập, ú a ú ớ không nên tiếng nên lời. Chúng bắt trói cả gia đình, hành hung khảo của.

Cận bên, nhà ông Xã Kề cũng cùng chung một cảnh tượng hỗn phi phách tán đó. Ông Xã Kề bị chúng trói thúc ké, xô té nằm ngửa bất động trên nền gạch tàu. Chúng đổ dầu lên rún, hươi hươi ngọn đèn chong, bảo phải chỉ chỗ giấu vàng vòng, nữ trang, của tiền. Chúng hăm dọa đốt rún cháy lở tầy hoầy nếu không nộp của.

Xa xa văng vẳng tiếng kêu la đau đớn vì bị cướp đánh đập dã man. Mấy con chó trong xóm im hơi thin thít. Chúng đã hoảng sợ chui rúc tìm chỗ trốn từ khi có mấy tràng pháo đầu tiên rước ông bà.

Lần này bọn cướp đông lắm. Chúng võ trang tận răng với dao găm mã tấu và súng ống lớn nhỏ.

Chúng huy động bọn giết người không gớm tay, quy tụ mấy đám đàng điếm khắp nơi. Chúng có tổ chức hẳn hoi, có bố trí, phối hợp, phân công đàng hoàng dưới sự chỉ đạo của tên đầu đảng tuy trọng tuổi với râu dài bạc trắng phất phơ nhưng uy quyền.

Chúng đánh cùng một lúc nhiều nơi, nhiều nhà. Giương đông kích tây. Những nhà kiên cố, chúng uy hiếp cầm chân. Thỉnh thoảng chúng bắn cầm chừng vài loạt trấn áp tinh thần, ngăn ngừa tiếp ứng.

Kỳ ăn hàng này, chúng áp dụng hỏa công, tiêu thổ áp đảo bà con tôi, khảo người giựt của. Tiếng kêu la thảm thiết vang vọng cả một góc trời.

Lửa phựt cháy phừng phừng nhà bà Hai Khánh xem như vô phương cứu chữa. Lý do nhà nào nhà nấy hầu như bị kềm chân, thúc thủ tự đối phó với bọn cướp, dùng chiến thuật phân tán mỏng.

Khổ nỗi, lần đánh cướp này, bọn cướp lạ mặt lại được mấy thằng mất dạy khù khờ trong xóm, nghe theo lời khuyến dụ đường mật của chúng để tiếp tay chỉ lối dẫn đường. Bọn mặt trơ mày trẻn này bôi mặt với lọ chảo đen xì, giọng nói ú ớ để đánh lạc hướng bà con.

Nhưng ác thay, chúng tỏ ra tận tình tận lực để lập công nhằm mong được hưởng một ít lợi quyền. Do đó, bà con tôi phải một phen trầy vi tróc vãy đối đầu, ứng phó trối chết.

Bọn này là những con giòi trong xương, ngày ngày ăn cơm bà con tôi mòn răng nhưng lại đan tâm vô liêm sỉ, muối mặt thờ ma bọn cướp. Chúng bất kể hậu quả về sau.

Nhưng chúng có biết đâu một khi đã vơ vét đầy hồ bao, bọn cướp nào có đoái hoài công lao của chúng bao giờ. Một khi thức tỉnh vỡ mộng thì mọi việc đã rồi. Chúng chỉ còn chuốt lấy chữ nhơ nhuốt đến chết và tiếng nguyền rủa muôn đời của họ hàng nữa.

Chẳng mấy chốc, lửa cháy lan rộng thiêu rụi mấy nhà lân cận, tạo thành một cảnh tượng não nề, tang khó chưa từng thấy trong chuỗi ngày dài khẩn hoang lập ấp ở đây. Lúc trăng vừa lặn, chúng vơ vét xong

https://tieulun.hopto.org

tiền của, vật dụng quý giá, chất đầy mấy ghe lườn khẳm sát be rồi bắn nhiều loạt súng thị oai dằn mặt trước khi bườm theo hướng kinh rạch um tùm chẳng chịt.

Bà con tuông ra chữa cháy tận lực. Nhưng đã muộn. Họ chỉ cứu được một phần xóm, những nhà rải rác xa xa tàn lửa phun phún bay theo gió chỉ bám phớt sương.

Sáng hôm sau, một cảnh đổ vỡ điêu tàn trong xóm. Mọi gương mặt đều mệt mỏi, thiểu não, buồn xo qua một đêm kinh hãi, lưn tim vỡ mật.

Nhà ông bà Bảy Nở xui xẻo chỉ còn trơ vơ mấy cây cột gỗ nám đen, chĩa thẳng lên không trung.

Cây cầu vó nên thơ nơi thím Chín Tý cột ghịt xuống đổi bún ngày nào cũng bị thần lửa viếng, nằm chúi nhủi dưới bến sông.

Cây ổi xá lị xanh um ngày nào, nơi thường được ông Bảy treo lủng lẳng con heo cạo lông sạch sẽ trắng bông mỗi lần chia thịt, lá nám vàng, đứng cú rũ buồn tênh.

Cây trâm bầu nơi buộc con bò tơ cách đây mấy ngày để xẻ thịt ăn Tết, cháy đen, gãy ngang, chỉ cần một luồng gió nhẹ cũng đủ ngã lăn trên mặt đất ngổn ngang.

Nhà thím Chín Tý may mắn hơn, còn non non nửa mái, nhờ đám cháu chồng phụ giúp đổ bún xả thân cứu chữa trong lửa đạn hiểm nguy. Riêng chiếc xuồng ba lá dùng làm phương tiện di chuyển đổi bún, thím vừa kéo lên bờ trét chai hôm cuối năm, nhạy lửa bắt cháy chỉ còn lại một đống than vụn.

Tội nghiệp Mười Tống. Vốn nghèo lại mắc cái eo. Cướp chê nghèo rớt mồng tơi đâu thèm đến viếng. Khốn nỗi, nhà Mười Tống là nhà tranh, vách lá phên tre, bắt lửa dễ dàng. Mười Tống tiêu tan sự nghiệp chắt chiu ký cóp từ hai ba đời chưa kịp ngóc đầu. Nay anh đành tuột xuống hố, nghèo khổ thêm, trắng tay chỉ trong phút chốc phù du.

Nhà ông bà tôi bị cháy lốm đốm. Rất may. Lu hũ chứa nước mưa để uống quanh năm liền, được dùng để chữa cháy, cái ngã lăn, cái hư bể la liệt ngoài sân.

Ông tôi đánh một vòng thăm hỏi bà con, an ủi ủy lạo trong khi mọi người thu dọn những gì có thể dùng được trên bãi đổ vỡ còn nóng hổi. Vài nơi im ỉm hừng hực. Có chỗ khói uể oải vẫn tỏa lên từng không để sau đó tan loãng trong không khí chán chường, uất hận.

Đi đến đâu, ông tôi cũng vỗ về, nâng đỡ tinh thần bà con:

- Bọn cướp lần này quá quắt thật. Không còn xem luật pháp là gì. Bây giờ xóm mình mất mát hết. Bà con coi như trắng tay. Có xây dựng lại được như xưa cũng phải năm ba thập niên hơn. Tai ách cơ Trời!

Nhưng sau đó, ông tôi khẳng quyết:

- Dù sao mình vẫn còn có nhau. Mình sẽ gầy dựng lại. May là bà con mình ai ai cũng còn quyết tâm. Còn người là còn của. Còn sống là còn hy vọng. Còn sức lực, còn tiềm năng là còn tin tưởng ở tương lai mai hậu.

Bà con lặng tinh, tiếp tục dọn dẹp trong âm thầm ấm ức như hàm ý tán thành ý kiến của ông tôi. Và cái Tết năm đó không được tổ chức riêng rẽ ở mỗi gia đình theo truyền thống dân tộc mà được tổ chức tập thể tại đình làng. Tuy không linh đình rình rang nhưng vẫn ấm áp trong cảm thông, chịu đựng và hy vọng.

⁂

Mấy mươi năm lăn xả vào đời, vui ít buồn nhiều trên đất nước quê hương triền miên khói lửa theo với dòng lịch sử đa đoan, với bao kiếp nạn oái oăm bi đát, cảnh thổ xa xưa nơi cắt rốn chôn nhau, nơi xóm Rạch Rít buồn teo hẻo lánh của tôi không lúc nào phai mờ trong ký ức và tâm thức tôi. Nào ngờ, nghịch cảnh của dòng sử mệnh đó đã đưa đẩy tôi bồng bềnh trong kiếp đời lưu đày sống tạm.

Hơn hai mươi mấy năm lần lữa trôi qua như chớp mắt. Đông đi Xuân lại, Hè đến Thu tàn, phũ phàng như giấc mộng vội bay.

Nỗi buồn lưu đày ray rứt, nỗi tủi nhục về thân phận lạc lõng bơ vơ nơi xứ lạ quê người, nỗi chán chường đeo đẳng hiện tại với niềm uất hận tràn dâng ngút ngàn... tất cả nỗi niềm thầm kín đó gặm nhấm tim tôi khiến tôi càng thêm vọng nhớ quê hương xa xôi ngăn cách.

Tôi nhớ, tôi yêu đậm đà tha thiết cái xóm hẻo lánh, nghèo nàn, nơi tôi sinh trưởng, cất tiếng đầu đời. Cái quê mẹ, quê cha, quê ông bà thân thương đó với những kỷ niệm chia thịt thà ngày tư ngày Tết thuở quê hương tôi thanh bình sung túc, những cảnh trao đổi thổ sản, thóc lúa, biếu xén không vụ lợi, không mảy may hậu ý... đương nhiên đã trở thành một cái gì thiêng liêng, quý giá nhất trong cuộc sống của tôi.

Quê nhà đó cứ vấn vương réo gọi, thôi thúc không thôi, nhắc nhớ gọi hồn, giục giã hướng đến mùa Xuân ước mơ, thanh bình thực sự, hạnh phúc ấm no tràn đầy, vĩnh cửu.

Bỗng nhiên nước mắt tôi nghèn nghẹn tuôn trào.

Tôi nhớ đến những lần liên miên xóm làng bị cướp, đến đám cháy lớn khủng khiếp vào dịp Tết thuở xa xưa với những ngọn lửa màu đỏ máu. Một màu đỏ nguyền rủa ghê tởm trong oán than uất hận đã để lại bao nhiêu hoang tàn đổ vỡ, chết chóc chia lìa.

Tôi bỗng liên tưởng giờ đây đến hố thẳm sâu hun hút của nghèo đói, sa đọa và phá sản nơi quê nhà do bọn lưu manh, cướp của, cuồng tính bất lương, mù quáng gây ra cho bà con tôi, cho dân tộc và đất nước tôi. Bao nhiêu cảnh tượng đen tối và ý nghĩ xô bồ lần lượt diễn ra trong tâm trí tôi.

Bất giác trong sự hỗn độn đó, lời nói an ủi, vỗ về của ông tôi thuở nào văng vẳng bên tai tôi, xoáy quyện vào lòng:

- Thôi không sao! Tai ách cơ Trời rồi cũng sẽ qua. Còn người là còn của. Còn sống là còn hy vọng. Còn quyết tâm là còn cơ gầy dựng lại và còn tin tưởng ở tương lai con cháu sau này. «Mấy ai giàu ba họ, mấy ai khó ba đời». «Hết cơn bĩ cực tới hồi thới lai».

Nắng đã lên.

Trời Xuân sáng trong, cao vời vợi.

Niềm tin nơi tôi hừng hực, rạng ngời như ánh bình minh ●

https://tieulun.hopto.org

Cõi luân hồi

Tác giả: **Thần Long**
Dịch giả: **Trang Hạ**

Lời đề tựa:

Ai cũng nói hễ chết không còn vương vấn
Bao nhiêu chuyện đời vẫn kể đấy thôi
Không mất không hết
Không tử không sinh...
Tôi là một ngạ quỷ.
Tôi là một tiểu ngạ quỷ lắm chuyện ở dưới Âm ty, hầu hạ dưới quyền Ty chủ cõi Luân hồi.

Chúng tôi được coi là loài ti tiện nhất thấp bé nhất trong cõi đất trời, chỉ sống trong địa ngục tăm tối, đời đời kiếp kiếp. Công việc của tôi là đi tuần bên cầu qua sông Nại Hà (sông Lú), một việc nhàn hạ, bởi ngoài những bóng hồn lẻ quỷ đói đôi khi đi qua, thì không có gì xảy ra, sẽ chẳng có gì xảy ra.

Tôi thường đờ đẫn ngồi bên cầu Nại Hà, đờ đẫn nhìn những hồn phách cô đơn, lẻ loi bay qua.

Ngày ngày, tháng tháng, năm năm, ngày nối ngày, năm lại năm.

Một ngày, Ty chủ cõi Luân hồi gọi tôi tới, nói tôi đã trung thành canh giữ, bởi tôi đã đi tuần cầu Nại Hà suốt 300 năm, chưa hề xảy ra sai sót. Bởi vậy nên cho tôi làm sứ giả đi câu hồn, cho tôi cơ hội đi lên chốn nhân gian.

Cõi người thật sự rất tươi đẹp, thứ gì cũng có, so với chốn địa ngục tối đen u ám này thật như một giấc mộng. Nhưng chỉ tiếc mỗi lần tôi đi lên cõi nhân gian đều là nửa đêm, mà đều là đi lấy hồn phách con người.

Thời gian lâu dần, tôi biết loại người như tôi, à không, phải nói là loài quỷ như tôi, làm loài người sợ hãi đau khổ nhất, bởi hễ chúng tôi xuất hiện, có nghĩa là một cuộc đời người kết thúc. Tôi chỉ có thể cười đau khổ, bởi con người tin vào số mệnh, nhưng lại sợ hãi số mệnh, rồi căm ghét lây sang cả chúng tôi.

Thời gian trôi thật nhanh, một trăm năm lại đã trôi qua. Ty chủ cõi Luân hồi nói với tôi, ngươi đã có 400 năm đạo hạnh rồi, chờ khi ngươi tu đủ 500 năm đạo hạnh, ngươi có thể lên cõi người để đầu thai, hoặc tiếp tục tu hành nơi địa ngục, rồi đi làm một thần tiên.

Khi đó tôi rất vui mừng, vui tới mức cười lên, có lẽ là lần đầu tiên tôi cười. Bạch Vô Thường đại ca lúc đó trêu tôi, nói tôi cười còn xấu hơn quỷ. Tôi nghĩ: Tôi chính là quỷ đây, mà Bạch Vô Thường cười còn xấu hơn tôi, loài người mà nhìn thấy anh ta cười, hẳn quá nửa sợ chết giấc.

Trong một trăm năm cuối cùng này, tôi tiếp tục cố gắng làm trọn mọi việc Ty chủ giao cho. Nhưng sao tôi thấy 100 năm sao dài hơn cả 400 năm trước đây?

Tôi rất hy vọng nó trôi nhanh, để một ngày, tôi sẽ được đầu thai...

Duyên tự ngàn năm

Một ngày, tôi đi bên cầu Nại Hà, trong bóng tối mơ hồ tiếng khóc thút thít rất mãnh. Tôi bước tới xem, thì ra là một quỷ nữ đang khóc phía đó. Tôi hỏi nó vì sao nó đến đây, cô ta bảo, cô ta vô ý đã làm tắt mất ngọn đèn lồng soi sáng đường luân hồi chuyển kiếp rồi.

Những lúc vui vẻ, tôi cũng thường hay giúp đỡ người khác (quỷ khác), lúc đó tôi đang vui vẻ, nên tôi bảo, tôi có thể dẫn cô quay về phủ Luân Hồi. Quỷ nữ gạt nước mắt, cười với tôi, nói: "Cảm ơn anh!"

Trong sát na đó, ngực tôi như bị cái gì đấm mạnh một cái, tim hỗn loạn...

Tôi chưa bao giờ thấy một hồn quỷ cười đẹp như thế, tôi chỉ cảm thấy sao chân tôi mềm nhũn ra...

Quay về phủ Luân Hồi, Ty chủ tra sổ ký lục của quỷ nữ, nói cô ta là vong chết oan, không được đầu thai chuyển thế, chỉ có thể vào giam trong Thành Chết Oan (Uổng Tử Thành) mà thôi.

Cô ta khóc than, tôi phút chốc cũng thấy thương xót, hỏi Ty chủ liệu có cách gì cho cô ta đi đầu thai không?

Ty chủ nổi trận lôi đình, mắng nhiếc tôi thậm tệ, mắng đến mức toàn thân tôi run lẩy bẩy, cô ta cũng sợ hãi không dám khóc nữa.

Tôi cúi đầu nuốt giận dẫn quỷ nữ đến thành Chết Oan, trên đường đi tôi không nói một lời.

Đến thành Uổng Tử, tôi để cô ta đi vào, cô ta gật đầu, đi vào trong. Tôi nhìn theo cô ta đi khuất, lúc đó, cô ngoái lại, lại nói một câu: "Cảm ơn anh". Bóng quỷ nữ tan ra trước cổng thành, chỉ còn lại tôi thẫn thờ đứng đấy.

Ngày lại qua ngày, tôi thất kinh phát hiện ra tôi vẫn nhớ đến cô ta.

Nên đôi khi tôi chạy tới thành Uổng Tử, lén nhìn cô.

Tôi phát hiện cô ta thường vội vã chạy ra Lầu Nhớ Quê (Vọng Hương Đài) từ rất sớm, rồi ở đó đứng nhìn ra suốt một ngày, rồi cuối cùng khóc lóc đi về. Tôi không hiểu vì sao, mỗi lần nhìn thấy cô ta khóc, tôi cũng rất muốn khóc...

Mùa xuân đã lặng lẽ tàn, những bông Liễu tan tác đã biến thành đầy trời tuyết bay. Khi chim nhạn trở về, chân trời những đám mây chiều tà sáng lên màu tuyệt diệu, xa như đôi mắt như nước chảy tiêu tan, gần như đã in vào sâu trong trái tim.

Vô tình, có nỗi niềm cảm động mơ hồ dường như đang quấn quýt mãi trong lòng, chưa từng theo nhạn phương Nam bay về miền di cư. Tiết Thanh Minh tảo mộ năm ấy, tôi đã tìm thấy mộ của cô ta.

https://tieulun.hopto.org

Một doi hoàng thổ, trước có cốc rượu, đĩa trái cây ba màu (tam sắc quả phẩm), hai người đang than khóc, một người lớn, một đứa trẻ con. Tôi thẫn thờ đứng nhìn hai người họ, một nỗi buồn và mất mát tôi chưa từng bao giờ cảm thấy đã đến quấn lấy tim tôi, tôi ở lại nơi đó rất lâu, đến tận nửa đêm.

Uống một chén rượu nhân gian, rượu mạnh đắng cay, lòng tôi có dư vị không biết nên gọi là gì.

Một lần, tôi vô tình hỏi Bạch Vô Thường đại ca, những người chết oan thì làm thế nào đầu thai được?

Anh ta nói, cần có nhân quả. Tôi hỏi, nhân quả là gì?

Anh bảo, nhân quả thực ra chính là sự trả giá, nếu có người gieo nhân ắt có người nhận quả, như có người tặng cơ may đầu thai thì người chết oan có thể trở lại cõi người. Anh còn nói, cơ hội đầu thai thì có quỷ nào ngu lắm cũng không bao giờ nhường.

Ngày nối ngày trôi mãi mãi, Ty chủ cõi Luân hồi kêu tôi tới, bảo tôi biết năm trăm năm đã qua. Ngài hỏi tôi chọn gì. Tôi nói tôi rất muốn được đi đầu thai, Ty chủ hỏi tôi thích đầu thai đi xứ nào, tôi trả lời tôi mong được cô ấy đi đầu thai.

Ty chủ trợn mắt nhìn tôi - sứ giả câu hồn, Bạch Vô Thường đại ca còn kinh hãi hơn, lưỡi anh rơi xuống đất.

Ty chủ phán, nếu tôi từ bỏ 500 năm đạo hạnh, tôi sẽ lại trở thành một tiểu ngạ quỷ đi tuần quanh sông Nại Hà.

Tôi đáp: "Con xin vâng!" Nói xong, tôi lặng lẽ đi ra, lúc này lòng tôi yên tĩnh, dường như chưa có gì xảy ra...

Ngày cô ấy ra đi, tôi lén lút trông theo, cho đến lúc quỷ nữ uống bát canh Mãnh Bà lãng quên tất cả, rồi bước lên Đài hóa kiếp (Chuyển Luân Đài). Xa quá, tôi không thể nhìn thấy cô ấy nữa, tôi không kìm được bước từ chỗ nấp ra, ngóng tới phương đó. Mãnh Bà giật mình ngạc nhiên nhìn tôi, bà thở dài, rồi lại tiếp tục nấu món canh lãng quên...

Tôi lại biến thành tiểu ngạ quỷ, tôi vẫn giữ nhiệm vụ đi tuần bên sông Nại Hà, tôi hàng ngày vẫn đi đến chân cầu Nại Hà, tôi đi ngóng.

Tôi tin tưởng, rồi một ngày nào đó, khi cái chết đến, cô ấy sẽ quay trở lại qua đây...

Một vết nước mắt lăn qua giấc mơ.

Ngày lại nối ngày lại một ngày qua.

Tôi ở bên chân cầu ngóng đợi ngày lại ngày.

Ngày trôi nhiều quá tôi không nhớ đã trôi bao ngày.

Ty chủ cõi Luân hồi kêu tôi tới, nói, tôi đã canh gác đủ 500 năm rồi, giờ tôi có thể tự quyết định con đường sau này.

Ty chủ vừa dứt lời, tôi đã bàng hoàng, lại đã 500 năm rồi ư, suốt 500 năm nay tôi luôn đợi ở chân cầu cõi Chết nơi âm ty này, nhưng vì sao tôi không thấy cô ấy quay về đây...

Ty chủ nhìn thấy tôi thần trí hoảng hốt mơ hồ, chỉ thở dài. Trong cơn mê man tôi lại bước chân ra đến bên chân cầu Nại Hà. Ở cây cầu cõi Chết này, tôi đã ngồi một nghìn năm nay. Ở bên cây cầu này, tôi đã chờ đợi suốt 500 năm nay. Năm trăm năm tang điền thương hải (ruộng dâu đã hoá biển xanh, vật đổi sao dời), ngay cả đá cũng lên xanh rêu. Nhưng tôi thì không thấy cô ấy quay lại...

Sau này, Bạch Vô Thường nói cho tôi hay rằng, mỗi hồn lên trần gian đầu thai, có trời mới biết cô ấy đã đầu thai thành ai, là nam hay là nữ.

Phút chốc tôi thấy mình rất ngu ngốc, quá ngốc. Nhưng vì sao lại có sự xếp đặt đó. Và trong khoảnh khắc đó mắt tôi duềnh lên những lệ...

Trong sâu thẳm đêm tối, một con quỷ khóc than. Giờ đây tôi không biết mình còn chờ đợi gì nữa, quá khứ đã trở thành quá khứ, y như vết nước mắt lăn trong giấc mơ đêm qua, sáng nay tỉnh dậy nào biết tìm nơi đâu. Những nỗi niềm trong mộng, mơ màng như tiếng trống vỗ xa xôi, kinh hoảng như thế giới sụp đổ. Khi tỉnh mộng chợt chỉ còn sót lại những mảnh vỡ không thể nào ghép vừa nhau, như những chữ nghĩa viển vông, khó lòng nói được. Nhưng những lời thì thầm còn lấp ló đâu trong trí óc thì như mảnh sáng chớp điện, xé toạc màn đêm vĩnh hằng trong tâm trí. Không biết mộng thấy gì, cũng không mong đuổi theo phù vân trong mơ. Tôi biết, nếu không đau lòng, sẽ không phải rơi nước mắt.

Lướt phím tơ khẽ ngâm, hát gì khúc bi ai, trong cõi hồng trần đã quá nhiều chuyện bi thương.

Buồn tay giở bút mực, khó viết nổi câu cười, những hoan lạc vui vầy thế gian nào ai biết?

Và tôi như bông hoa dại trong gió sương, tôi biết vì ai mà nở.

Lại như ngọn cỏ dại cô đơn giữa hoang vu, tôi biết xanh vì ai?

Tôi một lần nữa vứt bỏ cơ hội được đầu thai, tôi sợ phải gặp lại chốn vạn dặm bụi trần từng mê hoặc tôi... Tôi sợ phải nhìn thấy nụ cười duyên dáng làm tôi vĩnh viễn không thể nào quên...

Ty chủ thấy tôi thì than, loại quỷ còn giằng giữ nghiệp chướng cõi trần như tôi có tu cũng chẳng thể thành thần tiên.

Tôi lại ngồi bên chân cầu Nại Hà, tôi làm một tiểu ngạ quỷ, tôi chờ đợi một người có lẽ chưa từng bao giờ tồn tại.

Lại năm trăm năm, suốt năm trăm này, tóc tôi đã dài bằng đầu cầu này sang đầu cầu kia, trắng, tôi thường gạt mớ tóc trắng phất phơ đầy trời đứng lặng ở bên này Nại Hà. Những quỷ qua cầu thường rùng mình, đứt nốt sợi dây cuối nối với cõi trần.

Thế giới của họ sẽ luân hồi, biến hóa, thế giới của tôi lặng lẽ trì đọng.

Môi hồng lệ xanh em điêu đứng nhân gian

Tôi bạc tóc phía bên này Duyên cũ

Bao năm đó, chỉ mang cho tôi những hồ nghi: Nếu mất mát là khổ, bạn có chịu mất mát không.

Nếu trụy lạc là khổ, bạn còn cần đến hạnh phúc không?

Nếu mê loạn là khổ, ta nên bắt đầu hay nên kết thúc?

Nếu theo đuổi là khổ, đây là kiên trì hay là Chấp, Mê không tỉnh ngộ nổi?

Nếu phân ly là khổ, bạn sẽ mang phân ly thổ lộ cùng ai?

Nếu hứa hẹn là khổ, tình thật thà nên ngỏ với người chăng?

Nếu si mê là khổ, lẽ nào yêu là lầm lạc?

Nếu yêu nhau là khổ, trên thế gian nào biết tìm đâu chân tình?

Biết bao chuyện sau này mới hiểu ra, mà lúc đó tôi không còn cách nào quay lại, biết bao chuyện xưa làm ta hạnh phúc, giờ đớn đau tôi cũng chấp nhận.

Lại ngồi đầu cầu bên này, tôi nhìn những hồn ma quỷ đi qua cầu, mặt chúng dường như đều vẽ nên một câu

https://tieulun.hopto.org

chuyện, trong những đôi mắt trống rỗng của chúng, phảng phất kể lại một khoảnh khắc nào của dĩ vãng. Nhìn chúng nhớn nhác, tôi thầm mừng vui bởi tôi còn tri giác, còn cảm nhận, tôi dần dần hiểu, cõi nhân gian đã mang cho tất cả mọi người vô số dấu hỏi, mà câu trả lời biết tìm nơi đâu? Địa ngục này ư?

Tôi nghĩ không phải, bởi trong tim tôi, cũng vẫn còn quá nhiều chất ngất những câu hỏi.

Tôi một lần nữa lại quay về với cuộc tồn tại không vui sướng, không hy vọng, không đau buồn, cuộc tồn tại của một hồn quỷ.

Buồn tay lướt dây đàn, vốn định hát bâng quơ trường ca, ai ngờ tiếng đàn não nề, đỗ quyên rỉ máu, người mong về cội. Thời thanh xuân nào biết đến sầu thương, phổ chi lời thơ mang buồn... Nào ai hay giữa bạt ngàn thanh âm bỗng hai tim gặp gỡ, để một đời sầu nhớ! Dây đàn rung cùng tiếng trái tim, hận tay vụng khó đàn nên nỗi lòng, để cho nửa khúc vụng lời, cả điệu bi ai (lời quê kệch phổ đến nửa khúc nhạc, đàn lên cả điệu chỉ sầu đau).

Chìm nổi ngàn kiếp, trong nỗi nhớ chỉ còn ngàn điều hụt hẫng. Ngoái lại ngày cũ, người với việc thiếu gì thị phi phải trái. Hy vọng biết bao mọi nỗi nhớ về hội tụ, ai ngờ lại thành chiếc thuyền vô hướng không người chèo lái băng giữa hoang vu.

Thời gian cứ ngày nối ngày trôi qua, tôi ngày nối ngày đi lại bên cầu, tuy rằng tôi đã không còn gì để mong mỏi, nhưng mỗi lần đi qua tôi lại không kìm lòng được ngóng sang, nhìn xem trên cầu liệu có xuất hiện hình bóng tôi nhớ nhung.

Cứ mỗi lần như thế, tôi đều tự mắng mình thậm ngốc, tự mắng thầm mình vài câu, nhưng, chỉ cần đi tới đấy, tôi lại làm cái việc ngu xuẩn ấy. Thậm chí tôi còn ngớ ngẩn đến mức đi ra thành Uổng Tử, nhìn xem liệu có vong nào đang khóc trên Vọng hương đài chăng.

Trong những ngày sau này, tôi bắt đầu có chút hối hận, hối hận vì sao lúc cô ấy ra đi tôi không bước lên nói với cô ấy một câu; hối hận vì sao khi cô ấy ra đi tôi không trốn đi để khỏi phải nhìn cô ấy lần cuối; hối hận vì sao khi cô ấy ra đi... Thế gian hạnh phúc bởi còn ký ức, còn có thể ghi nhớ sắc màu thế giới; Thế gian bi ai bởi còn ký ức, còn có thể ghi nhớ bóng tối của thế giới. Ma thuật của thời gian đã chồng màu sắc lên đen và trắng, xé toạc chúng ra, phủ bụi lên... còn lại đầy trời bay những mảnh giấy vụn, cho tôi đuổi theo với, cho tôi ghép lại... để quên, để không thể quên, để quên mà không thể, tất cả.

Trên những đóa hoa tươi nở trong mưa mùa xuân, giữa những cánh hoa rụng bay tơi tác trong gió thu, hãy để những gì tươi đẹp sau cùng ngân lên khúc ca tình yêu lưu luyến không rời dưới tia nắng. Hỡi những cánh hoa không chịu lìa xa, sao giống trái tim tôi nát tan vụn vỡ. Hỡi thiên nhiên, người làm những cơn gió xuân dịu dàng gọi thức linh hồn hoa, sao người nỡ để những cơn mưa thu bịt bùng giết chết đời hoa, vì sao trên thế gian này có khởi đầu tức là có kết thúc... Ly biệt vẫn luôn vội vã thế, vẫy tay nhé, vầng mây bên trời xa vẫn cũ. Người qua vội vã, chỉ giây lát ngoái lại người mới chợt hiểu. Mà lúc đó đã là cuối cuộc vui, nhạc tàn người tan, vẫy tay chào nhau, nhìn nhau như sắp lìa xa nhau.

Có tiếng người đi trong gió thu, những nếp áo vấn quanh mềm mại, những tiếng dịu êm bên tai, như sợi diều gió, diều càng bay càng vời xa. Sợi dây đã đứt từ lâu, và cánh diều giờ biết lưu lạc phương nào. Tôi không ngờ rằng tất cả đã kết thúc, tôi còn giữ chặt sợi dây, tôi chờ cánh diều quay lại, quay lại. Biệt ly vội vàng quá, vẫy tay chào nhau, còn ghi nhớ hơi thở em, còn nhớ đến tóc dài em, còn đôi khi tìm hình bóng em...

Khi mùa thu quay trở lại, tôi không biết phải tất cả đã như bông hoa bị mưa dập nát bị gió cuốn đi, tan tác, mai một, mất đi không dấu vết.

Khó lòng gặp nhau, sao dễ lìa nhau, mà lại gặp lầu cao điện ngọc hoa như tuyết dễ tàn...

Rất lâu về sau, rất lâu, rất lâu...

Hôm đó, tôi gặp được Địa Tạng Vương Bồ Tát. Địa Tạng Vương Bồ Tát là vị Phật tối cao của chốn địa ngục, cũng là người hiền hòa thiện lương nhất. Huệ nhãn của Địa Tạng Vương Bồ Tát thoáng chốc nhìn thấu nỗi do dự mê hoảng đau đớn tích tụ nghìn năm trong lòng tôi. Bồ Tát kinh hãi bởi, một hồn quỷ như tôi sao lại có tâm sự. Bồ Tát thở dài: "Chúng sinh nơi biển khổ, quay đầu lại là bờ".

Nhưng tôi đã không hiểu lời của Ngài.

Tôi mang tất cả những nỗi lòng dồn nén của tôi kể cho Bồ Tát nghe. Bồ Tát hỏi tôi: "Cái gì là Duyên?" Tôi không trả lời nổi.

Bồ Tát lại hỏi tôi: "Cái gì là Tình?" Tôi hoàn toàn không rõ.

Cuối cùng, Bồ Tát hỏi tôi: "Người muốn gì?"

Không ghìm giữ nổi bản thân, tôi khóc ròng đau đớn van xin Bồ Tát cho tôi được một lần làm người, xin Bồ Tát hãy cho tôi và cô ấy kết một đoạn trần duyên.

Bồ Tát đồng ý, đồng ý cho tôi đổi nghìn năm tu đạo hạnh lấy một cơ duyên được cùng cô ấy làm người trong một kiếp luân hồi.

Cuối cùng, Bồ Tát nói: "Vạn sự tùy Duyên, đừng Chấp nữa!"

Hôm đó, tôi cuối cùng đã được chuyển thế làm người rồi. Nhà tôi là danh gia vọng tộc trong vùng, tôi vừa sinh ra đã là Thiếu gia. Thời gian trôi, tôi lớn lên, tôi phải lòng cô gái nhà hàng xóm.

Nhà cô ấy là nô bộc cho nhà tôi, từ nhỏ cô ấy đã hầu hạ trong nhà tôi, ngày nhỏ chúng tôi thường cùng chơi đùa với nhau, nhưng lớn lên chúng tôi dần lạnh nhạt với nhau.

Nhưng tôi nhận ra, tôi càng ngày càng thích cô ấy. Và tôi nghĩ, cô ấy hẳn cũng phải thích tôi. Năm cô 18 tuổi, cha mẹ không ngăn cản được ý tôi, đành sang nhà cô ấy cầu thân, gia đình cô tất nhiên nhận lời ngay.

Hôm đó, tôi chạm mặt cô ấy ở cửa, tôi vui vẻ định nói với cô vài câu, ai ngờ được, tôi chỉ thấy trong mắt cô tràn ngập căm hờn. Trái tim tôi phút chốc ngưng đọng lại, tôi nôn nao quay về, mơ hồ dự cảm một điều gì đó sẽ xảy ra.

Quả nhiên, ngày tôi đón dâu về, cô ấy đã bỏ trốn cùng một người con trai trong làng.

Cha tôi nổi trận lôi đình, sai đám gia đinh đông đúc trong nhà đuổi theo, tôi hoang mang cũng chạy theo đám người. Không mấy lâu chúng tôi bắt được đôi trai gái, tôi kinh ngạc, mê hoảng, khiếp sợ, không biết nên nói gì, chỉ biết đứng đực ra nhìn cô, tôi nhìn cô.

Cô ấy cũng nhìn tôi, con ngươi trong đôi mắt trong như một vực xoáy đầy hận thù nuốt chửng tôi.

Trong lúc bối rối hoang mang, trái tim tôi co thắt lại: "Cô ấy hận thù tôi!"

Trước mắt tôi tối sầm...

https://tieulun.hopto.org

Chờ lúc tôi tỉnh lại, gia đình nói cho tôi biết cô ấy đã cùng chàng trai kia chạy trốn, cuối cùng cả hai nhảy xuống vực sâu tự sát...

Tôi vừa nghe thấy tin đó, cả thế giới dường như không còn tồn tại nữa, thời gian không gian như hóa thành hư không... Người yêu dấu ngày xưa nay chỉ còn lại nét mặt xám tối.

Viên thủy tinh quá khứ đã vụn thành cát lỏng trong tay tôi, bị những ngọn gió thời gian và không gian thổi bay tung, bay mất dần, tan vào trong gió. Gió ơi gió về đâu? Sao không mang tôi đi theo, nhưng gió đã lấy trái tim tôi đi xa, làm ơn đừng vứt bỏ tôi ở lại một mình, gào thét ở tận cùng thế giới, thét gào vô tận.

Đêm đen sẽ đến, sự sống sẽ tiêu tàn, vì sao tương tư nhau mà không thể quay lưng nhau, vì sao tương tư nhau mà không thể oà lên nhau? Chờ đến lúc tôi tỉnh dậy một lần nữa, tôi phát hiện mình đã ở bên cầu Nại Hà, Bạch Vô Thường đang đứng bên cạnh nhìn tôi.

Chờ khi tôi định thần, Bạch Vô Thường nói cho tôi biết, sau khi ngất đi không lâu, hồn tôi đã lìa khỏi xác...

Anh ta còn nói cho tôi biết, người con gái vì tình mà tự vẫn kia, chính là hồn quỷ nữ năm nào tôi đau khổ chờ đợi, giờ đã phải đi vào thành Uổng Tử rồi!

Đầu óc tôi mụ mị, tất cả mọi ký ức đều dội tới, tôi không biết phải làm gì... Bạch Vô Thường dắt tay tôi đến trước Địa Tạng Vương Bồ Tát, Bồ Tát mỉm cười im lặng.

Tôi không nén được hỏi ngài: "Vì sao cô ấy hận thù tôi?"

Bồ Tát nói, đấy là nhân quả.

Tôi hỏi, nhân quả là gì.

Bồ Tát nói: "Hữu duyên chính là nhân quả. Ngươi đã từng cho cô ấy một kiếp luân hồi, cô ấy cả đời hầu hạ ngươi, đó chính là nhân quả.

Ngươi cho cô ấy một kiếp luân hồi, là bởi vì cô ấy đã bị chết oan vì ngươi.

Cô ấy vì ngươi mà chết, cho nên cô ấy đòi ngươi đền cô ấy một kiếp luân hồi.

Con người thường bảo là có Tiền sinh Hậu thế (kiếp trước thế nào thì kiếp sau nhận báo ứng thế), nhưng thực ra làm gì có trước và sau, chỉ có kiếp này ở đây thôi!

Có đến có đi, nhưng trước sau không có sinh không có tử.

Tôi cảm thấy tất cả là một sai lầm lớn, vào một thời điểm đặc biệt, gặp một người đặc biệt, xảy ra một điều đặc biệt. Dường như có thể thấy sẵn một kết quả, nhưng thế sự đâu phải thế, đó là tôi sai rồi. Tôi đã bỏ lỡ mất một ngàn năm của tôi. Tôi đã bỏ lỡ mất hai kiếp đầu thai đáng lẽ được làm người hạnh phúc của tôi.

Trong khoảnh khắc đó tôi ngộ được hai chữ luân hồi, con người còn phải luân hồi, là bởi con người có vô vàn sai lầm, vô vàn ân hận, vô vàn mất mát, nên phải đi tới kiếp sau để đền bù.

Nhưng nếu cứ luân hồi mãi mãi, con người làm sao nhớ được kiếp trước đã làm gì, trong một cõi nhân gian hẹp hòi, để chỉ đường cho kiếp sau đi hóa giải?

Luân hồi là lời kinh của Phật, để chúng sinh mê muội hiểu rằng ngoái đầu là bờ, nhưng những người còn Chấp thì sao hiểu ý nghĩa lời Phật, ngoảnh lại những việc mình đã làm lại hối tiếc.

Còn tôi, chí ít, tôi đã không hối tiếc.

Đến cuối cùng, tôi đã hiểu lời Phật nhắc tôi, nhưng tôi vẫn không đáp lời Phật, tôi cũng không muốn đi ngẫm ngợi lời Bồ Tát. Bởi tôi đã nếm trải được hạnh phúc, nếm trải được đau thương, đã từng hạnh phúc, đã từng đau thương. Đã có được một giấc mộng một nghìn năm, đã có nợ kiếp trước duyên kiếp này, đã có tất cả, tôi đã mãn nguyện rồi.

Tôi, cuối cùng, đã vứt bỏ mọi cơ hội tiếp tục luân hồi hay tu đạo hạnh, tôi tình nguyện vĩnh viễn quẩn quanh ở cái kiếp tiểu ngạ quỷ mà tôi đã ảo mộng suốt nghìn năm, vĩnh viễn làm một tiểu ngạ quỷ bên chân cầu Nại Hà.

Bởi tôi tin tưởng, lại sẽ có một ngày, tôi sẽ gặp lại cô ấy, một cô ấy vĩnh viễn không đổi thay...

Chương 2

Lá thu rơi muôn lối

Người có tâm, tất ngẫm ngợi nhiều chuyện, cũng sẽ quên nhiều chuyện. Tôi không biết một con quỷ dưới địa ngục thì có tâm hay không.

Ngày ngày tháng tháng trôi, tôi thấy tôi ngày lại ngày càng trở nên lãnh đạm, rất nhiều những chuyện trong quá khứ đều trở nên mờ nhạt, tôi đã dần dà lãng quên đi những xúc động, những thương xót, những lúc đau đớn, quên rồi, dường như quên tất cả rồi...

Trí óc đã quên rất nhiều, cần có thứ gì đó mới mẻ lấp đầy, cho nên, tôi bắt đầu chăm chú nghiền ngẫm những lời nói của Bồ Tát năm ấy, dường như tôi hiểu ra đôi chân lý.

Cõi phù sinh đều là khổ ải, vạn vật chỉ có hình tướng mà chẳng có gốc căn (vạn tượng bản vô). Đó là lời Bồ Tát, tôi tin rằng Bồ Tát đúng, nhưng tôi vẫn không thể hiểu, vì sao đã có Cõi Người mười dặm hồng trần, thì tại sao nó lại chỉ là Hư Không? Chả lẽ cõi người chỉ là một trò chơi mà Thần Phật dùng để giày vò con người thôi ư? Làm cho con người không chịu đựng nổi biển khổ nữa đành quay đầu về Cõi Phật? Thần Phật ti tiện nham hiểm như thế, thì đáng cho xuống địa ngục! Nhưng, tôi dứt khoát không tin rằng Thần Phật đang đùa giỡn với người đời, bởi Phật luôn là đấng từ bi nhất. Và tất cả những điều này, nên giải thích thế nào?

Tôi vùi đầu vào kinh kệ, một lòng niệm giáo lý nhà Phật, tôi muốn biết, tất cả, vì sao lại xảy ra? Tôi còn nhớ được đôi chút chuyện ngày xưa trên trần gian, giờ hồi tưởng đến, tôi không đành ngoái lại. Nếu tôi có thể hiểu được nhân quả của chuyện cũ, tôi tin rằng, những đau khổ trên thế gian này sẽ dần tiêu tan đi. Tôi đã trải qua ngàn năm mơ hồ và đợi chờ, tôi muốn giúp đỡ những linh hồn đang còn mê man như tôi, những người đang còn đau khổ như tôi, như thể giúp chính tôi được giải thoát.

Mải mê tìm kiếm, đông qua đã bao năm, không biết không hay, tôi lại đã vùi đầu vào kinh kệ 300 năm. Ty chủ đã gọi tôi qua, khen tôi đắc Đại Đạo, cho tôi làm phán quan bên ngài, tôi tạ ơn và từ chối. Bạch Vô Thường đại ca lại kinh ngạc tới mức để rơi lưỡi xuống đất, nói tôi sao đã xem nhẹ được danh vọng, thật đã "tứ đại giai không", (thoát được những lệ thuộc thể phách hư ảo cõi nhân gian như không hình người, không bản ngã, không súc sanh, không dài lâu) có thể viên mãn đắc đạo như thần tiên (bạch nhật phi thăng). Tôi chẳng

https://tieulun.hopto.org

nói gì, trong lòng tôi mắng thầm: Tôi cũng chẳng phải sư, Không cái gì mà Không, coi thường danh lợi gì đâu, chẳng qua là trong lòng tôi đang rối bời mà thôi.

Nhưng cũng không rõ từ bao giờ, những người quanh tôi, à không nên gọi là quỷ quanh tôi, bắt đầu kính trọng tôi, Bồ Tát cũng thường gọi tôi đi nghe ngài giảng kinh thuyết pháp. Thực ra tôi chỉ hiểu rõ một điều, cho dù hiểu rồi, tôi vẫn thấy không phải tất cả những lẽ Phật đều đúng, bởi tôi tin cõi mang mang đất trời tự nó đã có chân lý, chân lý là gì? Tôi cảm thấy đó chính là đừng để chúng sinh phải khổ đau nữa.

Bồ Tát nói phải cắt đứt mọi dục vọng, nhưng tôi lại thấy đó đâu phải là Lẽ Phải, một cuộc sống đã tắt mọi dục vọng thì còn gì để sống? Nhưng tôi không dám nói ra mồm, tôi chỉ mơ hồ trong sâu thẳm, rồi cật lực tìm đáp án giữa những trang kinh.

Đọc hàng nghìn vạn trang sách Kinh, đọc Phật gia, đọc Đạo gia, tôi chỉ thấu đáo nửa chừng, rồi cảm thấy tuy những lời đó có lý, nhưng đều đâu phải thứ tôi cần tìm. Nhất là "Nam Hoa Kinh" của Trang Tử, tôi hoàn toàn bị lý lẽ "Bướm bay múa - Hồ điệp phi vũ" của ông ta làm quay cuồng đầu óc, bị đánh lạc hướng, ngập tràn trang giấy, không rõ nên nói sao. Càng làm tôi mơ hồ hơn là mỗi lần Bồ Tát hỏi tôi Thiền cơ.

Tôi hoặc tùy tiện đáp lời, hoặc trầm ngâm không nói.

Bồ Tát thì phảng phất nụ cười, tôi không thể hiểu ý ngài ra sao, hoang hoải rồi trọn ngày.

Rồi lại thế 200 năm, tôi kinh ngạc vì tính nhẫn nại của chính mình, sao tôi vẫn có thể cứ đọc mãi sách kinh, cho dù tâm tôi không ở trang sách mà vẫn đọc nổi.

Xem ra đọc Kinh phật cũng có ưu điểm, đó là niệm Kinh chẳng thành, nhưng lại được lòng Bồ Tát, được Ngài truyền thụ cho tu luyện pháp môn, học những bế khí thăng thiên, khai huyệt phi thăng, sát pháp biến hoá...

Tôi vốn chỉ là một tiểu ngạ quỷ ti tiện, vốn làm gì đủ tư cách học, cũng chẳng biết học về làm cái gì, nhưng Bồ Tát nói, tu luyện pháp lực chính là gốc rễ cho việc trừ ma giữ đạo. Tôi không hiểu, nếu Phật pháp đã là vô biên, thì vì sao còn tồn tại tà ma ngoại đạo. Nhưng Bồ Tát nói, có những kẻ bản tính ngoan cố độc ác, không thể giáo hóa. Tôi ngoan ngoãn nghe lời ngài.

Có một ngày, tôi đang vật vờ tại địa phủ, bước chân lơ đãng đưa tôi đến nơi Mãnh Bà đang nấu canh Lãng Quên. Mãnh Bà ngủ gật. Tôi bước tới gọi bà dậy, Mãnh Bà hốt hoảng thức giấc, hoảng loạn ngó trước nhìn sau, hồi lâu mới thở phào nhẹ nhõm. Tôi lấy làm lạ, sao bà lo âu thế, bà nói, nếu có quỷ nào không uống bát canh của bà đã đi đầu thai, thì bà mang tội lớn. Tôi hỏi bà, vì sao hồn quỷ phải uống canh Lãng quên rồi mới được đi đầu thai?

Bà trả lời, để ký ức của hồn đó không bao giờ được nối tiếp. Để mỗi kiếp nó đều có muôn vàn những nuối tiếc, cứ thế đến ngày nó mệt mỏi chán ghét những đau đớn dằn vặt, nó từ bỏ cơ hội được luân hồi, nó sẽ một lòng theo đại đạo.

Tôi nghi ngại quá, tôi thấy điều đó khác gì lừa dối con người, cố ý giày vò con người. Tôi hỏi, chẳng lẽ người đời toàn xấu xa thôi sao? Vì sao không để cho những hồn ma đó vui vẻ tiếp tục đầu thai làm người.

Sắc mặt của Mãnh Bà chuyển từ ngạc nhiên sang sợ sệt, không trả lời tôi, vội vã đẩy tôi tránh xa bà...

Từ chỗ Mãnh Bà về, lòng tôi dồi lên như sóng, tôi không muốn tin rằng những thủ đoạn đối đãi với chúng sinh như thế này là hợp lẽ. Nhưng đó rõ ràng lại là luật trời, vậy vì sao luật trời là một bất công lớn lao? Trong sách Phật đều nói chúng sinh là bình đẳng, tức là nói mỗi chúng sinh có toàn quyền lựa chọn con đường sống của họ, nếu họ có chọn lấy những đời lầm lạc, thì cũng có thể hiểu được.

Nhưng nếu ép chúng sinh vì khổ sở giày vò trăm đường rồi đành phải quay đầu về đại đạo, thì rõ ràng đây là một trò lừa đảo. Đại đạo cũng tốt, cõi người cũng tốt, vũ trụ vạn vật đều sinh ra trong tự nhiên, bản thân mỗi vật đã có một giá trị riêng của mình, vì sao buộc phải dùng cách ép uổng đó để bắt họ hướng về đại đạo?

Ôm nỗi hoài nghi, tôi lại vùi đầu vào kinh sách, tôi không biết tôi đã lật dở bao trang kinh, chỉ có một lời đáp, chỉ có trái tim hướng về đại đạo mới là đúng, lý do ư? Không có lý do, cũng không cần lý do. Dần dần, tôi trở nên lười đọc kinh sách, chỉ chuyên tâm đi tu luyện những pháp thuật trừ ma.

Thời gian lại qua 500 năm, địa ngục xảy ra một sự kiện. Mọi người coi đó là một chuyện nhỏ, nhưng với tôi, đó là một sự kiện lớn đã thay đổi vĩnh viễn mệnh vận...

Châu Bút phán quan Tần Sở dưới quyền Tần Quảng Vương đã yêu một cô gái cõi trần gian (những chuyện thế này đôi khi xảy ra), song ông đã trốn lên cõi người. Sứ giả địa ngục khuyên can ông cũng vô ích. Thập điện Diêm La bèn phái âm quan quỷ binh đi tóm Tần Sở quay về. Không ai ngờ Tần Sở quá yêu say đắm không chịu dời bỏ, chỉ tìm cách lên trần gian gặp cô gái kia, và ông trốn ngục. Cuối cùng vẫn bị bắt lại, nhưng quỷ sứ đã bắt luôn theo cả linh hồn cô gái kia, đày cô vĩnh viễn giam cầm trong hang địa ngục tăm tối, để phán quan vĩnh viễn không bao giờ có thể gặp lại cô ta.

Phán quan đau đớn quá, nhục mạ thần linh hủy diệt nhân tính, làm mọi thần đều nổi giận, quyết định hủy diệt Tần Sở, mãi mãi không được siêu thoát.

Hôm đấy, trên Tru Hồn Đài (đài hành hình giết hồn), phán quan bị xiềng bằng xích sắt. Móc sắt Nhiếp Hồn móc xuyên xương lồng ngực, phán quan Tần Sở ngoài dáng cao lớn ra, tan nát không còn thấy sót lại chút hình hài người.

Tôi cảm thấy trong tim tôi đau đớn như bị bóp giật, tôi nhìn trộm Địa Tạng Vương Bồ Tát trên đài cao. Gương mặt ngài vẫn từ thiện ôn hoà từ bi nhưng không chút cảm xúc, tôi tưởng tôi thấy thấp thoáng trong con ngươi thâm thúy ấy một tia lạnh lùng. Trong tôi lạnh buốt, tôi chỉ cảm thấy chính tôi đang chìm xuống, chìm xuống mãi giữa từ bi. Trái tim bây giờ của bạn đã mất hết những xót thương sao?

Tần phán quan cuối cùng bị sấm sét đánh tan thành khói bụi...

Mọi người rời đó đã lâu, tôi lẳng lặng mò đến chân Tru Hồn Đài. Tôi nhìn một mảnh áo đỏ của phán quan còn sót lại... Tôi thấy một nỗi thê lương vô hạn độ. Giây phút đó bỗng một trận gió tới, một mảnh vải lụa vuông vẳn bị gió thốc tới, tôi vội vã chụp lấy, kỳ lạ sao, địa ngục mà cũng có gió ư?

Tôi nghi hoặc cầm mảnh vải sót lại, trên vải có chữ:

"Thu xanh năm ấy, nhạn lạc bên cầu, duyên gặp nhau

https://tieulun.hopto.org

Lòng như nước chảy trôi, mây vẽ ngọn núi thẳm
Cúi đầu mỉm miệng cười như hoa sớm, muốn say mê dọc kiếp này bên nhau
Từ ấy, ngồi buồn dẳng dãi canh thâu nghe tiếng mưa tan vỡ"

Một khúc "Môi Hồng" diễm tuyệt!

Mơ một câu ngồi buồn dẳng dãi canh thâu mưa nghe tan vỡ. Tôi đột ngột nhớ ra những chuyện cũ từ nghìn năm, tôi cô đơn bên cầu, tôi cô đơn làm quỷ, tôi ngồi buồn dẳng dãi, tôi vô vọng chờ một người con gái không bao giờ quay trở lại.

Một giọt nước mắt lăn xuống, thấm dần lên tấm vải trên tay tôi, đấy là lần đầu tiên bao nhiêu tương tư đau khổ, bao nhiêu li biệt u uất đã lại trào lên qua nghìn lớp khóa trong đáy sâu tim tôi, nước mắt cũng thấm vào tim tôi như đang thấm tấm lụa trên tay tôi.

Chỉ có điều giờ tôi không biết, giọt lệ của tôi đã chảy vì tôi hay vì phán quan họ Tần? Hay chảy vì người con gái ấy? Hay chảy vì tương tư? Hay nước mắt chỉ chảy vì chính bản thân nước mắt...

Gió tiếp tục nổi lên thổi bay phơ phất những mảnh vải rách nát sót lại trên đài hành hình, địa ngục không bao giờ có gió, phải chăng đó chính là linh hồn oan khuất của Tần phán quan đã bất tử? Thổi lay động mảnh vải trên tay tôi, tôi như đã mờ mịt hiểu ra ý nghĩa của gió, tôi cầm mảnh vải đi xuống khỏi Tru Hồn Đài, tôi đi về hướng địa phủ u tối thâm sâu, khi ngoái lại, gió đã lặng, chỉ tan tác đây đó những mảnh vải áo rách nát của phán quan, như những mảnh lá đỏ rụng xuống giữa thu thăm thẳm...

Lúc này tôi nhận ra, hay là Tần phán quan vẫn còn tồn tại...

Tôi lén lút đi tới gian ngục giam linh hồn của người nữ kia, gương mặt tiều tụy thảm hại còn sót lại chút xuân sắc ngày xưa, tôi không nén được tiếng thở dài.

Tôi không ngờ ma quỷ cũng lụy bởi tương tư, cũng đau đớn bởi biệt ly, cũng tiều tụy bởi đôi lứa chia uyên ương rẽ.

Tôi đưa mảnh vải đó cho hồn quỷ nữ kia, tôi quay người rời khỏi lao ngục, tôi không muốn phải nghe thấy tiếng khóc của người nữ kia.

Đi một đoạn, tôi không nghe thấy tiếng khóc, mà lại nghe thấy từ trong ngục tối cất lên một tiếng hát tuy ai oán nhưng kiên định:

"Thu xanh năm ấy, nhạn lạc bên cầu, duyên gặp nhau
Lòng như nước chảy trôi, mây vẽ ngọn núi thẳm
Cúi đầu mỉm miệng cười như hoa sớm, muốn say mê dọc kiếp này bên nhau
Từ ấy, ngồi buồn dẳng dãi canh thâu, nghe tiếng mưa tan vỡ"

Tiếng ca nghẹn ngào, nhưng chứa một nỗi ngọt ngào; tiếng ca ai oán, song mang đôi chút bình yên. Tiếng hát càng bay càng cao, nhưng lại như sát ngay bên tai tôi, tôi cắn chặt môi, thả thân hóa một làn khói xanh, tôi bay ra khỏi chốn địa ngục...

Chiều cô lữ

Thuyền ai đỗ bến cô liêu
Chuông chiều văng vẳng hắt hiu cõi lòng
Triều lên nước trải mênh mông
Lục bình tim tím giữa dòng trôi xa.

Đất trời một cõi bao la
Phận người trôi nổi như là thuyền nan
Sông xanh xuôi mấy dặm ngàn
Biệt mù bến đỗ dòng trăng phai màu.

Chờ ai sầu bến giang đầu
Người còn lưu lạc phai màu tóc xanh
Nhớ xưa khởi bước đăng trình
Mang theo tâm sự nỗi tình quê hương.

Nhớ từng khóm cỏ bên đường
Hồn vương ánh mắt ai buồn rưng rưng
Màu chiều tím nỗi bâng khuâng
Xót lòng mong đợi... đường trần quạnh hiu!

Nhớ người nhớ biết bao nhiêu
Tình sầu chất lại giữa chiều bơ vơ
Tiếng xưa còn vẳng trong thơ
Hồn xưa trăn trở giấc mơ đêm trường!

Sương chiều hay lệ quê hương
Mịt mờ ray rứt vấn vương nỗi sầu
Bềnh bồng mây trắng qua cầu
Thương ai trên bến giang đầu chờ trông.

• ***Hàn Thiên Lương***

Hôm đó, tôi hiểu ra tình yêu là gì, tình yêu dạy người ta chết đi cũng hẹn được bên nhau.

Hôm đó, tôi đã căm ghét sự thâm uyên vô đáy nhưng mê man vô bờ của địa ngục.

Hôm đó, tôi dứt bỏ việc đi tìm đại đạo trong kinh Phật.

Hôm đó, tôi bỏ địa ngục.

Hôm đó, tôi quay trở lại với cõi người.

Tôi phản bội địa ngục, đại đạo, tôi đi tìm đạo chân chính của tôi giữa cõi người.

Trong giây phút tháo thoát khỏi địa ngục, tôi quay đầu lại nơi địa ngục đã trói buộc hai nghìn năm của tôi. "Chờ khi nào tôi hiểu được những lẽ đời chân chính, tôi mới quay lại!". Tôi nghĩ, đến lúc đó, hẳn tôi sẽ không còn mê man, không còn đau khổ nữa...

Dịch giả: **Trang Hạ**

(Dịch truyện này khó nhất trong mọi truyện tôi từng dịch. Quá nhiều cổ văn, Tống từ, thi ca, đăng đối, chỉ là tạm dịch nhanh, mong mọi người góp ý.) •

https://tieulun.hopto.org

Tình người như mùa Xuân

• **Trần Trung Đạo**

Tôi đến Houston nhiều lần. Giới thiệu sách. Đọc thơ. Tâm tình với các bạn trẻ. Và lần sau cùng, năm năm trước, cũng để giới thiệu sách và đọc thơ. Thời gian như bóng mây ngoài khung cửa phi cơ mỗi lúc một xa nhưng Houston vẫn là thành phố tôi đã mang theo và cũng để lại nhiều kỷ niệm. Đồng hương và bạn bè tôi ở đó đông đến nỗi trang giấy này không viết hết tên của họ. Ở Houston, tôi có những người bạn của thời kỳ Internet vừa mới hình thành trong cộng đồng người Việt vào khoảng 1987 và cũng có những độc giả thật là thân dù chưa hề biết mặt.

Một lần tôi từ Houston về lại Boston trong cơn bão tuyết. Tuyết rơi lớn đến độ phi đạo không an toàn để phi cơ hạ cánh. Phi cơ bay thấp. Tôi có thể nghe tiếng tuyết đập vào thân máy bay xào xạc như có thể làm chiếc hộp kim loại mong manh kia vỡ nát bất cứ lúc nào. Phi cơ vần vũ trên không phận Boston cho đến khi gần hết xăng phải bay ngược lại phi trường Providence, cách Boston 45 dặm. Tuyết ở Providence cũng rất dày tuy không bằng Boston. Trạm kiểm soát không lưu không có chọn lựa nào khác nên phải cho phi cơ hạ xuống trong tình trạng vô cùng nguy hiểm. Tiếng cọ xát của đôi cánh máy bay cắt xuyên qua lớp tuyết dày như tiếng lụa xé. Tôi đoán thầm, tất cả hành khách chắc đang thề thốt sẽ không bao giờ đi máy bay lần nào nữa. Sau khi hạ xuống xong, phi cơ đậu ngay cuối phi đạo vì không đủ sức để lăn vào cửa. Hành khách phải bước xuống và lội lên 20 phân tây tuyết để vào hành lang phi trường.

Nhưng đó cũng là lúc cành hoa tình người nở rộ. Các bạn trẻ dìu các cụ già, những người còn khỏe giúp bế các em nhỏ, tay xách, vai mang vào bên trong phi trường. Đoạn đường ngắn nhưng gần cả giờ mới vượt qua được. Chúng tôi chen chúc nhau trong hành lang chật hẹp của một phòng chờ. Ngày đó cell phone còn rất hiếm. Trong hơn trăm người chỉ có vài chiếc. Tôi có một cái Nextel nặng nề do hãng cấp nhưng dây điện thì lại gởi theo hành lý. Tôi chia cho những người chung quanh để họ gọi về nhà. Mỗi người chỉ được phép nói một câu.

Sang ngày sau chúng tôi cùng lên chiếc xe Bus của hãng máy bay cung cấp để về Boston. Những người trẻ đều phải đứng, chỗ ngồi dành cho các cụ già, phụ nữ và các cháu nhỏ. Đoạn đường 45 dặm là đoạn đường gian khổ. Khi xe chạy vài trăm thước chúng tôi phải xuống đào tuyết bằng tất cả những gì mình có. Lại chia nhau từng khúc bánh mì, từng ly nước ngọt, những lời an ủi, khuyến khích. Không ai thở than, trách móc. Tất cả đều sống như một gia đình trong cơn hoạn nạn.

Đến chiều tối chúng tôi mới về đến Boston. Khi chia tay nhau ở hành lang phi trường Logan, bà cụ ngồi gần chỗ tôi đứng trên xe, chợt nói lớn như để mọi người cùng nghe: "Cuộc đời thật là kỳ lạ, những người sống với nhau một ngày trọn vẹn, gần gũi, đáng nhớ như thế này mà suốt đời còn lại có thể sẽ không bao giờ gặp nhau lần nữa".

Nhiều người trước đây cũng đã nói những câu tương tự như cụ. Nhưng khác với các triết gia chứng nghiệm lý lẽ của kiếp nhân sinh bằng sự suy niệm, câu nói của bà cụ là kết luận sau một ngày thật trọn vẹn vui buồn chúng tôi đã sống với nhau. Câu nói của cụ nhắc nhở về đặc tính mong manh của kiếp người nhưng đồng thời từ trong cái mong manh, lo âu, sợ hãi đó, giá trị đích thực của tình người được thể hiện. Sống chết là định luật hiển nhiên nhưng không phải ai cũng dễ dàng chấp nhận. Nhiều người sống tưởng như mình sẽ không bao giờ chết.

Với tôi, câu nói của cụ như được trích ra từ số phận gắn liền với cuộc đời mình. Biết bao khoảnh khắc quý giá trong đời tôi đã sống qua và có thể sẽ không bao giờ được sống qua lần nữa. Nhiều khi ngồi một mình hình dung lại những kỷ niệm. Từ tuổi thơ cho đến lúc trưởng thành. Những chuyến xe. Những sân ga. Dòng sông Thu Bồn. Mặt hồ trong buổi chiều cuối thu. Ly cà-phê đen. Bài hát cũ. Tất cả vẫn còn đó nhưng đã rất xa xôi. Còn lại quanh đây là những câu hỏi tại sao nhưng không có câu trả lời.

Tôi đi qua cuộc đời này như chiếc lá.

Nhà văn Lương Thư Trung, hiện đang cư ngụ tại Houston, khi còn ở Boston, có lần thắc mắc tại sao tôi thường viết về những chiếc lá. Một ngày rảnh rỗi anh ngồi đọc tập "Đổi Cả Thiên Thu Tiếng Mẹ Cười", sau đó viết một tùy bút *Người tiều phu và những chiếc lá vàng* với những câu rất đẹp: "Đất trời rồi sẽ chuyển sang mùa theo sự vận hành của vũ trụ. Những chiếc lá vàng rồi sẽ rơi rụng, bay đi, bỏ lại bên trời những cành, những nhánh khẳng khiu, buồn thảm đến ngậm ngùi... Trong dòng đời, với biết bao lần ngụp lặn, chìm đắm trong bể khổ trầm luân, giông tố, bão bùng... Rồi bức tranh vân cẩu cũng phải tan đi, để trả lại trần gian này một chút nắng ấm mặt trời, để trả lại cho con người một cõi an nhiên, thanh tịnh. Cao đẹp biết bao khi có những con người hy sinh đời mình tự nguyện làm một người tiều phu với tấm lòng từ bi đi khắp bốn phương tám hướng gom góp từ nhánh củi, cọng rơm, ngọn cỏ đến những chiếc lá vàng khô để đốt lửa soi đường, sưởi ấm nhân sinh! Hạnh phúc thay được làm một nhà thơ! Hạnh phúc thay được làm một người tiều phu với tấm lòng từ bi đi góp nhặt những chiếc lá vàng!

Con đi góp lá nghìn phương lại
Đốt lửa cho đời tan khói sương

Anh gởi tôi đọc. Chính tôi cũng lấy làm ngạc nhiên mình dùng chữ lá nhiều đến thế. Có lẽ vì lá gần gũi tôi trong một khoảng đời niên thiếu khá dài.

Đừng khóc mẹ ơi hãy ráng chờ
Ngậm ngùi con sẽ giấu trong thơ
Đau thương con viết vào trong lá
Hơi ấm con tìm trong giấc mơ

Hay

Ai về qua phố Hội An
Mua giùm tôi tấm lụa vàng Duy Xuyên
Tôi đi quét lá trăm miền
Mẹ ngồi dệt sợi ưu phiền quanh năm

https://tieulun.hopto.org

Hay

Mỗi buổi sáng tôi một mình ôm chổi
Quét lá vàng như quét nỗi cô đơn
Lá vẫn rụng khi mỗi mùa thu tới
Như đời tôi tiếp nối chuyện đau buồn

Hay

Một chiếc lá vừa rơi trên nấm mộ
Thu đã về rồi đó phải không em
Anh chợt thấy bàng hoàng trong tuổi dại
Một tình thương tha thiết sẽ không quên

Hay

Em đừng hỏi ta mong về quê cũ
Chiếc lá khô còn nhớ cội thương cành
Ta chẳng lẽ bước chân đời lê mãi
Nơi quê người làm một kẻ lưu dân

Hay

Cho tôi nhặt chiếc lá vàng trước ngõ
Viết bài thơ tha thiết hiến dâng đời
Chút chân tình trang trải với muôn nơi
Rất nhỏ bé nhưng vô cùng sâu rộng

Hay

Mỗi chiếc lá như chừng nghe hơi thở
Mỗi cành cây như có một linh hồn
Ta sẽ về sống lại môt lần thôi
Em sẽ khóc như chưa hề được khóc

Hay

Ai mang em trên đường đi vượt biển
Chẳng kịp về thăm góc phố năm xưa
Em bỏ đi như lá bỏ quên mùa
Như giọt nước quên tấm lòng biển cả.

Và nhiều nữa.

Ngày xưa khi trọ học ở Viên Giác, tôi nhỏ nhất trong chùa nên được giao công việc quét lá. Anh Hùng gánh nước, anh Sáu tưới rau, chú Ngô đi chợ, còn tôi không làm được những chuyện đó nên chỉ lo làm sạch sân chùa. Không ai có phòng ngủ riêng. Năm đầu tôi ở chung phòng với chú Điển, bây giờ là Hòa Thượng Thích Như Điển. Mấy năm sau tôi dọn sang ở với các điệu cùng lứa tuổi trong căn phòng sát dưới gốc đa. Các điệu rất vô tư. Nằm xuống là ngủ ngay. Đúng giờ thức dậy đi tụng kinh khuya. Tụng kinh xong lại đi ngủ tiếp. Các điệu hoạt động tự nhiên như những chiếc máy. Ít cười và ít nói. Tôi cũng cùng tuổi nhưng không như các điệu, đêm nào khi tới phiên mình đánh chuông xong, tôi thường nằm bên hiên chùa nghe tiếng lá reo. Nhất là mùa thu, tiếng lá rung như một điệu nhạc.

Ở chùa Viên Giác ngày đó có thầy Giải Nguyên. Thầy đi tu khi tuổi đã về già sau khi đã nếm đủ hương vị đắng cay, thăng trầm, vinh nhục của cuộc đời. Thầy là một trong những người giàu có ở Duy Xuyên bỗng dưng phát nguyện xuất gia. Năm đó thầy đã ngoài sáu chục tuổi. Những người già thường ít ngủ. Thầy cũng thế. Khi thấy tôi nằm trên bệ xi-măng trước chùa, thầy cũng đến ngồi gần. Thầy kể tôi nghe nhiều chuyện vui buồn trong đời thầy. Nhưng dù chuyện gì cũng chỉ để dẫn đến một lời khuyên dành cho tôi, đời là bể khổ và chỉ có đi tu là con đường giải thoát. Tôi không phản đối lý luận của thầy nhưng bạch với thầy tôi không muốn đi tu. Tôi chỉ là người trọ học và một ngày không xa tôi sẽ ra đi. Tương lai của tôi nằm phía bên kia cổng tam quan. Dường như tôi sinh ra là để đi xa. Đi theo chọn lựa và nhiều khi không có quyền chọn lựa.

Giống như bà cụ đã quên mình vừa trải qua một kinh nghiệm sống chết mà chỉ còn nhớ đến những kỷ niệm đẹp, tôi cũng thường nghĩ đến những hạnh phúc nhiều hơn là gian khổ khi nhìn lại quá khứ. Tôi nghĩ đến những người tôi đã mang ơn. Nhiều lắm. Từ những đứa bạn nhỏ chắt chiu những đồng tiền lẻ của cha mẹ cho để chia sẻ với tôi cho đến Mẹ Hòa Hưng, người đã nuôi tôi chín năm thử thách nhất của đời mình.

Thời gian ở Viên Giác là một ví dụ. Đó là thời gian cực kỳ cô đơn về tinh thần và khắc khổ về vật chất. Mà thật vậy. Chùa rất nghèo. Không có ruộng đất như các chùa ở ngoại ô như Long Tuyền, Phước Lâm, Chúc Thánh. Nếu các bác có đi chợ cũng chỉ để mua sắm chút nấm, chút mì căng cho thầy, phần lớn chúng tôi ngày hai bữa sống nhờ vào thửa rau lang trồng trước sân chùa và những hũ chao do các bác bên Cẩm Nam mỗi tháng hai kỳ sang làm giúp. Các thầy, các chú lớn tuổi đi đám ma chay còn được cúng dường tiền bạc để chi dùng riêng tư, không ai cúng dường cho đứa bé như tôi. Đời tư của tôi không ai biết. Thầy chỉ hỏi một câu khi tôi đến và sau đó không hỏi nữa. Họa hoằn lắm mới có một người bà con từ trên quê xuống đi chùa, tình cờ nhận ra, vuốt tóc tôi vài cái, nói đôi lời an ủi rồi ra đi. Cô tôi biết nhưng chưa bao giờ có phương tiện để vào thăm tôi. Ngoài các nhân vật, các câu chuyện, các tình tiết trong những cuốn sách của thầy để trên lầu, tôi không có ai để tâm sự. Tôi cũng không buồn xen vào chuyện người khác dù có những chuyện tôi không đồng ý. Trong những phiên họp đại chúng, các thầy, các chú lớn tranh luận nhiều vấn đề nhưng tôi chỉ ngồi nghe mặc dù về nhận thức tôi đã lớn hơn nhiều trong số họ. Tôi chỉ là khách trọ, đến không ai hay và đi không ai tiễn. Ngoại trừ những chiếc lá rụng như một điệu nhạc buồn trong một ngày đầu thu, gần năm năm sau, tôi "*một mình làm cả cuộc phân ly*".

Nhưng những cực khổ đó đã trở thành phân bón cho những bông hoa tình người trong khu vườn mùa xuân của đời tôi nở rộ, để hôm nay khi nghĩ đến Viên Giác tôi cảm thấy thật êm đềm. Tiếng chuông chùa, lời kinh khuya đã nhẹ nhàng đi vào tuổi thơ tôi, đã chuyển hóa tâm hồn chất đầy oan nghiệt của tôi mà nhiều khi tôi không biết. Những người có cuộc đời nhiều chịu đựng thường phải biết vượt qua, đôi khi bằng cố gắng và đôi khi chỉ bằng cách ngẩng đầu lên mà đi, khinh thường những chướng ngại. Tôi có cả hai. Bây giờ khi nóng tính, khi quá hăng say về một chuyện gì, dù đúng hay sai tôi cũng biết dừng lại và biết lắng nghe, không khinh thường sự việc như ngày còn trẻ. Không có những ngày ở Viên Giác, khu vườn đời tôi sẽ buồn bã, khô khan, điêu tàn và trống vắng biết bao nhiêu.

Câu nói của bà cụ từ chuyến bay Houston, từ đó, có thể viết ngắn hơn, tình thương và tình người mới thật sự là mùa xuân vĩnh cửu của con người.

(TranTrungDao.com)

https://tieulun.hopto.org

Quan Âm tóc rối

• **Hư Thân Huỳnh Trung Chánh**

Dì Ba nằm võng đu đưa, lơ đãng thả tầm mắt theo dõi đám mây bồng bềnh trôi về hướng chân trời xa tít. Dì bâng khuâng ví mình như đám mây trôi lang thang đó, đang lần lần tiến vào khoảng không gian cuối cùng để rồi sẽ tan biến vào cõi hư vô mù mịt. Thời gian trôi nhanh quá, mới ngày nào dì phải chật vật, lặn lội đầu trên xóm dưới, làm đủ mọi nghề nặng nhọc để chắt mót từng đồng nuôi con ăn học, nay dì được sống an nhàn hạnh phúc với gia đình cô con gái hiếu thảo, cùng hai đứa cháu ngoại ngoan ngoản quây quần nên có thể nói dì được Trời Phật hậu đãi trong chuỗi ngày già. Thật vậy bà con cô bác ở tại thị xã Rạch Giá nầy, ai chẳng mơ được như dì. Dì Ba có hai đứa con: con trai lớn tên Toàn vượt biên sang Hoa Kỳ, tốt nghiệp kỹ sư điện tử, kết hôn với cô gái Mỹ gốc Tây Ban Nha, hạ sanh đứa con trai kháu khỉnh, công danh sự nghiệp hanh thông, nghe đâu đã là nhà triệu phú trẻ; Lan, đứa con gái ở lại quê nhà hủ hỉ với mẹ, có chồng là công nhân viên trung cấp, lương bổng trọng hậu, đã tạo dựng nên nhà cửa khang trang và có nếp sống vật chất sung túc hơn người... Đang mộng mơ ngẫm nghĩ chuyện xa gần, dì Ba chợt tỉnh lại khi nghe tiếng reo vui của bé Mai ở ngưỡng cửa. Con bé thưa ngoại rồi sà ngay vào lòng thỏ thẻ:

- Con hổng muốn đi học đâu! con nhớ ngoại quá hà!

- Oái chu choa! cháu tôi nói nghe dễ thương làm sao à! Nãy giờ ngoại cũng trông con về lắm đó!

Bà cháu đang nựng nhau, thì có tiếng điện thoại reo vang, bé Mai nhanh nhẩu nhỏm dậy chạy lên phòng khách chụp điện thoại:

- A lô! a lô! Dạ có! dạ có! Ngoại ơi! ngoại! có cậu Lâm ở Mỹ điện thoại cho ngoại nè!.

Lâm là con của cô em thứ năm, đã cùng đi vượt biên một chuyến với Toàn. Khi Lâm mới rời nước được hai năm thì mẹ cháu chết, mấy năm sau dượng năm đi học tập cải tạo về, theo diện đoàn tụ sang qua Hoa Kỳ với con, nhưng chẳng bao lâu cũng từ trần. Lâm thương dì như thương mẹ nên thỉnh thoảng vẫn gởi quà biếu và điện thoại thăm dì.

- A lô! Lâm hả! dì Ba nè con!

- Dì ơi ! con tính cưới vợ dì à!

- Chà! con nào tốt phước được con chấm vậy Lâm? Việt Nam hay Mỹ vậy con?

- Gia đình bên vợ con gốc gác Cần Thơ, nhưng con vợ của con nói tiếng Việt không rành dì à!

- Ở xứ người mà con! cầu cho được người Việt mình là quí lắm rồi!

- Dì à! Con mồ côi cha mẹ, giờ chỉ còn mỗi mình dì, nên con ước muốn được dì đứng ra làm chủ hôn cưới vợ cho con!

- Đó là chuyện dĩ nhiên rồi! Bây giờ, con muốn dì đi Cần Thơ chánh thức thưa chuyện với người lớn phải không? Con cứ cho biết ngày giờ và địa chỉ, dì sẽ tìm đến lo lắng chu toàn cho con.

- Cả gia đình bên vợ con đều ở Hoa Kỳ dì à! Ý của con là muốn mua vé máy bay rước dì qua đây làm đám cưới! dì ráng đi một chuyến giùm con nghen dì!

Dì Ba đang hăng hái bỗng sượng ngang, dì ú ớ cất tiếng:

- Đi Hoa Kỳ hả? Chuyện khó quá há... Ơ, ơ...

Dì cầm điện thoại mà nghẹn ngào. Dì không nỡ phụ lòng cháu, nhưng sang Hoa Kỳ, thế nào dì cũng "đụng mặt" đứa con trai lớn, rồi chẳng biết phải xử sự làm sao cho vẹn toàn đây. Sau khi rời Việt Nam vài năm, Toàn gởi tiền về nước phụng dưỡng mẹ khá chu đáo. Thuở đó, nền kinh tế trong nước èo uột, nhờ tiền trợ cấp của Toàn, dì sống phong lưu, lại vừa nở mặt nở mày với bà con lối xóm về "thằng con trai chí hiếu" của mình. Một hôm, bỗng Toàn điện thoại về hậm hực vặn hỏi dì: "Con nghe nói dạo nầy má xài tiền sang lắm phải không? Má đãi đằng cả xóm, má đùm bọc chú tư, thím tám, bà hai... má còn bỏ tiền bỏ bạc ra xây nhà cửa cho con Lan nữa phải không?". Thật ra, cậy tiền chu cấp của con nên dì Ba ăn tiêu khá phong lưu, dì cũng thương con gái nên bù đắp cho nó; dì nghĩ bên Mỹ hái tiền rất dễ nên mặc tình khai thác con dài dài, dì hối thúc con gởi tiền, đôi khi dì còn than thở bệnh hoạn để có thêm tiền trợ cấp đột xuất, và lần nào Toàn cũng nhanh nhẹn đáp ứng. Dì không ngờ lần nầy Toàn lại vặn hỏi dì như thế, nên dì sửng sờ khá lâu rồi mới nhỏ giọng gượng gạo giải thích: "Má đâu có ăn xài phí phạm gì đâu, má chỉ giúp vài thân nhân bè bạn, những người mà ngày xưa đã từng tương trợ gia đình mình trong những lúc ngặt nghèo. Ừa thì má có ra tiền sửa cái nhà mà má ở chung trong đó, chớ đâu phải xây nhà riêng cho vợ chồng con Lan ở đâu con! Má biết con làm ra đồng tiền cũng cực khổ nên má dằn đo chi dụng lắm mà, nhưng sống trên đời nầy đôi khi thì mình cũng phải biết phải quấy, giữ vẹn tình nghĩa với bà con lối xóm con à!". Toàn hậm hực: "Tình nghĩa là chuyện của má chớ không phải là chuyện của con. Con muốn má phải hiểu rõ rằng con chỉ có bổn phận với má thôi, má mà mang tiền ra nuôi thiên hạ, thì phải tự kiếm tiền rồi dâng nạp, chớ con không ngu dại gì cung cấp đâu!". Dứt lời, Toàn gác máy cái rụp, không cho dì cơ hội phân bua thêm nữa. Dì Ba đau xót lặng người. Đầu óc căng thẳng, dì suy nghĩ miên man, rồi đoán có lẽ "ai đó" đã thậm thọt mách lẻo với Toàn. Suy cùng nghĩ cạn dì đoan quyết rằng kẻ nhẫn tâm hại dì chỉ có thể là cô em chồng mà thôi. Thuở mới về làm dâu, dì đã từng bị cô em chồng xéo xắt nầy hành hạ tả tơi, đến nỗi, đôi phen dì đã toan cắn lưỡi tự tử mong thoát khỏi cảnh nhục nhằn. Sau khi chồng dì qua đời, dì đã phải vất vả ngược xuôi kiếm sống nuôi con ăn học thì cô em chồng khá giả chẳng thèm ngó ngàng gì đến đám cháu, vậy mà, khi Toàn vinh quang nơi xứ người, thì cô cháu lại xum xoe thân mật nhau, khiến dì nghe thấy mà... "gai con mắt", thế nhưng nếu dì ngăn cản con liên lạc với bên nội thì có vẻ hẹp hòi quá, nên dì đành bấm bụng làm ngơ. Cây muốn lặng mà gió chẳng ngừng, dì muốn yên mà người ta đâu để dì yên. Dì không ngăn cản con

https://tieulun.hopto.org

quà cáp cho "họ", chẳng những "họ" không cám ơn dì, mà còn giở trò đâm thọc độc hại như thế nầy. "Đúng là thứ oan gia nghiệp chướng suốt đời đeo đẳng phá hại mình mà!", dì than thầm. Càng suy nghĩ, dì càng nhớ đến những trận đụng độ ngày xưa, mà dì luôn luôn là kẻ chiến bại gánh chịu nhục nhã dài dài. Từng âm mưu thâm độc, từng cử chỉ thô bỉ, từng lời nói đay nghiến... của cô em chồng cứ thế mà hiện ra khiêu khích dì, khiến dì tức tối điên cuồng mà không thể trút bầu tâm sự cho ai nghe được. Trăm chuyện chỉ vì thằng con trai háo danh, quá ngu được cô dỗ ngọt nịnh nọt tâng bốc đưa lên mây rồi mặc tình to nhỏ đâm thọc, khiến Toàn nổi giận nặng lời với người mang nặng đẻ đau trọn đời đã tận tụy hy sinh cho mình. Càng suy nghĩ dì càng khổ đau ray rứt, rồi bao nhiêu căm hờn dì đem trút ra đầu ngòi bút. Dì hậm hực viết thơ cho Toàn, lời lẽ khá chua cay và tuy không hẳn từ con nhưng dì khẳng định rằng tự hậu dì không cần con chu cấp tiền bạc hay liên lạc săn sóc gì nữa. Mấy ngày sau, cơn giận nguôi ngoai, dì Ba mới nhận thấy phản ứng mình quá đáng, nhưng thơ đã gởi rồi, đâu còn phương cách gì cứu vãn được. Dù sau, dì Ba tin tưởng Toàn đọc thơ mẹ thì sẽ nghĩ lại mà xin lỗi dì, rồi tình mẹ con sẽ đậm đà như xưa. Ngờ đâu, Toàn chẳng thèm trả lời, và kể từ đó, chấm dứt mọi liên hệ với mẹ, không thơ từ, thăm hỏi một tiếng. Dì Ba muốn nối lại tình mẹ con, nhưng bao lần ngần ngừ biên thư, cuối cùng dì đều xé bỏ: mẹ mà phải năn nỉ, cầu cạnh con thì nhục quá! Từ đó, dì Ba đành chấp nhận mất một đứa con yêu. Chuyện đau lòng nầy dì giấu biệt. Dì vẫn ca ngợi với mọi người rằng Toàn là đứa con hiếu thảo đùm bọc mẹ... Dì Ba nhớ chuyện cũ, trầm ngâm chẳng biết phải giải thích sao cho Lâm hiểu, nên cứ im lặng chẳng lên tiếng khiến người cháu sốt ruột hỏi "nhặng" lên:

- Dì Ba ơi! dì còn ở đầu dây không? Dì tính sao dì? Dì đi Mỹ một chuyến nghen dì!

- Dì rất muốn lo cho con, nhưng,... Ơ, ơ, đi Hoa Kỳ đâu phải dễ a con... Nghe nói hồ sơ xuất ngoại khó khăn lắm, mà dì thì không biết một tiếng Ăng-lê, thì làm sao dám đi đứng một mình cho được!

- Con hỏi thăm rồi! bây giờ chánh quyền Việt Nam lẫn Hoa Kỳ giải quyết hồ sơ xuất ngoại cho người lớn tuổi rất nhanh chóng, dì yên tâm vụ đó đi...

- Ơ !..

- Con năn nỉ dì mà ! anh Toàn than nhớ dì lắm, chờ đợi để gặp lại dì chuyến nầy đó! Anh Toàn ơi, xin anh năn nỉ dì giúp tôi đi anh!

Toàn cầm điện thoại bắt song song bên kia đầu dây lên tiếng:

- Con đây má! Con đã bàn với thằng Lâm rồi. Má sẵn qua Mỹ lo đám cưới cho thằng Lâm, gặp mặt tụi con luôn, và cũng cho thằng cháu đích tôn biết bà nội chớ! Má ráng chạy giấy tờ qua sớm cho kịp sanh nhựt thằng Bob luôn thể nhé!

Bất ngờ nghe giọng nói của con, dì mừng mừng tủi tủi ứa nước mắt. Tuy dì tự ái lớn "thà chết không nhận tiền con" nhưng lòng thương nhớ con vẫn tha thiết khôn nguôi, vừa nghe lời nói ôn hòa của con, bao nhiêu giận hờn tức thì tan biến. Giá dù mà có thể chắp cánh bay được, có lẽ, dì Ba cũng bay một mạch qua bên kia bờ đại dương trong chớp mắt để ngắm nhìn đứa con yêu cho thỏa dạ, nên dì vội vã đáp:

- Ừa! má sẽ lo hồ sơ xuất ngoại ngay! Con yên tâm!

- Cám ơn dì Ba! cám ơn dì Ba!

Tiếng Lâm ở bên kia đầu dây mừng rỡ reo vang. Toàn lại lên tiếng:

- Nhân lễ sanh nhựt thằng Bốp, con cũng tính mua vé máy bay cho cô Út qua Mỹ chơi luôn thể, má nghĩ sao?

Dì Ba choáng váng bủn rủn tay chân. Toàn dư sức biết mẹ và cô em chồng nầy tối kỵ nhau, nhưng cớ sao nó lại bày ra chuyện trớ trêu nầy. Không lẽ Toàn thù oán mẹ đến nỗi muốn làm khổ mẹ dài dài suốt cuộc hành trình, để rồi sẽ tìm cơ hội để hạ nhục mẹ trước mặt cô cho bỏ ghét sao? Dì Ba mà biết Toàn sắp xếp cho cô em chồng cùng đi thì "dẫu cho vàng" cũng từ chối, thế nhưng giờ đây, dì đã lỡ hứa, Lâm mừng vui như mở hội thì dì đâu còn cách nào để thoái thác được. Dì đành trả lời buông xụi:

- Ừa! thì tiền của con, con làm sao con làm, chớ má đâu có ý kiến gì!

Cũng may là cô em chồng tuổi chưa đủ sáu mươi nên hồ sơ xuất ngoại bị trở ngại, dì Ba thoải mái ra đi một mình, nhưng niềm háo hức mong gặp lại đứa con yêu không còn nữa. Dì phân vân không biết Toàn sẽ đối xử với mình như thế nào đây?

Sau một ngày dài bó gối, ngồi co ro cúm cẳng, lại phải lăng xăng quýnh quáng lo sợ điếng người trong hai lần đổi chuyến bay tại Đài Bắc và Los Angeles, khi máy bay đáp xuống phi trường Chicago thì dì Ba đã mệt đuối. Dì lê lết từng bước nối đuôi theo đám hành khách bước vào cổng đến, mà chân hầu như muốn khuỵu xuống. Dì dớn dác nhìn quanh, lo lắng phập phòng. "Sao không thấy đứa nào đón rước vầy kìa?", dì run run tự hỏi. Đang hú hồn hú vía, chợt dì Ba thoáng thấy dáng ai như là Lâm chen chúc trong đám đông đang vẫy tay loạn xạ kêu dì, nước mắt tràn ra ràn rụa, dì mừng rỡ gọi cháu nhưng âm thanh bỗng tắt mất để biến thành tiếng nấc nghẹn ngào, mừng mừng tủi tủi. Dì Ba nhanh chân bước tới ôm chầm lấy cháu, cất tiếng:

- Chèn đất ơi! Trông con lạ quắc hà! Con giống dượng năm như hai giọt nước vậy đó! Uả!...

Dì đang tươi cười bỗng chùn hẳn lại. Dì không thấy Toàn đón mình nên buồn hiu, muốn hỏi cho ra lẽ, nhưng khựng lại vì chẳng muốn bộc lộ nỗi niềm riêng. Có lẽ Lâm đoán được phần nào tâm sự của dì, nên vội vã giải thích:

- Dì à! Anh Toàn bận họp hàng tuần với nhóm thị trường chứng khoán của ảnh. Ảnh là lãnh tụ của nhóm nên không thể vắng mặt được. Ảnh căn dặn con rước dì rồi đưa về "lâu đài" của ảnh ngay, kẻo ảnh sốt ruột lắm!

Lời giải thích trên chỉ làm cho niềm đau thầm kín của dì lắng đọng sâu hơn. Dì nghĩ: "Bận rộn đến thế nào dì không biết, nhưng dì biết chắc con mình không chút nhớ nhung mẹ, nên chẳng hề nôn nóng gặp mặt người mẹ già sau gần 20 năm trời xa cách! Ôi! sao con tệ với má quá vậy con!".

Dì Ba lủi thủi theo cháu. Trên đoạn đường thâm thẩm từ phi trường về nhà, Lâm huyên thuyên kể chuyện. Chàng tận tình giới thiệu từng đường phố, từng cao ốc, từng địa điểm lịch sử cho dì, nhưng bà dì chỉ biết gượng gạo gật gù cho qua, vì bao nhiêu tình ý của dì đều lảng vảng xoay quanh bóng dáng chập chờn của đứa con yêu, với nỗi hờn giận giăng giăng. Xe dừng lại tại một ngôi nhà khang trang. Lâm lên tiếng "Tới nơi rồi! nhà to quá phải không dì?". Lâm xuống xe, nhanh nhẹn bấm chuông. Toàn hiện ra trước cửa, lịch lãm sang trọng, hân

https://tieulun.hopto.org

hoan cất tiếng: "Má! má tới nơi rồi!". Bao nhiêu giận hờn vụt tan biến, dì Ba dang hai tay ôm đứa con cưng, nước mắt nước mũi tèm lem, mếu máo:

- Cám ơn Trời Phật! cuối cùng rồi má cũng gặp mặt con! Má nhớ con lắm con biết không?

Bà ngừng lại ngắm nghía con hồi lâu cho đã thèm, rồi mới ngọt ngào mắng yêu:

- Chèn ơi! Hồi con ra đi, con còn nhỏ xíu, ốm nhom hà! Giờ thì con cao lớn, trắng trẻo, đẹp trai hẳn ra vậy đó!

- Hì! hì! Con muốn nhỏ xíu hoài để mặc tình những nhẽo đòi má bồng ẵm như ngày xưa, mà chẳng được đây chớ!

Hai mẹ con cười vang sung sướng. Dì Ba không ngờ nguồn hạnh phúc mà mình chờ đợi bao năm đã đến với mình dễ dàng và tràn trề như thế. Dì rộn rã bước theo con vào nhà. Toàn giới thiệu Mary và Bob, vợ con của chàng với mẹ. Dì Ba cũng tay bắt mặt mừng, nhưng vì tiếng nói không thông, nên buổi đầu kết thân với dâu và cháu nội có phần lợn cợn. Sau đó, Toàn lại hân hoan đưa mẹ đi một vòng "chiêm bái ngôi biệt thự đồ sộ đầy đủ tiện nghi tối tân và sang trọng, cùng cái nhà xe vĩ đại "ngự" hai chiếc xe hơi láng cóng, rồi đưa mẹ đến căn phòng dành cho bà tạm trú, có bình hoa tươi trang nhã đón chào. Dì Ba rộn ràng niềm vui vô cùng vô tận. Dì sung sướng, dì hãnh diện vì Toàn.

Theo chương trình vạch sẵn, tối hôm đó Toàn tổ chức đại tiệc mừng mẹ tại một nhà hàng lộng lẫy nằm trên một tòa nhà chọc trời, từ trên đó khách có thể quan sát được cả thành phố Chicago rực rỡ ánh đèn màu. Thực khách, ngoài gia đình Toàn, còn có Lâm và nhóm đàn em thị trường chứng khoán trên 25 người được mời tham dự để chia xẻ niềm vui đoàn tụ to lớn của mẹ con chàng. Lâm ngồi cạnh dì Ba, thông dịch những lời trao đổi tán tụng của chủ khách cho dì nghe, khiến dì càng nghe càng hỉ hả trong lòng. Tiệc tàn, Toàn hấp tấp đưa mẹ về nhà, đưa bà đến tận phòng ngủ, chúc bà ngủ ngon, rồi lui ra. Dì Ba bịn rịn, muốn níu con lại để mẹ con tâm tình hả hê, nhưng nghĩ kỹ thấy giờ khắc đã trễ, dì lại quá mệt nhọc, nên đành chịu chia tay Dì nhất quyết sẽ tìm được những giây phút riêng tư đậm đà với con vào ngày mai. Sáng hôm sau, dì Ba thức sớm trông ngóng con. Chờ hoài, chờ mãi đến hơn 8 giờ, dì mới mừng rỡ thấy Toàn áo quần tươm tất, từ buồng ngủ bước ra. Toàn hấp tấp hướng dẫn dì đến tủ lạnh chỉ chỏ thức ăn buổi sáng và trưa, rồi ra đi ngay, không dành một khoảng trống nào cho dì hỏi han dông dài chi cả. Dâu cháu cũng lần lượt ra đi, bỏ lại dì Ba một mình một bóng, suốt ngày thơ thẩn buồn tênh trong ngôi biệt thự mênh mông xa lạ, và chỉ biết đếm từng giây từng phút trông ngóng thằng con trai đi làm trở về. Toàn về nhà, thì đã có vợ con tíu tít. Rồi Lâm cũng tựu đến. Cả nhà rần rộ đưa nhau đi ăn cơm chiều tưng bừng náo nhiệt, nhưng cuối cùng, thì dì Ba cũng thui thủi giam hãm một mình trong căn phòng lạnh lẽo, đứa con trai ở phòng bên cạnh mà dì cảm giác như mẹ con dì cách biệt nghìn trùng. Ở Việt Nam thì mẹ con, bà cháu xúm xít bên nhau, chớ đâu có cái cảnh ai ở phòng nấy như thế nầy. Ôi, tuy cùng sống chung một nhà mà dì Ba tìm hoài hoài cái cơ hội riêng tư thuận tiện để tự do bày tỏ tình mẹ con thắm thiết đậm đà ngày xưa mà coi bộ khó khăn quá. Sau mấy ngày băn khoăn tìm hiểu, cuối cùng dì Ba đành phải đau lòng chấp nhận sự thật, sự thật mà dì đã cố tình chối bỏ, chớ đúng ra thì dì cũng đã mường tượng ra điều nầy ngay giây phút đầu tiên gặp con rồi: Toàn vẫn còn giận dì. Trước mặt mọi người Toàn đóng kịch là đứa con có hiếu, vồn vã đón tiếp mẹ, tiệc tùng tưng bừng, ăn xài phong lưu... nhưng tất cả chỉ toàn là hình thức mà chẳng chút thâm tình. Dì đi đường xa mệt nhọc, Lâm lộ vẻ xót xa, còn Toàn thì tuyệt đối không, không một chút lưu tâm nhỏ đến sức khỏe, đến nếp sống của mẹ trong nước. Toàn cũng chẳng màng han hỏi gia đình cô em gái cùng đám bà con họ hàng bên ngoại. Ngược lại, Toàn thường đề cập đến họ nội, và cứ nhắc nhở mãi - có lẽ nhằm trêu tức mẹ - về những số tiền mà Toàn đã vung vãi gởi về chu cấp cho cô út. Tánh tình Toàn xưa nay vẫn thế. Thuở nhỏ, Toàn thương em vô cùng, nhưng đứa em phải tuyệt đối vâng lời, chớ còn dám trả treo chống đối, thì Toàn sẽ làm đủ mọi phương cách để hành hạ tơi bời, cho đến khi nào đứa em phục tùng mới thôi. Bây giờ Toàn đã có danh vọng bạc tiền, có đám đàn em tâng bốc, nên có lẽ Toàn càng sắt đá áp dụng chủ trương nầy. Và do đó, dù là mẹ, có lẽ dì cũng phải tuyệt đối phục tùng Toàn thì mới mong được đứa con đoái hoài. Dì chép miệng thở dài, rưng rưng hai dòng nước mắt, rồi lẩm bẩm một mình: "Má vẫn là má. Má làm sao có thể nịnh bợ tâng bốc con để cầu xin quyền lợi như người ta được! Con cũng biết má quá mà. Tự ái má lớn lắm, đời má chỉ có hai lần mà má phải chịu nhục nhã quy lụy người ta mà thôi. Lần đầu, là cái lần mà con cặp bè cặp đảng mang dao vô trường bị đuổi học, vì tương lai con, má phải lạy lục ông Tổng giám thị, xin cho con học lại. Và lần thứ hai, là lần con vượt biên, má không đủ tiền chung nên phải khóc lóc van nài chủ tàu châm chế. Không lẽ, giờ nầy má lại phải van xin con chút tình thương sao Toàn?". Chiều hôm đó, dì Ba viện dẫn rằng đám cưới đã gần kề, dì có nhiều chuyện cần phải bàn bạc chi tiết trước với Lâm, nên nhất quyết đòi đến nhà Lâm ở đôi ngày.

Nơi Lâm cư ngụ là một chung cư, và tuy cũng đầy đủ tiện nghi, nhưng so với ngôi biệt thự của Toàn thì là cả một trời một vực. Lâm nhường cho dì cái phòng duy nhất và nằm ngủ trên cái ghế dài. Thấy hoàn cảnh cơ cực của cháu, dì Ba ái ngại hỏi:

- Con cũng là kỹ sư như Toàn, tiền bạc chắc con cũng không thiếu. Sao con không mua cái nhà cho rộng rãi?

- Lương hướng thì con với ảnh không khác, nhưng anh Toàn tài ba lắm dì ạ! Anh nghiên cứu thị trường chứng khoán, tiên đoán giá cả lên xuống chắc như bắp, vì vậy nên đám bạn bè chạy theo ảnh mới tôn ảnh là thủ lãnh đại ca chớ. Mấy năm nay ảnh thành công lớn về chứng khoán nên đã kiếm được bạc triệu rồi! Thật ra, thì con cũng có dư chút đỉnh tiền, nếu mua ngay cái nhà nhỏ nhỏ cũng được, nhưng mà con thích ở chung cư để nhớ lại cái thời mới qua Mỹ dì ạ. Thuở ấy tụi con nghèo lắm, chung cư như thế nầy mà chứa đến bốn năm đứa. Cả đám vừa làm vừa học, đầu tắt mặt tối, mặc không đủ ấm, ăn không đủ no, thèm khát một ly cà phê, một lon nước ngọt cũng không dám uống... thiếu thốn như vậy đó, mà anh Toàn vẫn có thể ke re cắc rắc chắt mót từng đồng từng xu, gởi tiền về Việt Nam, cái đó mới đáng phục chớ!

Dì Ba nghe Lâm kể chuyện mà rúng động tâm can. Dì thật không ngờ, thời đó muốn gởi tiền về cho dì, Toàn đã phải chịu khổ sở nhường ấy. Thảo nào, khi nghe dì

https://tieulun.hopto.org

phung phí tiền bạc bừa bãi, Toàn đã có phản ứng khá thô bạo khiến mẹ con giận nhau. Giờ đây, thì dì mới hiểu ra và thông cảm được nỗi hằn học của con ngày trước. Dì cháu chuyện trò vui vẻ, chung cư nhỏ bé thân mật đầm ấm, dì Ba cảm thấy khung cảnh sống ở đây thoải mái hơn những ngày lưu trú tại nhà Toàn nhiều lắm. Lâm đi làm, dì Ba tự nhiên như nhà của mình, dì quét dọn sạch trơn, dì nấu cơm nấu nước chẳng úy kỵ gì cả. Lâm lại chu đáo mang về mấy băng video phim truyện và nhạc tiếng Việt nên dì cũng có thể xem lai rai cho đỡ buồn. Trước ngày đám cưới dì Ba cẩn thận viếng thăm nhà gái, bàn bạc vài chi tiết cho ngày cưới, nhờ vậy, nghi lễ tổ chức ngắn gọn mà vẫn đầy đủ, sui gia tương đắc đậm đà tình thâm, và không khí bữa tiệc cũng vui vẻ rộn ràng. Sau tiệc cưới, phải nhường chỗ cho vợ chồng trẻ hợp cẩn, dì Ba đành "di tản" về nhà con một đêm. Dù đây là đêm cuối cùng của dì tại Mỹ Quốc, mà Toàn vẫn tiếp tục lạnh nhạt như thường lệ. Đêm đó, dì Ba trằn trọc ngủ không yên, dì nghe Lâm kể hoàn cảnh của con ngày mới tới Hoa Kỳ mà thương đứt ruột, nên muốn dẹp tự ái hòa giải với con. Thế nhưng, dì cứ ngại con mình hiểu lầm rằng mình đã hòa giải không do tình thương mà chỉ vì muốn được trợ cấp tiền, nên dì cứ đắn đo mãi, viết rồi lại xé hàng mươi lần mới tạm vừa ý. Dì viết:

"Toàn con,

"Từ bao giờ, hai con vẫn là niềm hy vọng, nguồn vui vô tận của má. Trong nước, má gần gũi với vợ chồng con Lan, thấy chúng nó sung túc, an vui nên má cũng yên tâm phần nào. Lúc đó, má không hiểu đời sống của con ra sao, nên trong lòng vẫn còn chút băn khoăn. Giờ đây, má đích thân thấy được sự thành công của con tại xứ người, má yên tâm lắm, có thể nói niềm vui của má tăng lên gấp bội.

"Đời má bao phen thăng trầm, nhưng khi về già mà được như vầy là phước đức lắm rồi. Con cái thành người, tuổi má đã ngoài 65 kể ra cũng thọ, má còn đòi hỏi gì nữa chứ? Bây giờ, nếu má phải giã từ cuộc đời theo ông bà cha mẹ, má tin rằng mình sẽ thanh thản ra đi không chút bận lòng.

"Má chỉ mơ ước một điều, là một ngày nào đó má sẽ đón nhận được hai tiếng "má ơi!" ngọt ngào thân thương từ thằng Toàn ngày xưa, hy vọng nhờ đó mà cái âm thanh kênh kiệu lạnh nhạt của ông Toàn kỹ sư triệu phú - đang đeo đuổi châm chích đôi tai của má, khiến má tan nát cả cõi lòng - có thể bôi xóa đi được.

"Má thương của con".

Dì Ba xếp thơ để lại trên bàn, tin tưởng có ngày con mình sẽ đọc, sẽ cảm động và mình sẽ đón nhận lại tình mẹ con thiêng liêng ngày trước. Theo đúng chương trình đã đề ra, sáng hôm đó, vợ chồng Lâm đến đón dì Ba ra phi trường, cùng đi với dì đến Los Angeles. Lâm chu đáo đưa dì vào cửa ra sân bay quốc ngoại, chờ chuyến bay của dì cất cánh, mới tiếp tục lên đường đi hưởng tuần trăng mật tại vùng biển San Diego. Dì Ba an tâm về nước với nỗi buồn vui lẫn lộn. Dì sung sướng trở về quê hương, với xóm làng, với thân tộc, để được tung tăng nói tiếng Việt, hồn nhiên suy tư và sống hài hòa trong môi trường và tâm tình quen thuộc của mình. Chuyện gì của nước Mỹ dì sẽ bỏ lại bên Mỹ. Tuy quyết định như vậy, nhưng nỗi hận sầu vẫn đeo đuổi dì, ngày ngày dì thấp thỏm chờ đợi tiếng điện thoại reo, mơ mộng nghe giọng nói thân thương của con mình vọng lại, nhưng tiếng điện thoại đó dì chờ mỏi mòn, mà nó vẫn lặng im...

Dì Ba chôn kín niềm đau chẳng thổ lộ cùng ai, nhưng càng chôn kín thì nó càng ray rứt hoành hành dữ dội. Dì ngã bệnh liên miên, đôi khi trở bịnh trầm trọng tưởng chừng như nguy ngập, thế nhưng bác sĩ thử nghiệm đủ mọi cách vẫn không truy ra bệnh lý. Cuối cùng, dì bỗng sực nhớ đến chùa Thập Phương, ngôi chùa đã từng chở che an ủi dì trong suốt quãng đời u tối ngày xưa. Đi chùa, tụng kinh lễ Phật giúp dì vơi nhẹ đôi phần u uất. Dì lại có dịp thổ lộ nỗi niềm tâm sự cùng thầy, nghe thầy khuyên giải nên lần lần cũng thấm hương vị đạo. Dì bỗng khám phá ra rằng liên hệ giữa vợ chồng con cái chẳng qua là liên hệ của nghiệp báo. Do việc tạo tác: ân, oán, nợ nần... với nhau, mà nghiệp lực mới lôi kéo quây quần bên nhau để mà vay trả, trả vay. Dì nghiệm rõ rằng dì đã hết sức lo lắng cho con, trả nợ cho nó thật đầy đủ. Nợ nần thanh toán sòng phẳng, chủ nợ bỏ đi không đòi hỏi gì nữa, cớ sao mình lại cứ vùng vằng theo đuổi mặt giận mặt hờn đòi trả thêm nợ, để rồi chỉ gây thêm nghiệp chướng chớ nào có lợi chi đâu? Nhờ nghĩ như vậy, mà nỗi hận sầu tan biến lần, và càng ngày dì càng cảm thấy vững chãi thảnh thơi trong sự chở che của Tam Bảo, nên thường quanh quẩn trong chùa lấy việc chấp tác công quả làm nguồn vui.

Tình hình kinh tế tại Hoa Kỳ đang trong thời kỳ cực thịnh, bỗng bắt đầu xuất hiện vài dấu hiệu suy yếu. Giới kinh doanh chứng khoán rất bén nhạy, họ rình rập từng biến động nhỏ của nền kinh tế, nghiên cứu cặn kẽ từng ngành, từng công ty... để bán ra mua vào, vì vậy mà giá cả chứng khoán tùy theo luật cung cầu trồi sụt bất thường, thay đổi từng giây từng phút. Sau khi đánh hơi được sự đình trệ, Toàn và đồng bạn nhanh tay thanh toán phần lớn chứng khoán, và như vậy, tuy họ phải chấp nhận thua lỗ phần nhỏ theo đà đi xuống chung của thị trường chứng khoán nhưng họ đã bảo toàn được phần lớn vốn liếng. Tuy nhiên, những kẻ có máu kinh doanh như chàng thì đâu ai chịu ngồi yên nhìn đồng tiền của mình ù lì không sanh lợi. Toàn cảm thấy có sự thôi thúc phải "tái xuất giang hồ" nên ngày đêm quan sát, nghiên cứu thị trường thật kỹ, rình rập cơ hội lý tưởng để tung tiền ra làm một mẻ lớn thu về bạc triệu mới hài lòng. Vài kinh tế gia nhận định rằng do tình trạng bầu cử Tổng Thống bị kéo dài, đường hướng kinh tế không có người chỉ đạo nên tình trạng đình trệ mới tạm thời xảy ra; nay tranh chấp bầu cử sắp kết thúc, quỹ tiền tệ liên bang lại rục rịch giảm lãi xuất, nên chắc chắn nền kinh tế sẽ có triển vọng khởi sắc trở lại. Tán đồng quan điểm lạc quan nầy, Toàn liền chọn xí nghiệp điện toán Habaco để đầu tư Habaco có lực lượng tài chánh hùng hậu, thị trường quốc tế bao la, sản phẩm đa dạng..., mà trị giá cổ phần hiện tại đã bị trụt từ sáu mươi đồng chỉ còn tròm trèm có bốn mươi đồng, theo chàng thì đây là mức chót không còn cách chi để giảm được nữa. Do đó, Toàn quyết định tung hết tiền dự trữ thu mua loại cổ phiếu nầy. Toàn có lối đầu tư táo bạo là chỉ trả một phần ba trị giá cổ phần, nên có thể thu mua được gấp ba lần số vốn, nhờ vậy nhịp độ lời tăng gấp ba, và nếu lỗ thì cũng nhanh chóng tương tự. Chỉ vài ngày sau giá cổ phần tăng lên năm đồng, nếu muốn ăn non bán ra ngay thì Toàn đã nhấp nhám được vài trăm ngàn rồi, nhưng Toàn dự trù chờ mức lời tăng gấp đôi thì bán cũng không

https://tieulun.hopto.org

muộn. Không ngờ chỉ hai ngày sau trị giá cổ phần bỗng tuột dốc xuống đến sáu đồng. Toàn chỉ lỗ chút đỉnh nếu bán "chạy làng", nhưng chàng cương quyết giữ nguyên trạng vì tin tưởng giá cả sẽ phục hồi trong thời gian ngắn. Thế nhưng trái với dự đoán của chàng, thị trường chứng khoán nói chung xuống dần, xuống nhanh một cách thê thảm, đến nỗi cứ vài ngày thì Toàn phải vận dụng thêm tài chánh để bù đắp phần thua lỗ. Toàn đã lần lượt vét hết tiền trong sổ tiết kiệm, trong các thẻ tín dụng, rồi đến quỹ dự trữ học phí cho con, để bù lỗ mà vẫn chưa đủ, chàng bèn nghĩ đến tư trang và tiền riêng của vợ, nhưng năn nỉ thế nào con Mary cũng chẳng xiêu lòng. Khi trị giá cổ phần công ty Habaco xuống còn mười Mỹ kim, Toàn không "đào" đâu ra tiền mặt bù lỗ nữa nên đành để cho công ty môi giới đầu tư đem cổ phiếu của chàng ra thanh toán trừ nợ. Thế là chỉ trong vòng bốn tháng, từ một nhà triệu phú Toàn đã trở thành kẻ trắng tay. Đau đớn một điều, là chỉ ngay ngày hôm sau giá cổ phần đã tăng lên liên tiếp và tạm ổn định ở mức mười bảy, mười tám Mỹ kim. Do đó, nếu Mary chịu mở hồ bao cứu nguy chồng kịp thời thì toàn bộ cổ phiếu đã được bảo toàn, sự nghiệp của chàng đâu đến nỗi tiêu tan như thế nầy. Toàn hận vợ vô cùng, nên tuy trong lòng cố gắng giữ hòa khí mà nỗi ấm ức thỉnh thoảng cứ trào ra, thành thử tình cảm vợ chồng đã bắt đầu sứt mẻ. Đúng lúc đó thì xí nghiệp của Toàn bị lâm nguy, thợ thuyền bị sa thải hàng loạt, Toàn tưởng mình đã may mắn thoát nạn, nào ngờ chương trình cắt giảm sở phí lan dần đến nhóm chuyên viên, để rồi cuối cùng chàng cũng lâm vào cảnh mất việc. Thất nghiệp, tù túng, thiếu hoạt động, mất bạn bè, Toàn bực bội trong lòng, lúc nào cũng muốn gây sự, không khí gia đình vì vậy mà đâm ra ngột ngạt khó thở. Giận vợ, Toàn bỏ sang phòng dành cho khách ngủ, phòng nầy từ khi mẹ chàng trở về Việt Nam vẫn bỏ trống và chẳng ai có nhu cầu bước vào. Toàn bất ngờ khám phá được bức thơ mẹ để lại. Toàn đọc thơ trong sự xúc động nghẹn ngào. Mẹ chàng trọn đời thương yêu, tận tụy hy sinh cho chàng, bà viết thơ rầy la chàng tuy có hơi nghiêm khắc, nhưng bà là mẹ, bà rầy la chẳng qua vì thương yêu dạy dỗ chớ nào có ý ghét bỏ con, cớ sao ta lại có thể giận hờn mẹ, đối xử với mẹ tàn tệ như vậy kìa? Toàn muốn chụp điện thoại liên lạc với mẹ ngay, nhưng một chút hổ thẹn bỗng len lỏi trong lòng, khiến chàng ngừng lại. Toàn nghĩ: "Lúc hưng thời thì giận hờn ghét bỏ mẹ, rồi chờ đến lúc thất thời mới biết hồi tâm thương mẹ, thì kỳ cục quá đi!". Một hôm Toàn thấy trong mớ thơ vừa nhận, có giấy tờ của trường trung học gởi cho cha mẹ học sinh. Bấy lâu nay, bận rộn làm ăn Toàn bỏ xụi việc dạy dỗ chăm sóc, theo dõi con học hành cho vợ, nay nhân lúc rảnh rang chàng bèn tò mò mở ra xem. Phong thơ gồm bản thông báo kết quả kỳ thi lục cá nguyệt của con, theo đó thì hai môn Anh Văn và toán quá kém, khiến chàng vừa lo vừa giận. Hai mẹ con vừa đưa nhau về nhà, thì Toàn liền chỉ tay vào mặt thằng con hùng hổ hét:

- Thằng đầu bò! Mầy giống ai mà ngu quá! Anh văn và toán là những môn dễ ợt mà bị điểm C là sao?

Bob sợ điếng, núp vào mẹ né tránh, không dám hó hé lời nào. Mary bực bội nhìn chồng, rồi lừng khừng cất tiếng:

- Nó ngu giống ai tao không biết, chớ chắc chắn không giống tao rồi. Tao đâu có ngu như người ta vậy?

- Mầy nói như vậy là cố ý nói tao ngu, phải không?, Toàn sừng sộ.

- Không dám a! mầy khôn lắm lắm! Khôn quá mức cho nên mới mang hết tài sản ra mua thứ cổ phiếu mắc toi làm tiêu tan cả sự nghiệp chớ?

Toàn chịu đựng hết nổi. Chính con vợ đã không chịu lòi tiền ra yểm trợ chàng trong phút lâm nguy nên chàng mới tiêu tan vốn liếng, vậy mà, nó còn dám lớn tiếng chửi chàng ngu thì làm sao chàng chịu đựng nổi. Toàn giận dữ chửi thề một tiếng, bước tới "xán" cho vợ một tát tay, đoạn vội vã bỏ vào phòng đóng cửa cái rầm. Chàng biết mình đã có hành động lầm lỡ tai hại nên cố gắng im lặng mặc cho mụ vợ la hét ở bên ngoài... Tính nết của Mary chẳng hiền tí nào. Mụ chửi bới ỏm tỏi, đập phá đồ đạc lung tung, rồi dộng cửa phòng rầm rầm thách thức chồng bước ra đấu sức. Chồng nhịn nhục, cửa đóng then gài khiến mụ điên tiết hơn, mụ gọi Cảnh sát khẩn cấp 911 tố cáo vụ hành hung. Chỉ nội trong vòng hai tiếng đồng hồ thì cảnh sát đã đến nhà. Sau khi nghe lời khai thêm thắt của Mary và Bob, họ gõ cửa phòng gọi Toàn ra, còng tay chàng dẫn đi ngay, không màng nghe một lời biện bạch. Đêm trong tù dài vô tận. Đau đớn, nhục nhã, ê chề, Toàn trằn trọc thức trắng đêm, thỉnh thoảng buông tiếng thở dài não nuột, kèm theo lời lẩm bẩm thở than: "Thôi hết rồi. Mình đã mất hết rồi. Mất tiền, mất việc, mất luôn cả vợ cả con. Ôi! thật không ngờ người đàn bà mà mình yêu mê say đắm, đã cùng nhau chia xẻ ngọt bùi trong mười mấy năm trời lại đang tâm hại mình như thế nầy. Ôi! còn cái thằng con duy nhứt mà mình nâng niu như trứng mỏng, chỉ vì một lời rầy la, mà đã hùa theo mẹ phản lại cha mình!"...

Sáng hôm sau, Toàn được trả tự do về nhà. Chàng điên tiết nhìn con vợ hung dữ, muốn trị tội nó mà chẳng biết ra tay cách nào cho ổn. Chắc Mary cũng lo ngại nên nàng dẫn con đi mất. Đến chiều Mary về nhà, có nhân viên công lực đi kèm. Nhân viên công lực tống đạt cho Toàn án lịnh Tòa án, theo đó, viện dẫn lý do bảo vệ an ninh cho người đàn bà yếu đuối, Tòa cấm Toàn không được đến gần vợ trong vòng một dặm. Điều đó, có nghĩa là Toàn phải cuốn gói đi ngay trước sự giám sát của nhân viên công lực. Toàn chỉ kịp dồn quần áo vào va-li, xách thêm cái cặp nhỏ đựng giấy tờ, rồi ra xe lái đi. Trong khi soạn giấy tờ Toàn lén nhét khẩu súng ngắn tùy thân vào cặp, và cũng cất vào đó xâu chuỗi có tượng Quan Âm mà chàng chợt khám phá ở góc tủ. Tượng nầy mẹ Toàn đã ân cần trao cho chàng ngày vượt biên, từ ngày cưới vợ khác đạo chàng đã bỏ bê không đeo nữa, nay vô tình gặp lại mới nhớ ra. Toàn lái xe ra đi trong hoàn cảnh vô cùng bi đát: không nhà cửa nghề nghiệp vợ con, không tiền bạc, không một người bạn tâm giao đỡ đần trong cơn hoạn nạn, còn mớ thẻ tín dụng thì chẳng còn giá trị gì nữa. Toàn phóng xe như bay, lái theo phản ứng chớ chẳng biết sẽ đi đâu, về đâu. Đầu óc chàng sôi động rối ren như một bãi chiến trường: nỗi thất vọng, thù hằn, chua xót, nhục nhã, tiếc thương... thay phiên ngự trị tâm tư chàng và ý nghĩ chết thì thường trực lảng vảng trong đầu. Bất chợt thấy một công viên cây cối um tùm ở vùng ngoại ô hiện ra trước mặt, Toàn vội quanh xe lái vào. Công viên vắng tanh. Toàn gục đầu ngồi trên băng đá, miên man suy nghĩ. Biến cố đau thương dồn dập khiến Toàn điên cuồng, thù hận căm căm, sôi sục trong đầu ý tưởng bắn giết trả thù, mà trả thù ai đây? trả thù cả xã hội loài người

https://tieulun.hopto.org

chăng? trả thù cái đám môi giới đầu tư chứng khoán chăng? hay chỉ riêng con vợ hỗn hào của chàng? Giết người đâu có lợi gì cho mình, vả lại, vợ chết ai sẽ lo cho con đây? Hành động nào suy cho cùng cũng không ổn cả, trừ khi mình chết thì mới mong được yên thân mà thôi. Ý nghĩ tự tử vừa lóe trong đầu thì Toàn liền mở cặp, mân mê khẩu súng, rồi chầm chậm chĩa vào màng tang bóp cò. Cò súng kẹt cứng. Toàn sực nhớ lại, kéo khóa an toàn rồi đưa súng lên bóp cò lần nữa. Cò súng vẫn kẹt không nhúc nhích. Kiểm soát lại bộ phận cò súng, Toàn bỗng chứng kiến một sự việc kỳ lạ khó tin hiển hiện trước mắt chàng: chẳng biết bằng cách nào, sợi dây chuyền có tượng Quán Thế Âm đã chui vào bộ phận cò quấn chặt, khiến cò súng không xê dịch được. Chàng có ngờ đâu, pho tượng mà chàng không hề tin tưởng, vượt biên mang theo chỉ vì muốn chiều lòng mẹ, nhưng trong giờ phút nghiêm trọng nầy, đã hiển linh cứu mạng chàng. Toàn xúc động ngắm pho tượng, một cảm giác yên ổn kỳ diệu xâm nhập tâm tư Toàn nắm chặt tượng, khóc như mưa, khóc thay cho tiếng lòng nức nở kể lể nỗi đớn đau sầu tủi của mình. Những giọt nước mắt đã giúp Toàn vơi đi phần nào nỗi đau thương, chàng lấy lại chút bình tĩnh nên ý nghĩ tự tử không còn nữa. Chàng nghĩ mình phải sống vì mẹ, và phải quyết tâm làm cái gì cho mẹ vui để chuộc tội lỗi ngày xưa mới được. Toàn lái xe rời công viên. Chàng đang phân vân chẳng biết đi về đâu, bỗng sực nhớ đến Lâm, vội lái xe đến nhà người em bạn dì. Lâm mới mua ngôi nhà ba phòng khá rộng, nhưng không biết anh ta có chấp nhận cho chàng tạm trú vài ngày không? Vợ chồng Lâm tiếp đón chàng niềm nở. Sau khi nghe Toàn kể lể hoàn cảnh đớn đau của mình, Lâm an ủi:

- Câu chuyện của anh tuy đau buồn nhưng không có gì bi đát cả, xin anh đừng nãn lòng. Anh nhớ không? ngày xưa anh em mình qua đây không tiền bạc, không hiểu biết tiếng Anh, mà mình còn sống được. Còn bây giờ, anh có cấp bằng đại học, có xe, có trợ cấp thất nghiệp trong khi chờ xin việc, vả lại, tiền bạc anh mất nhiều nhưng đâu có hết, anh còn tiền hưu trí trong quỹ 401K mấy trăm ngàn nữa chi... Anh cứ tạm sống với tụi em một thời gian, từ từ sắp xếp lại mọi việc. Theo em, chuyện nan giải là chuyện hàn gắn đổ vỡ gia đình, chớ còn chuyện gầy dựng lại sự nghiệp như xưa, với khả năng của anh thì nào có khó khăn gì!

Thời gian gần đây, Toàn chỉ thân tình với nhóm bạn chứng khoán, đến lúc lâm nguy, họ bỏ rơi chàng như một con chó ghẻ, trái lại, người em bạn dì mà chàng lơ là thì vẫn đối xử với chàng đậm đà thắm thiết như xưa. Toàn vừa cảm thấy hổ thẹn vừa xúc động dạt dào, ấp úng cất tiếng:

- Cám ơn Lâm! Không có em cứu nguy thì chắc chắn anh đành chịu cảnh ngủ bờ ngủ bụi rồi! Anh làm sao có thể thuê nhà gắp trong hoàn cảnh tiền bạc eo hẹp nầy!

- Anh em trong nhà mà ơn nghĩa gì anh? Nhà em dư đến hai phòng! có anh ở chung thì vui nhà vui cửa chớ có thiệt thòi gì cho em đâu?

Từ đó, Toàn yên thân nương náu tại nhà Lâm. Lâm lo lắng cho Toàn rất chu đáo, ngoài nhu cầu ăn ở, Lâm còn bảo bọc cả những chi tiêu lặt vặt, và luôn luôn an ủi nâng đỡ tinh thần Toàn, nhờ vậy, lần lần Toàn hồi phục lại niềm tự tin và sự khôn ngoan sáng suốt ngày trước. Toàn nghĩ rằng trước khi bắt đầu xây dựng lại sự nghiệp, chàng cần ổn định mái ấm gia đình. Vì vậy, chàng liền liên lạc với vợ tìm phương hòa giải, nhưng tình cảm vợ chồng đã rạn nứt vô phương cứu chữa, nhứt là sau khi chàng biết rõ là chỉ sau một tuần chia tay thì Mary đã nhanh nhẩu cặp tay tình nhân đú đởn khắp nơi rồi. Sau nhiều phen điện thoại thương thảo, cuối cùng cả hai đồng tình ly hôn và cũng thỏa thuận phân chia tài sản, theo đó Toàn chỉ được giữ một xe, Mary giữ con và tất cả tài sản còn lại, trong đó có nhà, xe hơi, chiếc ca nô, tư trang và các trương mục đứng tên riêng. Toàn có điểm lợi là giữ nguyên được tiền trong quỹ hưu bổng 401K và không phải cấp dưỡng đồng nào vì đang là kẻ thất nghiệp chẳng có lợi tức. Mất vợ, mất con tuy đau lòng nhưng sau khi giải quyết xong chuyện gia đình Toàn nghe lòng nhẹ nhõm ra. Chàng bắt đầu lập hồ sơ xin trợ cấp thất nghiệp. Tiền trợ cấp thất nghiệp đủ cho chàng sống khuây khỏa, nên chàng dự định sẽ nghỉ ngơi một thời gian, chờ tinh thần thật ổn định rồi mới xin đi làm lại.

Từ ngày thoát chết một cách mầu nhiệm, lại hiểu được nhân tình thế thái, lòng háo hức lợi danh của Toàn suy giảm lần. Giờ đây, chàng chỉ ước mơ một nếp sống bình thường, miễn là không đến nỗi thiếu hụt, hầu có đủ thời giờ dành cho việc tu dưỡng thân tâm, tìm hiểu sâu rộng Phật Pháp và hành trạng của vị Bồ Tát mà chàng hết lòng tin tưởng. Do đó, hàng ngày chờ lúc gia chủ đi vắng chàng thường đến bàn thờ Phật có tôn trí tượng Bồ Tát Quan Âm để lễ bái, và nghiền ngẫm quyển Phổ Môn Giảng Lục của Pháp Sư Bảo Tịnh, do Hòa thượng Trí Nghiêm dịch ra tiếng Việt, mà chàng vô tình tìm thấy trong tủ sách. Nhờ đọc Phổ Môn giảng lục, Toàn thâm hiểu phần nào diệu nghĩa phẩm Phổ Môn, lòng ngưỡng mộ hạnh nguyện "linh cảm tầm thanh cứu khổ cứu nạn" của Bồ Tát Quán Thế Âm ngập tràn, từ đó, Toàn bỗng tha thiết mong chiêm bái thánh địa Phổ Đà Sơn để đảnh lễ Bồ Tát. Lâm cũng khuyến khích chàng, nhân lúc rảnh rang nầy, nên đi du lịch một chuyến sang Trung Quốc. Từ đây về Việt Nam, chỉ trả thêm chút đỉnh tiền, sẵn dịp nầy cũng nên về thăm lại đất nước thân yêu. Theo gợi ý nầy, Toàn lấy vé hàng không đi Thượng Hải, chàng viếng thăm Tô Châu, Hàng Châu, rồi đến Ninh Ba dùng tàu tốc hành đến Phổ Đà lưu trú tại khách sạn Tức Lai tiểu trang một tuần lễ. Toàn đến đảo Phổ Đà vào một chiều thu tuyệt đẹp: biển xanh, trời trong cao ngất, mây trắng lửng lơ. Cảnh trí ở đây xinh tươi trang nhã vừa phảng phất một bầu không khí mầu nhiệm thiêng liêng, tạo cho khách hành hương cảm giác lâng lâng thanh thoát. Toàn được hướng dẫn viên lần lượt đưa đi chiêm bái các thánh tích trên đảo: tượng Quan Âm Nam Hải bằng đồng cao 33 thước, Quan Âm khiêu (vết chân Bồ Tát trên tảng đá), Quan Âm tử trúc (rừng trúc tím), Phạm Âm Hải Triều Âm động, Viện Quan Âm Bất Khẳng Khứ, các chùa Phổ Tế, Pháp Vũ và Huệ Tế. Theo người hướng dẫn thì nơi nào cũng có truyền thuyết về sự thị hiện mầu nhiệm của Bồ Tát, Bồ Tát luôn luôn thị hiện cho những kẻ có lòng thiết tha mong cầu được gặp Ngài. Ở địa điểm nào, Toàn cũng chân thành đảnh lễ Bồ Tát, thiết tha niệm danh hiệu của Ngài và thành khẩn mong được thấy Ngài thị hiện. Toàn nghĩ mình đã có đại nhân duyên từng được Bồ Tát cứu khổ cứu nạn, nên tin chắc cũng sẽ có duyên để gặp Ngài thị hiện. Thế nhưng, tuy đã thành khẩn lễ bái khấn nguyện bao ngày tại động Hải Triều Âm và rừng trúc tím mà Toàn vẫn chưa thấy dấu

https://tieulun.hopto.org

hiệu gì khác lạ. Dù vậy, Toàn vẫn không nãn lòng. Ngày cuối cùng, Toàn còn nấn ná đến chùa Phổ Tế, điện Viên Thông chiêm bái lần chót trước khi rời đảo. Điện Viên Thông nổi tiếng với pho tượng Quan Âm cao trên 8 thước, hùng vĩ hòa ái. Toàn thành kính chiêm ngưỡng tượng. Chàng có cảm giác là càng chiêm ngưỡng chàng càng đón nhận được lòng từ bi vô lượng của Bồ Tát ban phát cho chàng, khiến chàng xúc động nước mắt lưng tròng, pho tượng qua làn nước mắt trở thành lung linh sắc vàng rực rỡ. Toàn đi kinh hành quanh tượng, chàng tiếp tục chiêm ngưỡng "Quan Âm tam thập nhị ứng tùy hình", tức 32 hình tướng mà Bồ Tát tùy duyên hóa hiện để cứu độ chúng sanh. Chàng nghĩ mình phải tạc dạ 32 hình tướng nầy, thì khi gặp Bồ Tát thị hiện mình mới không bỏ lỡ cơ hội thấy Ngài. Vừa quan sát từng hình tướng, Toàn vừa thầm khấn nguyện: "Con chưa có duyên để thấy Ngài thị hiện nơi đây, nhưng con luôn luôn tin tưởng rằng ngày nào đó Ngài sẽ thị hiện cho con thấy một lần tại chốn khác". Bỗng nhiên, Toàn nghe nhà sư già đứng cạnh bên lẩm bẩm một mình: "Sao chỉ tạc có 32 tượng? 32 tượng thì ít quá!". Tượng tạc theo tinh thần phẩm Phổ Môn, vậy mà nhà sư nầy dám chê bai là ít, thật là sai lầm, Toàn nghe chói tai không chịu được, bèn bực bội lên tiếng:

- Vậy theo sư thì bao nhiêu tượng mới đầy đủ?

- Hà! hà! Bồ Tát tùy tâm chúng sanh biến hiện để cứu độ, mà tâm chúng sanh thì muôn vàn sai khác, ưa thích vô lượng vô biên hình tướng, nên Bồ Tát cũng phải ứng hiện vô lượng vô biên hình tướng để cứu độ...

Toàn nghe câu nói của lão tăng mà rúng động cả châu thân, liền cung kính thưa hỏi:

- Thưa thầy! như lời thầy dạy thì Bồ Tát Quan Thế Âm thị hiện dưới muôn ngàn hình tướng khác biệt chớ không phải chỉ hạn cuộc vào 32 hình tướng nầy mà thôi?

- Đúng vậy! Quan Âm thị hiện đủ mọi hình tướng và ở khắp mọi nơi nên mới có câu:

Ao nào cũng có ánh trăng
Nhà nào cũng có Quan Âm hiện tiền

Tóm lại, ai cũng đã từng đối diện với Quan Âm, nhưng có người thấy và có người không bao giờ thấy?

- Thưa thầy! mình phải tạo nhân duyên nào thì mới thấy được Ngài?

- Phải tập nhìn, tập lắng nghe cái khổ của thế gian, tập hạnh từ bi cứu khổ cứu nạn thì vô lượng vô biên ứng hóa thân của Bồ Tát sẽ thị hiện ràng ràng trước mắt.

- Thưa thầy! theo nghĩa nầy thì con cũng đã từng hội kiến với Bồ Tát Quan Âm mà con không biết, phải không thầy!

- Đúng vậy!

- Con sẽ ráng học hạnh lắng nghe, hạnh từ bi, nhưng e rằng đạo đức của con hèn kém, con sợ mình chưa đủ đạo lực để nhận biết, thầy ạ! Xin thầy gia ơn chỉ cho con biết Quan Âm mà con sẽ gặp hình dáng như thế nào? Con năn nỉ thầy mà!

- Ơ! Con sẽ gặp vị Quan Âm đó ở miền Nam nước Việt. Khi gặp Ngài, tâm con sẽ an ổn vui mừng, thầy tin con sẽ nhận ra Ngài ngay kia mà!

- Xin thầy làm ơn dạy rõ thêm chi tiết! Con sợ con sơ sót bỏ lỡ cơ hội và nhìn không ra Ngài được!

- Ơ!... đó là người đàn bà, mặc áo lam, chân tay lem luốc, không giày dép, tóc rối, mặt mày vô cùng hớn hở...

Toàn đang mừng rỡ lẩm nhẩm ghi nhận kỹ từng chi tiết nầy, chợt thấy vị sư già thoăn thoắt bước đi. Chàng vội vã bước theo ngay nhưng mới đó mà nhà sư đã mất dạng trong đám khách hành hương đông đảo rồi. Chừng suy nghĩ lại, nhớ từng câu đối thoại, chàng bỗng ngẩn người tự hỏi: "Chẳng biết vị sư già đã đối thoại với mình bằng thứ ngôn ngữ nào? dường như không phải tiếng Việt, tiếng Mỹ, vậy thì làm sao mình nghe hiểu được kìa? chẳng lẽ mình đã mơ trong khi đang ngắm tượng?".

Tỉnh hay mơ không cần biết, Toàn một mực tin theo vị sư già, nên đổi lộ trình về thẳng Saigon, chớ không ghé Hà Nội như đã dự định. Đến nơi, chàng nôn nóng lặn lội khắp hang cùng ngõ hẻm trong thành phố hàng hai tháng trời mà vẫn không tìm đâu ra hình bóng người đàn bà áo lam hội đủ những chi tiết cần thiết. Kẻ mặc áo lam thì đầu tóc, giày dép tươm tất còn kẻ đầu bù tóc rối, chân đất thì chẳng mặc áo lam. Điểm quan trọng khác là chàng chẳng tìm đâu ra được người có dung nhan vui tươi hớn hở và có thể tạo cho chàng niềm an lạc cả. Toàn trở lên miền Đông, rồi lần lượt xuống khắp các tỉnh miền Tây, cuối cùng, về đến Rạch Giá nhưng vị Bồ Tát mà chàng nôn nao tầm cầu vẫn biệt tăm. Thất vọng não nề, Toàn xách hành lý lửng thửng tìm đường về nhà mẹ. Thấy anh ngơ ngác đứng trước cửa, Lan không tin ở mắt mình, giụi mắt nhìn kỹ, rồi mừng rỡ rú lên:

- Anh hai! anh về sao không báo tin trước để em đón!

- Hà ! Hà ! anh muốn cả nhà ngạc nhiên kia mà! Ủa! má đi đâu vậy em?

- Mai! thưa cậu Hai đi con. Rồi con chạy rút, báo tin với ngoại là cậu hai đã về nghen con!

Con bé thưa cậu, rồi phóng lên chiếc xe đạp đi ngay Toàn lại lên tiếng:

- Má ở đâu em hãy cho anh biết. Anh muốn đi đến đó thăm má liền bây giờ!

- Má thường trực ở chùa Thập Phương! Chùa cách nhà chỉ độ chừng năm phút, nếu anh muốn gặp gấp thì em đưa anh đi ngay.

Lan khóa cửa, đèo anh trên chiếc xe gắn máy lái đi. Vừa tới cổng chùa, Toàn đã nghe tiếng bé Mai réo bà ngoại ỏm tỏi:

- Ngoại ơi! ngoại! cậu Hai ở bên Mỹ về! Cậu hai về nhà rồi ngoại ơi!

Chùa đang có khóa hạ, ban trai soạn làm việc khá cực nhọc. Dì Ba đang đầu bù tóc rối hì hục rửa mớ nồi niêu trong nhà bếp, chợt nghe tiếng cháu ngoại reo vang, dì mừng quýnh, nước mắt tuôn tràn, không kịp xỏ chân vào dép, tức tốc chạy ra cổng, hớn hở ôm con:

- Con! Con thương của má!

Bà nắm tay con thật chặt, chắc sợ con mình vuột mất chăng? Toàn hiểu như vậy và xúc động toàn thân, một cảm giác an lạc kỳ lạ tràn ngập trong lòng. Chàng cất tiếng gọi: "Má!", rồi chàng ngắm nhìn bà thật kỹ. Bà mặc chiếc áo vạt hò màu lam cũ kỹ, chân đất, tay dính lọ lem luốc, tóc rối lỏa xỏa, đang rạng rỡ nhìn con không chớp mắt. Toàn hơi sửng sốt, rồi bỗng sực hiểu, chàng ôm chầm mẹ thổn thức: "Thì ra Quan Âm Bồ Tát là má! Má chính thật là Bồ Tát Quan Âm của con, vậy mà trước kia con đui mù chẳng biết!". Chàng thầm nghĩ : "Khi mình đã "mở mắt" thấy được một hình tướng Quan Âm, thì có lẽ mình sẽ có đủ khả năng khám phá biết bao nhiêu Quan Âm đã hiện hữu trong cõi đời nầy. Ờ nhỉ! đối với mình thì Lâm chẳng phải là một Quan Âm đã an ủi, chở che, cứu khổ, cứu nạn mình sao?

(nguồn: Bodedaotrang.com)

https://tieulun.hopto.org

Già ơi, chào mi !

• Nguyễn Văn Sở

(Đặc biệt tặng các bạn đang già hoặc sắp già của tôi)

Anh em chúng ta người trước kẻ sau ai rồi cũng già. Làm sao tránh được! Đã có "sinh" là có "lão". Một giai đoạn tất yếu của cuộc sống. Nếu ngày đầu tiên mình sinh ra mà đã biết nghe, biết nói, nếu có ai bảo rằng mỗi ngày mình lớn lên là một ngày mình sẽ già đi, và tiến dần về cõi chết, chắc chắn là mình đã không tin. Tại sao lại bi quan vậy? Nói chi chuyện già tưởng nghe như lối đặt câu với mệnh đề giả định trong một lớp học ngoại ngữ, ngay trong những giai đoạn trưởng thành từ thuở niên thiếu cho đến khi lăn lóc vào đời, có mấy ai ngừng lại vì những bận tâm liên quan đến lão suy hay lão hóa, trừ những thiền sư hay những chú tiểu trong chùa. Dòng sống cứ thế mà cuốn trôi đi, mỗi kiếp nhân sinh như một chiếc lá giữa dòng, trôi từ đầu nguồn ra sông, ra biển. Đâu có như con cá hồi (salmon) sau năm năm ở biển lại quay ngược trở về nguồn để sinh, để chết!

Trong lớp sinh lý học phổ thông, học sinh trung học đã được biết về tiến trình già-chết của các tế bào trên thân thể con người. Từng giây, từng phút. Nhưng biết để mà biết. Đó chỉ là chuyện tăng trưởng và đào thải trong thân thể con người! Hay trong lớp siêu hình học nhập môn, khi nêu lên những vấn nạn về cuộc sống như "Ta là ai?", "Ta từ đâu tới?" hay "Ta sẽ đi về đâu?", thì cũng chỉ là để đáp ứng một nhu cầu giới hạn nhất định trong phạm vi lớp học. Rời khỏi trường rồi, còn mấy ai nhớ những buổi hăng say thảo luận về các vấn đề triết lý trừu tượng ngày xưa? Còn bao nhiêu chuyện quan trọng, bức bách hơn. Chuyện bây giờ lo đã muốn bức hơi, đa mang chi chuyện của ngày mai, chưa tới.

Nhưng cái già nó vẫn tới và tới với mình chầm chậm, từ từ. Nhiều khi nó đến rồi mà mình vẫn chưa hay. Sở dĩ như vậy là vì hình như ai cũng phải qua một giai đoạn tự phủ nhận (self-denial) trước khi chịu nhận là mình bắt đầu già. Giai đoạn này dài ngắn còn tùy ở cá tánh và hoàn cảnh của mỗi người. Thật sự ra phải nói là cũng có người tuy tuổi đời còn thấp, nhưng trong cách suy nghĩ hay ứng xử xem ra thì đã có những phản ánh tiêu biểu của người già như phản ứng chậm chạp, nói năng lẩm cẩm, xoay trở vụng về, để đâu quên đó, còn đi lại thì như là người chỉ còn nửa bầu sinh khí. Lại cũng có người tuy tuổi tác đã cao nhưng lúc nào cũng mau mắn, nhanh nhẹn, nói năng mạch lạc, lớp lang, đầu óc minh mẫn, sáng suốt, ưa thích những sinh hoạt ngoài trời như tắm biển, chơi thể thao, sẵn sàng tham gia các buổi họp mặt với bạn bè, không quá ngần ngại, đắn đo trước những chuyến đi xa, bao giờ cũng sốt sắng, vui vẻ, lạc quan, biết sống trọn vẹn với cái bây giờ thay vì bận bịu, lo toan về cái tương lai, chưa tới.

Trong phạm vi bài này tôi không muốn kể lại đây những nhận định của các nhà chuyên môn về tuổi già và người già khi họ giải thích "thế nào là già" hoặc "tại sao ta già". Tôi chỉ muốn chia xẻ một số ghi nhận của chính bản thân mình, một người cũng đã quá cái ngưỡng 60, về những biến đổi tâm sinh lý trong con người mình cũng như về những khó khăn khi đối phó với những dấu hiệu biến đổi đó trước khi chấp nhận "chung sống hòa bình" với nó. Do đó mà có cái tựa đề như trên là "Già Ơi, Chào Mi!".

Tục ngữ Anh có câu "A man is as old as he feels, and a woman as old as she looks", nghĩa là cái già của đàn ông tùy thuộc vào cảm nghĩ của chính anh ta. Nếu anh ta vẫn cảm thấy mình trẻ trung, khỏe mạnh, thì tuổi tác có quan hệ gì đâu. Cũng như đối với người đàn bà, nếu dung nhan vẫn tươi tắn, mặn mà thì già trẻ cũng thế thôi, nhắc đến làm chi. Tựu trung già hay không là tùy ở cái đầu của mình. Bởi thế tôi rất tâm đắc với câu trích dẫn (không có ghi rõ tác giả) sau đây trong tập sách "Già ơi! Chào bạn!" của BS Đỗ Hồng Ngọc mà Anh Hà Quí Phú, một bạn đồng nghiệp cũ cùng tuổi ở Đà Nẵng, vừa gởi cho: "Age is mostly a matter of the mind! If you don't mind, it doesn't matter" (Tuổi tác là chuyện cái tâm, nếu ta không thèm quan tâm, chả có vấn đề tuổi tác!)

Nếu mình ngồi lại với nhau và hỏi nhau "Bạn thấy mình già từ lúc nào?" thì chắc chắn là mỗi người sẽ trả lời một cách, không ai giống ai. Nói như một người bạn của tôi, anh Tôn Thất Khoát: "Nếu ra bãi biển Santa Monica hay Malibu mà tình cờ được xem một màn quay "Baywatch" với những nữ tài tử trẻ trung, hấp dẫn trong show này diễn xuất bằng xương bằng thịt ngay trước mắt mình, nhởn nhơ, khêu gợi, mà trong lòng vẫn thấy dửng dưng, nguội lạnh thì phải nhận là mình đã già". Tếu, nhưng không phải là hoàn toàn sai. Khi chất testosterone trong cơ thể mình đã càng ngày càng khô cạn thì phản ứng như vậy đâu có gì là khó hiểu! Thật sự ra đối với các nhà khoa học thì dấu hiệu sinh lý của tuổi già đã được nghiên cứu từ lâu. Đại loại, nếu bỏ qua các giai đoạn chuyển tiếp từ tuổi 20 đến tuổi 60 mà chỉ so sánh một người đã quá 60 với thời anh mới 20 tuổi, thì theo Curtis Pesman, tác giả cuốn "How a Man Ages," ta có thể ghi nhận những thay đổi như sau:

- Da mỏng hơn và chùng xuống, độ co giãn của da

https://tieulun.hopto.org

càng ngày càng giảm sút, và qua nhiều năm tháng biểu lộ vui, buồn, sướng, khổ, những nét nhăn trên mặt đã hằn sâu và lớn.

- Tóc bạc, thưa, và nhẹ hơn, đường kính của tóc chỉ còn 86 microns (1 phần triệu của 1m) so với 101 microns hồi 20 tuổi.

- Hai tròng mắt bị co lại, mức độ ánh sáng vào đến võng mạc giảm đi, khó phân biệt được sự vật trong tối, do đó mà khi đọc cần phải có ánh sáng đủ.

- Tai không còn nghe được tiếng động trên tầm 10.000 Hertz, như tiếng hót của chim, vì chức năng chuyển thể độ rung từ tai ngoài vào tai trong đã suy thoái.

- Men răng càng ngày càng mòn dần vì quá trình nhai, nghiến, trong khi đó lợi răng co rút lại, làm lộ rõ khoảng trống giữa các chân răng.

- Xương mất dần calcium, trở nên xốp, giòn, dễ gãy, lớp sụn ở các đầu khớp không còn nguyên vẹn, chất nhờn giữa các khớp khô đi, sinh ra di chuyển chậm, khó khăn.

- Tim không còn bơm đủ máu ra khắp châu thân, một phần do cholesterol đóng dày trên thành động mạch làm tim phải hoạt động nhiều hơn mới bơm được máu đi.

- Các cơ bắp làm cho phổi hoạt động bình thường suy yếu dần, độ co giãn của lồng ngực yếu đi, làm cho lượng dưỡng khí hít vào chỉ còn bằng một nửa thời 20 tuổi.

- Trọng lượng của thận giảm từ 20% đến 30%, sức lọc chất thải của thận chỉ bằng nửa hồi trẻ, và sức chứa của bọng đái cũng chỉ còn chừng một nửa (8 fluid ounces, khoảng non 230cl).

- Với năm tháng qua đi, khối não cũng rút nhỏ lại và giảm trọng lượng, hàng tỷ tế bào não bị mất đi, trí nhớ bị giảm sút.

Những thay đổi trên thì ít nhiều ai cũng nhìn thấy, nhất là nơi người khác. Với tôi, đèn đỏ đầu tiên báo động tiến trình lão suy đã bắt đầu là cách đây 7 năm, lúc tôi phải vào Bệnh viện Hoag ở Newport Beach để mổ tim và thay van (mitral valve). Trước khi vào phòng mổ tôi cũng đã cố tìm đủ mọi lý do để tự thuyết phục cho quyết định của mình, mà lý do nặng ký nhất vẫn là "wear and tear." Có tốt đến đâu mà dùng lâu ngày cũng phải mòn, phải rách. Cũng như chạy xe thì đến lúc cũng phải thay 4 vỏ xe. Cũng như cái máy giặt trong nhà, cái lò trong bếp, hay cái bóng đèn trên trần. Sử dụng cẩn thận đến đâu đi nữa thì đến lúc hỏng cũng phải thay. Nhưng thay van là để được sinh hoạt bình thường trở lại, đâu có nghĩ là cơ thể mình đã bắt đầu già!

Rồi 3 năm sau khi mổ, theo khuyến cáo của những người có thẩm quyền, tôi lại phải ngưng chơi tennis, một thú tiêu khiển cuối tuần mà bao nhiêu năm ròng tôi thích thú đeo đuổi với tất cả hăng say, nhiệt tình. Lý do là chứng đau nhức phần lưng dưới (lower back) cứ dai dẳng, không dứt. Bản án thứ hai: Sau khi xem hình quang tuyến chụp phần lưng dưới, bác sĩ phán là tuy chưa trầm trọng nhưng đã có dấu hiệu suy thoái giữa các khớp xương L2-L3, L3-L4, và L4-L5 là các khớp xương ở phần lưng dưới, nghĩa là chất nhờn đã khô đi, lớp sụn bao quanh các khớp đã mòn (Multilevel Degenerative Disease), khoảng cách giữa các đốt xương sống ở vùng này đã rút ngắn lại, và các ngạnh của khớp xương đã bắt đầu nhô ra (Multilevel Spondylosis). Tóm lại đây là dấu hiệu của bệnh lão suy. Nhưng nói là "bệnh" thì nghe ghê quá! Làm sao tuổi mình mà gọi là già!

Tuy nhiên với bản án khắc nghiệt đó tôi bắt đầu âm thầm tìm cách cưỡng chống lại, ít nữa là cũng để "trì hoãn chiến". Theo các bác sĩ tây y thì không có thuốc chữa. Có loại thuốc với hỗn hợp của hai chất glucosamine và chondroitin được quảng cáo ầm ĩ là có thể làm giảm đau ở các khớp thì Cơ quan Quản trị Thực và Dược Phẩm (U.S. Food & Drug Administration) lại chưa chuẩn nhận là có giá trị lâm sàng. Đồng thời nó cũng có thể có phản ứng nghịch đối với các loại thuốc làm loãng máu. Chất nhờn giúp các khớp chuyển động dễ dàng, tự nhiên, là của "trời cho", đến một tuổi nào đó sẽ khô dần đi, không có thần dược nào có thể tái tạo nó lại được. Nhưng các bác sĩ đông y lại quả quyết là được. Đau ở lưng là do gan nóng, hoặc thận suy. Nếu kiên nhẫn uống theo toa của các vị này đảm bảo sẽ lành. Thế là lại âm thầm đi bổ thuốc, nghe thầy nào hay xa đâu cũng tìm đến, thuốc sắc (ba, bốn chén còn một), thuốc tễ, thuốc ngâm rượu. Thử hết, xem có kết quả gì không. Nhưng cái đau âm ỉ vẫn còn.

Cái khó đối với tôi còn ngặt nghèo hơn so với những anh em khác cùng bịnh trạng là tuy đau nhưng không thể dùng các loại thuốc giảm đau hiện có vì sợ phản ứng nghịch với loại thuốc làm loãng máu (Coumadin) mà tôi vẫn phải uống hằng ngày sau khi thay van nhân tạo bằng kim loại.

Song song với những cố gắng chữa trị bằng thuốc, tôi còn tìm cách thăm dò, luyện tập theo nhiều phương pháp khác nhau, mỗi cách đều có một mức độ công hiệu nhất định, do bằng hữu hoặc các anh chị sinh viên đã từng có thời học ngoại ngữ với tôi biết tôi đau nên đề nghị luyện tập thử. Cũng xin kể ra đây những môn tôi đã có tập qua để có anh em nào đồng bệnh cùng trao đổi kinh nghiệm cho vui:

- Yoga (Hatha Yoga và Pitales Yoga) tại các trung tâm 20-Hour Fitness.

- Khí công Thiếu Lâm Tự, theo cách hướng dẫn của tác giả Wong Kiew Kit trong cuốn Chi Kung for Health and Vitality.

- Phương pháp thở sâu, chậm, nhẹ, và đều trong cuốn Wujishi Breathing Exercise của tác giả Men Den.

- Phương pháp Đạt Ma Dịch Cân Kinh.

- Phương pháp Thiền Vô Cực do Thầy Tôn Thất Hanh, nguyên giáo sư Quốc Học, Huế, giới thiệu.

- Phương pháp Hồi Xuân gồm năm thế tập của các tu sĩ Tây Tạng do Peter Kelder thuật lại trong cuốn Ancient Secret of the Fountain of Youth. Thái Cực Quyền.

https://tieulun.hopto.org

Tôi đã tập qua các phương pháp được giới thiệu cũng như một số phương pháp khác do các bạn thân quen vốn là võ sư chỉ giáo mà tôi không tiện kể hết ra đây, mỗi môn tôi tập một thời gian để tìm xem phương pháp nào phù hợp cũng như thuận tiện và công hiệu với mình nhất. Mấy năm gần đây tôi cố gắng đều đặn tọa thiền mỗi buổi sáng (theo Sổ tức quán) và tập Thái Cực Quyền là chính. Và đã thấy có phần nào giảm đau, không gay gắt như những năm trước đây.

Điều đáng nói không phải là chuyện phải kiên trì tập luyện, vì đây là nhu cầu sinh tử, mà chính là mình phải trực diện với thực trạng của thân thể mình, coi lão hóa là một phần của tiến trình tất yếu, tự nhiên, không có gì phải quá lo âu, sợ hãi. Và như đã nói ở trên, biết nó làm khổ mình, nhưng vẫn phải làm lành với nó, chung sống hòa bình với nó, thực tế khắc chế nó được đến đâu hay đến đó, không nôn nóng, hối hả, không trông chờ phép lạ mà mình biết ở tuổi này khó còn có thể xảy ra.

Gần đây tôi lại tình cờ đọc được bài "Tính Tuổi Theo Lối Mới" (Calculate Your Age in Neo-Years) trên trang nhà của Giáo sư Tiến sĩ Davis Demko có liên quan đến cách suy nghĩ về tuổi già. Theo ông, 75% tiến trình lão hóa của con người có thể điều chế được do tác động của sáu yếu tố sau đây:

- Khắc chế yếu tố di truyền. Dĩ nhiên yếu tố di truyền tạo cho mỗi con người một tình trạng có thể bị mắc những bệnh mà cha mẹ người đó đã từng bị, nhưng những phương pháp phòng ngừa và bảo vệ sức khỏe hiện đại, nếu áp dụng đúng mức, có thể làm giảm đi rất nhiều tính đe dọa của yếu tố này.

- Tập thể dục, thể thao. Rất nhiều các chứng đau nhức phát sinh do thiếu hoạt động. Nếu luyện tập thường xuyên thì hệ thống tim mạch sẽ được bảo toàn, xương và bắp thịt sẽ rắn chắc, khỏe, và sự phối hợp chân tay sẽ nhịp nhàng, hữu hiệu.

- Tinh thần luôn được kích thích. Những người tuổi cao mà vẫn có những sinh hoạt tinh thần đều đặn và đầu óc luôn luôn được kích thích, suy nghĩ, tìm tòi như đọc sách, học ngoại ngữ, chơi ô chữ, hay tham gia vào các cuộc thảo luận hứng thú sẽ giữ được tinh thần minh mẫn, tỉnh táo lâu dài.

- Có tập quán dinh dưỡng tốt. Cách tốt nhất để chống lại già trước tuổi hay bệnh tật. Thức ăn là năng lượng. Phải tìm hiểu những phương cách dinh dưỡng lành mạnh, cũng như những sinh tố hay khoáng chất mà cơ thể mình cần.

- Sống có ý nghĩa. Sống phải có những mục đích đáng đeo đuổi. Ý thức rõ mục đích công việc mình đang làm dễ gây cho mình cảm hứng, giúp mình tập trung, chú ý, tránh được buồn nản, bẳn gắt, và kết quả tích cực sẽ nâng cao giá trị của chính mình.

- Biết phòng ngừa bệnh tật. Đây là yếu tố quan trọng có giá trị điều chế tiến trình lão hóa. Cần khám tổng quát thường xuyên để kịp ngăn chận các bệnh hiểm nghèo. Đừng bao giờ nghĩ là các chứng đau nhức hành hạ mình chỉ là hậu quả của tuổi già.

Phân Ưu

Được tin cựu Chi Hội Trưởng Chi Hội PTVNTN tại Hannover và VPC là:

Đh. NGUYỄN VĂN PHONG
Pháp danh: Minh Tôn
Sanh ngày 29.01.1927
Tạ thế ngày 20.11.2010 lúc 12g45 nhằm ngày Rằm tháng 10 năm Canh Dần tại Laatzen
Thượng thọ 83 tuổi

Chúng tôi xin chân thành chia buồn cùng Đạo Hữu Thanh Hòa và Tang quyến, đồng thời thành tâm cầu nguyện Hương linh Đạo hữu Minh Tôn sớm vãng sanh về miền Tịnh Độ.
- Hòa Thượng Phương Trượng chùa Viên Giác
- Đại Đức Trụ Trì và Quý Thầy Cô chùa Viên Giác
- Hội và các Chi Hội PTVNTN tại Đức.
- Ban Hộ Trì Tam Bảo chùa Viên Giác

Sau khi phân tích các yếu tố nói trên, Giáo sư Demko đề nghị một lối tính tuổi mới mà ông cho là chính xác hơn. Ông đặt tên cho công thức tính tuổi của ông là: DNA-Plus. DNA là viết tắt của Demko's Neo Age, Plus ngụ ý là già với những đặc tính tích cực. Công thức DNA-Plus tính trung bình của 4 loại tuổi:

- Tuổi thời gian, tính theo số năm đã sống.

- Tuổi thể chất, tính theo tình trạng sức khỏe.

- Tuổi xã hội, tính theo mức độ sinh hoạt hằng ngày trong việc làm, đời sống gia đình, giải trí, hay các công tác thiện nguyện.

- Tuổi tâm lý, tính theo khả năng đối phó với khủng hoảng, mâu thuẫn, sự căng thẳng trong đời sống, hay thích ứng với mọi sự thay đổi bất ngờ.

Nếu áp dụng công thức này cho một người đã sống đến 80 năm (tuổi thời gian), có tình trạng sức khỏe của một người sống 70 năm (tuổi thể chất), có mức độ hoạt động của một người sống 60 năm (tuổi xã hội), và có khả năng ứng phó của một người mới sống 50 năm (tuổi tâm lý), thì tuổi trung bình của người này sẽ là (80+70+60+50) : 4 = 65 tuổi (Neo Years), nghĩa là tuổi chính xác của người này chỉ mới 65 chứ không phải là 80 theo cách suy nghĩ thông thường.

Bởi vậy cho nên, các Anh các Chị ơi, hãy mỉm cười như tôi mỗi buổi sáng khi thức dậy và bắt đầu ngày mới với một nụ cười: Già ơi, Chào Mi!

Vâng, đúng vậy. Tuổi già đã đến với tôi, và tôi đã làm thân với nó. Vì tò mò tôi cũng đã tính tuổi tôi theo công thức DNA-Plus của Giáo sư Demko. Bây giờ đến lượt Anh và Chị. Anh, Chị thử tính xem mình bao nhiêu tuổi? ●

https://tieulun.hopto.org

Nhật Bản mở Việt Nam đóng

• **Trần Đức Hân**

LTG: Lịch sử cận đại của Việt Nam là những chuỗi bất hạnh nối tiếp nhau do hậu quả của nhiều sự cai trị sai lầm từ mấy nghìn năm, nhất là sự sai lầm của việc "Bế Quan Tỏa Cảng" của nhà Nguyễn Phước ở thế kỷ 18. Theo gương nhiều sử gia, tôi làm một cuộc so sánh hai nước Nhật Bản và Việt Nam.

Nhật: Cũng như nhiều quốc gia khác, Nhật Bản bắt đầu lịch sử bằng những truyện thần thoại. Nước Nhật gồm tám hòn đảo lớn và rất nhiều đảo nhỏ được hình thành do một cuộc nhảy múa của đôi thần nam và nữ. Nhật có một triều đại duy nhất kéo dài suốt lịch sử, bắt đầu từ nữ thần Mặt Trời có kinh đô ở Yamato vào năm 660 trước Tây Lịch. Những vua nối tiếp đều có hai nhiệm vụ: chủ tế và chính trị. Trong thực tế, nhiệm vụ chủ tế của các vua Nhật thờ nữ thần **Shinto** (Thần Mặt Trời) chưa bao giờ bị gián đoạn. Ngược lại, nhiệm vụ chính trị của nhiều vua bị lấn át bởi Shoguns (Tể tướng). Trong mấy thế kỷ mới đây, sau khi có Hiến pháp, nhiệm vụ chính trị được trao cho các Thủ tướng. Vẫn còn nhiều người Nhật tin rằng vua của họ có dòng dõi từ trên trời xuống thế, niềm tin này đã được viết trong bản Hiến pháp năm 1889, thời Meiji (Minh Trị Thiên Hoàng). Sau thế chiến II, vua Hirohito đã công bố xóa bỏ sự tin tưởng đó. Hiến pháp mới xác định rằng nhà vua là một trung tâm cần thiết cho việc thống nhất nước Nhật.

Việt: Thần thoại của nước Việt bắt đầu từ Kinh Dương Vương có cha là Rồng mẹ Tiên. Ông cưới công chúa của vua Thủy Quốc ở dưới thủy cung năm 2879 TTL. Hai vị này chỉ có một con trai. Con trai này cưới cô gái của Thần Nông (Agriculture-god). Bà vợ trẻ đẹp này đẻ ra 100 trứng và nở thành 100 con. Hai ông bà chia con ra làm hai: 50 con theo cha lên vùng núi cao nguyên (tổ tiên của các người thượng); 50 con ở lại với mẹ nơi vùng ven biển (tổ tiên của các người Kinh). Đa số người Việt vẫn tự hào họ có dòng dõi Rồng và Tiên như bài hát của Hùng Lân diễn tả:

Việt Nam minh châu trời đông,
Việt Nam nước thiêng tiên rồng.
Non sông như gấm hoa uy linh một phương,
Xây vinh quang ngất cao bên Thái Bình Dương.
Từ nghìn xưa tài danh lừng lẫy khắp nơi

. . .

Các ngành khảo cổ đã chứng tỏ được rằng ở phần đất Việt Nam ngày xưa đã có một nền văn minh rất rực rỡ hơn nhiều nơi khác. Tiếc thay, ngày nay phần đất này lại thấp kém hơn bao nơi khác!

Nhật: Cũng như Korea và Việt Nam, Nhật đã ảnh hưởng sâu đậm tôn giáo, văn minh, văn học kể cả lối viết ideograph (tượng hình) của Trung Quốc. Vào thế kỷ thứ IV, Nhật bắt đầu dùng ideograph để phiên âm ngôn ngữ của người Nhật bằng ba cách tùy nghi. Cách thứ nhất: họ viết kiểu ideograph nhưng phát âm theo ngôn ngữ của họ và được gọi là **Kanji**. Cách thứ hai: họ bớt một số nét của ideograph và được gọi là **Katakana**. Tới thế kỷ thứ VIII, các truyện thần thoại và cổ tích về Shinto đã được viết dưới dạng Kanji và Katakana. Vào thế kỷ thứ IX, người Nhật thêm một cách viết riêng của họ nữa là **Kana**. Các thi sĩ và văn sĩ đã dùng chữ này làm thơ và viết truyện để mô tả những cảnh đẹp Nhật, nhân vật Nhật, xã hội Nhật. Ví dụ truyện "Một Nhà Kho Trong Nước Nhật" của Ihara Saikaku viết năm 1627. Tôi cố gắng dịch một đoạn để chứng minh:

... Việc này chứng tỏ rằng Fuji-Ichi, là người giữ kho hàng rất có khả năng cho chủ Hishiya Choaemon của thành phố Muromanchi này. Hắn có tài năng và hiểu biết rất cao về quản lý và thương trường... Hắn có những dịch vụ với những nơi rất xa như Nagasaki, Kyoto, vân vân. Hắn còn trao đổi hàng hóa qua lại với Edo, công ty lớn nhất ở Tokyo ...

Tôi cũng cố gắng dịch mấy dòng từ bài thơ "Haiku" của thi sĩ Matsuo Basho làm năm 1681:

...
Kuya, gã hành hương có thân hình gầy hốc hác,
Ngủ tại hành lang trong lạnh lẽo của đêm Đông.

...

Một bài thơ khác "Mùa Thu Tới" của cùng tác giả Matsuo Basho sáng tác cùng năm 1681:

...
Mùa Thu đến,
Đến với Futami

...

Nói tóm lại, từ bốn thế kỷ rồi, văn sĩ và thi sĩ Nhật tả cảnh Nhật, nhân vật Nhật, xã hội Nhật chứ không phải của Trung Quốc.

Năm 1885, hai học giả Hebon Shiki Romaji và Kunrei Shiki Romaji đã canh tân chữ Nhật. Ngày nay, chữ Nhật được viết pha trộn ba loại: Kanji, Latin, và Arab.

Việt: Từ thời kỳ Bắc thuộc lần thứ nhất (111 Trước Tây Lịch – 906 STL), để có người bản xứ hợp tác trong việc cai trị, người Tàu đã dạy một số người Việt học viết và nói tiếng Tàu. Sau này, tuy người Việt vẫn viết ideograph của Tàu, nhưng dần dần đọc âm khác và gọi là "Chữ Nho" hay "Chữ Hán" khác với tất cả các vùng ở Trung Quốc. Sách học là các quyển Tứ Thư và Ngũ Kinh. Trong 21 thế kỷ, các nho sĩ, vua, quan Việt đã thấm nhuần những lời dạy của Khổng Tử. Họ theo những lời dạy này để tổ chức trật tự xã hội, quyết định các tiêu chuẩn giá trị và đạo đức. Họ trọng vọng tất cả những gì của Trung Quốc, như đam mê văn học, say đắm nhân vật, ca ngợi cảnh vật, vân vân.

Một lỗi lầm to lớn kéo dài 21 thế kỷ là họ khinh chê ngôn ngữ của chính dân tộc họ. Họ dùng tiếng ngoại lai, chữ Tàu (mà đại đa số 95% dân không hiểu), để tuyển lựa người cai trị nước họ. Họ dùng chữ ngoại lai trong tất các công văn, hộ tịch, vân vân. (Các truyện thần thoại và cổ tích chỉ được truyền miệng cho mãi đến thế kỷ XX).

https://tieulun.hopto.org

Mặc dầu một số nhà trí thức đã sáng chế chữ Nôm để ghi âm tiếng Việt, tiếng của dân tộc, nhưng nó không được triều đình công nhận nên không phát triển được. (Bài Văn Tế Cá Sấu đã được viết bằng chữ Nôm năm 1282).

Sau mấy thế kỷ, có mấy tác giả dùng chữ Nôm để sáng tác nhưng rất tiếc chúng gồm toàn các nhân vật Tàu và cảnh bên Tàu. Sau đây là các ví dụ:

- Lý Văn Phức (1785 -1849) viết "Nhị Thập Tứ Hiếu" gồm toàn những nhân vật Tàu. (Có vô vàn người Việt có hiếu mà tác giả không kể mà phải kể người nước ngoài, tiếc thay!).

- Nguyễn Du (1765 – 1820) viết Truyện Thúy Kiều cũng có các nhân vật chính hay phụ đều là người Tàu. Cảnh vật và nơi chốn cũng ở bên Trung Quốc!

...
Rằng: năm Gia Tĩnh triều Minh,
Bốn phương phẳng lặng, hai Kinh vững vàng.

...

- Nguyễn Đình Chiểu (1822 -1888) viết Lục Vân Tiên cũng toàn những nhân vật lịch sử và văn học bên Trung Quốc!

...
Quản bao thân trẻ dãi dầu,
May đai Tử Lộ quảy bầu Nhan Uyên.
...
Quê nhà ở quận Tây Xuyên,
Cha làm tri phủ ở miền Hà Khê.
...

Trong truyện cũng đề cập tới mấy triều đại bên Trung Quốc và các địa thế khác của nước này.

- Một nhà soạn nhạc vào thập niên 1960 ở Huế mà vẫn còn mơ mộng một cô gái Tàu sống bên một dòng sông bên Trung Quốc:

Ai có về trên bến sông Tương,
Nhắn người duyên dáng tôi thương,
Mối tình tôi vẫn tơ vương.

...

Thật là kỳ lạ và buồn tủi, cả nước Việt Nam nói chung, cố đô Huế nói riêng có hàng ngàn phụ nữ duyên dáng, đoan trang, và giỏi giang, thế mà ông nhạc sĩ không thèm để ý tới, lại mơ mộng một cô nào đó ở bên Tàu!

Nhật: Trước năm 1603, nước Nhật cũng có những cuộc nội chiến giữa các thủ lãnh vùng, nhưng chưa bao giờ triều đại vua bị lật đổ. Một triều đại duy nhất đã kéo dài trong suốt lịch sử nước Nhật. Từ sau năm kể trên Nhật không còn nội chiến nữa. Do đó, nhân lực, vật lực, và tài năng đều qui tụ vào việc xây dựng một nước giàu mạnh. (Nước Anh và nước Nhật có vài dữ kiện địa lý và lịch sử giống nhau. Lãnh thổ gồm những hòn đảo cách rời lục địa, cùng có nền dân chủ lập hiến. Ở Anh, Magna Charta ra đời năm 1215 đã bắt đầu thành lập một viện gần giống quốc hội để giảm bớt quyền của vua. Ở Nhật, năm 1603, vua đã chỉ định Tokugawa Iyeasu làm Shogun để trao bớt quyền cho ông này; đó là một sự khởi đầu của chức Thủ tướng).

Việt: Nước Việt có quá nhiều nội chiến và chống ngoại xâm Tàu và Pháp. Nội chiến giành giựt ngai vua và lập nên nhiều triều đại khác nhau. (Bài này chỉ điểm qua những chiến tranh từ thời Hậu Lê cho tới ngày vua Bảo Đại ở Pháp mời ông Ngô Đình Diệm đến villa của vua và yêu cầu ông làm Thủ tướng).

Sau khi Lê Lợi đuổi quân nhà Minh về Trung Quốc năm 1428, Việt Nam được hưởng thời gian hòa bình duy nhất đến năm 1527. Sau đó là những cuộc chiến tranh nối tiếp nhau. Cũng có chiến tranh ba hay bốn phe bắn chém lẫn nhau! Từ năm 1527 đến năm 1592, khi nhà Mạc chiếm ngôi nhà Hậu Lê, nhóm họ Nguyễn và họ Trịnh giúp nhà Hậu Lê diệt Mạc. Nhưng sau đó họ Trịnh lại lấn át vua Lê và chèn ép họ Nguyễn. Do vậy Nguyễn Hoàng mới đem quân vào Nam và lập riêng giang sơn nhà Nguyễn trong Nam. Từ 1628 đến 1774, Việt Nam đã phân chia thành hai miền lần thứ nhất 146 năm với sông Gianh là ranh giới. Trịnh đem quân đánh Nguyễn trong mấy cuộc chiến nhưng không thắng.

Năm 1771, nhà Tây Sơn gồm Nguyễn Nhạc, Nguyễn Lữ, Nguyễn Huệ nổi lên ở mấy tỉnh phía nam sông Gianh. Tây Sơn đánh cả hai họ Trịnh và họ Nguyễn. Ba thập niên đầu, nhà Nguyễn bị thua tơi bời, chỉ còn một Hoàng tử Nguyễn Phước Ánh sống sót nhưng cũng phải chạy trốn nhiều nơi kể cả đảo Phú Quốc. Ánh nhờ quân Xiêm (Thái Lan ngày nay) nhưng cũng bị Nguyễn Huệ đánh tan.

Tiến về phương bắc, Nguyễn Huệ dẹp được họ Trịnh. Nhưng vua Lê Chiêu Thống lại chạy sang Tàu xin nhà Thanh giúp và quân nhà Thanh kéo khoảng 20.000 quân sang Việt Nam. Trước tình hình ấy, Nguyễn Huệ xưng làm vua với tước hiệu là Quang Trung năm 1788. Quang Trung điều 10.000 quân tinh nhuệ từ Phú Xuân ra bắc, dọc đường có tuyển thêm một số quân nữa. Trong vòng 6 ngày, từ ngày cuối cùng của năm Mậu Thân (1788) đến ngày mồng 5 Tết Kỷ Dậu (1889), Quang Trung đã đại phá được quân Thanh.

Nguyễn Phước Ánh gặp Giám mục Pigneau de Behaine năm 1784 ở Phú Quốc, nhờ Giám Mục làm trung gian xin Pháp giúp mà không thành công. Nhưng Giám Mục mời được một nhóm lính Pháp, đứng đầu là Jean Chaigneau, đã rời quân ngũ, lúc đó đang ở Ấn Độ sang Việt Nam giúp. (Sau này, Jean Chaigneau, trong vài tháng về Pháp nghỉ hè, đã vào Hoàng cung và Quốc hội kêu gọi nước Pháp nên chiếm Việt Nam).

Tây Sơn đã không có chương trình bảo vệ dân và giữ vững đất ở miền Nam, cứ đánh thắng rồi rút quân đi mất. Quang Trung chết bất ngờ lúc chưa tới 40 tuổi năm 1891; con là Quang Toản được thay thế cha làm vua. Nhưng lực lượng của Tây Sơn suy yếu. Do đó Nguyễn Phước Ánh dần dần lật ngược tình thế. Ánh không những chiếm lại miền Nam mà còn đánh bại cả quân Tây Sơn ở Bắc. Năm 1802 Ánh xưng làm vua với tước hiệu là Gia Long, dời kinh đô ra Phú Xuân và đổi tên là Huế.

(Phần sau đây có ý chứng minh rằng các người Việt đầu sỏ làm chiến tranh chỉ với mục đích họ được làm vua để hưởng thụ và toàn quyền giết người khác, không muốn nghe ai nói tới việc làm sai lầm của họ, họ không có vì dân vì nước gì hết).

https://tieulun.hopto.org

Sau khi chiến thắng, Gia Long thực hiện những chiến dịch trả thù và thanh trừng dã man kéo dài đúng nửa thế kỷ. Sau đây là mấy hành động điển hình:

- Quang Toản, Quang Thiệu và nhiều tướng của Tây Sơn bị bắt về Huế. Hài cốt của Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ, và Nguyễn Nhạc bị đào lên và mang về Huế. Gia Long cho binh lính đái vào các hài cốt trước mặt những người bị bắt, sau đó hài cốt bị nghiền nát và vứt xuống sông.

- Quang Toản bị cột mỗi chân và tay vào 4 con voi quay đầu 4 phía. Sau một hồi chiêng trống, lính thúc giáo vào voi, xác của Quang Toản bị xé làm 4. Con gái của nữ tướng Bùi Thị Xuân, lúc đó ở tuổi đôi mươi cũng bị xử như Quang Toản trước mặt mẹ. Bà Bùi Thị Xuân (trước đó là tướng cỡi voi đánh quân của Ánh) đến trước mặt hai con voi quắc mắt, voi lùi lại. Nhưng lính đâm đùi sau voi, voi tiến tới lấy vòi cuốn và vật bà chết. Sau đó người con gái bị voi xé xác.

- Vợ của Quang Trung là Lê Ngọc Hân, một thi sĩ, và hai con nhỏ bị bắt mặc dù đã lẩn trốn ở trong rừng. Lê Ngọc Hân bị xử phải uống thuốc độc chết, hai con bị án treo cổ chết. Thơ văn của nữ thi sĩ hầu hết bị đốt phi tang.

- Trở ngược lại mấy năm trước khi chưa chiến thắng. Ánh thấy Đỗ Thành Nhân quá giỏi giang và uy tín có thể nguy hiểm cho tương lai làm vua của Ánh. Năm 1781, Ánh mời Nhân tới bản doanh dự tiệc và sai cận vệ đâm lén Nhân chết.

- Sau khi lên ngôi, Gia Long tiếp tục giết những tướng tài giỏi đã giúp Ánh chiến thắng. Treo cổ tướng Đặng Trần Thường năm 1813.

- Trường hợp tướng Nguyễn Văn Thành hơi phức tạp. Con của Thành trong khi họp bạn đã làm bài thơ chữ Hán mà Trần Trọng Kim đã dịch sang Việt ngữ như sau. (Việt ngữ được chính thức xử dụng toàn quốc từ năm 1917, sau 300 năm bị chê bị chửi):

Ái Châu nghe nói lắm người hay,
Ao ước cầu hiền đã bấy nay.
Ngọc phác Kinh sơn tài sẵn có,
Ngựa kỳ Ký bắc biết lâu thay.
Mùi hương hang tối xa nghìn dặm,
Tiếng phượng gò cao suốt chân mây.
Sơn tể phen này dù gặp gỡ,
Giúp nhau thay đổi cơ hội này.

Bài thơ bị kẻ nịnh thần tâu đến Gia Long. Vua tuyên án tử hình Thành và con trai trước triều thần. Thành kéo vạt áo Gia Long kể lể: *"Tâu thánh thượng, thần vào sinh ra tử giúp thánh thượng mấy chục năm. Nay vì mấy phút bồng bột của con trai mà thánh thượng nỡ giết thần sao?".* Gia Long giật vạt áo và y án. Sự việc này xảy ra năm 1816.

Ngoài việc giết người, các vua còn toàn quyền tiêu pha công quỹ và hưởng thụ. Một trong các điều hưởng thụ là vua có toàn quyền bắt nhiều gái đẹp vào cung làm cung phi. Vì bắt nhiều gái quá nên nhiều cô gái đẹp bị nhốt trong cung đã có một cuộc đời buồn bã như Nguyễn Gia Thiều tả trong "Cung Oán Ngâm Khúc":

...
Đêm năm canh lần nương vách quế,
Cái buồn này ai để giết nhau,
Giết nhau chẳng cái lưu cầu,
Giết nhau bằng cái u sầu độc chưa. (240)

...

Các cô phải đẹp mới bị buộc làm cung phi. Nhưng vì vua tham lam quá nên các cô phải chịu một cuộc đời lạnh lẽo.

Vua nào cũng có nhiều cung tần hay mỹ nữ. Vì vậy vua nào cũng có nhiều con chính thức được thừa nhận và con không được thừa nhận. (Chuyện hưởng thụ và đầu óc u tối của các vua và triều đình sẽ nối tiếp ở đoạn sau).

Nhật: Ngay từ thập niên 1540, khi các tàu hai nước Tây Ban Nha (Spain) và Bồ Đào Nha (Portugal) đến Nhật, họ đã nhận thấy ngay rằng các tàu này chứng tỏ các nước Âu Mỹ có khoa học và kỹ thuật cao hơn Trung Quốc và của chính Nhật. Họ đã bắt đầu ngay việc thu nhập khoa học, kỹ thuật, và thương mại kể từ thời đó.

Ở thế kỷ XVI, Shogun Hideyoshi và các cộng sự viên đã sáng suốt. Họ thấy ngay sự nguy hiểm khi chỉ có một nước độc quyền thương mại với Nhật. Vì thế họ đã ký nhiều hòa ước thương mại với nhiều nước: Portugal năm 1590, Spain, Korea, và Trung Quốc năm 1597.

Hơn nữa, vào năm đầu thế kỷ XVIII, các Shoguns Nhật đã mời các giáo sĩ dòng Jesuits (dòng Tên) dạy người Nhật khoa học, kỹ thuật, ấn loát, đóng tàu, đúc võ khí và đạn dược. Tới cuối thế kỷ XVIII, hầu hết các trẻ con Nhật đã học đọc và viết chữ Kanji và các phép tính toán. Những gia đình giàu đã cho con học đại học.

Nhưng vài việc ngược lại đã xảy ra. Các thương gia Bồ Đào Nha định mua người Nhật nghèo để bán làm nô lệ ở Tây bán cầu và vào đầu thập niên 1600, người Âu châu đã tàn sát khoảng 20.000 người Tàu ở Philippines, vì thế Nhật đã trục xuất tất cả người ngoại quốc ra khỏi nước và tự cô lập từ năm 1639 đến 1854.

Vào giữa thế kỷ XIX, mấy chiến thuyền của Mỹ (Black Vessels) dưới sự chỉ huy của Đô đốc Commodore Perry đến hải cảng Tokyo buộc Nhật phải mở cửa giao thương. Vua và số các viên chức Nhật lúc đó nhận định rằng Nhật ở vị thế yếu, nếu chống lại Mỹ, Nhật sẽ bị thiệt hại nặng cả nhân mạng lẫn vật chất (người đứng đầu Việt Nam lại khác hẳn, chết bao nhiêu dân, đất nước bị tàn phá bao nhiêu cũng cứ đánh); vả lại Nhật cũng cần phải mở cửa không những về giao thương mà còn du nhập khoa học và kỹ thuật để canh tân đất nước. Nhật đã bắt đầu tái canh tân từ khi Meiji lên ngôi năm 1868. Họ cũng thấy sự yếu kém của Trung Quốc về nhiều lãnh vực như khoa học, kỹ thuật, kinh tế, giáo dục, quân sự, chính trị, v.v...

Về lãnh vực khoa học và kỹ thuật, vua Meiji và các viên chức của triều đại thúc giục và khuyến khích dân Nhật học tất cả các môn học như bên Âu Mỹ. Vào cuối thập niên 1870, Nhật đã xây dựng một nền giáo dục đa dạng ở khắp nước. Nhật mời các thầy dạy từ nước ngoài vào dạy. Ví dụ: Anh dạy đóng tàu, hải thuyền và chính trị; Pháp dạy luật, quân sự, và đúc súng; Hòa Lan dạy thiên văn, hàng hải, và hóa học; Đức dạy vật lý, luyện kim, và cơ khí; Mỹ dạy y học, giáo dục, và kinh tế; vv...

Về chính trị, Meiji đã gởi Hoàng tử Tomomi Iwakura và đoàn tùy tùng sang Mỹ năm 1871 để nghiên cứu về

https://tieulun.hopto.org

xã hội, chính trị, hiến pháp, và luật pháp. Năm 1888, Meiji gởi cố vấn Ito Hirobumi sang các nước Âu châu để nghiên cứu các hệ thống dân chủ, nhất là hệ thống quân chủ lập hiến của nước Anh. Vì thế, hiến pháp năm 1889 của Nhật rất giống hiến Pháp của Anh: Vua là Chủ tịch của nước, Quốc hội soạn luật, Thủ tướng điều hành chính trị.

Việt: Vua quan Việt có đầu óc u tối, vẫn tiếp tục khuyến khích dân học chữ Nho (chỉ khoảng 10% có phương tiện học, 90% mù chữ) và tôn thờ văn hóa Trung Quốc, không cần khoa học và kỹ thuật Âu Mỹ gì hết, không canh tân gì hết, tiếp tục lối sống hưởng thụ có nhiều cung phi, hễ thấy có người ngoại quốc đến thì đuổi đi, bắt được người ngoại quốc nào trốn ở lại thì giết.

Năm 1533, người Việt có dịp biết tàu Âu châu, tàu của người Tây Ban Nha chở thầy giảng đạo Ignatio từ Philippines đến Nam Định ở ngoài Bắc. Năm 1535, mấy chiếc tàu người Bồ Đào Nha, do Antonio Da Faria chỉ huy, đến Đà Nẵng (Tourane) và Hội An (Faifo) ở trong Nam. Từ 1540 đến 1800, các thương thuyền của Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Hòa Lan, Anh, và Pháp, trên đường đi Macao của Trung Quốc và Nazaki của Nhật, thỉnh thoảng ghé Đà Nẵng trong Nam hoặc Phố Hiến ở ngoài Bắc. Tiếc thay, vua quan Việt không bao giờ tạo cơ hội cho dân buôn bán như dân nước khác, hay yêu cầu họ chỉ dạy cho dân đóng tàu, khoa học, kỹ thuật, luật pháp, chính trị, xã hội... gì hết.

Ta thử nhìn thêm qua vài nước láng giềng khác. Ngay cả Trung Quốc cũng đã mời các giáo sĩ Jesuits dạy toán và một số môn khoa học và kỹ thuật ở Trung Quốc; Macao và một vài hải cảng khác cũng mở cửa cho ngoại thương. Nước Xiêm (Thái Lan) đã ký hòa ước hữu nghị, ngoại thương, và hàng hải với Anh năm 1826; Xiêm còn ký hòa ước tương tự với Mỹ, Bồ Đào Nha, Đan Mạch, Hòa Lan, và Phổ năm 1833, ký với Pháp năm 1856, vì ký ngoại giao và thương mại với nhiều nước, nên Xiêm đã giữ được độc lập. Chỉ có vua quan Việt có những đầu óc u tối thôi!

Nguyễn Trường Tộ (1827 – 1871) đã được học tiếng Pháp và một số môn khoa học, đã theo Giám mục Gauthier sang Ý và Pháp. Khi về Việt Nam, Tộ đã viết tất cả 58 bản điều trần thỉnh cầu triều đình canh tân như Nhật, ngoại giao như Xiêm, về các mặt ngoại giao, giáo dục, kỹ nghệ, nông nghiệp, ngôn ngữ, du học, vân vân. Nhưng đầu óc vua quan trong triều không hề nhúc nhích

1. Gia Long làm vua được 18 năm (1802 – 1820), có nhiều cung phi nên có 13 con trai và 20 con gái. Gia Long chắc đã biết khoa học và kỹ thuật Âu Mỹ cao, đã gởi Hoàng tử Cảnh sang Pháp nhờ giúp (nhưng không thành công), đã được nhóm khoảng 100 lính Pháp của Chaigneau từ Ấn Độ sang giúp về kỹ thuật đúc và dùng súng đạn, nhưng không canh tân vì sợ sẽ có Quốc hội, quyền vua sẽ bị giảm đi!

2. Minh Mạng làm vua 20 năm (1820 -1641). Trai cả của Gia Long là Nguyễn Phước Miên Cảnh chết non. Minh Mạng là con thứ được cha truyền ngôi. Minh Mạng giết chị dâu và hai cháu trai, con của Cảnh, vì sợ bị chiếm ngôi. Minh Mạng cũng có nhiều cung phi. Truyện kể rằng, khi vua đến phòng cung phi nào, có quan hoạn theo sau ghi chép. Có một đêm vua có 7 con với 6 cung phi vì một người sinh đôi. Sở dĩ vua có khả năng như vậy vì nhờ toa thuốc "Phục Dương Đại Bổ Tửu" gồm 27 vị. (Sau này người ta gọi Minh Mạng toa là sai vì như vậy là phạm "húy" nếu ai nói tên vua là bị chém đầu). Khi Minh Mạng 45 tuổi vào năm 1836 đã có hơn 100 con, nên vua phải soạn bài thơ "Đế Hệ Thi" để phân chia cấp bậc các ngành từ đời con Gia Long trở xuống:

Miên Hường Ưng Bửu Vĩnh
Bảo Quí Định Long Trường
Hiền Năng Kham Kế Thuật
Thế Thoại Quốc Gia Xương.

Bài thơ ấn đinh 20 chữ lót cho dòng họ. Ví dụ Minh Mạng có tên là Nguyễn Phước Miên Tông, Tự Đức là Nguyễn Phước Hường Nhậm. Các vua sau cứ theo đó mà đặt chữ lót kế tiếp. Sử viết Minh Mạng có tất cả 78 con trai, 64 con gái, tổng cộng 142 con.

3. Thiệu Trị làm vua được 7 năm (1841 – 1847). Vua cũng có nhiều cung phi, nhiều con. Vua không canh tân gì hết.

4. Tự Đức làm vua 36 năm (1847 – 1883) cùng thời với Meiji bên Nhật. Vua nhận tất cả 58 bản điều trần của Nguyễn Trường Tộ, nhưng không theo gì hết. Có tài liệu khen Tự Đức rất có hiếu với mẹ là bà Từ Dũ. Làm vua mà dẫn đất nước vào đường tăm tối, lại được khen là có hiếu với mẹ thì đúng là lấy sơn quét vào căn nhà mục. Tuy Tự Đức cũng có nhiều cung phi, nhưng không có con, nên nhận con của em làm con nuôi.

Cũng có một số trí thức thấy sự lạc hậu của Việt Nam trước thế giới, nhưng họ không làm gì được. Ví dụ Cao Bá Quát (1814 – 1854), sau khi đi công tác ở Singapore, đã than như sau:

...
Giật mình khi ở xó nhà,
Văn chương chữ nghĩa khéo là trò chơi.
Không đi khắp bốn phương trời,
Gục đầu án sách uổng đời làm trai.
...

Tự Đức từ chối tất cả những thơ thỉnh cầu ký hòa ước thân hữu và thương mại của Louis XVIII, Charles X, và Napoleon III. Cả sau khi biểu dương lực lượng của Pháp ở bờ biển Việt Nam của Montigny, Rigault de Genouilly, Page, và Charner, vua vẫn cứ từ khước.

Sau những thơ thỉnh cầu bị từ chối, sau lời kêu gọi của Jean Chaigeau ở triều đình và quốc hội, Pháp bắt đầu cuộc xâm lược năm 1858. Pháp thắng vì có tướng tá chuyên nghiệp xuất thân từ các trường võ bị, vũ khí hiện đại, tàu chiến tối tân. Việt thua vì quan chỉ học chữ Nho, văn học, và đạo đức Trung Quốc, vũ khí lỗi thời, tàu gỗ. Pháp chiếm Đà Nẵng 1858, Sài Gòn 1859. Năm 1861, Việt Nam phải ký Hòa Ước Bonard nhường 3 tỉnh Biên Hòa, Gia Định, và Định Tường cho Pháp, và phải trả một khối lượng vàng để bồi thường phí tổn chiến tranh cho Pháp. (Một hòa ước rất bất công). Năm 1863, vua Tự Đức gởi Phan Thanh Giản và một nhóm tháp tùng (Nguyễn Trường Tộ là thông dịch viên) sang Pháp để điều đình chuộc lại 3 tỉnh trên nhưng không thành công vì thâm tâm của Pháp không muốn trả mà còn muốn chiếm thêm.

(Xem tiếp trang 171)

https://tieulun.hopto.org

Hiệp định Genève

(20.7.1954)

• **Trần Gia Phụng**

(Phần 2)

(tiếp theo VG 178)

IV.- BẢN TUYÊN BỐ CUỐI CÙNG KHÔNG CHỮ KÝ

Sau khi *Hiệp định đình chỉ chiến sự ở Việt Nam* được ký kết, các phái đoàn họp tiếp ngày 2.7.1954 và "thông qua" bản "Tuyên bố cuối cùng của Hội nghị Genève 1954 về vấn đề lập lại hòa bình ở Đông Dương". Đây chỉ là lời tuyên bố (Déclaration) của bảy phái đoàn, có tính cách **dự kiến tương lai** Việt Nam, và đặc biệt không có phái đoàn nào ký tên vào bản tuyên bố nầy, nghĩa là bản **tuyên bố không có chữ ký**.

Khi chủ tịch phiên họp là Anthony Eden (ngoại trưởng Anh) hỏi từng phái đoàn, thì 7 phái đoàn là Anh, Pháp, Liên Xô, CHNDTH, VNDCCH, Lào và Cambodge (Cambodia) trả lời miệng rằng "đồng ý" (10). Phái đoàn Hoa Kỳ và phái đoàn QGVN không đồng ý, và tự đưa ra tuyên bố riêng của mình.

Bản "Tuyên bố cuối cùng của Hội nghị Genève 1954 về vấn đề lập lại hòa bình ở Đông Dương" gồm 13 điều, trong đó quan trọng nhất là điều 7. Điều nầy ghi rằng:

"*Hội nghị tuyên bố rằng đối với Việt Nam, việc giải quyết các vấn đề chính trị thực hiện trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc độc lập, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, sẽ phải làm cho nhân dân Việt Nam được hưởng những sự tự do căn bản, bảo đảm bởi những tổ chức dân chủ thành lập sau tổng tuyển cử tự do và bỏ phiếu kín. Để cho việc lập lại hòa bình tiến triển đến mức cần thiết cho nhân dân Việt Nam có thể tự do bày tỏ ý nguyện, cuộc Tổng tuyển cử sẽ tổ chức vào tháng 7.1956 dưới sự kiểm soát của một Ban Quốc Tế gồm đại biểu những nước có chân trong Ban Giám Sát và Kiểm Soát Quốc Tế đã nói trong Hiệp định đình chỉ chiến sự. Kể từ ngày 20.7.1955 những nhà đương cục có thẩm quyền trong hai vùng sẽ có những cuộc gặp gỡ để thương lượng về vấn đề đó*". (Bản dịch của Thế Nguyên, Diễm Châu, Đoàn Tường) (11a).

Điều 7 của bản Tuyên bố được xem là **dự kiến về một giải pháp chính trị** trong tương lai, theo đó một cuộc tổng tuyển cử sẽ có thể được tổ chức để thống nhất đất nước, mà sau nầy Bắc Việt dựa vào điều nầy để đòi hỏi Nam Việt tổ chức tổng tuyển cử trên toàn quốc.

Bắc Việt thường nói và viết rằng việc tổ chức tổng tuyển cử giữa hai miền Bắc và Nam Việt Nam là theo quyết định của Hiệp định *Genève.* Thật ra Hiệp định *Genève* chỉ là một hiệp định đình chỉ chiến sự (đình chiến) mà không đưa ra một giải pháp chính trị nào. Giải pháp chính trị về một cuộc tổng tuyển cử giữa hai miền Bắc và Nam Việt Nam dự tính tổ chức vào năm 1956 nằm trong điều 7 của bàn "Tuyên bố cuối cùng của Hội nghị Genève 1954 về vấn đề lập lại hòa bình ở Đông Dương".

Trong bản tuyên bố riêng của phái đoàn QGVN, bác sĩ Trần Văn Đỗ, trưởng phái đoàn, giải thích vì sao phái đoàn QGVN không ký kết hiệp định *Genève*. Sau khi phản đối việc chia cắt đất nước và việc đại diện quân đội Pháp tự ý ký kết hiệp định mà không đếm xỉa gì đến quyền lợi của quân đội Quốc Gia và nhân dân Việt Nam, bản tuyên bố của phái đoàn QGVN viết:

"*Vì thế cho nên chính phủ Việt Nam yêu cầu Hội nghị ghi nhận một cách chính thức rằng Việt Nam long trọng phản đối cách ký kết Hiệp định cùng những điều khoản không tôn trọng nguyện vọng sâu xa của dân Việt. Chính phủ Việt Nam yêu cầu Hội nghị ghi nhận rằng Chính phủ tự dành cho mình quyền hoàn toàn tự do hành động để bảo vệ quyền thiêng liêng của dân tộc Việt Nam trong công cuộc thực hiện Thống nhất, Độc lập, và Tự do cho xứ sở*" (11b).

Vì phái đoàn QGVN không ký vào bản *Hiệp định đình chỉ chiến sự ở Việt Nam* (hiệp định *Genève*) và nhất là không tham dự vào bản "Tuyên bố cuối cùng", nên chính phủ QGVN tự cho rằng không bị ràng buộc vào điều 7 của bản tuyên bố nầy.

Về phiá Hoa Kỳ, trưởng phái đoàn là Bedell Smith cũng đưa ra bản tuyên ngôn ngày 21.7.1954 theo đó, tuy không ký vào hiệp định, nhưng Hoa Kỳ cam đoan không đe dọa hay dùng võ lực để sửa đổi hiệp định; Hoa Kỳ sẽ nghiêm xét bất cứ một hành vi tái gây hấn vi phạm thỏa hiệp trên, đe dọa hòa bình và an ninh thế giới; Hoa Kỳ tôn trọng việc thực hiện thống nhất Việt Nam bằng tổng tuyển cử tự do đặt dưới sự giám sát của Liên Hiệp Quốc. Ông Bedell Smith kết luận:

"*Chúng tôi chia sẻ niềm hy vọng rằng các thỏa hiệp nầy sẽ cho phép Cao Miên, Lào và Việt Nam nắm giữ địa vị của họ, trong độc lập hoàn toàn và chủ quyền đầy đủ, giữa cộng đồng yêu chuộng hòa bình của các quốc gia, và sẽ khiến cho các dân tộc ở các vùng đó có thể tự định đoạt lấy tương lai của mình*" (11c).

V.- VIỆC THI HÀNH HIỆP ĐỊNH *GENÈVE*

Hội nghị Genève kết thúc với ba văn kiện chính thức (ngày 20.7.1954) và một bản tuyên bố chung (ngày 21.7.1954) là: 1) Hiệp định đình chỉ chiến sự ở Việt Nam. 2) Hiệp định đình chỉ chiến sự ở Lào. 3) Hiệp định đình chỉ chiến sự ở Cambodge (Cambodia). 4) Tuyên bố cuối cùng của Hội nghị Genève 1954 về vấn đề lập lại hòa bình ở Đông Dương.

Ngoài bốn văn kiện trên, còn có hai văn kiện do hai phái đoàn đưa ra là: 1) Tuyên ngôn của phái đoàn QGVN. 2) Tuyên ngôn của phái đoàn Hoa Kỳ.

Cần chú ý hai điểm: Thứ nhất, *Hiệp định đình chỉ chiến sự ở Việt Nam* tức Hiệp định đình chiến *Genève*

https://tieulun.hopto.org

chỉ có tính cách thuần túy quân sự, nói về việc rút quân, tập trung quân, thời hạn chuyển quân... mà hoàn toàn không đề cập đến giải pháp chính trị.

Thứ hai, không có phái đoàn nào ký tên vào bản "Tuyên bố cuối cùng của Hội nghị Genève 1954 về vấn đề lập lại hòa bình ở Đông Dương" ngày 21.7.1954. Một điều rất lạ lùng là sự việc bất thường nầy, một văn kiện quốc tế mà không có chữ ký, lại ít được chú ý và ít được sách báo viết đến (12).

Điều 7 của bản tuyên bố nầy mở đầu bằng câu "*Hội nghị tuyên bố rằng đối với Việt Nam...*" (*La Conférence déclare qu'en ce qui concerne le Vietnam...*), nghĩa là về vấn đề Việt Nam, Hội nghị nghĩ rằng, đưa ra ý kiến rằng, hay dự kiến rằng... một cuộc Tổng tuyển cử sẽ được tổ chức vào tháng 7.1956..., còn làm theo hay không làm theo, nghĩa là thi hành hay không thi hành, là tùy các bên liên hệ. Hội nghị không cam kết và cũng không yêu cầu các bên liên hệ cam kết là sẽ thi hành tổng tuyển cử, vì bằng chứng rõ ràng nhất là Hội nghị không yêu cầu bên nào ký vào bản tuyên bố nầy, để cam kết hay để giữ lời cam kết. **Những hiệp định với đầy đủ chữ ký mà còn bị vi phạm trắng trợn, huống gì là những bản tuyên bố không chữ ký**.

Hơn nữa, đây là một bản tuyên bố chứ không phải là một bản hiệp ước. Một bản tuyên bố lại không có chữ ký của bất cứ phái đoàn nước nào, kể các các chính phủ liên hệ đến cuộc chiến ở Đông Dương, **có được xem là một văn kiện có giá trị pháp lý để thi hành hay không?**

Vì những lý do căn bản nầy, bản "Tuyên bố cuối cùng của Hội nghị Genève 1954 về vấn đề lập lại hòa bình ở Đông Dương", trong đó đặc biệt điều 7 của bản tuyên bố nầy về dự kiến một cuộc tổng tuyển cử trong năm 1956, **không có tính cách pháp lý** để bắt buộc bất cứ nước nào thi hành. Nói cho cùng, có thể nói rằng bản tuyên bố nầy khá mơ hồ và không đưa ra một giải pháp chính trị cụ thể cho tương lai Đông Dương sau khi hai bên đình chiến.

Tinh thần của bản tuyên bố Genève ngày 21.7.1954 khiến người ta liên tưởng đến "Tối hậu thư Potsdam" mà các nước Anh, Hoa Kỳ và Trung Hoa Dân Quốc (Tưởng Giới Thạch) gởi cho Nhật Bản ngày 26.7.1945. Tối hậu thư Potsdam buộc Nhật Bản đầu hàng vô điều kiện và quy định rằng ở Đông Dương quân đội Trung Hoa sẽ giải giới quân đội Nhật ở phía bắc vĩ tuyến 16, và quân đội Anh sẽ giải giới quân đội Nhật ở phía nam vĩ tuyến 16 (ngang qua Tam Kỳ). Tuy nhiên tối hậu thư nầy không đề cập đến việc ai sẽ cai trị Đông Dương sau khi quân đội Nhật bị giải giới và rút về nước, nghĩa là không đưa ra một giải pháp chính trị cho Đông Dương.

Điều nầy sẽ tạo ra một khoảng trống hành chánh và chính trị tại Đông Dương sau năm 1945 một khi những quyết định trong tối hậu thư Potsdam được thi hành, vì nếu Nhật đầu hàng, chính phủ Trần Trọng Kim do Nhật bảo trợ, cũng sẽ sụp đổ, thì ai sẽ là người có thẩm quyền tại Đông Dương? Đây là thâm ý của Anh và Hoa Kỳ, cố tình bỏ ngõ khoảng trống chính trị để tạo điều kiện cho Pháp trở lại Đông Dương.

Nay bản "Tuyên bố cuối cùng của Hội nghị Genève 1954 về vấn đề lập lại hòa bình ở Đông Dương" cũng đi vào vết xe cũ, không đưa ra một giải pháp chính trị cụ thể cho tương lai Đông Dương, ngoài một bản tuyên bố không có người ký. Từ đó, các bên liên hệ đến bản tuyên bố có thể tùy tiện giải thích bản tuyên bố một cách khác nhau, tùy theo chủ trương chính sách của mỗi bên, và nhất là tùy theo "lý của kẻ mạnh".

Ngay trong Hội nghị Liễu Châu từ ngày 3 đến ngày 5.7.1954, cả CHNDTH lẫn VNDCCH đã thỏa thuận **tạm hòa để tiếp tục chiến tranh**. Cũng trong hội nghị Liễu Châu, những nhà lãnh đạo VNDCCH đã trình bày **kế hoạch hậu chiến**, trường kỳ mai phục, gài người cùng chôn giấu vũ khí tại miền Nam để chờ đợi thời cơ nổi dậy. Như thế có nghĩa là kế hoạch tấn công miền Nam, vi phạm hiệp định *Genève* đã được phía cộng sản dự tính trước khi ký kết hiệp định.

Cho đến nay, chưa có một giải thích cụ thể nào cho biết tại sao bản "Tuyên bố cuối cùng của Hội nghị Genève 1954 về vấn đề lập lại hòa bình ở Đông Dương", lại không không có chữ ký của phái đoàn các nước? Phải chăng sau nhiều tháng hội họp, các phái đoàn quá mệt mỏi với những tranh cãi triền miên, nên chỉ hỏi ý kiến bằng miệng cho chóng thông qua? Hay phải chăng có một âm mưu muốn tính chuyện về sau, nên chỉ hỏi bằng miệng để bỏ ngõ vấn đề, nhằm dọn đường cho những tính toán chính trị kế tiếp sau hiệp định *Genève*? Và ai là người đã chủ xướng biện pháp chính trị lập lững nầy? Nước nào chủ xướng thì chưa biết, nhưng chính phủ QGVN rất yếu thế, ngay từ đầu lại bác bỏ việc chia cắt đất nước, phản đối hiệp định *Genève*, nên chắc chắn QGVN không phải là nước chủ xướng.

Ngày 22.7.1954, Thủ tướng chính phủ QGVN là Ngô Đình Diệm ra tuyên cáo phản đối việc chia hai nước Việt Nam. Tuy nhiên cuối cùng chính phủ QGVN vẫn chấp nhận thi hành hiệp định *Genève* ngày 20.7.1954, chia hai đất đất nước ở sông Bến Hải, vùng vĩ tuyến 17. Như thế, từ năm 1954, tại Bắc và Nam Việt Nam, có hai chính phủ riêng biệt, theo hai chính thể riêng biệt, tức có hai nước Việt Nam riêng biệt.

Thi hành hiệp định đình chiến *Genève*, việc ngưng bắn chính thức có hiệu lực ngày 27.7.1954 tại Bắc Việt, ngày 1.8.1954 tại Trung Việt, và ngày 11.8.1954 tại Nam Việt. Vấn đề cấp thời của hai chính phủ là tập trung và di chuyển quân đội, công chức, cán bộ của mình và cả dân chúng, về khu vực cai trị của mình. Điều 2 của Hiệp định *Genève* (20.7.1954) cho phép thực hiện việc di chuyển các lực lượng của hai bên về vùng tập hợp ở hai bên giới tuyến tạm thời trong thời gian 300 ngày.

Ngày 9.10.1954 là hạn chót cho những người muốn di cư vào Nam di tản khỏi Hà Nội. Hôm sau, ngày 10.10.1954, quân đội VM vào tiếp thu Hà Nội. Chủ tịch Ủy ban Quân quản Hà Nội của VM là Vương Thừa Vũ tức Nguyễn Văn Đồi, người đã chỉ huy cuộc

https://tieulun.hopto.org

tấn công Hà Nội ngày 19.12.1946 và trở thành Tư lệnh Sư đoàn đầu tiên của VM là Sư đoàn 308. Hải Phòng, điểm tập trung đồng bào miền Bắc muốn di cư bằng tàu thủy vào miền Nam, do VM tiếp thu ngày 13.5.1954. Ba ngày sau, toán lính Pháp cuối cùng rút lui khỏi đảo Cát Bà (vịnh Hạ Long, vùng Hải Phòng) ngày 16.5.1955. (Nếu tính từ ngày ngưng bắn có hiệu lực ở Bắc Việt (27.7.1954) cho đến ngày 16.5.1955 là 9 tháng 20 ngày).

Số người từ miền Nam tập kết ra Bắc không được thống kê đầy đủ. Theo sự trình bày của Võ Nguyên Giáp tại Hội nghị Liễu Châu (Quảng Tây, Trung Hoa) từ ngày 3.7.1954 giữa Hồ Chí Minh và Châu Ân Lai, trước khi chiến tranh kết thúc, VM dự tính bước đầu rút khoảng 60.000, trong đó 50.000 người là bộ đội và 10.000 người làm công tác chính trị, nhất là những người "đỏ" quá, không thể ở lại. Ngoài ra, VM dự tính sẽ lưu lại miền Nam từ 5.000 đến 10.000 người để chờ thời cơ, và vũ khí nào cất giấu được thì cất giấu sau khi quân đội rút đi (13). Theo một tài liệu khác cũng của cộng sản, số người tập kết ra Bắc khoảng 175.000 người và 15.0000 học sinh (14). Số lượng nầy có thể đã được phóng đại và không thể kiểm chứng được.

Số người từ miền Bắc di cư vào miền Nam lên đến khoảng gần 900.000 người (15). Trong số nầy, nhân viên chính quyền (tức công chức) và quân nhân chiếm một phần ít, còn đại đa số là dân chúng. Đây là đợt tỵ nạn cộng sản lớn lao đầu tiên trong lịch sử hiện đại, cũng là đợt di dân nội địa lớn lao nhất trong lịch sử nước ta.

Vài điểm đáng chú ý về cuộc di cư vĩ đại của dân chúng miền Bắc vào miền Nam như sau:

Thứ nhất, số người ra đi đông đảo như trên rời đất Bắc có lợi cho đảng Lao Động, vì những thành phần chống cộng, đối lập, bất đồng chính kiến, những nhân vật theo các đảng phái Quốc Gia, đều rút về miền Nam, nên không còn, hay còn ít người ở lại đối kháng với chế độ mới ở ngoài Bắc.

Thứ hai, người Việt Nam vốn rất ràng buộc với quê cha đất tổ, mà gần một triệu người đành phải bỏ xứ ra đi. Trong chiến tranh, bộ máy tuyên truyền của Việt Minh luôn luôn ca tụng chế độ cộng sản và chê bai chính thể QGVN. Nay cuộc di cư vĩ đại có thể xem là cuộc trưng cầu dân ý cho thấy số người miền Bắc chọn lựa vào miền Nam đông hơn số người miền Nam tập kết ra Bắc, chứng tỏ lòng dân như thế nào đối với chế độ của đảng Lao Động (tức là đảng CSVN)?

Thứ ba, sự chọn lựa nầy củng cố niềm tin nơi chính phủ QGVN, giúp chính phủ QGVN vững tâm hành động, và làm tăng giá trị của chính thể QGVN đối với thế giới.

Thứ tư, ngoài những cán bộ cộng sản được cài lại ở miền Nam, sống lẫn lút trà trộn trong dân chúng (16), chắc chắn đảng Lao Động không bỏ qua cơ hội cho đảng viên cốt cán len lỗi vào đoàn người di cư vào miền Nam để làm tình báo, như trường hợp Vũ Ngọc Nhạ (17), hay Vũ Bằng...(18).

Đúng một năm sau hiệp định *Genève*, để kiếm cớ gây chiến, Phạm Văn Đồng, Thủ tướng Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa (VNDCCH), tức Bắc Việt gởi thư ngày 19.7.1955 cho Thủ tướng Quốc Gia Việt Nam (QGVN) tức Nam Việt là Ngô Đình Diệm, yêu cầu mở hội nghị hiệp thương bắt đầu từ ngày 20.7.1955, để bàn về việc tổng tuyển cử thống nhất đất nước theo quy định của hiệp định *Genève*.

Ngày 10.8.1955, Thủ tướng Ngô Đình Diệm đã bác bỏ đề nghị của Thủ tướng Phạm Văn Đồng, dựa vào lý do rằng chính phủ QGVN không ký vào hiệp định *Genève* và nhất là vì không có bằng chứng nào cho thấy VNDCCH đặt quyền lợi quốc gia lên trên quyền lợi Quốc tế Cộng sản.

Chính thể QGVN đổi thành Việt Nam Cộng Hòa (VNCH) vào ngày 26.10.1955. Tuy chính phủ VNCH nhiều lần từ chối, Phạm Văn Đồng vẫn nhắc lại đề nghị nầy hằng năm vào các ngày 11.5.1956, 18.7.1957, và 7.3.1958 để tuyên truyền với quốc tế. Lần cuối, Ngô Đình Diệm, lúc đó là Tổng thống VNCH, bác bỏ đề nghị trên vào ngày 26.4.1958.

Do vào sự bác bỏ của của chính phủ Nam Việt, Bắc Việt tố cáo chính phủ Nam Việt không tôn trọng hiệp định *Genève*. Trong khi đó, hiệp định *Genève* chỉ là một hiệp định đình chiến và đã được các phe liên hệ tức là chính phủ VM và chính phủ QGVN thi hành xong ngay từ 1954, chia hai nước Việt Nam thành Bắc Việt và Nam Việt dưới sự giám sát của Ủy hội Quốc tế Kiểm soát Đình chiến, gồm đại diện các nước Canada (Gia Nã Đại), Poland (Ba Lan), India (Ấn Độ). Còn bản "Tuyên bố cuối cùng của Hội nghị Genève 1954 về vấn đề lập lại hòa bình ở Đông Dương" không có chữ ký, thì chẳng có giá trị pháp lý để thi hành. Tuy nhiên, kẻ gây hấn thì luôn luôn có lý do để gây hấn.

KẾT LUẬN

Sau trận Điện Biên Phủ (7.5.1954), khi Pháp quyết định rời bỏ hẳn Việt Nam, các cường quốc trên thế giới, Quốc tế Cộng Sản cũng như Quốc tế Tư bản, lại một lần nữa can thiệp, và áp đặt một giải pháp chính trị theo quyền lợi của họ, buộc các phe phái ở Việt Nam phải thi hành.

Để bỏ chạy an toàn, Pháp thỏa mãn những đòi hỏi về phía khối cộng sản, thỏa hiệp với cộng sản chia hai nước Việt Nam và ấn định lịch tổng tuyển cử năm 1956, mà không cần đếm xỉa đến ý nguyện của chính phủ QGVN. Pháp quyết ký hiệp định *Genève* (20.7.1954), để vĩnh viễn rút quân ra khỏi ba nước Đông Dương, không còn liên hệ gì đến Việt Nam. Như thế, Pháp dựa vào tư cách nào để ấn định lịch tổng tuyển cử vào năm 1956 về tương lai chính trị nước Việt Nam? Lịch tổng tuyển cử nầy lại không được các phái đoàn tham dự ký kết để bảo đảm thi hành. Kinh nghiệm lịch sử cho thấy cộng sản luôn luôn ký kết hiệp ước để làm kế hoãn binh và không bao giờ tôn trọng hiệp ước đã ký kết, huống gì là những văn bản không có chữ ký như bản "Tuyên bố cuối cùng của Hội nghị Genève 1954 về vấn đề lập lại hòa bình ở Đông Dương" ngày 21.7.1954.

Cần chú điểm chót: Khi Mao Trạch Đông chiếm lục địa Trung Quốc, các cường quốc Tây phương không công nhận CHNDTQ và không cho CHNDTQ thay thế

https://tieulun.hopto.org

Trung Hoa Dân Quốc tại Liên Hiệp Quốc. Nhờ chiến tranh Việt Nam, Trung Quốc được các cường quốc mời họp Hội nghị Genève. Nghĩa là Trung Quốc được ngồi ngang hàng với các cường quốc Tây phương nhờ chiến tranh Việt Nam, nhờ xương máu của dân tộc Việt Nam. (Việc nầy tái diễn trong chiến tranh 1960-1975, vì do cuộc chiến nầy, Nixon qua Bắc Kinh dàn xếp với Mao Trạch Đông và Châu Ân Lai. Sau đó, Hoa Kỳ mở cửa cho Trung Quốc cộng sản vào LHQ).

Chính phủ QGVN non trẻ, bị động theo chính sách của Pháp, là chuyện đành phải chấp nhận. VNDCCH (VM), dầu đã lợi dụng và sử dụng xương máu người Việt để chiến đấu, và tự cho rằng đã chiến thắng đế quốc Pháp, cũng không thể cưỡng chống lại những ý đồ của Liên Xô và CHNDTQ.

Nói cách khác, người Việt ở cả hai phía nói chung, hoàn toàn không thể tự quyết định tương lai của chính mình, mà phải bị động trước những áp đặt của ngoại bang, dù đó là ngoại bang tư bản hay ngoại bang cộng sản. Bất cứ một ngoại bang nào đến với Việt Nam cũng đều vì quyền lợi riêng tư của họ, chứ chẳng phải vì yêu thương hay giúp đỡ nước Việt Nam. **Chẳng bao giờ có tình nghĩa xã hội chủ nghĩa hay tình nghĩa tư bản chủ nghĩa.** Chỉ có "quyền lợi chủ nghĩa" giữa các nước mà thôi.

Đất nước bị chia hai, dân tộc bị chia hai, nhưng Hiệp định *Genève* chỉ là một hiệp định "đình chiến", tức mới chỉ ngừng tay đánh nhau, chứ chưa phải là hiệp ước hòa bình. Sau chín năm chiến tranh triền miên (1946-1954), dân chúng Việt Nam rất khao khát hòa bình, nhưng giấc mơ hòa bình vẫn còn ngoài tầm tay của người Việt. Lòng dân muốn hòa bình, nhưng những kẻ chủ trương độc tài luôn luôn muốn tóm thâu quyền lực, luôn luôn muốn xâm lấn để toàn trị. Và như thế, vận nước chưa hết nổi trôi, người Việt sẽ vẫn còn tiếp tục thống khổ... (Trích *Việt sử đại cương* tập 5.)

(Toronto, 19.7.2010)

• **CHÚ THÍCH**

10. Hoàng Cơ Thụy, *Việt sử khảo luận*, cuốn 5, Paris: Nam Á 2002, tr. 2642. Trong sách Thế Nguyên, Diễm Châu, Đoàn Tường, *sđd.* tr. 54, đăng bài dịch của bản "Tuyên bố" nầy, nhưng phía dưới không có tên người ký. Tài liệu *Pentagon Papers* cũng không có tên ai ký dưới bản tuyên bố.

11. Thế Nguyên, Diễm Châu, Đoàn Tường, *sđd.* tr. 53 (11a), tr. 56 (11b), tr. 58 (11c). Nguyên văn tiếng Pháp điều 7 như sau: "La Conférence déclare qu'en ce qui concerne le Vietnam, le règlement des problèmes politiques, mis en oeuvre sur la base du respect des principes de l'indépendance, de l'unité et de l'intégrité territoriales, devra permettre au peuple vietnamien de jouir des libertés fondamentales, garanties par des institutions démocratiques formées à la suite d'élections générales libres au scrutin secret. Afin que le rétablissement de la paix ait fait des progrès suffisants et que soient réunies toutes les conditions nécessaires pour permettre la libre expression de la volonté nationale, les élections générales auront lieu en juillet 1956, sous le contrôle d'une commission internationale composée de représentants des Etats membres de la Commission internationale pour la surveillance et le contrôle visée à l'accord sur la cessation des hostilités. Des consultations auront lieu à ce sujet entre les autorités représentatives compétentes des deux zones à partir du 20 juillet 1955. (http://www.ena.lu/conference_geneve_20_21_juillet_1954-010703174.html). Có thể xem thêm bản tiếng dịch Anh: Gravel (ed.), *Pentagon Papers*, Vol. 1, pp. 279-282.

12. Ngày nay, vào Google.com, tìm "Déclaration finale de Genève en 1954", thì có ghi rõ câu nầy ngay từ tiểu mục của các bài viết: "Une déclaration finale en treize points, non signée par les participants.. " [Một bản tuyên bố cuối cùng gồm 13 điểm, không chữ ký của những người tham dự..]

13. Tiền Giang, *Chu Ân Lai dữ Nhật-Nội-Ngõa hội nghị* [*Chu Ân lai và Hội nghị Genève*], Bắc Kinh: Trung Cộng đảng sử xuất bản xã, 2005, bản dịch của Dương Danh Dy, tựa đề *Vai trò của Chu Ân Lai tại Genève năm 1954,* chương 27, "Hội nghị Liễu Châu then chốt". (diendan@diendan.org) (trích ngày 1.2.2009). Xem thêm Thế Kỷ 21, số tháng 8.2007, tr.29. Ông Nguyễn Văn Trấn, trong sách *Viết cho Mẹ & Quốc hội*, Nxb.Văn Nghệ, California, 1995, có đề cập đến vấn đề người miền Nam tập kết ra Bắc, nhưng cũng không cho biết cụ thể số lượng người tập kết là bao nhiêu?

14. Đặng Phong chủ biên, *Lịch sử kinh tế Việt Nam 1945-2000*, tập II 1955-1975, Hà Nội: Nxb.Khoa Học Xã Hội, 2005, tr.45.

15. Theo Đoàn Thêm, đến ngày 30.10.1955 là ngày chính thức chấm dứt cuộc di cư, số lượng người di cư tỵ nạn là 887.890 người. (Đoàn Thêm, *sđd.* tr. 195). Thực tế ở ngoài còn cao hơn nhiều.

16. Điển hình là Lê Duẫn, bí thư Xứ ủy Nam bộ, ở lại miền Nam đến 1957 mới ra Bắc. (Về sau, người ta mới biết điều nầy). (Chính Đạo, *Việt Nam niên biểu, tập I-C: 1955-1963*, Houston, Nxb. Văn Hóa, 2000, tr.17).

17. **Vũ Ngọc Nhạ**: Khi di cư vào Nam năm 1954, Vũ Ngọc Nhạ làm giám thị tại một trường học do linh mục Hoàng Quỳnh phụ trách. Nhờ linh mục Hoàng Quỳnh giới thiệu, Vũ Ngọc Nhạ dần dần được đưa vào làm việc ở Phủ Tổng Thống dưới thời Đệ nhất Cộng Hòa. Vũ Ngọc Nhạ bị nghi ngờ, bị bắt một thời gian, nhưng không có bằng chứng cụ thể nên được thả ra. Qua thời Đệ nhị Cộng Hòa, Vũ Ngọc Nhạ tiếp tục hoạt động, và bị bắt trở lại vào ngày 28.7.1969 vì tội làm gián điệp trong cụm tình báo chiến lược A 22 của cộng sản.

18. **Vũ Bằng** (1914-1984), tên thật là Vũ Đăng Bằng, còn có những bút danh khác là Tiêu Liêu, Lê Tâm, Vũ Tường Khanh, Hoàng Thị Trâm, nguyên quán tỉnh Hải Dương, là một nhà báo khá nổi tiếng ở Hà Nội trước năm 1954 và Sài Gòn sau 1954. Đặc biệt, theo tiết lộ của báo chí Hà Nội (báo Nhân Dân ngày 9.3.2000, báo An Ninh Thế Giới số 172, ngày 13.4.2000), Vũ Bằng hoạt động cho Cục tình báo chiến lược quân sự của cộng sản từ năm 1952. Năm 1954, Vũ Bằng di cư vào Sài Gòn tiếp tục hoạt động với tư cách là cơ sở khai thác tin tức phục vụ tình báo cho đến 30.4.1975. Tác phẩm để lại: *Lọ văn* (1936), *Một mình trong đêm tối* (1937), *Truyện hai người* (1940), *Tội ác và hối hận* (1940), *Để cho chàng khỏi khổ* (1941), *Cai* (1948), *Ăn tết thủy tiên* (1956), *Khảo về tiểu thuyết* (1960), *Bốn mươi năm nói láo* (1969), *Món lạ miền Nam* (1970), *Cái lồng đèn* (1971), *Nhà văn lắm chuyện* (1971), *Những cây cười tiền chiến* (1971), *Nói có sách* (1972), *Thương nhớ mười hai* (1972), và một số sách dịch •

https://tieulun.hopto.org

Lên án tội ác của chế độ Hà Nội Đại Hội Thế Giới Văn Bút Quốc Tế tại Tokyo, Nhựt Bổn, thông qua Quyết Nghị về Việt Nam

• **Nguyên Hoàng Bảo Việt**

"Vì viết và nói ra những gì họ nghĩ mà hàng trăm nhà văn đã bị đàn áp và cầm tù, bị tra tấn, làm nhục, bị đốt sách, cấm viết và có nhiều người bị giết hại hoặc mất tích (Tài liệu PEN International Writers in Prison Committee WIPC - Case List 2010).

Nhà văn và nhà thơ **Trần Khải Thanh Thủy** đang bị giam nhốt và hành hạ trong trại tù CS. Bà được Văn Bút Quốc Tế vinh danh như một biểu tượng về tinh thần độc lập và lòng can đảm của hàng trăm văn hữu quốc tế, nạn nhân của các nhà nước độc tài hoặc thiếu tự do dân chủ. Một Chiếc Ghế Trống (Emty Chair, Chaise Vide) duy nhứt được Văn Bút Quốc Tế dành cho tác giả tù nhân Trần Khải Thanh Thủy tại Đại Hội Văn Bút Quốc Tế Tokyo. Một tấm hình chụp nhà văn bị hai nữ công an CS kềm giữ chặt trong phiên tòa CS được trưng bày trên chiếc ghế đặt bên cạnh Chiếc Ghế Trống. Trên chiếc ghế có một tài liệu về việc CS đàn áp, giam nhốt bà Trần Khải Thanh Thủy do Ủy Ban Văn Bút Thụy Sĩ Pháp thoại Bênh Vực Nhà Văn bị Đàn Áp và Cầm Tù biên soạn. Tài liệu có đăng bài thơ "Bao Giờ ?" của bà Trần Khải Thanh Thủy với ba bản dịch tiếng Anh, Pháp và Tây Ban Nha. Bà Marian Botsford Fraser, Chủ tịch Ủy Ban Bênh Vực Nhà Văn bị Đàn Áp và Cầm Tù (PEN WIPC), đã đọc một số câu thơ của nhà thơ Trần Khải Thanh Thủy bằng ba ngôn ngữ chính thức của Văn Bút Quốc Tế trong bài Diễn văn khai mạc cuộc Triển Lãm đánh dấu 50 Năm Hoạt Động của Ủy Ban. Chúng tôi sẽ phổ biến bài Diễn văn thật cảm động và đầy ý nghĩa này.
(Bản Tin Liên Hội Nhân Quyền Việt Nam ở Thụy Sĩ)

Như chúng tôi đã đưa tin trong Lá Thư gởi Bạn ngày 8 tháng 10 năm 2010*, Quyết Nghị về Việt Nam do Trung Tâm Văn Bút Thụy Sĩ Pháp thoại soạn thảo đã được Hội Đồng Đại Biểu Văn Bút Quốc Tế họp Đại Hội tại Tokyo, Nhựt Bổn đồng thanh chấp thuận ngày 30 tháng 9 năm 2010.

Qua Quyết Nghị này, công luận quốc tế thấy rõ hơn bản chất hung hiểm và bất nhân của chế độ Hà Nội: bắt giam độc đoán, trấn áp tàn bạo, xử án bất công, phi pháp, rập khuôn mẫu «công lý thời Staline». Guồng máy thống trị gia tăng khủng bố, cô lập, hành hung và đày đọa những người yêu nước: những người chỉ có cây viết và tiếng nói, lòng can đảm để đòi các quyền tự do dân chủ, bài trừ tham nhũng, bảo vệ chủ quyền đất nước, khôi phục phẩm giá con người.

Quyết Nghị về Việt Nam còn báo động các chính phủ dân chủ trên thế giới về tình cảnh bi thảm của nhiều tù nhân ngôn luận và lương tâm: thiếu ăn, sức khỏe sa sút, mắc bệnh nặng không được điều trị, có cơ nguy thiệt mạng. Tiếc rằng khuôn khổ hạn hẹp của Quyết Nghị chỉ cho nêu lên trường hợp: Linh mục Nguyễn Văn Lý, Hòa Thượng Thích Quảng Độ, bà Trần Khải Thanh Thủy, các ông Nguyễn Xuân Nghĩa, Trương Minh Đức, Nguyễn Phong, Nguyễn Bình Thành, Nguyễn Văn Đài, Trần Quốc Hiền, Trương Quốc Huy, Phạm Bá Hải, Nguyễn Văn Hải (bút hiệu Điếu Cày), bà Phạm Thanh Nghiên, các ông Vũ Văn Hùng, Ngô Quỳnh, Phạm Văn Trội, Nguyễn Văn Túc, Trần Đức Thạch, Nguyễn Văn Tính, Nguyễn Kim Nhàn, Nguyễn Mạnh Sơn, Trần Huỳnh Duy Thức (16 năm tù giam), Lê Thăng Long, Lê Công Định, Nguyễn Tiến Trung và Trần Anh Kim. Ngoài ra, nhiều cựu tù nhân tiếp tục bị quản thúc, sách nhiễu, hăm dọa hoặc bị bắt giam ngắn hạn, trong số đó có bà Lê Thị Công Nhân, bà Lê Thị Kim Thu, bà Hồ Thị Bích Khương và ông Phạm Hồng Sơn.

Hai mươi mốt Quyết Nghị (QN) đã được thông qua tại Đại Hội Văn Bút Quốc Tế Tokyo, trong số đó có 18 Quyết Nghị liên hệ các nhà văn bị đàn áp và cầm tù: 2 QN về Trung Hoa - Tây Tạng – Ouighour, 1 QN về Cuba, 1 QN về Erythrée, 1 QN về Honduras, 2 QN về Ba Tư – Kurde, 2 QN về Mễ Tây Cơ, 1 QN về Népal, 1 QN về Nga, 1 QN về Nam Phi, 1 QN về Sri Lanka, 1 QN về Tunisie, 2 QN về Thổ Nhĩ Kỳ, 1 QN về Venezuela, 1 QN về Việt Nam, 1 QN về Danh hiệu Văn Bút Quốc Tế, 1 QN về Tổ chức Đại Hội Thế Giới Văn Bút Quốc Tế và 1 QN về Kiểm tra viên Văn Bút Quốc Tế.

Môi Trường và Văn Học

Đại Hội Thế Giới Văn Bút Quốc Tế kỳ thứ 76, với chủ đề "Môi Trường và Văn Học", đã diễn ra tại Tokyo, thủ đô Nhựt Bổn, từ 25 tháng 9 đến 1 tháng 10 năm 2010. Gần 90 Trung Tâm Văn Bút với hơn 250 nhà văn kể cả các khôi nguyên Nobel Văn Chương đã tham dự Đại Hội. Hiện diện còn có các tân khách và rất đông phái viên báo chí, truyền thanh và truyền hình.

Văn Bút Nhựt Bổn tổ chức thành công Đại Hội về mọi mặt nên đã nhận được nhiều lời khen ngợi. Chương trình văn nghệ truyền thống dân tộc tuyệt vời. Không ai ngạc nhiên khi văn hữu Hori Takeaki, thành viên ban Chấp Hành Văn Bút Quốc Tế và Văn Bút Nhựt Bổn, được bầu làm Tổng Thư Ký Văn Bút Quốc Tế thay thế văn hữu Eugene Schoulgin mãn nhiệm. Văn Bút Nhựt Bổn ấn hành Tuyển Tập Thi Ca với đóng góp của nhiều thi hữu Nhựt và Văn Bút bạn, gồm cả Việt Nam. Thơ ngoại ngữ đều được dịch ra tiếng Nhựt. Các tác giả đọc thơ trong mấy buổi dành cho thi ca.

https://tieulun.hopto.org

Đại Hội chào mừng Trung Tâm tân lập Cam Bốt. Nhà thơ Nguyên Hoàng Bảo Việt lên tiếng tán trợ và đọc tặng anh em văn hữu láng giềng mấy đoạn thơ trong bài "Trên Đồi Phnom Srey".

Ba Trung Tâm Văn Bút do người Việt đại diện

Đại Hội kỳ này có ba Trung Tâm Văn Bút được người Việt đại diện. Văn Bút Thụy Sĩ Pháp thoại với nhà thơ Nguyên Hoàng Bảo Việt. Văn Bút San Miguel de Allende có nhà văn Vũ Quang Trân. Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại ngoài ông Nguyễn Đăng Tuấn còn có các nhà văn Yên Sơn, Đào Vĩnh Tuấn, Nguyễn Viết Đức, Nguyễn Việt Nữ và Hoàng Xuyên Anh.

Lần đầu tiên ông Nguyên Hoàng Bảo Việt có dịp trao đổi ý kiến, nhứt là với các văn hữu Vũ Quang Trân, Yên Sơn, Đào Vĩnh Tuấn và Nguyễn Việt Nữ về vấn đề bênh vực tù nhân ngôn luận và lương tâm. Ông thường tự hỏi làm sao giúp Ủy Ban Bênh Vực Nhà Văn bị đàn áp và cầm tù hoàn thành nhiệm vụ chung. Ông cảm thấy mình chưa thật sự đóng góp hết sức vào công việc. Và còn bổn phận thể hiện sự đoàn kết tương trợ giữa các Trung Tâm Văn Bút Quốc Tế.

Trường hợp chiến sĩ tù thế kỷ Nguyễn Hữu Cầu, cần thiết lập hồ sơ, cung cấp chứng liệu và phiên dịch tác phẩm viết trước khi bị bắt về "tội sáng tác thơ văn phá hoại" nếu có ghi trong cáo trạng. Đồng thời, yêu cầu các chính phủ dân chủ và các tổ chức bảo vệ Nhân Quyền can thiệp.

Trường hợp Gs Phạm Minh Hoàng mới bị bắt hồi tháng 8, cần thời gian điều nghiên, phối kiểm tin tức, theo thủ tục từng được áp dụng đối với những nạn nhân CS khác. May mắn có Pháp tịch, sớm hay muộn gì, Gs Phạm Minh Hoàng cũng sẽ được thả về, đoàn tụ với gia đình.

Còn những tù nhân ngôn luận và lương tâm cùng tù nhân chính trị chẳng may bị buộc làm công dân chế độ CS thì thật đáng lo ngại. Nếu chỉ là công dân Việt Nam Cộng Hòa lúc bị CS bắt thì sự sống sót đối với nhiều người có thể coi là một phép lạ. **Nhà văn Việt Nam lưu vong ở hải ngoại, được sống và viết tự do, sẽ không bao giờ quên, trong bóng đêm lao hầm, ngục tù đầy đặc của CS, văn thi hữu, nhà báo, tu sĩ, luật sư, thầy giáo, sinh viên cùng các từng lớp đồng bào bất hạnh bị lưu đày ngay trên đất nước mình. Lưu vong và lưu đày, chúng ta đều gắn bó với quê hương.**

Chúng tôi sẽ viết thêm về Đại Hội Văn Bút Quốc Tế Tokyo. Như việc Ủy Ban Bênh Vực Nhà Văn bị đàn áp và cầm tù vinh danh nhà thơ Nguyễn Chí Thiện và Cố Hòa Thượng Thích Huyền Quang nhân dịp "50 Năm Hoạt Động của Ủy Ban". Sẽ kể lại chuyện "Chiếc Ghế Trống" tại Đại Hội Tokyo mà bà Marian Botsford Fraser, Chủ tịch Ủy Ban Bênh Vực Nhà Văn bị đàn áp và cầm tù, xác nhận chỉ dành cho bà Trần Khải Thanh Thủy, tác giả bài thơ "Bao Giờ?" viết trong trại giam Hỏa Lò. Văn hữu Chủ tịch phủ nhận tin báo rằng còn một chiếc ghế thứ hai cho 3 tù nhân Việt Nam khác. Cũng sẽ nhắc đến công cuộc vận động khẩn trương và trường kỳ của Văn Bút Thụy Sĩ Pháp thoại và Trung Tâm Nhà Văn Việt Nam Lưu Vong để ủng hộ các nhà cầm bút độc lập và dân chủ đối kháng Việt Nam. Tiếp theo những cuộc vận động kết hợp không ngừng nghỉ đó, Văn Bút Quốc Tế đã hai lần vinh danh bà Trần Khải Thanh Thủy. Ba Trung Tâm Văn Bút Anh, Hoa Kỳ và Thụy Sĩ Ý thoại đã công nhận bà là hội viên danh dự. Danh sách hội viên danh dự Văn Bút Hoa Kỳ có thêm nhà văn Nguyễn Xuân Nghĩa. Hai nhà văn Trần Khải Thanh Thủy và Nguyễn Xuân Nghĩa còn là hội viên kết nghĩa danh dự của Trung Tâm Nhà Văn Việt Nam Lưu Vong.

Genève ngày 30 tháng 10 năm 2010
Liên Hội Nhân Quyền Việt Nam ở Thụy Sĩ
Ligue Vietnamienne des Droits de l'Homme en Suisse
Vietnamese League for Human Rights in Switzerland

Quyết Nghị về Việt Nam

do Trung Tâm Văn Bút Thụy Sĩ Pháp thoại soạn thảo, với sự tán trợ của các Trung Tâm Văn Bút Thụy Sĩ Đức thoại, Văn Bút Thụy Sĩ Ý thoại và Réto-romanche và Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại.

Hội Đồng Đại biểu của Văn Bút Quốc Tế họp Đại Hội Thế Giới kỳ thứ 76 tại Tokyo, Nhựt Bổn, từ ngày 25 tháng Chín đến ngày 1 tháng Mười năm 2010 :

Quan ngại rằng từ khi Quyết Nghị về Việt Nam được Hội đồng Đại biểu Văn Bút Quốc Tế thông qua tại Linz, Cộng hòa Áo hồi tháng Mười năm 2009 cho đến nay, đã có thêm nhiều nhà văn, nhà báo, tác giả nhựt ký điện tử và luật sư bênh vực nhân quyền bị đàn áp với những bản án tù nặng nề (từ 2 đến 16 năm), cùng với việc áp đặt các lệnh tù quản chế (từ 1 đến 5 năm) chỉ vì những người này đã hành sử quyền tự do phát biểu quan điểm. Đồng thời có nhiều cựu tù nhân ngôn luận và lương tâm tiếp tục bị tấn công, đe dọa hoặc bị bắt giam ngắn hạn, trong số đó có bà Lê Thị Công Nhân, bà Lê Thị Kim Thu, bà Hồ Thị Bích Khương và ông Phạm Hồng Sơn;

Kinh hoàng và phẫn nộ về việc các tù nhân ngôn luận và lương tâm đã bị đưa vào các trại lao động cưỡng bức, bị biệt giam hoặc nhốt trong các buồng giam chật chội, thiếu vệ sinh, sống với các tù nhân hình sự có thái độ thù nghịch. Những tù nhân ngôn luận và lương tâm đã bị đánh đập, tra tấn hoặc phải chịu những cách đối xử độc ác, vô nhân đạo hoặc hạ phẩm giá. Họ mắc các bệnh mãn tính, không được chăm sóc y tế đầy đủ và thiếu những điều kiện vệ sinh tối thiểu. Họ bị tước quyền gặp gia đình và quyền được cung cấp thuốc men chữa bệnh vì không chịu thừa nhận có tội, vì dám phản đối, khiếu nại hoặc thực hiện tuyệt thực để phản đối điều kiện giam giữ tồi tệ.

Được báo động và lo lắng cho tình trạng sức khỏe và điều kiện giam cầm đối với những tù nhân sau đây:

- Bà Trần Khải Thanh Thủy : nhà thơ, nhà văn, nhà báo, nhà bất đồng chính kiến sử dụng Internet, thành viên Hội nhà văn và Câu lạc bộ nhà thơ nữ Hà Nội, bà từng bị giam 9 tháng vào năm 2007. Hồi tháng Mười năm 2009, bà đã bị sa vào một trò khiêu khích được dàn dựng và bị đánh gây thương tích ở đầu, tuy nhiên bà lại bị bắt giam với cáo buộc xâm phạm thân thể và tấn công người khác. Bà đã bị bệnh lao phổi nặng và mới khỏi bệnh gần đây. Trong 7 tháng giam cầm trước khi ra tòa, bà không được khám và điều trị các rối loạn mạch vành, tiểu đường và áp huyết thấp. Tại phiên xử, bà đã khẳng định sự vô tội. Theo luật sư của bà: "Cáo buộc của công tố viên dựa trên các căn cứ sai lầm và chứng cớ giả

https://tieulun.hopto.org

mạo". Bà bị kết án 3 năm 6 tháng tù giam sau phiên phúc thẩm vào tháng Tư năm 2010. Bà bị lưu đày vào một trại giam chật ních các nữ tù hình sự. Sức khỏe của bà đang sút giảm nhiều;

- Linh mục Nguyễn Văn Lý, biên tập viên báo Tự do Ngôn luận (phát hành không giấy phép), bị kết án 8 năm tù giam và 5 năm tù quản chế vào năm 2007. Trước đây, ông từng bị tù 15 năm (trong khoảng thời gian 1977-2005). Sau khi bị một cơn tai biến mạch máu não lần thứ hai vào tháng Mười Một năm 2009, gây liệt nửa người bên phải, ông đã được chuyển tới một bệnh viện của công an để điều trị trong một thời gian ngắn. Tháng Ba năm 2010, vì sợ ông có thể chết nên bộ Công an đã chuyển ông về thành phố Huế. Hiện nay ông đang tự tìm cách chữa bệnh, dưới sự kiểm soát của nhà cầm quyền địa phương, trong thời hạn 12 tháng trước khi phải trở lại trại giam;

- Ông Nguyễn Xuân Nghĩa, nhà thơ, nhà văn, nhà báo, hội viên Hội nhà văn Hải Phòng và hội viên điều hành của Khối 8406 (Mạng lưới những nhà bênh vực nhân quyền bị cấm), biên tập viên báo Tổ quốc (phát hành không giấy phép), tác giả của nhiều bài thơ, truyện ngắn, tùy bút, nhựt ký, phóng sự. Bản cáo trạng liệt kê 57 bản văn của ông nhằm mục đích kết tội ông. Ông bị kết án 6 năm tù giam cùng 3 năm tù quản chế. Trong tình trạng sức khỏe rất suy yếu, ông đang bị những căn bệnh trĩ, loét dạ dày, sỏi thận và viêm khớp;

- Ông Trương Minh Đức, nhà báo độc lập và dân chủ đối kháng sử dụng Internet. Ông bị kết án 5 năm tù giam và 3 năm tù quản chế vì những bài báo tố cáo tham nhũng và lạm quyền. Tháng Giêng năm 2008, ông bị gãy tay trái khi ở trong tù. Hiện ông đang bị giam cùng với 60 tù hình sự nguy hiểm trong một trại tù giữa rừng sâu. Gia đình càng gặp nhiều khó khăn và phải tốn kém hơn để vào thăm ông và mang cho ông thức ăn và thuốc chữa bệnh (bị giới hạn ở mức 7 Kg/tháng). Hiện ông đang bị bệnh áp huyết cao và bệnh đường ruột. Tình trạng sức khỏe của ông rất mong manh;

- Còn nữa, trong số nhiều tù nhân khác, những người có tên sau đây cần được nhắc đến: Hòa thượng Thích Quảng Độ (thế danh Đặng Phúc Tuệ, 82 tuổi, nhà thơ, bị tù quản chế từ năm 2003), các ông Nguyễn Phong, Nguyễn Bình Thành, Nguyễn Văn Đài, Trần Quốc Hiền, Trương Quốc Huy, Phạm Bá Hải, Nguyễn Văn Hải (bút hiệu Điếu Cày), bà Phạm Thanh Nghiên, các ông Vũ Văn Hùng, Ngô Quỳnh, Phạm Văn Trội, Nguyễn Văn Túc, Trần Đức Thạch, Nguyễn Văn Tính, Nguyễn Kim Nhàn, Nguyễn Mạnh Sơn, Trần Huỳnh Duy Thức (16 năm tù giam), Lê Thăng Long, Lê Công Định, Nguyễn Tiến Trung và Trần Anh Kim;

Lên án việc tiếp tục dàn dựng các phiên tòa bất công không cho công chúng được tự do tham dự, thiếu vắng các luật sư và các nhà quan sát độc lập, áp dụng biện pháp quản thúc, kéo dài thời gian giam giữ bị cáo trước khi xét xử và tạo ra các bản án tù nặng nề đối với những nhà văn, nhà báo, tác giả nhựt ký điện tử và luật sư bênh vực nhân quyền;

Tố cáo việc nhà cầm quyền vẫn tiếp tục làm áp lực quá sức chịu đựng đối các luật sự bênh vực nhân quyền (sách nhiễu, phỉ báng và hăm dọa), buộc họ không được đứng ra bảo vệ các thân chủ là những nhà văn, nhà báo bị ngược đãi hoặc những người bị trù dập, trấn áp vì niềm tin, quan điểm khác biệt của họ;

Phản đối việc Bộ Công An tiến hành kiểm duyệt khắc nghiệt hệ thống truyền thông đại chúng và tin tức trên Internet, phá hoại hàng trăm nhựt ký điện tử và trang tin điện tử độc lập, việc thực hiện các điều luật độc đoán nhằm ngăn cản xã hội dân sự hướng về sự cổ xúy và phát huy một nền văn hóa hòa bình và nhân quyền, cản trở việc phát hiện tệ nạn tham nhũng trong guồng máy cai trị cùng các bất công xã hội, và gây khó khăn cho các cuộc tranh luận về chính sách của nhà cầm quyền hoặc các vấn đề có lợi ích quốc gia;

Thúc giục Nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam :

1. Trả tự do, ngay lập tức và vô điều kiện, cho nhà văn Trần Khải Thanh Thủy, linh mục Nguyễn Văn Lý, nhà văn Nguyễn Xuân Nghĩa, nhà báo Trương Minh Đức và những nhà văn, nhà báo, tác giả nhựt ký điện tử và các luật sư bênh vực nhân quyền được nêu tên trên đây, và tất cả những người hiện đang bị giam cầm hoặc bị tù quản chế chỉ vì đã bày tỏ quyền tự do phát biểu quan điểm và chính kiến;

2. Đình chỉ mọi hình thức tấn công, sách nhiễu, đe dọa bắt giữ hoặc giam cầm đối với những người có quan điểm và chính kiến khác biệt hoặc những người kêu gọi cho quyền tự do tư tưởng, tự do lương tâm và tôn giáo;

3. Thu hồi mọi biện pháp hạn chế độc đoán đối với các cựu tù nhân ngôn luận và lương tâm, kể cả những người chưa hết hạn tù quản chế;

4. Cải thiện điều kiện giam cầm trong các nhà tù và trại lao động cưỡng bức, chận đứng việc cho các tù nhân hình sự khiêu khích hay tấn công các tù nhân ngôn luận và lương tâm, nghiêm cấm và trừng phạt mọi hình thức tra tấn và ngược đãi, cho phép các tù nhân ngôn luận và lương tâm đang bị bệnh được đưa đi chữa trị tại bệnh viện và được chăm sóc y tế đầy đủ, cũng như tạo điều kiện cho gia đình tới thăm viếng;

5. Bãi bỏ tất cả bộ máy kiểm duyệt và giải tỏa mọi ngăn cản đối với quyền tự do phát biểu quan điểm, quyền tự do báo chí, tự do sáng tạo và xuất bản, quyền được thông tin bằng mọi phương tiện kể cả Internet và quyền lập hội, phù hợp với các Điều 19, 21 và 22 của Công ước Quốc tế về các Quyền Dân sự và Chính trị (ICCPR).

(Hà Tản Viên và Lê Nhân Quyền chuyển dịch từ hai bản tiếng Anh và tiếng Pháp).

https://tieulun.hopto.org

Đại lễ Ngàn năm qua nhận xét của giới Blogger

10 ngày Đại lễ kỷ niệm Một Ngàn Năm Thăng Long - Hà Nội, bắt đầu từ mùng 1 tháng 10, đã diễn ra rất **"hoành tráng, rất quy mô, rất sôi nổi, rất tốn kém"**, với nhiều công trình mới hay nâng cấp, từ tượng đài, kể cả tượng Vua Lý Thái Tổ, tượng Thánh Gióng, tượng đài Hòa Bình, Tháp Ngàn Năm Thăng Long...

Nhiều điều khó hiểu Theo Blogger Người Buôn Gió

... Trở lại với thời gian đầu trước khi Đại lễ bắt đầu, nhiều bloggers nêu lên nghi vấn về vấn đề tổ chức Đại lễ này, từ chuyện Đại lễ ấy diễn ra không đúng thời điểm dời đô thực sự của Vua Lý Thái Tổ, mà trùng vào ngày Quốc Khánh của Trung Quốc (TQ), ngày Quốc Khánh Đài Loan; dịp Đại lễ cũng không tái hiện được diện mạo quắc thước và hào khí dựng nước, giữ nước, chống ngoại xâm của Tiền Nhân, không thể hiện được niềm tự hào của dân tộc, nhất là ý chí tự cường, tự lập của cha ông trong bối cảnh TQ đe dọa ngày càng đáng ngại đến nền độc lập và sự toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam (VN); cho tới nhiều ý kiến bất bình cho rằng việc tổ chức Đại lễ này vô cùng tốn kém một cách không cần thiết - mà nhiều nguồn tin đề cập tốn tới 4 tỷ rưỡi đô-la - trong khi còn rất nhiều nơi trong nước, dân tình khốn đốn, đó là chưa kể thiên tai lũ lụt vừa hoành hành nghiêm trọng Miền Trung VN.

Về thời điểm kỷ niệm Một Ngàn Năm Thăng Long, blogger Người Buôn Gió từ Hà Nội cho biết:

"Ngày Đại lễ 1000 năm Thăng Long không đúng ngày Lý Công Uẩn dời đô. Nếu họ chọn đúng ngày Lý Công Uẩn dời đô thì nó sẽ có tính chất thiêng liêng hơn. Nhưng họ chọn sang những ngày như thế này làm cho nhiều người dị nghị. Chính vì thế nó mất tính trang nghiêm dịp Đại lễ. Còn hỏi lý do vì sao mà họ chọn ngày Đại lễ như vừa rồi thì họ biết thôi, chứ tôi không muốn bình luận".

Blogger Anh Ba Sài Gòn nhận xét:

"Ngày bắt đầu Đại lễ đó trùng với ngày Quốc khánh TQ thực sự là điều rất kỳ quặc. Xét về mặt lịch sử thì rõ ràng nó không có một căn cứ nào để họ đặt ngày Đại lễ Ngàn Năm Thăng Long ứng với sự kiện dời đô của Vua Lý Thái Tổ, tức Lý Công Uẩn. Sự kiện đó vô cùng kỳ quái. Nhưng vấn đề là sự việc có thể thay đổi nếu giới cầm quyền biết nghe những ý kiến phản biện. Dịp Đại lễ tổ chức không đúng sự kiện lịch sử mà nó còn gây phản cảm trong tình trạng đất nước VN hiện nay bên cạnh một nước lớn với rất nhiều hành động đe dọa chủ quyền và con người VN, nhất là ngư dân VN mưu sinh trên Biển Đông.

Thật hoàn toàn không hiểu nổi tư duy của những nhà lãnh đạo VN quyết định chuyện đó là vì sao?".

Ngoài chuyện từ ngày khai mạc cho tới bế mạc Đại lễ 1.000 Năm Thăng Long không dính dáng gì đến thời điểm dời đô ngàn năm trước của Vua Lý Thái Tổ, thì long nhan quắc thước của Tiền Nhân khai sáng nước Đại Việt Triều Lý, và cả bức tượng của Vua Lý Thái Tổ bên bờ Hồ Hoàn Kiếm, cũng bị "Tàu hóa" – thậm chí có người nói là "Tần Thủy Hoàng đang đi kinh lý phương Nam", đặc biệt Tàu hóa qua bộ phim tốn hơn 100 tỷ đồng tựa đề "Lý Công Uẩn - Đường tới thành Thăng Long" thể hiện – theo lời **blogger Mẹ Nấm** – *"dưới lớp áo Tàu khi thuê nguyên ê-kíp đạo diễn, trường quay và cả diễn viên nước lạ tại trường quay Hoành Điếm thuộc tỉnh Triết Giang, TQ".* Câu hỏi được nêu lên là liệu tinh thần Đại lễ Ngàn năm Thăng Long - dịp biểu dương tinh thần độc lập, tự chủ của Tiền Nhân trong suốt mấy ngàn năm lịch sử của dân tộc Việt - có thể hiện được truyền thống và hào khí bất khuất, tự cường dân tộc hay không?

Một hình ảnh no đủ vá víu Blogger Mẹ Nấm

"Với hoàn cảnh xã hội VN hiện tại, không nhất thiết phải hao tiền tốn của cho những dịp lễ lạc như thế này. Người dân còn nghèo, trẻ em vùng cao, vùng sâu còn chưa có ăn, có mặc đầy đủ, chưa được tạo điều kiện học hành đến nơi đến chốn, điều kiện chăm sóc y tế tại nhiều địa phương còn lạc hậu, tệ nạn xã hội ngày càng nhiều. Tất cả những vấn đề quan trọng của xã hội đều chưa được nhà nước chăm lo giải quyết xác đáng. Làm sao dân tộc Việt có thể vững mạnh khi cứ mãi theo đuổi truyền thống tự hào trong quá khứ và cố gắng xây dựng một hình ảnh no đủ vá víu như thế này?".

Blogger Phạm Viết Đào nhân tiện làm thơ thế sự, có đoạn than thở như sau:

Không gian Hà Thành rực pháo hoa nội, ngoại
Liệu có làm vơi đi được phần nào nỗi đau thân xác
Của những con bệnh bần hàn
Vật nài từng phút, từng giây để kéo ghì sự sống...
Không một bệnh viện nào... khánh thành.
Trong Đại lễ ngàn năm
Hàng ngàn tỷ đồng được giải ngân
Cho những chương trình, dự án
Thành phố có biết bao cao cấp chung cư khánh thành,
Bao khách sạn siêu sao
Bao văn phòng cho thuê choáng lộn
Bao nhà hát xây lên, gióng trống khai trương
Bao tượng đài được dựng lên
Ghi những huyền tích chiến công
Bao nhà hàng sang trọng
Dành cho giới có tiền
Tận hưởng phú quý, ăn chơi...
Còn số đông nhân dân
Vẫn phải sờ nắn túi mình trong từng phiên chợ...

https://tieulun.hopto.org

Đại lễ Buồn:
Blogger Trương Duy Nhất

Thưa quý vị, Việt Nam hồ hởi tổ chức hoành tráng mừng 1.000 năm Thăng Long-Hà Nội vào khi Miền Trung Việt Nam lâm cảnh thiên tai bi thương nghiêm trọng, khiến blogger Trương Duy Nhất không khỏi không lên tiếng.

Qua bài tựa đề "Đại lễ Buồn", blogger Trương Duy Nhất mở đầu rằng "Không có đất nào lại đi nhảy múa hò reo, bắn pháo hoa làm lễ hội giữa lúc hàng chục vạn ngôi nhà đang chìm trong lũ, hơn 70 người chết và hàng vạn sinh mạng đang cầu cứu"... Và Blogger Trương Duy Nhất nhận xét thêm:

Một trong những điều làm rất nhiều người băn khoăn, ray rứt khi Đại lễ nghìn năm diễn ra ở Hà Nội thì đồng bào miền Trung đang quay cuồng chống chọi với mưa lũ. (**Blogger Hãy dành thời gian)**

"Đại lễ nghìn năm sẽ thật sự để tiếng thơm nghìn năm, thật sự linh thiêng hơn nếu hủy bỏ tất cả các hoạt động phần hội, chỉ còn phần lễ. Cả cụ Lý Công Uẩn, đất trời, thần linh, tiên tổ chắc cũng chẳng ai dám gật đầu ủng hộ cho thần dân, cháu con mình hò reo nhảy múa, bắn pháo hoa giữa lúc này".

Và blogger Trương Duy Nhất kết luận:

"Một Đại lễ thật buồn. Sao cứ cố làm một khi cả lòng người và đất trời không thuận?".

Suy ngẫm sau ngày hội
Blogger haydanhthoigian

Sau khi Đại lễ 1.000 năm Thăng Long kết thúc, đề cập tới "những điều phải... ray rứt... suy ngẫm sau những ngày hội tưng bừng vừa qua":

"Một trong những điều làm rất nhiều người băn khoăn, ray rứt khi Đại lễ nghìn năm diễn ra ở Hà Nội thì đồng bào miền Trung đang quay cuồng chống chọi với mưa lũ. Hàng chục người chết, hàng ngàn ngôi nhà bị hư hỏng nặng, người dân Minh Hóa, Quảng Bình phải sống theo kiểu nguyên thủy trong hang đá suốt 5 ngày trời".

Blogger haydanhthoigian nhân tiện đề cập tới những "ray rứt" khác, như khách tham quan tranh nhau sờ mó, cậy bóc chữ ở "Chiếu Dời Đô" để lấy hên, hay viết tên mình trên những điểm di tích một cách thiếu ý thức khiến ảnh hưởng đến di sản văn hóa truyền thống. Đó là chưa kể nạn móc túi hoành hành nhân dịp lễ. Và nhất là tình trạng mà **blogger Nguyễn Trọng Tạo** trích mạng Dân Trí về "thảm cảnh hậu Đại lễ":

"Mỹ Đình chìm trong "biển rác". Rác ngập ngụa khắp nơi. Từ dưới đường đến những bãi cỏ xanh, đâu đâu cũng thấy rác. Sau một đêm hội đầy ý nghĩa, khu vực sân Mỹ Đình bị rác "bủa vây". Không chỉ vậy, hàng loạt cây cảnh bị người dân "hạ gục" khi chen lấn, xô đẩy. "Biển người" xem pháo hoa, giao thông hỗn loạn khu Mỹ Đình".

Lên tiếng hôm thứ Ba, sau khi Đại lễ Kỷ Niệm 1.000 Thăng Long kết thúc 2 ngày, **Blogger GS Hà Văn Thịnh** từ Huế có nhận xét tổng quát:

"Việc tổ chức Đại lễ này rất nên. Nhưng tốn kém quá, lãng phí quá. Và có nhiều điều vô lý quá, khó chấp nhận.

Vô lý thí dụ như là bỏ ra hàng chục ngàn tỷ đồng để mà vui chơi như vậy trong khi đất nước nghèo như thế. Đó là điều vô lý. Khi pháo hoa nổ rồi và lũ lụt xảy ra rồi mà vẫn tiếp tục bắn. Nhưng cuối cùng phải hoãn, không bắn nữa. Nhưng dù sao cũng đã phát ngôn chính thức rằng vẫn tiếp tục bắn pháo hoa. Đó là điều vô lý. Lũ lụt Miền Trung gây tử vong gần 100 người như vậy mà vẫn vui vẻ, phấn khởi, vẫn pháo hoa, thì theo tôi là vô lý. Ngoài ra, tôi cũng có viết một bài tựa đề Nỗi Buồn Sử Học đăng trên báo Văn Hóa Nghệ An, qua đó đề cập tới việc bây giờ vẫn không biết ông nội của Lý Công Uẩn là ai. Mù mờ như vậy mà chúng ta vẫn kỷ niệm. Đối với một vị vua mà danh tính không rõ ràng thì nói chung, theo truyền thống dân tộc, điều đó không hợp lý, không hợp lẽ. Bởi vì vua thì danh tính phải rõ ràng, nguồn gốc phải minh bạch thì mới thuyết phục được dân chúng".

Có lẽ nhận xét của Giáo sư Hà Văn Thịnh đã phần nào nói lên đầy đủ sự hiện thực của 10 ngày Ngàn năm Thăng Long...

Thanh Quang
(phóng viên RFA - 12.10.2010)

Tiến sĩ Hà Sĩ Phu: tiếp tục trình bày Ngàn Năm Thăng Long và những ý kiến phản biện về những tiếng nói phản biện đối với những sai trái của chính quyền trong việc chuẩn bị và tổ chức đại lễ 'Ngàn năm Thăng Long', và những việc người dân nên làm trước những sai trái... *"Đợt 10 ngày này chỉ là cái kết thúc, còn suốt cả quá trình chuẩn bị thì dài hơn rồi, cũng đã chuẩn bị nhiều năm nay rồi, thế mà toàn bộ quá trình chuẩn bị đó nằm trong giai đoạn mà quan hệ Việt Nam - Trung Quốc có vấn đề.*

... Nhưng mà tôi lấy thí dụ bây giờ phải có tiếng nói gì đó tẩy chay, tức là chúng tôi coi việc đó, việc tổ chức Đại Lễ 1.000 Năm Thăng Long là rất quan trọng, nhưng bây giờ các ông làm nhiều việc xúc phạm đến dân tộc thì chúng tôi phản ứng. Nếu mà các ông sửa thì chúng tôi rất là hưởng ứng, nhưng nếu không sửa thì tất cả chúng tôi tẩy chay. Sự tẩy chay đó là một sự xây dựng, như ***nhà báo Lê Phú Khải*** *đã viết một bài thơ, đấy là một hình thức tẩy chay:*

Anh không về đại lễ đâu em
Dù Hà Nội ngàn năm hay vạn năm cũng thế
Khi vua Lý lại mang mão áo vua Tần!
Khi trong phim Việt Nam chỉ thấy sắc màu Trung Quốc!

Thà làm quỷ nước Nam còn hơn làm vương đất Bắc
Ông bà ta là thế!
Nên mới còn non nước Việt hôm nay
Hãy gửi cho anh một gói cốm màu xanh
Để anh nuốt vào lòng cả mùa thu Hà Nội
Gửi cho anh một cành liễu Hồ Tây
Để hồn anh mênh mang cùng sương khói...

Tưởng nhớ Người xưa đốt hương trầm là đủ
Hãy để những tỷ đô la xây bệnh viện, công viên
Để ngàn năm Thăng Long không thành ngàn mụn ghẻ
Để không còn những bộ phim
Ngộ độc cả ca dao, băng huyết cả tâm hồn.

Gia Minh, biên tập viên RFA
27.9.2010

https://tieulun.hopto.org

Tổng Hội H.O tường trình công tác bốc mộ - tìm mộ tử sĩ VNCH tại Làng Đá và vùng lân cận từ ngày 26. 6. 2010 đến 30. 7. 2010

• **Nguyễn Đạc Thành** tường trình

Ngày 7 tháng 6 năm 2010, chúng tôi đại diện cho Tổng Hội H.O, lên đường qua Úc Châu, tham dự Chương Trình Bông Hồng Trên Nấm Mộ Hoang, theo lời mời của ba ban tổ chức, gây quỹ, bảo trợ Bốc Mộ Tử Sĩ Làng Đá. Cuộc hành trình nầy, bắt đầu cho chuyến về Việt Nam, trong chương trình Tình Đồng Đội, bốc 22 mộ Tử Sĩ VNCH tại Làng Đá, và một số mộ có bia, ở vùng lân cận. Đây là trách nhiệm của Người Lính, đối với Người Lính, đưa Người Tử Sĩ Trở Về (The Returning Casualties) với gia đình sau 35 năm chiến tranh chấm dứt.

Công tác lần nầy, chúng tôi có hai nhiệm vụ chính:

1.- Tổ chức Tìm Mộ Tử Sĩ VNCH

2.- Tổ chức 2 lần bốc mộ khác nhau:

a). Bốc 22 ngôi mộ thuộc Làng Đá

b). Giúp 8 gia đình bốc mộ người thân ở những vùng lân cận.

A.- Tìm Mộ Tử Sĩ VNCH

Tiếp theo đề nghị của chúng tôi vào năm 2009, về việc xin Cải Táng ngôi mộ chôn khoảng trên, dưới 200 binh sĩ VNCH đã tử trận trong những ngày cuối cùng tháng 4 năm 1975. Ngôi mộ nầy, trước đây nằm trong Nghĩa Trang Biên Hòa. Sau ngày 30.4.75, quân đội Bắc Việt Nam, đến trú đóng và đã cắt phần đất của Nghĩa Trang, trong đó có Ngôi Mộ nói trên, bán cho công ty Hưng Thịnh.

Theo sự hướng dẫn của ông Đặng Hồ Phát, Vụ Trưởng Vụ Cộng Đồng, thuộc Bộ Ngoại Giao Việt Nam, chúng tôi đến Nghĩa Địa Bình An vào ngày 25.6.2010 để gặp và thảo luận với Ban Quản Trang thủ tục Cải Táng ngôi mộ nói trên. Theo sự hướng dẫn của Ban Quản Trang, chúng tôi đã nhờ Ban Quản Trang chuyển đơn xin Cải Táng ngôi mộ tập thể lên ông Chủ Tịch Huyện Dĩ An. Một tuần lễ sau, chúng tôi được Ban Quản Trang cho biết, Huyện Dĩ An đã phái một toán công an đến xác minh ngôi mộ tại Công Ty Hưng Thịnh. Chúng tôi còn chờ quyết định của chánh quyền huyện Dĩ An. Tin tức cuối cùng, trước khi về lại Hoa Kỳ, một đại diện của Vụ Cộng Đồng cho biết, việc bốc ngôi mộ nói trên, không trở ngại, nhưng phải chờ thủ tục và sẽ được phép trong ngày gần đây.

Sau đó, chúng tôi đi Bình Long, giúp tìm mộ người thân của Bà Thu Vân, một ủng hộ viên tích cực trong đêm gây quỹ tại Úc Châu. Một chiếc nón nhựa của người quá cố còn nằm chênh vênh trên một ngôi mộ hoang tàn không tên tuổi. Trên 30 ngôi mộ của những chiến sĩ Bình Long, nằm hiu quạnh trong một vùng đất hoang tàn, lạnh lẽo không khói hương và dĩ nhiên không mộ bia, những chiến sĩ Vô Danh... dân chúng đang lấn dần để canh tác.

Sau Bình Long, chúng tôi ra Bắc và đến Phủ Lý, tìm mộ tại khu mộ thứ hai của Trại Cải Tạo Nam Hà do dân chúng thông báo (khu mộ thứ nhất nằm sát quốc lộ đi Nam Định). Tại đây, một cư dân, lớn lên tại địa phương nầy, lúc nhỏ chăn bò, cho biết: Có 3 dãy mộ sát với chân tường của nghĩa địa là mộ Tù Cải Tạo. Những ngôi mộ ở bên ngoài, mới chôn sau nầy là của dân chúng. Người đàn ông tốt bụng, hướng dẫn chúng tôi vào tìm mộ. Chúng tôi cố tìm chứng tích Mộ, nhưng vô cùng khó khăn, vì cỏ dầy đặc, đan nhau như tấm đệm, cao đến ngực, che khuất cả mặt đất. Chúng tôi cố vẹt cỏ, để may ra tìm được bia mộ, nhưng hoàn toàn không thấy bia. Vì vậy, chúng tôi không thể xác định có mộ hay không ở nghĩa địa nầy. Nghĩa trang thứ nhất chôn tù của Trại Cải Tạo Nam Hà, nằm dọc theo Quốc Lộ đi Nam Định. Những người tù của Trại Nam Hà bệnh nặng, được chuyển ra điều trị tại một trạm xá, được anh em Tù gọi là Trại Mễ. Tù chết, được đem chôn tại đây. Trong khi chúng tôi ở Saigon, may mắn tiếp xúc được một gia đình, có thân nhân chết và chôn tại Nghĩa Địa thứ nhất, con của cố Trung Tá Dần. Cách đây khá lâu, người con gái của Trung Tá Dần đã ra Trại Cải Tạo Nam Hà, xin bốc mộ cha. Trại cấp phép bốc mộ. Khi chị đến nghĩa trang, đào mộ thì chỉ còn hòm mà không có hài cốt. Chị hỏi công ty hóa chất gần đó, thì được biết, chánh quyền địa phương đã cắt một phần đất của nghĩa địa, giao cho công ty hóa chất. Công ty nầy đã bốc hài cốt của những mộ phần trong phần đất dành cho công ty, cải táng đi nơi khác. Vài năm sau, gia đình trở lại bốc mộ, thân nhân được cho biết, hài cốt đã bị dời đi 3 lần và hiện nay, đã gom lại một nơi và mỗi hài cốt được bỏ vào một hủ bằng sành, nhưng hoàn toàn không có tên. Biết trong số hài cốt giữ tại đây, có hài cốt cha của mình, thân nhân xin phép nhà cầm quyền địa phương, cho di chuyển tất cả gồm 14 hủ hài cốt về Nam để thờ phương. Hiện nay, 14 hài cốt nói trên, được thờ tại nhà thờ ở Bà Chiểu... Tôi đã đến thăm và nhang khói cho anh em. 14 hũ cốt với 2 chữ NAM HÀ đậm nét. Bà con nào có thân nhân qua đời ở Nam Hà muốn tìm hài cốt thân nhân, liên lạc với chúng tôi.

Do thân nhân yêu cầu Tổng Hội, giúp xác định mộ phần của người thân tại một số trại tù do Công An quản lý, ngày 30 tháng 6 năm 2010, chúng tôi đến Cục Theo Dõi Thi Hành Án, theo sự giới thiệu của Tòa Đại Sứ Vietnam tại DC, để được cấp phép đến các trại giam, xác định mộ phần. Tại đây, chúng tôi được thông báo, các trại giam đều có danh sách người quá cố và có bản đồ mộ phần. Tổng Hội chỉ cần gởi danh sách người quá cố. Cục Theo Dõi Thi Hành Án sẽ cung cấp thông tin, không cần phải đi tìm. Ngày 30.7.2010, chúng tôi đã gởi danh sách đến Bộ Ngoại Giao. Dưới đây là Danh Sách người quá cố do thân nhân xin xác định mộ phần:

*** Trại cải tạo Thanh Chương:**

1.- Cố Thiếu Tá LÊ THƠM

2.- Cố Đại Úy ĐOÀN VĂN XƯỜNG

3.- Cố Đại Úy NGUYỄN LƯU MỸ

https://tieulun.hopto.org

*** Trại cải tạo Vĩnh Phú – Thanh Hóa**

4.- Cố Tr. Tá NGUYỄN VĂN NĂM

5.- Cố Thiếu Tá CUNG THÚC CÔNG

6.- NGUYỄN VĂN NGUƠN

7- Cố T/Úy NGUYỄN VĂN CHÂU

8- Cố Đ/Úy HUỲNH NGỌC CHẨN

9- Cố Tr.Tá NGUYỄN VĂN BẰNG

10- Cố Đại Úy TRẦN VĂN PHÁT

11- NGUYỄN LƯƠNG MẠNH

12- Cố Đ/úy NGUYỄN VĂN QUỚI

13- Cố Thiếu Tá NGUYỄN HIỂN

14- ĐỖ NHƯ KHUÊ

15- Cố Thiếu Tá LÂM NGỌC THU

*** Trại cải tạo Nam Hà**

16- Cố Th. Tá VÕ CÔNG BÌNH

17- Cố Tr. Tá LÝ THÀNH BA

18- CHƯƠNG HỮU LỄ

19- Cố Đại Tá NGUYỄN KHẮC TUÂN

20- Cố Thiếu Tá LÂM NGỌC THU.

Trong ngày đầu tiên lên Làng Đá cùng với đại diện của tỉnh Yên Bái và Huyện Yên Bình, chúng tôi được xã Cẩm Nhân hướng dẫn tìm được hai ngôi mộ tại một nơi gần đó. Một trong hai ngôi mộ nầy, thân nhân đã bốc một mộ:

-. ĐÀO HỮU ĐÔNG sinh ngày 8 tháng 2 năm 1943 - chết 7 tháng 9 năm 1976

-. TẠ DƯƠNG MINH sinh năm 1943 - chết 1976. Thủ Đức – Gia Định.

B. - Bốc Mộ Tử Sĩ

Công tác bốc mộ lần nầy, chúng tôi tổ chức 2 lần khác nhau. Lý do rất đơn giản: Những ngôi mộ ở ngoài khu mộ Làng Đá, có mộ bia và cách Làng Đá khoảng 3 đến 4 tiếng đồng hồ đi bằng xe Honda. Khi bốc mộ xong, thân nhân mang hài cốt đi thẳng về Nam, ***vì không nơi nào, kể cả khách sạn, cũng không cho thân nhân giữ hài cốt tại khách sạn.*** Về phần Làng Đá, chúng tôi phải chuẩn bị và bốc mộ khoảng 10 ngày. Ngày 27 tháng 6 năm 2010, chúng tôi đến Yên Bái bốc xong những ngôi mộ sau đây:

1- Cố Đại Úy Chung Hữu Hạnh, người duy nhất có bia tại Làng Đá.

2- Cố Đại Úy Hoàng Thế Tựu, Đại Đội Trưởng 93? TĐ 9 Nhảy Dù

3- Cố Đại Úy Trần Văn Hiếu

4- Cố Trung Tá Nguyễn Quang Tôn, Sư Đoàn 25 Bộ Binh

5- Cố Thiếu Tá Cảnh Sát Quốc Gia Nguyễn Phước Kiêm

6- Cố Trung Tá Đào Xuân Sinh – Liên Đoàn 5 Biệt Đông Quân

7- Ngoài ra, thân nhân xin tháp tùng đi bốc mộ (Cô Hồ Lisa gọi ngày 24/6) ông Nguyễn quang Thái, và đã tự bốc mộ cùng ngày khi chúng tôi bốc mộ ông Đào Xuân Sinh tại xã Kiên Thành. Như vậy, tổng cộng có 7 hài cốt tù cải tạo đã về với gia đình.

Sau đó, chúng tôi bốc thêm 2 ngôi mộ có mộ bia ở Sơn La và Xã Tân Thịnh:

8- Cố Đại Úy Huỳnh Tự Trọng, người được dân chúng xây Miếu Thờ tại Mường Côi về sự linh hiển của ông.

9- Cố Trung Tá Bùi Quang Kính, Trưởng Khối quan sát Không Quân

Ngày 17 tháng 7, chúng tôi ra Yên Bái lần thứ hai, bốc mộ Làng Đá. Sau hai ngày hoàn tất thủ tục tại Yên Bái, đoàn người bốc mộ đã đến nghĩa địa Làng Đá vào ngày 19 tháng 7. Phái đoàn đi bốc mộ gồm có 15 người có tên dưới đây:

1- Ông Nguyễn Đạc Thành, Trưởng đoàn

2- Luật Sư Wesley Codd ou, cố vấn Luật Pháp

3- Bà Julie Martin, Archeologist, chuyên viên lấy mẫu DNA từ Luân Đôn tới.

4- Ông Nguyễn Quang, Phó Đoàn, Đại Diện Tổng Hội tại Nam Cali

5- Daniel Lương, con cố Đại Úy Pháo Binh Lương Văn Hoa cùng với mẹ ruột và 2 thân nhân, gồm 4 người

6- Huỳnh Khương Ân, con rể cố Trung Tá Trần Đình Năm

7- Trần Thái Dương, con của Cố Đại Úy Bộ Binh Trần Xuất.

8- Nguyễn Bảo Minh, con cố Thiếu Tá Nguyễn Văn Bảy, Trung Đoàn Phó Trung Đoàn 43, Sư Đoàn 18 Bộ Binh

9- Đại Diện cho gia đình Ngô Văn Sang, có dấu Ủy Quyền cho Tổng Hội

10- Phụ việc, Hứa Minh Độ, con tử sĩ Hứa Minh Đức, chúng tôi giúp bốc mộ 2009 tại Làng Đá.

11- Phụ việc, Phan Văn Trung, con tu sĩ Phan Văn Ở, đã giúp chúng tôi ngay từ đầu chương trình.

12- Phụ việc, Nguyễn Bảo Minh, con của tử sĩ Nguyễn văn Bảy.

13- Thân nhân của Cố Đại Úy Lương Văn Hoa

14- Thân nhân cố Đại Úy Lương Văn Hòa

15- Thân nhân cố Đại Úy Lương Văn Hòa

Cháu Nguyễn Bảo Minh phải đến Làng Đá trước vài hôm để chuẩn bị, dọn dẹp và cấm cọc trên từng ngôi mộ - xác định mộ theo bản đồ - làm việc trực tiếp với chánh quyền địa phương trước khi đoàn người bốc mộ đến. Một vấn đề khó khăn, đó là làm sao có nơi cho đoàn người bốc mộ nghỉ ngơi, tắm giặt và ăn uống ở một nơi hẻo lánh, chỉ có người sắc tộc Tày. May mắn, cháu Minh đã làm quen được với chủ một căn nhà trọ, đoàn người chia nhau, tìm chỗ nghỉ ngơi.

Đoàn người của chánh quyền tỉnh Yên Bái - Huyện Yên Bình và chánh quyền địa phương khoảng gần 20 người, bao gồm công an, bộ đội, nhân viên các ban ngành, đã theo suốt thời gian bốc mộ, chuyển hài cốt từ địa điểm cũ sang địa điểm mới. Sự hợp tác giữa chúng tôi và dân địa phương, cũng như chánh quyền tỉnh,

https://tieulun.hopto.org

huyện và địa phương, được đánh giá tốt đẹp và cởi mở. Không một trở ngại hay khó khăn nào xảy ra trong khi bốc mộ.

Chánh quyền địa phương đã đồng ý dành cho chúng tôi toàn quyền chọn địa điểm để tạm giữ hài cốt trong thời gian chờ thử DNA. Chúng tôi cùng thân nhân, đã chọn ngọn đồi cách nghĩa địa cũ khoảng 2 cây số làm nghĩa trang tạm thời cho anh em bất hạnh, tạm nghỉ nơi đây, chờ thử nghiệm DNA. Một mảnh đất dài 10 mét – ngang 05 mét, mặt hướng về Thác Bà mênh mông nước bạc. Lưng dựa vào dãy Hoàng Liên Sơn, với giá 4 triệu tiền Việt Nam, bao gồm hương khói cho người quá cố. Chúng tôi tặng thêm 5 trăm ngàn cho người chủ đất, giữ mộ. Một thỏa thuận giữa chủ đất – chánh quyền địa phương và Tổng Hội được ký kết về việc bảo vệ khu mộ tạm như sau:

- Thân nhân muốn di dời hài cốt phải thông qua Tổng Hội H.O và chánh quyền địa phương. Chánh quyền cũng đồng ý, rằng, nếu chánh quyền có quyết định nào về khu mộ mới nói trên, cũng phải thông báo và có ý kiến của Chủ Tịch Tổng Hội H.O. Người giữ mộ phải tuân hành quyết định nói trên.

- Ông Dũng, người giữ mộ có nhiệm vụ thắp hương mỗi ngày và làm sạch cỏ mỗi tháng.

Sau khi hoàn tất mọi thủ tục, chúng tôi bắt tay vào việc bốc mộ. Năm máy thu hình, 5 máy chụp ảnh đã được sử dụng. Do đó, hình ảnh rất đầy đủ. Bà Julie hết sức vất vả và tận tụy với công việc. Nhờ sự tận tụy đó, chúng tôi xác định được những đặc điểm đặc biệt của người quá cố. Nhờ đó, thân nhân có thể dễ dàng nhận ra hài cốt thân nhân hoặc là những anh em Tù Cải Tạo, những người đã phụ trách liệm và chôn người bất hạnh, có thể nhớ và biết tên người chết.

Sau 3 ngày chuẩn bị chu đáo. Bắt đầu bốc mộ là Lễ Cầu Siêu. Vì không mời được Thầy và Cha đến cầu siêu (người sắc tộc không có chùa và cũng không có nhà thờ), cá nhân tôi phải xin Thượng Tọa Chùa Bửu Đà, dạy cho bài Kinh và Nghi Thức Cầu Siêu để làm lễ. Theo Thượng Tọa, quan trọng nhất là TÂM của mình. Gia đình người quá cố cùng với chúng tôi, cử hành lễ Cầu Siêu thật nghiêm trang.

- Ngày 21 tháng 7, bốc một ngôi mộ
- Ngày 22 tháng 7 bốc 06 mộ
- Ngày 23 thánh 7 bốc 05 mộ.

Tiếp theo đó, ngày 24, chúng tôi cố gắng tìm thêm, có mộ nào còn bỏ sót hay không, vì theo danh sách, có đến 22 ngôi mộ, kể cả ngôi mộ Cố Đại Úy Chung Hữu Hạnh. Chúng tôi bốc tại Làng Đá, tất cả 13 ngôi mộ. Con số mộ bị mất hài cốt là 09 mộ. Sự mất mát nầy, do thân nhân lén bốc vào ban đêm, theo chỉ dẫn của dân địa phương. Xác xuất bốc hài cốt lầm đã được xác định. Cháu Nguyễn Bảo Minh cố tìm hài cốt cha với 2 hàm răng giả, hoàn toàn thất vọng, vì 12 hài cốt, đều có răng thật. Chỉ có một hài cốt thứ 13, ngôi mộ số 22 không có răng, nhưng cũng không tìm được hàm răng giả.

Ai nấy buồn bã thở dài. Nhìn những bộ xương đồng đội nằm trong lớp đất, tim tôi đau buốt. Một cái gì chận ngay cổ họng tôi..., bỗng đâu đây có tiếng nấc nghẹn, tôi quay người về hướng tiếng nấc, thì ra bà Julie đã khóc. Trong lúc nhàn rỗi, bà hỏi tôi về đời lính trước ngày 30.4.75. Và sau đó, bà hỏi tôi về những ngày bi thảm và vì sao tôi trở lại đây tìm đồng đội. Tôi kể cho bà nghe, bạn tôi, những chiến sĩ đã từng vào sanh ra tử, đã cống hiến cả tuổi thanh xuân, cả hạnh phúc gia đình cho miền Nam thân yêu. Suốt chiều dài của cuộc chiến, mỗi năm người lính chỉ có 30 ngày phép... nhưng khi chiến tranh lên cao, 30 ngày phép cũng không có. Chúng tôi đã hy sinh cả tuổi thanh niên đầy nhựa sống. Chúng tôi cũng thèm khát một mái ấm gia đình, thèm hạnh phúc lứa đôi, nhưng chiến tranh thật quái ác, chúng tôi không có gì để hưởng.

Hòa bình đến, cũng là lúc bi thảm đến với chúng tôi. Có người không gặp được vợ con lần cuối để nói lời giã biệt, phải bước chân vào vòng tù tội, đọa đày. Và trong hàng ngàn người bất hạnh đó, không bao giờ trở lại... Họ chỉ còn là những bộ xương khô nằm trong lòng đất. Nhìn bãi tha ma hoang tàn, những bộ xương khô nằm lẫn trong đất, bất giác hai hàng nước mắt của bà Julie chảy dài trên đôi má. Bà vội lau nhanh và cúi đầu tiếp tục bới xương.... Người Việt chúng ta, những người đã bảo rằng hãy để hài cốt tù cải tạo nằm lại rừng hoang, nghĩ gì về những giọt nước mắt của bà Julie?

Thượng Đế cũng không cầm lòng được, cơn mưa rừng đến thật nhanh, chúng tôi phải che lều để bới xương. Bốc mộ ngày thứ nhất vừa xong, thì ông Xuân Hồng của đài BBC gọi đến phỏng vấn. Sau khi đài BBC phát đi bản tin, cháu Nguyễn Viết Long đã gọi đến cho biết, cha của cháu là Cố Thiếu Tá Nguyễn Viết Bạch, hài cốt đang nằm tại Làng Đá, xin chúng tôi giúp tìm hài cốt cha.

Ngày thứ hai bắt đầu thì cơn bão số 1 đã ập đến. Mây bay thật thấp và cơn mưa rừng như thác đổ ập xuống khu mộ hoang tàn. Không thể nào ngưng việc, chúng tôi phải căng những tấm cao su, che tạm để bà Julie cào nhẹ lớp đất, nhặt từng lóng xương đưa về phòng thí nghiệm. Khi hoàng hôn xuống, trở lại nhà trọ, tôi hỏi vì sao bà khóc? Bà hỏi lại tôi, vì sao mắt ông đỏ hoe? Bà thở dài: Chiến tranh tàn ác quá.

Sau khi hoàn tất bốc mộ, toàn bộ hài cốt được chuyển về địa điểm mới. Tại đây, 12 ngôi mộ được cải táng cẩn thận cùng với mộ bia và bát nhang trên mỗi ngôi mộ. Chúng tôi làm lễ tại đây một lần nữa trước khi ra về. Mọi người ai cũng thỏa mãn với việc bốc mộ, nhưng không ai bảo ai, tâm tư đều nặng trĩu. Ngày cuối cùng, khi chúng tôi làm lễ cầu siêu tại nghĩa địa mới, cơn bão số 2 ập đến. Một điều may mắn kỳ diệu: Cơn mưa đang rơi nặng hột, mây đen nghịt trời, nước mưa xối xả. Mọi người ướt đẫm. Không thấy dấu hiệu dứt cơn mưa, chúng tôi đành quyết định dùng áo đi mưa che nước để đốt nhang làm lễ cầu siêu tại nghĩa trang mới. Nhang được che và đốt. Bỗng nhiên, cơn mưa ngưng hẳn, dù mây đen vẫn dầy đặc bầu trời. Chúng tôi hết sức vui mừng, bắt đầu đọc kinh... Mười phút trôi qua, lễ cầu siêu vừa chấm dứt... Cơn mưa ào ào kéo đến như thác lũ.

Lần bốc mộ nầy, chúng tôi hoàn tất hết sức chu đáo. Những di vật của người quá cố cùng với những nét đặc biệt của hài cốt được bà Julie ghi vào hồ sơ thật chi tiết. Thân nhân có thể nhận diện được hài cốt người thân bởi những nét đặc biệt của hài cốt và di vật của người quá cố. Cách liệm hài cốt, hoặc những cách chôn cất đặc biệt cũng được ghi rõ trong hồ sơ. Những tù cải tạo đã chôn

https://tieulun.hopto.org

xác đồng đội, có thể nhận diện được tên họ người quá cố. Nếu anh em tù cải tạo nhận diện được tên người quá cố, xin thông báo cho chúng tôi, hầu giúp thân nhân tìm được hài cốt người thân.

Dưới đây là đặc điểm của từng hài cốt cùng với di vật, chúng tôi hy vọng thân nhân và anh em tù đã chôn cất người quá cố, có thể nhận diện được người bất hạnh:

- MỘ SỐ 2: Quần áo ngắn may bằng bao cát – Chén bằng sắt tráng men – Kem đánh răng Hynos - Bao cát đựng dụng cụ.

- MỘ SỐ 3: Áo đi mưa của quân đội

- MỘ SỐ 5: Chén sắt màu xanh, trắng

- MỘ SỐ 6: Chôn ngược đầu**. Đầu quay về hướng Nam, thay vì hướng Bắc**. Một áo ngắn tay màu xanh - Mùng lưới của quân đội.

- MỘ SỐ 8: **Vết đạn xuyên qua đùi trái, chạm xương đùi - Mất bàn chân trái** – Valise bằng Plastic màu xanh – Choàng cổ bằng len đan bằng tay, có khoan xanh, vàng – Mùng lưới quân đội.

- MỘ SỐ 13: Chén - gối kê đầu bằng mousse **– Người có hàm răng hô – Balô quân đội.**

- MỘ SỐ 15: Mùng lưới

- MỘ SỐ 16: Không có gì cả.

- MỘ SỐ 22: Bao nylon nhỏ - Bao nylon thật mỏng

- MỘ SỐ 23: Đôi dép râu – mùng lưới quân đội - một folder màu xanh – 4 ống thuốc màu nâu - Một kính soi mặt nhỏ - 1 kem Hynos – 3 bút nịch – mùng lưới quân đội.

- MỘ SỐ 21: Không còn răng - Mùng lưới quân đội - Túi xách tay bằng plastic - 2 chén mủ - một chén Ceramic màu trắng – bàn chài đánh răng - một T Shirt.

- MỘ SỐ 30: Đôi dép râu - Một chén - một chén bằng mủ - một lọ thuốc màu nâu – Plastic che mặt người quá cố - một áo ngắn tay - một áo mưa quân đội - một bao plastic màu xanh.

Chúng tôi trở về Hà Nội vào tối 24 để đoàn người bốc mộ trở vào Nam vào ngày 25.7.2010. Chúng tôi ở lại để gặp Tòa Đại Sứ Việt Nam vào sáng 26 tháng 7 lúc 9 giờ 00 giờ. Sau đó, phóng viên AP đã quay phim và phỏng vấn lần cuối cùng, kết quả Làng Đá.

Ông Goldman, Tham Tán Chánh Trị Tòa Đại Sứ, đại diện Tòa Đại Sứ Hoa Kỳ tại Việt Nam, chúc mừng 21 anh linh người quá cố đã sum họp với người thân sau 35 năm xa cách. Ông cũng bày tỏ sự ủng hộ chúng tôi như từ trước đến nay.

Thay mặt thân nhân và 21 anh linh người quá cố, chúng tôi xin chân thành biết ơn đồng bào Úc Châu và ba ban tổ chức Bông Hồng Trên Nấm Mộ Hoang – Cám ơn anh chị Nguyễn Tích Phùng tại Đức Quốc, đã gây quỹ Bảo Trợ Bốc 22 ngôi mộ Tù Cải Tạo tại Làng Đá. Anh em tử sĩ và gia đình rất ấm lòng trước tình thương mà đồng bào và những anh chị em trong Ban tổ chức, ca sĩ, nhạc sĩ đã dành cho họ.

Trân trọng tường trình,

Nguyễn Đạc Thành
Chủ Tịch Tổng Hội H.O

Hộp Thư Viên Giác

Trong thời gian qua VIÊN GIÁC nhận được những thư từ, tin tức, tài liệu, bài vở, kinh, sách, báo chí của các Tổ Chức, Hội Đoàn, Tôn Giáo và các Văn Thi Hữu khắp nơi gửi đến.

* THƯ TÍN:

Đức: Phan Hưng Nhơn, Triều Châu, Đỗ Quế Chi, Thị Tâm Ngô Văn Phát, Nguyên Hạnh HTD, Thiện Căn Phạm Hồng Sáu, Nhựt Trọng Trần Văn Minh, Lê Ngọc Châu, Phan Ngọc, Đan Hà, Trần Thị Hương Cau. HT. Thích Như Điển, Từ Hùng, Quỳnh Hoa.

Pháp: Hoang Phong, An Tiêm Mai Lý Cang, Tiểu Tử Võ Hoài Nam, Mai Thanh Truyết, Hàn Lâm Nguyễn Phú Thứ, Võ Phước Hiếu.

Thụy Sĩ: Song Thư TTH, Trần Thị Nhật Hưng, Nguyên Hoàng Bảo Việt.

Ý Đại Lợi: Huỳnh Ngọc Nga.

Hoa Kỳ: HT. Thích Trí Chơn, Đoàn Văn Thông, Hư Thân Huỳnh Trung Chánh, Đào Vũ Anh Hùng, Tuệ Nga, Trần Ngân Tiêu, Thylanthao, Thái Minh Trung, Nghiêu Minh, Cư sĩ Liễu Pháp, Hàn Thiên Lương, Chúc Anh, Nguyễn Đạc Thành, Trần Trung Đạo. Ngô Quốc Phong. Nguyễn Văn Sở. Trần Đức Hân.

Canada: Thái Công Tụng, Nguyễn Thượng Chánh.

Úc Đại Lợi. Ts. Lâm Như Tạng, Bùi Thế Trường.

* KINH SÁCH & BÁO CHÍ

Đức: Dân Chúa Âu Châu số 336, 337 & 338; Tibet und Buddhismus Nr.95; Buddhismus Aktuell 4/2010; D&C Nr.10+11+12/2010; E&Z Nr.10+11+12/2010; Wissen und Wandel 11-12/2010; Thông Tin số 54 Tháng 10/2010; Sinh Hoạt Cộng Đồng số 253 & 254 Tháng 11+12/2010.

Pháp: Bản Tin Khánh Anh tháng 10/2010; Tiếng nói Người Việt Quốc Gia số 58. Nhịp Cầu số 184.

Hoa Kỳ: Vua Milinda vấn đạo – Cư sĩ Liễu Pháp Tôn Thất Đào; Chan Meditation Center Autumn 2010. 12 Ca khúc của Thy Lệ Trang.

Canada: Bản Tin Từ Ân số 3 tháng 8/2010. Từ người lên Phật – Thích Minh Đạt.

Đài Loan: Ch'ien Fo Shan Magazine Nr. 251 & 252.

Sri-Lanka: Tales From Kosambi – Paul Pothecary.

https://tieulun.hopto.org

• Đào Vũ Anh Hùng

Đọc *"Bóng Mây Dĩ Vãng"* của Trần Đỗ Cung

Kính thưa quý vị,
Thưa các Anh, các Chị

Cách đây hai năm, tôi qua Monterey thăm và ở chơi với anh chị Cung mấy ngày, có dịp quan sát thời biểu sinh hoạt thường nhật của anh, không thể nghĩ rằng ở tuổi 84 mà sức làm việc của anh thật đáng phục như vậy. Anh bị bệnh tim, đôi chân rất yếu, di chuyển khó khăn, có khi phải chống gậy. Thế mà sáng sớm anh đã thức dậy, ra vườn tập thể dục. Ăn sáng xong, anh ngồi vào bàn viết, mở computer lách cách đánh máy bài vở đều đặn mỗi ngày hai tiếng. Cùng đi với tôi, có anh Đặng Chí Bình, tác giả "Thép Đen" do tôi giới thiệu và đưa đến nhờ anh Cung giúp dịch bộ "Thép Đen" ra Anh ngữ để xuất bản. Anh vui vẻ nhận lời, không một điều kiện, bắt tay vào việc ngay. Anh dịch dễ dàng và dịch rất hay, chưa đầy hai tháng đã xong bộ Thép Đen" 4 cuốn mà anh thu gọn thành hai cuốn "Black Steel" và "The Vietnam Gulag", cô đọng hơn nhưng vẫn giữ được tinh thần nguyên bản tiếng Việt.

Có lẽ nhờ có việc để làm, anh khỏe ra, tinh thần phấn chấn, sung mãn để viết. Thấy thế, tôi đề nghị anh nên viết thêm một tác phẩm tương tự như cuốn sách đầu tiên của anh, là cuốn "Câu Chuyện Một Di Dân Tỵ Nạn" xuất bản năm 2004. Tôi thấy sự hiểu biết và kinh nghiệm lịch sử của anh phong phú quá, ít người biết đến, anh cần phải viết, để lại một cái gì cho con cháu đời sau lấy làm chứng tích cho giai đoạn nhiễu nhương hỗn loạn mà anh đã trải qua, đóng vai trò tích cực hay cận kề chứng kiến. Anh đồng ý và tỏ vẻ hứng khởi. Do đó chúng ta mới có "Bóng Mây Dĩ Vãng" ngày hôm nay.

Hôm nay, quý vị đang cầm trong tay "Bóng Mây Dĩ Vãng" dầy 238 trang với nhiều hình ảnh đi theo bài viết, do nhà xuất bản Trần Đỗ phát hành, Họa sĩ Phạm Thông vẽ bìa, ấn phí $15.00 Mỹ kim, giá nội địa Hoa kỳ. Cuốn sách gồm 14 bài hồi ức rời có đề tài khác nhau và không sắp xếp theo trình tự thời gian. Mặc dầu tác giả ghi trên bìa dòng chữ "Những Chứng Tích Lịch Sử Cận Đại 1930-1975" nhưng chúng ta không thể coi đây là một tác phẩm có tính cách sử liệu, là công trình sưu khảo nghiêm túc, mà chỉ nên xem như tập truyện ghi chép lại những kỷ niệm đáng ghi nhớ xảy ra trong dĩ vãng của tác giả đứng ở một vị trí nào đó, nhìn từ một hướng, hay một góc cạnh nào đó nên giá trị lịch sử nếu có, chỉ là những chi tiết rời bổ khuyết cho chính sử.

Tôi đọc "Bóng Mây Dĩ Vãng", cảm nhận bằng xúc động của riêng tôi, thú vị với nỗi thú vị của riêng tôi bởi vì có nhiều câu truyện tác giả kể lại, xảy ra trong quá khứ của chính mình, nhưng tôi không biết đến hoặc biết không tường tận như tôi giới thiệu trong Lời Bạt, xin phép quý vị cho tôi lặp lại:

Tác giả Trần Đỗ Cung không nhận mình là nhà văn nhưng ông viết rất thực lòng, văn phong giản dị, trong sáng, như lời kể chuyện có nhiều chi tiết lôi cuốn - những chuyện có thật, người thật, việc thật, cảm xúc thật. Ông cầm bút như một nhu cầu cần phải viết do một số bạn bè, độc giả của ông nhiệt tình đôn đốc, trong đó có tôi. Tôi nói ông viết thực lòng là ở chỗ này: Người làm sai, ông chê thẳng thừng, cũng chính người đó làm đúng, ông lại khen nhiệt liệt. Một lần không sao nhịn được, tôi hỏi "*Tại sao anh lại ca ngợi ông ta nhiều như thế? Lần trước anh phê phán ông ta nặng nề khiến có người chỉ trích anh mà?".* Anh cười, trả lời tôi một cách rất hồn nhiên, "*Mình chỉ nói sự thật. Hay thì mình khen. Dở thì mình chê".* Thế đấy. Tôi hiểu và quý trọng anh ở nhân cách, sự tận tụy giúp đỡ tất cả mọi người và tính tình dễ thương như vậy.

Văn chương Trần Đỗ Cung không chải chuốt, cầu kỳ, làm dáng. Ông viết một cách đơn sơ mộc mạc nhưng với tôi, tôi thấy gần gụi, thân quen, đôi khi cảm động. Như khi ông nói về những món ăn dân dã, về cái nóng cái lạnh của quê hương miền Bắc, về con người, thói tục, ngôn ngữ, lối kiến trúc và lịch sử của một tòa nhà ở Thanh Hóa nơi ông sinh trưởng hay khu phố cổ Hà Nội nơi ông sống nhiều năm. Như khi ông mô tả nếp sinh hoạt thời xưa, đời sống thành thị hay nơi thôn ổ, bình dị, hiền hòa... khiến người đọc thú vị, thấy được toàn cảnh bức tranh dân gian thời trước, bâng khuâng day dứt tình hoài vọng của những người có quê hương mà đành phải xa lìa, luân lạc.

Tôi sinh trưởng ở Hà Nội, nên khi đọc vài dòng ông nói đến mùa hè oi bức rủ nhau ra Bờ Hồ giải khát ở quán Mụ Béo, gọi một cốc nước chanh quả, ông tả động tác "Mụ Béo nhanh nhẹn tráng cốc cho vào hai thìa đường, vắt kiệt quả chanh xanh, dùng thìa dài quấy cho tan rồi giở bao tải chặt một miếng nước đá, lấy một cái chầy đập cái bốp tan vụn ra nhiều mảnh bỏ đầy vào cốc đưa cho chúng tôi hít hà ừng ực, mát rượi toàn thân..." khiến tôi giật choáng người vì lâu lắm có bao giờ nghe "cốc nước chanh quả" thay cho "ly nước đá chanh" ở miền Nam, thấy cả một trời kỷ niệm Hà Nội xa xưa cuồn cuộn hiện về...

Tôi như được dắt đưa về quá khứ từ lâu chìm khuất trong cõi sa mù lãng đãng cuối khoang tiềm thức nay có người mở toang cánh cửa, phủi sạch bụi bậm phủ dầy trên những tấm gương, trên những đồ đạc bầy biện trong ngôi nhà hoang phế thâm u cổ kính. Ông đã "vẽ" lại lịch sử chứ không phải chỉ "viết" những điều lịch sử không ghi chép. Như bức tranh Hà Nội 1945 - thế hệ của ông - với những thanh niên nam nữ tuổi hai mươi nồng nàn yêu nước, lý tưởng tươi xanh, khát khao giành độc lập hòa bình cho xứ sở, sẵn sàng hy sinh đánh đuổi ngoại xâm... Những mảnh vụn lịch sử đó đã được tác giả trải bày ra, lựa lọc và ráp nối lại, như chơi lắp ráp khung puzzles để có những bức tranh linh động, phơi bày sự việc cùng vẽ lại chân dung những nhân vật có liên hệ với ông trong quá khứ.

Quá khứ là quãng đời niên thiếu của tác giả. Là thời kỳ bừng sôi nhiệt huyết "Đứng lên đáp lời sông núi", dấn thân tham gia cuộc đấu tranh chung, một mình tay không cướp chính quyền phủ Quảng ở Thanh Hóa. Là

https://tieulun.hopto.org

giữ vai trò thủ lãnh Sinh viên Đại Học Xá Hà Nội khi thủ đô nổ bùng tiếng súng đầu tiên, mùa Thu năm đó. Là ngỡ ngàng chứng kiến sự phản bội và cướp công kháng chiến toàn dân của Việt Minh Cộng Sản. Là lúc bôn ba chạy giặc, học hành vất vả thời tao loạn. Là ý chí vươn lên để sống, để thành nhân, đem tài năng và sở học đóng góp cho quê hương đất nước. Rồi là những đưa đẩy oái oăm của thời cuộc, ông được mời tham chính và nắm giữ những chức vụ quan yếu trong nội các chính phủ miền Nam. Ông bùi ngùi nói đến hai cuộc di cư đau lòng xé ruột 1954, 1975, bao mảnh đời hy sinh phí uổng, bao công trình vun đắp của người Việt Quốc gia bị rơi vào tay quân cướp. Ông trung hậu nhắc lại kỷ niệm với bạn bè đâu đó khắp năm châu, còn sống hay đã khuất, cả những anh em đồng đội bị đọa đầy và chết thảm thương trong lao tù cộng sản...

Quả thật cuộc đời cựu Trung Tá Không Quân, cựu tráng sinh Hướng Đạo, cựu Đổng Lý Văn Phòng Bộ Thanh Niên trong chính phủ VNCH, cựu Tổng Cục Trưởng Tổng Cục Tiếp Tế Trần Đỗ Cung phong phú quá, lôi cuốn quá. Những điều ông viết ra, kể lại, lần lượt đi vào tâm thức người đọc như cuộn phim rõ nét xuôi chảy khiến ta giựt mình nhớ lại từng hồi, từng lớp phế hưng trong giai đoạn lịch sử có ta đã sống và góp phần kiến tạo nhưng không sao biết hết lớp lang, thứ tự, những uẩn tình... cho đến khi nghe tác giả nhắc lại những cái tên, nêu ra từng sự việc, mới bàng hoàng như người đang say ngủ chợt giật mình tỉnh giấc, bồi hồi xao xuyến nhớ ra vô số chuyện mình đã biết hay mình còn nghi hoặc. Chuyện kháng chiến chống Pháp giành độc lập. Chuyện đảo chính 63, chuyện Đại tá Phạm Ngọc Thảo, chuyện gián điệp Phạm Xuân Ẩn... nay có người cầm đèn rọi sáng, vừa thích thú vừa xúc động trước bao nghi vấn ngày xưa bỗng tìm ra giải đáp, hoặc biết thêm các chi tiết ly kỳ về những nhân vật tên tuổi, liên hệ gia tộc giữa người này với người kia, mới lạ và thú vị, chưa từng hay ít nghe ai đề cập tới hoặc chỉ thoáng nghe, thoáng biết nhưng nghe biết chẳng rõ ràng...

Nếu nói về lập trường, thì lập trường Quốc Gia, Dân Tộc, quyết liệt chống Cộng của tác giả được biểu lộ minh bạch trong tác phẩm. Ông thấu hiểu bản chất dối gian tráo trở và sự tàn bạo của Cộng sản quá rõ. Ông là người đã chứng kiến tự ngày đầu sự khai sinh ra chủ nghĩa Cộng sản trên đất nước Việt Nam từ cái hoang thai và nhìn thấy ngay trước mắt màn kịch Hồ Chí Minh ôm chầm lấy cụ Nguyễn Hải Thần trong ngày chính phủ liên hiệp ra đời... để sau đó kinh hoàng chứng kiến cuộc thanh toán đẫm máu các đảng viên Việt Quốc trong vụ thảm sát đường Ôn Như Hầu, Hà Nội. Gia đình và bạn bè ông đã kinh qua, đã là nạn nhân, bị hành hạ đau khổ, mất mát quá nhiều, nhận chịu bao nỗi oan khiên, bất nhân, độc ác. Những trò thủ tiêu, đấu tố, cô lập địa chủ, tiêu diệt những người quốc gia yêu nước bằng phương cách giết người tàn bạo. Sự lừa lọc, xảo trá của Hồ Chí Minh cùng bè lũ được ông phơi bày, không bằng lý luận suông, mà bằng những sự kiện có thật, xảy ra cho người thật khiến người đọc rùng mình, suy gẫm về thực chất của cái gọi là chủ nghĩa Cộng sản và thành tích yêu nước thương dân của thứ nhân tài chết tiệt của dân tộc mà cộng sản gọi là "bác Hồ vĩ đại".

...

(Xem tiếp trang 138)

• Trần Đan Hà

Đọc **Trầm Hương**

thi tập của Sông Thu

Nhân dịp tham dự Lễ Hội Về Nguồn và Hiệp Kỵ Chư Lịch Đại Tổ Sư tại Tu viện Viên Đức Ravensburg - Đức Quốc, tôi hân hạnh được thầy Bảo Lạc tặng cho thi phẩm Trầm Hương. Xin thành kính cảm niệm công đức của Thầy, đồng thời có đôi lời cảm tưởng sau khi đọc thi phẩm nầy.

Một đoạn trong lời mở đầu, thi nhân viết: *"Lâu lắm rồi từ năm 1985 thi tập đầu tiên "Cho cây rừng còn xanh lá" mãi tới nay hơn 20 năm lần nầy thi tập "Trầm Hương" mới có dịp tái ngộ độc giả, phải nói là nguồn thơ quá khiêm tốn không mấy dồi dào cho lắm..."* (trích Lời mở, trang 6).

Thử tìm hiểu nguyên nhân gián đoạn, cũng như nguồn thơ tiếp tục ra sao giữa hai thi phẩm. Với hy vọng có thể tăng thêm cảm xúc trong khi thưởng thức. Theo nguồn thơ trong "Trầm Hương" thì thi nhân đã chia thì tập nầy ra nhiều "thể tài" khác nhau:

1) Thoáng suy tư (chiêm nghiệm về Phật pháp).

2) Thiên nhiên tuyệt vời (cảm nhận về sự hòa hợp với thiên nhiên).

3) Hạnh nguyện (noi theo hạnh người xưa).

4) Sắc tâm (luận về tâm vương, tâm sở).

5) Tình đạo pháp (điếu văn cảm niệm công đức chư tôn Thiền Đức viên tịch).

Về mặt gián đoạn có thể thi nhân xuất thân là một vị Tăng sĩ, đã vượt thoát khỏi những ràng buộc của thế gian, xem tất cả những chuyện buồn vui của thế sự như mây bay gió thoảng; hoặc giả nguồn thơ của thi nhân chỉ là một giọt sương buổi sớm, một tia chớp cuối ngày chỉ để lại một thoáng trầm tư nhưng muôn sau còn vang vọng, ngàn kiếp vẫn long lanh; nên không cần phải trung thành với con tim, đang thao thức đi nhặt những tiếng lòng kết thành chuỗi hạt, để cống hiến cho người đời thế gian thưởng lãm.

Cũng có thể vì hoàn cảnh sang trang nên cần phải trở lại để chu toàn nguyện ước chưa thành, nên đành phải giấu lại những cảm xúc vào một góc khuất, chờ đợi. Cũng có thể không phải những lý do trên làm ngăn ngại, ly cách. Vì trong thực tế của bình diện sáng tác thì từ "Cho cây rừng còn xanh lá" cũng cần phải đợi một thời gian mới có "Trầm Hương" chứ. Vả lại Trầm Hương được tích tụ những gì có được không phải chỉ thuần túy là hương trầm toát ra từ cây rừng, mà còn phảng phất nhiều hương thơm siêu việt khác. "Như hương Bát Nhã, hương Thiền và hương của Người Đức Hạnh, những thứ hương có thể bay theo chiều gió ngược, không phai".

Từ ta chiêm nghiệm pháp nầy
Tâm kinh Bát Nhã phả đầy ngát hương.
(Nghiệp thức, trang 14)

Như vậy nguồn thơ của thi nhân chẳng những không gián đoạn, mà vẫn còn bàng bạc trong muôn một thời khắc, đang tuôn tràn và dâng lên đến trăng sao tâm sự. Để có thể nhìn xuyên suốt muôn cảnh núi sông mây nước. Như trong một chuyến hành hương Trung Quốc,

https://tieulun.hopto.org

trước cảnh hùng vĩ của Nga Mi, tác giả trong lúc ngồi cáp treo đưa lên đỉnh, đã xúc cảnh tạo thành những vần thơ thanh thoát và đạo vị:

Kim đỉnh ngàn năm mây trắng bay
Phổ Hiền Bồ Tát hạnh sâu dày
Nga Mi Phật tích hằn in dấu
Thánh địa danh sơn tải đạo mầu.
(Thánh địa Nga Mi, trang 36)

Nguồn thơ phát xuất từ những giây phút "chiêm nghiệm pháp nầy". Nhờ vậy mà hồn thơ nở thành trăm hoa, để dâng tặng hương thơm cho đời.

Ta là một bông hoa
từ lòng đất nở ra
mang hương thơm đi khắp
xông ngát nẻo gần xa
(Đất nở hoa, trang 23)

Từ một tấm lòng phụng hiến, từ một ước nguyện vô vi, thơ đã được "biểu hiện" thành hương hoa cho đời thưởng thức. Thi nhân đã cảm thấy được nguồn hạnh phúc, nhờ vào việc đem đến lợi lạc cho chính mình và cả cho tha nhân. Để rồi nguyện suốt đời "làm đất trồng hoa" đem đến sự vui tươi, hạnh phúc và hòa bình cho nhân loại.

Ta muốn được là đất
để người ươm gieo hạt
cho nở chồi cây xanh
xây hạnh phúc hòa bình
(Đất nở hoa)

Một hạnh nguyện tuy đơn sơ, nhưng đã khởi từ vô lượng kiếp, từ niệm pháp đến nhiếp pháp, đến nguyện hành là cả một chuỗi dài không tưởng.

Từ muôn kiếp xưa xa
nhờ nhân duyên xuất thế
học hạnh người xuất gia
hạnh của đất nở hoa
(Đất nở hoa)

Nhờ những hạnh nguyện ấy, nên tâm hồn của thi nhân, cuộc sống của con người mới hài hòa với thiên nhiên, dầu sống với môi trường nào cũng cảm thấy thân thương hạnh lạc:

Buổi sáng nơi công viên
cảnh vật thật bình yên
rộn lên niềm phơi phới
vươn sức sống triền miên

con người cùng cảnh vật
hòa quyện giữa thiên nhiên
...
Cõi trời hay cõi thế
cảnh Phật hay cảnh tiên
không, đây chỉ cõi tạm
lắng xuống những lụy phiền

tâm mê trừ dứt đoạn
sạch vọng tưởng đảo điên
hòa nhau trong sinh thái
niềm an lạc vô biên
dừng chân trong giây phút
buổi sáng dạo công viên
điều hòa thân tâm tịnh
thưởng ngoạn chân cảnh thiền.
(Hòa giữa thiên nhiên, trang 28)

Và tất cả những kết quả ấy cũng nhờ vào công phu hôm sớm, nhờ những hành hoạt thường xuyên, với một hạnh nguyện đem lại cho tha nhân lợi lạc.

Kinh kệ khóa trình mỗi sớm mai
Chuông hồi cảnh thức khách trần ai
(Thời khóa công phu)

Người xưa thường nói: "Có lên núi cao mới thấy hết những gò đống; có ra biển khơi mới biết được ao hồ nông sâu". Có công phu mới cảm nhận được những điều vi diệu của Phật pháp...

Có ba thái độ đi chùa
ngỡ ngàng, xa lạ, vui đùa giải khuây
xem chùa là chuyện của thầy
vòng ngoài ngắm cảnh ai hay làm gì
(Đi chùa, trang 16)

Đây là cái thấy và diễn tả tâm trạng, từ suy nghĩ đến hành động của người Phật tử mới đến chùa lần đầu. Tuy bình dị nhưng uyên áo vô cùng, vì tâm lý nầy chắc chắn ai trong chúng ta cũng đã bắt gặp một lần. Rồi cảm nghĩ ban đầu ấy sẽ đi dần vào tiến trình làm quen với sinh hoạt của chốn thiền môn.

Thiện nam tín nữ tu trì
Gặp nhau niệm Phật A Di chào mừng
Hai tay chắp lại ung dung
Thân thương hòa ái vô cùng thiết thân
(Đi chùa)

Tiến trình nầy cũng như những giọt nước từ nguồn cao, từ từ chảy ra sông biển. Không tránh khỏi những giây phút ngập ngừng của buổi ban đầu, dần dần đi đến đồng cảm.

Tuy xa đồng cảm như gần
Chùa ta xây dựng ân cần từ đây
tới lui học đạo lâu ngày
thấm nhuần kinh kệ giải bày tâm tư
bây giờ ai cũng xem như
chùa chung bá tánh riêng tư đâu còn
từ đây vào thẳng bên trong
tự tin cảm thấy cõi lòng an nhiên
(Đi chùa)

Đến đây mới cảm thấy niềm ấm áp của mái chùa, điều vi diệu của pháp mầu và hồn thiêng che chở.

Mái chùa che chở hồn thiêng
Trẻ già, trai gái đồng nguyền tiến tu
Sớm chiều kinh kệ công phu
Xây đời an lạc đắp bù gia công
Quá trình tu tạo nhân trồng
Tương lai bồi đắp cha ông đạo nhà
Mái chùa đầm ấm thiết tha
Cháu con giữ lấy món quà tâm linh.
(Đi chùa)

https://tieulun.hopto.org

Với bài thơ đi chùa nầy, thi nhân đã dẫn dắt chúng ta đi từ... và đến... để thấy được "chùa hay là cả một công trình hoằng hóa của Người từ lâu nay". Nhờ vào công phu sớm tối, và nhất là nhờ vào một tấm lòng, với chí nguyện cao cả, cũng như học hạnh người xưa:

Nhất bát thiên gia phạn
Cô thân vạn lý du.
Kỳ vi sanh tử sự
Giáo hóa độ xuân thu.
(Khất sĩ).

Một mình dạo khắp ta bà
Ôm bình bát pháp mọi nhà xin ăn
Chỉ vì sinh tử đảo điên
Xuân Thu giáo hóa gieo duyên độ đời.
(Sông Thu dịch)

Vẫn tiếp tục không ngừng với nguyện lực ấy, mong đem nguồn đạo để tưới tẩm cho đời vốn cằn khô sỏi đá, héo úa cõi lòng vì thi nhân cũng như chúng ta đã một lần đánh mất quê hương, mang thân phận lưu đày ngoài chốn xa vạn dặm.

Lần bước noi dấu chân
Dù xa cách vẫn gần
Cà-sa ba cánh mỏng
Tháng ngày nhẹ lâng lâng
Nơi nào cần con đến
Phật pháp gọi con đi
Gian nguy nề sá gì...

Với ước mong sẽ có một ngày:

Đông phương bừng tươi sáng
Đạo pháp quyện trời Tây...
(Đạo pháp quyện trời Tây, trang 17)

Đó là tất cả "một tấm lòng với thơ, một chí nguyện với đạo, một tình thương với Quốc gia Dân tộc".

Đường giải thoát nguyện bước lên
Đơm hoa Bát nhã kết nên Sen hồng
(Pháp mầu, trang 15)

"Trầm Hương" là một thi phẩm, nhưng không phải để thưởng thức những vần điệu của thơ, không phải để đào sâu nội dung của ý, và cũng không phải để giải trí trong chốc lát cho khuây khỏa nỗi niềm. Mà ngược lại, Trầm Hương là phương thức biểu hiện những phương pháp thực tập, để đạt được kết quả nhờ vào kinh nghiệm đã trải, nhờ vào công hạnh tự giác, giác tha với ước mong đem lại cho chúng ta nguồn hạnh phúc đích thực, viên mãn.

Vì thế nên muốn thưởng thức Trầm Hương, thì cần phải "tương tác với thi nhân", phải thực hành những điều có thể tạo nên, chuyển thành "Tâm Hương" để dâng lên cúng dường đấng "Toàn Giác" và hồi hướng công đức cho chúng sanh khắp cả mọi miền pháp giới.

*

Tôi cũng đã bắt chước người xưa, pha một ấm trà, đốt một tuần nhang, và mở Trầm Hương ra đọc. Để cầu mong nhờ sự phụ họa của ngoại cảnh, sự kết hợp của những phương tiện liên quan, có thể làm tăng thêm nguồn cảm xúc. Nhưng trong chiều hướng thưởng thức hiện tại, người đọc cũng chỉ như là một Phật tử đến chùa lần đầu tiên, chạy lòng vòng phía ngoài chỉ để bẻ hoa hái trái vườn chùa, với thái độ: *"Ngỡ ngàng, xa lạ, vui đùa giải khuây"* ...

Nhưng cũng với một niềm hy vọng là, có được "một đôi điểm đồng cảm với tác giả", để từ đó làm căn bản cho một ước nguyện xin được giới thiệu với độc giả bốn phương: "Trầm Hương" như những bài pháp thực tiễn, một lời khuyên chân thành, một hạnh nguyện cao cả, một phương pháp thực tập qua những đối chiếu với thiên nhiên, với phong cảnh, với linh cảm với nguồn trầm tư phương Đông..., hầu đem lại cho chúng ta nguồn hạnh lạc •

Đọc *"Bóng Mây Dĩ Vãng"* của Trần Đỗ Cung

(Tiếp theo trang 136)

...

Tác giả có một trí nhớ thật tốt so với tuổi tác của ông và có một quá trình hoạt động đáng kính phục. Trưởng Trần Đỗ Cung phải chiếm giải vô địch trong "trò chơi Kim", trò chơi của Hướng Đạo: Gom nhặt những vật linh tinh, nhìn qua một lần rồi nhớ trong đầu, sau đó ghi chép lại trên giấy đầy đủ và chỉ danh chính xác những vật đó tất cả là bao nhiêu món. Ông nhớ trọn vẹn không biết bao nhiêu là chi tiết ngày xưa, tên họ, địa danh, số nhà, con đường, niên biểu, đặc tính, nguồn gốc... và đã viết ra những bài viết ngắn nhưng xúc tích, gom góp trong tập hồi ức này.

Hiếm ai có được một quá trình và thành tích, sự quảng giao, hiểu biết đến ngọn ngành để viết nên những trang bút ký như ông đã viết. Ông nhớ lại những chuyện xảy ra trong dĩ vãng, tất nhiên đa phần là những điều chỉ riêng ông biết, ghi nhận và viết lên trang giấy để người đọc tùy theo hoàn cảnh và nhãn giới, có riêng nhận xét.

Xin kính chào và cám ơn quý vị cùng các anh, các chị.

• Đào Vũ Anh Hùng

* Giá bán kể cả lệ phí bưu điện:
  - tại Hoa Kỳ: 15,00 Mỹ Kim
  - tại Đức: 10,00 EUR

* Liên lạc:
  - Đào Vũ Anh Hùng,
e-mail: dvahung@yahoo.com
Tel.: +1 (972) 234-3362

  - Nguyễn Hữu Huấn,
e-mail: nguyenhh@gmx.net
Tel.: 040 – 645 46 56

https://tieulun.hopto.org

Câu Chuyện Y học

Kỷ niệm 125 năm lần đầu tiên thành công chủng ngừa bệnh chó dại

• **Dr. Tôn-Thất Hứa**

Louis Pasteur
(27.12.1822 – † 28.9.1895)

Die erste erfolgreicheTollwut-impfung eines Menschen: Joseph Meister, 6. Juli 1885

Không những là một ngày trọng đại cho lịch sử y học, mà ngày 06 tháng 07 năm 1885 đã mở ra cho nhân loại một kỷ nguyên mới. Nhà hóa học lừng danh 63 tuổi với một em bé chỉ mới 9 tuổi con của một gia đình làm bánh là hai chứng nhân của nhân loại. Vào một ngày mùa hè nắng ấm Louis Pasteur, người tìm ra thuốc chủng vắc-xanh bệnh dại đã chích lần đầu tiên và cứu mạng cho Joseph Meister được 9 tuổi sinh sống vùng Alsace. Đây người đầu tiên từ ngày có con người xuất hiện trên trái đất Joseph Meister đã trở thành „bất tử" vì bị chó dại cắn với một thuốc chủng chưa được hoàn thiện 100% vào giai đoạn phôi thai của phương pháp chủng ngừa.

Joseph Meister đã bị một con chó táp ít nhất 14 miếng, nạn nhân được chở đến bác sĩ Dr. Weber. Sau khi rửa sạch vết thương bằng Phenol, băng bó lại kỹ lưỡng, bác sĩ Weber đã giải thích cho Joseph Meister và gia đình là qua sách báo y khoa mà ông ta tìm đọc được có cho biết: có một nhà sinh hóa học trứ danh Louis Pasteur cha đẻ phương pháp „lên men" rượu, cách thức cất giữ rượu và bia và gần đây nghiên cứu chích ngừa, chữa trị bệnh dại. Ngay ngày hôm sau Theodore Vone, người nuôi con chó dữ, một nhà bán hàng ăn đặc sản tại địa phương, với Joseph Meister và mẹ cậu đã tức tốc lên Paris để nhờ con người bác học lừng danh của thời đại chữa trị.

Louis Pasteur chích cho nạn nhân não bị nhiễm bệnh dại đã được sấy khô vô trùng trong 14 ngày; vi-rút sinh bệnh yếu hẳn, độc tố cũng giảm đi không còn có đủ khả năng phát bệnh. Trong vòng 10 ngày Joseph Meister được chích 12 lần và ngày 28 tháng 08 năm 1885 sau khi vết thương lành hẳn đã trở về làng xưa Meisengott cạnh Willer (nay là Villé) quận Vosges.

Hình ảnh được cứu mạng được nuôi sống trong quả tim của Joseph Meister mãi cho đến ngày 28 tháng 09 năm 1895 khi mà Louis Pasteur từ giã cõi đời tại Villeneuve L'Etang hưởng thọ 72 tuổi. Lòng biết ơn chưa chấm dứt nơi đây, năm 1913 người thợ làm bánh quyết định rời bỏ Alsace, nơi chôn nhau cắt rốn tình nguyện trở thành người gác cổng cho học viện lừng danh Pasteur Institut / Paris. Tại nơi làm việc mới đã cho phép Joseph Meister hàng ngày hồi tưởng nhớ đến một người đã sinh ra lần thứ hai rồi để kéo dài thêm cuộc sống ta bà. Viện Pasteur được dựng lên vào 14 tháng 11 năm 1888 ngay khi Pasteur còn sống để nhân loại vinh danh một thiên tài.

Kết nối ân oán lại được kết thúc lần nữa một cách rất bi hùng tráng, ngày 16 tháng 06 năm 1940 khi những người lính Đức đã cố tình đào phá lăng mộ của Pasteur để muốn tận mắt nhìn thấy nắm xương khô của bậc vĩ nhân: sáng hôm sau tờ báo „Le petit journal" đã đăng trên trang nhất những dòng tin thật vô cùng cảm động „Se suicida Joseph Meister para proteger la cripa de Pasteur" thực ra Joseph Meister đã tự sát, lấy thân xác đền ơn và chống lại bạo lực của nhóm lính xâm lược, đây chỉ còn là cách thức cuối cùng để bảo vệ quan tài Pasteur.

Từ ngàn xưa, chúng ta biết khi khi người bị chó mang bệnh dại (Tollwut – Rabies – Range) cắn thì sẽ bị lây bệnh chó dại, nạn nhân chỉ còn chờ ngày mang đi tẩn liệm. Thật ra không phải chỉ dòng giống chó mang bệnh dại mà tất cả các loại động vật có vú (gia súc + thú rừng) đều là những sinh vật di động có thể mang trong cơ thể vi-rút bệnh dại, vi-rút có thể lây sang cho con người.

Trong bài này chúng tôi dùng „bệnh dại" cho đúng với sự hiểu biết hiện tại của khoa học thay vì danh từ truyền khẩu tại Việt Nam „bệnh chó dại" đã được phổ biến từ ngàn xưa trong dân gian.

- bệnh dại là một con bệnh viêm não do thú vật chuyền qua người – Zoonose – loại vi-rút hướng thần kinh (neurotrope) sống bám vào các loại động vật có vú (Rhabdoviren, Genus Lassaviren). Vi-rút bệnh dại chuyền từ động vật này sang động vật khác và qua vết cắn hay đờm dãi tiếp xúc với màng nhầy cơ thể con người thì bệnh dại sẽ chuyền sang.

- tất cả thú nuôi trong nhà: chó mèo, heo, ngựa, trâu, bò, dê, lừa, cừu đều có thể mang bệnh và truyền bệnh lây sang người.

- loại thú rừng nai, hoẵng, cáo, chó sói, heo rừng, gấu mèo, và đại gia đình chồn: chồn hương, chồn hôi, chồn mướp, chồn đèn... sóc không đáng kể và loài dơi được phát hiện mới đây là loài thú truyền bệnh biết bay rất nguy hiểm cho nhân loại.

- Thống kê của Tổ Chức Y Tế Thế Giới – World Health Organisation – WHO: dưới đây là con số ghi nhận được, ngoài ra còn có một con số khá lớn mà WHO không kiểm soát được.

1.- có đến 40.000 – 70.000 được chính thức ghi nhận chết hàng năm.

https://tieulun.hopto.org

2.- Hàng tháng có khoảng 500 – 1000 khách du lịch bị thú dại cắn.

- 10.000.000 ca chủng ngừa hàng năm sau khi bị cắn phải do thú vật nhiễm bệnh hay nghi mắc bệnh.

- WHO ghi nhận Á Châu là cái nôi chứa bệnh dại. Chắc chắn còn cất giấu một con số nhiễm bệnh rất khổng lồ mà WHO không thể kiểm chứng được; số người chết hàng năm lại càng khó khăn hơn vì các quốc gia phát triển không cung cấp cho WHO đủ tài liệu chính xác.

Ấn Độ là quốc gia có số tử vong vì bệnh chó dại cao nhất thế giới : 30. 000 / 1 năm.

+ Bangladesh : 2.000
+ Philippinen : 321
+ Trung Quốc: 209
+ và Việt-Nam: 145

Phúc trình các nước gởi đến WHO thường không có tài liệu của phòng thí nghiệm, giải phẫu bệnh của não bộ... để xác định bệnh rồi lại quên không cho biết loại thú đã cắn.

Từ thuở khai thiên lập địa đến năm 1885 chưa hề một ai có thể sống sót vì bệnh chó dại, bệnh đã gây cho nhân loại một mối đe dọa thường xuyên và cho đến ngay cả ngày hôm nay một khi mà bệnh dại đã lên cơn thì chỉ còn có một lối thoát cuối cùng là đi vào nghĩa trang... không một ai có thể chạy thoát nổi !!!!

Trước đó vào năm 1882 Pasteur đã cấy vi-rút dại vào não thỏ, nhận thấy độc tính gây bệnh yếu đi do tính đột biến.

Cũng bắt đầu từ thời điểm này các khoa học gia bắt đầu thử nghiệm cấy vi-rút trên tế bào não của nhiều loại thú vật khác nhau. Phương pháp này vẫn còn thông dụng tại nhiều quốc gia chậm tiến vì giá thành của thuốc còn rẻ.

Có những tài liệu gần đây cho biết... một khi người bệnh trước khi bị thú vật mắc bệnh cắn đã được chích ngừa thì may mắn thay... họ sẽ thoát khỏi lưỡi hái của tử thần. Nhược điểm của loại thuốc này:

- phản ứng thuốc: có thể mang đến những triệu chứng thần kinh,

- thuốc không chắc chắn 100% để cơ thể con người tạo nên sinh kháng thể chống bệnh,

- 23 mũi thuốc cần phải chích để có kết quả,... rất đau.

Kể từ năm 1967 thuốc chữa lành bệnh chó dại nhờ cấy vi-rút vào mô sinh vật: Gewebekultur Impfstoffe - Tissue culture vaccine - đã thành sự thật. Thuốc tác dụng làm cho cơ thể con người có khả năng miễn dịch rất tốt, rất hạp với thể trạng con người, ít bị dị ứng nhưng... mà giá thành còn rất cao 40 - 70 Euro/1 ống thuốc.

Thuốc chích ngừa bệnh có hai nhóm:

- hoặc cấy vào tế bào người - Human Diploid Cell - HDC Vakzine.

- hay được cấy vào tế bào động vật, ví dụ - Purified Chick Embryo Cells - (PCEC) - Primäre Hühnerembryoblasten Zellkulturen.

Với phương pháp cấy này các phòng thí nghiệm đã tìm ra được những loại thuốc chủng chống dại được thông dụng khắp cả thế giới và liệt kê như sau:

+ PVRV = purified vero rabies vaccine
+ RLCV = rhesus lung cell vaccine
+ FBRV = fetal bovine kidneycell vaccine

Một khi đã bị thú dại cắn + khi tay chân đụng chạm đến mồi thú có tẩm thuốc chống dại hay đờm dãi có mang bệnh:

- rửa ngay vết thương với thật nhiều nước, xà phòng hay thuốc tẩy.

- sau đó sát trùng vết thương bằng Jod hay cồn 70%

- không được khâu vết thương lại

Có 2 loại thuốc: chích, chủng ngừa và chữa bệnh dại:

+ thuốc chủng: khi chưa bị nhiễm vi-rút bệnh dại, thuốc kích thích cơ thể tạo kháng thể.

+ thuốc chữa bệnh dại: khi đã bị cắn, chích ngay thuốc có chứa kháng thể chống bệnh để ngăn chận sự phát triển mầm dại trong con người => rồi tiến lên não.

A.- huyết thanh (Rabies - Immuglobin) ngựa hay người: có chứa kháng thể chống bệnh dại => ***vì đã có kháng thể cho nên có khả năng chống lại bệnh dại ngay lập tức.***

B.- thuốc chủng ngừa hay chích ngừa (vaccin - vakzin): giúp cơ thể con người tự tạo ra kháng thể để chống bệnh => ***phải cần có thời gian để cơ thể tự chế tạo ra được kháng thể.***

- chích huyết thanh có kháng thể chống bệnh chó dại quanh vết thương, tối đa là 20 IU / kg,

- nếu vết thương quá lớn thì hòa loãng huyết thanh có chứa kháng thể thêm với Na Cl.

- huyết thanh ngựa rất được thông dụng tại các quốc gia chậm tiến.

- theo lời khuyên của WHO => chỉ nên chích huyết thanh ngựa - vì cơ thể con người hay dị ứng - trong trường hợp không có huyết thanh người,

- Trước khi chích huyết thanh ngựa đúng lượng thuốc => nên chích một ít dưới da để xem có dị ứng thuốc hay không.

- huyết thanh có kháng thể nên chích mông (vì dung tích thuốc chích rất nhiều) thay vì chích đùi.

Thuốc chủng (Zellkulturvackzin - Tissue culture vaccine) được chích vào bả vai, thuốc kích thích cơ thể con người tự tạo ra kháng thể (antigene) chống bệnh => do đó cần phải có thời gian.

- Thuốc được chích vào những ngày 0, 3, 7, 14 và 30.

- Trường hợp không đủ số lượng thuốc chủng: thì ngày đầu tiên chích ngay 2 ống thuốc vào 2 bả vai trái + phải; sau đó vào ngày 7 + ngày 21 => một lần 1 ống.

Phải chích ngừa bệnh dại (chưa bị cắn) cho:

- Nhân viên thường có tiếp xúc với vi-rút bệnh chó dại làm việc tại phòng thí nghiệm để định bệnh chó dại; làm việc trong các viện bào chế thuốc chủng ngừa bệnh chó dại. 4 tuần sau khi chủng ngừa và cứ 6 tháng phải lấy máu định lượng kháng thể, nếu định

https://tieulun.hopto.org

lượng kháng thể < 0,5 IE /ml => phải chích ngừa trở lại.

- Công việc có liên hệ với thú dại: thú y sĩ, sinh viên học ngành thú y, nhóm người khảo cứu loài dơi, nhân viên làm rừng => kiểm lâm và nhóm người ham mê săn bắn...

- Những người thường thăm viếng hang động, sinh sống, làm việc lâu dài trong những vùng có dịch bệnh dại.

Một khi đã chích thuốc chủng (thì cơ thể đã có kháng thể chống bệnh), khi bị thú dại cắn không cần phải chích thêm huyết thanh có kháng thể, mà chỉ cần chích thuốc ngừa 2 lần => ngày bị cắn và sau đó 3 ngày. Trường hợp không chắc chắn thì phải làm định lượng kháng thể vi-rút dại trong máu.

- Với trẻ con thì luôn luôn để ý không cho trẻ chơi đùa với thú vật lạ ngay cả những thú vật còn nhỏ và rất dễ thương... Chó mèo mang theo trong chuyến du hành phải tiêm ngừa bệnh.

Những điểm quan trọng phải luôn luôn ghi nhớ

1.- Một khi bị thú dại cắn, đã chích thuốc ngừa bệnh dại tại nước du lịch => *nhớ ghi lại tên thuốc đã được chích.*

Bệnh viện Misionsärztliche Klinik / Würzburg => khu chuyên khoa bệnh nhiệt đới của bệnh viện đã tiếp nhận bệnh nhân, nhiều quốc tịch khác nhau, du lịch từ Việt Nam về sau khi bị thú cắn => nhiều nhất là chó, sau đó là khỉ.

2.- Tại Việt Nam: các bệnh viện lớn Hà Nội, Huế, Sàigòn, Nha Trang, Đà Nẵng => có thuốc chủng dại.

3.- Đã tiếp nhận bệnh nhân được chích ngừa bằng những thuốc chủng hiện đại tại các Bệnh Viện Pháp - Việt (do Pháp đầu tư) / tại Việt Nam tại các tỉnh lớn. Human Diploid Cell - HDC - Vakzine Primäre Hühnerembryoblasten - (PCEC): Purified Chick Embryo Cells .

4.- Hiện nay các cơ quan bảo hiểm sức khỏe tại Đức không trả tiền chích ngừa chó dại để đi du lịch.

5.- Nhưng một khi bị thú dại cắn hay nghi ngờ mang bệnh dại cắn => vì nguy hiểm đến tính mạng: bảo hiểm sức khỏe trả 100% tất cả phí tổn chữa bệnh. => Lời khuyên: trước khi rời nước Đức, nên bảo hiểm sức khoẻ trong thời gian du lịch - tối đa 6 tuần (giá 12 Euro): cơ quan bảo hiểm sẽ đón nhận bằng máy bay bệnh nhân hay nạn nhân từ nước du lịch trở về lại Đức (Ruecktransport).

Phòng ngừa và chữa trị bệnh dại
12 điều tâm niệm

A.- Thâu góp những thông tin cần thiết về bệnh dại:

1.- qua thông tin báo chí, truyền thanh, truyền hình và internet để tìm hiểu về dịch dại trên thế giới.

2.- xác định rõ ràng các nơi chích ngừa: bệnh viện, trạm y tế và ty y tế chích ngừa khi cần đến và loại thuốc chích ngừa hiện đang có tại quốc gia sắp đến du lịch.

3.- nhờ tin tức cấp nhật bệnh dại của WHO - WHO Expert Committee on Rabies.

B.- Lời khuyên của người thầy thuốc => nên biết rõ là:

1.- bị thú dại cắn là nguyên nhân chính để truyền bệnh qua người,

2.- nơi đến: du lịch và công tác ngắn hay dài hạn => hiện đang có hay không có dịch dại!

3.- nên chủng ngừa bệnh dại trước khi lên máy bay => ngày 0, thứ 7 và ngày 28:

- khi đến công tác dài hạn => nhiều hơn 2 tháng

- chỉ đến trong thời gian ngắn tại một nơi mà dịch dại đang hoành hành.

- du lịch ba-lô tại những vùng thường phát hiện có bệnh dại,

4.- trường hợp bị thú dại cắn:

- tìm đến ngay người thầy thuốc để chích người bệnh,

- rửa sạch vết thú cắn nếu phải cần có nhiều thì giờ để tìm thấy được bác sĩ, nhà thương, trạm y tế và ty y tế chích ngừa.

5.- phải xác định ngay kiến thức chuyên môn của người thầy thuốc địa phương... coi chừng lang băm, tìm kiếm để nhận biết sớm các loại thuốc đang có tại chỗ.

- Không nghe theo những lời khuyên ẩm ờ của các lang vườn và dùng thuốc chủng cổ lổ sỉ...

- không chần chờ vô ích và phải rời bỏ ngay những phòng mạch, bệnh viện, trạm y tế và ty y tế nếu tại đây không cung cấp đầy đủ thuốc men đúng mức.

- tìm đến những văn phòng y tế vùng kế cận hay là quay trở về nước tạm trú ví dụ: CHLB Đức, Pháp, Bỉ, Hoa Kỳ, Bắc Âu...

C.-Lời khuyên của WHO

1.- rửa sạch vết thương, không vá vết thương lại, trường hợp vết thương sâu và lớn: chích quanh vết thương huyết thanh ngựa hay người có kháng thể chống bệnh chó dại.

2.- khi đã bị thú dại cắn: chích huyết thanh có kháng thể + thuốc chủng (vaccin - vakzin),

- chích thuốc chủng: vào bả vai,

- chích vào những ngày bị thú cắn 0, 3, 7, 14, và 30 không phải chích thêm lần cuối vào ngày 90.

- sau khi bị thú dại cắn và đã chích thuốc chủng, kiểm tra lại thú không mắc bệnh dại: nên chích 3 mủi => để cơ thể có sức đề kháng chống lại bệnh lâu dài.

3.- huyết thanh có khẳng thể chống bệnh dại: cùng chích 1 lần với thuốc chủng,

- chích quanh vết cắn, phần dư còn lại thì chích mông (20 đơn vị quốc tế/ kg trọng lượng cơ thể - 200 IU /kg/G).

- không được chích quá liều lượng đã quy định,

- nếu vết thương lớn quá => pha huyết thanh với nước NaCl.

4.- khi trở lại nơi đang sinh sống: công việc chữa trị tại đây phải là => tiếp tục loại thuốc vaccin đã được khởi đầu chích tại nơi, tại xứ mà thú dại đã cắn.

https://tieulun.hopto.org

Tuổi già và bệnh ALZHEIMER

Trời cho thêm tuổi thêm nhân đức
Đất trổ sinh hoa sinh phước lành

Mây câu thơ trên cho thấy niềm lạc quan khi đón mừng năm mới Tết đến. Thêm tuổi hay già hơn là qui luật của tự nhiên, những người trẻ tuổi thường nói đùa mỗi khi họ quên cái gì đó „Alzheimer đang gia tăng" để nhắc đến tuổi già hay quên. Alzheimer là tên của một người đi tiên phong trong y học đã phát hiện ra căn bệnh mất trí nhớ và sau đó căn bệnh này được mang chính tên của ông: Alzheimer.

Bây giờ chúng ta hãy đi vào lịch sử của nước Mỹ, vào ngày 6 tháng 11 năm 1911 trong cộng đồng thuộc bang Illinois ở Mỹ, tại gia đình Reagan người ta đón mừng sự ra đời của một đứa bé. Người cha là ông John Edward Reagan tên gọi là Jack ngay từ lúc nhìn đứa con thứ tư của mình, ông đã nói nó là đứa bé mạnh khỏe trắng trẻo có thể một ngày nào đó nó làm Tổng Thống. Vậy mà đúng như vậy! Một ngày nào đó đứa bé lớn lên chẳng những là diễn viên đóng phim thành công mà còn trở thành Tổng Thống nước Mỹ tên Ronald Wilson Reagan với hai nhiệm kỳ liên tục từ năm 1981 – 1989. Vào ngày 5 tháng 6 năm 2004 ông từ trần vào tuổi 93, sau 10 năm mắc phải một chứng bệnh mà trong nước Đức có khoảng 1 triệu 200.000 người mắc bệnh, trên toàn thể thế giới có 35 triệu người bị bệnh. Đó là bệnh Alzheimer.

Các triệu chứng bệnh lúc đầu nhẹ không đáng chú ý như hay quên, mất khả năng định hướng, nói năng khó khăn, về tâm thần có thể đoán rằng có cái gì đó không ổn về những liên lạc. Đây là giai đoạn đầu của bệnh, tế bào não bắt đầu chết, cảm giác khó chịu không ổn, lo lắng, sợ hãi, gây hấn dễ kích động sinh sự. Dần dần đi đến „sự giã từ với chính bản thân mình".

Giai đoạn hai: Người bệnh không nhận biết để trở về với môi trường xung quanh và thậm chí quên cả vợ chồng và những người chung sống với mình, vấn đề nghiêm trọng là quên cả vấn đề vệ sinh thân thể, ăn uống trở nên khó khăn. Tinh thần thể xác như tách rời môi trường.

Giai đoạn ba: Có thể kéo dài nhiều năm tình trạng tinh thần thể xác bệnh nhân có thể so sánh như trẻ sơ sinh.

Bệnh Alzheimer là quá trình thoái hóa não các tế bào thần kinh não, rối loạn tâm thần. Chẩn đoán bệnh khó mà xác định được. Phương pháp chẩn đoán được đặt ra là qua các cuộc điều tra thăm hỏi gia đình bạn bè bệnh nhân, môi trường sống và với các phương tiện máy móc ghi nhận hoạt động của não cũng như phương pháp chụp hình cắt lớp não và các thử nghiệm về sự suy giảm nhận thức. Bệnh Alzheimer là bệnh không thể chữa khỏi.

Dạng bệnh mất trí nhớ lấy tên từ Bác sĩ tâm thần nổi tiếng Alois Alzheimer. Người ta không biết nhiều về cuộc đời của ông. Ông được cho là người đàn ông hài hước và bao dung. Ông kết hôn với một phụ nữ người Do Thái và họ có 3 người con. Vợ ông mất sớm để lại tài sản cho Alzheimer. Ông sử dụng để nghiên cứu và sau này ông là Giám đốc Bệnh viện Tâm thần học ở Breslau.

Khám phá về bệnh đến với ông thông qua một phụ nữ 51 tuổi tên Auguste Deter, người được ông điều trị trong Bệnh viện Tâm thần ở Frankfurt am Main. Người phụ nữ này nhập viện vào ngày 25 tháng 11 năm 1901, bệnh nhân chỉ có thể nhớ tên của mình và vài chi tiết. Qua những câu hỏi về tên của bệnh nhân và chồng của bệnh nhân, người bệnh luôn trả lời Auguste.

Alzheimer là một bác sĩ có lương tâm, ông ghi nhận từng lời nói qua đối thoại, xem xét tất cả khả năng về tinh thần ngôn ngữ của bệnh nhân từ những ngày sau khi nhập viện. Ông và các đồng nghiệp của ông không biết làm thế nào để chẩn đoán bệnh. Người bệnh này vẫn là một bí ẩn. Bệnh nhân từ trần sau 5 năm nhập viện, năm 1911 căn bệnh được đặt tên là Alzheimer.

Sau cái chết của bệnh nhân, Alzheimer ghi nhận: giảm trí nhớ nhanh chóng. Kế đến là ông kiểm tra bộ não của người quá cố. Những phát hiện của ông là do tiến trình của một căn bệnh làm phần lớn bộ nhớ của não cũng như ý thức định hướng cảm nhận cuộc sống thay đổi. Ông đã đưa ra hình ảnh về sự khác biệt của não người bệnh với não bình thường.

Hơn thế nữa, ông đã tìm thấy sự tồn đọng protein (chất đạm) ở não mà cho đến thập kỷ sau người ta đặt tên là Amyloid, mảnh protein „kết thành mạng sợi" bó sợi vào các tế bào thần kinh chết, về thực tế không phải chứng bệnh mất trí nhớ do xơ vữa động mạch có sẵn trong não.

Alzheimer đã phổ biến nghiên cứu của ông vào năm 1906. Ông gọi đó là căn bệnh đặc biệt của vỏ não. Alois Alzheimer qua đời ở tuổi 51 vì bệnh suy thận, ông là người tìm ra bệnh, không ai có thể nghĩ rằng sẽ có ngày nào đó, sẽ có người tìm ra được cách giải thoát khỏi căn bệnh nầy.

Những nghiên cứu của ông sớm bị lãng quên bởi vì các nhà nghiên cứu khác đã khó khăn trong việc tìm hiểu điều tra về bệnh này mà không có kết quả. Do đó bệnh này được mô tả vài dòng như bệnh mất trí nhớ lãng trí của tuổi già mặc dù khi xưa đã có thời gian hàng trăm nghìn người Đức bị bệnh. Cho đến năm 1996 Trung tâm đầu tiên nghiên cứu bệnh Alzheimer được thành lập ở Frankfurt, Viện nghiên cứu Max Planc và ngày càng có nhiều nơi nghiên cứu khác để tìm các phương pháp phát hiện bệnh sớm và điều trị.

Theo Tổ chức Y tế Thế giới WHO thì bệnh nhân Alzheimer sẽ là một trong những vấn đề y tế lớn của tương lai. Bệnh Alzheimer vẫn là chủ đề bí ẩn chưa được giải mã. Từ nỗi khổ đau của bệnh nhân và cả những người chăm sóc người bệnh, qua nhiều thập kỷ đến năm 1992 trên con đường tìm cách „giải mã", Gs. Christian Hass đã đạt được sự chứng minh cho thấy các mảnh vỡ protein là sản phẩm của quá trình trao đổi chất ở người khỏe mạnh. Đến năm 1995 ở Mỹ, thuốc đầu tiên được chấp thuận để chống lại bệnh Alzheimer, trong khi đó ở Đức có 3 sản phẩm thuốc từ nhóm gọi là Actyl Cholinesterase Hemmer được sử dụng. Năm 2002 người ta bắt đầu đặt ra việc thử nghiệm tìm thuốc tiêm chủng để điều trị bệnh, ý tưởng này phát xuất từ việc tiêm chủng ngừa bệnh cúm cũng như giúp cho cơ thể „trang bị vũ khí" tự vệ chống lại bệnh Alzheimer, hệ thống miễn nhiễm nhận ra tác nhân gây bệnh từ bên ngoài và „dập tắt" khả năng hoạt động như vậy có thể làm dừng lại sự lãng quên. Các nhà nghiên cứu thử nghiệm tiêm chủng với mục tiêu làm giải tán đi các mãng bám nhỏ bé tồn

https://tieulun.hopto.org

đọng trong não xem như chúng vừa là „virus hay vi khuẩn" xuất hiện từ protein làm tổn thương tế bào thần kinh não, trên thế giới có ít nhất 15 chất tiêm chủng được chế tạo để chống lại bệnh suy yếu não.

Các thử nghiệm (tiêm chủng vào bệnh nhân với liều lượng rất nhỏ) phải dừng lại khẩn cấp vì thuốc tiêm chủng có một thất bại lớn: chỉ sau vài tháng điều trị vài bệnh nhân Alzheimer bị tác dụng phụ viêm não nguy hiểm tính mạng. Mặc dù trong thời điểm đó thất bại nhưng rút ra được bài học qua sự khảo sát kế tiếp cho thấy thuốc tiêm chủng có tác dụng thực sự ở một số bệnh nhân là số lượng mãng bám trong não giảm đi và có những dấu hiệu ổn định khả năng trí nhớ, cho thấy đã thành công. Các nhà nghiên cứu phải biết cách làm giảm tác dụng phụ nghiêm trọng. Alzheimer vẫn còn là điều bí ẩn.

Trong các cuộc tranh luận về vai trò các mãng bám protein, chắc chắn là các khối mãng bám làm thiệt hại tế bào thần kinh nhưng đó là đề tài chưa được làm sáng tỏ về mức độ phá hoại, làm bệnh nghiêm trọng. Theo báo cáo nghiên cứu ở một người 104 tuổi sau khi chết, não người này phủ một khối lượng lớn mãng bám, nhưng người này khi sống là một phụ nữ khỏe mạnh, trí nhớ tinh thần cường tráng, Bà vẫn còn trả lời được các câu hỏi phỏng vấn.

Mặc dù nhiều tranh luận, các chất liệu mãng bám vẫn còn là nguyên nhân duy nhất của bệnh mất trí nhớ.

Thử nghiệm thứ hai cho thấy niềm hy vọng thuốc để phá vỡ sự tạo mãng bám về lý thuyết có thể giải quyết bệnh tận gốc nhưng thực tế lại là vấn đề lớn vì các nhà nghiên cứu tìm thấy tác nhân tạo mãng bám mà người ta muốn ngăn chận lại đóng vai trò tích cực cần thiết đảm bảo cho sự phát triển đúng của tế bào máu. Một cách giải quyết được đặt ra là cho liều thuốc ức chế làm yếu đi hay chậm tốc độ phát sinh bệnh.

Vàng cho não: Có nhiều người đề nghị thử nghiệm liệu pháp vàng và đồng vì trong phòng thí nghiệm vàng phá hủy các mãng bám protein và đồng giúp ổn định có thể là bức tường ngăn để bảo vệ tế bào thần kinh không bị tấn công.

Mặt khác Insulin có thể ổn định hoạt động tâm thần, điều này dựa trên sự theo dõi quán sát cho thấy não bộ rất nhạy cảm với mức độ biến động của đường và bệnh nhân tiểu đường có nhiều khả năng bị bệnh Alzheimer. Tại Mỹ có những thử nghiệm ban đầu trên bệnh nhân.

Một số thuốc trị bệnh tiểu đường chính xác như Glitazone có thể giúp não được tốt hơn. Một số dự án ở Đức theo các chuyên gia tâm thần kết hợp các viện dược phẩm thì giai đoạn đầu là dùng các thuốc giúp sự trao đổi thông tin giữa các tế bào thần kinh được tốt hơn, giai đoạn chậm hơn thuốc làm dừng lại hay làm chậm lại sự suy yếu các tế bào thần kinh.

Trải qua bao nhiêu thập kỷ mãi cho đến năm 2010 các nhà nghiên cứu Đức tại Đại học Göttingen đã thành công trong việc tìm ra chất tiêm chủng làm chận đứng bệnh Alzheimer thử nghiệm trên chuột có hiệu quả tốt bảo đảm có thể ứng dụng liệu pháp này trên người bệnh Alzheimer trong vòng 2 năm. Gs. Ts. Thomas Bayer và nhóm làm việc của ông sáng chế thuốc tiêm chủng tuy không thể đạt được việc chữa hết bệnh nhưng nghiên cứu cho thấy các kháng thể xuất hiện đã ngăn chận sự tiến triển của bệnh Alzheimer •

(Quỳnh Hoa sưu tầm)

Năm Mẹo
Mèo và bệnh Toxoplasmose

Quỳnh Hoa

Nói về Mèo thì có Mèo Rừng, Sơn Miêu, Linh Miêu, Mèo nhà. Khi xưa mèo nhà là vật được nuôi để bắt chuột sau đó càng ngày mèo càng được ưa chuộng được nuôi làm con vật cưng chỉ để làm bạn, để vuốt ve và cho trẻ em chơi cho đỡ cô đơn hay để làm „cảnh" nhất là mèo Ba Tư có bộ lông dày đẹp, mèo yên lặng và nũng nịu, nhõng nhẽo hơn chó. Nhưng đôi khi mèo cũng là tác nhân mang mầm bệnh ký sinh trùng Toxoplasmose.

Nhiễm trùng Toxoplasmose thường là vô hại. Nhưng đôi khi tác nhân này lại gây hại ở một số trường hợp. Hơn ½ số người bị nhiễm bệnh trong quá trình sống của họ với Toxoplasma gondii mà không thấy có triệu chứng hay chỉ có các triệu chứng nhẹ gần giống như triệu chứng của bệnh cúm và sau đó suốt đời miễn nhiễm. Tuy nhiên việc nhiễm ký sinh trùng này là nguy hiểm cho một số nhóm người nhất định. Đặc biệt là phụ nữ mang thai lần đầu tiên tiếp xúc với mầm bệnh vì mầm bệnh đe dọa cho thai nhi. Hằng năm trên thế giới có hơn 1000 thai nhi bị nhiễm trùng. Nhóm người có nguy cơ bị gây hại do nhiễm trùng khác là những người có mang sẵn bệnh HIV (Sida), ung thư, viêm loét đại tràng và trẻ em dưới 5 tuổi khi hệ thống miễn dịch của cơ thể bị suy yếu.

Sau lần đầu tiên bị nhiễm trùng các tác nhân gây bệnh sẽ khu trú trong não, khi hệ thống miễn dịch của cơ thể bị suy yếu hay không được tạo nên đầy đủ thì các Toxoplasme sẽ được kích hoạt. Hậu quả là có thể dẫn đến viêm não và các cơ quan khác.

Lây nhiễm qua mèo hay lây nhiễm qua thực phẩm do người dân ít hiểu biết về vệ sinh, về các nguồn gây nhiễm trùng như qua trái cây, rau cải rửa không sạch hay dùng thịt nấu chưa đủ chín hoặc do tiếp xúc gần gũi với mèo. Qua đó ký sinh trùng xâm nhập vào cơ thể. Thực tế các tài liệu nhiễm trùng Toxoplasmose không được ghi nhận rõ ràng về hậu quả đối với phụ nữ mang thai.

Phụ nữ mang thai tuần lễ thứ 16 của thai kỳ khi bị nhiễm lần đầu với mầm bệnh hầu như luôn dẫn đến sẩy thai. Trong thời kỳ mang thai ký sinh trùng đôi khi gây hại cho thai nhi nặng nề như có thể gây suy giảm thị lực, não úng thủy (nước trong đầu), chứng động kinh và suy yếu tinh thần về sau này khi trẻ chào đời.

Đối với việc nhiễm trùng cấp tính Toxoplasme trong thời kỳ mang thai, bác sĩ có thể dùng thuốc để điều trị. Tuy nhiên ở những phụ nữ sau khi mới bị nhiễm trùng cho thấy có sự hình thành kháng thể có khả năng chống lại ký sinh trùng và không có sự suy yếu hệ thống miễn nhiễm, có thể không có nguy cơ cho việc mang thai. Vì lý do này các chuyên gia thường xét nghiệm về kháng thể ở giai đoạn sớm của thai kỳ để chống bệnh kịp thời.

Phòng ngừa bệnh Toxoplasme: Ký sinh trùng xâm nhập cơ thể chủ yếu qua phân mèo và đất bị ô nhiễm. Nên mang găng tay khi làm vườn sau đó rửa tay sạch. Trái cây, rau cải trồng ngoài trời cần rửa sạch. Không dùng thịt nấu chưa chín. Rửa tay sau khi tiếp xúc với mèo •

https://tieulun.hopto.org

Tin Phật sự

*** Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu**

Tổng Vụ Từ Thiện & Xã Hội

c/o Chùa Bảo Quang 304 Billbrookdeich – 22113 Hamburg

Tel.: 040 – 732 55 43 & 040 – 32 96 15 20

Căn cứ theo Biên Bản phiên họp Đại Hội Thường Niên nhiệm kỳ 2010-2014 của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu ngày 24.7.2010 tại Neuss, Đức Quốc.

Tổng Vụ Từ Thiện & Xã Hội trực thuộc Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu xin:

THÔNG BÁO

Nay kính thông báo đến các Tự Viện, các Niệm Phật Đường, các Chi Hội, Đoàn Thể Gia Đình Phật Tử Việt Nam trực thuộc Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu tường tri:

- Đại Đức Thích Tịnh Phước, Trụ Trì Chùa Phật Quang, Thụy Điển, được Giáo Hội công cử vào chức vụ Tổng Vụ Phó Tổng Vụ Từ Thiện và Xã Hội Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu.
- Đại Đức Thích Viên Tịnh, Trụ Trì Chùa Tam Bảo, Na Uy, làm Ủy Viên Từ Thiện và Xã Hội phụ trách Kế Toán.
- Ni Sư Thích Nữ Minh Hiếu, Chùa Bảo Quang Hamburg, làm Ủy Viên Từ Thiện và Xã Hội.
- Đạo Hữu Nguyên Trí (Nguyễn Văn Tâm - Đức Quốc), phụ trách Thủ Quỹ của Tổng Vụ Từ Thiện & Xã Hội.

Nay xin thông báo đến các Tự Viện, Niệm Phật Đường, các Chi Hội, Đoàn Thể Gia Đình Phật Tử trực thuộc Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu kính xin góp phần giúp đỡ tạo điều kiện cho Ban Từ Thiện và Xã Hội mọi sự dễ dàng trong công tác Phật sự.

Hamburg, ngày 01 tháng 10 năm 2010
TM. Tổng Vụ Từ Thiện & Xã Hội
Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu
Tổng Vụ Trưởng
Tỳ Kheo Ni Thích Nữ Diệu Tâm
(ký tên)

*** Đại lễ Vu Lan Báo Hiếu PL 2554 tại chùa Tâm Giác, München:**

Khởi hành lúc 14 giờ ngày thứ sáu, 10.9.2010 và trải qua đoạn đường trên 600 km từ Chùa Viên Giác Hannover đến chùa Tâm Giác ở München. Mặc dù bị kẹt xe trên một tiếng đồng hồ và trời mưa tầm tã, nhưng rồi chúng tôi cũng đến nơi vào lúc 22 giờ đêm cùng ngày. ĐĐ Thích Hạnh Vân, Trụ Trì Chùa Tâm Giác, ĐĐ Thích Minh Tánh, Trụ Xứ ở Na Uy và ĐĐ Thích Hạnh Sa, Chùa Viên Giác đã đón tiếp Hòa Thượng Phương Trượng. Sáng thứ bảy, 11.09.2010, sau thời khóa tụng kinh Lăng Nghiêm, ĐĐ Thích Hạnh Vân đã đọc qua chương trình sinh hoạt Phật sự trong ngày:

10 giờ Lễ Quy y Tam Bảo cho 5 vị phát tâm. 11 giờ Chính thức Đại Lễ Vu Lan, Bông Hông Cài Áo. HT Phương Trượng ban Pháp Nhủ cho những ai còn Mẹ còn Cha phải biết hiếu thuận tôn kính Cha Mẹ v.v... HT Phương Trượng cũng nói qua sự ăn chay để giảm sự đau khổ của muôn loài, phải biết sám hối tụng kinh niệm Phật và phát tâm Cúng Dường Bố Thí để cứu độ cho hương linh cho cha hay cho mẹ và cứu độ hương linh cho những người thân.

Đến 14 giờ HT Phương Trượng thuyết pháp về lẽ vô thường của nhân sinh và tạo hóa: lũ lụt, sóng thần địa chấn, núi lửa gây không biết bao nhiêu tai họa cho con người khổ đau và chết chóc v.v... Đời vô thường sống nay chết mai, do vậy mà mỗi người chúng ta phải biết tu tập ăn chay niệm Phật làm việc thiện để gieo bòn phước đức, thì mới qua khỏi những nghiệp vận hiện tại. Hòa Thượng Phương Trượng cũng tán dương công đức Chi Hội PGVNTN và Gia Đình Phật Tử tại München và vùng phụ cận trong thời gian qua đã kiên trì giữ vững Lục Hòa, phát tâm hộ trì Tam Bảo; do vậy Đại Lễ Vu Lan Thắng Hội năm 2010 đã thành tựu một cách mỹ mãn.

Số Phật Tử tham dự Đại Lễ trên 300 người, đông hơn những năm vừa qua. Buổi chiều từ lúc 16 giờ, Chương trình Văn Nghệ do các em trong Gia Đình Phật Tử đóng góp thật sôi động, được sự cổ vũ nhiệt tình của khán giả. *(Tin: Nguyên Trí Nguyễn Văn Tâm)*

*** Tết Trung Thu và khóa tu Bát Quan Trai Giới tại Chi Hội PTVNTN Karlsruhe & VPC ngày 25-26.09.2010.**

Như thường lệ, năm nay Chi hội Karlsruhe cũng kết hợp tổ chức Thọ Bát Quan Trai định kỳ với Hội Tết Trung Thu, giúp cho các cháu làm quen và nhớ đến phong tục tập quán Việt Nam, mặc dù đang sống trên xứ lạ quê người.

Chiều 24.9.10, chương trình Tết Trung Thu bắt đầu lúc 19 giờ 30, dưới sự chứng minh của HT Phương Trượng Chùa Viên Giác. Số đồng hương tham dự khoảng 300 người; trong đó thiếu nhi khoảng 100 cháu. Các cháu tham dự các trò chơi thiếu nhi dưới sự nhiệt tình hướng dẫn của anh Viễn và cô Yến, hội viên của Chi Hội. Đến 22 giờ, chương trình chấm dứt sau phần phát quà cho các cháu và rước đèn Trung Thu. Năm nay vì trời mưa nên các cháu chỉ được rước đèn trong hội trường. Buổi lễ chấm dứt trong không khí thật tươi vui thân mật.

Khóa tu Bát Quan Trai từ ngày 25 đến trưa 26.9.10. Lễ truyền giới được bắt đầu lúc 10 giờ 30 dưới sự hướng dẫn của HT Phương Trượng chùa Viên Giác và Thầy Thích Hạnh Tâm. Đã có 43 Giới tử chánh thức ghi tên thọ BQT Giới. Sau nghi thức truyền giới, ăn quá đường là giờ chỉ tịnh. Từ 14 giờ 30 đến 16 giờ, Thầy thuyết giảng đề tài Sống bình an, tái sanh an lạc. Buổi tối, từ 20g đến 21 giờ 45 các giới tử được sự giới thiệu của đạo hữu Thiện Lạc về cuốn phim Cuộc đời của ngài Quảng

https://tieulun.hopto.org

Khâm. Sáng ngày 26.9.10, sau phần công phu khuya, ăn sáng, đến 8 giờ 30 Thầy thuyết giảng đề tài Thiên thời địa lợi nhân hòa. Sau đó làm lễ xả giới và tác bạch tạ Pháp.

Như thường lệ, để giúp cho quý vị không có thời gian tu BQT. Chi Hội có tổ chức buổi lễ cầu an từ 10 giờ 30. Sau phần lễ cầu an, HT Phương Trượng đã thuyết giảng đề tài Phật giáo và Khoa học. Buổi lễ hoàn mãn sau phần ăn trưa. Quý đồng hương và Phật tử rất hoan hỷ và tạm biệt nhau, trở về trụ xứ.

*** Tân Ban Chấp Hành Chi Hội PTVNTN Karlsruhe & VPC:**

Ngày 17.10.2010, Chi Hội PTVNTN Karlsruhe & VPC đã bầu Tân Ban Chấp Hành, nhiệm kỳ 2010-2012 với thành viên như sau:

- ĐH Thiện Mỹ Lương Văn Xinh, Chi Hội Trưởng
- ĐH Thiện Bảo Nguyễn Ngọc Thạch, Chi Hội Phó Ngoại Vụ
- ĐH Thiện Nghiệp Phạm Giác Doanh, Chi Hội Phó Nội Vụ
- ĐH Tâm Thảnh Thơi Ngô Minh Huệ và ĐH Thiện Trí Đỗ Thị Huệ, Tài Chánh
- ĐH Diệu Trí Vũ Thị Huệ và ĐH Diệu Tiết Huỳnh Thị Phương Chi, Thư Ký
- ĐH Thiện Hùng Vũ Cao và ĐH Nguyễn Ngọc Long, Ban Hương Đăng
- ĐH Diệu Vân Lương Thị Ngọc Việt và ĐH Diệu Tuyết Tạ Nguyệt Trinh, Ban Trai Soạn
- ĐH Giác Tấn Nguyễn Tấn Hổ và ĐH Diệu Xuân Lê Thị Hương, Cố Vấn.

(Tin: ĐH. Thiện Mỹ)

*** Khóa Tu Bát Quan Trai tại Chi Hội PTVNTN Bad Kreuznach & VPC ngày 02 - 03.10.2010:**

Cuối tuần tiếp theo, Chi Hội PTVNTN Bad Kreuznach đã tổ chức khóa tu Bát Quan Trai do HT Phương Trượng (HTPT) chùa Viên Giác chủ trì.

Sau nghi thức truyền BQT Giới, HTPT đã giới thiệu quý Chư Tôn Đức hiện diện: ĐĐ Thích Hạnh Tâm, tháp tùng Sư Phụ và 3 vị Khách Ni, đến từ Hoa Kỳ để dự Lễ Hiệp Kỵ Tổ Sư (Về Nguồn 4), còn lưu lại để thăm viếng vài cơ sở tu học tại Đức gồm có: Ni Trưởng Thích Nữ Như Nguyện và hai Ni Sư: Thích Nữ Như Phước, Thích Nữ Như Định.

Tiếp theo, HTPT đã giảng giải để giúp cho Phật Tử hiểu rõ thế nào là Ni Trưởng (tương đương với Hòa Thượng), Ni Sư (tương đương với Thượng Tọa) hoặc Sư Cô (tương đương với Đại Đức) và ý nghĩa của sự xuất gia. Xuất gia, không phải chỉ ra khỏi nhà, không phải chỉ có cắt ái lìa thân mà còn phải ra khỏi Thế tục gia, Phiền não gia và Tam giới gia (gồm có Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới).

Thầy cũng có giảng về Thế độ bổn sư (Vị Thầy cạo tóc và cho xuất gia), Sa Di (Hình Đồng Sa Di → Đi tu từ nhỏ; Ứng Pháp Sa Di → Trên 50 tuổi mới xuất gia; Chú Điệu → Dưới 20 tuổi, cạo đầu nhưng còn để lại một chùm tóc, có ý nghĩa báo hiếu song thân và chưa thông suốt giáo lý cũng như việc tu hành. Còn bên Ni, tương đương với Chú Điệu được gọi là Cô Diệu.

Buổi chiều từ 14 giờ 30, HTPT thuyết giảng tiếp đề tài Chết an lạc, tái sanh hoan hỷ. Nhân đây, Thầy cũng có giảng về việc niệm Phật cầu vãng sanh cho người lâm chung; những lời cần nói để nhắc nhở, sách tấn họ; về Mười đại nguyện của Bồ Tát Phổ Hiền; về việc thương yêu cha mẹ, không phải chỉ là hầu hạ, nuôi dưỡng cho thật đầy đủ, mà điều quan trọng nhứt là biết khuyên cha mẹ tu hành.

Từ lúc 16 giờ 30, Thầy Hạnh Tâm hướng dẫn Đạo tràng Huân Tu Tịnh Độ; cùng lúc đó, các Đạo hữu đại diện Chi Hội PTVNTN tại các địa phương gặp gỡ HTPT để bàn thảo, giải quyết những Phật sự cần thiết.

Từ 19 giờ 30 tối thứ bảy, Phật Tử được tiếp xúc và nghe những lời Pháp nhủ của Ni Trưởng và nhị vị Ni Sư. Những lời sách tấn, những tâm tình thật gần gũi thân thương đã tạo nên một buổi gặp gỡ vô cùng an lạc.

Ngày Chủ Nhựt được bắt đầu với thời khóa trì tụng Thần chú Thủ Lăng Nghiêm thật trang nghiêm. Sau đó, từ 9 giờ: HTPT đã thuyết giảng khái lược về Lịch sử Việt Nam qua các thời đại. Hôm nay cũng là ngày Thống Nhứt của nước Đức (Tag der Deutschen Einheit), 03 tháng 10 Dương Lịch, Thầy đã nhắc nhở ý nghĩa ngày nầy và đây cũng chính là một tấm gương vô cùng quý báu cho chúng ta.

10 giờ 30: lễ xả giới và tác bạch cúng dường tạ Pháp. ĐH Thiện Anh, Chi Hội Trưởng đã nói lời niệm ân quý Chư Tôn Đức Tăng, Ni, quý Phật tử Đạo hữu đã quy tựu về đây để cùng nhau tu học và hỗ trợ đạo tràng. Tiếp theo là lễ Phật cầu an như thường lệ, Sau đó, HTPT đã ban cho Phật Tử một thời Pháp vô cùng lợi lạc: Mọi thiên tai, thảm nạn đang xảy ra trên trái đất nầy đều tại Tâm của chúng sanh; nên cứu vãn được hay không cũng đều do Tâm (Tội từ Tâm khởi đem Tâm sám, Tâm đã tịnh rồi, tội liền tiêu).

44 Phật tử đã chánh thức ghi tên tu BQT Giới. Nhưng có lúc số hiện diện khoảng 70 người. Bên cạnh, có rất nhiều đạo hữu đã phát tâm hỗ trợ đạo tràng, từ các khâu trang trí, trai soạn, hành đường. Đặc biệt là tấm lòng từ bi, niềm hoan hỷ của quý Chư Tôn Đức Tăng Ni, tất cả đã tạo nên một khóa tu nhiều an lạc.

(Tin: Nhựt Trọng).

https://tieulun.hopto.org

*** Khóa Tu Bát Quan Trai tại Chi Hội PTVNTN Wiesbaden & VPC ngày 09 - 10.10.2010:**

Năm nay, trước khi lên đường nhập thất tại Úc Đại Lợi trong thời gian 3 tháng như thông lệ, HTPT đã dành nhiều thời gian để gần gũi và hướng dẫn Phật tử, Đệ tử của mình tu học. Đặc biệt, liên tiếp 3 khóa tu Bát Quan Trai tại các Chi Hội PTVNTN Karlsruhe, Bad-Kreuznach, Wiesbaden và một khóa tu BQT tại Tu Viện Viên Đức, với sự hiện diện của Thầy Hạnh Tâm, chủ trì các khóa lễ Huân Tu Tịnh Độ, Cầu siêu hoặc Sám hối.

Nghi thức cung thỉnh quý Chư Tôn Đức quang lâm chánh điện thật trang nghiêm đã mở đầu khóa tu BQT tại Chi hội PTVNTN Wiesbaden hôm nay. Tiếp theo là phần truyền giới, Đạo từ của HTPT và nghi thức ăn quá đường như thường lệ.

Về Giáo lý, trong khóa tu nầy, HTPT đã thuyết giảng tiếp đề tài Chết an lạc, tái sanh hoan hỷ:

- Thầy đã tán dương, sách tấn những người phát tâm Quy Y Tam Bảo, ăn chay, niệm Phật, tu hành,

- Các hiện tượng trong lúc lâm chung như hơi ấm của người vừa mới mất còn lại từ ngực trở lên đầu, từ ngực đến đan điền hay là từ đan điền xuống đến chân.

- Sự Quy Y Tam Bảo quan trọng là ở cái tâm; vì vậy không cần thiết phải chờ cho đến khi thân thật trong sạch mới dám Quy Y.

- Tịch diệt qui lạc là tư tưởng của HT Thanh Nghiêm, Di chúc của HT là tro cốt của Ngài sẽ rải trong vườn chùa, với ý nghĩa: Đến từ hư không, trở về với hư không.

- Tùy Tùng Phật Hậu; Vô Sanh Pháp Nhẫn, Trực Vãng Tây Phương; Cao Đăng Phật Quốc;... là những câu nguyện cho một vị Tăng, Ni viên tịch.

- Có những vị Thầy khi chết không cần ai cầu siêu, hộ niệm hay tổ chức lễ tang, vì đã an lạc ra đi.

Từ 16 giờ 30 đến 18 giờ: Khóa lễ Sám Hối, do Thầy Hạnh Tâm chủ trì. Từ 20 giờ: Các Giới tử được xem phim Bồ Đề Đạo Tràng dưới sự chứng minh của HTPT và sự thông dịch từ tiếng Hoa sang tiếng Việt của đạo hữu Thiện Lạc. Thật ra, phim giới thiệu các hình ảnh, Phật sự của Tứ Động Tâm: Nơi Từ Phụ Bổn Sư Thich Ca Mâu Ni Phật đản sanh, Thành Đạo, Thuyết Pháp lần đầu tiên và Nhập Niết Bàn. Tiếp theo, chúng tôi còn được xem một đoạn phim về Phật Quang Sơn của Hòa Thượng Tinh Vân.

Ngày Chủ Nhựt được bắt đầu với thời khóa trì tụng Thần chú Thủ Lăng Nghiêm và kinh hành niệm Phật. Đến 9 giờ HTPT giải đáp những thắc mắc của Phật Tử. Gần 20 câu hỏi đã được Thầy giảng giải thật rõ ràng. Tiếp theo là lễ xả giới và tạ Pháp. 11 giờ: Lễ Phật cầu an như thường lệ. Đặc biệt, Thầy đã phục nguyện cầu siêu cho Hương linh bác Nguyễn Văn Cừu, thuộc Chi Hội Phật Tử Wiesbaden, vừa từ trần sáng nay, 10.10.2010. Hưởng thọ 80 tuổi.

Trong thời Pháp, Thầy đã nêu lên những câu phương ngôn, tục ngữ của nhiều nước trên thế giới và giải thích những ý nghĩa rất lợi lạc cho việc ứng xử trên bước đường tu học.

Hôm nay, đúng vào ngày Song Thập, 10 tháng 10, Thầy cũng nói sơ lượt về cuộc cách mạng Tân Hợi, 1911 của Tôn Dật Tiên, với chủ nghĩa Tam Dân: Dân Sinh, Dân Tộc, Dân Quyền, đến nay gần tròn một thế kỷ, để cho Phật tử ôn lại kiến thức của mình.

65 Giới tử đã chánh thức ghi tên tu BQT một ngày một đêm thanh tịnh. Nếu tính chung với số vãng lai thì tổng cộng trên 80 người. Sau khi dùng cơm, HTPT và ĐĐ Hạnh Tâm đã đến hộ niệm, khai thị cho Hương linh Phật tử Nguyễn Văn Cừu. Tang lễ sẽ cử hành ngày 20.10.10. *(Tin: Nhựt Trọng).*

*** Khóa Tu Bát Quan Trai tại Tu Viện Viên Đức, Ravensburg từ ngày 16 - 17.10.2010:**

Chi Hội PTVNTN Bodensee vừa tổ chức môt khóa tu Bát Quan Trai Giới vào ngày Thứ Bảy 16 và Chủ Nhựt, 17.10.10 tại Tu Viện Viên Đức, Ravensburg do HT Phương Trượng chùa Viên Giác hướng dẫn.

Ngoài những nghi thức truyền Giới BQT, ăn quá đường và kinh hành nhiễu Phật như thường lệ, ngày thứ bảy, từ 14 giờ 30, Thầy đã giảng tiếp đề tài Chết an lạc, tái sanh hoan hỷ.

Từ 16 giờ 30, ĐĐ Thích Hạnh Tâm đã chủ trì khóa lễ Tịnh Độ và niệm Phật. Trong khóa tu BQT lần nầy còn có sự hiện diện của hai Cô Thông Chiếu và Đồng Hương.

Từ 20 giờ: HTPT đã chủ trì buổi trà đàm. Nhân dịp nầy, Thầy đã kể cho Phật tử nhiều mẩu chuyện thật gần gũi và lợi lạc.

Ngày Chủ Nhựt, bắt đầu với thời khóa trì tụng Thần chú Thủ Lăng Nghiêm. Từ 9 giờ: Vấn đáp Phật pháp. Tiếp theo là nghi thức xả giới. Đã có gần 30 Phật tử phát nguyện thọ trì BQT Giới một ngày một đêm thanh tịnh.

10 giờ 30, HTPT chủ trì buổi lễ Phật cầu an với khoảng 70 ngươì tham dự. Sau đó, trong phần Pháp nhủ, Thầy đã kể cho Phật tử nghe những câu phương ngôn tục ngữ mang nhiều đạo vị và vô cùng lợi lạc, nếu chúng ta ứng dụng vào cuộc sống. Buổi chiều, một bữa tiệc bánh xèo đạm bạc nhưng đậm tình nghĩa Thầy trò, tạm biệt Thầy trở về chùa Viên Giác để tuần sau lên đường sang Úc nhập thất sau trên một tháng HTPT đã lưu lại Tu Viện Viên Đức, gần gũi và hướng dẫn Phật tử vùng Trung và Nam Đức tu trì qua các khóa Bát Quan Trai Giới. *(Tin: THT).*

*** Khóa Huân Tu Tịnh Độ tại Chi Hội PTVNTN Mannheim & VPC, ngày 23 - 24.10.2010:**

Theo chương trình tu học năm 2010, Chi Hội PTVNTN Mannheim & VPC vừa tổ chức khóa Huân Tu Tịnh Độ ngày 23 và 24.10.2010, tại địa điểm thường lệ.

https://tieulun.hopto.org

Sư Cô Thích Nữ Như Quang, Phó Trụ trì chùa Phổ Hiền, Strasbourg, Pháp Quốc cùng với Sư Cô Nhuận Lương đã quang lâm chủ trì khóa tu. Như thường lệ mấy năm qua, nhị vị Sư Cô đã dành trọn ngày thứ bảy để hướng dẫn đạo tràng trì tụng bộ Kinh Diệu Pháp Liên Hoa (Pháp Hoa).

Từ lúc 20 giờ đến 21 giờ 30, Sư Cô đã chủ trì buổi Pháp đàm vô cùng lợi lạc. Sư Cô đã gợi ý để cho Phật tử nói lên tâm tư, suy nghĩ của mình về ý nghĩa, về sự lợi lạc của việc tu học theo Kinh Pháp Hoa. Thầy trò đều có chung một tình cảm sâu xa khi phát biểu, cụ thể như: Rất nhiều vị cao Tăng của Việt Nam chúng ta, như HT. Thích Trí Tịnh, HT. Thích Thông Bửu, HT. Thích Quảng Đức; HT. Thích Trí Quảng, HT. Thích Thanh Từ... trong suốt cuộc đời tu hành, đã phát nguyện rộng lớn dịch Kinh Pháp Hoa, tả Kinh Pháp Hoa, lạy Kinh Pháp Hoa, mỗi chữ một lạy, giảng và ghi âm trọn bộ Kinh Pháp Hoa và thường xuyên mở các đạo tràng tu tập Kinh Pháp Hoa... để hoằng dương Phật pháp.

Nội dung của bộ Kinh nầy nói lên tính bình đẳng, lòng từ bi cứu độ, năng lực của Chư Phật, Chư Bồ Tát cũng như của người tu tập, hành trì Kinh Pháp Hoa. Trì tụng Kinh Pháp Hoa để cầu nguyện cho Thế giới hòa bình, nhân sinh an lạc. Khi cần, quý Thầy Tổ sẵn sàng vị Pháp thiêu thân, cụ thể như HT. Thích Quảng Đức (1963). Xa hơn nữa, khi Pháp Sư Cưu Ma La Thập dịch Kinh Pháp Hoa sang chữ Hán, Ngài có phát nguyện: Nếu Ngài dịch đúng với ý Kinh thì khi Ngài mất, thiêu xác sẽ còn lại cái lưỡi. Điều nầy đã thành sự thật. Đến nay cái lưỡi của Ngài vẫn còn lưu giữ, chứng minh sự linh ứng của Kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

Ngày Chủ Nhựt được bắt đầu với thời khóa trì tụng Thần chú Thủ Lăng Nghiêm và thập chú rất trang nghiêm, thanh tịnh. Sau đó, nắng mai lên thật ấm, Sư Cô đã mời Phật tử ra sân để thay đổi không khí và trong thời gian trên 30 phút, Sư Cô đã hướng dẫn những động tác thể dục rất bổ ích.

Từ 9 đến 11 giờ, nhị vị Sư Cô đã chủ trì khóa lễ Sám Hối. Tiếp theo, Sư Cô cũng có hướng dẫn Phật tử tụng Ngũ Giới để nhắc nhở mọi người con của Phật hành trì giới luật mà mình đã thọ nhận.

Từ 11 giờ 15, một lần nữa, đạo tràng được nghe Pháp với 2 đề tài rất bổ ích: Thứ nhứt là Kinh diệt trừ phiền giận, dạy chúng ta ứng xử với 5 hạng người có tam nghiệp: thân, khẩu, ý khác nhau hầu giữ được niềm an lạc cho người và cho chính mình; Thứ hai là Kinh Soi gương, dạy chúng ta tư duy rằng, mọi người chung quanh ta, thân nhân, bạn bè, đạo hữu, kể cả những người nghịch tri thức... đều là những tấm gương soi sáng cho chúng ta.

12 giờ 45: ĐH Nhựt Trọng đã thay mặt Chi Hội và đạo tràng dâng lời tác bạch cúng dường tạ Pháp; cảm niệm công đức của nhị vị Sư Cô cũng như của quý Phật tử. Trên 60 người đã tham dự khóa Huân Tu; đặc biệt có 6 đạo hữu từ Pháp quốc đã tháp tùng Sư Cô để cùng với Phật tử Đức quốc tu học.

Nguyện đem công đức nầy hướng về khắp tất cả, Đệ tử và Chúng sanh đều trọn thành Phật đạo.

(Nhựt Trọng).

TÌM THÂN NHÂN

Tìm anh: **LÊ VĂN THÌN**

Em : Lê Thị Khôi (Mỹ Lệ), Sinh 1963

Em là **Lê Thị Khôi**. Cha là Lê Văn Kỳ. Mẹ kế là Lê Thị Mỹ Hạnh. Cha mất chôn tại Đà Lạt, Lâm Đồng, Việt Nam. Hiện nay anh đang ở Pháp hay đang ở đâu?

Hãy liên lạc về em Lê Thị Khôi (Mỹ Lệ) hiện ở Khu 9, Khóm 6, số nhà 578 Huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai - Việt Nam.

Tel nhà: **3 – 0163 697 347**

Tel di động: **0975 449 030**

Ghi chú: Mộ bia Ba ở Đà Lạt có hình: Má & Khôi và hình Anh trên mộ bia Ba.

Em là Lê Thị Khôi, em là cùng một cha với anh. Bạn em là Thu Vân ở Tây Đức, anh cũng có thể liên lạc về đây:

Tel: 08122 / 180 85 97. Handy: 0176/ 87 18 09 31

Mong tin Anh – Em Khôi.

Cha : Lê Văn Kỳ

Anh : Lê Văn Thìn (hồi còn nhỏ)

• TÌM BẠN

Nguyễn Hải Trí (Na Uy) tìm bạn: *Nguyên Thiếu Tá Quận Trưởng quận Cát Lái (Thủ Thiêm)*, tù cải tạo chung tại Trại Phố Lu (Lào Kay), sau có gặp lại trên đảo khi vượt biên.

Nghe nói hiện nay ở tại Cộng Hòa Liên Bang Đức.

Được tin này, xin liên lạc về:

NGUYỄN HẢI TRÍ
dag hammarksjoldsvei 155
N – 5144 Fyllingsdalen – NORWAY
Tel: 47 – 5350 2250
Mob: 47 – 97 982 982
Email: nghaitri@yahoo.com

• TÌM BẠN

- Tôi Tên :**Hồ Hoàng Khanh** học sinh khóa 74 ĐKN của trường Việt Đức (Thủ Đức). Muốn tìm bạn học cùng lớp là : Nguyễn Thiện Tân 74ĐKN và bạn... Hưởng 74CKO. Rất mong liên lạc lại với các bạn qua Tel. của Thu Lan học sinh khóa 74KTGĐ: **07191/904163.**

https://tieulun.hopto.org

පොදු වෂී 2011 දී එළඹෙන 2600 සම්බුද්ධත්ව ජයන්තියට පිළිවෙතින් පෙළගැසෙමු

සඝුන

ශ්‍රී ලංකා රාමඤ්ඤ මහා නිකායේ නිල පුවත්පත

බුද්ධ වර්ෂ 2554
පොදු වර්ෂ 2010 ජූලි

පුවත්පතක් වශයෙන් ශ්‍රී ලංකාවේ ලියාපදිංචි කරන ලදී. 28 කාණ්ඩය - 02 කලාපය මිල රු. 25/-

විදේශික ගෞරවෝපාධි

Honorary Degrees for Foreigners

විදේශයන්හි ධර්මදූත කාර්යයෙහි නිරතව සිටින ශ්‍රී ලංකා රාමඤ්ඤ නිකායික භික්ෂූන්වහන්සේලාට සහ උන්වහන්සේලා විසින් නිර්දේශ කරනු ලබන විදේශික බෞද්ධ ප්‍රභූවරුන්ට ගෞරවෝපාධි පිරිනැමිය යුතුයැයි විශේෂාධිකාරී මණ්ඩලය තීරණය කර ඇත. ඒ අනුව පහත දැක්වෙන භික්ෂූන් වහන්සේලා සහ විදේශික බෞද්ධ පින්වතුන් මෙවර ගෞරවෝපාධිලාභීන් ලෙස නම් කර ඇති බවත් එම උපාධි පිරිගැනීම 2010 ජූනි මස 16 දින ප. ව. 2.30 ට අනුරාධපුරයේදී පැවැත්වෙන රාමඤ්ඤ මහා නිකායයේ 67 වන උපසම්පදා සමාරම්භක පූජෝත්සවයේදී සිදු කෙරෙන බවත් මෙයින් නිවේදනය කරමි.

The Special Authority and the Standing Committee of the Sri Lanka Ramanna Chapter of Mahasangha has decided to award Honorary Degrees to its members engaged in missionary activities abroad and leading foreign Buddhist monks and laymen on the occasion of its 67th bi-annual higher ordination ceremony to be held at Anuradhapura on 16th July 2010. These dedicated foreign nominees who have worked tirelessly for the promotion of the Dhamma are carefully selected based on their religious status and services. The final list of receipients come from five countries - Britain, Austria, Nepal, India and Australia. Detailed information about their religious and philanthropic activities were obtained from Sri Lanka missions and concerned organizations in the respective countries. In the selection process, priority is given to those monks who had carried out their works continuously for more than ten years at one place.

ගෞරවෝපාධිලාභීහු, SELECTED RECEIPIENTS:

පූජ්‍ය නේපාලයේ මෛත්‍රී මහාස්ථවිර - Ven. Nepal Maithree Maha Thero
ලුම්බිනි විහාරය, නේපාලය - Lumbini Vihar, Nepal

පූජ්‍ය කැප්පෙටියාගොඩ ගුණවංස මහාස්ථවිර - Ven. Keppitiyagoda Gunawansa Maha Thero
බර්මින්හැම් විහාරය, එන්ගලන්තය - Burmingham Buddhist Vihara, England

පූජ්‍ය නාඔටුන්නේ විජිත මහාස්ථවිර - Ven. Naotunne Vijita Maha Thero
මෙල්බොන් ධම්මසරණ බෞද්ධ විහාරය, ඕස්ට්‍රේලියාව - Melbourn Dhamma Sarana Buddhist Vihara, Australia

පූජ්‍ය නක්කාවිට සුගතවංස මහා ස්ථවිර - Ven. Nakkavita Sugatavansa Maha Thero
මහින්ද විහාරය, ජල්ගාඕන්, ඉන්දියාව - Mahinda Vihar, Jalgaon, India

පූජ්‍ය නලුවෙල ආනන්ද මහාස්ථවිර - Ven. Naluvela Ananda Maha Thero
තක්ෂිලා කොලේජ්, උල්හාෂ්නගර්, ඉන්දියාව - Thakshila College, Ulhash Nagar, India

පූජ්‍ය තිස්සමහාරාමේ ජිනර්තන මහා ස්ථවිර - Ven. Thissamaharame Jinaratana Maha Thero
මහින්ද විහාර්, කපිලවස්තු, ඉන්දියාව - Mahinda Vihar, Kapilavastu, India

අතිපූජ්‍ය ථිච් න්හු ඩියෙන් (විහාරාධිපති) - Most Ven. Thich Nhu Dien (abbot)
හැනෝව, ජර්මනිය - Hanowa, Germany

අතිපූජ්‍ය ථිච් මින්හ් තම් (විහාරාධිපති) - Most Ven. Thich Minh Tam (abbot)
පැරිස්, ප්‍රංශය - Paris, France

ගේර්හාර්ඩ් වෙයිස්ග්‍රැබ් මහතා - Mr. Gerhard Weissgrab
සභාපති, ඔස්ට්‍රියන් බෞද්ධ සංගමය, වියානා, ඔස්ට්‍රියා - President, Austrian Buddhist Society, Vienna, Austria

ආචාර්ය වුල්ෆ්ගැන්ග් අල්කියේ මහතා - Mr. Wolfgang Alkier
උපසභාපති, ඤාණපෝණික ධර්ම මධ්‍යස්ථානය, වියානා, ඔස්ට්‍රියා - Vice President, Gnanaponika Dhamma Centre, Vienna, Austria

මේ වගට අණ පරිදි /By order
මහාචාර්ය වරාගොඩ පේමරතන මහාස්ථවිර Ven Professor Waragoda Pemaratana Maha Thero
මහලේඛකාධිකාරී General Secretary, Sri Lanka Ramanna Maha Nikaya

Bằng Danh Dự
Tưởng Thưởng cho Ngoại Kiều

Ủy Quyền Đặc Biệt và Ủy Ban Thường Trực của Hội Nghị Tăng Già nước Tích Lan (Sri Lanka Ramanna Chapter of Mahasangha) đã quyết định cấp bằng danh dự cho những thành viên tích cực nỗ lực trong việc truyền bá tại hải ngoại và cho những Tu sĩ và Cư sĩ ngoại quốc lãnh đạo Phật Giáo nhân dịp Đại Giới Đàn tổ chức lần thứ 67 hằng nửa năm, được cử hành vào ngày 16 tháng 7 năm 2010 tại Anuradhapura. Những người ngoại kiều nầy được đề cử là những vị đã có công lao không mệt mỏi trong việc bảo tồn và truyền bá Phật Pháp, được tuyển chọn kỹ lưỡng dựa trên phẩm vị và những hoạt động tôn giáo của họ. Danh sách cuối cùng của những vị nhận bằng đến từ 5 quốc gia – Anh Quốc, Áo, Nepal, Ấn Độ và Úc Đại Lợi. Những tài liệu chi tiết về những công tác Phật sự và nhân đạo của những vị được đề cử bởi Hội Truyền Giáo Tích Lan và những tổ chức liên quan tại quốc gia ở địa phương đã công nhận. Trong quá trình tuyển chọn đã dành ưu tiên cho những vị Tu sĩ đã phụng sự liên tục ít nhất trên 10 năm tại một địa phương.

Những vị được tuyển chọn:

- Hòa Thượng Nepal Maithree Maha Thero - Lumbini Vihar, Nepal
- Hòa Thượng Keppitiyagoda Gunawansa Maha Thero - Birmingham, Anh Quốc
- Hòa Thượng Naotunne Vijita Maha Thero - Melbourne Dhamma Sarana Buddhist Vihara, Úc Đại Lợi
- Hòa Thượng Nakkavita Sugatavansa Maha Thero - Mahinda Vihar, Jalgaon, Ấn Độ
- Hòa Thượng Naluvela Ananda Maha Thero - Thakshila College, Ulhash Nagar, Ấn Độ
- Hòa Thượng Thissamaharame Jinaratana Maha Thero - Mahinda Vihar, Kapilavastu, Ấn Độ
- Hòa Thượng Thích Như Điển - Hannover, Đức Quốc
- Hòa Thượng Thích Minh Tâm - Paris, Pháp Quốc
- Ông Gerhard Weissgrab - Chủ Tịch Hội Phật Giáo Áo, Vienna, Áo
- Ông Wolfgang Alkier - Phó Chủ Tịch, Gnanaponika Dhamma Centre, Vienna, Áo.

Thừa lệnh

Hòa Thượng Giáo Sư Waragoda Pemaratana Maha Thero - Tổng Thư Ký, Sri Lanka Ramanna Maha Nikaya

Lễ phát bằng tưởng thưởng danh dự nầy sẽ được tổ chức tại Colombo, Thủ Đô nước Tích Lan vào đầu tháng 7 năm 2011 bởi Hội Đồng Bộ Trưởng và Hội Đồng Tăng Già Tích Lan.

https://tieulun.hopto.org

Chùa Viên Giác sẽ tổ chức một đoàn hành hương đến Tích Lan từ ngày 1 tháng 7 đến ngày 14 tháng 7 năm 2011. Quý vị nào muốn tham gia, xin liên lạc về Chùa.

Ehrenauszeichnung für Ausländer

Das "Special Authority & Standing Committee" des "Sri Lanka Ramanna Chapter of Mahasangha" hat anlässlich der 67-zigsten halbjährig veranstalteten Ordinationszeremonie am 16. Juli 2010 beschlossen, eine Ehrenauszeichnung an seine Mitglieder für deren missionarische Aktivitäten im Ausland sowie an führende ausländische buddhistische Mönche und Laien zu verleihen. Die vorgesehenen Nominierten, die sich unermüdlich für die Verbreitung des Dharma eingesetzt haben, wurden sorgfältig anhand ihres religiösen Status und ihrer religiösen Aktivitäten ausgewählt. Die endgültige Liste der Empfänger kommt aus fünf Ländern – England, Österreich, Nepal, Indien und Australien. Detailierte Informationen über ihre religiösen und menschenfreundlichen Aktivitäten lagen der Sri Lanka Mission sowie den zuständigen Organisationen in den jeweiligen Ländern vor. Beim Auswahlprozess wurden vor allem jene Mönche ausgewählt, die ihre Aktivitäten kontinuierlich mehr als zehn Jahre an einem Ort ausübten.

Ausgewählte Empfänger:

- Hochehrwürdiger Nepal Maithree Maha Thero - Lumbini Vihar, Nepal
- Hochehrwürdiger Keppitiyagoda Gunawansa Maha Thero - Birmingham, England
- Hochehrwürdiger Naotunne Vijita Maha Thero - Melbourne Dhamma Sarana Buddhist Vihara, Australien
- Hochehrwürdiger Nakkavita Sugatavansa Maha Thero - Mahinda Vihar, Jalgaon, Indien
- Hochehrwürdiger Naluvela Ananda Maha Thero - Thakshila College, Ulhash Nagar, Indien
- Hochehrwürdiger Thissamaharame Jinaratana Maha Thero - Mahinda Vihar, Kapilavastu, Indien
- Hochehrwürdiger Thích Như Điển - Hannover, Deutschland
- Hochehrwürdiger Thích Minh Tâm - Paris, Frankreich
- Herr Gerhard Weissgrab - Vorsitzender der Österreichischen Buddhistischen Religionsgesellschaft, Wien, Österreich
- Herr Wolfgang Alkier - Stellvertretender Vorsitzender, Gnanaponika Dhamma Centre, Wien, Österreich

Im Auftrag

Hochehrwürdiger Professor Waragoda Pemaratana Maha Thero - General Sekretär, Sri Lanka Ramanna Maha Nikaya

Die feierliche Zeremonie der Ehrenauszeichnung wird in der Hauptstadt Sri Lankas, Colombo, Anfang Juli 2011 stattfinden, organisiert vom Ministerium und vom Mahasangha Sri Lankas.

Die Pagode Vien Giac wird eine Pilgerfahrt nach Sri Lanka in der Zeit vom 1. – 14. Juli 2011 durchführen. Bitte melden Sie sich bei der Pagode, falls Sie Interesse daran haben •

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT ÂU CHÂU

C/o Chùa Khánh Anh 14 – Avenue Henri Barbusse
Bagneux – France. Tel: -33-1-46558444

Điện Thư Truy Niệm

Kính gởi: **Hòa Thượng Thích Trí Chơn**
Trưởng Ban Tang Lễ của Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Thuyền Ấn vừa viên tịch tại Hòa Kỳ.

Paris ngày 03.11.2010

Ngưỡng bạch Hòa Thượng
cùng Ban Tổ Chức Tang Lễ.

Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu, Tăng Ni cũng như tín đồ và các Tự Viện trực thuộc Giáo Hội, được tin:

Cố Trưởng lão Hòa Thượng
Thích Thuyền Ấn
vừa viên tịch tại Garden Grove, California Hoa Kỳ
vào ngày 31 tháng 10 năm 2010.
Thế thọ 83 tuổi.
Hạ Lạp 63.

Ngài là một bậc danh tăng thạc đức của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất ở trong cũng như ngoài nước; trước cũng như sau năm 1975. Ngài là một nhà văn hóa lớn của Phật Giáo, một tăng sĩ tài ba, một vị giảng sư lỗi lạc. Nhưng nay Hòa Thượng đã thâu thần tịch diệt về với Bản Tánh Trạm Nhiên, Chơn Như Phật Quả. Toàn thể GHPGVNTN Âu Châu, Tăng Ni và Tín đồ cũng như các Gia Đình Phật Tử tại đây xin chấp tay nguyện cầu cho Giác Linh của Cố Hòa Thượng Trưởng Lão được:

THƯỢNG PHẨM THƯỢNG SANH
PHẬT QUẢ VIÊN THÀNH

Thay mặt GHPGVNTN Âu Châu
Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành Giáo Hội

HT. Thích Minh Tâm và Toàn thể Tăng Ni Tín Đồ

đồng nhất tâm hộ niệm

https://tieulun.hopto.org

Chuyến hành hương và huân tu tại Miến Điện và Đài Loan từ ngày 1. đến 20. 04. 2011

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Ngưỡng bạch Chư Tôn Thiền Đức,
Kính thưa Quý Đạo Hữu Phật Tử,

Nhằm tạo điều kiện cho Phật Tử Việt Nam có cơ hội kết duyên với Phật Giáo tại các xứ khác, chúng con/chúng tôi sẽ tổ chức một chuyến hành hương tại Miến Điện và Đài Loan từ ngày 1 đến 20 tháng 4 năm 2011.

Đặc biệt ngoài chương trình hành hương chiêm bái các thánh tích tại Miến Điện và Đài Loan đoàn sẽ tham dự khóa Huân Tu Thiền Tịnh được tổ chức 3 ngày tại Tu Viện Pháp Cổ Sơn trên núi Kim Sơn, Đài Loan, nơi mà chúng con/chúng tôi đã được Cố Hòa Thượng Thích Thánh Nghiêm cho nhập chúng tu tập trong 2 năm (2006-2008).

Chương trình tu học rất nghiêm túc và hoàn toàn TỊNH KHẨU không được nói chuyện. Xin quý Vị học viên tuân theo nội quy và giờ khóa. Quý Vị có thể ghi danh theo chương trình dưới đây:

- Ngày 1 tháng 4 năm 2011
Đoàn khởi hành từ Frankfurt đi Rangon.

- Ngày 2 đến 5 tháng 4 năm 2011
Hành hương chiêm bái tại Miến Điện

- Ngày 6 tháng 4 năm 2011
Khởi hành đi Đài Loan, hành hương chiêm bái tại Đài Loan

- Ngày 9 đến 11 tháng 4 năm 2011
Huân tu tại Tu Viện Pháp Cổ Sơn

- Ngày 12 đến 17 tháng 4 năm 2011
Tiếp tục hành hương và chiêm bái tại Đài Loan

- Ngày 18 tháng 4 năm 2011
Khởi hành đi Mã Lai, thăm viếng

- Ngày 19 tháng 4 năm 2011
Tối bay về lại Đức, đến Frankfurt sáng ngày 20 tháng 4 năm 2011.

Xin quý vị theo dõi chương trình gồm các chi tiết sẽ được đăng trên trang nhà Vien Giac: **www.viengiac.de** và Báo Viên Giác vào số báo tháng 2/2011.

Những điểm đặc sắc của chương trình hành hương: Chiêm bái các thánh tích, tự viện, đảnh lễ Xá Lợi và Nhục thân của Phật và các Bậc Tôn Đức, tham quan các thắng cảnh nổi tiếng tại Miến Điện, Đài Loan và Mã Lai. Thượng Tọa Mật Ấn, người Đài Loan và anh Lâm (chủ hãng du lịch) sẽ theo phái đoàn của chúng ta trong suốt cuộc hành trình để hướng dẫn, giới thiệu những thánh tích Phật giáo và thắng cảnh tại Đài Loan. Nghĩ đêm tại khách sạn 3 hoặc 4 sao, du lịch xe Bus có máy lạnh và xem được DVD.

Lệ phí tổng cộng là 2.600 Euro (bao gồm vé máy bay, khách sạn, ăn uống, vé vào cửa các thánh tích v.v...). Không bao gồm tiền cúng dường tại các Chùa Viện, tiền phụ khác như típ tài xế, nhân viên mang hành lý tại khách sạn, tiền xin visa Miến Điện và Đài Loan. Mọi người phải cần có visa để vào Miến Điện; riêng quý vị mang Pass Viet Nam và Tỵ nạn cần phải xin thêm visa cho Đài Loan.

Thời hạn chót để ghi danh:
ngày 20 tháng 1 năm 2011.

Vì lý do kịp thời gian chuẩn bị cho thật chu đáo xin quý vị hoan hỷ chúng tôi sẽ không còn nhận đơn sau thời hạn này.

Muốn ghi danh xin quý Vị viết thư hoặc gọi về Chùa :

Thích Hạnh Giới :

Tel. : 0511-8796320, email: hanhgioi@web.de**)**

Thông Báo về việc gởi CHI PHIẾU ngoài nước Đức (Auslands-Check) ủng hộ báo Viên Giác

Trong thời gian qua, Chùa Viên Giác nhận được rất nhiều Chi Phiếu (Check) ủng hộ báo Viên Giác, với số tiền 20 EUR/năm đối với độc giả trong nước Đức và 30 EUR/năm đối với độc giác ngoài nước Đức.

Đối với những chi phiếu **Trong Nước Đức** thì lệ phí ngân hàng tương đối thấp; nhưng ngược lại đối với những chi phiếu **Ngoài Nước Đức** thì lệ phí rất cao.

Riêng đối với chi phiếu của độc giả ngoài nước Đức, lệ phí ngân hàng được chia làm 2 nhóm như sau:

• **Trong Âu Ch**âu (Cộng đồng chung EU): 30 EUR/năm:
- Chi phiếu ngoài nước Đức (Auslands-Check:30 EUR khấu trừ lệ phí: 13,55 EUR; thì:
- Tòa soạn chỉ nhận được: 30,00 EUR – 13,55 EUR = **16,45 EUR** (chỉ tương đương với hơn 4 số báo).

• **Ngoài Âu Châu** (Hoa Kỳ, Canada, Úc Châu): 30 EUR/năm (tương đương với 39,2610 USD) *. Nhưng nếu quý vị chỉ gởi:
- Chi phiếu nước ngoài (Auslands-Check): 30 USD chỉ tương đương với 22,92 EUR, thì:
- Tòa soạn chỉ nhận được: 22,92 EUR – 16,05 EUR (lệ phí ngân hàng) = **6,87 EUR** mà thôi. (tương đương với hơn 1 số báo).

(Ghi chú: 30 EUR x 1,3087 USD = 39,2610 EUR)

Đề nghị:

1. Nếu độc giả vẫn tiếp tục gởi chi phiếu (Auslands-Check) thì xin vui lòng gởi thêm lệ phí ngân hàng:
- 30 EUR/năm + 13,55 EUR (lệ phí) = **43,55 EUR** (Trong Âu Châu)
- 39,2610 EUR/năm + 16,05 EUR (lệ phí) = **55,311** EUR (Ngoài Âu Châu).

2. Hay chuyển 30 EUR vào Trương mục Ngân hàng của Chùa Viên Giác như sau:

Congr.d.Verein Vietn.Buddh. Kirche e.V.
BIC : DEUTDEDBHAN
IBAN: DE 22 2507 0024 0870 1633 00
Deutsche Bank Hannover – Germany
(Xin ghi rõ: ủng hộ báo Viên Giác)

Kính xin quý độc giả hoan hỷ và thông cảm.
Trân trọng cảm ơn.

(Viên Giác)

cung cấp những chi tiết như họ và tên, ngày tháng năm sanh, số Passport, quốc tịch, ngày cấp và hết hạn của Pass, có muốn đóng Reiserücktritt-versicherung hay không (đóng thêm 30 Euro trường hợp không tham dự được) và xin quý vị đóng trước lệ phí 1.800 Euro, chuyển vào số Konto của Chùa, số tiền còn lại xin quý vị đóng khi đến Miến Điện.

Congregation d. Ver. Vietn. Buddh. Kirche
Postbank Hannover
Konto-Nummer: 109594307 - BLZ: 250 100 30
Xin ghi rõ mục đích (Verwendungszweck):
Hanh Huong Mien Dien & Dai Loan 2011

Hành lý cần thiết phải mang theo bao gồm**:** Áo Tràng, thuốc men, dầu xanh, dầu gió, nước rửa tay sát trùng, quần áo ấm, mũ che nắng, kính mát, vớ, ổ khóa Va-li, ví tiền đeo lưng, bàn chải và kem đánh răng, chấu cắm điện (loại 2 chấu giẹp), đèn pin nhỏ.

https://tieulun.hopto.org

in sinh hoạt cộng đồng

• Phái Đoàn 4 Tổ Chức Chính Trị Vận Động Cho Nhân Quyền tại Việt Nam

Tin Victoria, Úc châu: Ngày 15.10.2010, một phái đoàn 4 tổ chức chính trị (Khối 8406, Đảng Vì Dân, Đảng Dân Xã và Ủy Ban Bảo Vệ Người Lao Động Việt Nam) đã viếng Quốc Hội Victoria để thăm 2 người bạn của Phong Trào dân chủ Việt Nam, dân biểu Luke Donnellan và dân biểu Murray Thompson và để tường trình về tình trạng cộng sản vi phạm Nhân Quyền tại Việt Nam.

Tham dự phái đoàn phía Đảng Vì Dân gồm các ông Nguyễn công Bằng (Tổng Thư Ký), Nguyễn Quang Trung và các bà Anh Trinh và Nguyễn Thanh Thủy. Được biết các thành viên Đảng Vì Dân vừa từ Hoa Kỳ sang Úc trước đó vài giờ. Đại diện Cộng Đồng có ông Lê Đình Anh (Chủ tịch Hội Đồng Tư Vấn Giám Sát) và ông Trần Đông (Văn Khố Thuyền Nhân). Đại diện Dân Xã Đảng là ông Hoàng Phương (Bí Thư Khu Bộ Úc châu). Ông Đoàn Việt Trung đại diện Ủy Ban Bảo Vệ Người Lao Động Việt Nam. Khối 8406 gồm cô Dáng Thơ và các ông Nguyễn xuân Châu, Phùng Mai (Quỹ Tù Nhân Lương Tâm), Nguyễn Thái Hải và Nguyễn Quang Duy.

Phái đoàn được dân biểu Luke Donnellan Chánh Văn Phòng Thủ Hiến, đại diện Chính Phủ Lao Động tiếp tại phòng khánh tiết Quốc Hội Victoria. Dân biểu Luke đã thăm hỏi các thành viên phái đoàn, chụp ảnh lưu niệm và trao đổi sơ lược về vấn đề nhân quyền Việt Nam.

Sau đó phái đoàn đã được dân biểu Murray Thompson, đảng Tự Do, đại diện đối lập tiếp. Phía đảng Tự Do còn có sự tham dự của ông Kenneth Betts, ứng cử viên đại diện đảng Tự Do sẽ ra tranh cử tại khu vực Footsray. Ông Nguyễn xuân Châu (Khối 8406) đại diện phái đoàn đã đệ trình Bản Tường Trình Tình Trạng Nhân Quyền tại Việt Nam. Dân biểu Thompson đáp lời chào đón phái đoàn, ông cho biết rất vui khi được tiếp nhiều tổ chức chính trị cùng một lượt và hy họng sẽ nhận được nhiều tin tức cập nhật về tình trạng nhân quyền tại Việt Nam...

Trong buổi tiếp xúc này, ông Nguyễn Công Bằng (ĐVD) đã trình bày về hiện tình tù nhân lương tâm Việt Nam. Ông đã cung cấp tài liệu kèm theo hình ảnh của hơn 100 người đang bị giam cầm vì các nỗ lực đấu tranh ôn hòa với đảng CSVN, bao gồm chi tiết của gần 50 tù nhân gốc sắc tộc thiểu số...

Ông Nguyễn Xuân Châu (Khối 8406) trình bày về tình trạng tự do tôn giáo tại Việt Nam. Ông khởi đầu từ việc từ 30.4.1975 Việt Cộng luôn đàn áp các tín đồ Phật Giáo Hòa Hảo một cách khắc nghiệt. Sau đó ông trình bày chi tiết việc công an công sản đàn áp giáo dân Cồn Dầu và đánh chết ông Nguyễn Năm. Ông Châu cho biết hiện đang có 40 người tỵ nạn Cồn Dầu đã sang tới Thái Lan và việc cộng sản đàn áp tôn giáo có thể sẽ dẫn đến một làn sóng mới những người Việt đi tìm tự do...

Cuối cùng dân biểu Murray Thompson cám ơn phái đoàn và cho biết sẽ tổng kết các điều thu nhặt được để viết thư đến Dân biểu Liên Bang Julia Bishop, Bộ Trưởng Ngoại Giao, để bà Julia có thể làm việc trực tiếp với phía Việt Nam...

• Toàn bộ ban Việt ngữ BBC có thể phải đóng cửa:

VRNs *(22.10.2010)* - London - Tin từ nghiệp đoàn Ký Giả Anh Quốc vừa phổ biến bản tin cho biết, họ lên án việc cắt giảm ngân sách của chính phủ Anh đối với Thế Giới Vụ đài BBC bắt đầu từ tài khóa năm tới 5.4.2011. Nghiệp đoàn sợ rằng các Ban tiếng Macedonian, Serbian, Moldovan và ban tiếng Việt sẽ bị đóng cửa hoàn toàn.

Chính phủ Anh dự tính sẽ cắt giảm từ 25 đến 40% tức khoảng 300 triệu bảng của Thế Giới Vụ sẽ dẫn đến cắt giảm các dịch vụ và nhân viên đang phục vụ khắp nơi trên thế giới khoảng 2 ngàn người, phát thanh bằng 32 ngôn ngữ khác nhau với các thông tín viên và biên tập viên riêng.

Thế Giới Vụ được tài trợ trực tiếp từ Bộ Ngoại Giao Anh (Foreign and Commonweath Office) khác với các nghiệp vụ BBC khác được lấy từ tiền sử dụng truyền hình của người dân (TV Licence).

Ông Peter Horrocks, giám đốc Ban Tin Tức thế giới của BBC Thế Giới Vụ vừa thông báo đến toàn thể nhân viên rằng việc tái bố trí lại cơ cấu Thế Giới Vụ là cần thiết để tăng cường hiệu năng Tin tức và phương cách làm việc chung với nhau sẽ hiệu quả hơn để tiết kiệm ngân sách. Chỉ còn một tuần nữa Chính Phủ sẽ chính thức thông báo việc cắt giảm này nhưng việc công bố tin tức hôm nay là cần thiết.

Được hỏi về sự kiện có thể đóng cửa Ban Việt Ngữ đài BBC, ông Vũ Khánh Thành, cựu Nghị Viên thành phố Hackney London, nơi có đông người Việt nhất tại Anh sinh sống, ông phát biểu rằng, "đó là một tin đáng buồn cho người Việt Nam cả trong nước lẫn hải ngoại vì đài BBC từ hơn 50 năm qua đã như là nguồn tin đáng tin cậy nhất cho người Việt. Nhưng rất tiếc những năm gần đây chính trị đi vào thì công chính đội nón ra đi. Ban Việt Ngữ đài BBC đã làm mất niềm tin của dân chúng Việt Nam. ***Cụ thể nhất là sự kiện "Đỗ Ngọc Bích" mạ lị tổ tiên Việt do Nguyễn Giang trưởng ban Việt Ngữ đài BBC đạo diễn đã gây phẫn nộ trong cộng đồng Việt Nam từ trong nước đến hải ngoại.*** Hàng ngàn lá thư phản đối đã gửi đến đài BBC nhưng không được trả lời. Phải chăng ban lãnh đạo BBC để đến thời điểm này xóa sổ hẳn ban Việt Ngữ BBC? Một mặt khác với phương tiện truyền thông hiện tại, tin tức đến từ nhiều nguồn khác nhau, bản tin BBC không trung thực, không phong phú như các báo đài, các trang mạng khác, tất nhiên sẽ bị đào thải".

• Giải Nhân Quyền Việt Nam năm 2010:

Little Saigon – Hôm 7.11.2010, trong cuộc tiếp xúc với giới truyền thông việt ngữ tại Little Saigon, Mạng Lưới Nhân Quyền Việt Nam (MLNQVN) đã công bố danh sách khôi nguyên Giải Nhân Quyền Việt Nam năm 2010. Đó là nhà hoạt động cho quyền người lao động **Đoàn Huy Chương** và ký giả **Trương Minh Đức**. Hai vị nầy đã được bầu chọn từ một danh sách 21 cá nhân và đoàn thể được đề cử. Đặc biệt là cả hai người trúng giải năm

https://tieulun.hopto.org

nay đều đang bị giam cầm trong lao tù cộng sản Việt Nam...

Lễ trao GNQVN năm nay sẽ được long trọng tổ chức đúng vào Ngày Quốc Tế Nhân Quyền lần thứ 62 tại thành phố Houston, Texas với sự hợp tác của Cộng Đồng Người Việt Quốc Gia Houston và Phụ Cận và sự bảo trợ của nhiều đoàn thể cộng đồng.

GNQVN gồm một bản tuyên dương cho mỗi vị đoạt giải và tổng số hiện kim 6.000 Mỹ kim. MLNQVN thiết tha kêu gọi và hân hoan đón nhận sự hỗ trợ tài chánh của đồng hương để có thể duy trì công tác ý nghĩa nầy.

Sau đây là tóm tắt thành tích đấu tranh cho nhân quyền của hai vị đoạt GNQVN 2010:

- **Đoàn Huy Chương** tức Nguyễn Tấn Hoành sinh năm 1985; quê quán thuộc Xã Phú Ngọc, Huyện Định Quán, Tỉnh Đồng Nai; có vợ và hai con còn nhỏ.

Đoàn Huy Chương gia nhập đội ngũ công nhân và tham gia tranh đấu từ khi còn rất trẻ, cũng là một công nhân có tay nghề cao. Năm 2006, Đoàn Huy Chương dưới tên Nguyễn Tấn Hoành đã cùng bốn bạn trẻ khác viết bức thư ngỏ gửi Tổng bí thư Nông Đức Mạnh, Bộ chính trị Đảng Cộng sản Việt Nam, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội Việt Nam tố cáo những đối xử bất công đối với công nhân trong các nhà máy, yêu cầu trả lương cho công nhân đúng với sức lao động họ bỏ ra, và đòi dẹp bỏ công đoàn nhà nước.

Trong những năm 2005 - 2006, Đoàn Huy Chương cùng một số công nhân tổ chức nhiều cuộc đình công tại các nhà máy nơi mình làm việc. Cuối năm 2006 Đoàn Huy Chương cùng cha là Đoàn Văn Diên và một số người khác thành lập "Hiệp Hội Đoàn Kết Công Nông" tranh đấu cho quyền lợi người lao động do Đoàn Huy Chương làm chủ tịch. Một thời gian ngắn sau khi thành lập, các thành viên HHĐKCN bị bắt và bị kết án nhiều năm tù, riêng Đoàn Huy Chương bị kết án tù 18 tháng...

Giữa năm 2008, Đoàn Huy Chương bị bệnh nặng và được ra khỏi tù và kết nối với những người đã cùng tham gia tranh đấu trước đây, tiếp tục dấn thân vì quyền lợi của người lao động. Ngày 11.2.2010, công an tỉnh Trà Vinh bắt em vợ của Đoàn Huy Chương, kết tội tham gia rải truyền đơn tranh đấu cho nhân quyền, bảo vệ môi sinh và toàn vẹn lãnh thổ, đồng thời yêu cầu Đoàn Huy Chương đến trình diện vì vi phạm lệnh quản chế nếu không sẽ bỏ tù em vợ.

Ngày 13.2.2010 Đoàn Huy Chương bắt buộc phải ra trình diện để cứu em, nhưng công an cộng sản đã bắt và biệt giam Đoàn Huy Chương từ ngày đó.

Ngày 23.2.2010, Công an cộng sản cũng bắt Đỗ Thị Minh Hạnh tại Di Linh khi Hạnh về quê làm chứng minh nhân dân. Ngày 24.2 Công an bắt Nguyễn Hoàng Quốc Hùng khi đang di chuyển trên đường tại Đồng Nai vì nghi có liên quan đến nhóm Đoàn Huy Chương.

Trong tù Đoàn Huy Chương cùng các bạn vẫn rất kiên cường, không khai báo, không nhận tội.

Ngày 26.10.2010 trong một phiên tòa chớp nhoáng, tòa án tỉnh Trà Vinh đã tuyên án Đoàn Huy Chương và Đỗ Thị Minh Hạnh mỗi người 7 năm tù, riêng Nguyễn Hoàng Quốc Hùng 9 năm tù.

- Ký giả **Trương Minh Đức** sinh năm 1960, là thành viên Đảng Vì Dân và Khối 8406. Ông từng tham gia nhiều công tác xã hội từ khi ông mới 20 tuổi.

Kể từ năm 1994, ông là tác giả của nhiều bài viết chống cường hào, tham nhũng, bất công, ức hiếp, bóc lột trên các tờ báo Tiền Phong, Tuổi Trẻ, Kiên Giang, Pháp Luật, Thanh Niên ở Việt Nam, qua các bút hiệu Lưu Quốc Thắng, Hạnh Chi, Minh Hà, PV, Đức Minh, CTV, TMĐ, Trương Minh Đức, v.v...

Kể từ năm 2002, ông cũng đã gửi nhiều bài viết tố giác tham nhũng và đấu tranh cho dân oan qua các bút hiệu Hoàng Hà, Hoàng Thành, Phương Nam, Quốc Thắng, Nam Phương, v.v... Bài của ông hiện được đăng tải trên nhiều mạng điện tử ở nước ngoài.

Trong suốt thời gian hoạt động cho nhân quyền và dân quyền, ký giả Trương Minh Đức đã liên tục thể hiện lòng nhân ái qua quá trình trợ giúp thiết thực cho nhiều gia đình đồng bào lâm cảnh ngặt nghèo, khốn khổ.

Vào ngày 5.5.2007, ông bị bắt tại tư gia ở Thị trấn Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang. Sau 10 tháng giam giữ điều tra, ông bị tuyên án 5 năm tù giam trong một phiên tòa sơ thẩm xử cấp tốc vào ngày 28.3.2008, bởi Tòa án Nhân dân huyện Vĩnh Thuận. Ký giả Trương Minh Đức đã lập tức kháng án.

Đến ngày 18.7.2008, Tòa án Nhân dân tỉnh Kiên Giang xử y án sơ thẩm đối với Ký giả Trương Minh Đức, mặc dầu Luật sư Lê Trần Luật đã trình bày một biện minh trạng một cách thật súc tích và đầy tính thuyết phục.

Đặc biệt, trước ngày bị đưa ra xử phúc thẩm, Ký giả Trương Minh Đức đã có lời phát biểu chuyển qua thân nhân rất đáng chú ý là: *"Tôi sẽ tiếp tục kháng án, vì tin rằng việc đấu tranh cho dân chủ tự do, công bằng xã hội và quyền lợi của dân nghèo KHÔNG phải là một cái tội. Tôi sẽ tiếp tục bênh vực, đấu tranh cho công lý, cho lẽ phải và cho quyền sống chính đáng của con người, ngay cả trong thời gian bị giam cầm ở trong nhà tù".*

Khi Chánh án Tòa án Nhân dân tỉnh Kiên Giang đọc xong quyết định tuyên án, Ký giả Trương Minh Đức đã phản đối kịch liệt với lời phát biểu: *"Tôi hoàn toàn phản đối bản án phi lý này của đảng Cộng sản Việt Nam!"*; đồng thời hô to *"Đả Đảo Cộng sản tham nhũng cướp đất của người dân".*

Cho đến nay, qua 3 năm rưỡi trong lao tù với muôn vàn ngược đãi và hành hạ, Ký giả Trương Minh Đức vẫn giữ vững chí khí, không chịu khuất phục, luôn luôn chứng tỏ phẩm chất của một người tù lương tâm.

• Phụ nữ Việt đắc cử chánh án Oklahoma:

Oklahoma City, 09.11.2010 - Trong khi nhiều ứng cử viên gốc Việt tại các tiểu bang khác không thắng cuộc bầu cử ngày 02.11.2010 thì tại Oklahoma, Luật Sư Cindy Trương đã làm nên lịch sử sau khi thắng đối thủ của mình trong một cuộc tranh cử gay cấn để trở thành Chánh án Oklahoma County và có thể là dân cử gốc Việt đầu tiên tại tiểu bang miền Nam nước Mỹ này.

Kết quả của Ủy Ban Bầu Cử Oklahoma cho thấy nữ Luật Sư Cindy Trương, 35 tuổi, cựu Công tố viên, được 95.966 phiếu (56,7%) trong khi đối thủ của cô, ông Pat Crawley, Công tố viên đã về hưu, được 73.294 phiếu (43,3%), trong cuộc đua tranh ghế chánh án Địa Hạt 7, văn phòng số 7, của tiểu bang Oklahoma.

Chiến thắng này của Luật Sư Cindy Trương là một sự kiện lịch sử qua cuộc vận động của cô và tiêu biểu cho một câu chuyện người Việt tỵ nạn thành công tại Oklahoma.

https://tieulun.hopto.org

"Tôi chỉ muốn chứng minh rằng nếu làm việc chăm chỉ thì có thể đạt được mọi ước mơ", Luật Sư Cindy Trương nói với báo News OK ngay sau khi biết kết quả bầu cử vào tối Thứ Ba, 2 tháng 11. "Oklahoma là một nơi tuyệt vời để thực hiện ước mơ này. Cử tri không đánh giá qua chủng tộc, tuổi tác, phái tính, mà qua cá tính, thành tích và khả năng của tôi".

Trong cuộc bầu cử sơ bộ hôm 27 tháng 7, có tổng cộng sáu ứng cử viên, luật sư gốc Việt này là người chiếm được nhiều phiếu nhất và cũng là người Việt duy nhất. Thứ nhì là đối thủ Pat Crawley của cô. Vì cả hai không thắng đủ trên 50% số phiếu nên họ phải tranh trong cuộc tổng tuyển cử hôm 2 tháng 11.

Cuộc vận động của Luật Sư Cindy Trương được giới truyền thông của Oklahoma chú ý đặc biệt vì tranh chấp về sự ủng hộ của cảnh sát giữa cô và đối thủ Pat Crawley.

Ứng cử viên Cindy Trương cho rằng cô là "lựa chọn của giới công lực" trong khi ông Pat Crawley cho rằng ông có sự ủng hộ của Hội Huynh Đệ Cảnh Sát Oklahoma City.

Đối thủ của nữ luật sư này đã tố cáo là cô chỉ có "một ít" ủng hộ của giới công lực và tìm cách lập lờ sự ủng hộ này với cử tri.

Trên trang web Facebook của mình, Luật Sư Cindy Trương cho biết cô sinh ra và lớn lên mồ côi cha tại Việt Nam, sang Mỹ năm 1986 lúc 11 tuổi, không biết một chữ tiếng Anh.

Cô tốt nghiệp thủ khoa trung học Mustang High School, Mustang, Oklahoma, tốt nghiệp bằng luật, làm việc cho văn phòng luật McKinney & Stringer và làm phụ tá biện lý cuộc hơn một chục năm qua.

THƯ MỜI
THAM DỰ NGÀY HOÀNG SA TOÀN CẦU NĂM 2011
do Cộng Đồng Người Việt Tỵ Nạn Cộng Sản Mönchengladbach-Niederheim
Gia Đình Hải Quân VNCH tại CHLB Đức tổ chức
với sự hỗ trợ của UBĐHCTĐT & CĐNVTN tại CHLB Đức

Mönchengladbach, 15.11.2010

Kính gởi:
- Quý vị Lãnh Đạo tinh thần các Tôn Giáo.
- Quý Tổ chức, Đoàn thể, Cộng đồng, Hội đoàn NVTN tại CHLB Đức.
- Quý đồng hương.

Kính thưa Quý Vị.

Ngày Hoàng Sa Toàn Cầu, là ngày ghi ơn các chiến sĩ đã hy sinh trong trận hải chiến tại quần đảo Hoàng Sa vào ngày 19.01.1974.

Trong lịch sử chiến đấu của dân tộc, trận chiến Hoàng Sa 1974 tuy nhỏ bé về kích thước và rất giới hạn trong thời gian, nhưng là biểu tượng cho sự quyết tâm anh dũng của quân dân Việt Nam Cộng Hòa, liều chết để bảo vệ sự vẹn toàn lãnh thổ.

Sự hy sinh cao cả này là truyền thừa từ các thế hệ cha ông ngày trước và tiếp tục hun đúc tinh thần chống ngoại xâm cho các thế hệ bây giờ và mai sau.

Ngày Hoàng Sa Toàn Cầu năm 2011, sẽ được tổ chức vào:

Thứ Bảy, 22. 01. 2011,
từ 14 giờ 00 đến 19 giờ 00
tại Hội Trường St.Heilig Geist,
Stapperweg 335
41199 Mönchengladach,
Đức Quốc

Trong dịp này, Giáo sư Nguyễn văn Canh (Chủ tịch Ủy Ban Bảo Vệ Toàn Vẹn Lãnh Thổ), đến từ Hoa Kỳ sẽ thuyết trình đề tài: "Mối nguy cơ của dân tộc do đảng Cộng Sản Việt Nam đưa tới".

Ban Tổ Chức kính mời Quý vị tham dự đông đảo. Sự hiện diện của Quý vị sẽ làm tăng thêm phần long trọng cho buổi lễ và là những khích lệ lớn lao cho chúng tôi.

Trân trọng,
T/M Ban Tổ Chức
Nguyễn Văn Rị
Chủ tịch CĐNVTNCS - MG

Mọi chi tiết xin liên lạc về:

- Ông Nguyễn văn Rị	Tel : 02166-340153
- Ông Nguyễn văn Phẩy	Tel : 0176-20016613
- Ông Bùi văn Minh	Tel : 02161-206334
- Ông Huỳnh thanh Hà	Tel : 02153-2031

Kính nhờ phổ biến rộng rãi thư mời này, chân thành cám ơn.

• TIN HỘI CỨU TRỢ TPB/QLVNCH-ĐỨC QUỐC

Tinh thần cứu trợ TPB vẫn được sự ủng hộ nhiệt tình của đồng hương khắp nơi, đặc biệt là những "tấm lòng tuổi trẻ", những người chưa biết gì về chiến tranh, cũng như chưa gặp gỡ những người Thương Binh. Thế mà họ vẫn luôn luôn tham dự với một tấm lòng thương xót.

- Trong thư của cháu Đỗ Thị Oanh ở Stuttgart (đại diện cho nhóm trẻ ở Tübingen) có đoạn:... *Chúng cháu đã chuyển số tiền 605 € đến Konto của chú để giúp đỡ cho TPB. Họ là đồng đội của Bố cháu cũng như của các Chú, các Bác. Chúng cháu tự hào là con của Quốc Gia và muốn các Chú TPB biết. Chúng cháu không quên và*

https://tieulun.hopto.org

không bỏ các chú một mình. Chúng cháu cám ơn Bố Mẹ chúng cháu và các Chú các Bác đã làm gương đi trước để chúng cháu noi theo.

- Thư của cháu Đặng Thị Thu Vân ở Muenchen:... *Trong chuyến về thăm quê vừa qua, cháu đã nhờ chú của cháu đi tìm các người thương binh như trong thư của chú gởi. Thấy họ tội nghiệp lắm chú ơi! Người cụt tay, cụt chân, mù mắt họ sống rất vất vả thiếu thốn. Cháu có giúp cho họ một ít tiền nhưng rất hạn chế, nên cháu xin tin với chú biết để nói với Hội cứu trợ nên vận động thêm để giúp đỡ cho họ với ...*

- Cháu Nguyễn Thị Bích Quyên ở Frankfurt thì vẫn âm thầm hằng tháng gởi tiền đến cho Hội để cứu trợ Thương Phế Binh!.

Trên đây chỉ đơn cử một vài tấm lòng của giới trẻ, để làm niềm tự hào cho các bậc phụ huynh đã nuôi dạy con em của mình có một tình thương đối với Quốc gia Dân tộc; đồng thời cũng là một đề tài để cho đồng hương chúng ta suy gẫm đến bổn phận và trách nhiệm của những người "Quốc Gia", những người đã mang ơn của TPB/VNCH, cũng như những người đã tự nhận họ là "Đồng Đội" của mình; để từ đó có thể nhớ lại câu ca dao: *"Bầu ơi thương lấy bí cùng. Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn!".*

Những tấm lòng vàng tiếp theo

Thị Bích Quyên Nguyễn (tháng 8 & 9) 30€. Phan Công Độ (Laatzen) 30€. Nguyễn Thành Đê (Springe) 30€. Mai Xuân Điểu (Hannover) 11€. Ô. Nguyễn Như Định (Wilhelmshafen) 50€. Ô. Lê Hoàng Đệ (Asbach) 30€. Ô. Lê Thái (Đan Mạch) 25€. Thị Bích Quyên Nguyễn (tháng 10 & 11) 30€. Ông Liêm (Wiesbaden) 50€ (qua anh Nam).

Quỹ cứu trợ còn lại cuối tháng 7.2010 = 2.974 €, + thu tháng 8+9+10= 286 € = 3.260 €. Tháng 11.2010 Hội đã gởi về cứu trợ cho 30 TPB mỗi người nhận 55 € kể cả cước phí = 1.650 €. Tồn quỹ: 3.260 € - 1650 € = 1.610 €. Ngày 10.11.010 Lại Thị Minh Tâm (Magstadt) 30€. Gđ. Vũ Ngọc Yên (Stuttgart) 150€. Tiền hiện có **1.790€** (1610€ + 30€ + 150€)

Hội sẽ thiết lập hồ sơ TPB để gởi tiếp tục.
Thư ký: *Trần Văn Huyền.*

Thông Báo - Thông Báo - Thông Báo

Ban Biên Tập Báo Viên Giác xin trân trọng thông báo chủ đề của các số báo Viên Giác trong năm 2011 như sau:
- Viên Giác số **181 tháng 02.2011 là số báo Tân Niên.**
- Viên Giác số **182** tháng 04.2011: chủ đề Quốc hận 30.4.
- Viên Giác số **183** tháng 06.2011: chủ đề Phật Đản.
- Viên Giác số **184** tháng 08.2011: chủ đề Vu Lan.
- Viên Giác số **185** tháng 10.2011: chủ đề Mùa thu và Quê hương.
- Viên Giác số **186** tháng 12.2011: chủ đề Xuân Nhâm Thìn.

Kính xin những cộng sự viên, độc giả bốn phương và những cơ sở quảng cáo tùy theo chủ đề để tiện đóng góp bài vở hay gởi các mẫu quảng cáo cho chúng tôi theo những địa chỉ sau:

- **Tòa soạn:** - E-mail: baoviengiac@viengiac.de
  - Chùa Viên Giác. Karlsruher Str. 6. 30511 Hannover

- **Chủ bút:** - E-mail: phuvan@viengiac.de

Cũng xin lưu ý: thời gian gởi bài hay quảng cáo cho mỗi kỳ trễ nhất là:
- vào ngày 15 tháng lẻ đối với những bài gởi qua bưu điện
- vào ngày 20 tháng lẻ đối với những bài gởi qua E-mail (dạng Unicode).

- **THÔNG BÁO :** * **Địa chỉ Email của chủ bút** : phuvan@t-online.de **KHÔNG** còn sử dụng nữa.

Trân trọng,
Phù Vân (Chủ Bút)

Nhắn tin – Tìm con – Tìm bạn

1 - **Ông Ngoại:** Trần Văn Sửu, Trường "Bassac", Cần Thơ. **Bà Ngoại**: Thái Thị Điểu, Pháp danh Diệu Loan
Cha: Võ Văn Tiếp, Sa Đéc. **Mẹ**: Trần Thị Châu, Pháp danh Diệu Bửu.
Muốn biết các con hiện giờ ở đâu ?

-Võ Ngọc Trinh, sanh năm 1950 tại Mỹ Tho, Việt Nam		
-Võ Thành Nghiệp	1954	-nt-
-Võ Phú Cường	1959	-nt-
-Võ Phú Thạnh	1961	-nt-
-Nguyễn Tiến Dũng	1972	-nt-

Khi các con nhận được tin này cho Ba Má hay liền về các địa chỉ dưới đây:

1. Võ Thống Nhứt, Tél. (450) 651-7101
Địa chỉ: 2026 St. Alexandre # 3 Longueuil, QC,Canada

2. Võ Thành Lập, Tél. (450) 448-6895
2925 Béliveau-
QC JAM 2B7 Longueuil, Canada.

3. Võ Ngọc Trang, Tél (450) 468-7098
1590 Rue Bordelais-Longueuil-QC-Canada.

4. Võ Kim Hoàng, Tél. (450) 672-4001
1140 Rembrant-Brossard-JAY-2E7-QC-Canada.

2. Tìm bạn gái : Trần Thị Mai. Ngày còn ở VN sống tại phố Hoàng Văn Thụ - Nam Định. Tháng 11/1988 sang Tiệp thực tập nghề ở nhà máy dệt TIBA-08 Laznebelohrad – Hradec. Sang Đức năm 1991. Nay ở đâu bạn hãy liên lạc đến, hoặc ai biết Mai ở đâu, xin nhắn tin đến địa chỉ:

Nguyễn Thị Hạnh -
Gärtnerstr. 30.
66117 Saarbrücken - Saarland
Tel : 0681 7537883.
Thành thật cám ơn.-

https://tieulun.hopto.org

Thông Báo

Lịch Tân Mão năm 2011

Trân trọng thông báo đến quý Phật Tử & Đạo Hữu giá phát hành Lịch Tử Vi & Lịch Treo Tường năm Tân Mão (2011) như sau:

	Lịch Tử Vi	Treo Tường
- tại Chùa Viên Giác	16€	10€
- gởi trong nước Đức	17€	15€
- gởi ngoài nước Đức	19€	15€

Đề nghị quý vị nên gửi tiền mặt về Chùa, tùy theo số tiền ít hay nhiều gởi thường hay bảo đảm hoặc chuyển vào Konto như sau:

1. *Trong nước Đức*
Congr.d.Verein Vietn.Buddh.Kirche
Konto Nr. 109594-307
BLZ 250 100 30
Postbank Hannover

2. *Ngoài nước Đức*
Congr.d.Verein Vietn.Buddh.Kirche
IBAN DE 15 2501 0030 0109 5943 07
BIC PBNKDEFF
Postbank Hannover

Trong thư hoặc trên phiếu chuyển tiền xin ghi rõ loại lịch và số lượng để khỏi bị nhầm lẫn và địa chỉ rõ ràng để gửi lịch. Khi nhận được tiền Chùa sẽ gửi lịch ngay đến quý vị.

Chùa không nhận gửi lịch qua Nachnahme (Chuyển hóa giao ngân) và cũng **không nhận Check**.

Kính mong quý Đạo Hữu & Phật Tử xa gần ủng hộ.

Thông Báo

v/v Xin Giấy Chứng Nhận Khai Thuế

Trân trọng thông báo đến quý Đạo Hữu và quý Phật Tử việc như sau:

Từ trước đến nay tất cả mọi sự cúng dường, định kỳ hoặc những lễ lạc khác cho Chùa Viên Giác, quý vị đều có thể lấy Giấy Chứng Nhận (bằng tiếng Đức) để cuối năm khai khấu trừ thuế với Chính Phủ.

Quý vị nào cần Giấy Chứng Nhận xin liên lạc về Chùa bằng thư hoặc bằng điện thoại, chúng tôi sẽ gửi Giấy Chứng Nhận đến quý vị.

Xin Lưu ý : Để tiện việc làm sổ sách báo cáo với Bộ Tài Chánh, Chùa sẽ cấp Giấy Chứng Nhận của năm trước cho đến cuối tháng 4 năm sau là không còn cấp cho năm trước được nữa.

Thí dụ : Giấy Chứng Nhận Khai Thuế của năm 2010 được cấp cho đến cuối tháng 4 năm 2011 là chấm dứt cho năm 2010.

Vậy xin thông báo đến quý ĐH và PT lưu ý.

Cáo Phó Tri Ân và Cảm Tạ

Gia đình chúng tôi/ chúng con thành kính báo tin cùng thân bằng quyến thuộc, và thân hữu gần xa: Chồng, Cha, ông Nội, ông Ngoại chúng tôi /chúng con là:

Ông NGUYỄN VĂN PHONG
Pháp danh: Minh Tôn
Sanh ngày 29. 01. 1927
Tạ thế ngày 20.11.2010 lúc 12g45, nhằm ngày Rằm tháng 10 năm Canh Dần tại Laatzen.
Thượng thọ 83 tuổi
Tang lễ đã được cử hành vào lúc 09giờ ngày 27.11.2010 tại nhà Mai Táng BABST Laatzen.

Gia đình chúng tôi/chúng con thành kính tri ân và cảm tạ:

- HT. Phương Trượng chùa Viên Giác
- HT. Thích Kiến Tánh, Giáo Thọ chùa Viên Giác
- Đại Đức Thích Hạnh Giới, Trụ Trì chùa Viên Giác
- Đại Đức Thích Hạnh Luận, Đại Đức Thích Hạnh Giả, Sư Cô Thích Nữ Hạnh Bình và toàn thể Tăng Ni chùa Viên Giác.
- Sư Cô Tuệ Đàm Châu, Sư Cô Tuệ Đàm Nghiêm chùa Bảo Quang.
- Hội và các Chi Hội PTVNTN tại Đức. - Ban Hộ Trì Tam Bảo chùa Viên Giác

Cùng tất cả quý Bác, Cô, Chú, Anh Chị Em đã thăm viếng, thăm hỏi qua điện thoại, phúng điếu, cầu nguyện, hộ niệm, hồi hướng và tiễn đưa hương linh của Chồng, Cha, Ông Nội, Ông Ngoại chúng tôi / chúng con về Tây Phương Cực Lạc của đức Phật A Di Đà.

Trong lúc tang gia bối rối, có điều gì thiếu sót kính mong quý vị niệm tình tha thứ

Tang gia đồng kính bái :

- Vợ Bà Quả Phụ Nguyễn Văn Phong nhũ danh Trần Thị Thắm Pháp danh Thanh Hòa
- Trưởng Nữ: Nguyễn Thị Kim Thêu và con (Đức)
- Trưởng nam: Nguyễn Ngọc Sơn, vợ và các con (Mỹ)
- Thứ nam: Nguyễn Ngọc Hải, vợ và các con (Mỹ)
- Thứ Nữ: Nguyễn Thị Kim Chi và con (Đức)
- Trưởng Nam: Nguyễn Ngọc Tân, Vợ & con (Đức)
- Thứ Nam: Nguyễn Ngọc Toàn và Nguyễn Ngọc Thảo (Đức)

Số tiền phúng điếu là : 630€ - 100€ vòng hoa, còn lại 530€. Số tiền nầy chúng tôi cúng dường chùa Viên Giác để hồi hướng công đức cho hương linh đạo hữu Nguyễn Văn Phong, pháp danh Minh Tôn.

Nam Mô A Di Đà Phật

https://tieulun.hopto.org

Tin Việt Nam

*** Bắc Kinh đòi 70 ngàn nhân dân tệ mới thả tàu cá VN**

Hà Nội, 6.10.2010 (TH) - Trung Quốc đòi một số tiền lớn mới thả tàu đánh cá Quảng Ngãi mà họ bắt hồi tháng 9.

Theo SGGP online ngày 6 tháng 10 dẫn lời của Đại Tá Bùi Phụ Phú, phó chỉ huy Bộ Đội Biên Phòng Quảng Ngãi cho biết Trung Quốc đã chính thức đòi ngư dân Việt Nam phải trả tiền chuộc là 70 ngàn nhân dân tệ, tương đương với 210 triệu đồng Việt Nam (hoặc khoảng $10.462 USD).

Số tiền này phải đóng nếu tàu cá mang số hiệu QNg66478TS và 9 ngư dân muốn được trả về Việt Nam. Tàu này đã bị phía Trung Quốc bắt giữ vào ngày 11.9.2010 với lý do mang chất nổ và đánh bắt cá trong hải phận thuộc quần đảo Hoàng Sa. Tàu do thuyền trưởng Mai Phụng Lưu và 8 thuyền viên khác hành nghề trên quần đảo Hoàng Sa từ nhiều năm nay.

Đây là lần thứ ba tàu cá của thuyền trưởng Mai Phụng Lưu bị Trung Quốc bắt giữ. Lần này tàu bị phía Trung Quốc buộc tội sử dụng chất nổ để đánh bắt hải sản. Tuy nhiên theo xác định của Đại Tá Bùi Phụ Phu thì chắc chắn rằng điều này không thể xảy ra. Theo Đại Tá Phu, ngư dân tỉnh Quảng Ngãi đã được huấn luyện rất kỹ lưỡng về những quy định liên quan đánh bắt cá trên vùng biển Hoàng Sa. Hơn nữa ngư dân Việt Nam đánh bắt cá trên quần đảo chủ quyền của Việt Nam thì việc bắt giữ tàu của Trung Quốc là không thể chấp nhận được.

Ngày 5 tháng 10 đại diện Sứ Quán Trung Quốc tại Hà Nội đã gặp Bộ Ngoại Giao Việt Nam và nói rằng do tàu cá Việt Nam sử dụng chất nổ nên cơ quan chức năng Trung Quốc quyết định xử phạt tàu cá này và khi nhận được tiền phạt sẽ trả tự do cho tàu cũng như người.

Hôm Thứ Tư, TTXVN thuật lời phát ngôn viên Bộ Ngoại Giao Hà Nội đòi Trung Quốc thả tàu và 9 ngư dân trên tàu nói trên "lập tức và vô điều kiện". Thuyền đánh cá và các ngư dân bị bắt giữ hành nghề ở khu vực biển thuộc chủ quyền lãnh thổ việt Nam, như thế là tàu TQ "vi phạm nghiêm trọng chủ quyền lãnh thổ của Việt Nam". Phát ngôn viên Bộ Ngoại Giao Hà Nội nói trong cuộc họp báo.

Vụ bắt giữ xảy ra đã gần một tháng và nhà cầm quyền Hà Nội đã âm thầm điều đình qua kênh ngoại giao, tin tức không hề được các báo trong nước phổ biến rộng rãi.

Lời đòi hỏi thả ngư dân diễn ra một tuần trước khi có phiên họp Bộ Trưởng Quốc Phòng ASEAN mở rộng tổ chức ở Hà Nội cho thấy sự căng thẳng về tranh chấp chủ quyền biển đảo trên biển Đông giữa Việt Nam và Trung Quốc không hề hạ giảm.

Nhiều thuyền đánh cá của ngư dân Việt Nam hoặc bị đâm chìm hoặc bị bắt giữ ở gần quần đảo Hoàng Sa hiện đang bị Trung Quốc chiếm đóng mà Việt Nam xác nhận chủ quyền.

"Thời điểm đưa ra lời tuyên bố của Bộ Ngoại Giao Hà Nội ngay trước khi có cuộc họp cấp Bộ Trưởng Quốc Phòng ASEAN+8 cho người ta phỏng đoán Việt Nam muốn nêu bật vấn đề (tranh chấp chủ quyền biển đảo) lên chứ không muốn nó biến đi". Carl Thayer, một chuyên viên về các vấn đề Việt Nam của Học Viện Quốc Phòng Hoàng Gia Úc nhận xét.

*** Mưa lũ lần thứ nhì nhấn chìm Quảng Bình, Hà Tĩnh, Nghệ An - Hơn 100 ngàn căn nhà bị ngập, 23 người chết và mất tích**

Hà Tĩnh, 17.10.2010 (TH) - Trận mưa lũ được coi là lớn nhất trong vòng 100 năm qua đang hoành hành tại phía Bắc của miền Trung Việt Nam từ sáng 16 tháng 10 gây nhiều thiệt hại nặng nề cho 3 tỉnh Quảng Bình, Hà Tĩnh và Nghệ An.

Đây là đợt mưa lũ thứ hai, liền theo trận mưa lũ thứ nhất xảy ra hôm 5 tháng 10 làm gần 80 người thiệt mạng.

Theo tin cập nhật của báo Tuổi Trẻ, tính đến chiều tối ngày 17 tháng 10, đợt mưa lũ thứ hai đang hoành hành tại 12 huyện và thị xã, làm 19 người chết, 4 người mất tích, hơn 100 ngàn ngôi nhà bị ngập, toàn bộ hệ thống đường sá bị cắt đứt, quốc lộ 1A nối Bắc Nam chìm trong biển nước, hàng trăm ngôi làng bị cô lập.

Về số người chết, tỉnh Hà Tĩnh có 7 người, Nghệ An 8 người và Quảng Bình 4 người.

Tỉnh Hà Tĩnh được coi là "rốn lũ" và thiệt hại nặng nhất với 7 người thiệt mạng, trong đó huyện Vũ Quang hiện đang bị ngập rất nặng do nước từ thượng nguồn đổ về.

Bản tin chính thức của văn phòng chính phủ Việt Nam cho biết: "Tính đến sáng 17 tháng 10, đã có 35.430 ngôi nhà thuộc 143 xã của 12 huyện, thị trong tỉnh Hà Tĩnh đã bị ngập nước. Trong đó toàn bộ 22 xã của huyện Hương Khê, 12 xã của huyện Vũ Quang và 16 xã của thành phố Hà Tĩnh bị ngập hoàn toàn".

"Mưa lũ cũng làm 13.792 căn nhà của 4 huyện: Tuyên Hóa, Minh Hóa, Lệ Thủy, Quảng Ninh ở tỉnh Quảng Bình bị ngập".

Tin tức và hình ảnh của các báo trong nước cho thấy, hàng trăm người dân ở Hà Tĩnh đã phải dỡ nóc nhà tránh lụt và kêu cứu. Hàng chục ngàn gia đình đang sống trên núi, trên sàn nhà và trên bè nổi.

"Tỉnh Nghệ An cũng trong hoàn cảnh tương tự khi có hàng ngàn ngôi nhà đang chìm trong biển lũ. Trong khi đó, nước lũ ở thượng nguồn sông Lam đổ về làm nước ở hạ nguồn sông Lam (đoạn qua huyện Nam Đàn, Thanh Chương, Hưng Nguyên, thành phố Vinh) đang lên nhanh".

https://tieulun.hopto.org

Theo ghi nhận của phóng viên báo Tuổi Trẻ thì dọc sông Ngàn Phố cho thấy nước thượng nguồn đang đổ về nhanh, lũ chưa có dấu hiệu giảm.

Nhà dân ở xã Gia Phố, tỉnh Hà Tĩnh ngập sâu trong nước. (Hình: Tuổi Trẻ)

Nhà cầm quyền Việt Nam đã phải cấp ngay 2.000 tấn gạo và 200 tỷ đồng cho hai tỉnh Quảng Bình và Hà Tĩnh.

Theo báo Tuổi Trẻ, ở Hà Tĩnh, hơn 200 ca-nô của các đơn vị có mặt tại huyện Hương Khê để tỏa đi các nơi, đưa người dân đến những nơi an toàn và tiếp tế lương thực cho họ. Hiện huyện Hương Khê vẫn còn mưa và nước rút rất chậm.

Phóng viên báo Tuổi Trẻ mô tả: "Ngồi trên xuồng, chúng tôi thấy toàn bộ là một 'biển nước' mênh mông, hầu hết các ngôi nhà bị chìm trong nước lũ. Các chiến sĩ biên phòng gọi loa để bà con ra lấy mì tôm nhưng phần lớn người dân đang ngồi trên nóc nhà để tránh lũ".

Nhiều người dân đã phải leo lên ngọn cây để tránh lụt như báo Tuổi Trẻ kể: "Căn nhà của bà Nguyễn Thị Đức, 70 tuổi, ngụ xóm 7, xã Lộc Yên, huyện Hương Khê ngập nặng từ 8 giờ sáng đến 10 giờ khuya hôm 16 tháng 10 thì bị sập. Lúc nhà bị sập, bà cùng con và cháu đu cây mít từ 10 giờ đêm 16 đến khoảng 7 giờ sáng 17 tháng 10, mới được cứu".

*** 62 người thiệt mạng, 20 người mất tích vì lũ lụt miền Trung VN**

Hà Nội, 9.10.2010 (TH) - Thiệt hại nhân mạng của vụ mưa lụt ở các tỉnh phía Bắc miền Trung Việt Nam tăng lên thành 62 người nhưng vẫn còn thêm 20 người được ghi nhận là mất tích.

Viên chức cơ quan phòng chống lụt bão trung ương cho hay hôm Thứ Bảy và nói thực phẩm cứu trợ khẩn cấp đang được vận chuyển đến cho khoảng 100.000 người ở các nơi thiệt hại nặng nhất.

Chỉ trong 2 ngày qua, có 14 thi hài nạn nhân lụt đã được vớt lên, theo bản tin phổ biến từ trang mạng của cơ quan nói trên. Ước lượng thiệt hại tài sản, mùa màng và các cơ sở công ích, đường sá khoảng 2,2 ngàn tỷ đồng hay khoảng $110 triệu USD.

Tỉnh có số người thiệt mạng nhiều nhất là Quảng Bình với 42 người chết và 17 người còn mất tích. Không có mưa trong ngày Thứ Bảy và nước đã rút xuống ở hầu hết mọi nơi để lại sự tang thương đổ nát.

Ngoài chuyện thiếu hụt thực phẩm, khi nước rút đi, người dân còn phải đối diện với các loại bệnh tật.

Hôm Thứ Sáu, Bộ Trưởng Ngoại Giao Hoa Kỳ Hillary Clinton đã gửi lời chia buồn đến gia đình các nạn nhân vụ lụt tuần qua ở miền Trung. Bản tin của Bộ Ngoại Giao cho hay bà đã chỉ thị cho tòa Đại sứ ở Hà Nội gửi ngay đồ cứu trợ khẩn cấp và phối hợp với nhà cầm quyền các địa phương.

*** Vấn đề Biển Đông vẫn được nêu lên tại Hội nghị ADMM+ ở Hà Nội**

Hội nghị Bộ Trưởng Quốc Phòng ASEAN mở rộng với 8 nước đối tác gọi tắt là ADMM + đã diễn ra vào hôm 12.10.2010, tại Hà Nội. Cho dù không có trong chương trình nghị sự, nhưng hồ sơ Biển Đông đã được Việt Nam, Nhật Bản, Hoa Kỳ và một số nước khác gợi lên.

Cuộc họp đầu tiên của cơ chế ADMM+ tập hợp đại diện của 10 nước ASEAN, và 8 nước đối thoại của khối Đông Nam Á là Mỹ, Nga, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Ấn Độ, Australia và New Zeland. Tất cả các nước đều cử Bộ Trưởng Quốc Phòng đến dự, ngoại trừ Miến Điện là cho đại sứ đến tham gia.

Vấn đề Biển Đông đã được phía Việt Nam gợi lên trước tiên. Trong diễn văn chào mừng Hội nghị, Thủ tướng Việt Nam Nguyễn Tấn Dũng, Chủ tịch đương nhiệm của ASEAN đã kêu gọi giải quyết một cách hòa bình các tranh chấp lãnh thổ trên biển, ý muốn nói đến các tranh chấp chủ quyền tại Biển Đông.

Thủ tướng Việt Nam đã cho rằng: «Duy trì hòa bình và ổn định ở khu vực là nguyện vọng và lợi ích chung của tất cả các nước trong và ngoài khu vực», và để thực hiện mục tiêu đó, «các nước cần tăng cường đối thoại và hợp tác để tạo dựng lòng tin và sự tin cậy lẫn nhau... tích cực xây dựng và chia sẻ những chuẩn mực và quy tắc ứng xử, đặc biệt là tôn trọng độc lập chủ quyền của nhau và giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp hòa bình theo các nguyên tắc của luật pháp quốc tế, trong đó có Công ước Liên Hiệp Quốc về Luật Biển năm 1982...».

Ông Nguyễn Tấn Dũng còn kêu gọi các nước «tiếp tục tôn trọng và phát huy các công cụ bảo đảm hòa bình và an ninh khu vực hiện có của ASEAN...» trong đó có bản Tuyên bố về cách ứng xử của các bên liên quan ở Biển Đông (DOC). Theo ghi nhận của hãng tin Mỹ Bloomberg, Thủ tướng Việt Nam còn kêu gọi hoàn tất một bộ quy tắc ứng xử tại Biển Đông giữa ASEAN và Trung Quốc.

Ngoài Việt Nam, Hoa Kỳ là nước cũng gợi lên vấn đề Biển Đông khi bộ trưởng Quốc phòng Mỹ Robert Gates bày tỏ thái độ quan ngại trước tác hại của các tranh chấp lãnh thổ trên biển đối với sự ổn định và thịnh vượng của khu vực, và nhắc lại đề nghị của Mỹ sẵn sàng hỗ trợ ASEAN trong nỗ lực đề ra một «bộ quy tắc ứng xử» cho vùng Biển Đông.

Vào hôm qua, trong cuộc tiếp xúc với các sĩ quan quân đội Việt Nam, ông Gates đã nhấn mạnh đến sự cần thiết phải giải quyết vấn đề tranh chấp lãnh thổ tại vùng Thái Bình Dương một cách đa phương, vì theo ông, «nếu chỉ dựa vào các quan hệ song phương

https://tieulun.hopto.org

mà thôi thì chưa đủ». Quan điểm này đã được Bộ trưởng Mỹ nhắc lại hôm nay trong diễn văn của mình tại Hội nghị ADMM+.

Theo báo chí Việt Nam, chính Đại tướng Phùng Quang Thanh, Bộ trưởng Quốc Phòng Việt Nam đã tiết lộ với báo giới vào hôm nay là một số Bộ trưởng các nước đã nêu tình hình an ninh trên Biển Đông trong hội nghị. Riêng phía Việt Nam, theo ông Thanh, thì đã đề xuất việc tiến tới xây dựng Bộ Quy tắc Ứng xử trên Biển Đông (COC), được cho có tính ràng buộc pháp lý cao hơn bản Tuyên bố về quy tắc ứng xử trên Biển Đông (DOC).

Cũng theo báo chí Việt Nam, trước đó, Trung tướng Nguyễn Chí Vịnh, Thứ trưởng Bộ Quốc Phòng Việt Nam xác nhận rằng trong số các nước nêu vấn đề Biển Đông, ngoài một số nước ASEAN, có Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc.

Còn theo một quan chức cao cấp Mỹ thì có bảy nước trong đó có Việt Nam, Hoa Kỳ và Nhật Bản, đã bày tỏ mối quan ngại về vùng biển, nơi đang có những tranh chấp về chủ quyền với Trung Quốc.

Hội nghị ADMM+ lần thứ nhất đã bế mạc hôm nay với bản tuyên bố chung khẳng định vai trò chủ chốt của một định chế sẽ là «cơ chế hợp tác và tham vấn về quốc phòng và an ninh cao nhất cấp Bộ trưởng về các vấn đề an ninh khu vực giữa các thành viên ASEAN và 8 nước "Cộng". Hội nghị ADMM+ lần thứ hai sẽ diễn ra tại Brunei vào năm 2013 khi nước này đảm nhiệm chức Chủ tịch ASEAN. *(Trọng Nghĩa).*

• Lũ bùn đỏ tràn vào nhà dân

Cao Bằng (SGTT).- Mặc dù trời chẳng đổ hạt mưa nào nhưng cơn nước lũ bất ngờ mang theo bùn đất đùng đùng kéo đến làm hàng trăm người dân ở xóm Nà Kéo, xã Duyệt Trung, thị xã Cao Bằng chẳng kịp trở tay vào đêm 5 tháng 11, theo tin báo Sài Gòn Tiếp Thị.

Nhà cửa, vườn tược bỗng chốc ngập chìm trong bùn đỏ và nước. Người dân hoang mang lo sợ hậu quả từ "cơn lũ bùn đỏ" này - vốn là chất thải công nghiệp từ quặng mỏ sắt Cao Bằng, vỡ đập tràn xuống.

Cơn "lũ bùn đỏ" xảy ra vào đêm 5 tháng 11, kéo theo hàng ngàn khối bùn đất từ thượng nguồn đổ xuống, tràn lấp cả dòng suối rồi ùa lên đồng ruộng, hoa màu, vườn tược, nhà cửa của người dân. Nó nhuộm đỏ những gì trên đường đi qua. Nhưng may mắn là không có ai thiệt mạng.

Cơn lũ do việc khai thác mỏ sắt gây ra. Bùn đỏ đã tràn về sau khi bị vỡ đập chắn nước thải từ việc tuyển rửa quặng của xí nghiệp khai thác quặng sắt Nà Lũng thuộc công ty khoáng sản luyện kim Cao Bằng, thị xã Cao Bằng.

Theo báo Sài Gòn Tiếp Thị, con đường vào xí nghiệp khai thác quặng sắt Nà Lũng thường đã khó đi, nay tràn ngập toàn bùn đỏ. Hàng chục người và xe máy không thể qua được dòng suối nhỏ đã bị bùn đỏ đặc quánh ngập quá đầu gối. Dọc hai bên bờ suối dài khoảng 2 km, bùn đỏ ngập ngụa đồng ruộng.

Theo những người dân sinh sống lâu năm ở đây, dòng suối này trước kia vốn trong xanh, cung cấp nước sinh hoạt và sản xuất cho cả vùng. Thế nhưng từ ngày xí nghiệp khai thác quặng đi vào hoạt động, con suối bỗng trở nên đỏ quặch, không những không thể dùng sinh hoạt mà đến cả cá tôm cũng chết sạch. Điều đáng nói hơn, con suối này còn chảy ra Sông Bằng - nơi cung cấp nước sinh hoạt và sản xuất cho nhiều cư dân ven sông.

Mỏ quặng Nà Lũng được đưa vào khai thác những năm 1990. Quặng sắt sau khi được đào bới sẽ được phun nước rửa sạch. Sau đó, nước thải chảy xuống, lắng bùn tại những cái đập lớn. Hiện nay có 4 đập chắn nước thải, đập chắn số 4 là đập cuối cùng trước khi nước xả ra suối. Tuy vậy, nó được đắp bằng đất, trông có vẻ sơ sài và thiếu chắc chắn.

Ông Lê Ngọc Quang, phó chủ tịch UBND thị xã Cao Bằng cho biết nói với báo SGTT rằng "đây không phải lần đầu tiên người dân khu vực hạ nguồn của mỏ Nà Lũng bị ngập bùn", và "chính quyền địa phương đã yêu cầu phía công ty khắc phục hậu quả".

Hiện nay, công ty đang huy động máy xúc khơi thông bùn trên đoạn đường vào mỏ, sẽ dùng máy bơm nước rửa nhà cho những hộ bị bùn ngập vào nhà. Tuy nhiên, vấn đề không phải chỉ vét hết bùn là xong, vì đây không phải loại bùn thông thường mà là bùn công nghiệp được "sinh" ra từ việc tuyển rửa quặng, có thể chứa các chất hóa học, kim loại nặng gây độc hại cho sức khỏe con người, cây trồng và vật nuôi.

Do vậy người dân lo lắng, nếu không có biện pháp vệ sinh, giải độc một cách cẩn thận có thể sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống người dân.

Chính quyền và người dân đang nỗ lực nạo vét bùn đất ra khỏi khu vực dân sinh. Song với khối lượng bùn đỏ tràn ngập như hiện nay thì không ai có thể nạo vét hết trong ngày một ngày hai. Hơn nữa, những dòng bùn thải công nghiệp này có ảnh hưởng như thế nào đến sức khỏe người dân cũng cần được các cơ quan chức năng làm rõ.

Người dân cũng đặt vấn đề: liệu rằng những cơn lũ bùn kinh hoàng như thế này có còn bất ngờ ập đến nữa không? Ai có thể chắc rằng những con đập được xây lắp một khá sơ sài kia không còn vỡ? Câu hỏi này chỉ có các cơ quan chức năng mới có thể trả lời.

• Đại biểu Quốc hội yêu cầu điều tra nghiêm túc vụ Vinashin

Trong phiên họp của Quốc Hội Việt Nam ngày 01.11.2010, Đại biểu Quốc Hội kêu gọi bỏ phiếu bất tín nhiệm đối với Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng và đề xuất lập Ủy ban lâm thời điều tra trách nhiệm thành viên chính phủ trong vụ sai phạm của tập đoàn tàu thủy Vinashin.

https://tieulun.hopto.org

Theo đại biểu Quốc hội Nguyễn Minh Thuyết, các thành viên chính phủ phải nghiêm túc nhận kỷ luật trước Quốc hội, chứ không thể nhận trách nhiệm một cách chung chung và chỉ nhận kiểm điểm nội bộ. Ông Nguyễn Minh Thuyết đề nghị bỏ phiếu bất tín nhiệm đối với Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng, người đã chỉ định ông Phạm Thanh Bình vào chức vụ Chủ tịch tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Vinashin. Ông Phạm Thanh Bình đã bị bắt giữ từ tháng 7 về tội "Cố ý làm trái quy định của Nhà Nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng". Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng gần đây cũng lên tiếng nói rằng "chính phủ đã nghiêm túc kiểm điểm, xác định nguyên nhân và đề ra kế hoạch cụ thể để xử lý, chấn chỉnh hoạt động của tập đoàn".

Đồng thời, ông Nguyễn Minh Thuyết cũng đề nghị biểu quyết lập Ủy ban lâm thời điều tra trách nhiệm các thành viên chính phủ và tạm đình chỉ chức vụ những người có liên quan. Theo ông Nguyễn Minh Thuyết, vụ Vinashin đã mang đến món nợ không dưới 100.000 tỷ đồng, khiến mỗi người dân Việt Nam phải gánh món nợ khoảng 1,5 triệu đồng. Vì vậy, phải truy cứu trách nhiệm của cả những người liên đới trong chính Quốc hội vì đã dung dưỡng sai phạm. (Đài RFA)

• LM. Chủ tịch Ủy ban Công lý và Hòa bình ký tên kiến nghị dừng dự án bauxite Tây Nguyên

Sau thảm họa bùn đỏ tại Hungary, ngày 9.10.2010, một số nhà tri thức đã soạn thảo một văn thư kiến nghị chính phủ dừng các dự án bauxite tại Tây Nguyên. Đây là lần thứ hai một bản kiến nghị ngừng các dự án bauxite tại Tây Nguyên được các nhà tri thức, nhân sĩ gửi tới các vị lãnh đạo nhà nước Việt Nam.

Trong lần kiến nghị trước (tháng 4.2009) hàng ngàn chữ ký của các nhân sĩ, các nhà trí thức đã được gửi tới các nhà lãnh đạo đất nước, nhưng dự án vẫn được tiến hành cách vội vã.

Trong bản danh sách ký tên kiến nghị lần này, ngoài những người chủ xướng bản kiến nghị như các ông Hoàng Tụy, Nguyễn Huệ Chi, Lê Đăng Doanh, Nguyên Ngọc... người ta còn thấy tên của nguyên Phó Chủ tịch nước Nguyễn Thị Bình, Giáo sư Viện sĩ Nguyễn Văn Hiệu, Thiếu tướng Lê Văn Cương, nguyên Chủ tịch tỉnh An Giang Nguyễn Minh Nhị,... Trước đó, bản Kiến nghị còn nhận được chữ ký của Thiếu tướng Nguyễn Trọng Vĩnh, Giáo sư, giải thưởng Fields Ngô Bảo Châu và nhiều nhân vật khác.

Về phía Giáo hội Công giáo Việt Nam, ngoài một số linh mục, giáo dân đã ký tên vào bản kiến nghị trước đó, Đức cha Phaolô Nguyễn Thái Hợp – Chủ tịch Ủy ban Công lý và Hòa Bình, cũng đã ký tên vào bản kiến nghị.

Đây là lần đầu tiên một chức sắc cao cấp của Giáo hội Công giáo ký tên vào một bản kiến nghị ngưng dự án khai thác bauxite Tây Nguyên.

Theo trang bauxitevn, tính đến chiều ngày 20.10.2010, đã có 1500 người ký tên vào bản kiến nghị. Đức cha Phaolô Nguyễn Thái Hợp ở vào số 1139.

Đêm tái ngộ còn chút hương bàng bạc

Người xuống ngựa bụi đường vương nếp áo
Lưng chừng trời đàn én báo tin xuân
Ngẫn ngơ nhìn mắt thoáng chút bâng khuâng
Người gác kiếm, ta dọn tuần rượu nhạt
Tay nâng chén, ta cùng người thù tạc
Tạm quên đời, quên lưu lạc gian nan
Quên binh đao, quên gió núi mây ngàn
Đêm trở giấc hồn mênh mang chuyện cũ
Nhạt ánh trăng xuân sầu xưa vây phủ
Ta vẫn hoài làm cô phụ chờ mong
Người trót mang kiếp hồ thỉ tang bồng
Đem chí cả quyết đền xong nợ nước
Chén rượu tiễn giữa chiều thu buổi trước
Men cay nồng còn nghe ướt bờ môi
Người lên yên, ta chi xiết bồi hồi...
Trong khoảnh khắc... muốn người thôi dong ruỗi!
Vó ngựa vang vang giữa bao niềm tủi
Nắng chiều nghiêng, bóng ngựa khuất mờ xa
Người ra đi theo tiếng gọi sơn hà
Ta trở gót nhạt nhòa dòng lệ nhỏ!
Nay rượu đoàn viên niềm xưa chưa tỏ
Ngựa ngoài kia đã giục vó lên đường
Ánh mắt trao, người gởi vạn niềm thương
Đêm tái ngộ còn chút hương bàng bạc...
Chỉ mình ta giữa trời xuân bát ngát
Chỉ mình ta với điệu hát vô ngôn
Chỉ mình ta cùng nỗi nhớ trong hồn
Cô quạnh quá! Thèm môi hôn tri kỷ...

• Phương Nam

Trả lời câu hỏi của RFI, nhà văn Nguyên Ngọc đã tỏ ý tin tưởng rằng với sự thức tỉnh của công luận Việt Nam, đặc biệt sau những gì xảy ra tại Hungary, đề án khai thác bauxite ở Tây Nguyên có thể bị ngăn chặn.

(Nữ Vương Công Lý)

https://tieulun.hopto.org

Tin nước Đức

● Lê Ngọc Châu phụ trách

*** Đức vào Hội đồng Bảo an**

Ngày 12.10, Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc (LHQ) đã bầu Đức vào Hội đồng Bảo an của tổ chức này cho nhiệm kỳ 2 năm, bắt đầu từ đầu năm 2011. Người ta không ngạc nhiên trước kết quả trên vì Đức đã từng ở trong Hội đồng LHQ từ năm 2003 đến 2004, được xem là có nhiều triển vọng nhất. Từ một năm nay các Tòa đại sứ và các nhân viên ngoại giao của Đức đã tích cực vận động các quốc gia thành viên bỏ phiếu cho Đức. Trước đây Đức còn có tham vọng chiếm một ghế thường trực bên cạnh Hoa Kỳ, Nga, Anh, Pháp và Trung Quốc trong Hội đồng LHQ nhưng tham vọng này chỉ có thể thành công khi LHQ chịu cải tổ cơ chế hiện nay, điều đã được tranh cãi trong nhiều năm qua.

Tổng cộng có 3 ứng cử viên của nhóm các quốc gia phương Tây là Đức, Canada và Bồ Đào Nha muốn ứng cử vào 2 ghế trống dành cho các quốc gia phương Tây. Trong lần này Đại Hội Đồng LHQ sẽ chọn thay thế 5 trong số 10 ghế thành viên không thường trực của Hội đồng. Đức là quốc gia đóng nhiều tiền vào hàng thứ 3 cho ngân sách của LHQ và đang tham gia nhiều công tác giữ gìn hòa bình trên thế giới nên được xem là có nhiều triển vọng nhất trong nhóm 3 ứng cử viên. Và Đức đã giành được đủ 2/3 số phiếu cần thiết cho một ghế không thường trực ngay trong vòng bỏ phiếu đầu. Hai ghế còn lại hiện do Áo và Thổ Nhĩ Kỳ giữ cho đến hết năm 2010. Như vậy hai quốc gia Canada và Bồ Đào Nha sẽ tranh nhau ghế còn lại. Canada được tiếng là không theo phe nào, còn Bồ thì có nhiều bạn bè liên kết khắp năm châu nên sẽ khó đoán biết kết quả bầu cử sẽ ra sao?

*** Phát Giác Gói Đồ Khả Nghi Gửi Tới Văn Phòng Thủ Tướng Đức**

Berlin: Cảnh sát Đức đang điều tra một gói khả nghi tại văn phòng của Thủ Tướng Angela Merkel, mấy giờ sau khi 2 bom thư nhỏ nổ bên ngoài các sứ quán của Nga và Thụy Sĩ tại thủ đô Hy Lạp.

Chưa biết có liên quan với bom gửi máy bay từ Yemen hay không? Bà Merkel có mặt tại Brussels khi gói khả nghi được giao tới phòng bưu tín của Phủ Thủ Tướng. 5, 6 cơ quan truyền thông Đức đưa tin: gói khả nghi ghi tên người nhận là bà Merkel, và địa chỉ hồi đáp là Bộ kinh tế Hy Lạp. Tin này chưa có thể kiểm chứng.

Các viên chức của ngành vận tải xác nhận rằng sự kiểm tra an ninh với hàng hóa vận chuyển bằng đường bộ hay đường sắt trong phạm vi các nước Liên Âu không gắt gao cho lắm! Hãng UPS đã giao gói khả nghi nêu trên và đang hợp tác với giới thẩm quyền Đức tiến hành cuộc điều tra.

*** Đức: Số thất nghiệp dưới 3 triệu**

27.10.2010: Bộ trưởng Lao động Đức, bà Ursula von der Leyen loan báo cho biết rằng con số người thất nghiệp ở Đức đã giảm xuống dưới mức 3 triệu. Đây là mức thất nghiệp thấp nhất ở Đức trong 18 năm qua.

Đó cũng là dấu hiệu tốt cho thấy Đức sẽ có đầy đủ công ăn việc làm cho dân. Xếp của Tổng Cục Lao Động (BA), ông F. W. Weiss và Bộ trưởng Kinh tế Đức, ông Rainer Brüderle (FDP) cho biết mục đích cụ thể của chính phủ Đức là vậy. Tuy nhiên ông cũng lên tiếng cảnh giác là đừng quá ảo tưởng, tạo ra đầy đủ công việc làm cho mọi người chỉ có thể thực hiện được kể từ 2020 trở đi!

Số người chính thức ghi danh thất nghiệp trong tháng Mười vừa qua là 2,945 triệu, ít hơn 86.000 người so với tháng Chín năm 2010. Chính phủ Đức xem đây là một thành công của liên minh đang cầm quyền. Nếu không tính những công việc làm theo mùa thì con số thất nghiệp của tháng Mười đã giảm 3.000 người so với tháng Chín. Tỷ lệ thất nghiệp ở Đức hiện là 7%.

Lý do khiến cho nạn thất nghiệp Đức giảm xuống là nhờ sự phục hồi nhanh chóng của nền kinh tế Đức sau cơn khủng hoảng đã xảy ra trên toàn cầu. Ngay trong giai đoạn khủng hoảng, số người thất nghiệp ở Đức cũng không tăng bao nhiêu là vì chính quyền Đức đã có chính sách hỗ trợ các hãng xưởng nhằm mục đích duy trì các chỗ làm đang bị đe dọa bỏ đi. Chính phủ Đức cho rằng nhờ thế mà sau cơn khủng hoảng, kinh tế Đức có khả năng thích ứng nhanh chóng với sự gia tăng của số đơn đặt hàng.

Con số những người thất nghiệp lâu năm cũng giảm bớt 100 ngàn người so với thời gian trước khủng hoảng. Trong 4 năm vừa qua số người bị thất nghiệp thời gian trên một năm đã giảm một nửa, xuống còn chín trăm ngàn.

Weiss còn dự phóng thêm, theo mùa nên số người thất nghiệp trong tháng 12.2010 và 01.2011 sắp tới sẽ tăng lên trở lại, hơn 3 triệu!

Các chuyên viên kinh tế thì cho rằng thị trường Đức hiện rất vững vàng và không có dấu hiệu nào cho thấy đà tăng trưởng sẽ bị hãm lại. Do đó số người có việc làm sẽ tăng và sức tiêu thụ tư nhân cũng nhờ đó sẽ tăng theo. Họ còn dự đoán rằng trong năm 2011 số thất nghiệp ở Đức sẽ chỉ tăng lên trên 3 triệu trong thời gian ngắn, và phần lớn thời gian sẽ nằm dưới mức đó.

*** Chương trình hội nhập ngoại kiều của Đức**

Ngày 3.11, Thủ tướng Đức, bà Angela Merkel đã mời đại diện các nhóm di dân đến họp Hội nghị Hội nhập lần thứ 4. Bà Merkel đã đưa ra kế hoạch công nhận bằng cấp ngoại quốc, kế hoạch hội nhập cá nhân và tuyên bố sẽ bỏ thêm tiền cho chương trình giữ trẻ.

Trước đó, 700 người Đức gốc Thổ hiện làm việc trong lãnh vực kinh tế, văn hóa và xã hội ở Đức đã cùng ký tên vào một bức thư gửi cho bà Merkel để bày tỏ sự lo lắng về cuộc tranh luận bài ngoại đang diễn ra tại Đức và khiến cho những ngoại kiều đã hội nhập tốt không còn sống yên tâm được nữa. Trong bức thư gởi cho nữ Thủ tướng Đức họ cho biết rằng họ không muốn bị đồng hóa với những băng đảng thiếu niên đã đánh chết người ở tại những trạm xe điện ngầm và đồng thời họ không chấp nhận những lời kết án chung chung. Theo họ, cuộc

https://tieulun.hopto.org

tranh luận về ngoại kiều hiện nay tại Đức làm ô danh và gây tổn thương cho họ. Ngoài ra có 120 chính trị gia, đại diện cho các tổ chức di dân, kinh tế và xã hội đã được mời đến dự Hội nghị Hội nhập tại Phủ Thủ Tướng để bàn về các vấn đề giáo dục, việc làm, kinh tế và thị trường nhân dụng. Bà Merkel đã công bố 3 chương trình liên quan đến sự hội nhập của chính phủ Đức:

- 1) Năm tới 2011 Đức muốn trình làng một kế hoạch trong đó sẽ có phần kiểm tra kết quả của những biện pháp hội nhập được quyết định trong chương trình Hội nhập hồi năm 2007. Chính phủ Đức muốn hoàn tất các khóa dạy về hội nhập cho 1,8 triệu người di dân trong vòng từ 3 đến 5 năm nữa. Bà Merkel còn đề cập đến dự định là Đức muốn đưa nhiều người di dân vào làm việc trong các công sở Đức.

- 2) Trong tương lai chính phủ Đức muốn ký với mỗi người di dân một „kế hoạch cá nhân" và sẽ đưa chương trình này thử nghiệm vào tam cá nguyệt đầu tiên của năm 2011. Đây là một bản hợp đồng mà trong đó ghi rõ chính phủ sẽ giúp đỡ thế nào cho người di dân và ngược lại, người di dân cũng phải cam kết sẽ làm gì. Theo bà Đặc ủy về Hội nhập Liên bang, Maria Böhmer (CDU), thì bản hợp đồng này sẽ ràng buộc hai bên nhiều hơn nữa, trong đó sẽ ghi nhận khả năng tiếng Đức, trình độ học vấn và nghề nghiệp của người di dân khi họ đến nước Đức.

- 3) Bà Bộ trưởng Giáo dục Annette Schavan (CDU) cũng đã trình bày trước hội nghị dự luật về việc công nhận dễ dãi bằng cấp tốt nghiệp ngoại quốc và hy vọng là qua đạo luật này có thể giúp công nhận cho 300 ngàn chuyên viên có bằng cấp ngoại quốc đang sống tại Đức. Nước Đức hiện đang thiếu chuyên viên và muốn tận dụng nguồn chuyên viên ngoại quốc này.

*** Đầu tư hàng tỷ Euro vào Leipzig**

Hôm 6.11 tại Đức, hãng chế tạo xe BMW đã đưa tin về kế hoạch xây thêm phân xưởng chế tạo xe hơi chạy điện tại Leipzig bên cạnh các khâu lắp ráp đang ra đời các kiểu xe hàng 1, 3er và loại X1. BMW cho đến nay đã đầu tư 1,2 tỷ Euro vào chi nhánh Leipzig, dự trù cho tới năm 2013 sẽ tạo thêm 800 chỗ làm với 400 triệu Euro nguồn vốn mới dành cho dự án chế xe hơi chạy điện.

Xếp hãng BMW, Norbert Reithofer và nữ Thủ tướng Đức Angela Merkel (CDU) trong hôm 5.11 vừa qua đã tham dự lễ đặt viên đá cho công trình xây dựng. Reithofer cho hay việc khuếch trương diện tích, sản xuất các đời xe chạy bằng điện năng (hiệu Megacity Vehicle) và thành phố Leipzig là một trung tâm điểm cho E-Mobilität đang được BMW thử nghiệm trong hai năm qua tại Đức, Trung Cộng và Hoa Kỳ.

Bà Merkel nhân dịp này cũng đã nhấn mạnh việc chính giới Berlin muốn là tới năm 2020 sẽ đạt mục tiêu đăng bộ cho 1 triệu xe hơi điện lưu hành trên đường sá. Sự đầu tư vào lĩnh vực lưu thông điện năng được đánh giá là một bước đi đúng hướng và bà Merkel hy vọng qua đó Đức có thể cạnh tranh được với quốc tế.

Với Megacity Vehicle, BMW cho biết sẽ tung ra thị trường một kiểu xe điện hoàn toàn tân tiến có trọng lượng nhẹ hơn nhôm, thép vì vỏ xe được làm bằng sợi Carbonfaser (từ Hoa Kỳ) được chế biến lại ở các phân xưởng Wackersdorf và Landshut và cuối cùng sẽ được lắp ráp tại Leipzig. Các đối thủ của hãng BMW như Daimler (xe Mercedes), VW và Audi cũng đang ráo riết đưa ra các kiểu xe nạp điện. Daimler từ tháng 9.2010 đã cung cấp các kiểu E-Version, đời Mercedes-Benz A-Klasse tại Rastatt, trong lúc đang thử nghiệm thế hệ II kiểu E-Smart để sản xuất hàng loạt trong năm 2012. Audi dự trù tung ra kiểu thể thao E-Tron xài điện vào cuối 2012 sắp tới.

Tuy nhiên giới chuyên gia phân tích đã lên tiếng cảnh giác về sự chờ đợi quá lớn từ các loại xe chạy bằng điện nạp, vì hiện còn đương đầu với các vấn đề lớn như sức tải trên đường dài của loại xe này, kỹ năng điện bình và giá tiêu thụ.

*** Điện thư qua dịch vụ bưu chính Đức còn uể oải**

7.11.2010: Hàng trăm triệu Euro dành cho sự quảng bá dịch vụ điện thư (E-Brief) đã được nhiều người biết đến (62%) sau 4 tháng rầm rộ tung ra sản phẩm E-Postbrief, theo lời Jürgen Gerdes, quản trị viên đặc trách lĩnh vực thư tín của công ty Post AG, là lĩnh vực quan trọng hàng đầu hiện nay của tập đoàn này. Nhưng ông Gerdes cũng bị cảnh giác qua E-Brief ông sẽ là người nhân viên cao cấp sau cùng bị Post AG đào thải vì con người trong vài năm tới đây không còn ai chịu gởi thư tay!

Tuy nhiên, tại tổng trụ sở đặt tại Bonn, ông Gerdes nuôi hy vọng sau khi có trên 1 triệu khách hàng ghi danh lấy địa chỉ, nhiều hơn cả mạng lưới liên hệ xã hội Internet-Netzwerk Facebook nhưng trên thực tế chỉ có 1/10 cho đến nay đã sử dụng dịch vụ mới mẻ này. Qua điện thư giới thiệu (trên TV, Plakat, Internet) từ hồi tháng 6, Post AG cho biết là bí mật thư tín đã được nâng cao tối đa trong Intenet bằng vài động tác nhấn chuột điều khiển PC, dù đó là các tài liệu, văn thư quan trọng, cho đến việc mua vé đi du lịch, đệ đơn xin tiền BaföG, thư tín ngân hàng, liên hệ đăng bộ xe cộ, gia đình, v.v... Nguy cơ bị dòm ngó, đọc được từ kẻ lạ theo ông đã bị chận đứng, tới tay người nhận một cách bảo đảm và nhanh nhẹn hơn trước kia. Cũng theo Gerdes, kết quả cho đến nay chỉ có 1/10 khách hàng thân chủ sử dụng đi từ việc hãng xưởng và hệ thống hành chính đang làm quen sử dụng. Ông cho hay có trên 100 hãng xưởng lớn và cơ quan công quyền tại Đức đã hợp tác trong dịch vụ E-Postbrief và hàng trăm hãng xưởng khác sẽ nối gót. Trên 2500 xí nghiệp đang được thông tin móc nối. Số lượng thư từ nơi đây đã chiếm đến 85% dịch vụ chuyển thư bưu chính Đức (phần còn lại là khách hàng tư nhân). Điện thư dành cho thân chủ trong giới này vì thế sẽ là mục tiêu lâu dài đưa ra từ Post AG.

Muốn trở thành thân chủ hộp thư E-Postbrief, người sử dụng phải ghi danh trong internet và đưa căn cước xác nhận tại một chi nhánh bưu điện gần nơi cư ngụ. Giá cho một điện thư thông thường là 55 Cent, và tương tự như hình thức thư tay, gởi nhiều và dày, mang khổ lớn nhỏ, bảo đảm khác nhau sẽ phải trả bưu phí tương xứng. Một nhân viên trị sự cao cấp khác của Post AG là ông Frank Appel cho hay để không bị các đối thủ cạnh tranh khác tiêu diệt và để đối phó với sự chuyển/nhận thư tay chắc chắn ngày càng ít hơn, tập đoàn ông cần phải thử nghiệm, cắt cử hàng trăm nhân viên phục dịch vào ngành E-Postbrief và chờ đợi từ đó lợi nhuận, không phải có liền mà có lẽ từ 3-5 năm sau này.

https://tieulun.hopto.org

Các đối thủ Post AG được nhắc tới là tập đoàn Deutsche Telekom (cho đến nay vẫn còn là khách hàng sộp nhất của Post AG) và hãng United Internet AG (chủ nhân hãng E-Mail GMX và Web.de). Cả hai dự trù trong nửa năm tới sẽ tung ra dịch vụ De-Mail tương tự E-Postbrief mà khách hàng là hàng triệu thân chủ bấy lâu nay công ty họ đang có sẵn.

*** Trên 60 tuổi thất nghiệp đông hơn**

13.11.2010: Một năm trước khi luật mới với 67 tuổi về hưu bắt đầu có hiệu lực thì theo số liệu thống kê từ Tổng cục Lao động Liên bang BA (Bundesagentur für Arbeit) được nhật báo SZ (Süddeutsche Zeitung) loan tải thì tại Đức, sĩ số người cao niên, từ 60-64 tuổi còn trong diện lao động bị thất nghiệp đã tăng thêm! Tình trạng rủi ro bị mất việc nơi họ trước lúc về hưu (65) cũng đã gia tăng liên tục từ 3 năm qua: tăng lên 145,5 ngàn vào tháng 10.2010, gấp 4 lần so với 34,5 ngàn người trong tháng 10.2007

Nguyên nhân chính đưa đến tình trạng trên 60 bị thất nghiệp theo SZ đi từ các nguyên nhân: Thay đổi khung luật lệ và đà lão hóa dân số. Từ 2009, tài trợ dành cho họ theo qui ước làm ít hơn (20 giờ/tuần, gọi là Altersteilzeit, hoặc làm bình thường, nhận lương ít hơn, cho tới 62,5 tuổi để sau đó về hưu non), đi dần vào giai đoạn hưu chính thức, được hãng xưởng và chính quyền bù lỗ (với điều kiện tạo ra thêm việc làm khác thay thế), đã hết hiệu lực, và từ cuối năm 2007 trở đi, điều lệ được hưởng qui chế hưu trí non (trên 58 không nhất thiết phải nhận việc làm, không bị xem là thất nghiệp, đi kèm sự thiệt thòi chút ít về quyền lợi hưu trí về sau, gọi là Vorruhestand) cũng đã bị hủy bỏ vì sự tốn kém mà hiệu năng không nhiều. Bà von der Leyen đối đáp cho là trước năm 2007, hồ sơ đăng bộ người trên 60 tuổi cần giới thiệu công ăn việc làm đã không được thiết lập, mà Sở lao động chỉ quản lý họ thuộc diện Hartz IV. Ngày nay các văn phòng môi giới theo luật định phải tìm kiếm việc làm cho họ và trong thống kê từ đó mới lòi ra sĩ số này! Theo bà thì thành phần người thất nghiệp trên 55 tuổi hiện đã giảm được ½ so với năm 2000. Sĩ số lao động ở lứa tuổi từ 55-65, trong các năm 2005-2009 cũng đã gia tăng thêm trên 1 triệu người.

Trong năm 2007 đã có khoảng 400 ngàn công nhân viên chấp nhận ký về hưu non theo đạo luật 58 này, gọi là luật 58er-Regelung.

Tình trạng trên 60 mất việc leo thang, nhưng chính sách hưu trí ở tuổi 67 vẫn đang được chính phủ Đức đeo đuổi thực hiện. BA viện dẫn cho là sẽ tiếp tục cải thiện cơ hội hầu tìm đủ việc làm đối với người lao động cao niên, điều đã được nhà nước ưu tiên tiến hành từng bước cho tới 2009, trong đó để có được sự giám sát, chính quyền Bá Linh còn phải tường trình, là một trong số điều kiện ứng dụng luật hưu 67 (đặt ra từ thời chính phủ Liên minh lớn do CDU/CSU và SPD soạn thảo). Trong báo cáo Bộ Lao Động liên bang sắp đệ trình, bà Ursula von der Leyen cho rằng thị trường nhân dụng đối với người lao động cao niên đã tốt hơn rõ rệt và nhà nước từ đó không cần khuyến khích sự hưu trí non nữa. Cũng theo bà von der Leyen con đường về hưu ở tuổi 67 rồi sẽ phải đi qua nếu không muốn hưu bổng bị cắt xén hoặc nguyệt phí bảo hiểm hưu trí hiện nay sẽ tăng vọt và biện pháp kéo dài tuổi thọ lao động là giải pháp ổn thỏa nhất trước khi ứng dụng kể từ năm 2012 trở đi. Một phát ngôn viên của BA còn định nghĩa rõ rệt là „Người già không thể nói rằng, chúng tôi muốn thoái lui khỏi thị trường nhân dụng, mà họ cần phải đứng vào hàng ngũ cống hiến cho thị trường Đức".

Ngược lại, cánh công đoàn tại Đức trong chiến dịch phản đối hiện nay đã chỉ trích chủ trương thực hiện chính sách Hưu 67 của liên minh Đen-Vàng giữa CDU/CSU và FDP. Con số người cao niên thất nghiệp theo Chủ tịch Nghiệp đoàn Phục vụ Công cộng Verdi, ông Frank Bsirske, là một dẫn chứng điển hình về định hướng vô trách nhiệm của Bá Linh khi muốn kéo dài tuổi thọ lao động trong lúc không tìm ra đủ việc làm cho người già.

Đảng Xã hội đối lập SPD cho hay chỉ tiếp tục hậu thuẫn chính sách hưu 67 nếu có ít nhất 50% người lao động trong lứa tuổi 60-64 có công ăn việc làm chính thức, trong lúc chính giới Bá Linh mừng rỡ cho là thành phần này từ năm 2000 đến nay đã tăng đôi lên 23,4% có công việc ổn định và vì thế chính sách hưu 67 có thể ứng dụng.

*** Tả khuynh đề cử bà Künast tranh cử chức Đô Trưởng Bá Linh và bầu lại Chủ tịch đảng**

Berlin 05.11/Freiburg 20.11.2010: Đảng Tả khuynh đã họp đại hội đảng và vừa bầu lại Chủ tịch và Ban lãnh đạo đảng hôm 20.11.2010 tại Freiburg. Đồng Chủ tịch đảng, bà Claudia Roth và ông Cem Özdemir được tái tín nhiệm trong chức vụ này. Bà Roth được 79,3% phiếu ủng hộ của tổng số đại biểu tham dự (-3,4% so với 2 năm trước) trong khi sự ủng hộ cho Özdemir, gốc Thổ thì lại tăng, từ 79,2% lên 88,5%. Ngoài ra đại biểu Tả Khuynh cũng đã thông qua một kiến nghị trong đó muốn mở rộng (Ausbau) thuế thủ công nghiệp thành loại thuế Kinh tế làng xã (kommunales Wirtschaftssteuer), viện dẫn nhiều làng xã đang bị đe dọa là ngân quỹ sẽ bị vỡ nợ. Qua đó, Tả Khuynh đã chống lại chủ trương muốn dẹp bỏ đi thuế thủ công nghiệp của chính phủ đương nhiệm Đen+Vàng.

Ngoài ra, sau nhiều tháng lập luận trừu tượng, Chủ tịch khối dân biểu đảng Tả Khuynh tại Quốc hội, bà Künast, 54 tuổi, tỉnh bộ Tả Khuynh Berlin đã chính thức xác nhận cho biết là bà ta sẽ ra tranh cử chức Đô trưởng Bá Linh với ông Klaus Wowereit (SPD) vào ngày 18.9.2011. Trước sự vỗ tay tán thưởng của thành viên bà Künast còn cho biết là Tả Khuynh sẵn sàng đứng ra nhận lãnh trách nhiệm và thay đổi thủ đô Bá Linh!

*** Thông qua chính sách cải tổ Y tế Đức**

12.11.2010: Quốc hội Đức trong hôm 12.11 vừa qua cũng đã thông qua dự luật cải tổ Y tế của Rösler, cho phép tăng nguyệt phí bảo hiểm bó buộc từ 14,9 lên

https://tieulun.hopto.org

15,5% lương tháng (+0,6%, trong đó phe chủ nhân và người lao động chia nhau đồng đều). Hệ thống Y tế Đức kể từ năm 2011 qua đó sẽ thu nhập thêm 6 tỷ Euro/năm cho tài khóa thâm thủng (11 tỷ Euro) cần được cứu nguy hiện nay, bên cạnh 2 tỷ Euro được chi viện từ tài khóa liên bang trong lĩnh vực bao cấp, phần còn lại là 3 tỷ cắt xén từ kỹ nghệ bào chế dược phẩm, giới y sĩ và hệ thống điều trị tại bịnh viện.

Theo chương trình cải tổ của Bộ trưởng y tế Rösler, phe chủ nhân và người đi làm sẽ chia nhau gánh vác, có phần ưu tiên cho giới chủ nhân ở mức đóng góp cố định là 7,3% (trước đó là 7%), và người lao động có thể co giãn, thay đổi tới mức 8,2% (7,9%), tùy thuộc vào các quỹ bảo hiểm trong sự cạnh tranh lời/lỗ và rẻ/đắt dành thân chủ sau này. Người có lợi tức thấp sẽ được ưu tiên khấu trừ thuế khóa bù lỗ trong biện pháp tăng giá mới. Một khi còn thiếu hụt tài chính trong công tác phục vụ, các quỹ bảo hiểm sức khỏe trong tương lai có quyền đòi thêm phụ trội từ thân chủ mà không tùy thuộc vào lợi tức thu nhập cơ bản (phần này chỉ riêng người đi làm phải gánh vác). Mỗi quỹ bảo hiểm có thể ấn định ra giá cả phụ trội tính trên đầu người, trung bình theo chiết tính nhà nước kể từ 2012 sẽ dưới 10 Euro/tháng, từ 2014 trở đi có thể lên từ 10 đến 16 Euro. Nếu tiền phụ trội nhiều hơn 2% lợi tức thu nhập, thân chủ bảo hiểm có thể xin khấu trừ thuế khóa cuối năm để cân bằng sự đóng góp.

Thù lao cho 150 ngàn y sĩ hành nghề sẽ được tăng thêm 1 tỷ lên 33 tỷ Euro/năm, điều đã được giới thầy thuốc đạt được trong các cuộc thương lượng vì quyền lợi trước đây. Các hãng bào chế thuốc tại Đức sẽ mất đi tác quyền giữ giá dược phẩm đã đăng bộ khi giá cả đắt nhất so với giá trên thương trường quốc tế. Họ còn phải chứng minh sự hiệu dụng các chế phẩm mới và thương lượng giá cả với các quỹ bảo hiểm y tế trong vòng một năm khi tung ra sản phẩm nếu không muốn bị Bộ Y Tế can thiệp bằng cách ấn định giá thuốc. Biện pháp này sẽ đem lại 2,2 tỷ Euro giảm chi cho các quỹ bảo hiểm. Trong năm 2009, tổng số tiền thuốc men phải trả cho ngành dược phẩm đã lên đến 32 tỷ Euro, trong đó có nhiều dạng thuốc bị giữ tác quyền với giá cung cấp cao.

Lương giới chức và sự phục vụ y tế tại bịnh viện không có nhiều thay đổi. Nhưng người bịnh phải chi trả thêm phụ trội có giới hạn cho sự chẩn trị riêng, đem lại hàng trăm triệu Euro phụ phí.

Và sau cùng, các quỹ bảo hiểm sức khỏe cũng phải giảm chi từ 2011 đến 2012 tất cả 600 triệu Euro cho hệ thống hành chính rườm rà, bị Bộ Y Tế đe dọa trừng phạt một khi không tiến hành việc ứng dụng thẻ chứng minh bảo hiểm điện tử mới (elektronische Gesundheitskarte) để tiện việc kiểm soát sự lạm dụng bảo hiểm. Cho đến cuối năm 2011, tiêu chuẩn được đề ra phải đạt 10% sĩ số người có bảo hiểm y tế dùng loại thẻ mới này.

Đảng đối lập SPD (đảng Xã hội Đức) đã gia tăng luận điệu phê phán đường lối cải tổ hệ thống y tế của chính phủ Liên minh Đen-Vàng giữa liên đảng CDU/CSU và FDP. Tại Berlin, ông Björn Böhning thuộc Hội đồng lãnh đạo SPD cho rằng các quyết định mới là một "công cuộc cải tổ phi xã hội nhất kể từ 50 năm qua", trong lúc Bộ trưởng Y tế Liên bang Philipp Rösler (FDP) tin chắc vào sự thay đổi có thể khởi sự kể từ năm 2011, cho là cấp thiết, sẽ đem lại khả năng liên đới cho nhiều tầng lớp trong xã hội Đức và san bằng cán cân giàu nghèo khi mà mọi thành phần đều đóng góp trách nhiệm!

*** Vettel vua đua xe Formel 1**

14.11.2011: Sebastian Vettel, lần đầu tiên đoạt giải vô địch đua xe hơi Fomel 1. Tay đua cho hãng Red-Bull đã về nhất trong cuộc đua xe cuối cùng của năm 2010 tại Abu Dahbi trong khi người dẫn đầu bảng là Fernando Alonso chỉ chiếm hạng 7 trong vòng đua này nên ngựa về ngược, từ hạng ba Vettel chiếm chức vô địch Formel 1 (Alonso hạng nhì!), và đồng thời cũng là tay đua vô địch trẻ tuổi nhất từ trước đến nay trong lịch sử đua xe hơi, chỉ mới 23 tuổi và là người Đức thứ hai sau Michael Schumacher đoạt chức vô địch Formel 1.

*** CDU bầu lại Chủ tịch và Ban lãnh đạo đảng**

15.11.2010: Với kết quả kém nhất lần thứ hai là 90,4 bà Thủ tướng Merkel đã được tái tín nhiệm và bầu làm Chủ tịch đảng CDU trong kỳ đại hội đảng vừa qua tại Karlsruhe. Trước đó bà ta kêu gọi thành viên CDU hãy can đảm và tự tin hơn nữa nên đã được vỗ tay tán thưởng. Như vậy bà Merkel, từ 10 năm qua nằm trong Ban lãnh đạo đảng giữ chức Đảng trưởng nhiệm kỳ hai năm tới.

Liên quan đến cuộc bầu cử Nghị viện Tiểu bang Baden-Württemberg và Rheinland-Pfalz trong 4 tháng tới thì bà Merkel hứa là sẽ hết lòng vận động bầu cử. Bà ta nói cùng thành viên đảng là hãy quăng những kết quả thăm dò ý kiến cử tri (không tốt cho CDU hiện nay!) vào thùng rác. Hãy ra đường và tranh đấu cho mục tiêu của chúng ta, của CDU!

Ngoài ra bà ta cũng công nhận là trong thời gian đầu tiên vừa qua, kết quả làm việc của liên minh cầm quyền CDU/CSU & FDP không được khả quan cho lắm. Dù vậy Merkel xác định rằng CDU sẽ liên minh với FDP, từ chối một cách rõ ràng là không liên minh với Xanh và SPD!

Ông Röttgen, Bộ trưởng môi sinh Đức được đắc cử vào chức vụ Đại diện Chủ tịch đảng với số phiếu tín nhiệm và ủng hộ của đại biểu tham dự, đạt 88,2%. Cũng nên nói thêm, ông Röttgen, 45 tuổi, hôm 06.11.2010 đã được bầu lên làm Chủ tịch Đảng bộ CDU Tiểu bang Nordrhein-Westfalen (tiểu bang lớn nhất Đức!) với sự tín nhiệm khá cao là 92,5%, kế vị ông Jürgen Rüttgers đã từ chức sau cuộc thất bại thê thảm trong cuộc bầu cử Tiểu bang NRW vừa qua, không những đã mất đi sự cầm quyền của CDU tại NRW mà còn mất luôn chức Thống đốc vào tay bà Kraft thuộc đảng SPD!

Ngoài ra các vị sau đây cũng đã được bầu vào chức Đại diện Chủ tịch đảng CDU, gồm có: ông Thống đốc Tiểu bang Hessen, Volker Bouflier (88,12%), bà Bộ trưởng Lao động Ursula von der Leyen (85,12%) và bà Bộ trưởng Giáo dục, Annette Schavan (64,17%).

Buổi chiều cùng ngày CDU cũng bầu thêm ông Hermann Gröhe chính thức vào Ban lãnh đạo đảng trong chức vụ tân Tổng bí thư CDU.

- ***LNC (Munich Tháng 10+11.2010)***

  Sưu tầm và phiên dịch từ các báo der Spiegel, SZ, AZ, FAZ, die Welt,, Handelsblatt, Focus, N -TV....

https://tieulun.hopto.org

Tin thế giới

• Phan Ngọc

*** Cử tri trừng phạt Obama**

Hai năm sau khi luồng hy vọng và khát vọng thay đổi đưa ông đến quyền hành, Tổng Thống Obama lãnh trừng phạt nặng nề qua cuộc bầu cử 2.11. Dù đảng của ông cứu được bán ghế tại Thượng Viện (52/46 ghế, mất 6 ghế), đợt sóng thần Cộng Hòa nhận chìm ông tại Hạ Viện (239/183, mất 60 ghế). Đảng Dân Chủ cũng mất quyền kiểm soát 19 Quốc hội Tiểu bang và 10 ghế Thống Đốc. Điều gì đã xảy ra?

Tổng Thống thứ 44 của Mỹ thường có thái độ xa cách, mô phạm – theo một số người, ngạo nghễ - Điều này góp phần không nhỏ vào sự thất bại của ông. Nhưng có điều gì bất công trong vấn đề trừng phạt ông. Về đối nội, bản tổng kết thật khả quan: cứu trợ hệ thống tài chánh, thông qua luật bảo hiểm người bệnh, cải cách giáo dục, phác họa pháp luật về sự thay đổi thời tiết, cuối cùng đưa ra kế hoạch phục hồi kinh tế tuy chưa đầy đủ, nhưng nếu không thì thất nghiệp có thể vượt qua 12%. Ông đã ngăn cản nền kinh tế Mỹ sa xuống hố sâu. Nhưng ông phải nhờ đến nhiều thỏa hiệp, nhiều nhượng bộ để các đạo luật ấy được Quốc Hội thông qua. Ông đã làm cho cánh tả thất vọng. Toàn bộ cho thấy một chính quyền chủ trương can thiệp, và Tổng Thống đã gây lo sợ cho cánh hữu.

Ông đã đưa ra bản tổng kết coi được, ông đã đưa ra những hoàn thành lập pháp đáng kể. Nhưng đối với Mỹ, sự việc không thay đổi mau chóng để họ được thỏa mãn. Obama đã xài 1,5 tỷ tỷ đô la, nhưng không đạt được kết quả nào lớn lao để trình trước dân chúng. Gần 1,5 năm sau, dân Mỹ không hiểu tại sao thất nghiệp còn cao (9,6%) trong khi chính quyền đã thực thi kế hoạch phục hồi 787 tỷ đô la. Lúc ông vừa nắm quyền, tỷ lệ thất nghiệp là 7,7%, 1 tháng sau thêm 600.000 người tìm việc làm, và tháng sau nữa, thêm 600.000. Tóm lại, thất nghiệp cao, phát triển yếu (2%), tinh thần bạc nhược lâu dài. Người dân có cảm tưởng như hoàn cảnh của họ không tốt hơn, cuối cùng tự hỏi Tổng Thống phạm sai lầm khi cương quyết áp đặt đạo luật cải cách y tế thay vì tập trung nghị lực xung quanh kinh tế ?

Đắc cử với lời hứa thống nhất – không có quốc gia đỏ cũng như xanh mà chỉ có một quốc gia Mỹ -, từ đây, Obama lãnh đạo một đất nước chia rẽ hơn bao giờ hết: chia rẽ giữa Tòa Nhà Trắng và Quốc Hội, giữa Thượng Viện và Hạ Viện, giữa các Tiểu Bang miền Trung Mỹ mang truyền thống công nhân và miền Tây.

Tổng Thống bắt đầu một giai đoạn mới của nhiệm kỳ trong một tình thế quá phức tạp có thể đặt các thiết chế quốc gia trước một thách đố gay go. Cải cách y tế có thể gặp khó khăn. Một số khác như luật về thay đổi thời tiết có thể bị vùi lấp. Cuộc rút lui „có điều kiện" khỏi A Phú Hãn có thể được xét lại.

Luồng bất mãn như báo trước những ngày mai khó khăn trong khi bộ máy kinh tế có dấu hiệu kẹt tắt. Ngày hôm sau cuộc bầu cử giữa nhiệm kỳ, nhà lãnh đạo đa số tại Hạ Viện John Boehner không che giấu nhật lệnh của ông là lệnh khai chiến: không thể có thỏa hiệp với hành pháp; làm mọi cách để Obama thất bại. Thời bình thường, đây là điều đáng lo ngại. Nhưng thời không bình thường, sự giải lạm phát làm cho kinh tế nghẹt thở. Bằng chứng là Ngân hàng Trung ương vừa ra quyết định nhểu vào địa hạt kinh tế 600 tỷ đô la bằng cách in bạc.

Từ nhiều tuần nay, Tổng Thống Obama chuẩn bị đón lấy thất bại. Qua cuộc bầu cử, ông đã đo lường được bộ máy chiến đấu của ông trước viễn cảnh 2012. Hai Tiểu bang Ohio và Florida then chốt cho mọi chiến lược Tổng Thống đã sa vào tay đảng Cộng Hòa.

*** Obama vòng quanh Á Châu để ngăn chặn Bắc Kinh**

Sang nước ngoài 3 ngày sau khi cử tri yêu cầu ông nên lo nghĩ đến chuyện nhà của họ là một quyết định không chắc ăn cho Tổng Thống. Như thường lệ, Ông chọn lựa điều hợp lý: Dù sao ông cũng phải dự cuộc họp G20 tổ chức tại Hán Thành 10-12/11/2010.

Obama đã hứa với Thủ Tướng Ấn Độ là ông sẽ đến New Delhi. Và về mặt chính trị, sau khi tỏ lễ độ với Bắc Kinh trong năm đầu nhiệm kỳ, ông rất bằng lòng thăm viếng các nước địa phương mà Mỹ công khai dựa vào để phá vỡ ảnh hưởng thế lực của Trung Quốc. Sau Ấn Độ, Nam Dương và Nam Hàn, ông kết thúc chuyến công du tại Nhật sau khi tham dự cuộc họp APEC.

Cánh đối lập tố cáo cái giá quá đáng của chuyến đi với 3.000 người tháp tùng (theo một nhật báo Ấn Độ, giá khoảng 200 triệu đô la = hơn một ngày hành quân tại A Phú Hãn). Đối với các nhà ngoại giao và giới kinh doanh, chuyến đi thật là quan trọng, nằm trên danh sách ưu tiên kinh tế (tăng 2 lần nền xuất cảng Mỹ). Mục tiêu hàng đầu là „mang theo nhiều xí nghiệp và mở cửa thị trường cho Á Châu, cho một số thị trường đang phát triển mạnh".

Tòa Bạch Ốc dự kiến ký kết khế ước với Ấn Độ - nhất là về vũ khí - để tạo việc làm (50.000) tại Mỹ. Các chuyên viên đề cập đến 10 tỷ đô la (phi cơ C.130, C.175 và xe lửa).

Tổng Thống Mỹ đọc diễn văn trước Quốc hội Ấn Độ và ông tuyên bố ủng hộ New Delhi giữ một ghế thường trực tại Hội Đồng Bảo An. Obama sẽ đặt vấn đề này trong bối cảnh cải tổ toàn bộ cơ quan hành pháp của Liên Hiệp Quốc.

Đoạn đường Nam Dương, dời lại 2 lần vào mùa xuân sẽ được rút ngắn hơn dự định. Obama không đến thăm trường cũ của ông, nơi đây ông đã theo học một vài năm lúc mẹ ông tái giá với một công chức Nam Dương. Trong khi 1/5 dân Mỹ tin ông là người Hồi Giáo, ông không muốn tăng cường sự nhận thức nầy. Tuy nhiên, ông đến thăm một đền thờ Hồi Giáo.

Ông luôn chú ý đến Nam Dương không phải vì đặc biệt quyến luyến mà vì Nam Dương là nước cùng chơi chiến lược với Mỹ. Nam Dương là một trong những cường quốc địa phương mà ông muốn dựa vào kể từ khi ông chấp chánh. Đối với Tòa Bạch Ốc, „đi cùng với

https://tieulun.hopto.org

Trung Quốc" để cho Trung Quốc tôn trọng chuẩn mực quốc tế là điều cốt yếu. Trong bối cảnh chiến lược hậu Irak, hậu A Phú Hãn, điều hết sức quan trọng là thắt chặt quan hệ với các nước đang đối phó một thách đố lớn lao, sức mạnh quân sự của Trung Quốc, „đặc biệt Hải Quân" (nhà nghiên cứu Robert Kaplan). „Từ tháng 6, thái độ bên ngoài của Bắc Kinh trở thành hung hăng hơn" (Center for Strategic and International Studies).

Trong bối cảnh này, các nhà phân tích chính trị cùng nhau ghi nhận chuyến thăm 7 nước địa phương của Ngoại trưởng Clinton, nhất là Việt Nam là một dấu hiệu tranh giành ảnh hưởng với Trung Quốc.

*** Thái độ hung hăng của Trung Quốc**

Chủ Tịch Hồ Cẩm Đào chấm dứt cuộc vòng quanh Âu Châu tại Bồ Đào Nha trong khi Tổng Thống Mỹ thực hiện chuyến công du sang Á Châu đưa ông đến Ấn Độ, Nam Dương, Nam Hàn và Nhật. Sau sự tréo đường tìm nhau, hai nhà lãnh đạo gặp lại tại Hán Thành tham dự cuộc họp thượng đỉnh G20. Cơ cấu mới này mang ý đồ sáp nhập được sao hay vậy sự vươn lên khó cưỡng lại của khổng lồ Trung Quốc.

Trước đây, người ta bị mê hoặc bởi sự nổi lên của G2 gồm 2 siêu cường Mỹ-Trung Quốc mưu toan giải quyết các vấn đề lớn sinh ra từ hiện tượng toàn cầu hóa. Như thế trong sự hài hòa hoàn toàn „noi theo đạo đức đạo Khổng". Thời này đã qua. Bây giờ, tại Á Châu cũng như tại Tây phương, bầu không khí thay đổi và sự thăng lên của Trung Quốc không còn quyến rũ được ai, ngược lại ngày càng sâu không ít lo âu.

Lý do thứ nhất của mối lo âu nền kinh tế thế giới ngày càng lệ thuộc vào Bắc Kinh. Các nhà kinh tế đều đồng ý Trung Quốc là động lực của sự phát triển thế giới, tài trợ nợ nần của Mỹ và góp phần ổn định vùng Euro sau cơn khủng hoảng tháng 5/2010.

Mặt khác, người tiêu dùng Trung Quốc háo ăn dữ dội đã cứu trợ các công ty sản xuất xe hơi và kỹ nghệ hàng tiêu dùng xa xí của Tây phương và nuôi dưỡng dồi dào tính năng động của khu vực Đông Nam Á. Trước kia, các cơ cấu quốc tế đã ca ngợi một nước đang mở mang mà hàng triệu dân dần dà thoát khỏi cảnh bần cùng lôi theo hàng ngũ giai cấp trung lưu.

Nhưng điều này mang đến nhiều lý do lo âu khác. Sự thăng lên của Trung Quốc kèm theo một loạt ngạo mạn không báo trước điều gì „hài hòa" tốt đẹp. Lý do căng thẳng rất nhiều: cố tình đánh giá thấp Nhân Dân Tệ so với đô la, giới hạn xuất cảng đất hiếm rất quan trọng cho kỹ nghệ điện tử, tranh chấp chủ quyền với Nhật về một quần đảo, hải quân trang bị hiện đại. Nhiều nước Á Châu, trong số có Việt Nam, không cần giữ gìn ý tứ kêu gọi Mỹ trở lại Á Châu và tích cực tỏ thái độ để cân bằng ảnh hưởng với Bắc Kinh.

Từ 5 năm nay, Trung Quốc là mối hy vọng của Âu Châu, Âu Châu tin tưởng Trung Quốc đi theo con đường như nhau hướng về chân trời hòa bình hậu hiện đại. Bây giờ, ảo tưởng chấm dứt. Thêm đó, thái độ đối xử Âu Châu của Trung Quốc gần như „thái độ khinh miệt chính trị". Thái độ nầy dựa trên cách tiếp đón Trung Quốc khác nhau của mỗi nước Âu Châu. Đức không nhân nhượng; Pháp khi cứng khi mềm; Lỗ Ma Ni được Trung Quốc đánh giá như nước cùng chơi „bốn mùa". Do đó, Trung Quốc dễ dàng đóng chốt nêm chia rẽ trong hàng ngũ Âu Châu. Cuối cùng, như thường lệ, chánh sách của Âu Châu đối với Trung Quốc chuốc thất bại vì Âu Châu không có một tiếng nói duy nhất thoát từ một cái miệng duy nhất.

Thật sự, quả banh ở về phía Trung Quốc. Hồ Cẩm Đào không ngớt rêu rao Trung Quốc mong muốn mở mang trong hòa bình và muốn thực thi một Soft Power hài hòa đáng kính. Về mặt này, lời cảnh cáo của nền ngoại giao Trung Quốc hướng về Âu Châu rằng sự có mặt của đại diện Âu Châu tại buổi lễ cấp giải Nobel Hòa Bình cho nhà đối lập đối lập Liu Xiabo tại Oslo (10-12) sẽ lôi theo hậu quả khó lường. Nền ngoại giao Âu Châu sẽ làm gì trước thái độ không ngoại giao này? – Âu Châu sẽ từ bỏ chính sách vô điều kiện để kịp thời bước lên toa xe phát triển Trung Quốc ?

*** Cuộc họp thượng đỉnh Pháp-Đức-Nga về an ninh Âu Châu**

Cuộc thảo luận tay ba Pháp-Đức-Nga tại Deauville xảy ra trong khi tương lai của nền an ninh Âu Châu là một thời sự. Một bên, NATO đang soạn thảo khái niệm chiến lược mới, một bên tổ chức về an ninh và hợp tác (OSCE) xuất thân từ Hiệp ước Helsinki 1975 sắp sửa tổ chức cuộc họp thượng đỉnh đầu tiên từ 11 năm nay tại Kazakhstan.

Trước cuộc họp, điện Elysee trấn an các nước vắng mặt và giải thích tại Deauville không hề có điều gọi là tam đầu chế điều khiển sự việc Âu Châu. Từ khi trục Ba Lê - Bá Linh - Mạc Tư Khoa ra đời để chống chiến tranh Irak 2003 và cuộc họp Chirac-Merkel-Putin 2006, bối cảnh đã thay đổi. Pháp đã tái gia nhập NATO. Nhưng sự vắng mặt của đại diện Âu Châu Catherine Ashton (không được mời) đã nêu rõ một tổ chức giới hạn giữa các cường quốc mà điện Cẩm Linh ưa thích.

Ngoài cuộc thảo luận sâu rộng về ván cờ „an ninh chung", cuộc họp còn muốn đề cập đến vấn đề chiến lược lôi kéo Nga rời bỏ phía Đông và trở về phía Tây. Theo Pháp, nền ngoại giao Nga hình như đã thay đổi phương hướng và thấy có lợi nếu giữ thái độ hợp tác hơn với khối Tây phương vì 3 lý do: Quan hệ Mỹ-Nga diễn biến tốt, hậu quả cơn khủng hoảng kinh tế và lo sợ trước sức mạnh Trung Quốc.

Cuộc họp Deauville đã cung cấp khung chiến lược cho Tổng Thống Nga Medredev loan báo ông sẽ đến dự cuộc NATO tại Lisbonne theo lời mời của Mỹ. Cái bù trừ đổi lại quyết định này còn nằm trong vòng bí mật. Tuy nhiên Nga tham dự cuộc họp Lisbonne và muốn mở ra một chương mới trong quan hệ Mạc Tư Khoa – Liên Minh Đại Tây Dương, Liên Minh giậm chân tại chỗ sau chiến tranh Nga – Georgia mùa hè 2008. Nhưng điều này không thể giải quyết tất cả bài toán bởi hoặc thuyết quân sự của Nga chỉ định NATO là mối đe dọa. Medredev đến Lisbonne để có một chỗ ngồi tại bàn thảo luận về kế hoạch chống hỏa tiễn mà Mỹ muốn đồng minh gia nhập để bảo vệ Âu Châu trước đe dọa đạn đạo Iran.

Vài ngày trước, Tổng Thống Nga cho biết Nga sẽ nghiên cứu đề nghị gia nhập kế hoạch chống hỏa tiễn của Mỹ, nhưng nhấn mạnh NATO phải cho biết thêm chi

https://tieulun.hopto.org

tiết. Đối với Nga, tam đầu chế gồm 3 cường quốc của lục địa Âu Châu là điều hết sức quan trọng. Và theo các chuyên viên, Trung Quốc lo ngại theo dõi sát cuộc họp Deauville bởi nước láng giềng của Trung Quốc ở phía Đông có thể quay sang phía Tây. Về phần mình, Nga đạt kết quả khả quan: tăng cường cơ chế tham khảo bộ ba cho phép Nga lợi dụng dễ dàng hơn mối chia rẽ hoặc cạnh tranh giữa các nước Âu Châu cũng như NATO. Nga đã phóng ra trở lại trò chơi ảnh hưởng của mình.

*** Liên Âu có một tiếng nói duy nhất?**

Năm 2002, cuộc thăm dò dư luận cho biết tầm quan trọng về chính trị ngoại giao của Liên Âu trên thế giới đứng vào hàng thứ 11 của công dân Âu Châu. Năm 2009, chính sách đối ngoại và an ninh cũng không phải là ưu tiên trong khi đối ngoại và an ninh là ván cờ trọng đại trong công cuộc xây dựng tòa nhà Liên Âu.

Người ta thường nêu lên thất bại khi đề cập đến nền ngoại giao của Liên Âu: thất bại Balkan máu lửa trong những năm 1990, tại Irak khi Liên Âu chia rẽ giữa nước tán thành và chống đối và người ta tự hỏi: Liên Âu vị tất có nền ngoại giao chung. Trong khi đó tại Mỹ nhà lập thuyết bảo thủ Robert Kagan nhận định Liên Âu yếu đuối hèn nhát lợi dụng cây dù Mỹ để phô trương quan điểm đạo đức. Và sử gia Victor Davis Hanson phụ họa thêm: „Sức mạnh của Mỹ cho phép dân Âu Châu mơ mộng họ sống trên một thế giới thần tiên gồm người theo lẽ phải".

Hiện nay, Liên Âu muốn tự thuyết phục và thuyết phục các nước bạn rằng Liên Âu thật sự cam kết kiến tạo một chánh sách đối ngoại đích thực cho dù Liên Âu thiếu một tiếng nói duy nhất. Liên Âu muốn trở thành một sức mạnh „cứng rắn" khác xa một Liên Âu - sức mạnh để có „phương tiện an ninh" không phải để sản xuất một đối lực trước Mỹ có mặt khắp nơi, nhưng hiện nay thu gọn lại và không còn siêu mạnh.

Từ đây, bộ ba xem như đại diện cơ quan thiết chế của 27 nước Âu Châu bao gồm Chủ Tịch Ủy Ban Jose Manuel Barroso, Chủ Tịch thường trực Hội Đồng, Heman Van Rompuy, đại diện chính sách đối ngoại và an ninh, Catherine Ashton.

Một năm sau được bổ nhiệm, nữ Bá tước Ashton chật vật vượt qua 2 điều bất lợi ban đầu: Bà là người mới vào nghề trên diễn đàn ngoại giao và không có một quân số nào để sử dụng. Nhưng từ 01.12.2010, bà có một công cụ mới là cơ quan đối ngoại gồm 5.000 – 6.000 nhân viên, 136 Đại sứ quán. Để yểm trợ bà Pierre Vimont giữ chức vụ Tổng Thư Ký. Ông sẽ thổi lên một luồng tinh thần mới để tăng cường sự hợp tác giữa các diễn viên ngoại giao Âu Châu. Ông sẽ làm việc với 3 nhà ngoại giao Helga Schmid, Manuel Popowski và Davis O'Sullivan.

Cơ quan đối ngoại với ngân sách 500 triệu Euro có thể trở thành công cụ của một chính sách ngoại giao đích thật với một loạt điều kiện, theo cựu Thủ Tướng Bỉ Guy Verhofstadt: Các nước lớn ngưng xem chính sách đối ngoại là khu vườn riêng tư, kể đến thực tế của thế giới hiện đại. Ông nhận định tiếp, nếu sự việc tiếp tục như trước, nếu các nước hoạt động riêng rẽ thì trong vòng 15 năm, không có nước Âu Châu nào là hội viên G8. Và các nước nổi lên sẽ đoạt chỗ ngồi.

Ngoài ra còn có 4 nguy cơ đe dọa kế hoạch ngoại giao chung: Sa lầy vì quan liêu, chủ quyền quốc gia muốn tỏ rõ bằng mọi giá, lỗ hổng trên lãnh vực tác chiến. Phương tiện quân sự vẫn là then chốt nếu Liên Âu muốn được coi trọng trên lãnh vực an ninh quốc tế. Sau cùng, nữ Bá tước phải đưa ra một chiến lược. Cựu Thủ Tướng Bỉ đã mô tả cái trục ngoại giao mà ông cho là cần thiết: Phải kể đến thực tế của một thế giới bao gồm khoảng 10 cực trọng đại; khẳng định quan hệ xuyên Đại Tây Dương vẫn là thiết yếu nhưng không còn duy nhất nữa; lôi kéo Nga đến gần Liên Âu, càng gần càng tốt, có sự đại diện duy nhất trên nhiều lãnh vực, càng nhiều càng tốt.

*** Chính sách quốc phòng Liên Âu sinh ra từ cuộc khủng hoảng kinh tế**

Được công bố từ nhiều năm nay, nhưng tan dần, nền quốc phòng Âu Châu có thể sinh ra từ hậu quả của cơn khủng hoảng kinh tế? Đây là điều quá tương phản trong lúc các nước quan trọng bắt buộc phải cắt xén ngân sách quốc phòng.

Anh loan báo giảm 8% chi phí quân sự từ đây đến 2015, Đức giảm quân số từ 245.000 quân xuống 180.000 và trang bị trong vòng 5 – 8 năm. Pháp cũng tiết kiệm thêm 3,6 tỷ Euro.

Mỹ rất lo ngại về sự đóng góp của Liên Âu trong việc tài trợ NATO và không che giấu lo âu. Tổng Thư Ký NATO Rasmussen công khai cảnh báo: Nếu Liên Âu không cố gắng, Hoa Thịnh Đốn có thể mau lẹ tìm nước cùng chơi mới về an ninh. Ngày 28 – 29/10, 27 nước hội viên Liên Âu cùng nhau họp tại Bruxelles và hứa hẹn sẽ bàn lại về sự giảm bớt chi phí quốc phòng vào cuối năm 2010, đồng thời tìm ra một công cụ để sử dụng chung. Do đó, có lẽ mỗi nước phải từ bỏ tham vọng quốc gia thừa hưởng thế kỷ trước. Rất còn sớm để nói đến một tham vọng chiến lược đích thật. Nhưng gò bó ngân sách có thể không còn là điều bất lợi để trở thành một cơ may cho nền quốc phòng Liên Âu.

Qua Hiệp ước Lisbonne, 27 nước hội viên Liên Âu đã ấn định một mục tiêu quả thật tham lam. Đặc biệt xây dựng chính sách tự trị về chiến lược và tự bảo vệ. Trong khi sức mạnh của Mỹ trở nên tương đối và các lá bài được chia lại hết sức nhanh trên bình diện thế giới, thì Liên Âu phải đưa ra sự chọn lựa của mình. Hoặc từ chối kế hoạch quốc phòng chung và ẩn náu dưới cây dù NATO, mang hy vọng kiến tạo lại NATO thành cột trụ Liên Âu, như thế có thể vĩnh viễn trở nên thứ yếu. Hoặc tiếp tục triển khai một cách tự trị phương tiện riêng của mình, dân sự cũng như quân sự trong khuôn khổ chính sách đối ngoại rõ ràng xác định. Hợp tác với NATO và ký kết với Mỹ hiệp ước chiến lược toàn bộ.

Chọn lựa 2 đòi hỏi vận dụng hiệp đồng sức mạnh, tương tự về phương tiện và tăng cường hợp tác quân sự. Chọn lựa này đặt nền tảng trên tham vọng chung cho đến giờ còn thiếu sót.

Đi bước đầu, Anh, Pháp 2 cường quốc nguyên tử Âu Châu đã vượt qua bước ngoặc đi về hướng này. Hai bên vừa ký kết hiệp ước hợp tác quốc phòng về quy ước cũng như nguyên tử.

*** Giải Nobel Hòa Bình**

Liu Xiaobo, nhà trí thức lừng danh và gương mặt của phong trào dân chủ Thiên An Môn 1989 nhận giải Nobel Hòa Bình 8.10.2010. Hiện nay, ông chịu hình phạt 11 năm tù vì tội „âm mưu lật đổ chính quyền". Ông là một

https://tieulun.hopto.org

trong những tác giả Hiến Chương 08 đòi hỏi dân chủ tại Trung Quốc.

Cha mẹ Liu là những nhà trí thức Cộng Sản (cha giáo sư đại học). Liu thuộc thế hệ đầu tiên bước vào đại học năm 1977 sau khi Cách Mạng Văn Hóa chấm dứt. Sau khi tốt nghiệp, Liu dạy văn chương Trung Quốc tại Đại Học Sư Phạm (1984). Phong trào trí thức sôi động, Liu không tha ai trong những bài tiểu luận gay gắt. Năm 1987, ông đến dạy tại Oslo Na Uy, sau đó sang Nửu Ước trước khi trở lại Bắc Kinh tham gia phong trào Thiên An Môn. Liu là một trong những nhà trí thức hiếm có sống nhờ ngòi bút. Năm 1996, ông ký tên vào bản kêu gọi mở thông đến giai đoạn hợp tác giữa Quốc Dân Đảng Đài Loan và Đảng Cộng Sản Trung Quốc. Ông lãnh án tù 3 năm.

Hiến chương 08 mà ông tung ra với lý thuyết gia Zhang Zuha là đề nghị thực tiễn đặt để một đối lực trong một xã hội mở mang mau lẹ. Liu bị bắt và hình phạt 11 năm tù mùa Giáng sinh 2009 là cử chỉ chế nhạo cuối cùng trước lời kêu gọi trả tự do cho Liu của Tây phương.

Ám ảnh của đảng Cộng Sản Trung Quốc là đứng trước cuộc cách mạng màu sắc dẫn dắt Đông Âu đến dân chủ nhờ vào những nhân vật có tài thuyết phục. Nhưng khác với một Suu Kyi, một Nelson Mandela đứng đầu những phong trào có cấu trúc, Liu là nhà trí thức hành động đơn độc, không có một tổ chức nào đứng sau lưng. Tuy nhiên, trao giải cho Liu, Ủy ban Nobel và đảng CS TQ tạo ra điều mà các nhà dân chủ; các nhà ly khai cần đến: một nhà lãnh đạo có tầm vóc để mọi người noi theo.

Giải Nobel Liu Xiaobo đặt Trung Quốc trước vấn đề hình ảnh. Giải đã rọi sáng không những tình hình bên trong mà còn vai trò của Bắc Kinh về các quyền căn bản ngoài biên giới đất nước.

Trung Quốc đặt quan hệ ngoại giao với tất cả khách hàng độc tài trên thế giới, Soudan, Zimbabwe, Sri Lanka, Miến Điện, Bắc Hàn v.v... những nước chuyên đàn áp và được Trung Quốc bảo vệ. Tại Liên Hiệp Quốc, Trung Quốc thường đi đôi với Nga ủng hộ, bao che các nhà độc tài nhân danh quyền lợi kinh tế. Trung Quốc góp phần tích cực vào việc duy trì các chế độ phản dân chủ, lạm dụng và làm suy yếu khả năng ảnh hưởng của các nền dân chủ nhất là tại Phi Châu.

Phản ứng dữ dội của Trung Quốc (sự chọn lựa „dơ bẩn") cho thấy áp lực bên ngoài đi ngược chiều. Trước đòi hỏi tôn trọng nhân quyền Trung Quốc tố cáo người ta xen vào nội bộ của mình, các nhà ngoại giao Trung Quốc đi đây đi đó úp mở hăm dọa. Trong trường hợp Liu Xiaobo, phản ứng của quốc tế quá nhẹ nhàng. Tổng Thư Ký Liên Hiệp Quốc có lời tuyên bố cầu kỳ, và ngoài Tổng thống Mỹ và Thủ tướng Đức chào mừng giải Nobel Hòa Bình, các vị lãnh đạo khác như Tổng thống Pháp giữ im lặng.

* Giải Nobel y học, cha đẻ sự thụ thai trong ống nghiệm

Ủy ban Nobel vừa loan báo Giải Nobel Y Học Sinh Lý Học thì Louise Brown 32 tuổi phản ứng như sau: „Tôi rất vui mừng và hạnh phúc vì một trong những người mở đường cho sự thụ thai trong ống nghiệm cuối cùng được tưởng thưởng xứng đáng". Là đứa trẻ đầu tiên ra đời từ ống nghiệm, Louise không thể chào đời nếu Robert Edwarks 85 tuổi (Anh) không bền gan hướng đến mục tiêu duy nhất là giúp đỡ những đôi vợ chồng hiếm muộn. Cô bé Louise sinh ngày 25.7.1978. Bây giờ năm 2010, ông mới nhận giải, nhưng muộn còn hơn không.

Vào những thập niên 1960, một số nhà khoa học bắt đầu làm chủ sự sinh sản trong ống nghiệm và chỉ liên quan đến thú vật. Một vài con thỏ ra đời nhờ phương pháp nầy, năm 1959 tại Mỹ, năm 1963 tại Pháp.

Thụ thai trong ống nghiệm như tên gọi bao hàm phôi thai phải lưu lại trong một vài ngày trong môi trường nuôi dưỡng hoàn toàn nhân tạo. Trong thời gian đầu, người ta dự đoán Louise là trường hợp ngoại lệ. Nhưng tương lai nhanh chóng chứng tỏ đây là một cuộc cách mạng y học và đạo đức. Trong vòng 30 năm, kỹ thuật sinh sản dưới sự trợ giúp của y học đã đẩy lui biên giới của sự hiếm muộn, làm đảo lộn luật thiên nhiên của sự sinh sản, tạo ra tai tiếng (và truyền thống, vì tôn giáo) và không biết bao nhiêu hy vọng.

Tại Anh, cho đến giờ, có tất cả 10.000 trẻ em và trên thế giới có tất cả 4 triệu sinh ra từ ống nghiệm. Trước khi tiếp xúc với nhau, tinh trùng và trứng phải được xử lý để dễ dàng gặp nhau. Một môi trường như thế có thể ảnh hưởng đến sự phát triển và sức khỏe của đứa trẻ? Tại Pháp, các công trình nghiên cứu cho biết, trẻ sinh ra dưới sự trợ giúp của y học (20.000/năm) gặp nguy hiểm nhiều hơn, khoảng 4,24% trước 5 tuổi so với 2% - 3% cho toàn thể dân số: bệnh tim, di tật về hệ thống tiết niệu, sinh dục. Tại Mỹ, bệnh tim, sứt môi tăng 2 lần, dị thường dạ dày, ruột tăng 4 lần. Về nguyên nhân, ngoài sự liên quan đến kỹ thuật, còn phải kể đến tính sinh sản của cha mẹ, về sinh đôi sinh ba v.v... cho nên không thể kết luận dị tật có vì kỹ thuật. Bệnh tật phát triển khi trẻ lớn lên? Người ta chưa thể kết luận. Nghiên cứu về động vật gậm nhấm cho biết, môi trường nuôi dưỡng có thể ảnh hưởng đến tầm vóc. Tại Mỹ, công trình nghiên cứu năm 2008 cho thấy trẻ con 8 – 17 tuổi sinh ra từ ống nghiệm thông minh hơn. Nhưng mức giáo dục của cha mẹ, cương vị xã hội (ly dị, không ly dị) có thể là yếu tố quyết định hơn là kiểu mẫu thụ thai.

Hiện nay, số trẻ con sinh ra từ ông nghiệm tăng dần trong khi nguy hiểm giảm dần. Cho nên điều quan trọng là cha mẹ hiếm muộn nên suy nghĩ đến lợi lộc, cân nhắc nguy hiểm liên quan đến kỹ thuật trước khi quyết định.

* Nobel Vật Lý

Cấp Giải Nobel cho 2 nhà khoa học Nga có công khám phá chất Graphene là thực hiện cuộc đánh cá về tương lai. Thông thường, Hàn Lâm Viện Thụy Điển chọn công trình nghiên cứu nào tỏ ra phong phú sau vài thập niên. Nhưng năm nay, với sự khám phá còn non trẻ (5 năm), Andre Geim và Konstantin Novoselov nhận giải thưởng cao nhất về vật lý. Sự đóng góp của 2 nhà nghiên cứu đại học Manchester (Anh) có tiềm lực cách mạng hóa địa hạt vi điện tử và tin học và có thể đưa những con bọ Silicium (tiêu thụ quá nhiều điện) và màn

https://tieulun.hopto.org

ảnh cứng vào Bảo tàng viện. Họ đã sản xuất năm 2004 vài 1/triệu vuông Graphene có đặc tính kỳ lạ. Đó là một hợp chất Carbone giống như Graphite dùng để làm bút chì hoặc kim cương. Phối hợp Graphene (có bề dày của 1 nguyên tử carbone = 0,17 tỷ thước) với cơ cấu hình 6 cạnh của mạng lưới tinh thể cho nó đặc tính dẫn điện hết sức đặc biệt.

Tháng 2.2010, hai nhà nghiên cứu IBM đăng trên tạp chí Science phương pháp hiệu chỉnh 1 transistor graphene có khả năng hoạt động với tầng số cao (100 GHz). Điện này cho phép thế giới điện tử sử dụng đặc tính kỳ dị của Graphene để giảm bớt sự tiêu dùng các thành phần điện tử và cải thiện hiệu năng.

Ngoài đặc tính dẫn điện, Graphene rất trong suốt và mềm dẻo và chắc (100 lần bền hơn thép trui). Kết hợp với tinh hợp uốn được, Graphene dẫn đường đến điện tử mềm dẻo. Tháng 6.2010, SAMSUNG đã thực hiện màn ảnh mềm dẻo dài 76,2 cm. Kỹ thuật của Samsung sẽ góp phần vào việc phá vỡ chướng ngại quan trọng cho tương lai của các vi vật liệu. Cho đến giờ sự sản xuất các vi vật liệu rộng lớn rất là phức tạp và đắt giá (1 thước vuông Graphene giá 600 triệu Euro). Nhưng vật liệu nền tảng là Carbone có nghĩa là không đắt giá.

*** Nobel Hóa Học**

Vào những năm 1980, các thợ lặn tìm ra 33 m dưới đáy biển Caribê bọt biển có tên Disodermia Dissoluta có năng lực tiết ra phân tử độc chống lại động vật ăn mồi. Chất độc này (Diso Dermolide) có đặc tính tác nhân hóa học quý báu liên quan đến liệu pháp hóa học trong tương lai. Đặc biệt, nó có tác dụng chận đứng tế bào ung thư phát triển (ít nữa trong ống nghiệm). Vấn đề là tài nguyên bọt biển thiên nhiên rất hiếm và số lượng Dermolide từ bọt biển khô rất nhỏ. Do đó, người ta phải tổng hợp quy mô Dermolide trong phòng thí nghiệm.

Ủy ban Nobel mang ra ví dụ này để cấp giải thưởng cho 3 nhà nghiên cứu Richard F. Heck (Mỹ), Ei-Chi Negishi (Nhật) và Akira Suzuki (Nhật) mà công trình cho phép một bước tiến quyết định trong việc tổng hợp những phân tử nêu trên. Điều này sẽ mang đến thành quả cho y học, nông nghiệp hoặc kỹ nghệ điện tử. Ba nhà nghiên cứu đã nghĩ ra phương pháp tổng hợp các phân tử hữu cơ phức tạp mới nhờ vào chất xúc tác rất kiến hiệu là Palladium, một kim loại hiếm.

Điểm then chốt của công trình nghiên cứu là hiện tượng kết hợp các thành phần Carbone xem như nền tảng của tất cả hình thức đời sống. Và ép buộc 2 nguyên tử Carbone quánh lại với nhau là việc làm rất khó khăn. Muốn cho 2 phân tử Carbone gắn bó dễ dàng, các nhà khoa học nhờ đến chất xúc tác như Magnesium trước kia, bây giờ Palladium có tác dụng tốt hơn.

Công trình của 3 nhà nghiên cứu cho phép tổng hợp hơn 100 chất thiên nhiên và các thành phần hoạt tính hữu cơ. Như Paclitaxel (thương phẩm hóa dưới tên Taxol) dùng để chữa ung thư phổi, ngực, buồng trứng. Ví dụ khác: Diazomide từ một động vật tí hon tại biển Phi Luật Tân có tác dụng chống tế bào ung thư ruột già hoặc Dragmacidinf từ bọt biển bờ biển Ý Đại Lợi có tác dụng chống siêu vi Aids Herpes.

Người ta còn sử dụng phương pháp để tổng hợp 2 nghìn tấn sản phẩm diệt nấm hoặc diệt cỏ dùng trong nông nghiệp. Về điện tử, nó cho phép cải thiện hiệu năng của 2 ống điện hữu cơ trong các màn ảnh phẳng.

Đối với Ủy Ban Nobel, bước tiến này có tầm quan trọng đặc biệt cho nhân loại.

*** Nobel Văn Chương**

Trong khi các nhà đánh cá đặt lớn vào nhà văn Kenya Ngugy Wathiong'O, một tác giả gần như vô danh như nhà văn Đức gốc Lỗ Ma Ni Herta Müller giải Nobel 2009 – thì một trong những nhân vật nổi danh trên văn đàn thế giới, Mario Vargas Llosa (MVLL) công dân Peru trúng giải Nobel văn chương lần 105 này. Hai người Mỹ La tinh cuối cùng nhận giải là nhà văn Colombie Gabriel Garcia Marquel (1982) và nhà văn Mễ Tây Cơ Octavio Paz (1990). Chọn lựa vì màu sắc chính trị theo một số người này (MVLL là kẻ thù của các chế độ chuyên quyền), khen thưởng một nhà văn cổ điển theo một số người kia: Hàn lâm viện Thụy Điển cấp phần thưởng cho MVLL vì ông „vẽ lên bản đồ cơ cấu quyền lực và hình ảnh sắc bén của sức đối kháng, các cuộc nổi dậy và sự thất bại của cá nhân".

Từ tập truyện ngắn Les Caids ra đời 1959 đến các tác phẩm gần đây, nhà văn Peru không ngớt tỏ lòng kính trọng khả năng nổi loạn, không tuân mệnh, mơ mộng, sáng tạo của con người. Nói cách khác, khả năng rèn luyện cho mình một số mệnh, một vận mạng ngoài vòng xiềng xích và áp bức.

Viết văn là hành động, ông quan niệm như thế và đối với ông, thiên hướng văn học và ưu tư công dân phải sánh đôi với nhau. Ông không bao giờ chấp nhận văn chương là trò chơi giải trí và nếu là thú tiêu khiển thì đó là thú tiêu khiển đặt vấn đề.

Lúc 26 tuổi, ông thành công với tác phẩm La Ville et Les Chiens. Trong tác phẩm phỏng theo kinh nghiệm của ông tại trường quân sự Leoncio Frado, Lima, MVLL mô tả đời sống sinh viên sĩ quan và kỹ thuật khắt khe của nhà trường. Nhân vật Alberto mệnh danh "nhà thơ" bán cho bạn sách khêu dâm và những bức thơ tình để bạn gởi cho bạn của bạn, "Nhà thơ" xuất hiện như một người không chịu khuất phục vì tin vào ngày mai tươi đẹp, thổi lên cho người khác sức mạnh để chịu đựng hoặc tạo lại cuộc đời. Tác phẩm được dịch ra 30 thứ tiếng.

Tiếp theo là sự nghiệp súc tích và đa dạng với 30 tác phẩm (tiểu thuyết, tiểu luận, truyện ngắn, nghiên cứu, kịch. Ông mổ xẻ các chế độ độc tài, đề cập đến giáo dục tình cảm, phóng đãng 'bởi theo ông phóng đãng dính liền với văn minh', nghiên cứu văn học (văn hào Hugo, Flambert). Ông có ý thức nhạy bén về câu chuyện, dựng nên những câu chuyện hấp dẫn lôi cuốn, những tình tiết mô tả xã hội như rừng sâu, quyền lực dính liền với bạo lực như một biểu lộ đồi bại của con người.

Ông làm việc không biết mệt mỏi, ông là nhà báo, phóng viên, người ham thích nghệ thuật. Không có điều gì có thể ngăn cản sức sống của ông. Tất cả đều cám dỗ ông, ngay cả chính trị.

Ông là nhà văn vượt biên giới văn học và địa lý, đi khắp nơi để bảo vệ niềm tin của ông, tràn đầy nhiệt huyết để nhắc lại đời sống của con người có giá trị hơn bất cứ tư tưởng nào.

https://tieulun.hopto.org

*** Al-Quaida xuất hiện lại**

Sự khám phá những bưu kiện mang chất nổ tại phi trường Dubai và Luân Đôn (30.10) xác nhận Al-Quaida thức giấc sau thời gian dài thiu thiu ngủ. Tin tức không thình lình hiện đến giữa bầu trời quang đãng. Nó xảy ra sau khi Bin Laden nói với Pháp yêu cầu Ba Lê rút quân khỏi A Phú Hãn: "Nếu Pháp tin rằng có quyền cấm phụ nữ Hồi Giáo mang khăn trùm đầu thì Al-Quaida cũng có quyền trục xuất kẻ thâm nhập và cắt cổ họ".

Trong lớp tuồng thứ nhất, người khởi xướng khủng bố quốc tế xuất hiện trên màn ảnh. Sau một thời gian vắng mặt, không ai trông chờ gặp mặt ông. Mục tiêu của ông là cho biết ông vẫn còn sống và không thiếu thứ gì. Ông luôn có khả năng điều khiển những tổ chức khủng bố đang "ngủ" hoặc đang hoạt động và ông càng cảm thấy thoải mái khi thách thức một cường quốc như Pháp.

Trong lớp tuồng thứ hai, Pháp tuyên bố cho đe dọa là thực, nhưng từ chối kẻ khác áp đặt chính sách cho Pháp.

Trong lớp tuồng thứ ba, Tổng Thống Mỹ bước ra sân khấu giải thích cơ quan an ninh phát giác các bưu kiện nhờ tin tức của cơ quan chống khủng bố Saudi Ả Rập, đồng thời xác nhận đe dọa gia tăng nhất là tại Yemen.

Điều này chứng tỏ Al-Quaida đang vây hãm lại địa thế. Tổ chức khủng bố đã phục hồi sau các vụ tấn công nghiêm khắc. Tổ chức đã tổ chức lại hàng ngũ, di chuyển đến 5 nước khác như: A Phú Hãn, Pakistan, Yemen, Irak và Somalie, không kể một vài túi ở Phi Châu. Dần dà, tổ chức đã hồi phục khả năng tổ chức, tấn công khủng bố. Trong 2 năm sau cùng, Al-Quaida đã nỗ lực phá vỡ gọng kềm của các cơ quan an ninh thế giới. Bất chấp các cuộc kiểm soát viễn thông, di chuyển, nhân viên khủng bố luôn tiếp xúc với nhau- Al-Quaida suýt thành công mưu sát tại Mỹ mà không cần đưa người đến.

Những năm gần đây, Al-Quaida lợi dụng cao trào bất khoan dung kẻ khác, kỳ thị kẻ khác trên thế giới Tây phương, nghèo đói, thiếu tự do trên thế giới Hồi Giáo để tuyển mộ thanh niên thiếu hạnh phúc trong xã hội, mơ đến hạnh phúc thiên đàng.

Al-Quaida đã trở lại và cuộc chiến đấu bắt đầu lại. Thiệt hại dính dáng đến mọi người, không ai có thể đứng nhìn như người bàng quang và cuộc chiến đấu này là của trời ban cho Iran.

*** Bắc Hàn: Cha truyền con nối**

Sự thăng chức con trai út của Kim Jong-Il được giải quyết mau lẹ dù người ta dự đoán từ lâu. Thăng lên cấp Tướng 4 sao trước ngày Đại Hội Đảng Cộng Sản, Kim Jong-Un kiêm nhiệm chức Phó Chủ Tịch Quân Ủy Trung Ương. Trong một Thông Điệp gởi đến, Hồ Cẩm Đào khen ngợi đại hội đảng thành công thành lập Ban Lãnh Đạo Tối Cao mới của Đảng Lao Động Cộng Hòa Nhân Dân Triều Tiên.

Kim Jong-Un thăng chức là xác định vị thế mới như người kế vị cha mình, Kim Jong-Il nối nghiệp Kim Nhật Thành mất năm 1994. Trong trường hợp Kim Jong-Il, tiến trình lên ngôi bắt đầu từ thập niên 1970. Lần này, tuổi cao (68) và tình trạng sức khỏe (tai biến mạch máu năm 2008) không cho phép Kim Jong-Il chờ lâu. Sự thăng cấp mau chóng của Kim Jong-Un (27 hoặc 28 tuổi), mà đa số dân Bắc Hàn rất xa lạ, biểu lộ tình trạng khẩn cấp và gây nhiều ngạc nhiên cho ngoại giao đoàn tại Bình Nhưỡng. Người em gái của Kim Jong-Il, Kim Kuong-Hee (64 tuổi) thăng cấp Tướng 4 sao, trở thành Ủy viên Trung ương đảng cũng như Ủy viên Quân ủy Trung ương.

Điều này cũng gợi lên nhiều lời bàn. Thuộc Ủy ban Kỹ nghệ nhẹ đảng Lao Động, Kim Kuong-Hee là vợ của một gương mặt nhiều thế lực của chế độ: Chang Song-Taek, Giám đốc cơ quan an ninh. Tháng 6, ông được đề cử làm Phó Chủ Tịch Ủy Ban Quốc Phòng, cơ quan tối cao nhà nước do Kim Jong-Il làm chủ tịch.

Các vụ bổ nhậm trên chỉ rõ ý đồ củng cố tiến trình nối nghiệp. Em gái và em rể của Chủ Tịch nước có thể thủ vai trò đỡ đầu Kim Jong-Un còn thiếu kinh nghiệm dù đang cùng cha quản lý các hồ sơ quốc gia. Hai người trong gia đình họ Kim thăng cấp Tướng 4 sao chứng tỏ quân đội đã đứng sau lưng tiến trình nối nghiệp. Trong chế độ quân sự thủ vai trò quan trọng, khẩu hiệu "ưu tiên cho quân đội" được tung ra năm 1995 lúc Bắc Hàn đối phó nạn đói ghê gớm.

Các nhà bình luận nêu lên 2 câu hỏi: Sự nối nghiệp không hơn không kém? Bắc Hàn hướng đến sự lãnh đạo tập thể mà Kim Jong-Un là gương mặt bảo đảm liên tục gia đình họ Kim như biểu tượng lý lịch quốc gia? Các nhà quan sát nhấn mạnh đến dòng dõi ý thức hệ trong việc kế nghiệp và mối lo âu bảo đảm ổn định đất nước để tránh lủng củng nội bộ tạo điều kiện tốt cho thế lực bên ngoài xen vào nội bộ quốc gia.

Mặt khác, các chuyên viên nhấn mạnh đến sự bổ nhậm các nhân vật giàu kinh nghiệm đối ngoại như Kang Sok-Ju, cựu Thứ trưởng Ngoại giao trở thành Phó Thủ Tướng, hoặc Kim Gye-Swan, nhà thương lượng trong cuộc đàm phán Bắc-Nam trở thành Thứ trưởng Ngoại giao. Nhưng hiện nay, không ai có thể nói trước Bắc Hàn sẽ đi về hướng nào.

*** Căng thẳng Nga Nhật**

Bốn đảo nhỏ với 15.000 dân đã tác hại đến quan hệ Nga Nhật từ khi đệ nhị thế chiến chấm dứt. Liên Xô thôn tính sau khi Nhật bại trận, quần đảo Kouriles từ đó đến nay là mục tiêu đòi lại của Đông Kinh. 65 năm sau chiến tranh, Nga Nhật chưa ký kết Hiệp ước Hòa bình về tranh chấp chủ quyền "lãnh thổ phía Bắc", một vùng xa xôi giàu tài nguyên cá.

Tổng Thống Nga Madredev là nguyên thủ quốc gia Nga (hoặc Liên Xô) đầu tiên đặt chân lên quần đảo này và tuyên bố mong muốn dân Nga lưu lại mãi nơi đây. 15.000 dân Nhật sống trên quần đảo trước chiến tranh bị trục xuất, dân số hiện tại là dân Nga.

Đông Kinh phản ứng dữ dội, triệu hồi Đại sứ tại Mạc Tư Khoa. Bộ trưởng Ngoại giao Nga lên tiếng không thể chấp nhận thái độ của Nhật, cho rằng Kouriles là lãnh thổ của Nga. Quần đảo thường được nêu lên trong các cuộc gặp gỡ song phương như chưa bao giờ được giải quyết dưới chính quyền Jelzine cũng như Putin. Medredev vừa ngồi lên Điện Cẩm Linh, quan hệ Nga Nhật như được hâm nóng lại. Thủ tướng Nhật xác định đã có điều kiện tốt để 2 bên xem xét các vấn đề chưa giải quyết nhất là Kouriles.

https://tieulun.hopto.org

Tại sao Nhật thay đổi thái độ trong khi Nga loan báo (tháng 9) Tổng thống Medredev sẽ thăm quần đảo một ngày gần đây? Báo chí Nga nhận định Tổng thống Nga phản ứng ngược và lập tức lập chương trình cuộc viếng thăm (3 giờ) để tỏ cho Đông Kinh biết không nên can thiệp vào chính sách đối nội của Nga. Chuyến thăm xảy đến trong bối cảnh địa lý chính trị căng thẳng xung quanh lãnh hải Nhật về một số hòn đảo gần Okinawa.

Medredev chính thức thăm Bắc Kinh lúc khủng hoảng bùng nổ tạo dịp cho Nga Trung Quốc ký bản tuyên ngôn nêu lên tinh thần kháng chiến chống phát xít và quân phiệt Nhật là nền tảng của quan hệ chiến lược hiện tại. Một thông điệp sổ sàng đối với Đông Kinh trong khi Tổng thống Nga đến Nhật tham dự cuộc họp thượng đỉnh APEC tại Yokohama.

*** G20 quá rụt rè**

Trong chính sách của G20, có thể phân biệt 3 giai đoạn. Giai đoạn 1, lúc khủng hoảng cực độ, G2 tung ra 3 thông điệp: 1/ tuyệt đối cứu vớt hệ thống tài chánh; 2/ tránh không cho kinh tế xẹp lại cùng lúc khẳng định như là chính đáng kế hoạch phục hồi kinh tế và thiếu hụt ngân sách, cứu trợ ngành sản xuất xe hơi và kỹ nghệ; 3/ phải gạt bỏ chính sách quan thuế bảo hộ.

Giai đoạn 2: phối hợp cải tổ tài chánh thế giới. Người ta đưa ra nhiều ý kiến như để cho các tổ chức tài chánh chuyên môn - Quỹ Tiền Tệ quốc tế, Diễn đàn ổn định tài chánh – có công cụ điều tiết thích hợp. Nhưng người ta không có quyết định chống lại tài chánh "ma", nhất là sản phẩm không có nền tảng thật sự về kinh tế. Tóm lại, người ta để cho cửa sổ thời cơ khép lại và người ta có bộ sưu tập cải cách quốc gia ít nhiều sâu rộng.

Hiện nay là giai đoạn 3, trở lại sự mất thăng bằng toàn bộ kinh tế và hối đoái, đề tài thảo luận tại Hán Thành trong cuộc họp G20. Vấn đề là toan tính sửa chữa một trong những sự mất thăng bằng quan trọng tiếp theo hiện tượng toàn cầu hóa sự trao đổi: một bên, những nước sản xuất sản phẩm giá rẻ để xuất cảng và tích tụ thặng dư thương mại to lớn (trường hợp Trung Quốc), một bên những nước cuồng nhiệt tiêu dùng nhập cảng và đứng trước thiếu hụt cao ngút (trường hợp Mỹ). Khủng hoảng 2008 phần lớn dính dáng đến sự mất cân bằng này.

Tại Hán Thành, G20 không đưa ra quyết định nào về vấn đề ngoài quyết định giao cho Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế điều hợp một nhóm làm việc thích hợp có nhiệm vụ đề ra vào mùa Xuân 2011 một số biểu số chỉ báo cho phép đánh giá khi nào mất cân đối thương mại đưa đến nguy hiểm.

Để bảo vệ cỗ máy xuất cảng, Trung Quốc muốn giá đồng Yuan thường trực thấp và đối lại, Mỹ gây áp lực nhằm hạ giá đồng đô la. Nhiều nước nổi lên nhận thấy hoặc tiền tệ hoặc thị trường bất động sản của mình trở thành những giá trị nương tựa và lo sợ bong bóng đầu cơ thành hình. Trong bối cảnh phi lý này, người ta ghi nhận điều tương phản: đồng Euro thoát khỏi ngoại hối được định giá cao chỉ vì một khủng hoảng mới đang đe dọa tiền tệ thống nhất, đe dọa đang lấp ló tại Ái Nhĩ Lan và lôi kéo giá Euro xuống thấp.

Vấn đề chỉnh đốn rất chậm và liên quan đến phương cách sáng tạo tài sản trong thời điểm toàn cầu hóa. Người ta không dễ tái định hướng nền kinh tế bằng cách kích thích sự tiêu dùng nội địa (điều mà Trung Quốc cần làm) cũng như tái lèo lái một nền kinh tế khác bằng cách xuất cảng (điều mà Mỹ muốn làm).

Phần lớn khủng hoảng tài chánh đã bay qua và với nó giai đoạn đoàn kết quốc tế đặc biệt. Trước vực sâu, người ta cùng nhau sát cánh. Thời bình thường tương đối, một lần nữa tự kỷ hoặc quyền lợi quốc gia (tùy theo quan điểm) thắng thế. Đây là điều xảy ra tại Hán Thành ngày 11/11.

*** Cuộc họp các giải Nobel Hòa Bình tại Hiroshima**

Thật là điều hy hữu khi Trung Quốc phô bày 2 gương mặt khác nhau cùng trên một lãnh thổ, trên khoảng cách 500 Km. Tại Yokohama, nơi diễn đàn hợp tác kinh tế Á Châu – Thái Bình Dương (APEC) bắt đầu ngày 13/11, Trung Quốc mà đại diện là Hồ Cẩm Đào biểu dương sức mạnh nhưng không phải là không kiêu căng. Cùng lúc Hiroshima đón tiếp cuộc họp của các giải Nobel Hòa Bình lần 11 và một Trung Quốc khác với tiếng nói của các nhà đối lập trước một hệ thống chính trị áp bức ai kháng cự lại.

Hai gương mặt đại diện Trung Quốc này: Đức Đạt Lai Lạt Ma, nhà lãnh đạo tinh thần cộng đồng Tây Tạng lưu vong, giải Nobel Hòa Bình 1989 và Wuer Kaixi được mời phát biểu ý kiến nhân danh Liu Xiaobo, giải Nobel Hòa Bình 2010 đang bị giam tại miền Bắc Trung Quốc. Gốc Ouighour, Kaixi trước kia là một trong những người lãnh đạo "Mùa Xuân Bắc Kinh" 1989 đang sống tại Đài Loan. Ông bày tỏ "cơn giận và thất vọng trước một hệ thống hung bạo, phi lý và yêu cầu đối thoại với chế độ để tiến tới cải cách".

Đức Đạt Lai Lạt Ma nhấn mạnh "Liu Xiaobo không bao giờ tìm cách lật đổ chính quyền Trung Quốc, nhưng mong muốn mang đến chút gì cởi mở. Giải Nobel này công nhận sự nghiệp chính đáng của ông và khuyến khích những ai cùng tranh đấu với ông. Phản ứng thô bạo của các nhà lãnh đạo Trung Quốc chứng tỏ họ không thể thờ ơ trước sự công nhận này, giải thưởng đặt họ trước một tình thế gay go và bắt buộc họ phải suy nghĩ".

"Áp lực đối với một chế độ như Trung Quốc có thể kiến hiệu nếu các nhà dân chủ không bỏ quên giá trị của mình". Ngài nói tiếp: "Các chế độ dân chủ không nên nghĩ đến lợi lộc kinh tế. Giá trị con người không thể bị hy sinh trước chủ nghĩa vật chất".

"Trung Quốc tiến bộ hơn Ấn Độ về kinh tế, nhưng Ấn Độ có giá trị (nhà nước pháp quyền, dân chủ, tự do phát biểu) hơn Trung Quốc". Ngài đi xa hơn nữa: "Tây Tạng là nước nhỏ so với Trung Quốc, nhưng chúng tôi có sức mạnh tinh thần. Vũ khí có hiệu quả quyết định, nhưng không bền; trong dài hạn, sức mạnh nội tâm và lòng trắc ẩn sẽ chiến thắng".

Cuộc họp Hiroshima được đánh dấu bởi nhiều người vắng mặt. Sự vắng mặt của Liu Xiaobo và Suu Kyi, giải Nobel Hòa Bình 1991 cũng như giải Nobel Hòa Bình 2009, Barack Obama. Đức Đạt Lai Lạt Ma ngắn gọn: "Tổng thống Mỹ có lý do của ông. Barack Obama có thể đến Hiroshima với tư cách người trúng giải Nobel, không phải với tư cách Tổng thống Mỹ. Nhưng khó phân biệt chức vị với con người tại một nơi biểu tượng như thành phố lãnh bom nguyên tử? Cuộc họp lần 11 này dành cho "gia sản Hiroshima": một thế giới không vũ khí hạt nhân, một đề tài quý báu cho Tổng thống Mỹ, nhưng ông có

https://tieulun.hopto.org

thể gặp tại chỗ những nhân vật gây "phiền hà" như Đức Đạt Lai Lạt Ma và nhà đối lập Trung Quốc.

*** Miến Điện: Bài học Aung San Suu Kyi**

Tin tức lan đi khắp Rangoun đêm 13 rạng 14/11: Aung San Suu Kyi được tự do sau 7 năm gánh chịu chế độ quản thúc tại gia hết sức khắt nghiệt. Từ lâu, bà cho biết bà chấp nhận sự trả tự do này với điều kiện bà có tự do đi lại trên toàn lãnh thổ quốc gia, có tự do tỏ thái độ chính trị.

Gương mặt đứng mũi chịu sào phong trào dân chủ Miến Điện đã sống những ngày tháng đen tối trong vòng 15 trên 21 năm lúc ở trong tù, lúc bị quản thúc. Bà là người thể hiện tinh thần kháng chiến chống quân phiệt nắm quyền từ 1962 sau nhiều lần lột xác. Một gương mặt không nhượng bộ kiểu Gandhi, cương quyết không thối lui trước độc tài, phải trả giá đắt cho lòng dũng cảm của mình.

Không ai có thể thờ ơ trước người phụ nữ gầy yếu 65 tuổi với ý chí sắt đá nổi lên từ ngục tù, sống xa thế giới bên ngoài tại căn nhà đổ nát cạnh một hồ tại Rangoun - người ta uổng công chờ đợi nhìn thấy trong thái độ của nhà đối lập chống quân phiệt cầm quyền Miến Điện những dấu hiệu cay đắng hoặc hận thù dưới hình thức này hoặc hình thức khác. Trong những năm tháng cô lập, chồng bà mất tại Anh, và bà sống chia cách với 2 con của bà. Đảng của bà bị chế độ giải tán, hơn 2.000 đối lập vào tù. Ngày hôm nay, vừa được tự do, giải Nobel Hòa Bình với nụ cười thanh thản, vui mừng gặp lại đồng bào và bà chỉ nói đến hòa giải quốc gia.

Nhiều người trước bà, ở những nước khác cũng đối đầu với chế độ cực quyền, cũng như bà đánh cuộc và đã thắng. Viện sĩ Andrei Sakharov được tự do năm 1988 hứa hẹn tiếp tục tranh đấu cho dân chủ. Hai nhà đối lập Ba Lan Adam Michnik và Jacek Kuron được tự do năm 1984 cũng bày tỏ quyết tâm tranh đấu cho tự do. Tại Mạc Tư Khoa cũng như tại Varsovie, lòng cương nghị của họ góp phần không nhỏ vào sự sụp đổ của chế độ cộng sản một vài năm sau.

Tại Miến Điện, không có điều gì chắc chắn sau cuộc bầu cử gian lận 7/11 mà mục tiêu là duy trì ghế ngồi cho nhóm quân phiệt. Aung Suu Kyi lo đối xử khéo léo với các Tướng lãnh trong bài diễn văn đầu tiên của người phụ nữ tự do. Nhà đối lập mà người ta chỉ trích thái độ khư khư bây giờ chìa tay ra bắt độc tài. Hiện giờ, các Tướng lãnh giữ im lặng. Nhưng nhiều dấu hiệu – cho đám đông hoan hô "phu nhân bên hồ", cho các nhà ngoại giao gặp bà, cơ quan ngôn luận nhà nước loan tin "con gái của Tướng Aung San, người anh hùng dân tộc của nền độc lập Miến Điện" – cho thấy chế độ cho muốn làm gì thì làm với điều kiện nổi hân hoan gặp lại không đi quá đà.

Bởi trong một đất nước bí hiểm như Miến Điện, hoan hô chiến thắng rất là khó khăn. Bà không ngần ngại yêu cầu quốc tế bãi bỏ trừng phạt Miến Điện, hy vọng các nền dân chủ Tây phương thực hiện một vụ mua bán với chế độ độc tài Miến Điện: trả tự do cho tất cả tù nhân chính trị đổi lấy sự bãi bỏ trừng phạt. •

Nhật Bản Mở - Việt Nam Đóng

(tiếp theo trang 121)

Phan Thanh Giản khi ở Pháp cũng thấy những tiến bộ về khoa học và kỹ thuật của Pháp. Khi về Việt Nam, ông cũng đề nghị canh tân. Nhưng vua và triều thần đều từ chối. Ông đã than thở:

Từ ngày đi sứ ở Tây kinh,
Thấy việc Âu châu bỗng giật mình.
Kêu tỉnh đồng bang mau kíp bước,
Hết lời năn nỉ chẳng ai tin.

Đầu óc u tối của vua quan đã hóa thành đá quá rắn chắc, không ai có thể làm mềm được. Nhưng các vị này cứ hô hào đánh; dân chết bao nhiêu cũng đánh; đất nước bị tàn phá bao nhiêu cũng đánh.

Nhưng do sự chênh lệch về tài năng và vũ khí như đã kể trên, Pháp dần dần chiếm thêm các phần khác, và Việt Nam phải ký tiếp theo một số hòa ước khác hợp thức hóa cho cuộc chiếm đóng của họ. Sau khi chiếm Bắc Việt, tháng Năm năm 1884, Pháp ký hòa ước Thiên Tân (Tientsin) với Trung Quốc, chấm dứt 2.000 năm ảnh hưởng nặng nề của Trung Quốc đối với Việt Nam.

(Tôi muốn điểm qua những sai lầm và hưởng thụ của các vua Nguyễn- Phước kế tiếp. 5: Dục Đức, 6: Hiệp Hòa, 7: Kiến Phúc, 8: Hàm Nghi, 9: Đồng Khánh, 10: Thành Thái, 11: Duy Tân, 12: Khải Định, 13: Bảo Đại. Nhưng bài này đã dài tối đa dành cho một tạp chí. Nó sẽ được tiếp tục trong bài tới).

Pháp dùng chữ Việt ngữ, mà đã được phát triển và xử dụng từ năm 1620 lần lượt của các vị cố đạo người Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Ý, và Pháp trong việc viết kinh và các bài giảng của đạo Thiên Chúa giáo, để tổ chức một hệ thống giáo dục dùng tiếng Việt mà người Việt đang nói mà ai cũng có thể học đươc. Nhưng vua quan chống đối dữ dội và lên án là chữ do Pháp đặt ra; họ chỉ muốn học chữ Nho của Tàu. Chữ Nôm, phiên âm tiếng Việt, viết còn khó hơn chữ Tàu nên chỉ vài phần trăm miệt mài mấy chục năm mới đọc và viết được.

Mãi đầu thế kỷ XX, với phong trào Duy Tân của Phan Chu Trinh, vua quan Việt Nam mới chịu thua và công nhận chữ Việt ngữ, viết tiếng Việt mà người dân đang nói, làm nền tảng cho hệ thống trường học của Việt Nam. •

(Tác Giả dịch phần đầu của chương "Dullness, Connivance, and Corruption" trong tác phẩm Assessments on Vietnam's History).

Sách Tham Khảo:

1- Basho, Matsuo, "Haiku" and "Narrow Road to the Deep North." Saikaku, Ihara. "*Japan External Storehouse*. The Longman Anthology World Literature. Ed David Damrosch, et al. Vol. D. Longman New York, 2004. 415-29.

2- Nam Hoai Bao: Chữ Nhật Bản - Một Hỗn Hợp Của Chữ Quốc Gia và Ngoại Quốc. Tác giả xuất bản. Không có chi tiết khác. Tr. 57-69 và 185.

3- Đỗ Quang Chính: Lịch Sử Việt Nam & Lịch Sử Thế Giới. Ra Khơi SG xb. 1962.

4- Hoàng Cơ Thụy: Việt Sử Khảo Luận. 44 Ave. d'Ivy 75013 Paris. Nam Á, 2002. 626 - 2864. •

https://tieulun.hopto.org

Giới thiệu sách Phật học

MƯỜI HAI NHÂN DUYÊN

Tác giả: Thiền Sư **Sayadaw U Sīlānanda**
Soạn dịch: **Thiện Anh Phạm Phú Luyện**

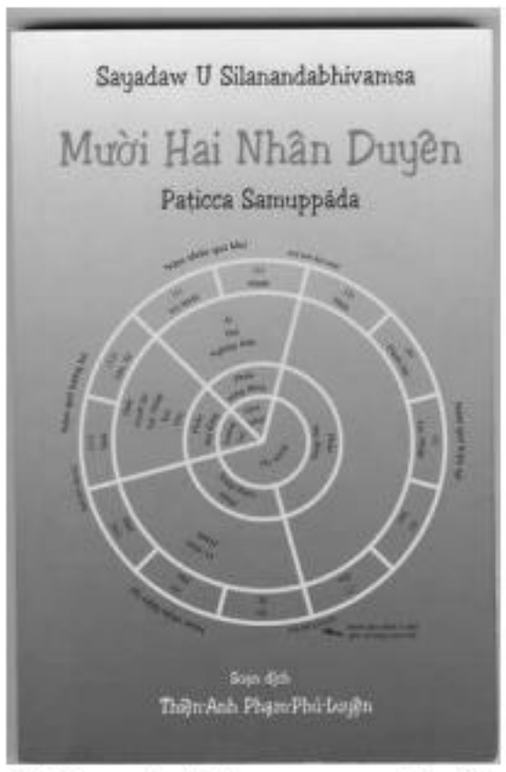

a- Sơ lược về tác giả:
Thiền Sư U Sīlānanda sinh ngày 16.12.1927 tại Mandalay, Miến Điện, là một trong những biên tập viên về Kinh Điển và Chú Giải tại kỳ Kiết Tập Kinh Điển Lần Thứ Sáu (Sixth Buddhist Council) tại Ngưỡng Quang, Miến Điện, từ năm 1954 đến 1956. Năm 1954, ngài đỗ kỳ thi về Phật Học nổi tiếng là khó nhất ở Miến Điện và có danh hiệu là "abhivamsa" thêm vào tên của ngài là: U Sīlānandabhivamsa. Ngài là Viện trưởng Đại Học International Therevada of Yangon (1999-2005). Năm 1979, ngài được sư phụ là Thiền Sư Sayadaw Mahāsi (một vị thiền sư lỗi lạc và nổi tiếng bậc nhất tại Miến Điện) lựa chọn đi hoằng pháp và hướng dẫn thiền tập tại Hoa Kỳ và ngoại quốc. Với sứ mạng này ngài U Sīlānanda đi hướng dẫn thiền tập và giảng dạy kinh Vi Diệu Pháp (Ahidhamma), kinh Đại Niệm Xứ... tại Hoa Kỳ, Nhật Bản, Đại Hàn, Âu Châu, Mễ tây Cơ và Tích Lan. Ngài là Cố vấn tinh thần cho hội Phật Giáo Nguyên Thủy tại Hoa Kỳ (TBSA: Therevada Buddhist Society of America). Ngài cũng là Hòa Thượng trụ trì Tu viện Dhammananda Vihara Monastery ở Half Moon Bay, California và là Thiền Sư Trưởng Như Lai Thiền Viện ở San Jose, California, USA. Ngài là tác giả nhiều cuốn sách bằng tiếng Miến và tiếng Anh, trong đó có cuốn "The Four Foundations of Mindfulness" (Tứ Niệm Xứ) phát hành rộng rãi. Ngài được các trường đại học University of California, Berkeley và Stanford University mời đến diễn thuyết. Ngài còn được chính phủ Miến ghi nhận công trình hoằng pháp bằng cách phong tặng danh hiệu Đại Trí Tuệ Agga Maha Pandita vào tháng 3.1993 và danh hiệu Đại Pháp Sư Agga Maha Saddhammajotika vào tháng 3.1999. Đặc biệt tại Như Lai Thiền Viện ngài đã hướng dẫn thiền tập, giảng dạy Phật Pháp cho nhiều Phật tử Việt và Miến khoảng từ 1992 cho đến khi ngài viên tịch vào tháng 8 năm 2005 tại South San Franscisco, California.

b- Sơ lược về xuất xứ: Cuốn "Mười Hai Nhân Duyên" được soạn dịch từ một loạt bài giảng bằng tiếng Anh của ngài U Sīlānanda. Một thiền sinh của ngài là đạo hữu Thiện Anh Phạm Phú Luyện soạn dịch ra tiếng Việt. Song song với cuốn này có cuốn tiếng Anh do U Hla Myint cũng dựa vào cùng các bài giảng của ngài U Sīlānanda để soạn thành sách với tựa đề "Dependent Origination". Hai cuốn này cùng một xuất xứ nhưng được soạn bằng hai ngôn ngữ khác nhau. Theo lời của người soạn dịch, cuốn "Mười Hai Nhân Duyên" (ấn tống 2008) được soạn dịch độc lập với cuốn "Dependent Origination" của U Hla Myint (cũng do Như Lai Thiền Viện ấn tống, vào năm 2010); bản tiếng Việt không phải là bản dịch từ bản tiếng Anh. Đạo hữu Phạm Phú Luyện (Ph.D) là một trong những thành viên nòng cốt của nhóm sáng lập ra Như Lai Thiền Viện và hiện nay là Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị của Như Lai Thiền Viện. Đạo hữu Luyện cũng là người phụ trách Ban Tu Thư Như Lai Thiền Viện, đã ấn tống được khoảng 30 cuốn sách về Phật Pháp bằng Việt ngữ và Anh ngữ.

c- Sơ lược về nội dung: Mười Hai Nhân Duyên hay Pháp Duyên Sinh (còn gọi là Lý Duyên Khởi hay là Thập Nhị Nhân Duyên) là một pháp rất thâm sâu và quan trọng trong Phật Pháp. Pháp Duyên Sinh có nghĩa là tất cả các pháp hay hiện tượng hữu vi đều cần có điều kiện mới sanh khởi được, nói một cách khác các hiện tượng vật lý (sắc) và tâm lý (danh) làm điều kiện cho các hiện tượng vật lý và tâm lý khác sinh khởi. Thực quả là khó khăn cho người viết lời giới thiệu có thể giới thiệu đầy đủ nội dung cuốn sách này chỉ trên vài trang giấy vì sự phức tạp của đề tài và sự khó khăn của việc giải thích các khía cạnh của đề tài. Thiền Sư nói rằng đã có giải thích chi tiết về Pháp Duyên Sinh trong các Chú Giải cổ xưa; ngài Thiền Sư dựa vào luận thư Thanh Tịnh Đạo (Visuddhi Magga) và Chú Giải Vi Diệu Pháp (Atthasalini) của Luận Sư Phật Minh (Buddhaghosa) để giải thích 11 Tương Quan của 12 Nhân Duyên, theo công thức sau đây:

(1) "Vô Minh duyên Hành" nghĩa là ***"Do Vô Minh làm điều kiện, Hành Nghiệp sanh khởi";***
(2) "Hành Duyên Thức" nghĩa là ***"Do Hành Nghiệp làm điều kiện, Thức sanh khởi";***
(3) "Thức Duyên Danh Sắc" nghĩa là ***"Do Thức làm điều kiện, Danh Sắc sanh khởi";***
(4) "Danh Sắc duyên Lục Nhập" nghĩa là ***"Do Danh Sắc làm điều kiện, Lục Nhập sanh khởi";***
(5) "Lục Nhập duyên Xúc" nghĩa là ***"Do Lục Nhập làm điều kiện, Xúc sanh khởi";***
(6) "Xúc duyên Thọ" nghĩa là ***"Do Xúc làm điều kiện, Thọ sanh khởi";***
(7) "Thọ duyên Ái" nghĩa là ***"Do Thọ làm điều kiện, Ái sanh khởi";***
(8) "Ái duyên Thủ" nghĩa là ***"Do Ái làm điều kiện, Thủ sanh khởi";***
(9) "Thủ duyên Hữu" nghĩa là ***"Do Thủ làm điều kiện, Hữu sanh khởi";***
(10) "Hữu duyên Sinh" nghĩa là ***"Do Hữu làm điều kiện, Sinh sanh khởi";***
(11) "Sinh duyên Lão, Tử và Sầu, Bi, Khổ, Ưu, Não" nghĩa là ***"Do Sinh làm điều kiện nên Lão, Tử và Sầu, Bi, Khổ, Ưu, Não sanh khởi".***

Câu kết luận: ***"Đó là toàn bộ một khối khổ đau".***

- Trên đây là công thức của Pháp Duyên Sinh, trong đó Duyên (Paccayā) có hai nghĩa là ***"điều kiện nguyên nhân"*** và ***"điều kiện hỗ trợ"*** tùy theo trường hợp. Ví dụ trong Tương Quan (2) Hành Nghiệp là nguyên nhân làm cho Thức sinh khởi. Thức ở đây là Kiết Sanh Thức, do Nghiệp tạo ra trong quá khứ khiến tái sinh trong kiếp này; đó là nhân quá khứ và quả hiện tại. Tương quan thứ (7) giữa Thọ và Ái là tương quan giữa nhân hiện tại

https://tieulun.hopto.org

và quả hiện tại. Ngoài ra tương quan thứ (10), Hữu duyên Sinh, là tương quan giữa nhân hiện tại và quả tương lai. Còn Duyên trong các Tương Quan khác chỉ là điều kiện hỗ trợ. Cái gì làm điều kiện cho Danh và Sắc sanh khởi? Đó chính là Thức, một Tâm Quả còn gọi là Dị Thục Tâm (vipāka). Ngay lúc thụ thai làm người, tâm dị thục sanh khởi do kết quả của Nghiệp trong kiếp trước được gọi là Kiết Sanh Thức hay Thức Tái Sanh (còn gọi là Tâm Tục Sinh). Cùng với Tâm Quả này là một số Tâm Sở và vài tính chất ở dạng hạt tử vi tế (sắc pháp của kiếp sống mới). Kết hợp ba yếu tố thức tái sanh, tâm sở và sắc pháp này được gọi là thụ thai.

- Vô Minh là điều kiện nền tảng cho Pháp Duyên Sinh nhưng không phải là nguyên nhân đầu tiên vì chính Vô Minh chịu điều kiện của già, bệnh, chết... Những điều kiện hay các yếu tố duyên sinh trong Mười Hai Nhân Duyên liên hệ với nhau theo một vòng bánh xe gồm những mắt xích liên tục dính vào nhau, còn được gọi là Vòng Luân Hồi.

- Pháp Duyên Sinh bao gồm không những chỉ một nhưng là ba kiếp sống. Vô Minh và Hành thuộc kiếp đã qua. Thức, Danh Sắc, Lục Nhập, Xúc, Thọ, Ái, Thủ và Hữu Nghiệp (một phần của Hữu, kamma bhava) thuộc kiếp đang sống. Sinh Hữu (upapatti bhava, một phần khác của Hữu có nghĩa là tái sinh) và Lão, Tử thuộc về kiếp sắp tới. Như vậy Pháp Duyên Sinh có ba Thời: Quá Khứ, Hiện Tại và Tương Lai. Bánh xe Luân Hồi còn có thể chia ra ba Vòng: Vòng Ô Nhiễm, Vòng Nghiệp Lực và Vòng Quả. Vòng Ô Nhiễm gồm Vô Minh, Ái và Thủ. Vòng Nghiệp gồm Hành Nghiệp và Hữu Nghiệp. Vòng Quả gồm Thức, Danh Sắc, Lục Nhập, Xúc, Thọ, Sinh và Lão Tử (xin chú ý đến biểu đồ Bánh xe luân hồi).

- Một điều căn bản cần hiểu về nguyên nhân nền tảng của Pháp Duyên Sinh hay nguyên nhân gốc của đời sống: Nguyên nhân này chính là Vô Minh và Ái Dục. Vô Minh đứng đầu một nhóm từ Vô Minh đến Thọ và Ái Dục đứng đầu một nhóm khác từ Ái đến Lão, Tử. Chúng là động lực mạnh mẽ nhất để kéo dài đời sống và nỗi khổ trong kiếp luân hồi. Bao lâu còn Vô Minh và Ái Dục thì vẫn còn tái sanh, triền miên đau khổ từ kiếp này qua kiếp khác.

- Pháp Duyên Sinh là một pháp rất thâm sâu, chính Đức Phật đã nói vậy; vì thế, cũng giống như các đề tài thâm sâu khác, độc giả hay người học Phật Pháp cần phải có một căn bản Phật Học, nhất là về Vi Diệu Pháp (Abhidhamma), để có thể hiểu được trọn vẹn đề tài khó hiểu này. Ví dụ để hiểu Vô Minh và Hành Nghiệp tương quan theo nhiều điều kiện hay cách thế khác nhau thì rất là phức tạp, cần có kiến thức về 24 điều kiện tương quan hay là Duyên Hệ Duyên (patthāna) trong Vi Diệu Pháp. Tuy nói vậy, Thiền Sư vẫn kể hai câu chuyện có người giác ngộ giáo pháp không cần nhiều tới Pháp Học. Đề tài quả phức tạp, nhưng Thiền Sư đã có một lối giảng dạy rất rõ ràng, mạch lạc, một luận chứng vững chắc giúp chúng ta có thể hiểu được những điểm cốt yếu của pháp này. Hiểu được Pháp Duyên Sinh thì chúng ta biết mọi hiện tượng hữu vi đều cần có điều kiện mới sanh khởi được, nhờ vậy ta không rơi vào tà kiến là vạn vật do một đấng tạo hóa nào đó tạo ra hoặc tin rằng có một linh hồn trường cửu đi từ kiếp này qua kiếp khác, ta hiểu rằng Thức tái sanh chỉ do Nghiệp đã làm từ trước...

- Tuy Vòng Luân Hồi thấy thật khó khăn để thoát ra, tưởng như là vô vọng. Nhưng một điều đặc biệt không tìm thấy trong các sách hoặc bài giảng khác về Pháp Duyên Sinh là Thiền Sư đã chỉ cho chúng ta một kẽ hở trong Mười Hai Nhân Duyên để có thể làm đứt đoạn sự liên tục của bánh xe luân hồi: kẽ hở đó là ở tương quan ***"Thọ Duyên Ái"***. Nếu làm được điều gì mà Ái không sanh khởi mặc dầu có Thọ, ta sẽ bẻ gãy vòng luân hồi tại tương quan này, và khi bị bẻ gãy, tất cả đều bị phá vỡ... Nhưng như thế nào ta có thể bẻ gãy tương quan "Ái Duyên Thọ"? Đó chính là hành thiền Minh Sát Niệm Xứ. Ngài Thiền Sư giảng rằng khi thực tập thiền Minh Sát ta ghi nhận những gì xảy ra trong giây phút hiện tại. Chẳng hạn ghi nhận "đau, đau, đau" khi bị đau, cơn đau không kéo dài mãi, sẽ chấm dứt; khi ghi nhận khổ thọ thì Ái sẽ không sanh khởi từ khổ thọ này. Khi cảm thấy thoải mái tức có lạc thọ, nếu nhớ ghi nhận (chánh niệm), ta sẽ thấy lạc thọ sanh khởi rồi hoại diệt nên không bị dính mắc vào lạc thọ. Dù có khổ thọ hay lạc thọ, nhưng <u>nhờ chánh niệm ghi nhận ta không bị dính mắc vào Thọ cho nên Ái không sanh khởi</u>. Đây là tương quan duy nhất trong 11 tương quan mà ta có thể bẻ gãy được bánh xe luân hồi. Tuy nhiên sự bẻ gãy này chỉ xảy ra ngay trong giây phút hiện tại đối với đối tượng đang được chú niệm mà thôi. Khi chánh niệm ghi nhận và kinh nghiệm được đặc tính Vô Thường, Khổ và Vô Ngã của đối tượng, ta sẽ không có Tham Ái sanh khởi từ Cảm Thọ đối với đối tượng. Sự cắt đứt tương quan này còn yếu ớt và tạm thời so với sự phá vỡ rốt ráo khi đạt được Đạo Tâm và Quả Tâm khi giác ngộ. Tuy nhiên, vì vòng luân hồi quả thực khó khăn để thoát ra, việc bẻ gãy một mắc xích của bánh xe đã là một công việc to lớn lắm rồi: ít ra ta cũng không dính mắc vào những gì ta đang chánh niệm theo dõi. Nếu tiếp tục thực tập, kiên trì hành thiền Minh Sát, một lúc nào đó, ta bẻ gãy vòng luân hồi một cách vĩnh viễn; đạt được như vậy, tâm ta không còn những khuynh hướng ô nhiễm ngủ ngầm kể cả tham ái. Sau tương quan này sẽ không còn tương quan nào nữa hết, "toàn bộ khối khổ đau" sẽ kết thúc. *Học hỏi Mười Hai Nhân Duyên để hiểu tại sao chúng ta đã phải trôi nổi đau khổ qua bao nhiêu kiếp và cũng để tìm thấy con đường đưa đến giải thoát sinh tử luân hồi.*

(Sách này là sách ấn tống của Như Lai Thiền Viện, có thể thỉnh bằng cách liên lạc với Như Lai Thiền Viện, 1215 Lucretia Ave, San Jose, CA 95122; Tel.: 408-294-4536; <u>www.tathagata.org</u>).

• Liễu Pháp
11.2010)

Trả lời chung cho những độc giả muốn thỉnh sách "Vua Milinda Vấn Đạo" :

Dịch giả cho biết số sách này còn rất ít vì đã phát hành tại một số chùa ở trong nước Mỹ và gởi đi nhiều nơi. Cước phí bưu điện khá cao khi gởi ra ngoài nước Mỹ, như qua Âu Châu chẳng hạn, nên quí vị nào muốn thỉnh sách thì liên lạc thẳng với dịch giả:

Mr. Tôn Thất Đào
1163 Sunset Drive – Woodburry, Minesota 55125 - USA
Tel.: (+1) 651-735-3513

Sách ấn tống để biếu không, tuy nhiên các độc giả ở xa muốn thỉnh sách phải chịu tiền cước phí bưu điện.

Trong thời gian chờ đợi, độc giả có thể lần lượt đọc từng kỳ trên các số báo Viên Giác. ***(Viên Giác).***

https://tieulun.hopto.org

Phân Ưu
Cáo Phó
Cảm Tạ

Phân Ưu

Được tin Nhạc phụ của Đạo hữu Trần Mạnh Thắng, Chi Hội Trưởng Chi Hội PTVNTN tại Hannover và VPC là Ông:

NGUYỄN KỲ DIỆN
Pháp danh: Thiện Thành
Sanh ngày 15 .06.1931 tại Quảng Ngãi
Tạ thế ngày 23. 10. 2010 tại Hildesheim
Thượng thọ 80 tuổi

Chúng tôi xin chân thành chia buồn cùng gia đình Đạo hữu Thắng và Tang quyến, đồng thời thành tâm cầu nguyện Hương linh cụ Thiện Thành sớm vãng sanh về miền Cực Lạc.
- HT. Phương Trượng chùa Viên Giác
- Đại Đức Trụ Trì và Quý Thầy Cô chùa Viên Giác
- Hội và các Chi Hội PTVNTN tại Đức
- Ban Hộ Trì Tam Bảo chùa Viên Giác

Cảm Tạ

Tang gia chúng con/chúng tôi xin kính tri ân và cảm tạ:
- Sư Bà, Quý Sư Cô và Phật Tử chùa Bảo Quang Hamburg;
- Hội Người Việt Tỵ Nạn Cộng Sản Hamburg;
- Ban Cao Niên thuộc Hội NVTNCS tại Hamburg;
- Cùng tất cả Quý Cô Bác, Anh Chị Em, Bạn bè, Thân hữu đã đến dự Lễ Cầu Siêu và đưa tiễn đến nơi an nghỉ cuối cùng của Chồng, Cha, Ông chúng tôi là Ông:

ĐỖ VÂN HÙNG
Pháp danh: Phúc Hào
Sanh ngày: 18.11.1946
Tạ thế ngày: 19.10.2010 tại Hamburg
Hưởng thọ 65 tuổi

Chúng tôi xin chân thành cảm tạ đến quý vị đã gởi đến gia đình chúng tôi những lời an ủi và phân ưu.
Trong lúc tang gia đau buồn, có điều gì sơ sót , kính mong quí chư Tôn Đức và quý vị niệm tình hỷ thứ.

Tang gia đồng cảm tạ:
-Vợ: Bùi Thị Chúc.
-Trưởng Nữ: Đỗ Thị Thanh Hồng Điệp, Chồng & Con;
-Thứ Nữ: Đỗ Thị Thanh Hồ Điệp
-Thứ Nữ: Đỗ Thị Thanh Thảo Uyên, Chồng & Con;
-Thứ Nữ: Đỗ Thị Thanh Thiên Lý
-Thứ Nam: Đỗ Trường Dũng.

Cáo Phó & Cảm Tạ

Gia đình chúng tôi thành kính báo tin cùng thân bằng quyến thuộc và bạn bè thân hữu gần xa: Chồng, Em, Anh, Cha, Ông Nội, Ông Ngoại của chúng tôi là

Ông NGUYỄN VĂN CỪU
Pháp danh: Đồng Thoát
Sinh ngày 02.03.1931 Tân Mùi tại Nam Định
Đã mệnh chung lúc 8 giờ 30 ngày 10.10.2010 tại Wiesbaden, Đức Quốc, nhằm ngày mồng 3 tháng 9 năm Canh Dần. Thượng thọ 80 tuổi.

Tang lễ đã được cử hành theo nghi thức Phật Giáo vào lúc 11 giờ ngày 20.10.2010 tại Nghĩa trang Wiesbaden-Delkenheim.

Đồng thời chúng tôi/chúng con thành kính tri ân và cảm tạ:
-Hòa Thượng Thích Như Điển, Phương Trượng chùa Viên Giác tại Hannover;
-Đại Đức Thích Hạnh Tâm, Tu Viện Viên Đức tại Ravensburg;
-Chi Hội Phật Tử Việt Nam Tỵ Nạn tại Wiesbaden & VPC
-Chị Hội Phật Tử Việt Nam Tỵ Nạn tại Aschaffenburg & VPC
-Hội Cao Niên tại Frankfurt & VPC
-Cùng tất cả quí Bác, Cô, Chú, Anh Chị Em đã điện thoại, thăm viếng, tụng Kinh Cầu Siêu, tham dự Lễ Tang.
Trong lúc tang gia bối rối, có điều gì khiếm khuyết, kính mong quí chư Tôn Đức cùng tất cả quí vị niệm tình hỷ thứ.

Tang gia đồng kính bái:
-Chị: Nguyễn Thị Nhan và gia đình.
-Em: Nguyễn Văn Dùi và gia đình.
-Em: Nguyễn Văn Cháp và gia đình.
-Em: Nguyễn Thị Dậu và gia đình.
-Vợ: Lê Thị Cậy.
-Trưởng Nam: Nguyễn Đăng Quỳ, vợ và các con.
-Thứ Nam: Nguyễn Quang Thiều.
-Thứ Nam: Nguyễn Ngọc Bích.
-Trưởng Nữ: Nguyễn Thị Thục và chồng.
-Thứ Nữ: Nguyễn Thị Kim Liên.
-Thứ Nữ: Nguyễn Thị Thanh Hương, chồng và các con
-Thứ Nữ: Nguyễn Thị Anh Đào và chồng.
-Dâu: Trần Thị Tuyết Trinh và con.

HỘI NGƯỜI VIỆT TỴ NẠN CỘNG SẢN MÖNCHENGLADABACH

Phân Ưu

Nhận tin buồn Thân Phụ của Ông Bà Nguyễn Thanh Văn, Chủ Tịch UBĐHCTĐT của CĐNV tại CHLB Đức

Cụ Ông NGUYỄN KỲ DIỆN
Sinh ngày 15.06.1931 tại Tư Thành Quảng Ngãi
Đã tạ thế vào lúc 2 giờ 30 sáng ngày 23.10.2010 tại Hildesheim - Đức Quốc

Chúng tôi thành kính Phân Ưu và Chia Buồn cùng Ông Bà và tang quyến.
Nguyện cầu Hương linh Cụ Ông siêu sanh Tịnh Độ về cõi Cực Lạc.

Ban Chấp Hành
HNVTNCS. Mönchengladabach & Vùng phụ cận

https://tieulun.hopto.org

Cảm Tạ

Chúng con / Chúng tôi thành tâm cảm niệm công đức Sư Cô Thích Nữ Tuệ Đàm Nghiêm đến từ Chùa Bảo Quang / Hamburg và Ban Hộ Niệm Chi Hội Phật Tử Việt Nam Tỵ Nạn tại Aschaffenburg & VPC, đã đến Phát Tang, Hộ niệm, Tụng Kinh Cầu siêu cũng như làm lễ Tiễn Linh, Di Linh và An Linh cho Mẹ, Bà của chúng tôi. Đồng thời chúng tôi cũng không quên thành thật cảm ơn Quý Thân Bằng Quyến Thuộc, Quý Đồng Hương đã đến phúng điếu cũng như tiễn đưa đến nơi an nghỉ cuối cùng Hương Linh Mẹ, Bà chúng tôi:

Cụ Bà NGUYỄN THỊ NGÃO
Pháp Danh Diệu Viên
Sanh ngày 09-03-1924
Mất ngày 19-10-2010
nhằm ngày 12-09 Âm lịch năm Canh Dần
Thượng Thọ 87 tuổi

Trong lúc Tang gia bối rối, nếu có điều chi sơ xuất kính mong Sư Cô, Quý Đạo Hữu, Quý Đồng Hương niệm tình hoan hỉ hỷ xả cho.

- Con Trai: Lê Văn Kính
- Con Trai: Lê Văn Bổn
  Con Dâu: Lê Sanong
  Cháu nội: Lê Stefan, Lê Simone & Lê Martin.
- Con Trai : Lê Ngọc Vá
  Con Dâu : Kiều Thị Nga
  Cháu Nội :Lê Ngọc Tuấn & Lê Ngọc Thắng
- Con Trai : Lê Văn Nhỏ
  Con Dâu : Lê Võ Thị Tuyết Hằng
  Cháu nội :Lê Sandra, Lê Tommy, Lê Lisa, Lê Monika & Lê John.

Tang gia đồng cảm niệm

Cảm Tạ

Gia đình chúng con thành thật tri ân:
-Thầy Thích Hạnh Tâm đến từ Tu Viện Viên Đức Ravensburg,
-Chi Hội Phật Tử VNTN tại Aschaffenburg & VPC,
-Quý Bà con, Bạn bè đã đến tụng kinh, làm lễ phát tang cũng như tiễn đưa về nơi an nghỉ cuối cùng Hương Linh Chồng, Cha của chúng tôi là:

LIU NHƯ TRÍ
Sanh ngày 08.02.1953 năm Quý Tỵ
Mất ngày 25.09.1010 năm Canh Dần
Hưởng dương 58 tuổi

Trong lúc tang gia bối rối, nếu có điều chi sơ suất kính mong tất cả Quý Liệt Vị niệm tình tha thứ cho.

-Vợ: Lau Liu Man Muối.
- Con trai: Liu Sy Sin
-Con trai: Liu Kin Sy

Báo Tin

Thay mặt Chi Hội Phật Tử Việt Nam Tỵ Nạn tại Aschaffenburg & VPC. Chúng tôi trân trọng báo tin đến toàn thể Quý Đạo Hữu, Quý Đồng Hương.

Cụ Bà NGUYỄN THỊ NGÃO
Pháp Danh Diệu Viên
là Cựu Cố Vấn của Chi Hội chúng tôi, thuận theo lý Sanh, Diệt, đã xả bỏ báo thân vào ngày 19.10.2010 nhằm ngày 12 tháng 09 Âm Lịch năm Canh Dần. Thượng Thọ 87 tuổi.

Nay chúng tôi kính xin Thông Báo tin này đến tất cả Quý Liệt Vị. Đồng thời chúng tôi thành tâm nguyện cầu Hương Linh Đạo Hữu Diệu Viên sớm Vãng Sanh Cực Lạc Cảnh.
* Chi Hội Phật Tử Việt Nam Tỵ Nạn tại Aschaffenburg và VPC.

Cáo Phó & Cảm Tạ

Trong đau buồn ly biệt, gia đình chúng tôi xin kính báo đến quý bạn hữu xa gần. Chồng, Cha, Ông của chúng tôi là:

Ông Nguyễn Kỳ Diện
Pháp danh Thiện Thành

đã mệnh chung lúc 2 giờ 30 sáng ngày 23.10.2010 tại Hildesheim, Đức Quốc.
Hưởng thọ 79 tuổi.
Nghi thức hỏa táng đã được cử hành vào lúc 10 giờ ngày 30.10.2010 tại Hildesheim và nghi thức cầu siêu được cử hành lúc 12 giờ cùng ngày tại chùa Viên Giác, Hannover, Đức Quốc.

Tang gia xin chân thành cảm tạ và tri ân:
- Hòa Thượng Phương Trượng và Chư Tôn Đức chùa Viên Giác
- Ban Hộ Niệm & Quý Phật tử tại Hannover & Vùng phụ cận
- Radio Việt Nam Hải Ngoại – Âu Châu
- Đảng Việt Tân tại Đức & Âu Châu
- UBĐH Công tác Đấu Tranh & Tổ Chức SHNVTN tại CHLB Đức.
- Hội Bà Mẹ Công Giáo tại Đức.
- Nhóm 401, Ghe 116, Cap Anamur 11
- Hội Người Việt TNCS tại Mönchengladbach.
- Liên Hội Người Việt TNCS tại CHLB Đức
- Tập thể CCSVCH tại CHLB Đức.
- Cùng tất cả các thân bằng quyến thuộc, bạn hữu xa gần đã viếng thăm, phân ưu, phúng điếu, góp lời cầu nguyện tiễn đưa người thân của chúng tôi.

Trong lúc tang gia bối rối, có thể có những điều thiếu sót, xin quý vị niệm tình tha thứ.

Tang gia đồng cảm tạ
- Bà quả phụ Nguyễn Kỳ Diện,
- Nguyễn Thanh Văn, Trưởng nam cùng các em, dâu, rể và con, cháu.

https://tieulun.hopto.org

Thành Kính Phân Ưu

Được tin buồn,

Cụ Ông NGUYỄN KỲ DIỆN
Sanh ngày 15.06.1931, tai Việt-Nam
Tạ thế ngày 23.10.2010 tại Đức Quốc.

Là thân phụ Ông Nguyễn Thanh Văn, Ông Nguyễn Thanh Tâm và Ông Nguyễn Văn Cường thuộc ghe 116 Cap Anamur 11.

Chúng tôi, ghe 116 Cap Anamur 11, xin chân thành phân ưu cùng Cụ Bà và đại gia quyến. Thành kính cầu nguyện cho Hương hồn Cụ Ông sớm về cõi an lạc.

Gia Đình: Hồ Văn Thái, Lê Văn Đàng, Nguyễn Văn Hoa, Lê Thị Ngọc Anh, Nguyễn Thị Anh Đào, Phan Bá Hồ, Cao Tấn Hưng, Vũ Long, Nguyễn Văn Ngọc, Nguyễn Tấn Thành, Nguyễn Tấn Dõng, Nguyễn Văn Lộc, Bùi Thị Mỹ Dung, Thị Bích Hồng Rupp, Nguyễn Anh Dũng, Nguyễn Việt Hùng, Hồ Quý Khanh, Nguyễn Kim Đĩnh, Vũ Văn Chược, Vũ Thị Mai, Nguyễn Văn Hy, Nguyễn Duy Kiên, Nguyễn Nam, Nguyễn Văn Minh, Dương Thị Mai Khanh, Lê Hồng Cẩn, Nguyễn văn Tâm, Nguyễn Mạnh Tuấn, Bùi Ngọc Toàn, Nguyễn Văn Tới, Hà Văn Thành, Thiện Giáo Nguyễn Xuân Nghiêm.

Cáo Phó - Cảm Tạ

Gia đình chúng tôi/chúng con vô cùng thương tiếc báo tin buồn cùng thân bằng quyến thuộc và các bạn hữu xa gần: Chị, Mẹ, Bà Nội chúng tôi/chúng con là:

Bà TÔ THỊ SẮNG
Sinh ngày 24.06.1925
Đã từ trần lúc 14 giờ 20 phút ngày 01.11.2010
tại Bayreuth. Thượng thọ 85 tuổi.

Lễ hỏa táng đã được cử hành vào lúc 9 giờ 30 phút ngày 04.11.2010 tại Süd Friedhof Bayreuth.

Chúng tôi/chúng con chân thành cảm tạ:
-Quý Ông, Bà, Cô, Bác, Anh, Chị, Em đã đến thăm viếng, tặng hoa, vòng hoa và tham dự lễ tang đưa tiễn.

Trong lúc tang gia bối không tránh được những điều thiếu sót. Kính mong quý vị niệm tính tha thứ.

Tang gia đồng cảm tạ:

-Gđ. Tô Thị Hoa – Em - Việt Nam
-Gđ. Tô Thị Vân – Em - Đức
-Gđ. Tô Thành Quang – Em - Đức
-Gđ. Tô Cẩm Hưng – Em – Úc
-Gđ. Tô Cẩm Xuân – Em - Việt Nam
-Trưởng Nam: Nguyễn Văn Chiếu cùng vợ và các con.

Phân Ưu

Nhận được tin buồn, Hiền Mẫu của anh Nguyễn Văn Chiếu, Chị Hai của anh Tô Thành Quang, là:

Cụ Bà TÔ THỊ SẮNG

Sinh ngày 24.06.1925
Đã từ trần ngày 01.11.2010 tại Bayreuth.
Thượng thọ 85 tuổi.

Chúng tôi xin chân thành chia buồn cùng gia đình anh Nguyễn Văn Chiếu và anh Tô Thành Quang cùng Tang quyến; đồng thời thành tâm cầu nguyện Hương linh Cụ Bà Tô Thị Sắng sớm được vãng sanh Cực Lạc.

-Gđ. Anh Chị Nguyễn Văn Long
-Gđ. Anh Chị Đào Minh Sáng
-Gđ. Châu Bảo Chương & Lê Thị Hoa
-Gđ. Tô Hoàng Dũng
-Gđ. Nguyễn Đức Mạnh
-Gđ. Cường & Huệ
-Gđ. Vũ Thị Thường.

Phân Ưu

Nhận được tin buồn, hiền mẫu của chị NGUYỄN THỊ ĐOAN TRANG là:

Cụ Bà NGUYỄN THỊ CÁT
Sinh ngày 05- 04- 1924
đã từ trần ngày 02-11-2010,
lúc 3 giờ (26-09 năm Canh Dần)
tại Hà Nội.
Thượng thọ 86 tuổi.

Chúng tôi xin chân thành chia buồn cùng chị Trang và Tang Quyến; đồng thời thành tâm cầu nguyện Hương Linh cụ bà NGUYỄN THỊ CÁT sớm được vãng sanh Cực Lạc.

- Gđ. Châu Bảo Chương & Lê thị Hoa
- Gđ. anh chị Đào Minh Sáng
- Gđ. Vũ thị Thường
- Gđ. Cường-Huệ, Tiến Anh-Đào
- Gđ. Nguyễn Đức Mạnh

Cùng tất cả đồng hương thân hữu tại Bayreuth.

https://tieulun.hopto.org

Phương danh cúng dường

(*Tính đến ngày 01.12.2010*)

Trong thời gian gần đây, Chùa Viên Giác có nhận được tiền của quý Đạo Hữu gửi bằng cách chuyển qua Ngân Hàng hay bằng Bưu Phiếu, nhưng không ghi rõ mục đích. Thí dụ như Cúng Dường, Tu Bổ Chùa, Ấn Tống Kinh, Pháp Bảo hoặc trả tiền bánh trái v.v...

Ngoài ra có Đạo Hữu nhờ người khác đứng tên chuyển tiền nhưng không rõ chuyển tiền dùm cho ai để Cúng Dường hoặc thanh toán vấn đề gì. Do đó khi nhận được tiền, Chùa không thể nào ghi vào sổ sách được.

Để tránh những trở ngại nêu trên, kính xin quý Đạo Hữu khi chuyển tiền hoặc gửi tiền về Chùa nhớ ghi rõ Họ & Tên, địa chỉ đầy đủ và mục đích để Chùa tiện ghi vào sổ sách.

Ngoài ra khi quý vị xem Phương Danh Cúng Dường xin đọc phần trên cùng là tính đến ngày?... tháng?.... để biết rằng tiền đã chuyển đi ngày nào và tại sao chưa có tên trong danh sách. Chùa có 2 số Konto. Riêng số 870-3449 thì Một Tháng ngân hàng mới báo một lần, nên có sự chậm trễ đăng tải danh sách trên báo. Tu Viện Viên Đức cũng đã có số Konto (xin xem phía sau). Kính xin quý vị thông cảm cho.

Thành thật cám ơn quý Đạo Hữu.

Danh sách PDCD của quý Đạo Hữu & Phật Tử, chúng tôi xin phép chỉ đánh máy một lần chữ **ĐH** (Đạo Hữu) ở bên trên.

* Tam Bảo

ĐH. Hứa Thiện Thanh 20€. Minh Phát (Friedrichshafen) 200€. Thiện Giới & Thiện Vân („) 200€. Chi Hội Phật Tử VNTN (Bodensee) 200€. NPĐ Tam Bảo (Reutlingen) 300€. Chiêm Thị Hiền („) 100€. Đồng Viên Trương Ngọc Toàn („) 200€. Cô Đồng Yến („) 100€. Thiện Thảo, Thiện Dau, Thiện Phô („) 100€. Đồng Thảo Mã Anh Thy (Pforzheim) 50€. PT. Hương („) 100€. Thiện Đức (Sigmarinnen) 200€. Diệu Hiền Nguyễn Thị Kim Xinh (Stuttgart) 50€. Đồng Nguyện („) 100€. Chùa Tâm Giác (München) 500€. Ân Thủy („) 100€. Thiện Kim („) 100€. Diệu Phúc (Krefeld) 100€. Thiện Từ (Wiesbaden) 110€. Chi Hội Phật Tử VNTN (Karlsruhe) 500€. Ẩn danh („) 140€. Thiện Thanh & Thiện Thọ („) 20€. Diệu Tuyết (Heilbronn) 20€. Nguyễn Mạnh Hùng (Lindau) 100€ HHHL Nguyễn Văn Duyên. Thiện Đức („) 40€. Nguyễn Viễn Phương (Koblenz) 50€. Thiện Hảo („) 50€. Nguyễn Thị Nguyên Hòa („) 50€. Ẩn danh (Frankenthal) 20€. Ẩn danh (Peine) 50€. Chi Hội Phật Tử VNTN (Bad Kreuznach) 300€. Mỹ Hỷ („) 5€. Chơn Minh („) 5€. Chơn Bích („) 10€. Thiện Tú („) 10€. Diệu Lộc Kim Hên („) 50€. Đồng An (Düren) 5€. Đồng Hạnh („) 5€. Nhựt Trọng (Mannheim) 100€. Chi Hội Phật Tử VNTN (Wiesbaden) 500€. HHHL Nguyễn Văn Cửu („) 100€. Trần Anh Tuấn („) 20€. Hồng Vinh („) 20€. Ngô Thành Cát („) 30 Thiện Đắc Lê Thị Nam („) 70€. Huệ Nhẫn („) 50€. Ẩn danh („) 140€. Thiện Huê (Frankfurt) 100€. Đồng Tụy („) 100€. Đồng Kệ & Thiện Cao (Freiburg) 50€. Thiện Lâm & Diệu Phụng (Langen) 45€. ĐH. Long (Áo) 100€. Đồng Hải, Vân & Đà (Ravensburg) 100€. Tâm Lý & Quảng Hương 100€. Chùa Linh Thứu (Berlin) 600€. Gđ. Cô Hạnh Ngọc („) 100€. Diệu Bình („) 100€. Ẩn danh („) 50€. Quảng Thái (Hannover) 50€. Thiện Hương (Hildesheim) 50€. Tâm Thảo & Thiện Tuệ (Stuttgart) 100€. Cô Thông Chiếu 100€. Nguyễn Thị Thanh 50€. Nguyễn Thị Luyến 20€. Trần Văn Danh & Trần Thị Phúc 30€. Bành Tâm Sơn (Wiesbaden) 10€. Trịnh Quốc Lâm 50€. Nguyễn Thị Nguyệt 20€. Bùi Thu Thủy 5€. Viên Tuyết 50€. Đào Xuân Thành 5€. Lan Thảo 10€. Thảo Trường 50€. Đông Bich Hà 10€. Trương Thị Kỷ 20€. Nguyễn Thành Vinh 10€. Nguyễn Văn Hùng 5€. Nguyễn Thị Thu 10€. Nguyễn Duy Hai 10€. Fam. Lâm Sang 20€. Wilai Hesse 20€. Nguyễn Thanh Hương 30€. Vũ Đình Tiệp 50€. Trần Đức Toàn 10€. Duoc Knoll 20€. Sui Long Lam 5€. Chu Hải Yến 10€. Trần Thị Xuân 20€. Gđ. Phạm Quang 30€. Phạm Quỳnh Nga 40€. Trần Văn Điệp 20€. Lê Văn Một 200€ HHHL Lê Văn Tư. Gđ. Nguyễn Thị Hương 50€. Chu Hoa Duyên 10€. Bohn Nguyen My 10€. Trần Hoàng Việt 20€. Đặng Thị Hồng Vinh 10€. Đặng Thị Hoài Phương 20€. Bùi Minh Hải 10€. Bùi Mạnh Cường 15€. Nguyễn Thị Hồng 10€. Thiện Diệu 20€. Nguyễn Thị Chi 5€. Triệu Thanh 20€. Đinh Văn Hiền 10€. Ngeyuang Frinkler 20€. Lý Trinh Châu 20€. Gđ. Tuyền Phượng 40€. Gđ. Trần Ngọc Dũng 20€. Gđ. Đào- Lê - Trần - Ngô - Đỗ 110€. Edgar Glomb 10€. Phạm Huỳnh Nga 10€. Trịnh Võ Thanh 10€. Nguyễn Quang Chánh 50€. Vy Thị Nguyệt 20€. Tạ Viết Tiến 20€. Nguyễn Thị Tuyết Mai 20€. Lê Hồng Thủy 10€. Đặng Thị Hà 5€. HL. Margita Laue 50€. Nguyễn Thị Lệ Hằng 25€. Lê Văn Sứng 10€. Trần Thị Nguyệt 21€. Nguyễn Ngọc Lâm 20€. Baute 12€. Fam. Ansari 10€. Đỗ Đại Dương 20€. Nguyễn Thị Minh 20€. Thiện Căn & Diệu Nữ 100€. Nguyễn Bích Hợp 10€. Tạ Thanh Bình 50€. Trương Thị Kỷ 200€. Ngô Long Du 30€. Gđ. Nam Nhung 20€. Vũ Huy Toản 20€. Thu Hiền Wittkowsky 5€. Ngô Thị Ngọc Oanh 5€. Nguyễn Thị Thu 20€. Hoàng Thị Tân (Hannover) 30€. Thủy Nguyên 5€. Nguyễn Quý Hạnh 20€. Như Lộc (Hamburg) 50€. Gđ. Họ Sầm (D'dorf) 800€ HHHL Đồng Tịch Lê Thị Thuần. Gđ. Châu Thành Lợi (Wiesbaden) 150€. Bùi Thị Lan 100€. Fam. Stäbner 50€. Nguyễn Thị Liên Hương 10€. Ngô Ngọc Quang 30€. Võ Kim Hoa 100€. Trịnh Thị Nam 140€. Khúc Tony 15€. Đoàn Thi My 25€. Sầm Tuyên Trương 30€. Dương Anh Tuấn 30€. Lương Eddie 70€. Trương Ngọc Phương 80€. Nguyễn Văn Phương 100€. Trần Thị Xuân 50€. Nguyễn Lan Hương 7€. Viên Tuyết 50€. Hoàng Văn Chiến 100€. Hai Kelichhaus 5€. Nguyễn Bạch Yến 35€. Nguyễn Ngọc Huỳnh 10€. Dương Thị Được Knoll 20€. Nguyễn Thị Lan 30€. Đoàn Tuyết Anh 20€. Familie Ansan 10€. Nguyễn Văn Tắc 10€. Gđ. Trần Duyệt Hùng 20€. Nguyễn-Long 20€. Edger Glomb 10€. Nguyễn Thị Thu Hiền 10€. Chu Thị Hồng 20€. Trần Hải Hòa 50€. HL. Đinh Văn Chính 100€. Tô Thị Cúc 50€. Đặng Thị Hương Lan 150€ HHHL Đặng Davis. Familie Hasse 55€. Huỳnh Thị Hà Hưng 10€. Vi Minh La 20€. Nguyễn Thị Kiều Vân 30€. Nguyễn Văn Phúc 125€. Trần Anh Duy 20€. Đặng Thị Ngàn 30€. Nguyễn Văn Hiến 20€. Chu Hải Yến 10€. Phạm Quỳnh Nga 20€. Long Thi Cúc 20€. Trương Thị Bích Nga 10€. Gđ. Thành & Hoa 20€. Đỗ Thị Kim Oanh 10€. Ba Thi Hanh 10€. Gđ. Nguyễn Huy Hiển 5€. Gđ. Đặng Đình Khánh 5€. Nguyễn Thanh Tùng 5€. Lưu Ngọc Tường 54€. Thái Giang (Mannheim) 100€. Trương Văn Lang (Bissendorf) 50€. Huế Wollenberg (Moers) 30€. Diệp Thị Sơn (Aalen) 20€. Nguyễn Thị Duyên (Bỉ) 20€. (Nürnberg): Cô Mai 100€ HHHL thân phụ. P.N. 50€. (Pháp): Lê Phương Lan 30€. Vương Hữu Hoành 40€. Huỳnh Thị Bé (Helmstedt) 10€. (Thụy Sĩ): Thái Nguyễn Thị Chua 100€. Lê Thái Bảo 30€. Nguyễn Thị Thế Phương (Hof) 20€. Hélène Châu (Diệu Hoa) (France) 30€. (Hannover): Đinh Văn Hiền 30€. Trần Hoàng Việt 30€. (München): Mai Thị Mơ 50€. Gđ. Đặng Việt Cường 10€. Gđ. Ngô Thị Lư 5€. (Karlsruhe): Đào Trọng H. 1000€. Kim Nguyên 50€. Thiện Thọ 100€. Nguyễn Bùi (Hattstedt) 20€. (Hildesheim): Nguyễn Phước Hạ Uyên 20€. Nguyễn Văn Hùng 5€. (Rostock): Đỗ Thị Dung 10€. Dương Thị Minh Loan 50€. Nguyễn Hoàng Lan Thị Nữ (Alfeld) 5€. Lê Mạnh Hiền (Garbsen) 30€. Văn Thành Chung (Monheim) 20€. Nguyễn Thị Anh (Hachenburg) 60€. Trần Thị Duyên (Mülheim) 20€. Thái Thị Thu (Hameln) 100€. Ludwig Thi Thanh (Wittlich) 30€. Tịnh Khoa (Seevetal) 60€. (Berlin): Trần Thị Mỹ Lệ 20€. Đức Anh Großmann 20€. Nguyễn Hữu Thảo (Dortmund) 50€. (Torgau): Vi Thị Minh 20€. Đặng Hồng Việt 10€. Hồng Đỗ (Schwerin) 10€. Nguyễn Thanh Phương (Memmingen) 20€. Nguyễn Thị Tuyết Mai (Weinbach) 20€. Tsang (Holland) 30€. Thiện Luận Minh Thảo (Hannover) 20€. Nguyễn Thị Liên Hương 10€.

* Báo Viên Giác

ĐH. Vương Hạnh Nhơn (D'dorf) 50€. Đồng Hương (Reutlingen) 20€. Mạc Sầu Căn (Speyer) 50€. Đặng Văn Hậu (Offenburg) 20€. Virasith Kham Thach (France) 60€. Nguyễn Mai (Schweiz) 50FS. Ngô Thành Cát (Wiesbaden) 20€. Nguyễn Chánh Trực (Berlin) 30€. Trần Thị Phúc (Fürth) 30€. Nhật & Hồng Nguyễn Mạnh 20€. Lê Chí Dũng 30€. Bắc Ngô Xuân 30€. Quan Huệ Phương 20€. Nguyễn Hữu Mừng Chi 35€. Trần Hữu Minh 20€. Kam Choi Tsang 50€. Mai Bùi 70€. Bùi Thị Chúc 50€. Lê Anh Nguyễn 20€. Nguyễn Thị Nguyệt 30€. Lương Văn Đặng 20€. Huỳnh Văn Sang 40€. Lê Hữu (Dominique Hoàng) 10€. Trần Văn Sanh 30€. Lê Kiều Trang 20€. Minh Lâm & Diễm Yến Vân 20€. Nguyễn Thị Thanh & Lâm Lê Dinh 35€. Lâm Kim Ngân 50€. Phạm Đình Kha 20€. Nguyễn Thị Thu Lan 30€. Trần Kim (Stuttgart) 20€. Tạ Nguyệt Trinh 20€. Trần Thị Thu Thảo 20€. Đặng Thị Hằng Teckner 20€. Phương Thế Hùng 20€. Nguyễn Lễ 30€. Võ Trần Thị Tuyết Mai 120€. Vương Ngô Oan Nga 10€. Georg Schiebe 20€. Trần Thị Tâm 20€. Huỳnh Thế Mỹ 20€. Lê Thị Xuân Diên 40€. Đào Tuấn Hùng 35€. Ngọc Hương Küsters 20€. Len Thi Ritchie 50€. Nguyễn Thị Thu Hương 35€. Trịnh Thị Hoài Thu 20€. Hùng D. Nguyễn 36€. Trương Tấn Nhi 30€. Phan Văn Thanh 30€. Đinh Thị Yến 20€. Dương Việt Long 20€. Đỗ Mạnh Cường 20€. Lương Eddie 30€. Kinh Huy & Vinh Ngọc Lư 20€. Văn Quan & Kim Tâm Nguyễn 20€. Lê Hữu Nghĩa Kaarst 20€. Trịnh Quốc Thắng 20€. Huỳnh Thị Ngọc Thanh 20€. Nguyễn Bá Thơ 25€. Phan Kim Liên 20€. Lê Hoàng Để (Asbach) 20€. Đặng Văn Luận (Eislingen) 20€. Nguyễn Văn Hùng (Kleinostheim) 25€. Hà Phạm (Tönisvorst) 120€. Tô Thị Thanh / Nguyễn Thị T. Duyên (Lübeck) 50€. Hoàng Phong Ngô (Bielefeld) 50€. (USA): Sầm Nguyên Học 70€. Trương Thị Ân 28€. T. U. Nguyễn 35€. Hải Trung Lê 14€. (Thụy Sĩ): Nguyễn Thanh Trúc 28€. Nguyễn Thanh Quang (Hòa Lan) 30€. (Hamburg): Trịnh Quang Khánh 20€. Phạm Ngọc Quan 20€. Trần Thị Kim Quyên 15€. Huỳnh Khương Ninh 20€. Trần Ngọc Thạch 20€. Uông Minh Đức 20€. Huế Wollenberg (Moers) 20€. (Krefeld): Đinh Bá Hùng 30€. Nguyễn Lê Anh 30€. Anh Tuấn Trần (Mannheim) 20€. Huỳnh Anh Dũng (Italy) 20€. Vũ Thị Tâm (Schorndorf) 20€. Phạm Thị Kim Tiên (Essen) 10€. Trúc Đào Beige (Leverkusen) 20€. (Pháp): Trương Hoàng Liên 100€. Lý Nguyễn Thị Cúc 50€. Lê Văn Hoanh 30€. Lê Phương Lan 30€. Lê Diễm Hồng 20€. Vương Hữu Hoành 60€. Sư Cô Đàm Thăng 40€. Bùi Hữu Đạo 20€. Lai Thị Minh Tâm (Magstadt) 20€. Nguyễn Công Khai (Cham) 80€. Bành Văn Phong (Wiesbaden) 30€. (Canada): Nữ Linh Chi 50€. Phạm Thị Tuyết 30€. Nguyễn Thị Hiền 21€. Chiêm Thị Ghết (Finland) 30€. (Steinfurt): Thanh Long Nguyễn 50€. Trần Khương Ninh 20€. Đỗ Thị Hiền (Schweiz) 50€. Lê Văn Hải (Erding) 20€. (Úc): Hồ Văn Đầu 72€. Vũ Văn Hào 72€. Trần Thị Thu Hằng (Biberach) 60€. Nguyễn Tứ Hùng (Lünen) 20€. Cam Van Lung (Reutlingen) 20€. Ngô Văn Xuân (Mühlheim) 20€. Võ Thanh Chi Lan (Erlensee) 30€. (Bonn): Nguyễn Kim Hoa 20€. Nguyễn Văn Thuận 20€. Nguyễn Hồng Vân (Nürnberg) 20€. Lê Văn Lộc (Dingolfing) 20€. (Düsseldorf): Vương Tấn Phong 20€. Trương B. Kiêm 20€. Phạm Đăng Dũng (Lindenberg/Allgäu) 50€. Cao Thị Thanh Liên (Kulmbach) 15€. Vương Khắc Vũ (Borkum) 30€. Weber Thị Thúy Phượng (Frechen) 20€. (Áo): Kim Anh Haden 34€. Trần Trinh Hiếu 30€. (Berlin): Loana Lieu 20€. Cindy Khanh Nguyễn 20€. Nguyễn Thị Thu Hiền (Barsinghausen) 20€. (Bỉ): Lâm Văn Hoa 20€. Nguyễn Văn Mạnh 30€. Ngô Thanh Tri (Sigmaringen) 20€. (Bremen): Vũ Văn Chước 20€. Phan Kim Liên 20€. (Anh): Dương Văn Lý 11€. Bùi Việt Ái 25€. Kim Nguyên (Karlsruhe) 50€. Ngô Trần Thị Bích Thủy (Malsch) 30€. Văn Thành Chung (Monheim) 50€. Lý Thị Kim Huê (France) 30€. Nguyễn Thị Hạnh (Saarbrücken) 30€. Đoàn Minh Thận (Burggau) 20€. Nguyễn Thị Thái (Neuenhaus) 40€. Huỳnh Thị Bích Ngọc (Würzburg) 20€. Jeannie Khuê Nguyễn (Köln) 20€. Đỗ Chiêu Cang (Herford) 20€. Thái Thị Thu (Hameln) 50€. Triệu Chí Đức (Völklingen) 20€. Thanh Nguyễn (Pforzheim) 20€. Nguyễn Thị Lan (Sweden) 40€. Hồ Châu (Laatzen) 20€. Lê Minh Dũng (St. Gallen) 33€. Ludwig Thị Thanh (Wittlich) 20€. Nguyễn Thanh Phương (Memmingen) 30€. Lê Minh Cang (Bad Laer) 20€. Trần Văn Thời (Ingelfingen) 20€. Huỳnh Thị Ngọc Thanh (Dortmund) 20€. Lê Nhất Hiền (Egelsbach) 50€. Trần Thị Khâm (Stuttgart) 20€. Nguyễn Văn Thạch (Plochingen) 20€. Phan Kim Oanh (Sugenheim) 20€. Huỳnh Thoảng (Hamburg) 20€. Đinh Anh Dũng („) 20€. Tôn Nữ & Hà Phước (Hannover) 20€. Lê Văn Yến (Bad Arolsen) 20€.

* Ấn tống

ĐH. Nguyễn Thị Thanh 50€. Huỳnh Thị Thanh Hà (Lindenbreg) 20€. La Hà Sơn (Lahnstein) 65€. Trần Ngọc Ánh 50€. Long Thị Cúc 20€. Lê Hoàng Để (Asbach) 29€. Thu Thảo Rohmann (Osnabrück) 40€. Bích Nga Voigt (Waltershausen) 50€. Như Lộc (Hamburg) 100€. Thiện Phúc (Laatzen) 20€ HHHL Đồng Thoát Lê Vĩnh Thiện.

* Tôn Tượng Quan Âm

Lâm Kim Khánh (M'Gladbach) 270€. Đặng Thị Hằng Teicker (Hannover) 30€. Phạm Văn Khanh 1000€. Nguyễn Minh Diệu (Karlsruhe) 10€. Vũ Văn Phú (Schwetzingen) 20€. Cam Van Lung (Reutlingen) 30€. Lê Thái (Đan Mạch) 25€. Lý Trung Hà (Osnabrück) 20€. Gđ. Phan Văn Hòa, Ngụy Thị Thanh Phượng, Phan Phan Tiến & Phan Ngọc Ánh (Minden) 100€.

* Tu Sửa chùa

ĐH. Nguyễn Thị Thanh 50€. Đỗ Nguyễn Huy Phương (Stuttgart) 20€. Lamberty Lộc (Pforzheim) 200€. Hoa Lê 530€. Nguyễn Thị Thúy Vân 250€. Ludwigs Willi 280€. HL. Nguyễn Kỳ Diện 2000€. CHPT VNTN Nürnberg 100€. Gđ. Tuyên Phượng 100€. Hồ Trâm 200€. Thi Lê 280€. Len Thi Ritchie 100€. Nguyễn Thị Út 285€. Đinh Văn Hiền 100€. Trần Shane Thanh-Bao 250€. Trần Jaden Thanh-Cát 50€. Võ Thị Phúc 30€. Bành Văn Phong (Wiesbaden) 20€. Nguyễn Văn Bông (Karlsruhe) 100€. Lê Thái (Đan Mạch) 25€. Lê Tuấn - Song Thư- (Thụy Sĩ) 100€.

* Tết & Rằm Tháng Giêng

Lê Anh Nguyên (France) 20€. Châu Thị Tám (Koblenz) 50€. Thiện Luận Minh Thảo (Hannover) 10€.

* Đèn Dược Sư

Khúc Chi 15€. Lê Anh Nguyên (France) 10€. Thiện Hằng 10€.

* Trai Tăng

Nguyễn Khắc Lê Chính 20€. Hồ Vĩnh Giang (Laatzen) 50€ HHHL Thiện Nhựt Hồ Robin. Đinh Văn Hiền 200€ HHHL Đinh Văn Chinh.

https://tieulun.hopto.org

* Từ Thiện :

-Cô nhi, Cùi, Mù, Dưỡng Lão:
Nguyễn Thị Thanh 100€. Hoàng Cương Nguyên 40€. Loana Lieu (Berlin) 50€. Trần Thị Kim Anh (Altachs) 30€.
-Giúp người nghèo Ấn Độ: Thiện Vỹ & Thiện Tuệ (Stuttgart) 100€. Thiện Hảo (Koblenz) 50€. Thiện Mỹ Đỗ Thị Thùy Dung (Reutlingen) 300€. Sư Cô Thích Nữ Hạnh Ân (Chùa Viên Giác) 1.000€. Thiện Căn & Diệu Nữ (Springen) 50€. Thiện Hương (Wiesbaden) 30€. Tâm Thảo & Thiện Tuệ (Hannover) 100€.
-Giúp người nghèo: Nguyễn Đào (Wuppertal) 20€. Nguyễn Thị Duyên (Bỉ) 10€. Trinh Thị Hoài Thu 20€. Lê Thái (Đan Mạch) 25€. Thiện Phúc (Laatzen) 25€. Nguyễn Thị Tuyết Mai (Weinbach) 30€.
-Phóng sanh: Đồng Thiện & Diệu Ý 50€. Lâm Kim Khánh (M'Gladbach) 50€.
-Nồi cháo tình thương: Vũ Văn Phú (Schwetzingen) 10€. Nguyễn Thị Duyên (Bỉ) 10€.
-Chương trình mổ mắt tìm lại ánh sáng: France: Fam. Mr. Trolliet Somas Pd Quảng Liên 500€. Fam. Somas Ramalingame 100€. Fam. Somas Krishnamourty 200€. Fam. Somas Rukmany 50€. Fam. Somas Poulouga 50€. Nguyễn Minh Diệu (Karlsruhe) 20€. Loana Lieu (Berlin) 50€.
-Giúp nạn nhân bão lụt miền Trung VN: Nguyễn Thị Thanh 100€. Hội người Việt Odenwald 455€. Phạm Chí Huy 40€. Trần Thị Thu Thảo 60€. Đặng Thị Hằng Teckner 30€. Trần Văn Danh 100€. Lê Hoàng Để (Asbach) 30€. Huỳnh Ái Nhân (Ibbenbüren) 50€. Diệp Thị Sơn (Aalen) 30€. Bùi Ngọc Huệ (Bayreuth) 20€. Phạm Thị Kim Tiên (Essen) 10€. Benjamin Dienter (Recker) 20€. Tuyên Nguyễn (Weißbach) 10€. Hồ Thi Y (Wallerfangen) 50€. Vũ Văn Phú (Schwetzingen) 20€. Nguyễn Minh Diệu (Karlsruhe) 10€. Lê Văn Hiền (Arnstadt) 50€. Lê Thị Ngọc Hân 20€. Đ.Đ. Hạnh Hòa, Sư Cô Hạnh Bình + Thiện Huy, Thiện Hậu, Thiện Đức, Thiện Xuân, Thiện Mỹ, Tâm Hòa và Hữu Hạnh 1.000€. Ẩn danh 1.000€.

* Trung Tâm Nghiên Cứu & Tu Học Viên Giác

Bành Tâm Sơn (Wiesbaden) 20€. Thiện Căn & Diệu Nữ (Springe) 100€. Tâm Thảo & Thiện Tuệ (Hannover) 1.500€. Nguyễn Phi Nga 45,77€. Thiện Ngộ Hường An Hahn (Heo cđ. số 1503) 111,21€. Đức Nhân Phạm Tuấn Việt (Heo cđ. số 977) 59,64€. Tạ Quốc Bảo & Tạ Đào Việt Thắng (Hà Nội / VN) ngụ tại Heiligenstadt 99,50€. Dương Ngọc Sương (Heo công đức) 140€. Chi Hội Phật Tử VNTN Aurich, Norddeich (Heo công đức) 1.000€. Uông Minh Trung (Hannover) (Heo cđ số 888) 100€. Ẩn danh Münster (Heo số 390) 363,17€.

* Học Bổng Tăng Ni :

-Đức: Chung Giang (Künzelsau) 100€ (Hỗ trợ Đồng Ninh).

Ngày..... tháng ..... năm 20 .....

Phiếu ủng hộ báo Viên Giác

Số hiệu độc giả (SH) (1) .....

Họ và tên : .....

Địa chỉ : .....

.....

.....

Điện thoại : .....

Số tiền : .....

Giấy chứng nhận khai thuế : Có ☐ Không ☐

Độc giả mới ☐ Độc giả cũ ☐

Nếu thay đổi địa chỉ nhận báo, xin ghi rõ địa chỉ cũ dưới đây :

.....

.....

.....

Chú ý : Khi chuyển tiền ủng hộ xin quý độc giả ghi rõ tên người nhận báo và Số hiệu độc giả (SH: ...) để chúng tôi dễ dàng điều chỉnh và đối chiếu với danh sách nhận báo.

Congr. d. Ver. Vietn. Buddh. Kirche e.V.
(C.V.B.D.)
Konto Nr. : 870 1633 - BLZ 250 70024
Deutsche Bank Hannover

(Mỗi ngày ngân hàng báo một lần)

-Ấn Độ: Ni Cô Diệu Giới (Áo) 50€. Bành Tâm Sơn (Wiesbaden) 20€. Huệ Tươi (Pháp) 50€.

* Hương Linh Ký Tự

Nguyễn Văn Hùng (Kleinostheim) 75€. HL. Dương Chánh Quân (Cloppenburg) 75€. Nguyễn Văn Cúc (Steinbach) 75€. Nguyện Thị Thủy Chung (Hildesheim) 150€.

TU VIỆN VIÊN ĐỨC

* Tam Bảo

ĐH. Thiện Liên Lâm Thị Maier Kim Loan (Neu Ulm) 40€. Nguyễn Thị Mỹ Hạnh („) 10€. Minh Phát & Diệu Phúc (Freidrichshafen) 50€ (Thọ Bát Quan Trai). Diệu Cúc, Diệu Phúc, Diệu Nghĩa & Diệu Ngọc (Krefeld) 200€. Đồng Hải & Vân Đà 50€. Gđ. Thiện Vân & Quách Văn Khánh 50€. Fam. Phạm Vốn 20€. Huỳnh Thị Đại 50€. Cô Thông Chiếu 50€. Cô Đồng Hương 50€. Trần Văn Huyền (Reutlingen) 20€. Gđ. Quảng Nhựt & Diệu Bảo 50€. Đồng Tụy 30€. HL. Chiêu Thị Xiềm Pd Diệu Phước 100€. Gđ. Lưu Phạm Thanh Đức (Viersen) 50€. Gđ. Đồng Nguyện & Đồng Định 100€. Gđ. Văn Diễn Tuấn (Ulm) 50€. Lưu Giỏi & Trần Huê (Nordhorn) 178€ tiền cắt tóc. Trần Thị Sơn 15€. Trần Thị Thanh Hương (Villingen) 10€. Nguyễn Thị Duyên (Bỉ) 20€. Lê Tuấn -Song Thư- (Thụy Sĩ) 100€.

* Cúng dường để phát hành bánh & thực phẩm

-Ravensburg: Tống Ngọc Thảo 30 bánh chuối.
Österreich: Fink Fabian & Fink Pascal: 88 bánh bao. Nguyễn Arno & Nguyễn Lucia: Chè bắp. La Phi: Cơm rượu, chè đậu trắng và bánh da lợn. Tuấn Chi: Bánh lọt xanh. Đặng Thị Ngọc Dung & Martin: 100 bánh giò. Nguyễn Văn Út: 164 bánh bía sầu riêng. Nguyễn Hoàng Điệp: 30 gói bánh bò & 95 bánh ú.
-Ulm: Lâm Ngọc Điệp: Mắm chay & Bánh da lợn. Nguyễn Tuyết Xinh: 350 bánh cam, 8 kg bánh tiêu & 100 bánh bò. Trần Thị Nở: 215 bánh xu xê.
-Stuttgart: Chiêm Thị Hiền & Thiện Như: 30 bánh trung thu & 100 bánh ú.
-FN: Ong Thị Ten: Bánh cam. Quách Văn Khánh: 10 bao gạo.
Xinh (Diệu Vân): Bánh chuối.

* VU LAN (Viên Đức)

ĐH. Trần Thị Nở (Ulm) 50€. Vũ Kim Trọng (Friedrichshafen) 50€. Thiện Từ 10€. Quảng Thân 30€. Ngô Ánh Kiệt & Trần Ngọc Nhung (Tübingen) 20€. Thiện Lộ („) 20€. Tuyết Nhung 20€. Thiện Đức 20€. Chiêm Thị Hiền & Trần Ngọc Anh 70€. Nguyễn Tấn Thanh & Nguyễn Tấn Hải 20€. Bà Nguyễn Kim Hòa và con Nguyễn Ngọc Tuấn (Langenbach) 25€. Ẩn danh 30€. Một số quý Phật Tử ẩn danh 490€. Dương Vinh 10€. Dương Năm (Tennenbronnn) 10€. Huỳnh Cuội Liễu (Tettnang) 10€. Nguyễn Mạnh Hùng & Trần Thị Bích Thủy (Nonnenhorn) 50€. Nguyễn Thị Kim Thanh (Ulm) 20€. Trần Nữ 15€. Đỗ Văn Lợi (Düsseldorf) 30€. Nguyễn Đức Long & Hà Thị Thanh Bình („) 15€. Gđ. Thiện Đạo („) 30€. Thiện Nhí Nguyễn Thị Gái („) 10€. Nguyễn Đức Lương („) 20€. Quảng Thảo Huỳnh Thị Thao & Nhựt Quang Nguyễn Văn Vân (Köln) 30€. Hoàng Thế Dương & Quách Thị Hằng (Konstanz) 50€. Thiện Giáo Nguyễn Văn Lý 20€. Phạm Văn Hùng (Memmingen) 10€. Gđ. Nguyễn Thị Hải Minh (Lindenberg) 20€. Nguyễn Văn Quý (Viersen) 50€. Huệ Thường 20€. Xa Thanh Quang 30€. Gđ. Cam Kim Hường 10€.

Tượng Quan Âm-Cổng Tam Quan & Đúc Chuông (Viên Đức)

ĐH. Thiện Liên Lâm Thị Maier Kim Loan (Neu Ulm) 10€. Gđ. Lưu Phạm Hương Đức (Viersen) 50€. Tôn Phạm Anh Đào (M'Gladbach) 100€. Gđ. Phạm Nguyễn Tuấn Uyên („) 50€. Thiện Ý Nguyễn Thị Thân (Düsseldorf) 100US. Ẩn danh 500€. Minh Phát & Diệu Phú (Friedrichshafen) 500€. Ẩn danh 490€. Ẩn danh 30€.

*
* *

Định kỳ hàng tháng xây chùa Viên Giác

Khi chuyển tịnh tài cúng Chùa, xin quý vị vui lòng ghi nào nơi (Verwendungszweck = mục đích cho việc gì) để văn phòng dễ làm việc. Quý vị ở xa ngoài nước Đức cũng có thể gửi tiền mặt hoặc Check trong thư, có thể gửi thường hoặc bảo đảm về chùa. Xin thành thật cám ơn quý vị.

Tất cả mọi sự Cúng Dường định kỳ hoặc những lễ lạc khác cho Chùa, quý vị đều có thể lấy Giấy Khai Thuế lại (bằng tiếng Đức) để cuối năm quý vị có thể khai khấu trừ thuế với Chính Phủ. Quý vị nào cần, xin liên lạc về Chùa bằng thư hoặc bằng điện thoại, chúng tôi sẽ gửi giấy đến quý vị.

Quý vị chuyển tịnh tài về Chùa, xin chuyển vào Konto như sau:

1. Congr.d.Verein Vietn.Buddh. Kirche e.V.
Konto Nr. 870 1633 - BLZ 250 700 24
Deutsche Bank Hannover
(Mỗi ngày ngân hàng báo một lần)

2. Pagode Vien Giac
Konto Nr. 870 3449 - BLZ 250 700 24
Deutsche Bank Hannover
(Một tháng ngân hàng báo một lần)

Quý vị ở ngoài nước Đức xin chuyển vào Konto như sau:

3. Congr.d.Verein Vietn.Buddh.Kirche e.V
BIC: DEUTDEDBHAN
IBAN: DE 22 2507 0024 0870 1633 00
Deutsche Bank Hannover – Germany

Ngoài ra Tu Viện Viên Đức ở Ravensburg có số Konto như sau:

4. Tu Viện Viên Đức
Konto Nr. 111 30 20 68 - BLZ 650 501 10
Kreissparkasse Ravensburg

Ngôi Chùa thành tựu và phát triển được hay không là nhờ vào sự hỗ trợ từ vật lực cũng như tinh thần của quý Đạo Hữu và Phật Tử xa gần. Vì thế chúng tôi xin kêu gọi quý vị hoan hỷ đóng góp phần mình vào việc chung trên để ước nguyện của chúng ta thành tựu viên mãn.

Nam Mô Công Đức Lâm Bồ Tát Ma Ha Tát

https://tieulun.hopto.org

VIÊN GIÁC

TẠP CHÍ CỦA KIỀU BÀO
VÀ PHẬT TỬ VIỆT NAM TỴ NẠN
TẠI CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC

Zeitschrift der Vietnamesen und Buddhistischen Vietnam-Flüchtlinge in der Bundesrepublik Deutschland

CHỦ TRƯƠNG (HERAUSGEBER)

Congr. d. Verein Vietn. Buddh. Kirche e. V.
Karlsruher Str.6 - 30519 Hannover - Deutschland

SÁNG LẬP CHỦ NHIỆM

Hòa Thượng Thích Như Điển

CHỦ BÚT

Phù Vân Nguyễn Hòa

QUẢN LÝ TÒA SOẠN

Thị Tâm Ngô Văn Phát

BAN BIÊN TẬP & CỘNG SỰ VIÊN

HT.Thích Như Điển - Đan Hà - Quỳnh Hoa - Từ Hùng Trần Phong Lưu - Phan Ngọc - Hồng Nhiên - Thiện Căn Phạm Hồng Sáu - Thị Tâm - Phù Vân - Trương Ngọc Thanh - Lê Ngọc Châu. Dr. Tôn Thất Hứa.

❁

Tùy Anh (Đức) - Người Giám Biên (Đức) - Đông Phương Mai Lý Cang (Pháp) - Trần Thị Hương Cau (Đức) - Trần Thị Nhật Hưng (Thụy Sĩ) - Lê Doãn Kim (Mỹ). Vi Vi Võ Hùng Kiệt (Mỹ) - Dr. Thái Văn Kiểm (Pháp) - Vũ Nam (Đức) - Lê Thị Bạch Nga (Canada) - Tuệ Nga (Hoa Kỳ) - Phan Hưng Nhơn (Đức) – Sư Huynh Hà Đậu Đồng (Đức) - Nhựt Trọng Tần Văn Minh (Đức) – Nguyên Hạnh HTD (Đức) – Hoa Lan (Đức) - Vân Nương LNC (Pháp) - TS. Lâm Như Tạng (Úc) - Đoàn Văn Thông (Hoa Kỳ) - Nguyễn Thùy (Pháp) - Trần Thế Thi (Đức) - Nguyễn Quý Đại (Đức) - Huỳnh Ngọc Nga (Ý) – Thi Thi Hồng Ngọc (Đức) – Cư sĩ Liễu Pháp (Hoa Kỳ)

KỸ THUẬT ẤN LOÁT (Layout)

Trung Tâm VHXHPGVNTN tại CHLB Đức

CÙNG SỰ CỘNG TÁC CỦA (Mitwirkung von)

Hội Phật Tử VNTN tại Cộng Hòa Liên Bang Đức
Vereinigung der Buddhistische-Vietnamflüchtlinge i. d. BRD

TÒA SOẠN

Trung Tâm VHXHPGVNTN tại CHLB Đức
Vietnamesisch-Buddhistisches Sozio-Kulturzentrum i. d. BRD
c/o Chùa Viên Giác
Karlsruher Str.6 - 30519 Hannover
Tel. 0511 - 87 96 30 . Fax : 0511 - 87 90 963
Homepage: http://www.viengiac.de
E-mail : viengiactu@viengiac.de
E-mail : baoviengiac@viengiac.de
E-mail : phuvan@viengiac.de

VIEN GIAC erscheint 6 mal jährlich

- Viên Giác phát hành mỗi 2 tháng vào những tháng chẵn. Nhằm mục đích phục vụ lợi ích cộng đồng người Việt tỵ nạn tại Đức Quốc trên mọi mặt.
- Viên Giác bảo tồn và phát huy truyền thống Văn Hóa Phật Giáo và Dân Tộc Việt bên cạnh những sinh hoạt Tôn Giáo, Xã Hội hoàn toàn không có tính cách thương mại, tuy nhiên mọi ủng hộ qua hình thức cúng dường. Viên Giác xin chân thành cảm tạ.
- Ủng hộ hiện kim cho Viên Giác. Quý vị sẽ nhận được biên nhận theo sự yêu cầu để làm đơn xin quân bình thuế lương bổng hoặc lợi tức hằng năm.
- Những tư tưởng của tác giả được đăng và trích đăng trên báo Viên Giác không nhất thiết là lập trường của tờ báo và Ban Biên Tập. Tác giả chịu hoàn toàn trách nhiệm về nội dung bài viết của mình.

Congr. d. Verein Vietn. Buddh. Kirche e.V
Konto Nr. 870 16 33 - BLZ 250 700 24
Deutsche Bank Hannover

Ngoài nước Đức gửi qua trương mục
Congr. d. Verein Vietn. Buddh. Kirche e.V.
Bic : DEUTDEDBHAN
IBAN : DE 22 2507 0024 0870 1633 00
Deutsche Bank Hannover

Mục lục

	Trang
- Chúc Mừng Năm Mới	1
- Thư tòa soạn	2
• Tôn giáo	
- Vài nét về Y tế của dân chúng Tây Tạng (Ht. Thích Trí Chơn)	4
- Đại học Na lan Đà đang hồi sinh từ đống tro tàn (Hoang Phong)	6
- Cái Ta lăng xăng gây ra đau khổ (Đoàn Văn Thông)	11
- Sắc Không - Không Sắc (Đỗ Quế Chi)	14
- Tìm hiểu về 7 vọng tâm trong kinh Lăng Nghiêm (Bùi Thế Trường)	16
- Vua Milinda vấn đạo (Cư sĩ Liễu Pháp)	21
- Bản Giác (Lâm Như Tạng)	24
- Chữ Không trong Đạo Phật (Trịnh Khải)	27
• Chủ đề - Văn Học - Nghệ Thuật	
- Sớ Táo Quân (Trần Thế Thi)	34
- Năm mới Tân Mão 2011 lành hay dữ... (Ngô Quốc Phong)	38
- Năm Mẹo kể chuyện Mèo (Hàn Lâm Nguyễn Phú Thứ)	40
- Năm Tân Mão phiếm luận về Mèo (Phan Hưng Nhơn)	45
- Mèo hàng xóm (Nguyễn Thượng Chánh, DVM)	47
- Năm Mẹo nói chuyện Mèo (Thị Tâm Ngô Văn Phát)	49
- Linh Miêu, Sơn Miêu, Mèo Rừng (Từ Hùng)	52
- Thiên thời, Địa lợi, Nhân hòa (Thích Như Điển)	55
- Nhận thức về một số suy luận văn hóa (Phan Hưng Nhơn)	59
- Những nét đặc thù trong văn hóa miền Bắc (Thái Công Tụng)	61
- Thương nhớ Tây Ninh tỉnh lẻ biên thùy (An Tiêm Mai Lý Cang)	65
- Con Mèo Thanh Hà (Trần Thị Nhật Hưng)	71
- Đứa em hiếu thảo (Trần Ngân Tiêu)	75
- Đòi nợ cuối năm (Song Thư TTH)	77
- Ông Năm Từ (Tiểu Tử)	81
- Hương Xưa (Nguyên Hạnh HTD)	89
- Quê hương và đường về (Phạm Hồng Sáu)	91
- Đám cháy đầu Xuân (Võ Phước Hiếu)	93
- Cõi luân hồi (Trang Hạ dịch)	100
- Tình người như mùa xuân (Trần Trung Đạo)	106
- Quan Âm tóc rối (Hư Thân Huỳnh Trung Chánh)	108
- Già ơi chào mi! (Nguyễn Văn Sở)	115
- Nhật Bản mở, Việt Nam đóng (Trần Đức Hân)	118
- Hiệp định Genève - phần 2 (Trần Gia Phụng)	122
- Đại hội Thế giới VBQT lên án Hà Nội .... (Nguyên Hoàng Bảo Việt)	126
- Đại hội 1000 năm Thăng Long qua nhận xét giới Blogger (Gia Minh)	129
- Tổng hội HO tường trình bốc mộ tử sĩ VNCH (Nguyễn Đạc Thành)	131
- Đọc "Bóng mây dĩ vãng" của Trần Đỗ Cung (Đào Vũ Anh Hùng)	135
- Đọc "Trầm Hương" thi tập của Song Thu (Đan Hà)	136
• Y dược thường thức	
- Kỷ niệm 125 năm bác học Pasteur và chó dại (Dr.Tôn-Thất Hứa)	139
- Bệnh già và bệnh Alzheimer- Mèo và bệnh Toxoplasmo (Quỳnh Hoa)	143
• Tin Phật sự - Tin tức + Thông báo + Tìm thân nhân	144+150
- Bảng danh dự tưởng thưởng cho ngoại kiều	148
• Tin Sinh Hoạt Cộng Đồng : Thông báo, nhắn tin, tìm thân nhân (Viên Giác)	80+151
• Tin Việt Nam (Viên Giác)	156
• Tin tức nước Đức (Lê Ngọc Châu)	161
• Tin thế giới (Phan Ngọc)	164
• Giới thiệu kinh sách mới (Cư sĩ Liễu Pháp)	172
• Hộp thư Viên Giác	134
• Phân ưu – Cáo phó - Cảm tạ	117+155+174
• Phương danh cúng dường	177

• **Thơ :** 5.- *Lãng đảng hương mùa xưa* (Tuệ Nga). 20.- *Chiều xuân nhớ về* (Đan Hà). 23.- *Chút ý nhìn xuân* (thylanthao); 26.- *Đường hoa* (Lâm Như Tạng). 44.- *Em về bên ấy xuân này* (Nguyễn Song Anh). 51.- *Mẹ Việt Nam* (Chúc Anh). 58.- *Điệp khúc giao mùa* (Nghiêu Minh). 60.- *Nghe mùa chuyển hướng* (Hồ Trọng Khôi). 70.- *Biết đến bao giờ* (Nguyễn Phan Ngọc An). 105.- *Chiều cô lữ* (Hàn Thiên Lương). 159.- *Đêm tái ngộ còn chút hương bàng bạc* (Phương Nam).

• **Hình bìa :** Tranh Xuân của Trần Thị Hương Cau (Celle/Đức)

• **Cáo lỗi** : Vì số trang báo có giới hạn nên các bài của quý văn thi hữu gửi đến và mục phương danh cúng dường không thể đăng hết trong kỳ nầy được. Chúng tôi sẽ lần lượt tiếp tục đăng trong các kỳ báo tới. Xin thành thật cáo lỗi cùng quý vị.

- Báo Viên Giác -

https://tieulun.hopto.org

Thông dịch và Phiên dịch viên hữu thệ
Dipl.- Ing. Trần Hữu Lộc

Cộng tác viên độc lập và thường trực từ nhiều năm nay của các văn phòng Luật sư chuyên về tị nạn, quyền cư trú, nhập tịch, hình sự... có uy tín từ nhiều năm nay và có nhiều thân chủ người Việt.

NHẬN :

► Dịch tại các Cơ quan, Luật sư, thi lý thuyết lái xe tại các **TÜV**.
► Dịch các văn kiện **Đức - Việt mỗi trang 15,-Euro**, dịch và hoàn lại từ **2 - 5 ngày** sau khi nhận. ► Xin gửi kèm lệ phí trước trong thư thường (không gửi theo lối bảo đảm). ► Xin chỉ gửi bản phóng ảnh (không gửi kèm bản chính. ► Không nhận dịch những văn kiện không kèm đủ lệ phí. ► Xin liên lạc trước bằng điện thoại khi muốn dịch bài báo và hồ sơ tị nạn.
► Xin ghi rõ họ tên, địa chỉ, điện thoại trong thư. Xin ghi rõ lại trong một tờ giấy rời kèm theo các chi tiết nếu bản phóng ảnh không rõ.

Mọi chi tiết xin liên lạc về :
Trần Hữu Lộc
C/o MAI TRAN
Soyerhofstrasse 10 81547 München
Handy : 0172 - 76 50 135

6852

Phiên dịch & Thông dịch viên hữu thệ

- Phiên dịch các văn kiện, giấy tờ từ Đức, Anh, Pháp ngữ sang Việt Ngữ hoặc ngược lại. Thời gian **1 - 2 ngày**.
- Lệ phí 15,-€ cho giấy nhập tịch, khai sanh, hôn thú, bằng lái xe, CN độc thân, CN gửi tiền về VN để xin thuế.
- Lệ phí 25,-€ /trang cho các văn kiện tiếng Anh, Pháp.
- Thông dịch thi lái xe, dịch tại Luật sư, Notar. Standesamt, các cơ quan v.v...
- Khai thuế, xin thuế và tính kết quả.
- Lo thủ tục nhập tịch, thôi tịch, bảo lãnh, xin lại tiền hưu trí cho các trường hợp về nước hay đi nước khác.

Mọi chi tiết xin liên lạc : **Dipl. Ing. MAI BÁ LONG**
Postfach 420 220 D-65103 Wiesbaden
Tel. & Fax : 0700 - 14 9999 14
Handy : **0170 461 5854**. Email : **balongkh@yahoo.de**

2570

Thông dịch & Phiên dịch viên hữu thệ
(Nhiều năm kinh nghiệm trong nghề)
Dipl. Sozialpäd. HỒ TRÂM

Alter Post Weg 95 F. 21075 Hamburg.
Tel. : 040 - 653 898 26. Fax : 040 - 654 92 632

► Nhận dịch các văn kiện giấy tờ từ tiếng Đức sang tiếng Việt và ngược lại.
► Lệ phí cho mỗi tờ (như khai sinh, hôn thú, chứng nhận độc thân, bằng lái xe, bằng cấp, giấy cho nhập quốc tịch ...) là **10 Euro + Tem**

5233-178183

Thông dịch & Phiên dịch viên hữu thệ

LƯU DŨNG . Hannoverschestr.123
37077 Göttingen.
Tel. & Fax: 0551 - 30 09 50. Email: Luusbuero@aol.com
Tel. : 0551 - 37 89 52. Handy : 0160 - 95719633

- Cộng tác viên độc lập tại các văn phòng Luật sư chuyên về tị nạn và luật ngoại kiều.
- Phát hành sách:"Đề Thi Xin Nhập Quốc Tịch Đức" (Einbuergerungs-test, và " Tuyển Tập Các Bài Thi Lý Thuyết Bằng Lái Xe Đức, Song Ngữ Việt Đức, giá cả phải chăng.
- Nhận phiên dịch nhanh chóng giấy tờ văn kiện các thứ tiếng (Anh, Pháp, Hoa, Tiệp,...) Giá mỗi trang phiên dịch Việt Đức là **13 Euro**, dịch sang tiếng Anh, Pháp là **23,- Euro**. Dịch nhiều sẽ có giá đặc biệt.
- Thực hiện các đơn từ trên mọi lĩnh vực, nhận dịch miệng các thư của cơ quan công quyền từ tiếng Đức sang tiếng Việt.
- Khai thuế cuối năm. ▪ Thông dịch tại Tòa Án, Luật Sư, các Công sở, Bệnh viện... Xin điện thoại liên hệ trước.

2630-175 180

Phiên dịch và Thông dịch viên hữu thệ

Dipl. Math. Trần Mạnh Thắng
Nhiều năm kinh nghiệm, đã từng dịch tại các Tòa Thượng Thẩm (OVG) Lüneburg, Magdeburg ...

NHẬN

- Dịch các văn kiện Việt Đức - Đức Việt.
- Thời gian dịch tối đa 2 ngày sau khi nhận (trong các dịp học sinh nghỉ xin liên lạc điện thoại trước). Chỉ cần bản phóng ảnh (xin ghi rõ những chữ bị mờ). Lệ phí **10 Euro + tem** cho các giấy tờ có mẫu sẵn và **15 Euro + tem** cho các giấy tờ khác và xin gửi kèm trong thư.

Mọi chi tiết xin liên lạc về : Trần Mạnh Thắng
Sohldfeld 235. 31139 Hildesheim. Tel. 05121 - 51 99 91

162-174179

Phiên dịch Lê Nguyên

Hữu thệ - Nhanh - Chính xác
Hơn 39 năm kinh nghiệm tại Đức
Lệ phí Đức Việt : 10,/trang + tem 1,45
Anh-Pháp-Nga-Tiệp v.v xin Tel. hỏi giá

LS bảo vệ Opfermann : 0621-40 49 25
Xin tự liên lạc trực tiếp với LS trước

Postfach 1262 Tel. : 0178-5110892
68502 Viernheim 06204-986211
PhienDich_LeNguyen@yahoo.de

6325-170178

VĂN PHÒNG LUẬT SƯ STURM

ở vùng **Stuttgart**

Chuyên cố vấn và tranh tụng:

- **Tất cả các vấn đề cho các công ty lớn và nhỏ**
- **Đoàn tụ và bảo lãnh người thân**
- **Định cư và gia nhập quốc tịch**

Hofweg 20 71640 Ludwigsburg
Tel.: 07141 290623 Fax: 07141 2982823

Liên hệ bằng tiếng Việt với cô Lê Thị Hồng Vi

www.rechtsanwaltsturm.de - info@rechtsanwaltsturm.de

6829-179184

Văn phòng Luật Sư
Hà Huỳnh

- Cố vấn cho các công ty và cơ sở thương mại trong việc thực hiện các hợp đồng.
- Cố vấn về luật hôn nhân, gia đình
- Cố vấn về luật giao thông: các vi phạm và tai nạn giao thông
- Cố vấn việc tranh tụng các vi phạm về hình luật.

Tel. : (0211) 164 66 12 Klosterstrasse 82 .
Fax : (0211) 164 66 41 40211 Düsseldorf
Email : rechtsanwaeltin_huynh@ddorf.net
www.huynh-kanzlei.de

6672-177182

https://tieulun.hopto.org